NGUYỄN XUÂN KHÁNH

Mắt Thượng Ngàn

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

NGUYỄN XUÂN KHÁNH

Mặt thượng ngàn

TIỂU THUYẾT

(In lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Cô Chín ngự đồng dệt gấm thêu hoa
Thêu non, thêu nước, cô thêu ra đôi rồng chầu

(VĂN CÔ CHÍN)

Đẹp lạ đẹp lùng...
Rõ ràng cô Chín trong đền Sòng cô giá lâm

(VĂN CÔ CHÍN)

I

NGƯỜI TRỞ VỀ

1

Người đàn ông đã đứng tuổi, mặc bộ quần áo nâu bạc phếch, vai đeo cái đẫy cũng bằng vải nâu trên có những miếng vá bằng vải đen, đang rảo bước trên con đường đá gan gà chạy dọc theo chân một dãy đồi. Những quả đồi thấp như bát úp, cây cối rậm rịt tạo thành một khu rừng tạp xanh tốt. Có những cây cao đầu phủ dây tơ hồng như đội mớ tóc giả màu vàng nuột nà; đám tơ hồng được ánh sáng chiều chiếu vàng, chúng như những cái đầu hãnh diện rung rinh để làm duyên cho khu rừng.

Người đàn ông dáng nôn nóng, hối hả, không giấu được vẻ háo hức, sung sướng khi ngắm cánh rừng và nhất là khi ngắm cái hồ lớn xanh ngắt nằm giữa vòng vây của núi đồi. Cái hồ xanh lục, như một tấm gương trời bao la, thu hình những ngọn đồi, những cánh rừng xung quanh, in bóng cả những cánh chim trời thỉnh thoảng lại xáo xác vỗ cánh bay vút lên từ một đám lau sậy ven hồ; chúng lượn vòng, lặng im không vỗ cánh, nương theo gió mà nghiêng nghiêng đầu, chăm chăm nhìn làn nước xanh như thể muốn tự chiêm ngưỡng cái dáng thon thả và bộ lông màu trắng duyên dáng và tinh khiết thêm cái mào đỏ rực rỡ của mình. Người dân ở đây bảo đó là loài hạc quý chẳng biết có đúng hay không.

Một cô gái chừng mười ba tuổi, váy đen, áo nâu, vấn khăn còn vụng để tóc lõa xõa trước mặt. Cô đi sau người đàn ông, vai quẩy chiếc đòn gánh ở hai đầu là hai chiếc bị rách. Cô gái kêu lên:

- Thầy ơi! Nghỉ lát đã, con mỏi chân lắm rồi.

Người đàn ông tóc hoa râm dừng chân lại, hiền từ nhìn con gái. Hai cha con ngồi bệt xuống vệ cỏ, mắt nhìn ra hồ.

- Đã về đến quê rồi hả thầy? - Cô con gái hỏi.

- Đã hai chục năm rồi, nhưng cảnh chẳng khác xưa mấy tí. Hồ này tên là hồ Huyền vì nước sâu màu đen. Tuy thế nhưng nước trong lắm. Ở phía Tây hồ có con sông, hồ thông với sông. Sang bên kia sông, ngọn núi phía đầu dòng là núi Mẫu, trên đó có đền thiêng. Ngọn núi phía dưới dòng là núi Đùng, ở đó có nhiều chuyện lạ.

Người cha như hồi tưởng, cố lục tìm trong trí nhớ để kể cho con gái nghe về vùng quê cha đất tổ.

- Thế còn làng mình...

- Nó ở gần cửa sông, đi khỏi cánh rừng này thì đến. Các cụ già có chữ gọi nó là làng Cổ Đình. Còn dân thì vẫn gọi nó là làng Kẻ Đình.

- Kẻ Đình là gì hả thầy?

- Ông nội bảo làng này, ngày xưa, toàn con cháu họ Đinh. Có người bảo họ Đinh từ Ninh Bình ra. Thấy nơi đây đất lành chim đậu, nên dừng chân lập làng, lập ấp. Lại cũng có người nói rằng họ Đinh từ phía Hòa Bình xuôi xuống, vậy là gốc Mường. Cổ Đình nằm giữa vùng đồi núi và vùng đồng bằng.

Cô gái ngây thơ mỉm cười:

- Vậy, gia đình ta gốc ở đất Mường.

Người đàn ông sờ tay lên khuôn mặt, ra chiều suy nghĩ. Lúc này, mới nhìn rõ gương mặt của ông ta. Một nửa gương mặt đẹp, một nửa xấu xí. Phía đẹp là phía trái, với con mắt rất sắc; cái mũi vừa phải, thẳng và thanh tú; gò má xương xương khắc khổ; cuối cùng là một nửa đôi môi mỏng, hơi mím lại, chứng tỏ một trí lực bén nhạy và điềm tĩnh quyết đoán. Còn nửa phía phải? Nửa gương mặt ấy ai mới nhìn đều thấy sợ. Nửa gương mặt ấy là một vết sẹo to và đỏ. Vết sẹo do bị bỏng thì phải. Vết sẹo khi lành đã co kéo làm biến dạng khuôn mặt. Nó kéo khóe môi phải nhếch lên; nó làm cho mi mắt phải không khép lại được, làm cho con mắt ấy luôn luôn mở trừng trừng, thức cũng như ngủ. Hình như người đàn ông cũng ý thức được ý nghĩa của hai nửa mặt của mình nên khi nói chuyện với con, ông luôn ngồi ở chỗ để cho cô bé, khi nhìn ông, luôn chỉ thấy phần bên trái đẹp đẽ của gương mặt mình.

Còn cô con gái, sau khi đã đỡ mệt, cô đứng lên, chạy qua bãi cỏ rộng, ra hồ nước. Cô bé như con nai tơ mới lớn. Tuy rách rưới và có vẻ lam lũ, nhưng dáng cô bé chạy thật là yểu điệu. Đôi tay vung vẩy nhẹ nhàng, đôi chân nhún nhảy kín đáo dịu dàng. Tay trái cô đặt trước bụng giữ tấm áo, thân hình cô đung đưa thật duyên dáng.

Đến hôm nay, người cha mới chú ý đến cái dáng vẻ của cô con gái. Cô bé đã lớn bổng lên từ lúc nào mà ông chẳng hay. Cô đã thành thiếu nữ từ bao giờ mà ông không biết. Ông chợt thấy bàng hoàng trong tâm khảm: "Trời ơi! Sao con bé, khi chạy, lại giống mẹ nó đến thế". Cô gái đã chạy tới mép nước. Nước xâm xấp ngọn cỏ.

Nước từ gót son của cô gái long lanh bắn tóe lên. Cô gái cười với nước. Tiếng cười lanh canh giòn như pha lê. "Trời ơi! Cả đến tiếng cười của nó nữa! Y hệt giọng cười của mẹ". Cứ như thể cô Thắm, người vợ quá cố của ông đang hiện hình về ngay trước mắt ông. Cứ như thể ông nghe thấy tiếng hát trong veo của nàng đang lượn lờ trong không trung. Ông bắc tay làm loa gọi với theo:

- Con chú ý kẻo sa xuống chỗ nước sâu.

Người đàn ông đó tên là Phác, Hai Phác, con cụ đồ Tiết. Cụ Tiết có hai người con trai: nhớn là Chất, em là Phác.

Cuối thế kỷ mười chín, đầu thế kỷ hai mươi, các cuộc nổi dậy chống Pháp sau thời kỳ Cần Vương vẫn mọc lên như nấm. Ngoài những cuộc khởi nghĩa danh tiếng như Đề Thám, Đốc Ngữ còn có nhiều cuộc khác cũng tự xưng là ông Đốc, ông Đề, ông Đội, v.v... Ở vùng Cổ Đình có người học trò tên là Nghĩa cũng dấy binh phá đồn phủ, nên cũng được dân tôn xưng là ông Đề Nghĩa. Nghe nói lúc còn nhỏ, Nghĩa theo cụ đồ Tiết học chữ thánh hiền. Chất và Phác thuộc lớp em út của Nghĩa. Nghĩa đã ngoài bốn mươi, còn Chất, Phác ở dưới tuổi hai mươi. Là nhà nho lúc nào cũng canh cánh cái nhục mất nước, nên cụ đồ Tiết khi thấy anh học trò lớn dấy binh, liền trao luôn hai đứa con trai của mình đi theo Đề Nghĩa. Quân lính của Đề Nghĩa chưa đến một trăm tay súng, còn lại toàn đao kiếm cả. Họ đánh trận phục kích giặc đi tuần, đột hiện tấn công đồn, dùng chiến thuật thoắt hiện thoắt biến, thường bất ngờ đánh vào những chỗ yếu của địch. Nghĩa quân hoạt động suốt một dải rộng lớn gồm Sơn Tây, Phú Thọ, Hòa Bình, rồi có lúc vào tới cả Thanh Hóa. Cũng có một vài trận thắng giòn giã như trận đánh đồn

chợ Sơn, tên quan hai khố xanh tên là Ferray bị nghĩa quân vây bức phải trốn chạy bằng thuyền, rồi phó mặc cho dòng nước sông Đà hung dữ cuốn đi, may mà thoát chết. Đánh nhau suốt ba năm ròng. Lúc đầu, nghĩa quân còn khỏe, còn hăng, lại luôn thắng trận nên phấn khởi lắm. Nhưng về sau, quân Pháp rút kinh nghiệm, không dàn quân nhỏ lẻ nữa, mà co cụm lại thành đồn lớn, sức nghĩa quân không đủ mạnh để phá. Trong khi ấy, Pháp cho ba tiểu đoàn càn quét săn đuổi. Chạy liên miên, đói khát liên miên sau đó bệnh tật sinh ra. Cuối cùng, nghĩa quân phải rút vào Thanh Hóa. Lúc khởi binh, chừng hai trăm quân; lúc bị bao vây không có lương mà ăn, chỉ còn vài chục người. Ông Đề Nghĩa biết mình khó trụ vững, liền tập hợp những nghĩa sĩ cuối cùng của mình lại và nói rằng:

"Trời đã chẳng giúp chúng ta. Đề Nghĩa này đã hết lòng tận trung với nước, nay đã sức cùng lực kiệt.

Một lạy này, Nghĩa xin gửi tới non sông.

Còn một lạy này, Nghĩa xin gửi tới anh em để tỏ lòng biết ơn những người bạn đã chung lưng đấu cật, sống chết có nhau, cùng trải qua những lúc nằm gai nếm mật.

Ta thẹn vì nỗi tài hèn nên đã để anh em lâm vào bước đường cùng. Nhưng, ta chẳng muốn để anh em cùng ta đi vào chỗ diệt vong.

Hãy nuốt nước mắt. Hãy nuốt mối hận thù vong quốc vào tận đáy lòng. Hãy đi về nơi thôn ổ, hoặc vào chốn thâm sơn cùng cốc, rồi mai danh ẩn tích, mà đợi thời vùng dậy.

Nếu bản thân cũng sức tàn lực kiệt, không làm gì nổi nữa, thì hãy dạy con, dạy cháu, chớ bao giờ được quên nỗi quốc sỉ này...".

Vài chục nghĩa sĩ cuối cùng đã im phăng phắc nghe những lời nói của Đề Nghĩa. Họ đã vâng theo lời chủ tướng, thay hình đổi dạng, chia tay nhau mỗi người mỗi ngả. Họ đã trèo đèo lội suối vào những bản rừng xa xôi chẳng ai đặt chân tới, cũng có người lẩn vào đám dân manh lệ, những kẻ lang thang đói khát mà vào thời đại loạn ấy rất nhiều. Nhờ sự kịp thời của chủ tướng nên phần đông trốn thoát.

Còn Đề Nghĩa, ông bị sốt rét chết trong rừng sâu. Bọn tay sai cắt đầu ông, nộp cho Tây lấy thưởng.

Trong đám tàn quân lưu vong ấy, có mặt hai anh em Chất và Phác.

Chất bảo em:

- Anh là con cả, cần phải quanh quẩn gần quê, để còn có thể biết tin tức cha già và báo hiếu cho cha. Còn em là con thứ, lại là người tài hoa, lại nhân tai nạn mà biến đổi khuôn mặt. Vậy, hãy trốn chạy thật xa, thay họ đổi tên, lấy vợ đẻ con, để mai sau lỡ ra anh gặp điều chẳng may, thì còn có em để tiếp nối huyết thống dòng họ Đinh nhà ta.

2

Người em đi về vùng Sơn Nam, đổi tên là Trịnh Huyền. Chữ Trịnh gần âm với chữ Đinh, chữ Huyền lấy từ cái tên hồ Huyền quê nhà.

Huyền đi theo phường gặt, lạc về một vùng chiêm trũng, đi từ làng này sang làng khác. Làm đủ mọi nghề.

Lúc thì làm thợ đá nung vôi; lúc thì làm chân gánh vã thuê; có lúc làm thợ cày, thợ gặt. Mãi vẫn chẳng tìm được chốn đậu chân lâu dài.

Một bận, anh phiêu bạt đến làng Lê Xá. Đó là một hòn đảo xanh um, nằm bơ vơ giữa cánh đồng chiêm bao la, giữa biển nước mênh mông trắng xóa.

*

* *

Trịnh Huyền đến Lê Xá vào một ngày đông. Chợt anh cảm thấy nao nao trong dạ, vì ngôi làng sao vắng lặng đến thế, sao như rầu rĩ đến thế. Chó cũng chẳng buồn sủa, khi anh là người lạ đi qua ngõ. Một chú gà trống choai, dáng rất hăng vì có mấy ả mái tơ đang bới rác dưới chân cây rơm, nó nhảy phóc lên đỉnh đống rơm, vươn cổ hình như đang định khoe tiếng, song chẳng thấy có ai chú ý, cả mấy ả gà mái mỡ màng cũng lỉnh ra gốc khế ngoài vườn. Chú gà choai đã vươn cổ ra nhưng thấy mình lạc điệu quá, nên nó lại rụt cổ về dáng ngơ ngơ ngác ngác, rồi vội vàng tụt xuống đất lủi thủi chuồn ra sau bếp.

Không khí gì mà lạ vậy? Thấy một bà lão đang bế cháu dưới rặng tre, Huyền lễ phép hỏi:

- Chúng cháu là người lạ nơi khác đến làng ta tìm việc. Chúng cháu đều là người khỏe mạnh tử tế. Việc gì chúng cháu cũng xin làm.

Bà cụ già một tay bế cháu, một tay xua xua:

- Các bác đến nơi khác mà tìm việc. Làng tôi đang có chuyện buồn.

- Dạ, xin cụ cứ cho biết rõ. Chẳng hiểu có chuyện gì? May ra chúng cháu giúp được thì sao.

Bà cụ ngồi xuống chiếc ghế con, đặt cháu vào manh chiếu, tìm miếng trầu ở túi rồi đủng đỉnh kể:

- Chả là làng tôi chỉ có một họ: họ Lê. Tối hôm qua bà trưởng Kiên, vợ ông trưởng họ qua đời. Ông trưởng họ là người tài hoa, đánh đàn giỏi lắm. Bạn ông Kiên là ông phó Kèn, thổi kèn đám ma hay lắm. Chẳng may ông phó Kèn chết đã gần năm nay. Thế là chẳng có ai thổi kèn đưa bà Kiên ra đồng cả. Lên làng Thượng cầu cứu thì ông thợ kèn trên ấy lại đi làm ăn xa chưa về. Mà bà trưởng Kiên xưa kia lấy ông Kiên cũng chỉ vì mê tiếng đàn của ông ấy. Bà Kiên vừa hát hay vừa đẹp gái nhất làng. Chẳng lẽ người như bà ấy mà chết đi lại chết thầm không kèn không trống. Chính vì cái nhẽ đó nên ông trưởng Kiên suốt từ sáng đến giờ cứ nằm sườn sượt bên áo quan bà vợ, chẳng thiết ăn thiết uống gì nữa. Bác tính xem thế có khổ cho cả họ, cả làng chúng tôi không. Làm thì khối chân khối tay ra đấy, nhưng bảo thổi kèn thì ai ai cũng chịu.

Mặt Trịnh Huyền tươi tỉnh hẳn lên:

- Thưa cụ, tưởng chuyện gì chứ chuyện ấy thì cháu làm được.

- Thế ra anh biết thổi kèn? Quý hóa quá!

Bà cụ vội bế đứa bé lên, cầm lấy tay Huyền dắt đi:

- Anh đi ngay với tôi đến nhà ông trưởng Kiên. Tôi là chị gái ông ấy đấy. Còn con bé này là cháu ngoại ông Kiên...

Bà cụ gọi tướng lên từ cái ngõ tre:

- Ông Kiên ơi! Thôi dậy đi! Có người giúp được rồi.

Chiếc quan tài kê ở gian giữa căn nhà gỗ. Một ông già râu bạc nằm thượt ở chiếc phản kê ở gian bên cạnh, tay

vắt lên trán. Một cô gái và một cậu con trai ngồi xệp xuống đất cạnh chiếc quan tài, tay ôm mặt, tỉ tỉ khóc:

- Bu ơi là bu ơi!

Bà cụ bảo:

- Thôi, đừng khóc nữa. Có thợ thổi kèn đây rồi.

Ông già Kiên ngồi dậy ra tiếp khách. Ông cụ mời Huyền ngồi lên phản, nhìn anh từ đầu đến chân, ra chiều còn nghi ngờ. Ông hỏi:

- Bác là người vùng nào? Tôi nghe giọng bác không phải người Sơn Nam.

- Dạ, cháu là người xứ Đoài, gia cảnh nghèo túng nên đi lưu lạc kiếm ăn.

Trịnh Huyền nhìn cây đàn nguyệt treo trên vách, rồi lại nhìn vào đôi mắt còn như bán tín bán nghi của ông già. Anh thành thật nói:

- Cháu vốn không phải là người chuyên thổi kèn, nhưng hồi nhỏ vốn tính ham chơi mọi thứ nên đã có lúc đi theo các cụ hội hiếu. Cụ trùm hội bảo cháu hơi dài nên dạy thổi kèn. Nhưng thú thực với cụ là đã lâu lắm rồi cháu không thổi... chắc thổi sẽ còn loạc choạc lắm.

Cụ trưởng Kiên ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi:

- Anh còn nhớ điệu Lâm Khốc chứ?

- Dạ cháu còn nhớ.

- Thế Lưu Thủy, Hành Vân?

- Dạ thưa cụ đám hiếu sao cụ lại nói đến Lưu Thủy, Hành Vân?

- Là thế này, bà lão nhà tôi hơn tôi hai tuổi. Tôi sáu mươi chín, tức là bà ấy bảy mươi mốt. Thất thập cổ lai

hy. Thế là thượng thọ rồi. Chết thế, con cháu ngoài việc thương xót tiễn đưa, còn thêm việc chúc thọ bà ấy.

- Dạ, cụ có nói, cháu mới rõ.

- Bây giờ, anh thử hát tôi nghe qua một đoạn Lâm Khốc. Hát bằng lời cũng được.

Trịnh Huyền hắng giọng, rồi cất tiếng:

Thương ôi! Hồn ở nơi nao?

Để cho con cháu kêu gào xót thương.

Cụ trưởng Kiên gật gù, vào trong buồng lấy ra chiếc kèn.

- Kèn này là của ông bạn cố tri của tôi: cụ phó Kèn. Anh thử thổi lên mấy tiếng xem sao.

Trịnh Huyền mới đầu thổi còn lúng túng, ngắc ngứ, nhưng chỉ một lát sau ngón tay trên lỗ kèn của anh đã thuần thục. Cụ trưởng Kiên gật đầu tỏ vẻ bằng lòng:

- Bây giờ thì tôi yên tâm rồi. Chắc bỏ đã lâu, thế mà phút chốc đã lấy được thần thái của tiếng kèn. Bà nó ơi! Bà ra đi tôi đứt từng khúc ruột. Ngày xưa, lúc sinh thời, đi đưa đám ma, bao giờ bà cũng thưởng hậu cho anh thợ kèn những bài khóc chị... khóc em nếu họ thổi kèn giải thật hay. Bà bỏ tôi ra đi, bỏ con cháu ra đi, thế mà ông phó Kèn, bạn cố tri của tôi đã khuất núi rồi. Tôi cứ tự hỏi mình: Ai sẽ thổi kèn để rước hồn bà lên trời. Tôi cứ thấy như mình có lỗi với bà. Nay, như có trời xui đất khiến, anh thợ kèn trẻ tuổi này sẽ thay tôi để khóc để tiễn bà. Than ôi!

Chốc đà mấy chục năm trời

Mà nay đã khuất bóng người ngày xưa.

Nói xong những lời thống thiết, ông già ôm mặt khóc nức nở như một đứa trẻ thơ. Chưa bao giờ Trịnh Huyền

trông thấy một người đàn ông lớn tuổi lại khóc thảm thiết đến như vậy. Nước mắt lã chã làm ướt cả chòm râu bạc lơ thơ. Cô con gái và anh con trai của ông cụ sụp quỳ xuống đất lạy chiếc áo quan. Hàng xóm láng giềng không biết đã tụ tập đến tự lúc nào đông nghìn nghịt, người nào cũng khăn trắng trên đầu. Thì ra bây giờ mới là lễ phát tang. Một ông cụ rất già đầu tóc bạc phơ dóng lên hồi phèng la - tiếng chiêng đồng rè rè của thứ chiêng đặc trưng đám ma. Tiếng của nó rè rè, khàn khàn, chẳng một chút trong trẻo lánh lót. Ba tiếng phèng la cuối cùng vừa dứt, tiếng kèn của Trịnh Huyền cất tiếp theo ngay. Nó nức nở, nó kêu than, nó vật vã cũng giống như tiếng khóc của đám con cháu họ Lê đang quỳ rạp cả xuống.

Đám ma của người đồng chiêm sao mà thảm thiết. Người đồng cạn chết đi thân vùi sâu ba thước đất. Còn người đồng chiêm chết đi, thân đã vùi dưới đất, lại còn vùi thêm dưới nước. Trên đồng cạn, ta nhìn còn thấy lô xô những nấm mồ hoang lạnh. Còn ở đồng chiêm, nhìn ra cánh đồng mùa lũ, chỉ thấy nước trắng phẳng lì.

Có ai đã nhìn thấy một đám ma trên cánh đồng chiêm vào mùa mưa tầm tã chưa? Có ai đã trông thấy một đoàn thuyền thúng chở đầy ắp những người khăn trắng như cò, nối đuôi nhau bơi đi trên cánh đồng mênh mông trắng xóa chưa? Có ai đã mục kích những con người sống ngâm da chết ngâm xương, khóc than rầu rĩ, tiễn đưa nhau đến chỗ thiên thu cách biệt chưa?

Ông già râu tóc bạc phơ đứng trên chiếc thuyền nan bị sóng dập dềnh, lúc ông nhô lên cao lúc ông hạ xuống thấp, nhưng ông đứng vẫn rất vững, đánh phèng phèng vẫn chững chạc. Tiếng rè rè của chiếc phèng la kéo dài

trên mặt sóng, tưởng như ngân nga không bao giờ dứt. Tiếng trống bùng binh hòa vào tiếng khóc được gió lan truyền đi rất xa. Khúc kèn lâm khốc của Trịnh Huyền lúc này đã hoàn toàn thuần thục. Thỉnh thoảng, Huyền ngừng kèn để tiếng khóc, tiếng trống bùng binh, tiếng phèng la hòa vào nhau than thở kiếp nhân sinh. Rồi, trong cái nền dều dều ấy, đột nhiên tiếng kèn của Huyền lại ré lên. Nó là tiếng nức nở xé lòng, nó là tiếng đứt ruột của ông già đưa tiễn một nửa đời mình, một nửa cõi lòng mình, một nửa hồn mình, trở về cõi âm dương cách biệt.

Đã đến vùng huyệt mộ. Những người đi đào đánh dấu bằng cách cắm vào đấy một cây nứa trên đầu thắt một dải khăn xô. Huyệt mộ nằm ẩn ngầm chìm sâu dưới nước, chẳng ai nhìn thấy, nhưng những người phu huyệt thì hình như nhìn thấy nó rõ mồn một qua làn nước đỏ phù sa. Họ ra hiệu, hò hét:

- Cho thuyền áo quan tiến lên cạnh huyệt. Đấy, thế đấy! Đầu thuyền nhích sang bên trái một tí. Được rồi!

Cũng như ở đồng cạn, huyệt phải đào đủ sâu ba thước đất. Cái khác là người ta phải chuẩn bị sẵn những hòn đá tảng đủ nặng để dìm chiếc quan tài gỗ đỏ chót cứ chỉ chực nổi phềnh lên mặt nước. Sáu chàng trai lực lưỡng nhảy tùm xuống nước, chất đá lên áo quan, làm cho chiếc quan tài dỏ từ từ chìm vào lòng nước. Tiếng đàn bà, trẻ con khóc thét lên tru tréo: "Ối mẹ ơi!", "Ới em ơi!". Trịnh Huyền phồng mồm đỏ mặt thổi khúc tiễn biệt cho thật lâm ly. Những bà cụ già rắc vàng ra khắp chung quanh. Những thoi vàng giấy dập dềnh theo sóng rồi được gió đưa đi khắp mặt nước.

Một đằng đá đè, một đằng những chàng trai lại dùng sức vít xuống. Mới đầu còn nhìn thấy cái bóng hồng hồng của chiếc quan tài. Sau đó nó chìm nghỉm mất tăm dưới nước.

- Được rồi! Mấy cậu đứng lên để vít nó chìm xuống sát đáy.

Mấy ông già nhưng bắp thịt còn săn cũng nhảy xuống, rồi lặn chìm dưới nước để kiểm tra cho thật kỹ lưỡng. Trong chốc lát ông già đánh phèng phèng ngoi lên mặt nước và ra lệnh: "Tốt! Cho lấp đất!". Đám trai tráng được lệnh, liền lặn xuống lấy đất lấp áo quan. Những người dân quê lặn ngụp hàng tiếng mới đắp xong ngôi mộ chìm cho đủ độ cao và dẹp. Ông già đánh phèng phèng lại lặn xuống lần cuối cùng để kiểm tra cho thật yên tâm.

Ông trưởng Kiên quỳ rạp, mặt úp xuống ván thuyền để tiễn đưa vong hồn người vợ đi vào cõi mênh mang, để hẹn hò sẽ gặp lại một cái gì đó rất siêu linh mà không biết ông có còn gặp lại hay không. Đồng thời, ông cũng kính cẩn vái tạ bốn phương, vái tạ bà con đã tiễn đưa vong linh người đàn bà yêu quý nhất đời ông. Trống đưa tang bùng binh dồn dập. Phèng la dóng một hồi. Tiếng kèn của Trịnh Huyền lại nức nở, nức nở. Tiếng khóc của những người thân lại cất lên lần chót, tiếng khóc thảm thiết mênh mang lan trên cánh đồng nước nổi. Tiếng khóc dập dềnh tỏa đi theo những con sóng, cơn gió, để biến vào cõi hư vô.

*

* *

Ông trưởng Kiên, sau khi chôn vợ, nằm liền mấy ngày không dậy nổi. Còn Trịnh Huyền, sau cuộc thổi kèn bất đắc dĩ ấy, thấy thương ông già đầy nghĩa tình với vợ.

Trịnh Huyền, trong cuộc đời lang bạt, có học được chút ít nghề thuốc. Vả lại người con gái và người con trai của ông cụ lóng ngóng lắm, không biết cách chăm sóc người ốm, nên Trịnh Huyền đành phải ở lại ít hôm thuốc thang cho ông cụ.

Hai người con lóng ngóng là phải vì họ còn rất trẻ. Anh con trai chừng mười ba, mười bốn. Cô con gái chừng mười tám, lại có một đứa con măng sữa. Họ chưa đủ cứng cáp để đối mặt với nỗi đau buồn to lớn. Ông trưởng Kiên là người cứng rắn. Nhưng bên ngoài càng cứng rắn bao nhiêu, thì bên trong người ta càng dễ yếu mềm bấy nhiêu. Loại người ấy, khi gặp nghịch cảnh to lớn, có thể sụp đổ. Và, nếu ông già, vì quá đau buồn, mà ra đi lúc này thì hai người con kia sẽ ra sao.

Ông già Kiên hình như đọc được những ý ấy trong mắt Huyền. Ông nằm dài trên giường và cứ nắm lấy tay anh. Hình như ông cố níu lấy sự sống. Hình như ông muốn nói: "Xin anh đừng bỏ tôi, và ra đi lúc này". Trịnh Huyền cảm nhận được điều ông già muốn nói nhưng lại không dám nói. Có thể, tiếng kèn tang của anh đã làm cho ông trưởng Kiên hiểu được chút gì về tâm hồn anh chăng. Ở đây, không khí lúc này là tang tóc; còn anh, Trịnh Huyền, anh là sự sống. Một con người nặng tình như ông già này, nhạy cảm như ông già này, nếu để mặc ông một mình trong bầu không khí tang tóc, có thể ông sẽ buông tay, sẽ ngả về miền bóng tối. Ông già đang cần được kéo ngược trở lại về miền sống. Có lẽ sự có mặt của anh, lúc này, đối với ông, là cần thiết. Trong anh, bỗng dâng lên niềm thương cảm. Trịnh Huyền liền vỗ nhè nhẹ lên bàn tay nhăn nheo của ông già:

- Bác cứ yên tâm, cháu sẽ ở lại. Rồi bác sẽ khỏi thôi.

Từ hôm ấy, Trịnh Huyền tự tay đi hái lá, sắc thuốc chữa cho ông già. Cũng phải mất đến nửa tháng cụ trưởng Kiên mới hồi lại được. Cụ đã húp được bát cháo, đã ăn được lưng cơm nóng sốt. Cụ đã lần ra được sân cho gà ăn, và có lúc ra vườn hái quả cà, quả ớt.

Ông già được Trịnh Huyền săn sóc, được nhìn thấy bóng anh đi lại trong nhà; tiếp xúc mãi dần dần hóa quen, ông già cứ tưởng anh như người thân. Trịnh Huyền định tạ từ ra đi, song cụ Kiên cố giữ anh lại. Hình như cụ muốn thổ lộ với anh điều gì. Hôm bốn chín ngày, cụ Kiên sai con gái làm mâm cơm cúng vợ. Rất trang trọng, cụ mặc chiếc áo the cũ, đội khăn xếp chỉnh tề, lấy cây đàn nguyệt treo trên vách xuống, đến trước bàn thờ vong bà Kiên kính cẩn nâng cây đàn lên ngang mày khấu đầu lễ. Hai người con ngồi sau lưng ông cũng làm theo. Lúc này ông già so dây và gảy lên khúc nguyệt cầm thánh thót:

Thỉnh mời công chúa Thiên Thai
Giáng sinh hạ giới quyền oai thượng ngàn.

...

Thì ra, cụ trưởng Kiên là một nghệ nhân chầu văn. Ông nức danh khắp vùng Sơn Nam thượng, hạ. Bà trưởng Kiên cũng là một nữ nghệ nhân. Ông bà lấy nhau vì tình mà cũng vì tài. Đến lúc ấy, Trịnh Huyền mới hiểu được, tại sao khi bà Kiên lâm chung, thiếu tiếng kèn tiễn đưa, ông lão lại chẳng nói chẳng rằng, nằm thẳng cẳng vắt tay lên trán, không chịu phát tang. Cái giống tài tình nó như thế đấy. Chữ tình với ông nặng

tựa ngàn cân. Đối với ông, tiếng kèn ai oán, khúc lâm khốc bi thương của Trịnh Huyền là một ân nghĩa. Ông dắt tay chàng trai đến gần bàn thờ vợ, thắp ba nén hương, cứ như thể ông muốn giới thiệu chàng trai với bà vợ. Vẻ mặt ông thật nghiêm cẩn, cái phong độ đánh đàn của ông cũng thật chững chạc vừa thân tình, vừa kính lại vừa thương. Nào ai biết ông nghĩ gì lúc này. Ông đang tâm sự với vong linh bà, hay đang muốn nói điều gì với Trịnh Huyền, hay đó là khúc giao tình giữa những kẻ tri âm. Chắc đêm qua ông đã mơ thấy bà hiện về trong giấc mơ. Cũng có thể là ông đang hồi tưởng lại một kỷ niệm xưa nào đó khi ông bà còn trẻ, lúc ông bà vai đeo túi xách, tay cắp níp đàn. Họ rong ruổi nơi rừng xanh núi đỏ. Rồi tiếng đàn của ông, tiếng hát của bà quyện vào nhau ở những chốn cheo leo nơi chỉ có hùm beo và mây và nước.

Canh khuya nguyệt lặn sao tàn
Chiếc thuyền bán nguyệt khoan khoan chèo vào
Gập ghềnh suối thác đèo cao.

Bà nó ơi! Có còn nhớ không? Có còn nhớ tiếng hát của bà đã làm mê hồn cả bốn phương thiên hạ. Chắc cô Chín đền Sòng, cô Ba Đồng Mỏ khó tính khó chiều đến thế cũng phải hài lòng với giọng hát của bà.

Da ngà mắt phượng long lanh
Hà huê tươi tốt, tóc xanh rườm rà
Nhụy hồng tuyết điểm màu da.

Ông già đang hát giọng cờn, một điệu hát văn trữ tình, say đắm, đắc ý nhất của ông. Bà lão của ông rất hiếm khi ngồi đồng, tuy nhiên dăm năm cũng có một lần,

mà lần nào bà bắc ghế hầu thánh cũng lẫm liệt, oai phong lắm. Hôm ấy, thế nào người đến dự cũng đông nghìn nghịt. Cứ nhớ mãi, khi ông cất lên giọng hát, thì cả tòa điện thờ chợt như có thần hiện, tất cả chợt như lung linh tỏa sáng. Những ngọn nến cứ cố dướn lên để ngọn lửa to hơn, sáng hơn. Khói hương đã mờ ảo hình như càng mờ ảo thêm. Gần cũng chả nhìn rõ mặt nhau, chỉ thấy mờ mờ nhân ảnh. Không gian như say như đắm trong tiếng nhạc dồn dập, trong tiếng bập bùng, bập bùng rất có duyên của tiếng trống cơm. Bà chúa Thiên Thai mặc váy lụa bạch, áo dài lụa bạch, gấu váy, gấu áo cài hoa. Hai tay bà cầm dải lụa xanh. Dải lụa lúc như con rắn, lúc như làn khói bay lượn trong không gian huyền ảo. Đôi mắt phượng long lanh, những ngón tay bà vừa dẻo vừa mềm như những ngón tay búp măng của Phật, lúc lượn dưới cằm, lúc xòe ra như bông sen trước mặt.

Ôi! Bà chúa Thiên Thai! Bây giờ người đi đâu, người đang ở chốn nào?

Ông trưởng Kiên bỗng dưng ngừng tiếng đàn. Ông ngồi lặng đi trước vong linh người vợ, mãi hồi lâu mới lẩm bẩm: "Hôm nay, tôi đã thành tâm làm trọn ý nguyện với bà rồi đấy". Từ lãng đãng siêu linh, ông đã quay về cõi thực. Từ chốn mung lung huyền ảo, ông đã thức dậy giữa chốn nhân gian. Từ chỗ xuất thần mộng mị, ông đã dần dần nhìn rõ cảnh vật chung quanh. Ông kính cẩn cầm chiếc đàn lạy ba lạy rồi dựng nó lên bàn thờ vợ.

Lúc ấy, đã xong nghi lễ, ông trưởng Kiên dắt tay Trịnh Huyền ra ngồi ở thềm nhà. Ông nói:

- Cháu hãy nghe bác nói. Lời nói tự đáy lòng. Chỉ mới gặp nhau, mà bác cảm thấy như đã quen cháu từ lâu lắm rồi, từ kiếp nảo kiếp nào chẳng biết. Mới sơ kiến, đã thấy ân tình, cứ ngỡ như gặp được người tri kỷ vong niên. Âu cũng là duyên trời. Bác biết cháu là kẻ lênh đênh, nhưng biết đâu đấy, ngôi nhà của bác sẽ lại chẳng là nơi bến đậu. Khi nghe tiếng kèn của cháu, bác đã chợt nhận ngay ra con người này sẽ là kẻ truyền nhân của ta. Bác chưa nhận ai làm học trò bao giờ, nhưng từ nay bác sẽ truyền nghề đàn cho cháu. Vậy, cháu có bằng lòng hay không?

Không nói một lời, Trịnh Huyền cung kính bái lạy ông già. Cụ trưởng Kiên vẫn tiếp lời bằng cái giọng run run. Có lẽ là những lời khó nói:

- Nếu chẳng có gì trở ngại, thì đấy, bác chỉ có một mụn con gái. Nó giống bà lão của ta lắm. Song, hồng nhan bạc mệnh... Cái Thắm, nó đã có một đứa con. Nếu cháu chẳng chê, thì hãy nhận đứa bé làm con. Nếu được như vậy, chắc ở dưới suối vàng, bà lão nhà ta sẽ vô cùng thỏa nguyện.

Câu chuyện tình của anh thổi kèn đám ma là như vậy đó. Ông trưởng Kiên quả có con mắt tinh đời. Ông đã chọn được rể hiền. Và hơn thế nữa, Trịnh Huyền lại còn trở thành người nghệ nhân tài hoa nhất trong nghề đàn nguyệt, trong nghề hát văn. Một khi Trịnh Huyền đã nhận ôm đàn, thì cuộc hầu bóng ngày hôm đó sẽ hoàn toàn khác hẳn. Bây giờ, có thể nói, tài dàn của Trịnh Huyền còn có phần nhỉnh hơn cả cụ trưởng Kiên tí chút. Yên tâm rồi, cụ Kiên không cầm dàn nữa, cụ chuyển sang đánh trống. Giọng hát của cô Thắm, vợ Trịnh

Huyền là thứ giọng hớp hồn người nghe. Khi giọng cô cất lên, đèn nến như lung linh thêm, khăn chầu áo ngự của cô đồng cũng như được dát thêm ánh vàng, ánh bạc. Và tiếng đàn tài tử của Trịnh Huyền, thì như kẻ phụ trợ, biết cầm tay dắt giọng của vợ lên, nâng cánh cho tiếng oanh vàng có chốn nương tựa, khiến cho nó đã bay cao rồi còn bay cao thêm lên đỉnh chót vót. Tiếng đàn, tiếng hát của đôi vợ chồng Trịnh Huyền chẳng mấy chốc đã nổi tiếng khắp vùng.

Có điều đặc biệt: đứa con của Thắm, bé Nhụ, rất quấn quýt Trịnh Huyền. Hôm hai vợ chồng làm lễ bái gia tiên, bé Nhụ hỏi: "Ai đây hở mẹ?". Người mẹ bảo: "Cha con đấy. Cha con đi làm ăn xa, bây giờ mới về với con". Đứa bé mừng rỡ: "Từ rày cha dừng đi xa nữa nhé. Con thích cha luôn ở với con". Chuyện này làm Trịnh Huyền sung sướng. Anh càng ngày càng gắn bó với hai mẹ con Thắm.

Chỉ riêng có một điều làm Huyền không vui. Đó là, mỗi khi Thắm nhìn thấy nửa khuôn mặt bên phải, khuôn mặt có vết sẹo quái quỷ làm con mắt phải cứ mở trừng trừng, là Thắm lại rùng mình. Ngay cả khi vợ chồng ân ái với nhau, Thắm nhìn thấy cái phía quái quỷ ấy trên gương mặt Huyền, lập tức cô như người mất hồn, nhắm mắt lại, nằm trơ ra như cây gỗ. Hỏi thì cô trả lời "em sợ". Huyền phải giải thích: Vết sẹo ấy là hậu quả của một trận đánh, ông Đề Nghĩa bị vây hãm trong một căn nhà cháy. Huyền phải xông vào nhà lửa cứu ông ra. Chủ tướng thoát chết, nhưng nửa mặt bên phải của Huyền thì bị hủy hoại. Thắm thở dài trả lời chồng:

- Việc làm của mình là trung nghĩa, song em vẫn không tài nào xua đi được nỗi sợ.

Câu nói của Thắm gây một mặc cảm cho Huyền. Từ đó, anh luôn phải giữ ý. Trước mặt vợ, anh luôn phải tìm một góc đứng sao cho cô chỉ nhìn thấy nửa mặt bên trái của anh. Cả những lúc thương yêu nhau, anh cũng không bao giờ quên điều đó. Anh luôn luôn gục đầu vào vai trái của nàng, có như thế mới che được phía mặt phải gớm ghiếc, và mới để lộ ra khuôn mặt trái khả ái của mình.

Ở cùng gia đình cụ trưởng Kiên, Huyền chẳng phàn nàn điều gì, ngoại trừ cái điểm bất tiện nho nhỏ ấy thôi.

Khi Thắm có mang, khi cái bụng cô đã lùm lùm rõ rệt, thì cụ trưởng Kiên lâm bệnh. Ông cụ, trước lúc sang thế giới bên kia, nắm tay con rể, thều thào:

- Thầy đã mãn nguyện rồi. Cái Thắm sắp sinh cháu, thằng Kiến đã lấy vợ. Thầy nhắm mắt xuôi tay được rồi.

Ông cụ tưởng rằng, gia đình đã đến hồi mát mặt, chẳng còn tai họa gì nữa. Ai ngờ lúc Thắm sinh con lại gặp trường hợp đẻ khó. Cả hai mẹ con Thắm đều chết lúc chị lâm bồn. Trịnh Huyền rớt nước mắt than rằng:

- Kiếp nhân sinh là thế này ư?

Trịnh Huyền nghĩ bụng: Có lẽ nguyên nhân là do vợ anh sinh ra vào kiếp cầm ca. Vì vậy Huyền chôn theo cây đàn cùng với vợ và thề rằng từ nay sẽ không bao giờ đàn hát nữa.

Buồn bã, chán nản, anh thu xếp công việc cho Kiến, em vợ, rồi dắt con gái trở về nơi quê cha đất tổ. Anh thở dài nhìn cô bé Nhụ đang hớn hở chạy ở mép nước hồ

Huyền. Anh nhắm mắt nhắc lại cái ý nghĩ thầm kín, cái ý nghĩ vừa làm anh vui, lại vừa lo lắng. Anh kêu lên:

- Ôi chao! Sao con bé lại giống mẹ nó thế. Chẳng biết... sau này đời nó ra sao.

3

Trời về chiều. Cụ đồ Tiết, tóc bạc phơ như một ông tiên, đang ngồi nhâm nhi chén rượu bên thềm nhà. Trước mặt là chiếc mâm gỗ mộc, trên bày một đĩa tép kho, rồi rau, cà, tương và mấy quả ớt chỉ thiên đỏ chót. Đối diện với cụ là một cậu bé trạc mười bốn tuổi. Nó cởi trần, chỉ mặc độc một chiếc quần lửng. Làn da nâu được ánh chiều hắt vào làm bóng lên. Mỗi miếng thằng bé nhai một quả cà, ăn rất nhanh, chỉ một loáng đã xong bát cơm. Cụ Tiết cười, bảo:

- Ông đã dạy cháu bao nhiêu lần rồi. Ăn phải có nhai. Từ tốn thôi con ạ.

Nói đoạn, cụ cầm quả ớt đỏ đưa lên miệng, cắn một chút xíu. Ông cụ để cho vị ớt cay xè hăng hăng thấm vào khắp miệng, lan tỏa tới cổ họng; lúc ấy cụ mới nâng chén rượu lên, tợp một hớp nhỏ, để cho vị nồng thơm của nó quyện vào vị ớt, làm cháy bỏng cả tâm hồn, làm tê tái cả đầu lưỡi. Lúc đó, cụ mới chấm đầu đũa vào bát tương, đưa lên miệng mút nhẹ, rồi ngồi trầm ngâm hưởng sự lan tỏa của cái mặn cái cay nồng, cái thơm thoảng đang

trộn vào nhau. Khi này, trong mồm cụ, lại là sự ngây ngất dịu dàng, sự giải tỏa cái hăng nồng để đi tới sự hài hòa êm ả, bình lặng của vị giác.

Cụ đồ Tiết vẫn thích uống rượu một mình như thế, thích hưởng thụ sự hòa trộn các mùi vị như thế. Người ta vẫn hỏi về cái ngon của nó ra sao, nhưng cụ chỉ cười không giải thích nổi, hay là cụ không muốn giải thích cho ai. Song chắc chắn đó là cái thú rất riêng của cụ, cái bí mật rất riêng mà cụ khư khư giữ lấy, mà người đời chỉ còn biết lắc đầu, và cho rằng đó chỉ là cách uống rượu gàn dở. Có những bữa cỗ thịt cá ê hề, người ta mời cụ vẫn đến ăn uống. Ai hỏi: "Có ngon không?", cụ cũng đáp rằng: "Ngon!". Có lẽ chỉ vì cụ trân trọng tấm thịnh tình, sự ân cần quý hóa của nhà chủ. Cụ không bình phẩm cái sự ăn uống, nhưng trong thâm tâm, cụ vẫn thích cách uống rượu của mình hơn. Nhà cửa của cha ông để lại cũng khá đàng hoàng. Nhà ngói cây mít hẳn hoi, nhưng thực ra từ khi ở tù về, sự ăn tiêu của cụ không được du dư cho lắm. Vả lại, cụ là người tiết kiệm, nhưng có thể sự đạm bạc đã giúp cụ tìm ra được cái hoan lạc trong những phẩm vật giản dị mà trời chỉ riêng ban cho cụ được biết.

Tợp hớp rượu xong, cụ ngồi lắng nghe tiếng xào xạc, cót két của rặng tre, cùng với tiếng ríu rít của bầy cò đang bay về đậu trên những ngọn cây nhãn ngoài vườn, rồi cả tiếng rúc rích của đàn chim sẻ trú ngụ trên tán cây mít um tùm trước sân.

Trời bắt đầu chạng vạng. Cu Điều đã ăn xong bữa từ lâu. Nó ra rút rơm cho lũ bò vàng ăn tối. Chỉ còn mình

ông cụ vẫn ngồi bên chiếc mâm gỗ. Chợt con chó Vá bỗng sủa nhặng lên ngoài ngõ. Ông cụ Tiết cất tiếng:

- Ơ! Cu Điều! Ra xem có ai.

Thằng Điều dạ thật to rồi chạy ra mở cổng thấy một người đàn ông và một cô gái trạc tuổi nó.

- Cháu ơi! Đây có phải là nhà cụ Tiết? - Ông ta hỏi.

- Vâng ạ!

- Cho bố con tôi xin được gặp cụ đồ.

Thằng Điều lấm lét nhìn cái nửa khuôn mặt kỳ dị của ông khách, rồi ngập ngừng hỏi:

- Ông là ai ạ?

- Bố con tôi từ xa về.

Điều còn đang lưỡng lự thì ông khách đã xăm xăm bước vào sân. Con chó Vá chồm lên sủa, ông khách phải ngồi sụp xuống vớ hòn đất. Điều cầm cái roi tre quát tháo ồn ĩ, con chó vẫn không chịu lùi. Chỉ đến lúc cụ Tiết lên tiếng: "Vá! Vá! Khách đấy! Vào đi!", lúc ấy con Vá mới chịu lủi xuống bếp.

Trong nhập nhoạng, Trịnh Huyền bỗng nhìn thấy mớ tóc trắng như cước của ông già đang ngồi uống rượu bên thềm nhà, anh chợt thấy thương cảm và lúng túng. Bỗng như một đứa trẻ, Huyền khoanh tay trước ngực, cúi gập người xuống lễ phép run run nói:

- Con lạy thầy ạ.

- Hả?

- Thưa, con lạy thầy ạ.

- Thầy nào? Ông là ai?

- Thưa, con là Trịnh Huyền.

- Huyền nào?

- À à... Huyền tức là thằng Phác ngày xưa, con của thầy.

- Hả?

Ông già tóc trắng chợt đứng bật dậy, run run tìm chiếc kính đeo lên mắt. Ông cụ lại gần người khách lạ, đi quanh người anh, nhìn sát mặt anh, ngắm phía mặt kỳ quái bên phải, chớm chớp mắt, rồi ngắm nửa mặt trái ngẫm nghĩ. Cuối cùng, ông vạch hẳn tóc anh lên nhìn cái tai bên trái, nhìn cho thật kỹ rồi bỗng kêu lên:

- Đúng là thằng Phác thật rồi! Đúng là con ta thật rồi. Nhưng sao mặt mũi lại thế này. Ừ... thầy hiểu, thầy hiểu... Con đã trải bao cực khổ... Nhưng sao có sẹo lớn ở mặt thế này? Phác ơi! Ngần ấy năm con lưu lạc phương trời nào? Hai chục năm rồi còn gì. Ta còn cố gắng sống đến hôm nay là vì con đó. Thầy đợi con đến bạc hết tóc...

Người con trai quỳ sụp xuống, ôm lấy chân người cha. Anh khóc rưng rức như một đứa trẻ. Trong khi đó, đứa con trai, đứa con gái, Điều và Nhụ cứ đứng lặng, chôn chân như chết đứng. Ông già tóc trắng dần dần trở lại bình tĩnh. Ông cụ Tiết còn sờ thêm một lần nữa vào cái tai bên trái bị rách của Trịnh Huyền, kết quả của trò nghịch ngợm thời trai trẻ của Phác, như để xác nhận lần chót rằng người này đúng là đứa con lưu lạc của mình, đứa con tưởng đã chết nơi đất khách nay bỗng hiển hiện bằng xương bằng thịt trước mắt ông. Cụ Tiết vẫn đeo cặp kính lúc này mới quay sang nhìn cô bé. Cô lễ phép khoanh tay cúi đầu:

- Cháu lạy ông ạ.

- Cháu là con bố Phác?

- Cháu là con bố Huyền.

- Huyền à? Ông hiểu rồi. Bây giờ bố mày đã thay họ đổi tên. Nhưng nhớ lấy. Bố mày chính tên là Phác.

- Dạ, thưa ông, con nhớ rồi ạ.

Ông già chăm chú nhìn vào gương mặt của đứa cháu. Một khuôn mặt trái xoan, điểm một đôi mắt đen láy, to, dài, hơi xếch một chút. Đôi mắt làm ông già phải ngạc nhiên. Chúng trong veo, mới nhìn vào đã làm ta tin cậy. Nhưng sao con bé mới mười hai, mười ba tuổi, nó đã từng trải gì đâu mà đôi mắt buồn đến vậy. Cụ Tiết khẽ khàng hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Cháu là Nhụ.

- Nhụ hay là Nụ? Gì Nhụ?

- Dạ Trịnh Thị Nhụ vì bố cháu là Trịnh Huyền.

- Dạ, thưa thầy...

Anh Huyền định đỡ lời con, nhưng ông già chỉ cười và gạt đi. Cụ Tiết ra chiều ngẫm nghĩ. Rồi một chủ kiến bỗng nảy ra. Cụ quay ra nói với con trai:

- Anh chẳng cần lấy lại tên họ cũ... Có lẽ trời đã xui khiến... Tìm ra lối thoát... Cả khuôn mặt bị bỏng cũng tốt... Thay tên thì thay luôn cả mặt. Con có biết không, khi các con đi theo ông Đề... rồi có tin nghĩa binh tan rã, bọn Tây sục đến nhà mình bắt thầy đi, bỏ tù năm năm. Họ bảo rằng, trước kia thầy đi theo quân cụ Đốc Ngữ, đến lượt

các con cũng là những kẻ phiến loạn. Như vậy mầm loạn ở nhà này chưa dứt nên phải bắt thầy. Chú Hiếu khuyên thầy trốn đi song thầy không trốn. Bác cả Lễ thì chạy chọt cho thầy rất hao tiền tốn của nhưng cũng chỉ giữ án được năm năm, không bị tăng án, chứ không thoát được.

- Thế còn anh con thì sao?

- Lúc thầy chưa bị bắt, đêm nó lẻn về thăm thầy. Ta bảo nó: "Nếu mày có hiếu với thầy thì trốn vào xứ Mường lấy vợ đẻ con. Em mày chưa biết sống chết ra sao. Chỉ còn có mày độc nhất. Phải đẻ lấy đứa con trai kẻo ta tuyệt tự". Thằng Chất nghe lời thầy vào tận Mường Lò lấy vợ đẻ được thằng con trai. Nó bị sốt rét nặng. Nó bắt vợ nó mang con về lúc ta đã ra tù. Sau nó sốt rét nặng quá không qua khỏi.

Cụ đẩy đứa cháu trai ra trước mặt Huyền:

- Nó là thằng Điều, giọt máu cuối cùng của ta đấy. Con chào chú đi. Chú ruột mày đấy.

- Cháu lạy chú ạ.

- Nhưng thôi chuyện này chỉ riêng nhà ta biết. Cấm lộ ra ngoài. Bởi vì lộ ra, bọn Tây vẫn săn tìm sẽ bắt chú mày tức khắc.

- Thưa thầy, nghĩa là...

- Nghĩa là từ nay anh vẫn là Trịnh Huyền. Đối với làng xóm và các nhà hào lý, anh không phải là Phác, không phải là con trai ta, mà là anh Huyền cháu về đằng tổ ngoại nhà ta. Anh từ Sơn Nam lên. Vì Sơn Nam lụt lội đói khát, anh lên nhờ vả ta là bác anh để kiếm miếng sống nuôi con.

- Dạ thưa thầy...

Ông già không để ý đến sự bối rối của người con, ông nhắc lại một lần nữa những lời đã nói, rồi dặn đi dặn lại:

- Thầy không muốn con phải vào tù như thầy. Việc này vô cùng hệ trọng. Từ nay, anh Huyền phải gọi thầy bằng bác. Thằng Điều, con Nhụ là hai anh em họ ngoại với nhau và họ ngoại xa. Điều bí mật không được hé môi cho bất cứ ai. Thế nào, cả nhà đã rõ chưa?

Dặn dò xong, ông cụ sai con Nhụ, thằng Điều xuống bếp thổi thêm cơm. Chỉ còn hai cha con ngồi ở đầu hè. Ông cụ lúc ấy mới tỉ tê hỏi:

- Thế còn chuyện của anh trong ngần ấy năm ra sao? Vợ đâu mà chỉ mang con về thôi?

- Nhà con qua đời khi sinh nở.

- Thế còn con bé Nhụ? Nó giống mẹ nó à?

- Vâng. Rất giống.

- Ừ... Nó chẳng giống anh tẹo nào.

- Dạ thưa thầy.

- Sao?

- Dạ... Thưa... Nó là con riêng của nhà con. Dạ nhưng con bé quấn quýt với con lắm.

- Con bé có biết chuyện ấy không?

- Dạ, nó có biết, nhưng vẫn rất quý con. Dạ, con coi con bé như con đẻ.

Ông già thở dài rồi gắt khẽ:

- Thì phải như thế mới đúng chứ. Con là con của thầy mà...

Ông già Tiết lại thừ ra suy nghĩ. Rồi chợt ông nắm lấy tay Huyền như an ủi, lại như mừng rỡ:

- Thầy hiểu con... Thương cho con hơn bốn mươi tuổi rồi vẫn còn lận đận... Nhưng đừng lo. Biết đâu rồi họa lại chuyển thành phúc. Vì, thầy đã nghĩ ra rồi. Điều này hay đấy. Để sau thầy sẽ nói với con.

Trịnh Huyền ngạc nhiên vì ông cụ thay đổi tâm trạng liên tục. Hình như câu chuyện với Huyền đã gợi cho ông một ý hướng nào đó vô cùng quan trọng. Ông gật gù, rít một điếu thuốc lào rồi lẩm bẩm:

- Đúng! Đã thay hình đổi dạng thì phải thay cho triệt để. - Ông quay sang Huyền nói. - Tôi nhắc lại, từ rày, trước mặt người khác, bất cứ lạ hay quen, anh phải nhất thiết gọi tôi là bác. Anh còn phải nói theo thổ âm người Sơn Nam. Anh nói được chứ?

- Điều ấy con làm được.

- Gặp người họ hàng, gặp người quen thuở xưa, anh cũng phải làm như chưa hề gặp mặt.

- Dạ, có cần phải đến thế không ạ?

- Cần! Anh hiểu chưa. Thay hình đổi dạng, anh đã nhớ chưa. Bọn Tây đồn điền ở đây cũng rất chú ý đến nhà ta. Tôi nghe người ta còn bảo bọn Tây vẫn hỏi đến tung tích anh Chất, anh Phác con tôi. Thế đấy! Phải tỉ mỉ kẻo lại chui đầu vào rọ. À... khi lưu lạc ở xứ người, anh có học được thứ nghề ngón gì của xứ Sơn Nam không? Cái gì thật đặc biệt chỉ có người Sơn Nam mới giỏi.

Trịnh Huyền ngẫm nghĩ mãi mới trả lời:

- Dạ... Có một nghề, nhưng từ khi nhà con qua đời, con đã chôn nó theo xuống mộ của nhà con rồi.

- Nghề gì vậy?

- Nghề đàn nguyệt.

- Nguyệt à? Hát văn phải không? Thế thì bây giờ anh phải moi cây đàn lên.

Trịnh Huyền van lơn:

- Thưa thầy, từ khi vợ con qua đời, con đã có lời thề nguyền trước mộ, rằng từ đấy con sẽ không đụng đến đàn nguyệt nữa.

- Sao lại như vậy?

- Con không muốn con gái con, cháu Nhụ lại bạc mệnh giống như mẹ nó ngày xưa.

Cụ già ngẫm nghĩ hồi lâu, mãi mới nói:

- Nhời nguyền với người đã khuất là hệ trọng. Thầy hiểu. Nhưng còn có việc hệ trọng hơn, đó là việc sống chết của cả nhà ta. Lão Tây Julien mất mèo, lão Tây đồn điền ở đây khét tiếng cả vùng. Mà thầy thì đã già rồi. Con trở về, thầy rất mừng. Con về, thằng Điều đã có chỗ nương tựa. Nó là giọt máu độc nhất của nhà ta. Dù có xảy ra chuyện gì, con cũng phải che chở, bảo vệ cho bằng được giọt máu ấy.

- Thưa thầy, nếu vì chuyện ấy, thì con phải làm. Con xin vâng theo lời thầy dạy.

- Con đánh đàn ra sao?

- Người thầy dạy đàn chính là bố vợ con. Ông là người đánh đàn nguyệt và hát văn nức tiếng của đất Sơn Nam.

- Thế thì tốt. Vậy, mấy ngày nữa, thầy sẽ sửa cái lễ, mua hoa quả, vàng hương, xin với vợ con cho phép con được giải lời nguyền. Đối với dân làng, ta sẽ nói thác ra rằng, con là người Sơn Nam, theo lời các cụ trong họ, lên đây làm lễ cho bà tổ cô vốn xưa kia trình đồng ở đền Mẫu. Và con sẽ đánh đàn nguyệt trên đền Mẫu. Hay! Như thế thì liệu còn ai ở làng Đình này còn có thể nghi ngờ rằng con vốn là thằng bé Phác nghịch ngợm ngày xưa.

II

NHỤ VÀ ĐIỀU

1

Nhụ rất tinh ý; chỉ chừng nửa tháng, cô bé đã biết hết tình hình nơi có thể gọi là gia đình thứ hai của cô. Cô không hỏi, chỉ qua những câu chuyện trao đổi của những người trong nhà rồi luận ra mà thôi.

Gia đình họ Đinh là một gia đình bậc trung. Cụ Đinh Công Trung sinh ra ba người con: ông Lễ, ông Tiết, ông Hiếu. Ông Lễ làm quan huyện gì đó nhưng ở xa chẳng thấy về nhà bao giờ. Ông Tiết sinh ra ông Chất và ông Phác (tức ông Huyền bố cô). Ông cụ Tiết đi tù về ốm yếu. Còn ông thứ ba tên là Hiếu, nghe bảo bị mắc chứng điên điên khùng khùng.

Cụ Tiết có vẻ hợp với cô bé Nhụ. Nhụ ít nói, nhưng khi đã nói thì cái giọng ríu ran làm căn nhà bừng lên tươi tắn. Từ khi có cô bé về, ngôi nhà thênh thang của ông con cụ Tiết bỗng ấm hẳn lên.

Khu đất nhà cụ đồ Tiết, hay nói cho đúng hơn là cái trang trại nhỏ ấy thật đẹp. Nó không rộng lắm, chỉ khoảng chừng hai mẫu đất chạy dài suốt từ chân lên quá lưng chừng đồi. Ngọn đồi không cao lắm, nhưng dân ở đây vẫn tiện mồm gọi là núi. Đất quay mặt ra con đường chính của làng, cây cối mọc um tùm xanh tốt nên khu

vườn có dáng một khu rừng. Chục gốc trám, chục gốc mít, rất nhiều sấu, rồi cả thị, nhãn, hồng, ổi, na, bưởi... Rất nhiều loại cây, trồng theo từng vạt riêng. Khu vườn tạp nhưng có duyên, mùa nào thức nấy. Người cháu tên là Tuấn, con ông Lễ ở Hà Nội về bảo:

- Vườn của chú thật là đẹp, thật thích mắt nhưng chẳng ra mấy tiền bạc. Chú phải chặt hết đi trồng toàn giống bưởi Đoan Hùng thì mới nhiều lợi. - Tuấn thấy trong vườn có cây bưởi Đoan Hùng cho quả vừa ngọt, vừa thơm nên mới đưa ra ý kiến ấy. Cụ Tiết cười:

- Chú có định làm giàu đâu. Chú giống ông, chỉ thích cây nên trồng như thế. Thực ra cũng khối tiền đấy. Cũng đủ nuôi chú và cháu Điều.

- Cháu hiểu ông chú của cháu chứ. - Tuấn cười.

- Ấy, chú cũng định trồng thêm dăm gốc bưởi Đoan Hùng để tết đến, có quà ngon biếu họ hàng và chỗ thân thiết.

Tuấn là họa sĩ, tính nết thoáng, cười giòn:

- Đó là cháu nói về cách sinh lợi nhiều, chứ thực ra cháu rất mê cái vườn của chú. Nếu trồng toàn một thứ cây, đối với con mắt cháu, sẽ là không đẹp. Còn như vườn của chú lúc này, theo cháu, nó đẹp nhất trần gian. Kìa... chú thử nhìn bụi nhót ở góc tường hoa kia. Lá của nó um tùm tự nhiên màu xanh xanh, trắng trắng. Cái màu trắng như quét nhũ, óng ánh trong nắng. Lại lấp ló những quả màu đỏ chót... Thích thật! Thích thật...

Nghỉ một lát, Tuấn lại tiếp tục những ý nghĩ chỉ nghiêng về cái đẹp của mình:

- Chả là cháu chỉ muốn ướm thử xem ý của chú thế nào thôi; chứ thực ra cháu chỉ cầu mong chú cứ giữ

nguyên cái vườn mãi như thế này. Giữ nguyên mãi mãi chú ạ... để cho cháu mỗi lần về thăm chú, còn được ngắm cảnh, còn được vẽ vời, bôi màu lên giấy chứ.

Mỗi lần nghĩ đến chuyện ấy, cụ đồ Tiết lại như có chút bùi ngùi. Mỗi người yêu khu vườn này theo một cách riêng. Cháu Tuấn yêu, vì nó là họa sĩ. Còn cụ Tiết, cụ yêu nó vì những kỷ niệm. Cây mít xù xì đầu nhà kia chắc đã gần trăm tuổi. Nghe nói nó được ông nội của cụ trồng, do vậy, nó đã cỗi, ra ít quả. Thân nó to và thẳng, nhiều người dạm mua để xẻ ván. Được tiền đấy nhưng cụ không bán. Còn phần đông các cây đang ra trái hiện nay đều do cụ thân sinh đã trồng. Cụ Đinh Công Trung là một lão nông tri điền. Chính cụ là người tạo thành khu vườn xum xuê như ngày nay. Cụ gây dựng khu vườn với ước muốn nó sẽ cung cấp đầy đủ cho mọi nhu cầu của gia đình. Cụ để hẳn ra một vùng đất trồng toàn tre bương. Cụ bảo để có đủ vật liệu mà dựng nhà, sửa chữa nhà. Đấy còn là nơi gọi chim cò về làm tổ, để hàng ngày được nghe tiếng líu lo của con chích chòe, con sáo sậu, để hằng đêm được nín lặng thầm dõi theo tiếng xáo xác hoặc rủ rỉ của lũ cò trên ngọn tre cao. Có tiếng chim, vườn mới thực là vườn và nhà mới thực là nhà. Tiếng chim cứ tưởng như rất bâng quơ chẳng có ý nghĩa, nhưng thực ra nó làm cho lòng người ấm áp đáo để. Ở chỗ chân đồi nơi thấp nhất, là một vạt ruộng chừng hai sào, cụ trồng đỗ, trồng ngô, khoai. Cạnh đó là cái ao nhỏ để thả bè rau muống. Cách ao một quãng là giếng nước, thành xây bằng gạch đá ong, nước trong veo. Bên giếng làm một nhà tắm lộ thiên; chung quanh trồng những bụi mây mọc rất dày, lá mây xanh mướt lá nọ đan vào lá kia kín

mít. Đó là nơi để đám đàn bà con gái thỏa thuê với nước. Ngày xưa, bà Tiết và cô Loan, cô Mùi vẫn ríu rít nói cười giòn tan sau bức rào xanh kỳ thú của tòa nhà tắm thiên nhiên độc đáo ấy. Đến bây giờ, có những buổi chiều, cụ Tiết vẫn ngồi ở thềm nhà nhìn xuống cái buồng tắm màu xanh ấy, tưởng chừng như vẫn còn nghe thấy tiếng cười pha lê ấy của cô con gái và tiếng mắng yêu con khẽ khàng mà ấm áp của bà Tiết, ông già nghĩ tiếng của vợ ông như tiếng con chim câu gù, chẳng hiểu có đúng không nhưng ông Tiết vẫn thích ví von như thế.

Căn nhà chính năm gian nhìn xuống chân đồi, quay mặt hướng Tây. Thầy địa lý xem dương trạch bảo cụ cố ngày xưa phải làm như vậy. "Cái thế đất nó bắt phải thế mới thuận, mới hợp. Và có như vậy gia đình mới hưng thịnh". - Ông thầy địa lý nói quả quyết như đinh đóng cột.

Quả là khi làm xong, vận khí nhà cụ Tiết sáng hẳn lên, trông thấy ngay. Mấy năm sau, Đinh Công Lễ và Đinh Công Tiết đi thi. Lễ đỗ cử nhân được bổ đi tri huyện, còn Tiết đỗ nhị trường vào tam trường thì trượt. Lão Cửu Nhậm lúc đó chưa làm tiên chỉ bảo rằng nhà họ Đinh huynh đệ đồng khoa. Tiết bị trượt đã tức liền nói:

- Xin ông đừng mỉa mai tôi. Đỗ nhị trường sao gọi là đỗ được.

- Cũng là đỗ chứ. Đỗ nhị trường, người ta chẳng gọi là ông Nhị đó sao?

- Nhị hay tam thì làm gì. Xin ông cứ gọi tôi là anh khóa Tiết cho nó tiện.

Khóa Tiết, Cửu Nhậm vốn đồng môn. Nhậm vẫn bị Tiết chê dốt nên họ hay châm chọc nhau như vậy. Mấy

năm sau, Tiết đi theo cụ Đốc Ngữ. Phong trào khởi nghĩa của Đốc Ngữ bị tan. Cũng may, lúc thoái trào Đốc Ngữ thì Tiết bị sốt rét về nhà dưỡng bệnh nên không bị Tây bắt. Cũng có kẻ xấu bụng tố cáo, nhưng nhờ có cử Lễ lo lót, chạy chọt nên Tiết vẫn không việc gì. Sau đợt ấy, Tiết mở lớp dạy con em trong làng nên dân gọi là ông đồ Tiết.

Mấy năm sau, tới lúc anh em Chất, Phác đi theo quân Đề Nghĩa rồi biệt tăm biệt tích, lúc bấy giờ người Pháp mới bắt cụ Tiết, nhưng cũng chỉ phải tù mất vài năm. Ông cử Lễ ngẩng mặt lên trời mà than:

- Hình ngục nan đào! Tử vi của chú Tiết là thế. Chỉ thoát một lần, nhưng lần thứ hai cũng không thể thoát.

Cụ Đinh Công Trung thương con trai, ngã bệnh chết. Rồi bà Tiết thương chồng tù tội, nhớ mong hai đứa con trai bỏ làng biệt xứ, nên cũng héo hon mà qua đời.

Khi ông Tiết hết hạn tù, ông Hiếu điên điên rồ rồ bỏ ra chùa ở, ông cử Lễ nhường hẳn ngôi nhà gia tiên để lại cho em trai. Phần nào cũng do lòng tốt của ông, song phần nào cũng do ông sợ cái hướng nhà. Nghe nói có lão đồ Mốc, thầy địa lý khét tiếng cả vùng, phán rằng mộ phần nhà họ Đinh đều tốt cả, chỉ riêng dương trạch không ổn. Khí không tụ mà lại tán, sợ rằng phú quý tài lộc không dài lâu đến đời con, đời cháu, rồi thậm chí có người sa hình ngục. Cử Lễ ngẫm nghĩ thấy lão Mốc nói nhiều điều đúng, nhất là khi nghĩ đến cái chết của ông bố và cô em dâu sau khi ông Tiết bị tù. Còn Tiết sau khi đi tù về, ông lặng lẽ nói:

- Bác nhường cho thì em xin nhận. Em xin giữ gìn trông nom của gia tiên, sao cho nó vượng lên. Riêng em,

dù ngôi nhà của cha chúng ta có dữ thế nào, em cũng không cần. Bởi vì bản thân em đã đi tù. Vợ cũng đã chết. Hai con thì lưu lạc chân trời góc biển nào cũng chẳng ai hay. Đứa con gái lớn số phận chẳng ra gì. Chỉ còn mụn con gái út, bác đã lo cho rồi. Thế cho nên em không sợ. Và biết đâu đấy... bởi vì vật cực tắc phản mà (vật đi hết đường sẽ quay trở lại).

Cái lý lẽ của ông em trai có vẻ cùn, bất cần. Điều ấy làm ông cử Lễ áy náy. Ông bảo em:

- Hay là ta bán quách nó đi, tậu cho chú khu đất khác.

- Không được. Của gia tiên không nên bán... Vả lại... em hiểu rồi. Bác áy náy vì sợ mang tiếng là đùn đẩy cái phần xấu, phần không may về cho thằng em hứng chịu chứ gì. Em nói thật với bác: Em không tin rằng số phận lại tiếp tục đẩy em tới chỗ tuyệt diệt.

Ông đồ Tiết không tin vào sự tuyệt tình của số phận. Ông vật lộn với nó, và trước mắt, ông phải làm cho cái trang trại của mình được hưng thịnh lên. Mặc dù đi tù về ốm yếu, ông vẫn hàng ngày cặm cụi vun xới khu vườn, chặt tỉa những cây già cỗi sâu bệnh, trồng thêm những cây mới. Thằng cháu Điều, tuy nhỏ tuổi, nhưng hăng hái cũng chẳng kém gì ông. Hai ông cháu lần hồi sống cùng vườn cây. Nhìn thằng cháu lớn lên từng tháng, từng năm, điều ấy cũng tiếp sức cho ông rất nhiều. Bây giờ, khu vườn đã hồi sinh hoàn toàn. Nó lại càng thêm sức sống khi hai bố con Huyền và Nhụ trở về.

Sớm nay, cụ đồ Tiết dẫn Nhụ đi thăm khu trại. Ông già rất yêu quý cô cháu gái. Bà cụ Tiết chết rồi. Cô con gái lớn, cô Mùi, tuy không chết cụ cũng coi là chết. Cô Loan, khi cụ mắc tù tội, được ông cử Lễ nuôi nấng, gả chồng cho

lấy người làm nghề giáo học ở Hà Nội. Bạ người đàn bà đi khỏi trang trại. Cái nhà tắm thiên nhiên xanh ngắt của cụ ở dưới chân đồi hầu như bỏ hoang, bởi vì thằng Điều không thích tắm nhà tắm, nó thích vùng vẫy bơi lội trên sông hoặc ngoài hồ Huyền. Những cây mây nơi nhà tắm bỏ hoang, được dịp tha hồ mọc bừa bãi. Cái nhà tắm xanh càng trở nên um tùm. Những ngọn mây như những con rồng vươn lên trời mà nhảy múa. Thấy có cô cháu gái, cụ Tiết lặng lẽ ra sửa sang, buộc bịu cho cái nhà tắm được gọn gàng. Nhụ trông thấy cái nhà tắm xanh, mắt sáng lên thích thú. Và ông lão lại được sung sướng, khi tiếng cười như pha lê của Nhụ lại cất lên ở đó, lúc cô dội làn nước mát lạnh lên đầu. Tiếng cười lanh canh từ cái buồng tắm thiên nhiên, từ cái vách lá mây xanh ngắt ấy vang lên, chợt làm hiện lại hình ảnh của người vợ, của những người con gái, những hình ảnh ấm áp của một gia đình mà ông cứ tưởng rằng sẽ không bao giờ gặp lại. Cô cháu gái đã lấp đầy chỗ trống tình cảm trong trái tim ông, chỗ trống mà một con người cứng rắn như ông sẽ không khi nào chịu bộc lộ, thú nhận vì lòng kiêu hãnh.

Kìa, cô cháu gái đang đứng ở góc sân, dưới gốc cây thị thơm ngát. Cô cúi đầu, xõa tóc, rồi nắm lấy chân tóc ở sát đỉnh đầu mà quay vun vút cho nước văng đi, tạo thành một đám mưa bụi mát rượi bay cả vào thềm hè.

Tối hôm ấy có trăng. Nhụ mắc võng dưới cây thị, đưa võng kẽo kẹt mà hát rằng:

Cô rong chơi mười tám cửa ngàn
Ba mươi sáu động sơn trang các tòa...

Lúc đó, ông già ngồi uống nước với Trịnh Huyền. Cụ Tiết ngẫm nghĩ rất lâu rồi bảo con trai:

- Tôi có câu chuyện này, chả biết đã nên nói với anh chưa.
- Dạ, xin thầy cứ nói.
- À mà thôi, để sau hãy hay.
- Vâng ạ, lúc nào tiện thầy nói cũng được.
- Ừ... Mà... vì... con bé ngoan đáo để.
- Thầy bảo ngoan thế nào ạ.
- Thì... con cái Nhụ chứ còn ai. Con bé ngoan lắm.

Ông già nhắc lại câu nói. Nhìn gương mặt vui vẻ của cha, Trịnh Huyền cũng thấy vui lây. Anh cũng thật không ngờ đứa con gái của anh lại làm cho cha anh hài lòng như vậy. Anh chợt thấy việc trở về làng của mình là rất đúng.

Đứa cháu gái hầu hạ ông khéo lắm. Sáng sớm nào cũng đúng như chiếc đồng hồ, khi con chim dẻ quạt đen nhánh bắt đầu xòe đuôi vừa nhảy vừa hót ở bụi trúc vàng đầu nhà là Nhụ mang lên ấm nước để ông pha trà. Cũng như mọi nhà nho khác, ông Tiết thích uống trà buổi sớm, nhưng trước đây, cảnh nhà ly tán, hết tai họa này đến tai họa khác đổ xuống đầu, nên hầu như ông già đã quên mất cái thú vui ấy. Nó chỉ trở lại khi cha con Trịnh Huyền về nhà. Ông già không nói ra, nhưng trong bụng rất cám ơn cha con Huyền. Bởi vì, bằng những hành động nhỏ nhoi, họ đã nhắc lại cho ông niềm vui sống gần như bị đánh mất trong ông.

Uống trà xong, cụ đồ Tiết dắt cháu gái ra khu nuôi ong. Cụ Tiết quý những đàn ong của mình vô cùng. Trước đây, không một ai được bén mảng đến khu nuôi ong. Hình như trước cũng có một người được phép, nhưng người ấy đi rồi. Bây giờ, tự tay cụ chăm sóc lấy. Cụ không muốn theo lối cổ truyền nuôi ong bằng đõ như người

miền núi. Cậu cháu Tuấn nhờ một người bạn học canh nông dạy cụ nuôi ong theo kiểu mới bằng thùng đóng hình hộp, rồi gài cầu vào bên trong cho ong làm tổ. Hôm ấy, ông cụ bảo Nhụ:

- Xem ra cháu nuôi ong được đấy.

- Nuôi ong khó lắm phải không ông?

- Cũng khó mà cũng dễ.

- Cháu sợ ong đốt lắm.

Ông tươi cười nhìn cháu:

- Người nuôi ong phải biết kiên nhẫn, lặng lẽ và dịu dàng. Người nóng nảy, thô lậu khó có thể nuôi ong. Ong rất ưa sự khẽ khàng, mềm mại. Đến với ong phải giống như người mẹ đến với con mình. Âu yếm, ấm áp. Ong cũng có thể cảm nhận được bàn tay nào yêu thương chúng, không muốn làm hại chúng. Ong cũng thích người có da thịt thơm tho. Sở dĩ ông không cho người khác đến nơi đây, bởi vì họ vụng về và thô thiển. Họ chưa đến đã nghĩ đến ăn mật. Hơn nữa, mùi khác lạ cũng làm ong sợ. Loài ong cũng biết đánh hơi. Có đàn ong rất sợ mùi mồ hôi dầu. Người có mùi này chỉ đứng cạnh, chưa kịp làm gì, đàn ong đã nhốn nháo như sôi lên, chỉ chực bay ra đốt kẻ địch.

Cô bé Nhụ ngây người, nghe ông kể về ong. Cô được phép núp sau lưng cụ Tiết đi vào khu nuôi ong. Năm thùng ong được đặt dưới những gốc nhãn, chung quanh một cái lều nhỏ. Những cây nhãn cổ thụ tỏa bóng che mát cả một vùng. Dần dà Nhụ đã dám từ sau lưng đi ra đứng cạnh ông già. Những con ong bay vù vù quanh người cô bé. Ông bảo:

- Đừng sợ, chúng đang tìm hiểu xem cháu là người thế nào. Cứ bình tĩnh, đừng hốt hoảng.

Mấy con ong sáp lại, đậu trên má Nhụ. Ông cụ lại nói:

- Mặc chúng! Đừng cử động mạnh. Ví dụ có con nào đốt cũng phải cắn răng mà chịu. Vả lại, loài ong ruồi không hung dữ. Chỉ khi nào thấy bị tấn công nó mới đốt lại để tự vệ...

Đi theo cụ Tiết vài hôm, Nhụ bắt đầu quen những đàn ong. Cô học dần dần để trở thành một trợ thủ đắc lực cho ông trong nghề nuôi ong.

Mới đầu, cụ Tiết nuôi ong để chữa bệnh. Ở tù ra, người cụ chỉ còn da bọc xương. Người ta bảo cụ mắc lao. Cụ đã uống mật ong liên tục ngày hai lần. Rồi còn dùng cả tắc kè sấy khô tán bột, lúc ăn trộn một thìa với mật ong. Ong thì nuôi. Tắc kè thì cu Điều lần mò bẫy trong rừng. Chẳng mất tiền thuốc mà sức khỏe của cụ Tiết cũng dần hồi phục.

Lúc này, khỏe rồi, cụ đồ vẫn say mê nuôi ong; bởi vì ở đây gần rừng nhiều hoa, hơn nữa ngoài chuyện bổ dưỡng, nó còn là một nghề, một mối lợi. Trong gian buồng đầu hồi, nơi cụ ở, lúc nào cũng thấy phảng phất hương mật ong.

Cuối xuân đầu hạ, hoa núi ê hề, trong rừng có hàng trăm thứ hoa đua nở. Những cây nhãn rừng, rồi dâu da rừng đơm hoa trắng xóa. Những cây mai vàng khắp tán lá trổ hoa vàng ối làm sáng cả những góc rừng. Ở đây có cả khu rừng sấu, hoa ngà ti li nhưng rất quyến rũ ong vì hương của nó ngòn ngọt; khi ngồi dưới khu rừng sấu mát rượi, ngửi mùi hương của nó, đến con người còn bị quyến rũ. Ngoài ra, ở những vạt đất thoáng ven suối, còn có bao nhiêu loài hoa dại: những bông hoa tím không tên, những bụi mẫu đơn đỏ rực, những bông hoa vông vang to

như những cánh bướm vàng rung rinh, những bông hoa loa kèn trắng nõn nà... Bướm cũng nhiều vô kể. Chúng cũng cần mẫn chẳng kém gì ong. Hết vờn trên mặt đất, lại bay vút lên cao, nơi có những giò phong lan rực rỡ. Thiên đường hoa!

Vào mùa hoa như vậy, lũ ong thợ dậy rất sớm. Chúng rung cánh bay qua trảng cỏ trống đầy hoa dại để tới những khu rừng rậm rịt bên kia sông. Nhụ cũng dậy khi lũ gà trống gáy dồn. Cô ra chuồng gà nhặt trứng, sau đó đi một vòng quanh vườn xem có dấu vết gì của lũ cầy cáo hay không. Tiếp đó, cô đến chỗ nuôi ong.

Mùa này mật mau đầy tổ. Lũ ong hầu như đã vào rừng hết cả, chưa kịp về. Tổ ong vắng vẻ. Chỉ thấy lưa thưa dăm chú ong thợ đậu ngoài cửa. Hai ông cháu bắt tay vào việc. Họ mở nắp thùng ong mà họ đã thăm dò từ mấy hôm trước. Các cầu ong đã đầy và bít nắp. Cụ Tiết dùng một lưỡi dao thật mỏng, sắc như dao cạo, khéo léo cắt những tầng ong nhiều mật, để lại những tầng còn đang xây dở dang, để lại cả những tầng có nhộng con. Cụ lấy được bốn tầng đầy mật, cắt chúng thành những miếng nhỏ. Sau đó, lấy một chiếc chậu sạch và khô, đặt mấy chiếc đũa dài lên miệng chậu, rồi đặt những miếng tổ ong lên đũa ngáng. Nhụ bê chậu đặt ra giữa sân, chỗ dãi nắng. Cùng lúc ấy, mặt trời đã lên cao tới đầu ngọn tre. Mấy con gà trống trong chuồng trông thấy Nhụ cứ cục cục như van xin cô cho ra. Nhụ quay lại, cười:

- Hôm nay lấy mật. Bị nhốt hiểu không.

Đến trưa, lúc mặt trời đứng bóng, sáp bịt miệng lỗ tổ ong chảy ra, mật theo lỗ tổ ong đã mở rơi xuống đáy chậu từng giọt. Mật trong chậu màu vàng nhạt, trong như hổ

phách. Cụ Tiết bảo đó là mật thượng hạng dùng để chữa bệnh. Khi mật không chảy nữa, Nhụ mang những miếng tầng ong xếp vào nồi, đem lên bếp đun nhỏ lửa, sau đó mang ra lấy tay bóp nhẹ. Nước mật thứ hai theo kẽ ngón tay của Nhụ chảy vào liễn. Nước mật này màu nâu trông như mật mía thơm phức. Cụ Tiết bảo Nhụ đi chợ mua bánh đa quết mật nước hai này vào rồi cả nhà đến tối ngồi ở hiên vừa ăn bánh đa, vừa uống nước chè tươi, vừa ngắm trăng non. Ôi chao! Những quãng ngày này với Nhụ, với Điều, với cụ Tiết, cả với bố Huyền nữa, sao mà đẹp thế.

2

Nhụ thường xuyên bên cụ Tiết, còn Điều lại luôn bám dính theo chú Trịnh Huyền. Có ông chú, cậu cháu khoái vô cùng. Khoái vì từ nay không phải làm việc một mình. Khoái vì ông chú là người từng trải, biết nhiều chuyện, biết làm nhiều việc. Làm nghề nông cũng giỏi mà đánh đàn cũng hay. Nghe lời cụ đồ, ông Huyền đã sắm một cây đàn nguyệt, tối về ngồi ở thềm nhà nhấn nhá. Tiếng đàn mềm mại uốn lượn thật tài tình. Điều ngồi sau lưng chú nghe tiếng đàn cứ ngẫm nghĩ: "Quái lạ! Bàn tay ấy gặt lúa cứ rào rào, loáng một cái đã xong sào lúa. Tưởng rằng những ngón tay của ông phải to bè, cứng quèo, ấy thế mà lúc này mình cứ tưởng như những ngón tay ông thật là thon thả mềm mại". Điều bảo ông:

- Chú Huyền dạy cháu đánh đàn với nhé.

- Cháu nghe có thấy thích không đã?

- Rất thích.

- Rất cơ à? Thế thì được, nhưng phải dần dần.

- Dần dần là thế nào?

- Đầu tiên phải học hát cho thật đúng. Sau rồi nghe. Nghe và hát cho thật nhuyễn. Điệu hát thấm vào người lúc nào không hay. Lúc ấy mới học đàn thì mau lắm.

- Vậy chú dạy cháu hát đi.

- Không.

- Sao lại thế?

- Cháu lạy cái Nhụ làm thầy. Nó sẽ dạy cho. Nhụ hát rất hay đấy.

- Không! Cháu không lạy cái Nhụ làm thầy đâu.

Ông Huyền cười to:

- Thế thì chịu. Giọng chú là giọng thuốc lào. Làm sao dạy cháu được.

Nhà cụ đồ chỉ có chừng mẫu ruộng. Trước kia, chỉ có mình cu Điều, sức vóc mới choai choai, lại chưa có kinh nghiệm đồng áng, nên làm không hết việc. Bây giờ có ông Huyền giỏi giang, nhà lại có bò nên công việc nhanh lắm. Cày bừa, đập đất, trồng ngô xong, còn khối ngày nông nhàn.

Bữa ấy rỗi rãi, chú Huyền và cháu Điều sang bên kia sông đi cắt tranh về lợp lại chuồng bò. Bề ngoài, tiếng là cháu Điều hướng dẫn chú Huyền, nhưng thực ra thì ngược lại. Chú bảo:

- Chú cháu mình chịu khó đi xa một chút. Vùng núi Đùng cỏ tranh tốt hơn. Cỏ tranh ở đó dài hơn.

- Hóa ra chú vẫn còn nhớ nhiều thứ nhỉ.

- Nhớ chứ. Ngày xưa chú vẫn vào cắt ở đấy...

Điều ra chuồng bò dắt con bò loang và con sừng hươu ra khỏi chuồng. Cậu nói:

- Có chuyện qua sông là khác ngày xưa.

- Khác thế nào? Mà sao lấy tranh lại dắt bò đi?

Thằng bé không trả lời. Chỉ khi ra đến bờ sông thằng bé mới nói:

- Ngày xưa, hồi của chú, đồn điền "Mắt Mèo" mới lập, chưa có lệ nộp tiền qua sông. Từ khi lão Julien làm chủ đồn điền, ông ta đặt ra lệ ai bơi đò qua sông phải nộp tiền. Ở đây có hai bến đò. Lão Julien cho cai thầu đò. Chủ đò bắt chẹt 2 xu một chuyến. Dân làm đò tự chở, lão Julien vẫn bắt nộp 1 xu một ngày. Ai không nộp, không cho sang sông. Dân kêu quan, quan bảo đất hai bên bờ sông nhà nước đã cấp cho Tây, thuộc quyền của đồn điền. Vì vậy nhà nào có bò, qua sông bằng bò để trốn tiền đò.

- Hóa ra là vậy!

Hai chú cháu cởi quần áo. Chú mặc chiếc quần đùi, còn cháu cởi truồng. Một tay giơ cái nón đựng quần áo lên trời, một tay nắm đuôi bò, họ bơi theo con vật qua sông. Hai con vật hiền từ nghển cổ lên khỏi mặt nước, bơi xuôi dòng, chéo qua sông. Nước sông chảy xiết, lại thuận theo dòng nước nên họ qua sông rất dễ dàng. Được tắm nước mát, lại không mất sức, hai con bò lên đến bờ lắc đầu rũ lông rồi nhắm hòn núi Đùng tiến bước.

Nhìn ngọn núi cao, Điều hỏi chú:

- Sao lại núi Đùng chú nhỉ?

- Đó là câu chuyện ông Đùng bà Đà, dân ở đây ai chả biết. Mà cháu chưa biết sao?

- Cháu biết chứ. Nhưng bọn trẻ vẫn hay thích nhắc lại câu chuyện. - Cậu bé choai choai vừa nói vừa cười, rồi cậu thêm. - Cháu nghe nói hội Đùng vui lắm phải không? Chú đã được dự lần nào chưa?

- Chỉ mới một lần lúc chú mới lớn. Các cụ bảo hội làng mình tốn kém lắm, nên mười năm mới có một lần. Mấy chục năm nay làng mình mất mùa luôn nên đã lâu lắm không mở hội.

- Tốn kém đến thế nào mà lại không mở nhỉ?

- Tiếng là một hội nhưng thành ba hội. Bên kia sông mở hội ở đình làng. Bên này sông, ở đầu dòng mở hội trên núi Mẫu; ở cuối dòng nước mở hội ở núi Đùng...

Điều vẫn háo hức muốn biết thêm nhiều điều về ngày hội, những điều mà cậu không thể mở miệng hỏi ông nội, vì hỏi có thể bị mắng. Còn ông Huyền, ông lại tranh thủ nắm tình hình xóm làng, tình hình về những người ngày xưa.

- Ông Cửu Nhậm lên chức tiên chỉ từ bao lâu rồi?

- Mới được năm năm.

- Ông quản Boong là người thế nào?

- Ông này hay đến đánh cờ với ông. Ông chẳng tiếp, ông ta cũng cứ đến.

- Cháu có biết bà Váy bây giờ ra sao?

- Bà Váy nào nhỉ? Cháu chẳng thấy bà nào tên là Váy.

- À, các cụ ngày xưa hay đặt tên xấu xí cho dễ nuôi. Còn sau này, lên ông nọ bà kia, người ta đổi tên cho đẹp cho sang cả rồi.

- Chú có biết ông Cỏn xóm Cửa Đình không?

- À lý Cỏn phải không?

- Vâng, ông ấy có những ba vợ, bây giờ giàu lắm.

- Thế hử?

Câu chuyện bỗng làm cho ông Huyền như lạc vào quá khứ. Nhưng chẳng biết ông đang nghĩ gì. Vui hay buồn. Chỉ thấy mặt ông kín như bưng. Có con chiền chiện ở đồi sim chợt bay bổng lên trời cao. Nó bay cao tít trời xanh, tới mức chả nhìn thấy bóng nó nữa. Chỉ còn nghe thấy tiếng hót ríu ran của nó ở trên đầu. Ông Huyền che mắt nhìn lên trời và cười với tiếng chim. Thấy ông chú lại vui vẻ dễ tính, Điều lại tiếp tục những câu hỏi về hội hè ngày xưa, những câu hỏi mà nó không thể đặt ra với ông nó được.

- Chú ơi! Thế "trải ổ" là gì trong hội?

- À. Cháu chú muốn biết "trải ổ" là cháu đã lớn rồi đấy.

Điều đỏ mặt. Nhưng chú Huyền không trêu lâu. Chú chỉ hiền hòa nói rằng:

- Đó là cái lệ làng rất đặc biệt ở Kẻ Đinh. Ai ai cũng tò mò muốn biết cái lệ đó. Nhưng chẳng có ai cần giải thích bao giờ. Khi ngày hội đến, tự dưng từng người đều biết - nhất là đám trai trẻ.

Điều vẫn hiếu kỳ:

- Cháu muốn biết ngay từ bây giờ.

- Nôn nóng làm gì hở cháu. Có cái lệ làng đặc biệt như vậy thì hội làng càng thêm hấp dẫn, thú vị chứ sao.

Hai chú cháu nói chuyện suốt dọc đường thành thử đã đến núi Đùng tự lúc nào mà họ chẳng hay. Họ leo lên đến gần đỉnh mới gặp một vạt cỏ tranh rất tốt. Điều quấn thừng quanh sừng bò, rồi thả cho hai con vật tự do gặm cỏ. Cỏ tranh cao lút đầu người. Hai chú cháu không nói chuyện nữa. Họ chuyên chú cắt nên chỉ một lát đã được hai gánh cỏ tranh dài sườn sượt.

Hai chú cháu mồ hôi đầm đìa rủ nhau lên đỉnh núi Đùng nghỉ chân. Mặt trời đã lên cao, nhưng đỉnh núi mát rượi. Ở đó gió rất lộng và đặc biệt có năm cây thị như năm cái lọng che, quanh năm tỏa bóng, làm chỗ nghỉ chân cho những người đi rừng. Họ lên tới nơi đã thấy hai người đàn bà đi lấy củi về ngồi nghỉ ở đó.

Hai người đàn bà thấy bộ mặt quái gở nửa người nửa ma quỷ của Huyền, chắc lấy làm lạ, nên thỉnh thoảng cứ lấm lét nhìn. Thằng Điều thấy người đàn bà có chiếc ống bương đựng nước dựng ở gốc cây thị thì sáng mắt lên, nói liến thoắng:

- Cháu chào bà Ba! Ôi may quá! Cháu quên mang nước uống. Cho cháu xin một ngụm nhé.

Người được gọi là bà Ba là một người đàn bà có sắc đẹp lồ lộ ai trông cũng thấy ngay. Một cái đẹp của sức sống. Một cái đẹp của da thịt mỡ màng. Người đàn bà ấy trắng lắm. Có vẻ làm việc đồng áng giỏi mà da mặt vẫn trắng bóc. Con mắt đen lóng lánh. Đôi lông mày nằm ngang như hai nét mực tàu vẽ trên khuôn mặt tròn vành vạnh. Mớ tóc vấn khăn trên đầu cũng đen mượt. Ở bà ta, những chỗ nào da thịt hở ra cũng thấy ngồn ngộn ngọt ngào. Bà ta ăn vận xuềnh xoàng. Cái váy đen, cái áo nâu đã bạc lưng, cái yếm nhuộm vỏ đa màu hồng nhạt. Thấy Trịnh Huyền từ lúc mới gặp cứ nhìn chằm chằm, bà Ba ngượng ngùng cúi đầu xuống. Người đàn bà đi cùng, lại cho ta một hình ảnh trái ngược hẳn. Chị ta gày guộc, da thịt sắt lại, quần áo ra chừng lam lũ. Chị ta bảo:

- Chị Ba này. Ăn một miếng trầu, rồi chị em ta về kẻo nắng.

Thằng Điều uống nước ừng ực. Nước từ cái ống bương

chảy ra đổ cả xuống cằm, xuống cổ áo. Thỏa mãn cơn khát xong, nó càng nói liến thoắng như khướu:

- Bà Ba lòng dạ như tiên như Phật - Biết được con khát sắp chết nên dành cho con nước uống. Nước mưa ở bể nhà bà ngon ngọt thật. Như nước cam lồ của Phật.

Bà Ba vừa nhai trầu vừa mắng nó:

- Mày lém vừa vừa chứ. Đưa ống nước cho ông ấy uống.

Trịnh Huyền chỉ từ tốn uống một ngụm nước rồi trả lại cái ống bương và nhân tiện bắt chuyện với người đàn bà:

- Thằng cháu tôi nó lém thế, nhưng nó tinh đấy, đúng là nước mưa hứng ở cây cau cho chảy vào chum nên mới ngọt và thơm.

Người đàn bà chợt sững lại, nhìn vào mặt Trịnh Huyền. Nhưng cũng lúc ấy, Huyền nghiêng mặt đi chỉ để cho bà ta nhìn thấy nửa khuôn mặt sứt sẹo của mình. Bà ta ngập ngừng hỏi:

- Thế ông phân biệt được nước mưa hứng ở mái và nước mưa hứng ở cây cau sao?

- Biết chứ. Mái ngói cũ có nhiều rêu mốc, nước mưa sẽ ngai ngái. Phải để lâu ngày mới hết mùi. Còn nước mưa cây cau lại khác. Nó là mùi lá, mùi hoa. Thật đấy! Có lúc nó thơm mùi hoa cau...

Người đàn bà nhìn kỹ vào vết sẹo hồng hồng trên má Trịnh Huyền, rồi lại nhìn thấy con mắt phía má ấy cứ mở trừng trừng không biết khép lại, bà nhắm mắt, hình như hơi rùng mình nói buồn buồn:

- Ngày xưa, cũng có người tinh mồm biết phân biệt nước mưa như ông... Còn tôi, uống nước nào cũng thế.

Chịu không phân biệt nổi... Mà này... hình như... Nhìn ông tôi cứ thấy ngờ ngợ.

- Sao... hả bà...

Thằng Điều rất tinh ranh, xen vào:

- Quên! Cháu chưa trình với bà Ba. Đây là chú Huyền cháu. Họ đằng bà cụ tổ ngoại, ở Nam lên. Dưới ấy lụt lội, mất mùa liên miên. Nhà cháu neo người nên ông cháu cho gọi chú ấy lên, vừa để giúp đỡ ông cháu, vừa để bảo ban cháu làm ăn.

- À... Ra thế...

- Còn bà Ba là bà ba của ông lý Cỏn, hôm nọ ông Lý có đến nhà mình đấy.

Khi hai chị em bà Ba đứng dậy đi về, Trịnh Huyền không kịp xoay người, nên bà Ba đã thoáng trông thấy cái nửa mặt còn lành lặn của ông. Chỉ thoáng thôi nhưng cũng đủ cho người đàn bà nhíu mày lại. Và khi đã bước chân đi rồi, bà ta còn ngoái nhìn lại lần nữa, nhưng Trịnh Huyền đã kịp giấu khéo cái nửa mặt lành lặn ấy đi. Hai người đàn bà đã khuất sau những lùm cây ở chân núi mà ông Trịnh Huyền vẫn cứ nhìn theo con đường mòn. Cháu Điều gọi: "Chú ơi! Chú ơi!". Ông Huyền giật mình, chợt tỉnh khỏi những dòng suy nghĩ. Cậu cháu tinh quái hỏi:

- Chú ạ, có phải bà Ba là cô Váy ngày xưa không?

Người chú cười:

- Cháu bảo làng Đình không có ai tên là Váy cơ mà.

Khoảng mười lăm, mười sáu năm về trước, cô Váy là bạn thời chăn trâu cắt cỏ của Huyền, tuy anh nhiều tuổi hơn. Cô Váy mặt tròn như cái đĩa. Nhà nghèo mà da lúc

nào cũng trắng muốt. Cô mũm mĩm. Tính tình hồn nhiên như trẻ thơ. Vì nhà nghèo, lại là con gái, lại bé, nên cô luôn bị đám mục đồng bắt nạt. Anh Phác (tức là Huyền sau này) lớn nhất hội đã che chở cho cô. Do vậy, lúc nào Váy cũng bám lấy anh Phác như cái đuôi, đuổi cũng vẫn theo. Mãi rồi cũng thành quen, hai người cứ bám dính lấy nhau như đôi chim cu. Mới đầu Phác ngượng, nhưng khi Váy 13 tuổi, đôi vú đã thây lẩy, thì vắng Váy Phác lại thấy nhớ. Dân làng bảo: "Cái Váy phải lòng thằng Phác từ lúc lên mười".

Vậy nên khi lớn lên, cái đôi ấy "trải ổ" cho nhau, dân làng chẳng lấy làm lạ. Thằng Điều hỏi ông Huyền "trải ổ" là gì, ông Huyền không giảng. Bởi vì lớn lên khắc biết. Ngày hội sẽ giải nghĩa cho. Đám rước làng Đình cũng giải nghĩa cho. Rồi trăng sáng vằng vặc cũng là sự cắt nghĩa không lời.

Mùa trăng, mùa "trải ổ" năm ấy, trong cái ổ rơm thơm phức, Phác lần đầu tiên trông thấy đôi mắt đẫm trăng vừa long lanh vừa háo hức của Váy. Cô gái mũm mĩm ấy có được ai dạy bảo gì đâu. Sao mà cô đằm thắm đến thế, sao mà cô đàn bà đến thế, sao mà cô ngọt ngào đến thế. Trăng khuya, sương khuya xóa nhòa mọi ranh giới. Trăng mùa "trải ổ" trùm tấm áo khoác hoan lạc lên trên người họ, dạy cho họ vũ điệu tình yêu. Rồ dại và cuồng điên, họ tan biến trong nhau, để đến lúc khi an bình trở lại, Huyền mới biết tai mình đã chảy máu. Thần hoan lạc hay chính cô Váy, đã cắn rách tai Huyền mà đến lúc này họ mới biết. Váy rúc rích cười, lấy thuốc lào rịt vào vành tai người yêu. Và một câu chuyện nói dối hoang đường đã xảy ra. Anh chàng Phác đã bảo bố là mình bị ngã từ trên

cây táo xuống, cái gai táo rất to đã móc vào tai, làm rách vành tai. Câu chuyện hoang đường ấy vẫn được ông cụ Tiết tin cho đến tận bây giờ.

Hồi tưởng, rồi lại tự trách mình: "Tại sao ta lại nói tới chuyện nước mưa cây cau với Váy nhỉ. Khi còn trẻ, ta đã nói chuyện ấy với cô ta rồi thì phải. Có thể câu chuyện đó làm Váy nghi ngờ. Và nếu mọi người biết thì sao? Chồng cô ta biết thì sao? Nghe nói, lý Cỏn, chồng của Váy hay ghen lại có quyền. Và theo như cha ta nói, việc giấu biệt tung tích của ta là cần thiết...".

Cháu Điều rất tinh. Hình như nó đoán ngay được ý nghĩ của Trịnh Huyền trên gương mặt ưu tư của ông:

- Chú đừng lo. Bà Váy không thể nhận được ra chú đâu. Cháu tin là thế.

- Bà ta, khi đi rồi, vẫn còn ngoái lại.

- Ngoái lại không phải vì nhận ra chú, mà vì... vì khuôn mặt đáng sợ.

- Đáng sợ ư?

- Chú thử nghĩ xem, có khuôn mặt nào lại nửa là người, nửa là...

- Là quỷ chứ gì.

- Cháu nói thật, chú chớ có giận. Ai đời vết sẹo thì căng bóng, dúm dó, đo đỏ. Con mắt thì, đêm cũng như ngày, luôn mở to thao láo. Ngay cả khi con mắt kia đã nhắm lại rồi, nó vẫn cứ mở. Ai biết rằng nó đã ngủ hay đang thức. Và cái khóe miệng nữa chứ, lúc nào cũng xếch lên như cười như chế giễu. Cháu nói thật, ai trông thấy mặt của chú cũng bị khiếp đảm ngay, cũng không dám nhìn thẳng vào. Vì vậy còn tâm trí nào mà nhớ lại.

Bà Ba Váy cũng vậy. Bà ấy không nhận ra đâu. Cháu cam đoan. Bà ấy sợ thì đúng hơn.

- Bà ấy sợ ư? - Trịnh Huyền nhắc lại câu nói của cháu, và ông đứng dậy, bên phía mặt hiền hòa của ông, ta thấy một thoáng buồn.

3

Trước kia, một mình Điều phải chăn năm con bò, hai con bò vàng, một con bò loang, một con bò đen và một chú bê con. Hai con vàng và con loang là ba con cái. Con đen là con đực. Lũ bò rất hiền, chăn chúng thật nhàn. Chỉ riêng con đực, chăn nó quá mệt. Chú bò đen này hăng lắm. Hai chiếc sừng của nó nhọn hoắt, đâm thẳng ra phía trước như hai con dao găm. Nó vạm vỡ, cao lớn, to gấp rưỡi những con bò thường. Khi duổi theo những con khác, Bò Đen hùng dũng phi nước đại, đầu lao ra phía trước. Ba con bò cái: một con tên là Sừng Hươu, con thứ hai có tên Bò Loang, con thứ ba Điều gọi nó là Sừng Khoằm. Con bê là con của Sừng Hươu và Bò Đen, nhưng nó giống mẹ, lông toàn màu vàng. Bò Đen tuy đã có ba vợ, song vẫn chưa thỏa mãn. Nó vẫn còn dư sức để đi trăng hoa ngoài đàn. Hình như các cô bò cái trong làng đều thích nó. Cứ thoáng thấy cái bóng cao lớn của nó từ xa, các cô đã cất cao giọng chào mời. Thế là Bò Đen bỗng lồng lên, phi theo tiếng gọi. Giữ nó mệt như thế đấy, vì vậy lúc nào cu Điều cũng phải để mắt tới nó.

Còn bây giờ, đi chăn bò đã có thêm cái Nhụ, đi chăn đã có đôi, Điều chợt thấy như người cất được gánh nặng, chợt thấy nhẹ bỗng hẳn. Cái Nhụ thật chu đáo. Gặp hôm trời nồng nực, trước khi đi, bao giờ, Nhụ cũng ra bể, múc gần đầy chiếc ấm da lươn nước mưa.

Cái bể nước mưa của cụ Tiết cũng khá đặc biệt. Trịnh Huyền giỏi phân biệt được nước mưa cây cau với nước mưa mái ngói, điều ấy nhờ cụ đồ Tiết truyền dạy. Cụ Tiết nghiện trà và pha trà bao giờ cũng bằng thứ nước mưa ở bể nhà cụ. Cái bể nước mưa không to. Nước ở đó chỉ dùng để pha trà. Chung quanh bốn góc bể, trồng bốn cây cau mập mạp, thứ cau liên phòng ra hoa tứ thời. Bốn cây cau, tàu loe giữa trời, như bốn cái phễu ngửa lên hứng nước trời; thứ nước tinh khiết từ rừng, từ suối bốc lên, rồi rơi xuống bốn cái tán lá xanh tươi đó, rồi theo cuống phễu tức là bốn thân cây chảy xuống đến ngang tầm miệng bể, thì gặp bốn tàu cau buộc ngang thân cây ngăn lại, rót nước vào bể. Bốn cây cau đó luôn được cụ Tiết kiểm soát. Hễ động có con chim sẻ nào tha rác định làm tổ ở những bẹ cau, lập tức cu Điều phải như con mèo trèo lên ngay, để phá tổ, không cho phép chim đẻ con tại đó. Bởi vì, nước từ tổ chim sẻ chảy xuống bể, thì nước bể coi như tạp, ô uế, không thể pha trà được nữa.

Cu Điều thấy ông bảo nước mưa ở cái bể rất ngon, rất quý. Nó chỉ nghe thế thôi chứ không biết ngon là thế nào. Tuy nhiên, hễ ông sai lên phá tổ chim sẻ, cu Điều thi hành ngay tắp lự, rất tích cực để bảo vệ sự tinh khiết của nước. Chỉ đến khi hàng ngày Nhụ lấy cái ấm da lươn múc nước ở bể, rồi hái dăm bông hoa nhài vứt vào, Điều mới hiểu cái quý báu của nước mưa ấy là thế nào. Cái ấm luôn được buộc vào cổ con bò loang. Con bò này rất khéo,

nó bước đi khoan thai, nhịp nhàng. Cái ấm đung đưa, lắc lư, nhưng nước chẳng sánh ra bao giờ. Có lần, Điều treo cái ấm vào cổ con Sừng Hươu hay con Sừng Khoằm song Nhụ không nghe. Nhụ bảo hai con bò ấy cũng rất khéo léo chẳng kém gì Bò Loang, tuy nhiên Sừng Hươu còn đang trong thời kỳ cho con bú, còn Sừng Khoằm lại đang có mang; vì vậy không nên làm chúng mệt. Từ nhỏ, Điều chỉ được sống với ông nội, chưa hề được bàn tay phụ nữ chăm sóc bao giờ, cho nên nó lớn lên như cỏ hoang, rất vô tâm. Lần đầu tiên nó được biết thế nào là sự tỉ mỉ, chu đáo, ân cần của một người đàn bà. Đến trưa, khi mặt trời lên tới đỉnh đầu, Điều chợt thấy khát quá, quen như mọi khi, nó phăm phăm chạy ra chỗ ruộng sâu, định vốc nước ruộng lên uống. Nhụ liền ngăn nó lại, đem ấm nước mưa ra cho uống. Cũng là lần đầu tiên, Điều được uống thứ nước mưa ướp hoa nhài. Nó tu ừng ực làn nước mát, ngọt lịm, thơm tho. Uống xong một lúc lâu còn cảm thấy mùi hoa thơm vẫn đọng lại trong cổ họng và phảng phất nơi ngực, trên tấm áo nâu cứng quèo mà khi uống nó làm vương ra.

Đàn bò lúc này đã nằm im dưới gốc cây chói lói đang đâm hoa đỏ rực. Điều nằm thẳng cẳng trên đám cỏ, úp chiếc nón mê lên mặt. Nó nằm dưới bóng một cây sim già lá rậm rịt. Nhụ vừa đi tát vũng về, bắt được một xâu cá rô. Nó nhóm lửa nướng cá. Mới đầu lá rừng, củi sim bén lửa, tạo thành một mùi thơm đặc biệt lan tỏa trong gió, vừa ngai ngái vừa thơm thoảng. Tiếp theo là mùi cá nướng, thơm sực nức ngào ngạt. Nhụ vừa làm vừa hát. Lại là khúc hát đầu tiên Điều được nghe. Nó khác hẳn những khúc hát ở vùng này mà chú bé đã được nghe. Khúc hát tươi tắn, réo rắt, vừa nhún nhảy vừa lượn lờ.

A...
Cô Chín ngự đồng dệt gấm thêu hoa
Long ly quy phượng cô thêu ra đôi rồng chầu.
A...
Cô thêu đỏ lặn ác tà
Thêu non, thêu nước, cô thêu hoa, thêu người.

Giọng hát của Nhụ lảnh lót, ríu rít như tiếng con họa mi của ông nội mỗi khi ông mở tấm vải che lồng rồi vẫy tay ra hiệu cho nó cất tiếng. Điều hất cái nón che mặt, nhỏm dậy bên gốc sim già. Nó nhớ lại cái chiều hôm chú Huyền và Nhụ trở về nhà. Lúc ấy, ông nói chuyện riêng với chú. Điều đi rút rơm đun ở đống rơm chất sau lưng nhà nên đã bất chợt nghe hết chuyện của hai người. Nó biết Nhụ không phải con ruột của chú. Và cũng không hiểu tại sao nó lại thấy vui vui trong dạ. Khi trở lại bếp, dưới ánh lửa rơm lúc bùng mạnh lúc yếu, nó nhìn trộm đôi má ửng lên vì ánh lửa của cô em gái hờ mà lúc nãy nó chưa kịp nhận rõ mặt. Cũng là lần đầu tiên nó chú ý quan sát một cô con gái, tự dưng nó bỗng cảm thấy đôi tai mình cũng nóng ran.

Nhụ còn đương ngân nga chưa hát xong câu hát, chợt thấy gáy mình nóng ran. Nó quay đầu lại, thấy Điều đã đứng ở phía sau.

- Em hát bài gì mà hay thế? Anh chưa nghe thấy bao giờ.
- À... bài "Dệt gấm thêu hoa", văn cô Chín.
- Cô Chín nào?
- Cô Chín Đền Sòng mà anh không biết ư?
- Anh không biết.
- Anh có thích không?
- Thích.

- Em dạy cho mà hát.

Điều lúng túng, rồi lắc đầu:

- Không, anh chẳng... học đâu.

Nhụ mở to đôi mắt:

- Sao lại không? Anh thích học đàn cơ mà. Phải học hát trước, rồi học đàn sau...

- Thôi. Anh chẳng học nữa.

- Vì sao?

- Vì... vì... học hát thì phải lạy em làm thầy.

Nhụ cười rũ rượi:

- Ai bảo anh thế?

- Chú bảo.

Nhụ vẫn cười rồi nói:

- Thế em không bắt anh lạy làm thầy, anh có chịu học không?

- Thế thì chịu.

- Anh có biết không? Ngày xưa, mẹ em cũng phải dạy bố em học hát trước đấy.

- Mẹ em có dạy em không?

- Không. Mẹ chẳng dạy. Mẹ bảo: Con đừng học hát. Đừng bao giờ học hát như mẹ. Em hỏi sao lại thế. Mẹ chẳng nói và mẹ cũng chẳng bao giờ nhắc lại chuyện ấy. Và em cũng chẳng học, nhưng không hiểu sao em vẫn cứ biết hát. Có lần em hát nghêu ngao ngoài vườn, ông ngoại và mẹ ngồi ở đầu hè nghe em hát cứ thừ người ra. Ông ngoại bảo: Con bé có cái giọng lạ quá. Còn mẹ thì thở dài.

- Sao em hát hay mà mẹ em lại thở dài nhỉ. Em kể nữa đi.

- Kể gì?

- Thì những chuyện như vừa rồi. Anh thích nghe lắm.

Nhụ cười... Kể gì nhỉ? Thực ra, những chuyện ngày xưa, người kể cũng thấy thú vị, người nghe, dù là những chuyện chẳng đâu vào đâu, cũng thấy lạ lùng, hay hay. Đôi mắt to và dài của Nhụ trở nên long lanh. Hàng mi chớp chớp như để gọi những hồi ức trở về. Những ký ức, tuy chưa lâu, mà đã trở nên xa lắc xa lơ trong tâm tưởng cô gái. Mẹ ơi... Cái người đàn bà dáng vóc gầy guộc mà sao giọng lại âm vang và long lanh đến như vậy. Chưa bao giờ Nhụ thấy người đàn bà nào hát hay như mẹ. Cái con người yểu điệu có sao gương mặt lại buồn buồn và trìu mến đến lạ lùng như vậy. Gương mặt ấy sao giống như quê em, một biển nước mênh mông trắng xóa, thỉnh thoảng lại trồi lên một làng nổi xanh rì. Quê em, nó bơ vơ như những cánh chim bay vật vờ vào chiều mây xám, nó hệt như con cò trắng so vai, lủi thủi lò dò... Điều bảo:

- Hình như quê em cũng giống như ở đây, tuy rằng nó có khác. Để bao giờ mùa đông, anh dẫn em vào rừng cỏ lau! Nó cũng mênh mông và trắng xóa. Nó cũng rập rờn như biển nước.

Nói chuyện phiếm mãi để cho đám củi sim tắt lúc nào chẳng hay. Nhụ lấy cành cây kéo đám sim khô vào giữa đống tro. Gió nhẹ thổi bùng lên vài ngọn lửa nhỏ, nó cháy lem lém, sau đó lửa lại tắt lịm, chỉ còn để lại những làn khói trắng đặc quánh lúc thơm thơm, lúc hăng hăng. Khói cay xè làm Nhụ chảy nước mắt, nhưng cô bé lại cười:

- Mẹ em hát bài *Văn cô Chín* hay hơn em nhiều lắm. Nhất là khi mẹ hát, còn thầy đánh đàn. Mẹ bảo thầy em đánh đàn gần bằng được như ông. Còn ông thì bảo thầy đánh đàn chưa lâu nhưng tài hoa hơn. Em hỏi tài hoa là gì? Ông bảo tài hoa là thế nào thì chịu không giảng được.

Mẹ bảo tài hoa giống như người lên đồng. Khi thầy đánh đàn bài *Văn cô Chín*, cô hiện hồn về nhập vào tay thầy, thầy đánh đàn hay cô Chín đánh đàn ai mà biết được, nhưng chắc chắn tiếng đàn sẽ rất tài hoa.

Điều lại hỏi:

- Cô Chín là ai?

- Mẹ em bảo cô Chín là người hầu của Mẫu.

- Mẫu ự? - Điều thì thầm hỏi.

Nhụ kính cẩn:

- Thầy em nói: ở nước mình, chỗ nào cũng có Mẫu. Thế núi Mẫu làng mình ở chỗ nào hở anh?

Chú bé giơ tay, chỉ ra xa xa:

- Kìa kìa! Hòn núi cao cao, phía tay phải bên kia sông. Muốn đến núi Mẫu phải ra hồ Huyền, rồi từ hồ Huyền bơi ra sông Son, ngược dòng sông Son chừng nửa cây số là đến bến Mẫu. Đền Mẫu ở trên đỉnh núi.

- Mẹ em bảo đền Sòng cũng ở trên núi. Trên là núi, dưới là suối, chung quanh là rừng.

- Em đã bao giờ đến đấy chưa?

- Xa lắm! Ở mãi tỉnh Thanh. Trẩy hội, phải đi mấy ngày ròng rã. Em đi sao được.

- Vậy thì, hôm nào anh sẽ chèo đò đưa em lên đền Mẫu quê anh.

Mùi cá nướng bốc lên thơm lừng. Mải chuyện, nên cá đã cháy. Chẳng sao, cá cháy càng thêm chín, thêm ngọt, thêm thơm. Hai cô cậu rút xâu cá rô từ trong đống lửa ra. Chúng cạo vẩy, rồi thổi phù phù, đưa lên miệng. Than đen dính đầy môi, đầy mép. Có cả những vết nhọ trên má trên cằm. Trông hai đứa như hai con quỷ nhai than. Chao ôi! Sao mà thơm mà ngọt. Rồi chúng nhìn nhau

cười khúc khích. Ăn xong, Điều đưa hai tay lên đầu, sau gáy làm gối; nó vừa nhìn những đám mây trôi vừa nghe Nhụ kể những câu chuyện hoang đường song thú vị:

- Cô Chín là người hầu thân cận của Mẫu. Ở đền Sòng có một cây sung cổ thụ; gốc nó to người ôm không xuể. Bóng mát của nó tỏa rộng. Trên các cành, trên thân cây, quanh năm lúc lỉu những quả sung to bằng nắm tay; quả xanh mướt, quả đỏ chót, cả những quả chín đen màu mận chín. Sung chín, tỏa mùi thơm lừng gọi từng đàn chim bay về. Lúc nào, trên cây cũng nghe thấy tiếng chim rúc rích, líu lo. Lũ chào mào đỏ đít, lũ sáo đen mỏ ngà, lũ sáo đá loang lổ, lũ vành khuyên vàng ươm. Cạnh cây sung là cây doi, lá to như lá đa, quanh năm xanh um rậm rịt, đó là nơi lý tưởng cho lũ chim làm tổ.

Đức Mẫu Thượng Ngàn ngự chín tầng mây.
Cô Chín mắc võng ngự rày cây sung.

- Vậy là cô Chín cũng làm tổ trên cây sung.

- Làm nhà chứ ai gọi làm tổ. Cô Chín là thánh là tiên, chứ đâu phải là chim. Nhưng cũng có lúc cô hóa thành con vàng anh, con bách thanh chúa của loài chim. Cô chẳng mọc cánh mà vẫn biết bay:

Khi vui, cô Chín ngự chiếc xe rồng.
Khi buồn, phách trúc, đàn thông, cung tì bà.
Dập dìu yến múa, oanh ca
Thoắt thôi cô lại ngự về tòa sơn lâm.
Cô rong chơi mười tám cửa ngàn
Ba mươi sáu động sơn trang các tòa.

Cô Chín hát hay, đàn ngọt. Cô lại biết cả thêu thùa. Kể đến đây, Nhụ cất lên tiếng hát, hát cái bài lúc nãy đã làm mê mẩn tâm hồn chú bé:

A... ới a

Dệt gấm thêu hoa...

Tiếng hát như ru người ta vào giấc ngủ. Điều lim dim đôi mắt, mường tượng ra cảnh một cô tiên áo đỏ, đang ngồi vắt vẻo trên chiếc võng xanh; hai đầu võng mắc vào cành sung. Cô đánh võng bổng lên cao tít trời xanh. Vừa đưa võng cô vừa cất tiếng hát. Trên đầu cô, lũ chim lượn thành vòng tròn. Dưới khe suối sâu thẳm, bầy cá chép vàng cũng chụm đầu, nghển cổ, hướng về tiếng hát rồi lại tỏa ra để múa để bơi...

Điều còn đang mơ màng, đột nhiên tiếng hát của Nhụ bỗng tắt lặng. Rất đột ngột như có chuyện gì lạ sắp xảy đến. Điều vội vàng nhỏm dậy.

Từ xa, có hai con ngựa đang phi tới. Đi trước là một người Tây, đội mũ trắng, mặc quần áo trắng. Theo sau là một người Việt, mặc quần áo vàng. Hai đứa trẻ đứng dậy. Nhụ nép sau lưng Điều. Đến gần hai đứa mục đồng, hai con ngựa dừng lại. Điều lễ phép nói:

- Chào quan lớn.

Người Tây không xuống ngựa, giơ chiếc roi da hỏi:

- Hai em chăn bò cho đồn điền hả?

- Thưa vâng.

- Sao lại buộc bò ở gốc cây?

- Dạ, trưa nắng, phải cho bò nghỉ.

Người kia là anh lính khố xanh. Hắn xuống ngựa, đến gốc cây chói lói ngắm lũ bò. Người Tây hỏi anh lính:

- Thế nào? Láu?

- Dạ, lũ bò đều béo, lông mượt.

- Quan lớn khen hai đứa chăn bò tốt... Người Tây cất tiếng ồ ồ bằng cái giọng lơ lớ khó nghe và nhát gừng.

Từ nãy Nhụ vẫn sợ hãi núp sau lưng Điều. Đây là lần đầu tiên cô đứng gần, hầu như đối mặt với một ông Tây. Cũng là lần đầu tiên cô biết thế nào là người da trắng, mắt xanh, mũi lõ, tóc vàng. Người Tây vẫn ngồi trên lưng ngựa, cất tiếng hỏi:

- Cô bé... này... ở đâu? Ta chưa thấy... bao giờ.

Điều cầm tay Nhụ nói rất bình tĩnh:

- Dạ, nó là em con, vừa mới ở quê lên.

- Ra đây... Ra đây... Ta xem...

Nhụ líu ríu, bước chậm chạp đến trước mặt người Tây. Hai tay cô bé khoanh trước ngực, đầu cúi gằm.

- Đừng... có sợ... Ngẩng... cái đầu lên... cho ta xem.

Người Tây ngắm nghía Nhụ rất kỹ lưỡng rồi mỉm cười:

- Tốt lắm... Tốt lắm... Trông... Ngoan lắm.

Rồi ông ta gật gù cái đầu, móc tay vào túi lấy ra một đồng xu đưa cho cô bé:

- Tốt lắm... Chăn bò... Tốt lắm... Quan cho...

Nhụ không chìa tay. Người lính bảo:

- Quan lớn thưởng cho đấy. Cầm đi.

Điều đứng bên cạnh lặng lẽ, mắt gườm gườm.

Hai con ngựa lại sóng đôi đi khỏi gốc cây chói lói.

Người Tây, tên là Julien Messmer nói với người lính hầu cận:

- Ông Láu có biết không... Ở bên Pháp người ta nói Đông Dương là bó hoa... đẹp nhất... trong các thuộc địa... của nước Pháp.

- Bẩm quan đúng như thế ạ.

- Và cô bé... Tương lai... cũng sẽ là... một bông hoa... rất đẹp... Tôi nói... có đúng không?

- Bẩm, quan lớn có con mắt rất tinh ạ. Rất đúng ạ.

Hai người vừa đi vừa cười. Người Tây lại nói:

- Cô bé ấy... mười ba... hay mười bốn... tuổi. Người An Nam các ông... gọi là... Tuổi gì nhỉ...

- Dạ, người dân An Nam chúng tôi gọi là tuổi "chum chúm núm cau" ạ.

- Cái gì?

- Chum chúm núm cau.

Người hầu cận vừa nói vừa chỉ tay vào ngực.

Đến lúc đó, người Tây chắc vỡ lẽ; ông ta cười to nhắc lại:

- Chum... chúm... Núm... cau... Ô la la! Người An Nam các ông nói hay thật. Hay thật! Mà này... còn thằng bé...

- Thưa quan sao ạ?

- Tôi thấy... mặt nó... cau cau... Tôi... không... ưa nó.

Khi người Tây đi xa, Điều đúng đã cau mày với Nhụ:

- Sao em lại cầm tiền của nó làm gì?

- Em có muốn cầm đâu. Nó bắt em phải lấy chứ.

- Không thèm. Đưa đây cho tôi.

Nhụ đưa đồng xu cho Điều. Cậu bé nhìn đồng xu ngắm nghía rồi cậu quăng nó đi thật xa. Đồng xu bay lên trời rồi rơi lẫn vào đám lau sậy ở chân đồi. Nhụ im lặng, cô bé cứ thấy như mình có lỗi. Cô liếc nhìn Điều. Cậu bé cũng không hiểu tại sao mình nổi cơn tức giận với người Tây đến thế. Cậu tức giận gì? Phải chăng vì con người quyền uy ấy đã nhìn quá chăm chú vào cô bé Nhụ?

III

ĐỒN ĐIỀN MESSMER

1

Người Pháp đi xâm chiếm thuộc địa, việc đầu tiên họ làm là chiếm đất đai, khai thác đồn điền. Họ chú ý ngay đến nông nghiệp, bởi vì đầu tư nông nghiệp cần ít vốn, lại sử dụng được nhân công tại chỗ vốn đông đúc và rẻ mạt. Vả lại, nhân công thuộc địa chỉ làm nghề nông, họ quen đất đai, quen khổ sở, lại không cần phải đào tạo tay nghề nhiều khi trồng thứ cây mới. Bóc lột nhân công, bóc lột đất đai là phương thức thu lợi nhanh nhất cho chính quốc. Chính vì lẽ đó nên đã hình thành đồn điền Messmer trên vùng đất Cổ Đình.

Làng Cổ Đình, cuối thế kỷ mười chín là vùng đất trải qua nhiều cuộc nhiễu loạn. Hồi cuối thời Tự Đức thì giặc cờ đen, cờ vàng quấy nhiễu. Lúc Tây chiếm Bắc Kỳ, thì liên miên hết phong trào Văn Thân lại đến cuộc khởi nghĩa Đốc Ngữ. Làng nằm giữa vùng xung đột. Ở đây có ao hồ đầm lầy, có rừng rậm, có núi non hiểm trở, dễ cho quân khởi nghĩa ẩn náu. Nhiều lúc nó đã là căn cứ của nghĩa quân. Quân của ta thoắt hiện, thoắt biến, trong chốc lát có thể lẫn vào rừng già, núi non.

Quân khởi nghĩa rút, tiếp sau đó là địa bàn hoạt động của quân Pháp và lính khố đỏ khố xanh. Chúng đuổi theo nhưng rồi đến lượt chúng lại cũng rút đi.

Cuối cùng, lũ giặc cướp xuất hiện. Kẻ cướp là đám nông dân đói khát lưu vong, đám du thủ du thực, đám tuổi trẻ táo tợn nổi loạn. Họ chẳng có phương hướng gì hết. Họ bảo nhau: "Trai thời loạn. Lúc này là thời của kẻ mạnh, kẻ ngổ ngáo". Ban đêm, họ tụ tập nhau lại thành từng toán, tay dao tay gậy, đốt đuốc rừng rực, xông vào các xóm làng giết người, cướp của. Ban ngày là cảnh lũ lính khố xanh khố đỏ trắng trợn hãm hiếp đàn bà con gái. Ban đêm là cảnh đuốc rực trời, và tiếng trống ngũ liên, tiếng phèng la vang dội, cùng những tiếng khóc lóc kêu cứu từ những mái tranh nghèo.

Sợ hãi vì sự giành giật; kiệt quệ vì sự tàn phá cướp bóc, người Cổ Đình đành bỏ đất, đi tha phương cầu thực. Đất bỏ hoang. Hàng ngàn mẫu ruộng biến thành những cánh đồng cho cỏ mọc, đó là nơi trú ngụ của lũ chuột, lũ rắn rết, cầy cáo. Hàng ngàn quả đồi bát úp màu mỡ biến thành những đồi mua, đồi sim, hoặc những cánh rừng tạp không giá trị, chỉ toàn những bụi cây lúp xúp; bên cạnh đó, là những đồi lau bạt ngàn, trắng xóa lúc đông về.

Người Pháp chia những xứ thuộc địa trong đế chế của họ ra làm hai loại: Thứ nhất là những vùng đất để di dân như Algérie, Tân Calédonie; thứ hai là những xứ để khai thác, làm giàu cho chính quốc, ví dụ Maroc và Đông Dương. Vậy nên, nếu dân chúng bỏ ra đi thì tốt quá, đất đai của dân bỗng dưng biến thành đất hoang. Và căn cứ vào bộ luật thuộc địa, đất hoang có thể cấp không cho bất cứ người Pháp nào đến thuộc địa cần đất để khai thác, để lập đồn điền.

Đồn điền Messmer do ba anh em nhà Messmer: Philippe, Pierre, Julien tạo dựng ở vùng Cổ Đình cũng có nguồn gốc như vậy.

Người anh cả Philippe Messmer là thiếu úy quân đội, sau gần hai mươi năm chiến trận ở Đông Dương. Năm 1895 ông được giải ngũ. Lúc đó ông trạc ba mươi bảy tuổi.

Ông đại tá già chỉ huy, con người đầy từng trải gọi Philippe lên và hỏi:

- Anh có sợ hãi cái xứ sở nóng nực khủng khiếp này không?

- Thưa đại tá, tôi đã quen với nó.

- Tốt! Vậy, anh muốn trở về Pháp, hay ở lại xứ Bắc Kỳ này?

- Tôi ở đâu cũng được, miễn là có cơ hội làm giàu.

- Rất tốt! Vậy thì đây là một cơ hội làm giàu. Nhà nước thuộc địa sẽ cấp cho anh đất, sẽ cho anh vay vốn. Anh có thích công việc nhà nông không?

- Tôi rất thích. - Anh ta giơ cánh tay bắp thịt cuồn cuộn lên để khoe. - Tôi tin rằng mình tôi có thể làm thừa sức 5 hécta đất.

Ông đại tá già bỗng cười to, lắc đầu:

- Ôi! Sao mà cạn nghĩ thế. Sao lại chỉ có 5 hécta. Nhà nước sẽ cấp cho anh 100 hécta, nếu anh đủ tài, 1000 hécta cũng được. Anh sẽ là một điền chủ, một nhà quý tộc.

Ngừng một lát để suy nghĩ, sau đó viên đại tá tiếp tục nói, càng nói càng hùng hồn:

- Anh phải nhớ, người Pháp sang cái xứ An Nam này không phải chỉ để kiếm một mảnh đất con con rồi tự tay trồng trọt. Người Pháp sang đây cốt để chỉ huy, để khai sáng cho một xứ sở tối tăm. Việc của anh là việc sai khiến người bản xứ. Anh phải ghi nhớ: anh là ông chủ, là một nhà chinh phục, là một nhà thực dân về đất đai.

2

Philippe Messmer là con người ưa phiêu lưu mạo hiểm. Ông sinh đúng vào cái thời mà các nước châu Âu đua nhau đi chiếm thuộc địa. Trở thành một *conquistador* (nhà chinh phục), đi chế ngự những dân tộc dã man, đi khai hóa văn minh cho những con người sống trong tăm tối, vác cây thánh giá lên vai, đem ánh sáng của Chúa đến cho những con người tà giáo, đó là ước vọng của Philippe.

Khi còn là một thiếu niên, đọc trên báo thấy thiếu úy Francis Garnier chỉ có một nhúm năm mươi quân lính, phối hợp cùng đoàn thủy thủ vong mạng quốc tế của Đồ Phổ Nghĩa, nói tóm lại, chỉ chừng 200 người mà đã chinh phục được Bắc Kỳ, chiếm thành Kẻ Chợ (Hà Nội), Philippe thấy kính phục Francis Garnier vô cùng. Đối với cậu bé Philippe lúc ấy, ông ta là người anh hùng.

Do vậy, khi đủ mười tám tuổi, cậu tình nguyện gia nhập quân ngũ. Cậu được học một lớp hạ sĩ quan, rồi được điều ngay sang Đông Dương. Sang đến nơi, cậu lại được chuyển ra xứ Bắc Kỳ. Thật phỉ chí! Thật hạnh phúc! Chàng thanh niên đầy nhiệt huyết đêm ngày chỉ mơ thấy những chiến công.

Philippe được đóng quân ngay tại Kẻ Chợ, một thành phố cổ, xưa kia là kinh đô của một cái nước mà những nhà nghiên cứu gọi là nước Đằng Ngoài.

Tại Hà Nội, Philippe đóng quân ở khu Nhượng địa.

Sau lần người Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất, sau khi Francis Garnier bị quân Cờ Đen chặt đầu, hiệp ước Philastre được ký. Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ, nhưng trong hiệp ước ấy, có điều khoản phía Việt Nam phải dành hai khu Nhượng địa cho Pháp, một ở Hải Phòng và một ở Hà Nội. Triều đình cố thương thuyết để Pháp không có mặt tại Hà Nội, song phía Pháp cứ nhất quyết đòi bằng được. Sau nhiều lần đàm phán, sau nhiều sức ép và mưu mẹo, cuối cùng triều đình Huế phải chấp nhận để cho Pháp một khu đất có diện tích 185.085 mét vuông ở phía nam thành phố.

Đó là khu đất theo dọc bờ sông, chạy dài suốt từ Nhà Hát Lớn đến bệnh viện Hữu Nghị ngày nay. Thời xưa, người Hà Nội gọi đó là Đồn Nam hay Đồn Thủy vì đó là nơi đóng quân phòng giữ phía nam thành phố. Lúc đó vùng Nhà Hát Lớn và trường đại học vẫn là vùng đầm lầy.

Được mảnh đất chiến lược này, người Pháp rất hài lòng, vì từ Đồn Thủy có con đường nối liền qua phố Hàng Khảm, đến Cửa Nam, vào trong thành (nay là đường Tràng Tiền - Tràng Thi). Vả lại, ở địa điểm này còn có cái lợi là sát ngay sông, dễ tiếp tế và chuyển quân; từ Sài Gòn, qua Hải Phòng, rồi ngược sông Hồng là tới ngay vị trí Đồn Thủy. Lúc đó là năm 1875.

Nhà chính khách Pháp Jules Ferry nói:

"Nước Pháp cần phải ủng hộ một đế chế thuộc địa, cần phải hiện diện ở khắp mọi nơi, ở những nơi mà những quyền lợi lớn của thế giới xung đột với nhau. Đường lối thuộc địa là con dẻ của đường lối công nghiệp, là chiếc van an toàn của một cỗ máy khổng lồ mà nhịp điệu sản xuất có thể trở nên đáng sợ".

Người Pháp đã có ý đồ, nên tháng 4 năm 1882, thống đốc Nam Kỳ cử thiếu tá Henri Rivière ra Hà Nội. Trước khi Henri lên đường, thống đốc Le Myre de Viler nói với ông:

- Trái cây đã chín; đã đến lúc ta phải hái. Nếu ta không làm điều đó, hoặc những kẻ khác sẽ hái lượm thay ta, hoặc là cái xứ Bắc Kỳ chín mõm ấy sẽ rơi vào cảnh tan rã. Hãy chiếm lấy tất cả những gì ta có thể giữ được. Hãy thiết lập vị trí của chúng ta một cách mạnh mẽ. Hãy tránh sự bất ngờ và hãy chờ đợi thời cơ.

Tại sao ngài thống đốc súy phủ Nam Kỳ lại chọn Henri Rivière ra Bắc Kỳ? Bởi vì ngài không muốn lặp lại cách giải quyết hấp tấp vội vã như mười năm về trước khi Francis Garnier ra Bắc Kỳ đánh chiếm thành Hà Nội. Francis Garnier dù sao cũng mang tính chất võ biền, phiêu lưu chủ nghĩa, ham đánh thắng mà quên mất chính trị. Còn Henri Rivière, ông là một đại úy thủy quân mới được phong thiếu tá, đã 55 tuổi, vừa là nhà sử học, nhà tiểu thuyết, lại còn là nhà thơ. Ông ta giao du với giới trí thức tinh hoa của nước Pháp như Gustave Flaubert, Alexandre Dumas - con... Một sĩ quan như thế ắt hẳn sẽ vừa là nhà quân sự, vừa là nhà chính trị tinh tế.

Philippe Messmer rất sung sướng khi anh ở đội lính danh dự đón chào thiếu tá Rivière đến nhậm chức cùng với hai trăm binh sĩ tại khu Nhượng địa Đồn Thủy. Thiếu tá trông thấy gương mặt thông minh lanh lợi của chàng hạ sĩ Philippe, ông rất ưng. Ông hỏi:

- Anh đến xứ Bắc Kỳ bao lâu rồi?

- Dạ thưa thiếu tá, tôi phục vụ ở khu Nhượng địa mới được một năm.

- Như vậy, ở cái xứ sở kỳ lạ này, anh đã là ma cũ rồi.

Thiếu tá liền chọn Philippe vào tiểu đội cận vệ luôn ở bên cạnh mình. Philippe vô cùng sung sướng khi ngài thiếu tá và ngài lãnh sự Kergaradec ngồi bàn luận, anh được đứng sau lưng hầu cận.

Ngay sau hôm đến nhậm chức, thiếu tá cùng ngài lãnh sự đến phố hội Truyền giáo để chào đức Giám mục Puginier ngay. Phố hội Truyền giáo nằm xế Trường Thi (tức phố Nhà Chung bây giờ), Philippe cũng được cưỡi ngựa đi bảo vệ ngài lãnh sự Kergaradec và thiếu tá. Ngôi nhà thờ của hội Truyền giáo trông như một cái chùa An Nam. Cũng những cột kèo đầy dãy bên trong. Cũng những hình chạm trổ khéo léo tinh vi trên cột kèo. Chỉ khác là ở đầu hồi nhà có cây thập tự và bên trong ban thờ có tượng Đức chúa. Giám mục tiếp khách trong căn nhà riêng ba gian lợp lá, giống như những căn nhà xinh xắn của một gia đình khá giả người bản xứ.

Ngài chỉ huy Henri Rivière gửi lời thăm hỏi biết ơn của thống đốc Le Myre de Viler tới đức giám mục và giáo dân Bắc Kỳ vì những tin tức quý báu mà hội Truyền giáo đã cung cấp để soái phủ có những căn cứ gửi báo cáo về Paris xin ý kiến chỉ đạo. Sau đó, thiếu tá trao tận tay đức giám mục lá thư của thống đốc. Xem thư xong, cha Puginier một con người với dáng vẻ phúc hậu hiền từ, ngước đôi mắt rất sắc của mình nói với Henri Rivière:

- Thưa ngài thiếu tá, súy phủ Nam Kỳ cũng cùng ý kiến với chúng tôi. Xứ Bắc Kỳ vốn là nơi cội nguồn của dân An Nam, của nền văn hóa xứ này. Ở đây không như Nam Kỳ. Đảng Văn Thân rất mạnh. Người dân cũng rất trọng vua quan của họ. Lẽ dĩ nhiên, ta phải đánh chiếm lấy. Nhưng như tôi đã nhiều lần trình bày, gửi về nước

và tới súy phủ; Hình thức cai trị ở đây nên khác hẳn: Cái đó tôi gọi là chế độ bảo hộ. Điều ấy có ý nghĩa ta phải dùng sức mạnh chiếm lấy xứ này. Sau đó, ta phải trao lại cho quan của họ để họ tự cai trị. Tiếng là họ cai trị, nhưng thực chất vẫn nằm trong tay ta. Như vậy phản ứng của dân họ sẽ dịu hơn.

Ngài thiếu tá rất lễ phép:

- Thưa giám mục, những điều này chúng tôi cũng đã được thống đốc dặn dò kỹ lưỡng. Tuy nhiên, điều chúng tôi đang cần biết là tình hình hiện nay của phía An Nam.

- Theo nguồn tin đáng tin cậy của tôi, từ trong thành Hà Nội mật báo, thì hiện nay tổng đốc Hoàng Diệu đang cấp tốc chuẩn bị súng thần công. Quân sĩ đang chuẩn bị súng ống giáo mác. Dân chúng trong khu phố buôn bán, nhiều người đã cho dàn bà con trẻ về quê. Những tin tức từ Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh đều nói những nơi ấy cũng đang chuẩn bị nghênh chiến khi nghe tin thiếu tá mang tàu chiến, súng đại bác và mấy trăm quân về khu Nhượng địa.

Thiếu tá Henri cười:

- Có lẽ mấy hôm nữa tôi phải vào tận trong thành Hà Nội để thăm viếng ngài tổng đốc, làm cho họ yên lòng. Vả lại, tôi cũng muốn tận mắt xem cái thành của xứ An Nam xem nó ra sao.

*

* *

Về thành Hà Nội thì từ mười năm về trước lúc Francis Garnier chiếm, người ta đã mô tả tỉ mỉ, thậm chí đã vẽ tỉ mỉ. Henri Rivière đã có trong tay tấm bản đồ đó. Người ta bảo thành đó xây theo kiểu Vauban, kiểu tây, do những kỹ sư Tây phò tá vua Gia Long vẽ kiến trúc.

Nhưng lần giở lịch sử, thấy lúc vua Gia Long chiếm Thăng Long thì các kỹ sư Tây đã chết hoặc bỏ đi hết, làm gì còn Tây kỹ sư mà vẽ. Vì vậy người ta đồ rằng thành Hà Nội là một kiểu thành nửa Tây nửa ta, do các vị quan An Nam dựa vào thành cũ, tham khảo kiểu thành Vauban, rồi lại dựa vào phong thủy mà tạo nên.

Ngay ngày hôm sau, thiếu tá Henri Rivière tổ chức cuộc đi viếng thăm có tính chất ngoại giao tới dinh ngài Tổng đốc Hoàng Diệu, viên quan cai trị cao nhất của Hà Nội. Khác với cuộc viếng thăm đầu tiên của Francis Garnier, mười năm về trước, ông ta đã thị uy ngay bằng cách đưa cả đại bác cùng theo. Lần này, Henri Rivière hòa nhã hơn, nhưng không kém phần cứng rắn. Thiếu tá muốn cho dân Kẻ Chợ biết sự oai vệ, sự hùng mạnh của nước Pháp. Đoàn người ăn mặc quần áo thật choáng lộn. Thiếu tá cưỡi trên con ngựa hồng cao lớn dẫn đầu. Vai deo lon, đầu đội mũ sĩ quan, bên lưng deo gươm dài. Tiếp sau là bốn con ngựa của đoàn tùy tùng. Rồi đến đội trống, một trống cái, bốn trống con. Sau cùng là một trung đội bộ binh vai bồng súng.

Đoàn quân diễu trên con đường đất nối từ khu Nhượng địa tới cổng thành Đông Nam. Từ khu Nhượng địa Đồn Thủy đi ra, đầu tiên Philippe bắt gặp một chiếc cổng tên là cổng Tràng Tiền. Đó là một tòa kiến trúc cổng lớn trên có lan can; chiếc cổng nằm giữa hai trụ cao trên có hai con sư tử đá. Chiếc cổng phương Đông này đơn giản nhưng đẹp và oai nghiêm. Từ đấy đến cổng Nam thành Hà Nội gọi là phố Hàng Khảm vì phố toàn những cửa hàng của thợ thủ công làm đồ khảm, một thứ đồ mỹ nghệ rất tinh xảo.

Qua chiếc cổng trứ danh đó, phía trái là Tràng Tiền, một khu đất nằm giữa đầm lầy, nơi đúc tiền của nhà vua, muốn đi vào phải qua một chiếc cầu. Tiếp đến, phía bên phải là Hồ Gươm. Những căn nhà gạch quay mặt ra phố quay lưng ra hồ; đó là những cửa hàng khảm nổi tiếng. Cạnh đấy là khu phố Truyền giáo với cây thập tự nhô lên trên trời từ ngôi nhà thờ nhỏ bé bằng gỗ. Xế đối diện với khu Truyền giáo là Tràng Thi trứ danh, nơi quân Pháp đã ở mấy năm trước khi đến khu Đồn Thủy.

Con đường phố Hàng Khảm là đường đất, rộng chừng năm, sáu mét. Đoàn quân của thiếu tá hùng dũng đi đều bước theo nhịp của những chiếc trống. Tiếng trống rung nhịp nhàng oai nghiêm. Đó là một cảnh chưa từng xảy ra ở xứ Bắc Kỳ. Chắc chắn nó gây ấn tượng rất mạnh và nếu như ở một thời hòa bình, nó đã kéo ra đường nhiều đám đông, nhiều đàn bà, con trẻ háo hức đi xem như đi xem hội. Nhưng ở các phường, nhân dân đều đã nghe lệnh của quan tổng đốc rằng quân Pháp đã mang tàu chiến kéo quân từ súy phủ Nam Kỳ ra, chắc chắn họ có âm mưu và nhân dân phải đề phòng. Do đó, đường phố Hàng Khảm vắng tanh. Những cửa hàng khảm ven hồ Hoàn Kiếm đều đóng cửa im ỉm. Chỉ còn vài hàng ăn, hàng tạp hóa của người Tầu là vẫn mở cửa. Philippe nghĩ bụng chắc dằng sau những cánh cửa đóng kín kia, người dân vẫn nghé mắt nhìn qua khe. Thì nhìn đi! Nhìn mà thấy rõ sự hùng cường của nước Pháp nổi tiếng hoàn cầu. Thì nhìn đi! Nhìn để mà khiếp sợ mà quy phục một nền văn minh vĩ đại. Chúng ta chẳng nhiều đâu. Chỉ vài trăm quân, nhưng cũng đủ để chinh phục cái xứ sở lạc hậu này. Philippe cưỡi ngựa đi sau người chỉ huy mà anh kính phục; ông ta là một sĩ quan văn võ song toàn. Ông Henri

Rivière nghiêm trang ngẩng cao đầu trên lưng con ngựa hồng, ông không khiêm nhường, càng không hãnh diện đến mức lố lăng. Không như những thuộc cấp, những người chỉ nhìn sự vật một cách đơn giản, ông biết rằng ở xứ Bắc Kỳ này còn có những người văn thân mà đức cha Puginier gọi là đảng Văn Thân - Gọi là đảng tức là họ đông, họ có mặt ở khắp nơi, họ có những lý thuyết, những tư tưởng lâu đời.

Đoàn quân đã đứng trước cửa Đông Nam mà nhân dân Hà Nội vẫn gọi tắt là Cửa Nam. Đó là cái cổng lớn hình vòm, bên trên tòa cổng cao xây một nhà lầu canh xinh đẹp. Chạy dài trước mặt cổng thành và dọc theo tường thành là một con đường rồi đến một con hào rộng chừng 20 mét, đó là một con sông nhỏ để ngăn sự tấn công. Dẫn vào Cửa Nam là chiếc cầu gạch xây vắt qua hào, hai bên có lan can trông rất duyên dáng. Thiếu tá cho binh lính dừng trước cổng thành. Viên sĩ quan trợ lý và cha phiên dịch tên là Colombert đến trao danh thiếp và thông báo ngài thiếu tá Henri Rivière có nhã ý đến chào thăm hỏi ngài tổng đốc Hoàng Diệu.

Sau khi ngựa chạy vào dinh tổng đốc, có quan án sát Tôn Thất Bá ra tận cổng đón khách. Chiếc kiệu đỏ của quan án sát dẫn đoàn người ngựa của thiếu tá gồm bốn người vào dinh tổng đốc nằm ở phía đông thành. Henri Rivière với con mắt nhà quân sự chú ý quan sát những điểm bố phòng của đối phương. Thành Hà Nội là khu đất hình vuông rất rộng nằm giữa bốn bức tường lũy cao. Ở trong đó, có đủ ao hồ, vườn cây, lối đi, vườn hoa và những tòa nhà mái cong kiểu đông phương nằm trên những nền cao. Một con đường lớn dẫn họ tới một tòa nhà xung quanh nhiều cây cối. Trên cái sân rộng lát gạch phía

trước nhà, có hai hàng lính gươm giáo tề chỉnh đứng hai bên cửa chính đón khách. Không biết vô tình hay hữu ý, có hai con voi cao lớn đứng dưới gốc cây muỗm cạnh sân, chân cứ dậm thình thịch, rồi tung vòi lên mà hí dài.

Quan tổng đốc ra đứng trên thềm đón khách. Ông thiếu tá và hai người lính Tây (trong đó có Philippe) đứng nghiêm chào theo kiểu nhà binh. Cha Colombert làm phiên dịch thì chắp tay cúi đầu chào theo kiểu An Nam. Quan tổng đốc Hoàng Diệu cũng lễ phép chào khách rồi mời vào ngồi trên ghế tràng kỷ. Khách một bên, chủ một bên. Henri Rivière và cha phiên dịch ngồi cạnh nhau. Sau lưng họ là hai vệ sĩ, một là Philippe, người kia là một sĩ quan tham mưu. Phía tràng kỷ đối diện chỉ có một mình tổng đốc Hoàng Diệu. Sau lưng ông là hai võ sĩ An Nam to lớn vạm vỡ, ngoại khổ so với tầm vóc người Nam vốn nhỏ bé; nhưng so với người Tây vốn có tầm vóc cao to hơn, thì hai võ sĩ này cũng vẫn ăn đứt. Họ đứng khoanh tay trước ngực, mắt chằm chằm nhìn vào khách. Cứ có cảm giác họ có thể vặn gãy cổ ngay đối phương. Bây giờ, Rivière đã có thể khẳng định được những cảm nhận tiêu cực của mình. Ông hiểu, hai con voi dưới gốc cây muỗm ngoài kia, và hai người lính thị vệ khổng lồ kia là những ý ngầm được bộc lộ rõ ràng.

Quan tổng đốc và ngài thiếu tá trao đổi với nhau những câu khách sáo và lịch sự. Henri nói:

- Chúng tôi tới Bắc Kỳ hoàn toàn với thiện chí. Chỉ vì những tàu buôn của chúng tôi có giấy phép của nhà vua mà cũng không có hiệu lực. Ông Courtin và Villeroi được giấy thông hành lên Vân Nam nhưng đến Lào Cai thì giấy phép cũng không giá trị.

- Thưa ngài việc ấy chúng tôi đã được biết. Cản trở là do số giặc khách, tàn quân Thái Bình Thiên Quốc từ bên Tầu tràn sang.

- Đó chính là điều chúng tôi muốn thương thảo cùng các ngài. Nên chăng ta dùng binh lực mà dẹp chúng cho yên. Người Pháp chúng tôi muốn giúp triều đình.

- Thưa ngài, việc dẹp loạn là việc nội trị của chúng tôi. Việc quý quốc muốn trợ giúp, chúng tôi phải xin ý kiến của triều đình trước đã.

Thiếu tá Henri Rivière trang trọng và nghiêm nghị. Một thái độ rất lịch sự:

- Tuy nhiên chúng tôi thấy rằng, từ khi chúng tôi đặt chân lên Hà Nội, chúng tôi chỉ thấy quá nhiều sự thù nghịch. Dân chúng nhiều người đã rời khỏi Kẻ Chợ. Có nhiều đạo quân xuất hiện quanh Hà Nội. Chúng tôi trân trọng nhắc lại với ngài tổng đốc: Chúng tôi, người Pháp, tới xứ Bắc Kỳ này hoàn toàn thiện chí. Tôi cũng mong nhận được sự thiện chí ở các ngài. Nghĩa là tôi muốn các ngài hãy rút binh sĩ về vị trí cũ.

- Tôi nghĩ rằng ngài chỉ huy quá nghi ngờ. Việc điều động binh lính từ chỗ này sang chỗ khác là quá bình thường trong việc quân. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin ghi nhận ý muốn tìm thiện chí ở các ngài.

*

* *

Thiếu tá Henri Rivière suy nghĩ rất lung. Ông lãnh sự Kergaradec truyền đạt ý kiến của súy phủ Nam Kỳ. Người ta muốn chiếm thành Hà Nội nhưng lại muốn tránh nổ súng. Chung quy là tại ở chính quốc người ta vẫn chưa dứt khoát có nên chiếm Bắc Kỳ hay không.

Đức giám mục Puginier cho rằng tình hình đã chín mùi lắm rồi. Giặc khách từ bên Tầu tràn sang. Giặc cướp nổi lên tứ tung. Người nông dân điêu linh, nhất là những người nông dân theo đạo Thiên chúa. Còn quan lại và triều đình Huế thì tỏ ra bất lực, không tài nào làm chủ được tình thế. Ông càng khó chịu khi các quan An Nam và dân chúng công khai tỏ ra chống đối người Pháp. Ông cưỡi ngựa đến phố Truyền giáo mà suốt dọc đường chẳng thấy một bóng người. Dưới con mắt một nhà quân sự lão luyện, khi vào thành gặp ngài tổng đốc, nhìn những khẩu pháo cổ lỗ của họ chỉ đáng đưa vào nhà bảo tàng, nhìn những khẩu súng hỏa mai và giáo mác của những binh lính An Nam, ông hiểu rằng việc đánh chiếm thành Hà Nội chẳng có gì là khó khăn. Tuy nhiên, ông cũng hiểu rằng đánh cái thành này thì dễ, nhưng bình định, rồi chiếm toàn bộ xứ Bắc Kỳ lại chẳng phải sự dễ dàng.

Trong khu Đồn Thủy, binh lính Pháp nóng lòng muốn được chiến đấu lập công. Ngài thiếu tá rất thận trọng trước khi ra quyết định. Ngài làm việc, nắm chắc tình hình, qua các cuộc nói chuyện với các cha xứ, giáo dân từ Nam Định, Bắc Ninh và Sơn Tây đến. Ngài lại trao đổi kỹ với đức giám mục Puginier và lãnh sự Kergaradec. Cuối cùng, Henri Rivière ra tay quyết liệt.

Ngày 25 tháng tư, nghĩa là khoảng một tháng sau khi đến Hà Nội, thiếu tá sai một sĩ quan cùng Philippe đến trao cho tổng đốc Hoàng Diệu một bức thư. Đó là tối hậu thư trong đó yêu cầu bốn điểm:

1- Nước Nam phải nhận cho nước Pháp bảo hộ.

2- Phải nhường thành phố Hà Nội cho nước Pháp.

3- Đặt thương chính ở Bắc Kỳ.

4- Sửa lại việc thương chính ở các tỉnh và giao quyền cho người Pháp cai quản.

Và việc trước mắt yêu cầu tổng đốc Hoàng Diệu phải lập tức giải binh. Các quan võ của An Nam phải ra khu Nhượng địa Đồn Thủy đợi lệnh. Hạn của tối hậu thư là đến 8 giờ ngày 25 tháng tư năm 1882.

Lẽ dĩ nhiên, bức tối hậu thư đòi hỏi quân Nam đầu hàng một cách nhục nhã như thế, ngài tổng đốc Hoàng Diệu đời nào chịu.

Hết hạn tối hậu thư, sáng hôm ấy đúng tám giờ, quân Pháp nổ súng đánh thành Hà Nội lần thứ hai. Quân Nam đánh trả không hiệu quả. Tổng đốc sai án sát Tôn Thất Bá trèo thang ra điều đình. Tôn Thất Bá ra khỏi thành liền bỏ trốn. Quân Pháp với vũ khí tối tân, đánh đến mười một giờ trưa đã hạ được thành. Tổng đốc Hoàng Diệu đau buồn vì không giữ được thành đã treo cổ lên cây tuẫn tiết. Đánh xong, Henri Rivière liền trao lại quyền cho quan lại nước Nam nhưng vẫn để một đại đội lính Pháp đóng ở trong thành. Nghỉ ngơi xong, thiếu tá quay trở về khu Nhượng địa Đồn Thủy.

Ngày 2 tháng năm, Henri Rivière viết thư cho Alexandre Dumas - con, tác giả *Trà hoa nữ*:

"Tôi đã chiếm thành phố hơi muộn, nhưng chẳng phải lỗi tại tôi. Đó là tại ngài tổng đốc trấn thủ tòa thành này đã tăng cường phòng thủ một cách quá ư công khai để chống lại chúng tôi, nên tình hình như vậy không thể kéo dài... Khi tôi vào phía trong tòa thành, tôi hơi mệt tí chút, và tôi phải nằm dài trên chiếc chiếu trong nhà một vị quan. Người ta quạt cho tôi, dội nước mát lên đầu tôi. Điều đó làm tôi hồi lại sức nhanh chóng, đến nỗi tôi có

thể ăn gần hết sạch một con gà luộc. Đó là bữa ăn sáng mừng chiến thắng. Tôi đã dùng bữa ăn này trong dinh quan tổng trấn, nơi mà ba tuần trước đây, họ đã đón tiếp tôi lần đầu. Tôi gặp lại nơi này với một chút thích thú và một chút giận hờn. Tôi còn nhớ lúc đó sau lưng tôi có hai chàng lực sĩ cao lớn người Nam như có nhiệm vụ, nếu cần, thì bóp cổ tôi. Còn nhớ cả hai con voi trận như có ý định giày xéo hoặc xua đuổi hai người lính cận vệ của tôi bằng cái vòi...".

*

* *

Sau cuộc chiến lại đến lượt các nhà ngoại giao, chính trị, dùng âm mưu, thủ đoạn, ngôn từ lao vào thương thuyết. Pháp cử ông Rheinart từ Paris sang. Họ nói rằng đánh thành Hà Nội không phải chủ ý của nước Pháp. Họ đề nghị triều đình Huế cử quan chức ra mà cai trị dân. Triều đình cử ông Trần Đình Túc làm chánh khâm sai, Nguyễn Hữu Độ làm phó khâm sai ra đàm phán với Henri Rivière.

Nói chung đó là thời gian hưu chiến, bề mặt đàm phán nhưng sau lưng hai bên đều chuẩn bị. Phía Pháp đưa ra những yêu cầu mà bên Nam không thể chấp nhận được: ví dụ nước Nam phải nhận sự bảo hộ của nước Pháp, phải nhượng hẳn Hà Nội cho Pháp... Ông Túc và ông Độ bảo rằng các ông không quyết được, phải xin ý kiến của triều đình.

Tuy vậy, thời gian ngừng chiến ấy kéo dài khoảng một năm cũng là thời gian khá thư nhàn cho thiếu tá và quân Pháp.

Lúc đó, ở Hà Nội chỉ có hai chiếc xe ngựa rất sang

trọng và đẹp đẽ. Một chiếc bằng gỗ, kiểu Ấn Độ dành cho đức giám mục Puginier dùng. Chiếc thứ hai là chiếc bốn bánh, kiểu Victoria. Chiếc Victoria có hai chỗ ngồi đằng sau, thấp, khá thoải mái, và một chỗ ngồi cao dằng trước dành cho xà ích. Chiếc xe mui trần được súy phủ Nam Kỳ gửi ra hai con ngựa lông trắng làm ngựa kéo. Trông chiếc xe đi trên đường Hàng Khảm đến thẳng Cửa Nam, vượt qua cầu gạch, rồi vào thành đến dỗ trước dinh tổng đốc, người dân đi đường và binh lính ai ai cũng phải dán mắt vào, bởi vì chiếc xe lịch sự quá, duyên dáng quá, quý phái quá. Nó không chói lọi vàng son như kiệu phương Đông, nhưng nó thật uyển chuyển, lộng lẫy một cách kín đáo, đường nét hoàn hảo một cách tuyệt mĩ. Nó cho người của cái xứ man rợ này biết thế nào là sự sang trọng tinh tế của người phương Tây. Cả Philippe, người xà ích thô thiển ngồi trên ghế cao, với cái roi ngựa thật dài, cũng cảm thấy kiêu hãnh vì ông chủ mình và cả vì chiếc xe nữa. "Đấy! Ngài Henri Rivière tuyệt vời, ông chủ của tôi đấy! Đừng tưởng ngài chỉ võ biền. Không! Ngàn lần không! Ngài còn là con người cực kỳ tinh tế".

Không chỉ riêng chàng hạ sĩ quan Philippe sùng bái người chỉ huy của mình; thực ra tất cả hơn bốn trăm người lính ở khu Nhượng địa đều coi thiếu tá như một vị thần. Võ thì quyết đoán, quả cảm, mưu lược. Mà văn cũng dâu phải xoàng. Trong thời gian ấy, Henri Rivière viết một tập truyện ngắn có tên là *Édith* và đang viết dở một cuốn tiểu thuyết tên là *Đồi bại* (Perversité). Hai cuốn sách được viết trong một ngôi nhà xinh xắn quét vôi trắng toát, chung quanh có hàng hiên rộng, trong

một khu vườn với hoa trúc đào nở hồng, hoa cau trắng thơm ngát và hoa xương rồng vàng ươm.

Có thể nói, lúc ấy, Henri Rivière là một nghệ sĩ nhiều hơn một binh sĩ. Ông viết thư về Paris:

"Ở đây, mối bận tâm lớn của tôi không phải là người An Nam hay người Tầu như người ta vẫn nghĩ. Thực ra, thỉ thoảng tôi có nghĩ tới họ khi cần phải nghĩ, và chỉ có thế thôi.

Hôm nay, tôi đọc nhà văn Renan, cuốn sách viết về những kỷ niệm thời thơ ấu và thời thanh niên của ông".

Cứ tưởng người chỉ huy của Philippe như một con mèo lười đang lim dim phơi nắng. Thực ra, lim dim thế thôi nhưng tai vẫn rất thính. Henri Rivière vẫn tỉnh tường theo dõi những hoạt động của phía triều đình Huế. Ông biết rằng vua Tự Đức đang sai người sang cầu cứu bên Tầu. Ông cũng biết quân Cờ Đen đã về đầu hàng tướng Hoàng Kế Viêm. Ông cũng chẳng lạ gì quan tổng đốc Bắc Ninh đang rục rịch kéo quân về phía Hà Nội.

Song tất cả những chuyện đó chỉ dồn dập xảy ra vào đầu 1883; còn năm 1882, khi người Pháp mới chiếm xong thành Hà Nội thì khu Nhượng địa đang hớn hở sống trong không khí chiến thắng. Nhiều sĩ quan vui vẻ thử sống theo kiểu phương Đông. Có người thuê phu võng để di chuyển bằng võng như các ông quan An Nam. Lương sĩ quan Pháp từ 200 đến 300 phờ răng, và thuê người hầu chỉ bốn quan (phờ răng) một tháng, nên có người thuê tới ba, bốn người hầu An Nam. Ra đường, một người cầm ô che, một người cầm quạt lông phe phẩy suốt dọc đường, thậm chí còn thêm một người xách nước mang

thuốc lá (các ông quan An Nam thì dùng người này vào việc ôm tráp trầu thuốc). Binh lính, sĩ quan Pháp rất nôn nóng muốn ra quân đánh chiếm ngay toàn bộ xứ Bắc Kỳ, bởi vì họ thấy đánh dễ quá. Họ biết mười năm về trước có khi đánh một tòa thành to đồ sộ mà Francis Garnier chỉ dùng tới ba người lính Pháp, Pháp đi đến đâu là quan quân chạy bán sống bán chết. Tuy nhiên, súy phủ Nam Kỳ thì tỉnh táo hơn. Thống đốc Le Myre de Viler viết thư ra:

"Tôi biết rằng nhiều người ở Hà Nội tỏ ra sốt ruột. Người ta cho rằng uy thế của người Pháp bị tiêu tan vì chúng ta không tiến lên, không mỗi ngày chiếm một thành, không luôn thắng trận. Đó chỉ là ý kiến của những người trẻ tuổi quá hăng say chiến đấu... chúng ta phải hành động cực kỳ thận trọng...".

Cuối cùng đến đầu năm 1883, Henri Rivière đã phải thoát ra khỏi cái vỏ kín bất động. Ông được tin một công ty Anh - Trung Hoa muốn nhòm ngó khai thác mỏ than Hòn Gai. Ông liền cử ngay một đội quân ra chiếm Hòn Gai vào ngày 16 tháng ba. Tiếp ngay sau đó, ông đem quân đi chiếm thành Nam Định.

Và đến lúc này, những sự kiện đã liên tiếp diễn ra hàng ngày, hàng giờ; binh lính Pháp đã hết sốt ruột.

Từ đầu thời vua Tự Đức, loạn Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Hoa bị tan. Dư đảng Thái Bình do Ngô Côn cầm đầu tràn sang nước ta. Ngô Côn bị Ông Ích Khiêm tiêu diệt. Các tướng của Ngô Côn là Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng Sùng Anh, Bàn Văn Nhị chia làm ba toán giặc: Cờ Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng, đã cướp bóc, tàn phá xứ Bắc Kỳ. Quan quân phải vất vả mới dẹp xong giặc Cờ Vàng, giặc

Cờ Trắng. Riêng giặc Cờ Đen do Lưu Vĩnh Phúc cầm đầu xin hàng triều đình. Giặc Cờ Đen dưới quyền điều khiển của tướng Hoàng Kế Viêm đóng ở Sơn Tây. Hoàng Kế Viêm cho quân Cờ Đen làm đạo quân tiên phong tiến về bao vây Hà Nội.

Quả thực, chỉ đến tháng năm năm 1883 Philippe mới thật hiểu thế nào là đời lính, thế nào là chiến tranh, thế nào là người chinh phục.

Đó là những ngày quân Cờ Đen vây Hà Nội. Những người lính Pháp muốn lập chiến công, muốn làm anh hùng bây giờ đã có cơ hội thực sự. Quân Cờ Đen là lính thiện chiến, là giặc thực sự. Họ đã chặt đầu Francis Garnier hồi mười năm về trước. Họ đã mổ bụng những người lính bị bắt. Họ đã cắt tai cắt mũi kẻ thù trước khi giết. Như vậy, đánh nhau không còn là cái thú trò chơi phương Đông nằm võng người khiêng, rồi đi khệnh khạng trên phố với lũ người hầu che ô, che quạt nữa. Bây giờ phải quần quật cả ngày lẫn đêm. Ngày thì đi phát quang chung quanh khu Nhượng địa, rồi chặt gỗ chôn bổ sung những cây cọc nhọn chung quanh, đắp đất tăng cường những ụ súng bảo vệ. Còn ban đêm thì đánh nhau thực sự. Quân Cờ Đen reo à à suốt đêm, bắn súng suốt đêm quanh khu Nhượng địa. Họ không sợ Pháp, ban đêm, quân Cờ Đen kiểm soát toàn thành phố.

Khu phố buôn bán của người An Nam vắng teo. Nhà nào cũng mang hết gia đình về quê. Các cổng phố đóng chặt. Chỉ còn lại người ở mấy phố khách, vì họ là người Tầu nên không bị quân Cờ Đen cướp phá.

Khổ nhất là khu phố Truyền giáo, trước cửa Tràng Thi. Người theo đạo Thiên chúa đến tụ cư tại đó khá

đông. Có thể nói đó là một làng Thiên chúa giáo toàn tòng. Chỉ có khác là làng chung quanh không có lũy tre, mà chỉ có một hàng rào cọc tre vót nhọn khá kiên cố bao bọc. Đức giám mục Puginier, vốn ở tại nhà thờ Kẻ Sở, nhưng từ khi ông Francis Garnier đánh thành phố Hà Nội lần thứ nhất năm 1873, ngài thấy Hà Nội là nơi trung tâm chính trị của Bắc Kỳ; lãnh sự Pháp ở đây, quân đội Pháp ở đây và cả đại diện triều đình Huế cũng ở đây, nên sự luôn có mặt của ngài tại nơi này là cần thiết, bởi vì nhiệm vụ của ngài không phải là của một cha xứ bình thường mà là của một giám mục.

Ở khu phố Truyền giáo có một nhà thờ nhỏ bằng gỗ lim, theo kiểu chùa An Nam, là nơi hành lễ. Lúc đại úy công binh Du Pommier xây dựng nhà trong khu Nhượng địa, hội Truyền giáo cũng nhờ ông xây giúp một căn nhà gạch hai tầng làm nơi ở và làm việc cho các cha bề trên.

Trong tháng năm năm 1883 ấy, quân Cờ Đen tấn công khu Truyền giáo mấy lần. Cha Landais, người rất có công với khu phố Truyền giáo đã dự đoán trước tình hình. Ông yêu cầu thiếu tá Henri Rivière cấp súng. Ông phân phát súng cho 150 thanh niên công giáo khỏe mạnh. Đêm 12 tháng năm quân Cờ Đen tấn công. Cha Landais chờ cho quân địch tới gần mới nổ súng. Bị chống cự bất ngờ, quân Cờ Đen thua, rút lui.

Hôm sau thiếu tá Henri phải cho mấy chục người lính sang bảo vệ khu Truyền giáo. Chàng hạ sĩ quan Philippe cũng trong số người đó. Đêm ngày 16 tháng năm, một trận huyết chiến xảy ra. Quân Cờ Đen rất đông xông vào cướp phá nhà dân, đốt nhà thờ gỗ, bao vây ngôi nhà gạch bắn nhau đến sáng mới rút lui.

Hôm sau, tất cả mọi người ở khu Truyền giáo phải đi lánh nạn hết.

*
* *

Thành phố Hà Nội xơ xác tiêu điều. Ra đường không một bóng người. Ban ngày quân Pháp làm chủ tình thế. Tuy nhiên, từ khu Đồn Thủy ra ngoài, vẫn phải đi nhiều người, ít nhất một tiểu đội. Ban đêm quân Cờ Đen làm chủ. Họ tiến sát khu Nhượng địa, nổ súng vào những trạm gác, gào thét đe dọa, thỉnh thoảng lại đốt một căn nhà gần đấy để ánh lửa hắt qua cả hàng rào cọc gỗ khu Đồn Thủy. Henri Rivière ra lệnh phát quang, triệt hạ, làm thành bình địa phía ngoài hàng rào. Trong vòng ba trăm mét phải đốt sạch, phá sạch. Người chạy loạn vào khu Nhượng địa khá đông. Những người buôn bán nước ngoài, các cha xứ, thầy giảng, chủng sinh và nhiều dân công giáo có quan hệ mật thiết với người Pháp. Những làng chung quanh Hà Nội không bóng người, vì vậy sự cung cấp lương thực không có nguồn. Viên sĩ quan hậu cần phải trình thiếu tá phương án phát thức ăn theo khẩu phần.

Không thể để tình hình kéo dài. Phải đánh nống ra, đuổi quân Cờ Đen quay trở về sào huyệt, tức Sơn Tây. Thiếu tá triệu tập họp các sĩ quan. Có người bảo: "Nên thận trọng. Nên rút kinh nghiệm của Francis Garnier, mười năm về trước". Thiếu tá Henri Rivière phân tích:

- Mười năm về trước Francis Garnier ra Cầu Giấy chỉ có trong tay hơn chục người. Thua là phải. Còn lần này chúng ta sẽ đánh đuổi quân Cờ Đen bằng một lực lượng hùng hậu: 500 quân.

Sáng ngày 19 tháng năm, năm 1883, đoàn quân Pháp rời khỏi khu Nhượng địa Đồn Thủy. Một đội hình dài dằng dặc, trung đội nọ tiếp trung đội kia hành quân trên con đường phố Hàng Khảm đi về phía Cửa Nam.

Thiếu tá chỉ huy, quân phục chỉnh tề, lưng đeo súng ngắn lại ngồi trên chiếc xe Victoria trứ danh có hai con ngựa trắng kéo. Quân sĩ "hua ra" hoan hô chủ tướng.

Viên đội Philippe Messmer vẫn làm xà ích. Anh đeo khẩu súng trường chéo đằng sau lưng, tay cầm chiếc roi dài. Anh vút roi ra lệnh. Đôi ngựa bắt đầu cất bước.

Trời còn sớm nhưng đã sáng rõ mặt người. Chẳng thấy một bóng người đón đường. Mãi đến khoảng hồ Hoàn Kiếm mới thấy mấy con chó hoang từ vườn chùa Ông Thương chạy ra sủa ăng ẳng. Con chó sủa dai quá. Một viên sĩ quan nổ phát súng ngắn làm chúng hoảng sợ cúp đuôi chạy mất tích miệng vẫn ăng ẳng khiếp hãi. Đến Cửa Nam đoàn quân đi chếch theo con đường tới Cầu Giấy. Khoảng 6 giờ sáng đến nơi.

Đây là con đường đất nối từ chiếc Cầu Gạch bắc qua một con sông nhỏ dẫn tới tỉnh Sơn Tây. Quân thám báo cho biết trước quân Cờ Đen có mặt ở khu vực này. Tuy nhiên, tất cả vẫn giống như quãng đường lúc mới xuất phát, nghĩa là tất cả đều vắng lặng chẳng nhìn thấy một ai. Đội quân mở đường vào lùng sục những căn nhà ven đường song chẳng thấy gì. Đoàn quân cứ tiến thẳng qua cầu. Ở đoạn đường đất này hai bên đường là những xóm lèo tèo. Khoảng chín giờ mới đụng độ một toán địch nhỏ. Chúng bắn vài phát súng rồi rút chạy vào một xóm. Một trung đội Pháp vội truy kích. Đến chỗ khác, lại lẹt đẹt vài phát súng. Lại có người đuổi theo. Chừng hơn một

tiếng đồng hồ sau, lần này súng lại nổ chặn ở phía sau lưng. Rồi súng nổ vang ở khắp phía. Không biết quân Cờ Đen nấp ở đâu, bỗng xuất hiện hết toán này đến toán khác, lúc đầu nổ súng, còn về sau toàn đánh giáp lá cà.

Thiếu tá Henri Rivière đánh nửa ngày chiếm thành Hà Nội, lại đánh nửa ngày khác chiếm thành Nam Định. Đó là những trận vây thành, ông có thể dùng súng đại bác, có thể phát huy uy lực của vũ khí tối tân hơn hẳn đối phương. Còn ở trận này, người cầm mã tấu đánh với người cầm súng cắm lưỡi lê. Một trận cọ xát mặt đối mặt, giết nhau theo kiểu trung cổ, vũ khí tối tân hết tác dụng, ai khỏe hơn là thắng, ai đông hơn là thắng. Đó là trận phục kích không thấy trong sách giáo khoa của trường sĩ quan Tây phương.

Viên đội Philippe và Henri Rivière nhảy khỏi chiếc xe Victoria trứ danh. Philippe Messmer cắm lưỡi lê vào nòng súng bảo vệ chỉ huy trưởng. Một tiểu đội Pháp cũng đứng chung quanh sẵn sàng chiến đấu. Một lính cờ đen cầm mã tấu hét lên xông tới. Thiếu tá Henri bắn gục, mười người lính cờ đen, rồi đông nghịt những lính cờ đen xông tới. Có tiếng hét:

- Thằng chỉ huy đấy. Giết nó đi.

Tiếp sau đó là xoang xoảng gươm giáo mã tấu, là tay cụt, máu tóe, hò hét. Henri Rivière hết đạn. Cả tiểu đội lính bảo vệ bị chết hết. Cả anh đội Philippe cũng bị chém xả vai nằm chồng lên những cái xác khác. Quân Cờ Đen còn bận trói Henri Rivière bắt giải đi nên không thèm để ý xem đối phương ra sao. May mắn, một người lính Pháp, sau trận đánh, phát hiện ra Philippe Messmer còn sống nên đưa anh ta về khu Nhượng địa.

Chín giờ tối, những lính Pháp còn sống sót mới trở về hết. Gần 100 quân bị chết, bị thương. Thiếu tá Henri Rivière, đại úy Jacquin, trung úy Brisis bị quân Cờ Đen bắt, chắc là đã chết. Đại úy Berthe de Villers bị thương về đến nhà thì chết.

*

* *

Philippe Messmer phải nằm bệnh viện mất gần một tháng. Sau trận chiến Cầu Giấy, quân Cờ Đen làm chủ Hà Nội cả đêm lẫn ngày. Quân Pháp lui cả về cố thủ trong khu Nhượng địa. Hàng rào gỗ chắc chắn vây kín các mặt, trên sông Hồng lại có tầu chiến trang bị đại bác nên quân Cờ Đen tuy dám đi lại ban ngày trong thành phố nhưng cũng không dám tấn công khu Đồn Thủy. Thế là giữa đại đội đóng trong thành và đội quân trong khu Nhượng địa bị đứt liên lạc, tách làm hai. Tại Đồn Thủy, người ta chia thức ăn theo khẩu phần.

Nghe tin Henri Rivière bị sa vào tay quân Cờ Đen, súy phủ Nam Kỳ vội cấp tốc gửi quân ra Bắc. Ở Pháp, tại quốc hội, phe chủ chiến muốn đánh Bắc Kỳ đã thắng. Người ta đưa tướng tá binh lính sang. Bây giờ, trên con đường Hàng Khảm nối từ Đồn Thủy đến thành Hà Nội, có thêm hai đồn binh: đồn Tràng Tiền và đồn Tràng Thi. Các cha cố, dân công giáo lại trở về khu phố Truyền giáo. Quân đội Pháp mở những cuộc hành quân đánh đuổi quân Cờ Đen.

Philippe đã hoàn toàn khỏe mạnh trở lại. Người ta giao cho anh nhiệm vụ ra khu Cầu Giấy tìm thi hài của thiếu tá. Philippe cầm chiếc hộp khảm trong đó đựng tập truyện ngắn *Édith* lên. Chiếc hộp khảm trai rất đẹp.

Người thợ khảm ở bờ Hồ Gươm là người thợ tài năng nhất phố. Thiếu tá chỉ thích ông ta khảm cho một cảnh vật đậm đặc chất An Nam để làm kỷ niệm. Thì đây, một khóm trúc, một dòng sông, một con thuyền... vẫn còn đây, nhưng người chủ thì đã ở cõi nào. Henri Rivière rất thích chiếc hộp khảm này. Lúc mua nó về, ông cứ ngắm nghía không chán, rồi gật gù: "Người An Nam lạc hậu đến thế mà lại có một tâm hồn tinh tế đến thế...". Philippe còn nhớ, có lúc ông nói với anh: "Xứ sở này tăm tối quá. Ta phải đem ánh sáng đến cho họ". Ở con người này vừa có cái cảm xúc tế nhị của một nghệ sĩ, lại vừa có sự cao ngạo của một con người đi chinh phục. Philippe hơi rùng mình khi thầm nhắc tới từ chinh phục. Anh lại chợt liên tưởng tới Francis Garnier. Mười năm về trước, ông này cũng bị quân Cờ Đen giết. Họ chặt đầu ông ta. Lúc tìm được xác thì không thấy đầu. Cái đầu mất biến. Một con chó hoang nào đã tha mất rồi chăng, hay một người dân nào đó thương tình đã vùi lấp hộ chăng. Thành thử lúc chôn ông ta, không có đầu. Ông ta biến thành thứ ma không đầu. Chắc chắn Henri Rivière cũng vậy. Trăm phần trăm là ông ta đã bị chặt đầu. Luật lệ phương Đông đối với kẻ tử thù là như vậy. Thiếu tá ơi! Bây giờ thân xác người ở đâu? Linh hồn người ở đâu? Bây giờ đầu của người đang ở chỗ nào? Người phương Đông coi trọng cái đầu hơn là cái mình. Họ cho rằng người chết mất mình là khổ, nhưng mất đầu còn khổ hơn, bởi vì tinh hoa của con người, tất cả nằm ở cái đầu, trí khôn cũng ở đấy mà hồn vía cũng ở đấy. Philippe không mê tín như người phương Đông nhưng cũng nghĩ, thà mất cái mình hơn là mất cái đầu.

Philippe suy nghĩ rất nhiều, nên đầu tiên anh tìm đến gặp giám mục Puginier. Đức cha đang ở nơi dựng lại nhà thờ. Cha đang có dự định làm một ngôi nhà thờ thật to, nhưng để có nơi hành lễ ngay, phải dựng tạm một ngôi nhà thờ lợp lá. Thấy Philippe, cha bảo:

- Cầu chúa ban phước lành cho người chỉ huy anh hùng của con. Chắc lúc này, thiếu tá đang ở trên xứ thiên đàng, bên cạnh Chúa.

Philippe trình bày nhiệm vụ của mình. Đức giám mục hiền từ nói:

- Con tìm ta là đúng. Một mình con không tìm thấy đâu. Mà cho dù có hàng trăm quân lính cũng khó tìm ra. Bởi vì chúng ta là người nước ngoài. Để ta cho một người bản xứ đến giúp con.

Người công giáo đến giúp Philippe trạc gần bốn mươi tuổi, dáng người rắn chắc, mặt mũi sáng sủa. Chẳng thấy ông ta cười bao giờ, nét mặt hiền từ nhưng khắc khổ, trầm tư. Ông ta nói được tiếng Pháp nhưng không sõi lắm. Người ta bảo ông là người tâm phúc của tòa giám mục. Tên ông là Cam. Ông Cam nói khẽ khàng bằng một giọng nói chắc nịch sau một hồi lâu suy nghĩ:

- Ông đội ạ. Ông cứ ở nhà. Để tôi đi một mình.

- Ông Cam ơi! Thiếu tá mất tích như vậy đã hơn hai tháng. Lòng tôi chẳng yên chút nào khi chưa tìm được người.

Hình như ông khó nói, nhưng cuối cùng ông cũng nói ra được.

- Sự thực bây giờ là đi tìm xác. Ông đội là người Pháp. Mà ông biết đấy, người dân quê tôi bây giờ trông thấy

người da trắng, lập tức họ trốn chạy, hoặc im lặng chẳng nói gì cả.

Trong giọng nói của ông Cam, Philippe thấy buồn buồn, nhưng anh phải công nhận ông ta nói phải. Ngoài ông Cam tự nguyện nhận giúp ra, Philippe còn thuê mấy người dân quê khác đi tìm. Anh trả công họ thật cao, lại còn hứa nếu tìm được sẽ trọng thưởng.

Một tháng trôi qua vẫn chẳng thấy tăm hơi gì. Một buổi chiều, anh thấy một người nông dân cởi trần đóng khố đến tìm. Anh ta gánh hai cái rổ, phủ rơm. Lại gần mới nhận ra đó là ông Cam. Ông ta bảo tìm thấy đầu thiếu tá rồi. Ông Cam bỏ rơm ra. Cái đầu lâu da đã bợt bạt biến hình, mắt bị chuột khoét, tai bị chuột gặm, nhưng Philippe vẫn nhận ra chủ. Có lẽ cái để Philippe nhận ra là mớ tóc. Mớ tóc vàng, dài xõa đến vai, mớ tóc nghệ sĩ độc nhất mà chỉ mình thiếu tá có trong khu Đồn Thủy. Ông Cam cẩn thận đã lượm về mớ tóc ấy. Philippe muốn ông Cam kể tỉ mỉ tình hình cho nghe, song ông ta không muốn nói, chỉ lặng lẽ nhặt mấy con đỉa từ lỗ tai cái đầu lâu chui ra. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Ông bác sĩ của khu Nhượng địa phải pha dung dịch phoóc môn đem ngâm cái đầu lâu trong khi chưa làm lễ an táng được.

Ông Cam chẳng nói gì nhưng những ngày đi tìm của ông thật khốn khổ. Ông Cam giả làm người đi đào hang bắt chuột. Ông đóng khố, vác cái thuổng trên vai, lưng buộc mấy cái đó, tay cầm mồi rơm phe phẩy. Những cánh đồng chung quanh khu Cầu Giấy đã trở thành những cánh đồng hoang, vì dân bỏ đi hết. Ruộng đất đã trở thành những khu rừng lau sậy. Phải nói đi tìm một cái

đầu lâu trong bao la rừng lau sậy thật chẳng khác đi tìm kim đáy bể. Đất đai đã trở thành nơi trú ngụ của lũ cầy cáo. Người dân quê trong lúc loạn lạc đói khát đi bắt chuột để sống qua ngày không phải chuyện hiếm. Một tháng trời lần mò không hiệu quả cũng làm ông nản. Một lần, ông gặp một ông bạn cùng cảnh: Hỏi ông ta bắt có được nhiều chuột không. Ông ta không nói, chỉ gật đầu, một tay bịt mũi, còn tay kia chỉ trỏ vào một khu ruộng rậm rịt. Khi ông ta đi khỏi Cam mới vào khu lau sậy um tùm đó. Khi ông đến, một bầy chuột chạy túa ra. Ông là người đi đạo nhưng cũng khấn:

- Ông Rivière ơi! Ông sống khôn chết thiêng thì đưa lối chỉ đường cho tôi tìm ra ông nhé!

Và thế là ông đã tìm ra đầu thiếu tá. Nhưng còn thân thì sao? Có tìm không? Hay là chỉ chôn cái đầu. Giám mục bảo:

- Thiếu tá là người anh hùng. Ta nên cố gắng tìm cho thi thể được toàn vẹn.

Cũng lại phải nhờ ông Cam mới tìm ra nốt thân thể thiếu tá. Ông ta nghĩ: "Kẻ tử thù thường hay bị vứt xác trôi sông, để đầu một nơi, thân một nẻo, để cho kẻ ấy không thể tái sinh trở lại dương thế làm điều ác nghiệt". Do những suy nghĩ ấy, ông vác dậm đi theo dòng sông gần đấy, ông thấy một đàn quạ đậu đen ngòm trên một cây gạo. Ông mừng rỡ, bởi vì lũ quạ là những con chim đánh hơi mùi xác chết giỏi nhất. Xác Henri cụt đầu dập dềnh trong một bụi cỏ lác ven sông.

Tháng Mười năm 1883, giám mục Puginier làm lễ cầu siêu cho thiếu tá Henri Rivière tại ngôi nhà thờ lợp lá, trên khu phố Truyền giáo.

3

Cuộc nói chuyện quan trọng với ông đại tá của Philippe Messmer có tính chất quyết định vận mệnh cuộc đời anh. Ông đại tá già nói:

- Phải suy nghĩ thật kỹ, vì lập đồn điền tức là xác định ở xứ sở Bắc Kỳ này lâu dài. Các quan chức, các nhà chính trị, nhà kinh doanh... đến một thời gian rồi lại đi. Chỉ riêng nhà thuộc địa đất đai (colon), những ông chủ đồn điền sẽ ở lại.

Philippe gật gù, nhưng anh không nghĩ ngợi lâu, bởi vì anh ưa sự mới mẻ, sự mạo hiểm. Anh thích kiểu người phóng khoáng quyết đoán như thiếu tá Henri Rivière. Anh nói:

- Chí tôi đã quyết. Tôi sẽ làm bằng được.

Viên đại tá cũng là con người nhiệt tình, cuồng tín với niềm vinh quang của tổ quốc, ông càng nói càng hùng hồn.

- Anh là con người mà nước Pháp tin cậy. Anh là người đã tham gia từ ngày đầu tiên trong công cuộc chinh phục. Anh đã chiến đấu từ thời khu Nhượng địa, rồi đánh nhau ở Lạng Sơn, rồi cả trong chiến dịch dẹp quân Đốc Ngữ. Thực ra, làm chủ đồn điền anh có lợi, mà nhà nước bảo hộ cũng có lợi. Anh phải có ý thức cao rằng người Pháp chúng ta làm chủ xứ sở này, tức là làm chủ về mặt kinh tế, chính trị và cả quân sự nữa. Khi nhà nước cho anh vùng đất ở đây, điều đó có nghĩa là nước

Pháp đã cử anh làm đại diện quyền lực của nước Pháp tại đây.

- Thưa đại tá, tôi hiểu.

- Phải học. Bây giờ phải biết làm chính trị và kinh tế. Muốn thế, phải có tay chân, có nhiều con mắt, có nhiều đồng minh.

Trong thời gian ở với thiếu tá Henri Rivière, anh hiểu muốn trụ lại ở xứ sở này, điều trước tiên phải dựa vào nhà thờ, điều thứ hai phải dựa vào những người bản xứ. Chỉ riêng việc đi tìm xác thiếu tá Henri Rivière, Philippe cũng hiểu vai trò người bản xứ giúp việc quan trọng thế nào. Đúng là mình rất cần một người thân tín bản xứ. Nghĩ đến đây, Philippe đã nhẩm điểm lại những gương mặt bản xứ mà ông quen biết. Philippe đã có chủ kiến.

Tuy nhiên, việc đầu tiên ông làm không phải việc đi tìm con người ông đã nhắm tới, mà là việc đến thăm cha xứ. Cổ Đình cũng có một nhà thờ. Nó được dựng ở một xóm nhỏ nằm tách riêng trông ra hồ Huyền. Cái xóm chỉ chừng ba chục nóc nhà nghèo nàn nhưng ăn ở trật tự ngăn nắp lắm. Giữa xóm có một con đường to, rồi từ đó tỏa ra hai bên những ngõ nhỏ như hình xương cá. Con đường giữa xóm dẫn tới ngôi nhà thờ bằng gỗ lợp tranh, vách trát đất. Ngôi nhà thờ cao hơn mọi nhà chung quanh. Mặt là hồi nhà, trên đầu hồi có cây thánh giá bằng gỗ cao to để từ xa mọi người đã nhìn thấy.

Nhà ở của linh mục nằm phía sau nhà thờ. Một ngôi nhà ba gian xinh xắn quét vôi trắng, đằng trước có một giàn nho. Linh mục Colombert từ trong nhà bước ra đón khách. Đó là một ông già nhỏ bé râu tóc bạc phơ. Ông giang rộng hai cánh tay hớn hở:

- Xin chào cố nhân! Được tin ông lập đồn điền ở đây, tôi vui mừng quá. Biết rằng người đồng hương thế nào cũng tới chơi.

Philippe ngạc nhiên vì sao ông già lại gọi mình là cố nhân. Ông cứ nhìn mãi ông già người Pháp nhỏ bé ấy, cuối cùng mới nhớ ra được đó là người phiên dịch cho thiếu tá Henri hôm họ vào thành Hà Nội đến thăm dinh quan tổng đốc. Philippe cũng hân hoan không kém.

- Mừng quá! Mừng quá! Ông là người giúp việc cho đức giám mục nhà thờ Kẻ Sở. Tôi chưa nhận ra vì ông để râu, và tóc bạc quá.

Ông già vẫn tươi cười:

- Tôi mới 54 tuổi nhưng do khí huyết nên tóc bạc nhanh quá!

Rồi ông già nói nhỏ vào tai Philippe:

- Thế ông có biết một giáo sĩ da trắng đến Đông Dương sống trung bình được bao nhiêu năm ở xứ này không?

- Làm sao tôi biết được.

- Chỉ có 5 năm thôi nhé. Họ không chịu đựng nổi sốt rét, kiết lỵ, dịch tả... Thế mà tôi sang xứ Bắc Kỳ đã 25 năm lại đã được 54 tuổi. Thật là điều đáng mừng.

Ông già rót hai cốc rượu vang. Họ chạm cốc, uống cạn một hơi rồi cười vang. Sự yêu đời, vui tính của ông linh mục làm những lo lắng lúc đầu của Philippe bỗng tan biến. Khi nghe Philippe trình bày mong muốn của mình, linh mục Colombert gật đầu:

- Ý định của ông tìm những người bản xứ để giúp việc là đúng. Và định tìm người bản xứ có đạo chứng tỏ ông có nhãn quan sâu sắc rộng rãi, bởi vì tổ quốc của chúng

ta có bình định được xứ này hay không là phải nhờ vào mức độ công giáo hóa xứ này đến đâu. Một người công giáo sẽ không phản bội chúng ta. Tôi giới thiệu ông với ban điều hành giáo xứ. Cụ thể sẽ gặp ông chánh trưởng, một người bản xứ ngoan đạo. Phải nói không nhờ ông ta thì tôi không còn sống đến hôm nay.

Nhà ông chánh trưởng là ngôi nhà ngói cổ, mà người ở xứ này gọi là nhà bức bàn. Ngõ, sân, nhà, vườn tược đều sạch như li như lau. Tưởng người xa lạ, hóa ra cũng vẫn là người quen. Đó là ông trưởng Cam, con người đi tìm xác thiếu tá Rivière hơn mười năm về trước. Cha xứ cười vang:

- Không nói trước, là để dành cho ông niềm vui thích bất ngờ khi gặp người quen cũ.

Ông trưởng Cam bây giờ đã bước vào tuổi già tóc đã bạc, gương mặt ông vẫn như xưa, thoạt nhìn Philippe đã nhận ra ngay. Chỉ có một điều hoàn toàn khác: Đó là trước kia không bao giờ thấy ông ta cười, còn bây giờ ông rạng rỡ, tươi tỉnh, môi ông luôn nở một nụ cười nồng hậu. Đôi mắt của ông long lanh, cả đôi mắt ấy cũng biết cười.

Chủ khách vào ngồi trên bộ tràng kỷ. Ông trưởng Cam kể vắn tắt tình hình của mình:

- Tôi theo hầu đức giám mục đã ngoài ba mươi năm cho tới lúc người qua đời cách đây hai năm. Sau khi ông rời khỏi Hà Nội, đức giám mục dành bao nhiêu công sức cho việc xây Nhà Thờ Lớn. Trước khi nhắm mắt người còn nắm tay tôi và bảo: "Sau khi ta chết, ông hãy về giúp cha Colombert. Được làm việc đạo cho đến hơi thở cuối cùng là niềm hạnh phúc to lớn nhất. Cầu Chúa ban phước cho mọi người".

Câu chuyện về đức giám mục Puginier làm không khí cuộc nói chuyện chợt như lắng lại. Cũng may, lúc đó bà chủ nhà chợt xuất hiện. Bà trưởng Cam từ nhà ngang bước lên pha nước mời mọi người. Philippe chợt ngạc nhiên đến sững sờ khi thấy người phụ nữ đó. Một thiếu phụ xinh đẹp mà ông ít gặp. Bà ta mặc chiếc váy đen và chiếc áo nâu, tất cả đều là lụa. Bà để tóc trần quấn quanh đầu. Đôi mắt to và dài. Đôi môi mỏng không tô điểm mà vẫn đỏ đắn. Cái mũi dọc dừa xinh xinh, khác hẳn những chiếc mũi to thô mà ông vẫn thấy ở những người đồng hương của bà. Chiếc yếm lụa bạch, chiếc thắt lưng hoa lý, những thứ trang điểm rất bản địa, mà ông thường không thích, sao ở người đàn bà này lại thích hợp đến thế. Nó làm tôn cái vóc dáng thắt đáy lưng ong, cái vóc dáng rất chuẩn của người đàn bà mà từ đông sang tây đều ưa thích. Bà ta lại đi dép nữa chứ, cái thứ dép bằng gỗ sơn mài cong cong kỳ lạ. Trông bà ta như một bức tranh tố nữ tô màu, một thứ màu sắc đạm bạc, nền nã nhưng vẫn nổi bật. Rõ ràng bà ta không phải một thứ người chân lấm tay bùn, những người nông dân nghèo khổ mà anh vẫn gặp. Philippe nghĩ: Bà ta có lẽ là con gái quý tộc. Về quý phái phương đông mà lần đầu tiên anh bắt gặp.

Cử chỉ của bà ta khác. Bà đưa những ngón tay dài thuôn cong cong, đặt từng chiếc chén đến trước mặt từng người với vẻ mặt tươi tắn nhưng đoan trang. Xong việc bà cúi đầu rồi lặng lẽ bước ra ngoài. Vị linh mục giải thích cho Philippe hiểu:

- Ở xứ này, người phụ nữ không ngồi tiếp khách. Bưng nước ra chào là cử chỉ tôn trọng khách.

Nhìn người đàn bà đẹp cao quý như Đức Mẹ rồi lại nhớ tới ông Cam ngày xưa đóng khố tay cầm cái thuổng, tay cầm cái mồi rơm lặn lội đi tìm xác ông thiếu tá Henri Rivière, chợt Philippe nghĩ chắc người đàn bà này phải có một lịch sử đặc biệt chi đây. Ông Cam cất tiếng nói đã cắt dòng suy nghĩ của Philippe:

- Đức cha nói ông muốn tìm người giúp việc bảo đảm thân tín.

- Vâng.

- Thật không tiện khi phải giới thiệu người họ hàng thân thuộc của mình, nhưng tôi nghĩ cái đức tính thật thà chung thủy là cần nhất, nên mạnh dạn xin giới thiệu cháu tôi với ông.

Cha Colombert gật gù liên tục, mắt sáng lên:

- Ông Trưởng định giới thiệu anh Liến phải không? Được như vậy còn gì bằng. Cậu ấy linh lợi tháo vát. Chính tôi đã dạy học cho Liến biết chữ quốc ngữ. Cũng nói chuyện đơn giản bằng tiếng Pháp được. Đức giám mục lúc còn sinh thời có ý định đưa Liến vào trường dòng để đào tạo lâu dài, nhưng lại thương cả dòng họ chỉ còn mình anh ta, nên lại thôi.

- Vâng, cháu Liến năm nay hai nhăm tuổi. Ông có thể hoàn toàn tin cậy ở nó. Nó là con độc nhất của người anh trai tôi. Bố nó đã mất rồi. Tôi có bổn phận gây dựng cho nó.

*

* *

Philippe không ngờ mọi sự lại diễn biến thuận lợi đến thế. Thực ra, ông đã quen Liến từ mấy năm về trước, lúc anh còn là anh binh nhì trong đội quân mà người Pháp

tuyển để đi dẹp quân khởi nghĩa được người Pháp gọi là giặc Đốc Ngữ. Quân Đốc Ngữ rất táo bạo. Họ đã huy động tới 500 nghĩa quân đánh úp đồn Chợ Bờ. Trận ấy Pháp thua to, nhiều sĩ quan Pháp bị chết. Khố xanh, khố đỏ chạy hết. Đang đêm, thiếu úy Philippe bị thương, may nhờ anh lính khố đỏ tên là Liến dìu xuống bờ sông, rồi chèo thuyền cứu thoát. Thật cũng may, dòng sông Đà thác dữ, nước xiết, nếu không có Liến thì không biết tính mạng Philippe ra sao.

Sau trận ấy, Liến được thăng chức lên cai. Cai tức là hạ sĩ, một chức rất nhỏ nhoi trong quân Pháp, nhưng đó là vinh dự với một người lính khố đỏ. Lúc đó Liến còn ở quê gốc, một xã ven biển Nam Định, anh đã xin nghỉ phép về quê để làm khao, tức làm lễ mừng được thăng chức. Philippe đã về tận quê Liến dự. Buổi tối hôm ấy, Liến mời cả cô đầu về giúp vui. Một người đàn bà răng đen, khá xinh, gõ hai chiếc dùi lên một thanh tre bóng nhoáng, miệng hát chậm rãi ngâm nga ư ư... a a... Giọng hát lạ tai phức tạp, Philippe không hiểu hết, nhưng cũng khen là có tình ý. Rồi một người đàn ông gẩy một chiếc đàn vuông, âm thanh trầm và đục. Một ông trung niên ngồi vắt vẻo chân chữ ngũ thỉnh thoảng lại gõ tom tom.

Philippe không ngờ những kỷ niệm ấy lại tạo bao nhiêu thuận lợi cho cuộc đời làm ông chủ của mình ở xứ thuộc địa này. Khi Liến biết Philippe còn là chỗ thân quen với chú Cam của mình từ xưa thì mối thân tình giữa hai người càng thêm keo sơn.

Liến chỉ mới hai nhăm tuổi nhưng anh đã là một nhà nông giỏi. Liến bỏ ra hẳn một tuần, cưỡi ngựa đi cùng Philippe khắp vùng Cổ Đình. Họ đi thăm những khu

ruộng nước, những vùng đồi mà Philippe chiếm hữu ở hai bên bờ sông Son.

Sau khi đã xem xét, tính toán kỹ lưỡng, Liến bảo:

- Như vậy, ông có khoảng một trăm mẫu ruộng nước, và hơn một nghìn mẫu vừa ruộng cao, vừa đồi. Việc đầu tiên, ta khai thác ruộng nước. Trước hết hãy thúc người phá hoang ruộng nước. Phá hoang xong, đem tất cả ruộng nước cho dân Cổ Đình cấy rẽ.

- Cấy rẽ là thế nào?

- Tức là đem ruộng cho dân thuê. Hoa lợi chia đôi, họ một nửa, ta một nửa.

- Ai quản lý việc này?

- Ta không quản lý. Thuê lý dịch làng Cổ Đình làm. Như vậy họ có lợi, sẽ gắn bó với đồn điền, còn ta thì rảnh. Ta nới tay một chút, bọn lý dịch sẽ hết lòng với quan Tây. Họ sẽ làm tai mắt cho ta.

Liến tỏ ra là người quản lý giỏi giang. Anh còn cho nuôi bò rẽ, cho thầu hai bến đò thuộc khu vực đồn điền, và khai thác gỗ. Nói tóm lại, cái gì làm được ra tiền anh làm tất.

Ý kiến của Liến thật hay. Như vậy, Philippe vừa là một ông chủ đồn điền hiện đại, lại vừa là một nhà quý tộc. Ông ta vừa khai thác ruộng như một ông địa chủ An Nam, vừa như một ông tư bản phương tây. Nhà nước thuộc địa cho không ông mấy trăm héc ta đất, ông lại đem đất ấy cho nông dân bản xứ cấy thuê. Chưa cần làm gì mới mẻ, ông đã tự nhiên có vài chục tấn thóc và tiền hàng năm.

Philippe về Pháp bán hết gia sản cha ông để lại, rồi vay thêm tiền làm vốn để khai thác lớn.

Liến về tận Nam Định mộ phu đồn điền. Có mấy chục người theo anh lên Cổ Đình. Trong số người đó, Liến chú ý tuyển năm gia đình trẻ người đạo gốc. Thế là một xóm đồn điền hình thành, ở đó năm gia đình công giáo họp thành một họ đạo nhỏ. Liến còn ước mong từ năm nhà dần dần sẽ trở thành một xóm đạo đông đúc. Philippe tán thành tất cả những sáng kiến của Liến. Ông biết Liến đang tìm những người nòng cốt thân tín cho đồn điền.

Bây giờ, đi vào giai đoạn thứ hai, giai đoạn trồng chè, trồng cà phê, giai đoạn chính thức để vùng đất này trở thành một đồn điền thịnh vượng. Philippe cũng đã thấy một số đồn điền thất bại. Ông hiểu rằng chỉ có cách quản lý đúng, kỹ thuật cao và phải đổ mồ hôi, rồi tiết kiệm ông mới mong thành công.

IV

HỌ VŨ, HỌ ĐINH

1

Làng Cổ Đình có hai họ nổi tiếng: họ Vũ, họ Đinh. Mả nhà họ Vũ Xuân phát về đường hào lý: Chánh tổng, tiên chỉ, lý trưởng làng này đều nằm hết trong tay họ Vũ. Họ Đinh Công thì nổi tiếng về đường đỗ đạt và cá tính ương bướng. Thời vua Minh Mạng, có một khoa thi mà cả ba cha con họ Đinh Công đỗ liền một lúc: một cử nhân, hai tú tài. Thời đó cả làng rộn lên ca tụng: tam phụ tử tịnh đăng khoa. Thời gần đây, nhà ấy còn có ông cử Lê và ông đồ Tiết. Thực ra, cùng lứa ấy nhà Vũ Xuân cũng có người đỗ đạt nhỏ, đó là cụ tú Vũ Xuân Cao. Còn cái cá tính bướng bỉnh thì trong làng người ta vẫn đồn câu: Cha Đốc, con Đề. Ý câu ấy muốn nói về chuyện cụ đồ Tiết đi theo cụ Đốc Ngữ còn hai người con thì theo cụ Đề đi đánh Tây rồi biệt tích.

Làng chỉ bằng cái bàn tay, nên hai họ nổi tiếng ấy có chuyện gì xảy ra, tức khắc có lời đồn ngay. Trăm mắt người ta đổ dồn vào mà. Vậy nên khi hai cha con Trịnh Huyền xuất hiện, lập tức có ngay xì xào. Không những người lớn đồn, mà trẻ con cũng đồn. Đám choai choai rỉ tai nhau:

- Nhà thằng Điều có con bé khảu đáo để.

Trẻ mục đồng làng Đình thường đi chăn trâu bò chung với nhau. Đồi trọc nhiều, tha hồ trâu bò ăn, song

cứ phải đi chung với nhau vì đất mênh mông, lũ trẻ mải chơi có khi bò lạc còn có người giúp đi tìm. Nhà ông lý Cỏn có những hơn mười con, thường ngày vẫn do thằng Tũn, thằng Tĩn đi chăn. Hôm nay, bà ba Cỏn cho hai đứa Tũn, Tĩn sang làng bên ăn cỗ, nên cắt thằng Bòi và anh Cò đi chăn thay. Cò là con lớn nhất của bà Ba, năm nay 17 tuổi. Con cái ông lý Cỏn chẳng ham học, nhưng không hiểu sao lại nảy nòi một thằng bé sáng dạ và chăm học đến thế. Nó đã đậu bằng Prime (hết tiểu học) nói tiếng Tây được và suốt ngày cầm quyển sách trên tay. Học xong prime, Cò ra Hà Nội học. Nghe nói Cò học giỏi lắm. Nay mai sẽ thi Đíp lôm. Hè nào, Cò cũng về làng ở hai tháng với bố mẹ.

Khi ra bãi thả trâu, Cò tách riêng một mình. Anh ra nằm dưới gốc một bụi sim đọc sách. Cò không chơi với đám mục đồng vì anh đã gần như người lớn. Vả lại, từ hồi anh ra Hà Nội học, hình như đã có một khoảng cách giữa anh và lũ trẻ. Đám mục đồng cũng ngại ngần chẳng thích gần anh.

Cò tập trung vào sách nhưng không tài nào đọc được. Hôm nay, đám trẻ không chơi những trò ầm ĩ như mọi ngày, chúng ngồi túm tụm với nhau nghe một cô bé hát. Cô gái có một giọng hát trời cho, véo von lạ thường. Đầu tiên, cô hát điệu hát Xá rộn ràng, câu hát về bà Chúa Thác Bờ.

Cảnh thanh xuân thiều quang soi tỏ
Chúa Thác Bờ tiên nữ giáng sinh
Họ Mường, áo trắng, đai xanh
Lưng đeo xà tích, bên mình dao quai
Đôi mắt phượng, hoa cài, trâm giắt
Vầng trán xinh, vẻ mặt càng tươi

Môi son như đóa hoa cười
Thanh tân lịch sự, mắt ngời thu ba.

Cô nghe nói có hai cha con người tỉnh Nam lên ở nhà cụ đồ Tiết. Người cha đánh đàn rất tài tình, và cô con gái có giọng hát rất hay. Tiếng đàn của người cha thì Cô đã vô tình được nghe. Còn giọng hát của người con, hôm nay Cô cũng lại ngẫu nhiên được thưởng thức. Cô gái đã chuyển sang một câu hát mộc mạc, một biến điệu của giọng Cờn trữ tình.

... Nón kinh vai quẩy lẵng hoa
Khi vào Ba Dội, lúc ra Ninh Bình
Bóng hồng đủng đỉnh non xanh
Trăng in vẻ bạc, long lanh suối vàng
Cô rong chơi mười tám cửa ngàn
Ba mươi sáu động, sơn trang các tòa.

Ở Hà Nội, có lần một ông thầy đàn đã tấu khúc nhạc này là giảng giải cho anh nghe. Cờn là một điệu hát văn trữ tình đặc biệt. Người cung văn thường hát giọng này mỗi khi có các chầu bà, các cô tiên nữ xinh đẹp loan giá về ngự đồng. Giọng hát đắm say, xao xuyến của cô gái vút lên, gây cho chàng thiếu niên cảm giác một bóng trăng trắng, mờ ảo đang chập chờn chon von trên một đỉnh núi cao. Hình như Cô thấy rùng mình. Sao lại vậy? Anh không hiểu. Mà cũng lạ! Hai cha con người đàn hát này có quan hệ gì tới anh đâu, cớ sao anh lại xúc cảm vì họ thế nhỉ? Phải chăng vì Cô là kẻ quê mùa, rừng rú, cho nên đã ra chốn phồn hoa thành thị rồi, nhưng cứ nghe thấy điều gì liên quan tới chốn sơn lâm là trong lòng lập tức lại xốn xang máy động.

Cò nằm che quyển sách lên mặt ngẫm nghĩ. Câu hát này đang nói về một cô thị tì duyên dáng, người hầu cận trung thành luôn có mặt bên cạnh Mẫu thượng ngàn. Cô tiên nữ thị tì này dĩ nhiên xinh đẹp, phóng khoáng, nhưng chắc đỏng đảnh lắm. Cô gánh hai lẵng hoa mà rong chơi mười tám cửa ngàn. Người thiếu niên tự cười thầm với những ý nghĩ của mình. Những ý nghĩ bông lông, bồng bềnh... cái giọng hát đằm thắm của điệu Cờn Luyện, điệu Cờn biến điệu trứ danh... hình ảnh một người đàn bà xinh đẹp quẩy hoa đi trên mây... tất cả trộn vào nhau mơ màng như một câu hát ru êm đềm kéo anh vào giấc ngủ... mong manh.

Chợt có tiếng dặng hắng. Giấc ngủ tan biến ngay. Đám hát đã chấm dứt tự lúc nào chẳng hay. Cò nhỏm ngay dậy. Đứng trước mặt anh là một cô gái chừng mười bốn, mười lăm. Cô gái sắp dậy thì. Má hây hây. Đôi mắt đen láy, lóng lánh. Cô hồn nhiên ngồi xuống bên anh. Cò cất tiếng hỏi trước tiên:

- Lúc nãy, là cô hát phải không? Cô hát hay lắm. Cứ như người mẹ ru con.

Cô gái chăn bò cười:

- Thế ư? Còn anh, đang đọc gì đấy?

- Đọc truyện.

- Có hay không?

- Hay!... Này, có phải cô đang ở nhà cụ Đồ?... Cô là con ông đánh đàn... có cái má...

Cò ngừng nói, lấy tay xoa xoa lên má mình, ý muốn nói tới nửa khuôn mặt kỳ dị của ông Huyền. Tuy mới chỉ nói nửa lời, Cò đã cảm thấy mình sỗ sàng quá. Thực ra, câu hỏi ấy cứ tự nhiên bật ra khỏi miệng. Chẳng hiểu tại

sao. Ừ! mà tại sao anh lại chú ý tới một con người chẳng liên quan gì tới anh? Mà lạ thật! Tại sao một gương mặt lại có thể nửa đẹp nửa xấu? Những ý nghĩ ấy chỉ đột hiện rồi lại biến mất ngay. Cô thấy những ý nghĩ của mình thật vô lý, bởi vì trước mắt anh, cô gái tỏ ra rất hồn nhiên. Cô nói:

- Thầy em bị bỏng khi cứu nhà cháy. Cái nửa mặt ấy... trông thế thôi... Thực ra, thầy em hiền lắm...

- Tôi hiểu chứ - Cô vội vàng nói như muốn xin lỗi - Tôi nghe tiếng đàn nguyệt của ông, tôi biết chứ. Tiếng đàn thật tuyệt vời!

Đến lượt cô gái lại ngạc nhiên:

- Thầy em đã bao giờ đánh đàn cho ai nghe đâu?

- Chả là... Tôi đứng ngoài búi tre nghe trộm tiếng đàn... - Cô hơi đỏ mặt, và vội vàng lái câu chuyện sang hướng khác - Tên cô là gì nhỉ?

- Em tên Nụ, nhưng ai cũng gọi là Nhụ.

- Nhụ... Nhụ... cái tên hay đấy.

- Sách nói gì?

- À, truyện bên Tây. Kể về những người khốn khổ.

- Hay nhỉ. Những người khốn khổ mà cũng viết thành sách.

- Có thích đọc không? Tôi cho mượn.

- Em không biết chữ.

- Tiếc nhỉ!

- Sao lại tiếc.

Cô ngẫm nghĩ rồi hăm hở:

- Nếu cô chịu khó, tôi sẽ dạy. Nhanh lắm!

Vừa đúng lúc ấy, Điều chạy lại, gọi giật giọng:

- Nhụ! Nhụ!

- Anh Điều gọi gì em?

- Lại đây! Lại đây! Đừng dây với của ấy.

Cò đứng dậy tức tối:

- Sao cậu lại bảo là dây.

- Thích thế đấy! Không dây là không dây.

Thằng Điều tỏ một thái độ rất sừng sộ. Tuy nhiên, Cò là người điềm tĩnh. Anh nuốt giận, không chấp, nhưng từ lúc đó Cò đọc sách, chữ không vào đầu nữa. Kể từ phút ấy, mặt Điều cứ hầm hầm. Có lúc cậu vặc với Nhụ:

- Không thích thì thôi. Ra đấy với nó đi.

Nhụ âm thầm im lặng, Nhụ biết tính Điều. Cô không muốn chọc tức anh.

Chiều xuống, đàn trâu bò nối đuôi nhau về làng. Lũ súc vật đã no nê. Bọn trẻ mục đồng quấn thừng quanh sừng trâu bò. Chả cần dắt, con nào cũng thuộc lối, chúng biết về đúng nhà mình. Có những cô bé, cậu bé suốt buổi đùa nghịch cũng đã thấm mệt, chúng nằm úp sấp người trên lưng trâu, hai tay hai chân giang ra ôm lấy mình con vật. Lũ vật đi đủng đỉnh lắc lư làm chúng thấy buồn ngủ. Nhưng chợt chúng choàng cả dậy vì nghe thấy tiếng người cãi vã nhau. Hóa ra vẫn là chuyện xích mích giữa Điều và Cò. Suốt dọc đường về nhà, thằng Điều gây sự, cạnh khóe thằng Cò:

- Cứ ra vẻ ta đây cậu ấm, ta đây kẻ chợ. Ôi dào! Mả nhà nó có táng vào cái bút cái nghiên đâu. Học cũng toi cơm thôi.

- Này, Điều, mày xỏ xiên ai đấy?

- Tao nói giữa đường, đứa nào cấm được tao... "Để rồi anh dạy cho em!". Học được mấy bồ chữ mà ghê thế.

- Hãy ăn nói cho tử tế. Tao chẳng động chạm tới mày, mày cũng đừng nên động chạm tới tao.

Điều vênh mặt.

- Tao cứ nói đấy.

Thế là hai đứa xông đến trước mặt nhau. Lúc đó, ở ngay gốc đa đầu làng. Người đi làm đồng về rất đông. Cò hơn Điều hai tuổi. Nó lớn hơn nhưng lẻo khoẻo. Điều lam lũ từ nhỏ nên khỏe mạnh, lanh lẹn và dẻo dai.

Thằng Bòi bênh anh Cò, hét tướng lên:

Họ Vũ, làm chủ làng Đình

Họ Đinh, mà rình cơm nguội.

Bọn trẻ thấy sắp đánh nhau, thích quá cũng phụ họa theo:

...

Họ Đinh mà rình cơm nguội.

Thằng Điều hét lên, ứng khẩu trả miếng luôn:

Họ Vũ là cú là cáo.

Họ Đinh là dinh ông nghè.

Hai bên tha hồ tô vẽ cho mình và bôi xấu đối phương. Rồi chửi nhau. Rồi ôm lấy nhau vật. Rồi đấm đá. Nhụ òa lên:

- Anh Điều ơi! Đừng đánh nhau nữa.

- Mày bênh nó phải không?

Điều tức giận một cách vô lý. Nó như điên cuồng, vớ được cục gạch, ném vào ngực Cò. Thằng Cò nhớn hơn, không nỡ thẳng tay với Điều, nhưng bị trúng hòn gạch, đau, nó điên tiết đánh thẳng cánh. Nó thục mấy quả thật mạnh vào mặt thằng Điều. Máu ở mũi Điều chảy ra ròng ròng. Quệt tay thấy máu, thằng Điều vớ được chiếc

đòn gánh của bà làm đổng phang túi bụi. Thằng Cò cũng vớ đòn gánh phang trả. Bà Ba Cỏn đi ăn cỗ về, thấy người đông nghịt ở gốc đa, liền chạy tới, tru tréo lên:

- Ối trời ơi là trời! Cái gì thế kia?

Tưởng bà bênh con, ai ngờ bà lại tự đấm vào ngực rồi đẩy thằng Cò ra, sau đó bà mắng:

- Cò ơi là Cò! Sao lại nỡ thế hở con? Sao anh em lại đánh nhau? Sứt đầu mẻ trán ra thế này hở con?

2

Nhà ông hương Ất là nơi tụ họp đám đàn ông đủ loại trong làng. Chủ yếu đám trung niên. Sở dĩ thế vì ông hương nghiện thuốc phiện. Xưa kia, gia thế cũng khá giả, song cái bàn đèn đã làm ông dần sa sút. Tuy thế ông vẫn là người vai vế trong làng. Vai vế bởi vì ông là người họ Vũ Xuân. Vai vế, bởi vì bà vợ ông vẫn giữ chặt lấy một mẫu ruộng. Của hồi môn của bà đấy. Ông dỗ ngon dỗ ngọt thế nào bà cũng không cho bán. Bà bảo: "Ông có giết tôi, tôi cũng không rời đâu. Bán đi thì mẹ con tôi đi ăn mày à?". Bà hương còn đưa chuyện này trình lên các cụ cao tuổi trong họ, nhờ các cụ giúp. Hương Ất tuy thế vẫn sợ các cụ trong họ một phép, vì rằng ông biết họ mà tẩy chay, trừng trị thì ông hết đường. Ông cũng hiểu rất rõ ông còn được hương nọ hương kia, được cả làng vị nể cũng vì ông là người của họ Vũ Xuân. Khi cả họ Vũ Xuân vứt ông đi, tức là ông hết đời. Vả lại, tiên chỉ Nhậm, ông

chú họ, là tay rất hách. Ông tuy là hương trưởng đấy, tuy đã ngũ thập đấy, nhưng tiên chỉ Nhậm mà đã ra oai là ông rụt vòi lại ngay. Hương Ất đành xoay sở kiếm tiền bằng cách cò con vậy thôi. Có mấy cách xoay tiền để hút. Thứ nhất: dân làng có đứa nào đánh nhau, cào mặt ăn vạ, thì ông sai ngay tuần đinh đắp chiếu vào thằng ăn vạ rồi để đấy. Ông để cho nằm đắp chiếu một ngày một đêm, để cho muỗi đốt no đủ, lúc bấy giờ ông mới xử. Thằng ăn vạ cũng chết, thằng bị ăn vạ cũng chết. Khôn hồn có vài hào bỏ ra, ông mới tha. Thứ nhì: làm thầy dùi kiện cáo, xui nguyên giục bị. Trong làng có nhà nào mục mả, anh em tranh nhau hương hỏa là ông thích nhất. Càng kéo dài, ông càng có thuốc hút. Thứ ba: dắt díu vài anh rửng mỡ đến bàn đèn nhà ông tập hút. Lúc đó, họ cứ hút hai điếu là ông được một điếu. Thứ tư: lấy hồ đánh chắn. Tối nào cũng có một chiếu chắn ở cái phản mọt gian bên cạnh bàn đèn v.v...

Hương Ất là tay mưu mô có hạng. Có lúc, ông đã gãi nách sồn sột mà tuyên bố rằng: Bàn đèn nhà ông là trường học đào tạo tổng lý trong vùng. Cũng chẳng ngoa đâu, vì thời trẻ, ông đã liền mười lăm năm cắp tráp đi sau ngựa cụ chánh Thi bố vợ lý Cỏn. Giấy tờ của cụ chánh Thi đều qua tay ông hết. Vì vậy, mọi mưu mẹo trong nghề hào lý, ông thuộc như cháo chảy.

Sáng nay, lý Cỏn đến nhà hương Ất. Cỏn kém tuổi hơn nhưng thuộc chi trên, nên là anh. Tháng nào cũng vậy, vào mồng năm đầu tháng, các bậc kỳ mục lại đến nhà hương Ất họp. Các buổi sáng ấy, những khách thường dân đều hiểu không đến nhà hương Ất.

Lý Cỏn đến đã thấy một ông phó, ông trưởng bạ, ông

Ký có mặt từ trước. Ngồi chưa nóng đít đã nghe thấy tiếng oang oang như lệnh vỡ ngoài ngõ. Một người cao lớn bước vào vừa đi vừa nói rối rít:

- Kính các cụ! Kính các cụ!

- Xin chào cụ quản Boong.

Ông ta tên thật là Bính, dân vẫn gọi là Bính Boong. Sau lại bỏ chữ Bính đi, chỉ còn giữ chữ Boong. Cái tên kêu coong coong như giọng nói của ông. Ông nghe mãi quen đi, chấp nhận cái tên ấy. Ông Bính Boong đi lính chào mào sang Tây hồi Thế chiến thứ nhất. Có mề đay, nên về nước ông được phong chức quản. Ông làm quản tù tận Sơn La rồi về hưu. Ông là dân ngụ cư, thứ dân bị coi thường nhất ở chốn thôn quê. Cũng vì bị coi rẻ nên ông đã đăng lính. Ở quê, xếp hạng thứ nhất là quan tước phẩm hàm, thứ nhì là hào lý, thứ ba là học trò. Như vậy, ra đình ông đã được ngồi vào hàng chiếu nhất rồi. Do vậy, mặc dầu biết bị bọn lý dịch cánh Vũ Xuân coi thường, nhưng ông không lùi. Buổi họp kỳ mục nào ông cũng có mặt. Vừa mới ngồi xuống phản, quản Boong đã hỏi lý Cỏn:

- Ông Cỏn ơi! Thế có chuyện gì mà thằng Cò nhà ông lại đánh nhau với thằng Điều nhà cụ Đồ? Khốn khổ! Nghe nói máu me tung tóe. Thằng bé nhà ông có việc gì không?

Lý Cỏn chưa kịp trả lời thì tất cả đã đều đứng dậy. Người ta chào nhao nhao:

- Lạy cụ ạ!

- Cụ Tiên đã đến rồi ạ!

Tiên chỉ Nhậm đã đi vào đến giữa sân. Ông hương Ất bước ra thềm, hai tay xoa vào nhau rối rít:

- Con chào ông ạ!

Tiên chỉ Nhậm cũng người họ Vũ Xuân, ở chi Lương. Về thế thứ, ông là chú của hương Ất.

Tiên chỉ Nhậm có tiếng là hách trong vùng. Lão vừa giàu lại vừa sang. Ngày xưa, cùng đồng môn với cụ Tiết, cụ Tú Cao, song không đỗ đạt gì cả. Thuở trẻ, ông Nhậm thử vận may ra Hà Nội làm ăn. Lấy được bà vợ hai giàu có. Hai vợ chồng đang phất to, thì đùng một cái bà hai lăn ra chết. Ông trở về làng tậu ruộng. Có trong tay hơn mười mẫu. Cái giàu đến thì cái sang cũng đến theo. Ông chạy được chân chánh tổng, rồi chạy được cả phẩm hàm Cửu phẩm bá hộ. Ông Nhậm có chữ, lại không rượu chè, cờ bạc gì, nên dân Cổ Đình nể sợ lắm. Ông đã giàu lại khéo léo, luôn nói lời đạo đức, thành thử quan tín nhiệm mà dân cũng tín nhiệm.

Mới trông thấy cái bóng ông từ xa, có thể nói người dân hàng tổng ai cũng nhận ngay ra ông. Béo tốt phương phi. Nói năng đĩnh đạc. Luôn cưỡi con ngựa trắng. Ông đặc biệt thích màu trắng. Quần trắng, áo dài trắng, cái ô cũng trắng. Chỉ có đôi giày Gia Định và cái khăn xếp là đen thôi. Đến thềm nhà, ông cụp ô, hương Ất ra đỡ lấy, móc lên cửa. Tiên chỉ Nhậm vào nhà, ngồi trên cái đệm cạnh bàn đèn. Chủ nhà pha trà mời. Ông uống một tách đặc quánh, chíp chíp cái miệng mấy cái rồi mới nói:

- Chắc các ông biết cái chuyện thằng Cò, thằng Điều đánh nhau ở đầu làng rồi chứ.

Quản Boong đế vào:

- Thưa cụ tiên, chuyện chỉ nhỏ bằng cái móng tay, nhưng máu me ghê quá. Ông Lý nên khéo khu xử. Kể cũng khó đấy, một đằng là con, một đằng cụ đồ Tiết trước đây lại là thầy học ông Lý.

Lý Cỏn cau mặt:

- Làm gì có máu me, sao ông quản xé ra to thế. Được rồi. Việc này tôi sẽ khu xử.

Hương Ất gật gù:

- Anh ký Điệp nhà tôi vẫn nhắc nhở đừng để xảy ra như cái chuyện thằng Mường ngày xưa ấy.

- Lại anh ký Điệp!

Lý Cỏn và hương Ất vốn hay xích mích tuy cùng họ đồng tông với nhau. Có bận, hai ông đã to tiếng, sửng cồ với nhau cả ở ngoài đình. Chuyện như thế này: Hôm ấy, có tiệc của các cụ kỳ mục, hương Ất ra muộn. Lý Cỏn nói đùa:

- Ông Hương hôm nay đến muộn thế? Hay là... còn bận "lên tiên".

Các vị kỳ mục nghe thế cười ầm cả lên. Tích "lên tiên" do cánh trai tráng tuần đinh nói ra. Ở cuối làng có quán bà đĩ Ong, dưới gốc cây gạo. Chồng bà đĩ Ong mắc ho lao, nhưng vợ lại đẻ được thằng cu xinh đẹp đáo để. Ông Lý ra quán, bế thằng bé lên, hỏi tên nó là gì. Bà đĩ Ong bảo:

- Ông ấy là Ong, tôi định đặt tên cho nó là Bướm.

- Bướm hả? Con trai sao lại đặt là Bướm. Nghe nó tức cười. Hay thế này, tôi đặt tên hộ cho. Gọi nó là Điệp thì hay hơn. Nguyễn Văn Điệp. Đúng! Chữ nho điệp cũng nghĩa là Bướm. Bà đĩ Ong cảm cái ơn ấy nên để ông hương nhận Điệp là con nuôi. Ông hương không có con trai, chỉ độc mụn con gái, nên cũng khoái. Tiếng là nhận con nuôi, nhưng ông hương có nuôi Điệp ngày nào đâu. Thằng Điệp được cái học hành sáng láng. Bà đĩ Ong nuôi nó đỗ được bằng *Sép phi ca*. Ông hương đi đến đâu cũng khoe nhắng lên: Thằng Điệp nhà tôi đỗ bằng Sép phi ca,

ngang như các cụ ngày xưa đỗ tú tài. Người làng vẫn ngờ cái vụ con nuôi này lắm. Đến mấy năm sau, ông chồng bà Ong ốm nặng, suốt ngày đêm trùm cái chăn chiên đỏ nằm trên giường. Rồi một đêm, ông hộc ra một đống máu mà chết. Các bà chép miệng:

- Khổ! Vợ thì cứ phây phây. Chồng lại ho lao thổ huyết. Chết là phải.

Cánh trai tuần đinh cười hì và kể:

- Có phải lão thổ máu vì ham mê vợ đâu. Còn sức đâu mà làm.

- Lão ấy không làm thì đã có ông tiên làm hộ. Một đêm ông tiên mò vào nhà lão Ong, lên giường với mụ đĩ Ong. Lão Ong nằm ở giường bên cạnh đã ngủ thiếp rồi. Lão tiên cùng mụ Ong ôm nhau ở giường sát bên, lấy cái chăn rách trùm lên người. Lão Ong đang ngủ cứ thấy bên giường vợ cục kịch. Lão bỏ chăn trùm đầu ra. Ánh ngọn đèn dầu lạc tuy mù mờ nhưng cũng đủ để lão trông thấy cái chăn rách cứ nhô lên, hụp xuống liên tục. Lão hổn hển, định ngồi dậy bắt quả tang, thì lại nghe tiếng vợ lão rên lên ầm ầm:

- Sao thế này? Tôi lên tiên, ới ông tiên ơi! Lên tiên!

Lão Ong tức quá, hét to, thế là hộc máu ra ồng ộc, ngã vật xuống chết tươi.

Một đứa hỏi:

- Ông tiên là ai trong làng nhỉ? Chẳng lẽ là cụ tiên chỉ?

- Mày ngu ơi là ngu. Mày vu cáo cho cụ tiên chỉ là người đạo cao đức trọng trong làng, mày có muốn chết không? Hãy nghĩ đi. Thằng Điệp là con của ai? Ông Ong ho lao như thế, một bữa ăn chẳng hết một bát cơm, liệu có thể

ham hố được không, liệu có thể có con được không? Mà tại sao thằng Điệp lại được nâng đỡ như thế? Riêng mình nó, được làng cho cấy hai sào ruộng học, thuộc loại nhất đẳng điền. Ở cái làng này, đi học, có ai được như nó không?

- Ừ nhỉ! Có thế mà em không nghĩ ra.

Mấy năm vừa rồi, quả là ông hương, lúc phân chia học điền, có chút ưu ái cho thằng Điệp thật. Mới đầu, người ta nghĩ Điệp là con nuôi hương Ất, nhưng đến nay thì người ta nghĩ khác hẳn đi rồi.

Lý Cỏn nói "lên tiên" với hương Ất chẳng qua chỉ là nói đùa. Ai ngờ hương Ất nổi đóa lên. Lão nghĩ về lý Cỏn: "Cái thằng này, chính tay mình bày mưu tính kế cho, nâng đỡ vận động cho, mới được cái chức lý trưởng. Thế mà nay nó ăn cháo đá bát. Nó về hùa với bọn đầu trâu mặt ngựa nói xỏ mình".

Ông hương, ông lý lời qua tiếng lại, đi đến chỗ to tiếng ngay chốn đình trung. Cụ tiên chỉ Nhậm đến sau, thấy thế, quát to:

- Láo xược! Các anh không coi quốc pháp, gia pháp ra gì nữa sao. Anh lý, anh hương im ngay, lại đây tôi bảo... Thôi, tôi biết cả rồi, không phải kể dài dòng cho thêm xấu ra... Đến ngay, đứng trước mặt tôi...

Ông tiên chỉ, tay trái chống nạnh, tay phải cầm ba toong giơ lên. Ông ta thật oai vệ, thật hách. Lý Cỏn, hương Ất im re. Cả đám hào lý cũng im re. Ông lấy ba toong quật cho hai người, mỗi người ba gậy thật đau rồi quát:

- Các anh về nhà ngay. Không được nói một lời nào nữa. Tí nữa về, tôi sẽ bảo.

Rồi cụ tiên chỉ quay ra, nói với mọi người:

- Còn các cụ, các ông, tôi cũng xin đấy. Làng mình có

lịch, có lề. Những chuyện đồn đại nhảm nhí như thế từ nay phải dẹp. Phải giữ lấy lễ nghĩa, trên dưới, phép tắc, nếu không thì làng ta loạn mất. Nhà nào nhà nấy phải bảo con bảo cháu, cấm tiệt chuyện ngồi lê mách lẻo, đồn đại nhảm nhí...

Sau bận ấy, làng im hẳn chuyện "lên tiên", song cấm là cấm nói chứ ai cấm được nghĩ trong bụng.

Cậu Điệp số son thật. Không hiểu bà đỉ Ong chạy chọt ra sao, cậu được lên huyện làm thư ký. Cậu con nuôi này vẫn được ông hương khen là người biết lễ nghĩa. Hàng tháng đều đặn, cậu vẫn quà cáp biếu ông hương bố nuôi một hộp đồng thuốc phiện. Và có chuyện gì trong huyện cậu cũng đều báo cho ông hương biết.

Hôm nay, khi lý Cỏn nói câu "Lại anh ký Điệp", hương Ất đã nóng tai định vặc lại, nhưng cụ tiên chỉ lườm lườm rồi nói:

- Chuyện anh Mường năm xưa bên nhà cụ đồ Tiết, nói thực, ta giải quyết không ổn. Cụ đồ Tiết với tôi ngày xưa vốn là đồng môn. Gia đình họ Đinh bên ấy cũng là nhà đáng nể. Tuy nhiên, tình là một nhẽ, lý lại là nhẽ khác. Ai cũng biết, trên tỉnh, trên huyện, người ta vẫn để ý tới nhà ấy. Mà không để ý đến sao được. Ông bạn đồng môn của tôi đi tù ở đảo Côn Lôn về cơ mà... Chuyện hai đứa trẻ đánh nhau tôi nghĩ không quan trọng. Cái quan trọng là ở chỗ khác. Ông lý nhỉ. Thế cái người cháu họ ngoại của ông đồ Tiết tên là gì nhỉ?

- Dạ, hắn ta tên là Huyền.

- Họ đã đến gặp ông lý chưa?

- Dạ, cụ đồ đã dẫn đến, nhưng con đi vắng nên chưa gặp mặt.

- Đấy, tôi nhắc anh lý, chuyện ấy mới quan trọng. Nghe đâu anh ta từ dưới Nam lên, định xin ngụ cư. Anh lý xem xét kỹ. Người ngụ cư cần phải xét kỹ, nhất là đến nhà ông đồ. Anh là người nhất lý chi trưởng. Việc xét không kỹ, phần trách nhiệm sẽ đổ xuống đầu anh. Là người cai trị dân, cần phải tinh vi ở những chỗ ấy. Tuy nhiên, cũng phải trấn tĩnh nhá.

Tiên chỉ Nhậm ăn nói thật chặt chẽ, thế mà lúc về ông còn nói riêng với lý Cỏn:

- Anh phải dạy cái chị Ba nhà anh. Hai đứa đánh nhau. Ừ thì mình là người lớn, đứng giữa can chúng ra, chuyện ấy không sao. Đằng này, cô vợ anh đã không bênh con, lại còn đấm vào vai thằng Cò mà than: "Con ơi là con, sao mày đánh nó, không được đánh nó!". Hóa ra chị ta bênh người họ Đinh mà không bênh con anh. Lạ thật! Lạ thật!

- Thưa ông làm gì có chuyện ấy?

- Thì người ta mục kích tận mắt, về kể cho tôi.

- Thế hả ông?

Lý Cỏn không về nhà vợ cả mà đến nhà vợ ba ngay. Ông kéo bà Ba vào trong buồng. Bà Ba nghĩ: "Quái! Mọi khi bao giờ cũng ban chiều. Hôm nay dở chứng hay sao mà lại đòi vào lúc sáng". Bà Ba vào buồng, vội nằm lên giường, tốc váy lên. Lý Cỏn xua tay lia lịa:

- Hạ xuống! Hạ xuống! Không phải chuyện ấy.

- Thế thì chuyện gì? Sao mặt ông hầm hầm thế kia?

- Không biết tội à?

- Tội gì?

- Tội mày to lắm.

- Chuyện gì thế không biết được?

- Thằng Điều... Thằng Cò...

- Tưởng gì. Tôi đã can chúng nó ra.

- Bà can, nhưng thực ra là bênh người họ Đinh.

- Dở hơi! Can mà lại bảo là bênh. Điên rồi hay sao?

- Đúng! Tao điên đấy. Mày không được phép nghĩ đến người họ Đinh. Ông thì giết! Ông thì giết!

Lý Cỏn run đôi tay. Bà Ba lùi bước cho đến sát tường. Đã có mấy lần hắn như vậy. Nhìn thấy dáng điệu của lý Cỏn, bà Ba vừa thấy thương, thấy tức, lại thấy sợ. Sợ là phải, vì hắn xông tới, túm lấy tóc vợ. Hắn thầm thì "Đứng yên!". Rồi hắn lấy hai ngón tay cấu vào vú bà Ba. Ai dạy hắn cách hành hạ vợ như thế? Không biết được! Chỉ biết rằng, lúc ấy, hắn chỉ muốn xé cho nát hai cái bầu sữa của vợ, đôi vú mà cả làng Đình này đều cho là đẹp. Bà Ba kêu:

- Ối ối! Bỏ ra! Bỏ ra!

- Cấm được kêu! Câm họng lại!

Mắt lý Cỏn đỏ ngầu, long sòng sọc. Đôi mắt làm người vợ sợ chết khiếp. Bà không kêu nữa. Nước mắt ràn rụa. Bà rên. Bà Ba nghiến răng chịu đựng. Lần này là lần thứ hai, lý Cỏn đã hành hạ bà theo kiểu như thế. Thường thì lý Cỏn rất lành, lại còn biết âu yếm nữa. Nhưng lúc này, hắn như có ma nhập vào. Hắn ghen đấy. Nhắc đến người họ Đinh là hắn lên cơn như thế. Lần trước cũng vậy, hắn đã hành làm đôi vú của bà bị thâm tím. Đau gần một tháng trời mới hết. Lần này, hành hạ vợ xong, lý Cỏn ngồi trên chiếc ghế dựa, thừ người ra, hai tay thõng thượt. Còn bà Ba, bà nằm nghiêng trên giường, tóc xổ tung. Hai tay ôm mặt, bà khóc thút thít.

3

Họ Vũ Xuân là một họ to, danh giá trong làng Đình.

Vũ Xuân Cỏn, ngoài chức lý trưởng, còn là trưởng họ Vũ đời thứ 20. Trưởng họ đời thứ 19 là Vũ Xuân Cảo, bố ông Cỏn. Dưới ông Cảo còn có hai người em. Ông em thứ nhất là Vũ Xuân Cao, đỗ tú tài nên dân làng vẫn gọi là ông tú Cao. Ông tú trước kia ở Hà Nội, sau khi gả chồng cho cô con gái độc nhất, đã trở về làng. Cụ tú Cao là người đỗ đạt, tính tình ôn hòa, lại có nghề bốc thuốc nên được dân làng quý mến, trọng vọng. Ông em thứ hai của ông Cảo là Vũ Xuân Nhàn, chỉ làm nghề buôn bán thôi, nhưng trước kia cũng học cả chữ nho, cả chữ quốc ngữ, dân làng coi trọng nên phong cho ông là ông ký Nhàn, mặc dù ông chưa làm thư ký bao giờ. Thì cũng như người bán rượu ty, người ta gọi là ông ký rượu; hay người mở cửa hàng bán sách vở trên huyện, người ta gọi là ông ký sách.

Cái bệnh thèm làm quan, thèm danh, thích phân chia ngôi thứ ấy là căn bệnh cố hữu ở người Nam đã từ nhiều đời. Ông Vũ Xuân Cảo, bố ông Vũ Xuân Cỏn cũng như vậy. Người ta gọi ông Cảo là chánh Cảo, thực chất là chân chánh hương hội mua. Làng bán chức chánh hội để lấy tiền sửa đình. Ông Cảo chắt bóp cả đời mới được bảy mẫu ruộng. Chẳng lẽ cứ làm anh bạch đinh, làm bố cu mẹ đĩ suốt cả đời hay sao. Giàu mà chẳng chút chức tước

gì dân làng sẽ khinh. Do đó, ông đành bán đi hơn mẫu ruộng mua chức chánh hờ.

Ông Cảo là người anh cả gương mẫu thuở xưa. Cha mẹ mất, ông cáng đáng nuôi hai người em. Năm ông Cao mười lăm tuổi, ông Cảo cưới vợ cho em và giả nó ba sào ruộng mà bố đã dặn dò khi mất. Cao lấy con gái cụ tú Đụp. Cụ tú Đụp sinh con một bề nên cố gây dựng cho con rể. Thấy Cao mặt mũi sáng sủa, cụ nghĩ "thằng này học được"; cụ cho con gái hai sào ruộng, và bắt con đầu tắt mặt tối lao động trên năm sào ruộng đó, để nuôi chồng ăn học, dù ăn đói mặc rách cũng cam chịu cốt sao cho chồng đỗ đạt. Cao học đêm học ngày. Ông tú Đụp vừa là bố vợ, vừa là thầy học. Ông như con tằm cố rút ruột nhả tơ, truyền hết cái sở học mong cho con rể nối được cái ước mơ khoa bảng mà cả đời ông theo đuổi nhưng không đạt được. Tiếc thay, Vũ Xuân Cao sáng láng thế, cố gắng thế, nhưng cũng chỉ đỗ tú tài như ông. Điều rủi ro tiếp theo, đó là nhà nước thuộc địa bãi bỏ nho học, bãi bỏ thi hương. Cụ tú Đụp suy sụp, chán nản vì nho học đã đến lúc tàn, lại càng buồn vì sinh con một bề. Tất cả hy vọng ông đều dồn vào con rể, nay con rể bỗng bị tuyệt đường tiến thủ; cụ tú Đụp nghĩ ngợi quá lâm bệnh rồi qua đời. Ông tú Cao cũng buồn đời, cùng vợ chuyển nhà ra Hà Nội làm nghề bốc thuốc. Ở Hà Nội có ông em là Vũ Xuân Nhàn, ông này được ông chú họ nuôi và gây dựng cho. Ông theo Tây học. Ông cũng chỉ học dở dang trung học, nhưng cũng đủ trình độ đi làm kế toán cho hãng bia Ô Mền. Dân ta không phân biệt nghề nghiệp tỉ mỉ, nên cũng gọi luôn là ông ký Nhàn.

Ở Cổ Đình, khi đó, chỉ còn lại một mình ông anh cả

Vũ Xuân Cảo, ông là người chân quê đặc. Chăm chỉ mưa nắng, chắt bóp hà tiện, đó là đặc tính của ông. Bà vợ ông Cảo cũng là người khỏe mạnh, làm lụng giỏi giang, chịu đói chịu khát chẳng kém gì chồng. Khi đầu hai vợ chồng chỉ có hơn mẫu ruộng. Có thể no đủ đấy, nhưng hai vợ chồng quyết chí gây dựng cơ đồ. Họ hà tiện đến mức keo kiệt. Cả một đời, ông bà chỉ ăn cơm độn cùng với dưa cà. Ngoài ngày tết, ông bà chưa hề ăn cơm trắng bao giờ. Ngày thường, chỉ trừ lúc kiếm được con cua, con tép ngoài đồng, chưa khi nào ông bà bỏ tiền ra mua thịt cá. Chắt bóp dành dụm được đồng nào, ông bà Cảo lại đem tậu ruộng. May mắn trúng mùa năm năm liền, ông bà Cảo đem số thóc dôi dư cho vay lãi. Lãi mẹ đẻ lãi con. Cái may mắn cứ nối nhau chảy về nhà ông như nước chảy chỗ trũng. Chẳng mấy chốc ruộng nhà ông đã đến bảy mẫu. Giàu đến thế rồi mà mở nồi cơm nhà ông ra, không khi nào thấy màu trắng, chỉ thấy màu vàng rực của ngô độn.

Ông Cảo có hai con trai: Cỏn và Tẻo. Vũ Xuân Cỏn là con người khác hẳn cha. Cỏn được học chữ thánh hiền với cụ đồ Tiết. Sau đó lại học cả chữ quốc ngữ. Cỏn không to lớn lực điền như cha, giống mẹ, vóc dáng loắt choắt, nhưng tinh ma có hạng. Xuân Cỏn nghĩ bụng: Cha mình chẳng qua chỉ là anh trọc phú, giàu mà khổ, suốt đời bóp mồm bóp miệng. Cỏn bảo phải giàu nhưng phải sướng. Cỏn cương quyết không làm giàu bằng cách chắt bóp, anh muốn làm giàu bằng con đường danh giá. Một hôm, Cỏn bảo cha:

- Thầy ạ, con định bán đi hai mẫu ruộng, chạy chân lý trưởng.

Ông Cảo rên lên:

- Mày xem gương bố đây. Bán đi hơn mẫu ruộng để được gọi là ông chánh nhưng có nước non gì đâu.

- Đấy là cụ dại, mua thứ danh hão. Con nói thực, chức chánh của bố có cho con cũng chẳng thèm. Con mua là mua chân lý trưởng thật hạt. Lý có quyền hẳn hoi.

Ông Cảo lắc đầu:

- Nhưng mà tốn kém quá. Ngày xưa ta chỉ chạy mất một mẫu, còn bây giờ mày chạy chọt phải mất những hai mẫu rưỡi.

- Đắt, nhưng là của thật. Đắt nhưng mà có lợi thật.

Ông Cảo vẫn không bằng lòng:

- Mày có biết mua một mẫu ruộng, tao mất bao nhiêu mồ hôi không, phải chịu khổ cực đói rách mất bao nhiêu năm không? Mày là thằng phá gia chi tử.

Lúc đó, ông Cảo đã ốm yếu rồi; quyền chi phối gia đình nằm cả trong tay Vũ Xuân Cỏn. Mặc cho cha phản đối, Cỏn vẫn tìm đủ mọi cách bán ruộng để được ra làm lý trưởng. Cũng thương thay cho ông Cảo, chỉ vì tiếc hơn hai mẫu ruộng, bệnh ông nặng lên rồi chết.

Cỏn rất lanh lợi tinh ranh. Ông luồn lọt lập được quan hệ với huyện, với tỉnh. Đối với dân làng, ông chấm mút nhưng lại luôn tỏ ra mềm dẻo không cạn tàu ráo máng nên làng cũng chẳng đem lòng ghét. Chỉ bốn năm sau khi làm lý trưởng, Cỏn đã tậu lại đủ số ruộng ông bán. Hôm giỗ bố, Cỏn đem văn tự hai mẫu ruộng đặt lên bàn thờ rồi khấn:

- Thầy ơi! Con là thằng bất hiếu đã làm thầy đau lòng trước khi chết. Những tờ giấy này chứng tỏ rằng con nghĩ không sai. Con hứa sẽ dạy dỗ lũ con để chúng cũng

biết quý ruộng như thầy. Và chúng sẽ phải biết sống như thế nào để số điền sản nhà ta ngày càng nhiều thêm...

Vũ Xuân Cỏn đã làm đúng như lời hứa trước vong linh ông bố. Quả thật, cách làm giàu của hắn bài bản hơn và nhanh hơn bố. Có mấy khoản thu nhập. Khoản thứ nhất là khoản lúa tô ruộng cho cấy rẽ. Khoản thứ hai của lão là cái triện. Ai cần bán ruộng, bán nhà, đi kiện... Nói tóm lại ai cần đến cái triện của lão đóng vào tờ giấy thì xùy tiền ra. Rồi còn tiền chấm mút vào ruộng công, thuế má... Lão khôn lắm, tùy mặt mà đối xử. Làm sao người ta mở hầu bao ra mà vẫn không oán hận. Người cùng quẫn quá thì dừng đẩy người ta đến chân tường... Khoản thu nhập thứ ba của lão nhờ vào việc lý Cỏn dứng ra làm quản lý gần một trăm mẫu ruộng của đồn điền Messmer. Cỏn đem số ruộng ấy phát canh cho dân làng. Đến vụ thu hoạch, lão thu tô nộp cho đồn điền. Trong việc này, lão cũng theo cách của mình: nới tay một chút. Của người phúc ta. Tội gì riết róng để mang thêm oán thù. Như thế, lợi đơn lợi kép. Ở giữa được ăn hoa hồng. Đồn điền cảm ơn, vì công việc trôi gọn đỡ phức tạp. Dân làng cũng cảm ơn vì sự nương nhẹ của lý Cỏn.

Số của lý Cỏn, có thể nói, son hơn ông bố nhiều. Họ Vũ có một bà tổ cô lấy chồng bên đạo. Đó là bà vợ ông trưởng Cam. Ông trưởng qua đời; lý Cỏn sang bên xóm đạo rước bà về phụng dưỡng. Lý Cỏn nói với cha xứ Colombert:

- Thưa cha, người Nam chúng con khi đã già, thường muốn về ở gần với tổ tiên.

Cha Colombert không cho là phải, bởi vì bà tổ cô đã nhập đạo Thiên chúa. Mà là người công giáo thì ở gần Chúa quan trọng hơn là ở gần tổ tiên. Bà tổ cô bảo cha xứ:

- Xin cha thương mà nghĩ cho sự cô đơn của tôi. Tôi không có con. Ở đây, ông ấy chết đi, tôi không có người ruột thịt chung quanh. Anh Lý đây là người được nhà nước tin cậy. Ở bên ấy, tôi có con cháu hàng đàn, hàng lũ. Tôi sẽ bớt cô quạnh hơn, vả lại còn có người săn sóc.

Nghĩ đến sự cô đơn của bà lão, cha Colombert đành ưng thuận. Thực ra, lý Cỏn đón bà về hoàn toàn do danh dự, do sự sĩ diện dòng họ. Cả họ Vũ rất tôn sùng bà tổ cô. Nay bà cô đơn như thế, lý Cỏn lại giàu sang như thế, ông ta đón bà về là phải. Lý Cỏn cũng không nghĩ đến và không ngờ rằng bà tổ cô về nhà ông lại đem cho ông thêm mấy mẫu ruộng. Ông cứ tưởng bà về nhà mình, thì ruộng đất của ông trưởng Cam sẽ sung vào nhà thờ. Cha Colombert là người chu đáo. Hôm giao giấy tờ ruộng cho lý Cỏn, ông cha xứ nói:

- Bà cụ già rồi. Đáng lẽ bên đạo chúng tôi lo. Song chiều theo ý của cụ, chúng tôi để cụ về gia đình. Tuy nhiên, cụ cần được chăm sóc chu đáo. Cụ không cần phải nhờ vào tiền bạc của con cháu, bởi vì cụ vẫn còn mấy mẫu ruộng.

Do chuyện bất ngờ này, lý Cỏn có thêm ba mẫu ruộng. Và hơn chục năm sau, số ruộng của ông ta lên tới ba mươi mẫu. Bây giờ, lý Cỏn là người giàu nhất làng. Cái lẫm thóc của lý Cỏn bây giờ không phải nhỏ. Nó đã là tòa nhà năm gian lợp ngói. Người ta bảo kho nhà lão lúc nào cũng phải có tới ba nghìn thúng thóc.

Ông hương Ất có lần bảo:

- Em xin bái phục ông bác rồi đấy. Bác ít tuổi hơn em mà giỏi thật. Chăn dắt dân làng ta ngọt như mía lùi. Mà gia sản thì phất lên đùng đùng. Lý Cỏn khiêm nhường:

- Ấy là cũng nhờ vào phúc ấm tổ tiên, cũng nhờ vào uy danh họ Vũ nhà ta. Chú có biết không, cái bận tôi và chú bị cụ tiên chỉ đánh cho mỗi người mấy cái ba toong, tôi và chú chẳng dám cãi, im thin thít ra về. Cứ nghĩ là mất thể diện, hóa ra lại có thể diện. Sau bận đó, dân làng lè lưỡi. Họ bảo: Ông lý ông hương, họ người ta cũng dám đánh ba toong giữa đình. Xem ra họ này có trên có dưới. Không đùa được với họ Vũ Xuân đâu.

Lý Cỏn cười nụ, có vẻ khoái chí. Hương Ất nửa nạc, nửa mỡ:

- Bác nói thế vẫn thiếu. Phải nói rằng bác oai lên còn phải nhờ vào cái bàn đèn nhà em nữa chứ. Trường học tổng lý là nơi đây mà.

Lý Cỏn gật gù:

- Thực ra, chỉ nhờ vào đôi chút thôi.

- Thì ai chả biết, cái chính là do bác khôn ngoan. Nhưng này, em bảo, làm tay cự phú, quyền khuynh thiên hạ, mà không biết chơi với nàng phù dung tiên tử thì xoàng lắm.

- Ấy chết! Cái gì chứ cái đó thì tôi xin kiếu.

Hương Ất muốn dụ lý Cỏn hút thuốc phiện. Lão tinh quái lắm. Lão muốn dùng cái bàn đèn để dự phần thế lực, và nếu có thể, khuynh loát được lý Cỏn thì tốt quá. Nhưng lý Cỏn không chơi. Mặc dầu vậy, thỉnh thoảng Cỏn cũng cho hắn hộp thuốc ty hoặc ít tiền. Lý Cỏn đời nào chịu sự chi phối của ai. Hắn chi phối hương Ất thì có. Hắn biết, đối với kẻ nghiện, chỉ thuê dăm đồng bạc việc gì hắn chẳng làm theo.

Ông thầy tướng xem cho lý Cỏn bảo rằng số hắn đa thê. Phải năm bà vợ là ít. Ông thầy nói càng nhiều vợ,

hắn càng giàu thêm. Lý Cỏn dự định sẽ có năm vợ, nhưng hiện nay mới chỉ có ba bà.

Người vợ thứ nhất do bố cưới cho. Con nhà giàu có, danh giá hẳn hoi. Bố cô ta làm chánh tổng. Bà hơn chồng bốn tuổi. Con nhà tông có khác. Ông chồng bận việc làng việc nước, tất cả việc nhà đều do một tay bà quán xuyến hết. Bà chỉ huy việc ruộng nương. Bà Hai, bà Ba, người làm, người ở trong nhà đều sợ bà một phép. Tuy nhiên, bà là kẻ cả, là người rộng lượng, không chấp những chuyện lặt vặt. Vì thế, lý Cỏn nể bà lắm. Tuy cứng tuổi hơn chồng, nhưng bà cũng sinh cho ông hai con trai: Long và Ly, một con gái là Thắm. Ông định có với bà bốn con trai cho đủ số tứ linh: Long, Ly, Quy, Phượng, nhưng bà chỉ đẻ với ông hai đứa rồi thôi luôn.

Người vợ thứ hai là đào hát. Người xương xương, nhỏ nhắn. Người đàn bà nõn nà xinh đẹp, ăn nói khéo léo, biết chiều chồng, khéo ăn ở với người xung quanh. Bà hát rất hay, ăn mặc đỏm dáng nên được ông Cỏn yêu quý nhất, quanh năm suốt tháng ông chỉ ở với bà. Ông thầm chê bà cả chỉ biết chém to kho mặn, bà Ba thì ăn xó mó niêu, riêng có bà Hai mới biết đem lại cho ông cái lạc thú của sự ăn uống; cách nấu nướng của bà Hai vừa có cái nhuần nhị của chốn quê, vừa có cái tinh tế, cảnh vẻ của người thành thị. Lý Cỏn khác hẳn ông bố ở điểm này. Bà Hai chỉ đẻ được cho ông mỗi một cậu con trai. Bà thèm đẻ thật nhiều con với ông, nhưng trời không cho. Ông đặt tên cho cậu quý tử là Tùng (trong tứ quý Tùng, Cúc, Trúc, Mai).

Bà Ba, ông Lý lấy được, rất ngẫu nhiên. Âu cũng là duyên trời. Có một người trong làng nợ ông hai chục thùng thóc, người này đem con gái gán nợ cho ông. Cô ta

mới mười bảy tuổi. Cô trắng một cách lạ lùng, trắng như cục bột. Một cô bé hầu như ông chưa bao giờ biết tới, nhưng về sau ông lại chú ý dò hỏi để biết hết về cô. Cái tên cũng thật buồn cười: cái đĩ Váy. Cô bé có gương mặt tròn vành vạnh, vai cũng tròn, những bàn tay thì bụ bẫm như tay trẻ con. Đôi mông đít mẩy, hứa hẹn sẽ rất to và tròn.

Lấy về, ông Cỏn bắt đĩ Váy phải mặc quần, nhưng ông cứ ra khỏi nhà là đĩ Váy cởi quần ra ngay, rồi lại mặc váy vào. Cô bảo rằng mặc quần vừa vướng, vừa rậm, vừa nóng. Còn bảo rằng mặc váy nó thơ thới, thoải mái, mát mẻ. Bắt mãi không nổi, ông lý Cỏn đành chịu thua để cho cô mặc váy. Điều này làm ông bực mình, bởi vì mặc váy trông quê mùa quá. Ông bảo: "Vua Minh Mạng ngày xưa ra chiếu chỉ bắt con gái phải mặc quần, cũng có cái lý của nhà vua chứ". Ông thấy mặc váy không đẹp, nên tất cả đàn bà con gái nhà ông đều mặc quần tuốt.

Kể thì không hợp mắt lý Cỏn, song cũng có sự thuận tiện. Ông thấy cô gái còn trẻ măng ấy cũng xinh xinh và hay đáo để. Ở cô gái, ông chợt tìm thấy sự săn chắc, sự hừng hực ngút ngát của tuổi trẻ mà ông không tài nào tìm thấy được ở bà Cả và bà Hai. Điểm yếu của cô Váy là không biết nấu nướng, không biết chiều chuộng, vì thế cho nên rất hiếm khi ông ở lại nhà cô trọn một đêm. Chỉ có vào buổi chập tối, ông thường tạt qua căn nhà riêng ông làm cho cô. Khi đến, ông kéo ngay cô vào buồng, đóng chặt cửa lại, bảo cô lên giường. Ông tốc ngay váy cô lên, và làm hùng hục một lúc, thế là xong.

Điều ngạc nhiên là cô đĩ Váy rất mắn. Cứ năm một sòn sòn, cô đẻ một mạch cho ông bốn thằng con trai, một đứa con gái. Bà Ba đã làm thỏa ước nguyện của ông. Bốn

con trai ông đặt tên theo tứ thời; nghĩa là Xuân, Hạ, Thu, Đông. Còn đứa con gái thì đặt tên là Đào (Đào, Mai, Lan, Cúc). Tuy nhiên, bà Ba cũng lại không gọi tên con theo ý ông, mà cứ khăng khăng gọi chúng nó theo kiểu của bà. Bà bảo rằng gọi tên con văn vẻ, đẹp quá, thần thánh hay ma quỷ dễ chú ý mà bắt đi. Còn bảo rằng đặt tên xấu xí tốt hơn. Tên xấu xí chẳng ma nào để ý, sẽ dễ nuôi hơn. Bốn đứa con trai bà đặt tên cho chúng là: thằng Cò, thằng Tũn, thằng Tĩn và cuối cùng là thằng Bòi. Ông lý Cỏn vừa bực, vừa ngượng với dân làng, nên mắng bà ầm ầm. Song cũng như chuyện mặc váy, ông vừa ra khỏi nhà là bà lại gọi chúng theo cách của bà. Bà sống thường ngày với lũ trẻ, chứ còn ông mấy khi ở bên cạnh chúng; thành thử ông không muốn nhưng cả làng đều gọi lũ trẻ theo cách của bà. Dĩ nhiên con bé Đào, bà Ba cũng đặt tên là cái đĩ Váy con. Ông Cỏn cuối cùng đành chịu thua. Ông tặc lưỡi: "Thì bố mình ngày xưa cũng đặt tên mình là Cỏn. Cái tên ấy cũng chẳng hay ho gì. Thế mà mình vẫn thành người danh giá đó sao?".

*

* *

Ông tú Cao, ông ký Nhàn, hai người chú ruột của lý Cỏn ở Hà Nội, làm ăn cũng khấm khá.

Ông ký Nhàn làm cho hãng nước ngọt, lương khá cao. Đã thế, bà vợ lại được hãng cho phép mở đại lý bán bia và nước giải khát, rồi lại trúng thầu bán cho nhà binh. Tiền của chảy vào nhà ông như nước. Cậu con trai thứ nhất học trường Bưởi. Cậu con trai thứ hai học trường tây. Nghỉ hè, hai cậu về quê, gặp chủ đồn điền Messmer, liền nói chuyện lau láu bằng tiếng Tây với lão. Cả làng

Đình phục hai cậu con trai họ Vũ Xuân như hai bậc thần đồng.

Ông tú Cao mở hiệu thuốc bắc ở Hà Nội, không giàu có như ông em, song cũng khá. Ông Tú chỉ có độc nhất cô con gái tên là Nguyệt. Cô Nguyệt xinh đẹp, hiền thục mà lại đảm đang. Có bao nhiêu ông tham, ông phán rắp ranh song cô không chịu lấy ai vì cô rất thương cha, sợ rằng mình lập gia đình ông Tú sẽ khổ.

Đùng một cái, người ta lại được tin cô nhận lời thành hôn với ông đốc tờ người Pháp Alexandre Néré. Lạ thật! Người ta lắc đầu chịu không hiểu nổi. Bởi vì cụ tú Cao là người theo nho học, một con người nghiêm khắc, gia giáo có tiếng. Người Việt từ xưa đến nay vẫn khinh bỉ những ai gả con gái cho người nước ngoài. Đến lấy chồng là chú khách còn bị coi khinh, nữa là lại lấy tây. Ai có thể ngờ cô Nguyệt lại là me tây. Câu chuyện thật lạ đời. Hay là cụ tú tham giàu sang, quyền thế. Chuyện đồn ầm về đến tận làng Đình. Đó là đầu đề cho lời đàm tiếu. Người ta xì xào chê bai, cho rằng cụ tú là nhà Nho mất gốc.

Mãi về sau, mọi người mới biết cụ tú gả con cho Tây cũng do cái sự nệ cổ, do cái tính trọng ân nghĩa của nhà Nho mà ra. Cụ tú mắc bệnh hiểm nghèo, nằm kề cái chết, phải có một bác sĩ phẫu thuật giỏi mới chữa được. Chính ông đốc tờ Alexandre Néré đã tận tâm làm việc đó, ông là người cải tử hoàn sinh cho cụ. Cảm ơn sự cứu mạng đó, nên khi thấy Alexandre quyến luyến cô Nguyệt và ngỏ lời xin cưới cô, cụ tú đã vượt ra khỏi sự nệ cổ, vượt ra khỏi những thành kiến cổ truyền, cụ đã đem cô con gái độc nhất của mình gả cho người bác sĩ Tây ngoại quốc đó.

Hôm ông đốc tờ đánh chiếc xe hơi màu đen bóng lộn

về làng, đó là sự kiện lớn lao đối với dân Cổ Đình. Thằng cu Bòi, con bà Ba, được cắt cử ra canh chiếc xe hơi đậu ở gốc đa đầu làng. Thằng bé vênh vang, đầu nghểnh cao, tay chắp sau đít, ngực ưỡn ra, đi lại như con gà chọi. Chung quanh chiếc xe, lũ trẻ con trong làng đứng vòng trong vòng ngoài ngắm nghía. Hễ có đứa nào đến gần cái xe, là thằng Bòi thét oang oang:

- Ê, thằng kia, lùi cách xa ba bước. Đứng xa, tha hồ mà ngắm. Đến gần, nhỡ xước xe nhà tao.

Điều ngạc nhiên đối với dân Cổ Đình, là ông Tây Alexandre này rất tôn trọng tục lệ làng xã. Đầu tiên, ông đem lễ ra đình để kính cáo với thành hoàng làng, sau đó có lời với các vị kỳ mục và bô lão. Tiên chỉ Nhậm gật đầu:

- Cháu làm thế này là rất đúng, rất quý hóa. Làng nước ta từ nay nhận cháu là người dân của làng Cổ Đình rồi. Làng rất hãnh diện có được người con rể đốc tờ kỳ tài.

Các cụ hỉ hả:

- Cứ tưởng ông ta hách dịch. Té ra ông Tây này cũng là người biết lễ nghĩa.

Lý Cỏn đưa Alexandre đến nhà thờ đại tôn của họ Vũ Xuân để dâng lễ kính cáo tổ tiên. Cuối cùng, ông dẫn Néré trở về nhà trưởng, tức là chính nhà ông Lý, để lễ gia tiên. Chưa có đám cưới nào trong làng, lại theo đúng mọi thủ tục, lại đàng hoàng và to đến như thế. Một tràng pháo đỏ dài ba thước, treo tận đỉnh cây muỗm trước ngõ nhà ông lý Cỏn, thõng xuống gần sát mặt đất. Thằng Cò bịt tai châm lửa rồi chạy ra xa. Pháo nổ đì đùng tưởng như bất tận. Một lũ nhóc, ngón tay nút lỗ tai, nhảy cẫng lên dưới gốc cây muỗm, tranh nhau tìm pháo xịt ngòi.

Cả làng hỉ hả. Lũ trẻ hỉ hả vì đứa nào cũng đầy túi pháo xịt. Các ông kỳ mục, chức dịch hỉ hả vì được bữa chén linh đình ở nhà ông lý Cỏn. Các cụ bô lão hỉ hả vì làng có ông rể Tây vừa sang giàu lại biết lễ nghĩa. Ông rể Tây xin nộp cho làng một số gạch đủ để xây thêm và sửa chữa con đường chính từ đầu đến cuối làng. Và có lẽ hỉ hả nhất là lý Cỏn. Trước đây, ông đã thầm nghĩ họ Vũ Xuân của ông trong làng này là nhất. Còn bây giờ, ông nói to điều ấy lên trong một cuộc họp bên bàn đèn nhà ông hương Ất:

- Ngày xưa, ở làng này nhất Đinh nhì Vũ. Còn ngày nay đã ngược lại rồi. Bây giờ nhất Vũ nhì Đinh.

Ông lý Cỏn nói họ Đinh nhì là bởi ông còn kiêng nể cái quá khứ chói lọi của họ Đinh. Suốt thời nhà Nguyễn, ở các triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, những chức xã quan như chánh tổng, lý trưởng luôn nằm trong tay họ Đinh. Chẳng những ở cấp xã, họ Đinh còn có lúc "tam phụ tử tịnh đăng khoa", họ còn làm quan ở huyện ở tỉnh và cả ở triều đình. Đỗ đại khoa thì họ Đinh chưa có, nhưng cử nhân, tú tài thì đời nào họ cũng đạt được. Ngay như lúc này, họ Đinh đã suy vi, mà họ vẫn còn có ông đồ Tiết, ông cử Lê, rồi cả cậu Tuấn học trường cao đẳng nữa. Mà còn điều này cũng phải tính đến: họ Đinh suy vi, người họ Đinh bỏ làng phân tán bốn phương, nhưng dân làng vẫn kính trọng vì nể, bởi vì họ đi theo ông Đề ông Đốc nên mới chịu thiệt thòi, bởi vì họ ghét Tây nên mới bị dìm xuống. Phải vì nể họ, bởi vì chính cái đó đã làm nên ánh hào quang cho họ.

Song, chỉ biết hiện nay, đa đinh ai bằng họ Vũ, nhiều của ai bằng họ Vũ, quyền thế cũng ai bằng họ Vũ.

4

Sau cuộc ẩu đả giữa Điều và Cò ở gốc đa đầu làng, Điều giận Nhụ. Cậu ta không thèm nói với Nhụ nữa. Thấy Điều bị rớm máu ở trán, Nhụ bảo: "Để em rịt thuốc lào cho". Điều gạt phắt đi, vùng vằng nói: "Không thèm nhờ". Nhụ tủi thân nhưng cố ra sức chiều chuộng cho Điều nguôi giận. Đến bữa cơm, Điều cứ và liến láu không gắp gì. Nhụ phải gắp cho con cá thầu dầu kho tương, thứ mà Điều rất thích, thứ mà trước đây Điều bảo Nhụ kho rất khéo, ăn một bát lại muốn ăn hai. Lần này, Điều định rụt bát cơm lại, may có ông nhìn nên nó không dám, nhưng khi ông vừa quay mặt đi Điều liền lườm Nhụ. Bố Trịnh Huyền trông thấy cử chỉ của hai đứa từ đầu, ông mỉm mỉm cười bâng quơ một mình.

Đến tối, lúc xay thóc ở nhà ngang, Điều đẩy cái cối nhanh ù ù, cứ như thể nó muốn trút giận vào cái cối. Nhụ sàng gạo dưới đất cũng im lặng chẳng dám nói một lời. Lúc giã gạo, Điều ra nằm khểnh trên cái chõng tre dưới gốc cây thị, cái Nhụ giã gạo một mình nên chày rơi thậm thịch rất chậm. Mọi khi có thằng Điều cùng giã, tiếng chày rơi nhanh hơn. Chỉ loáng một cái đã được cối gạo trắng. Tiếng chày buông chậm nghe mới buồn làm sao. Ông Huyền ở nhà trên nói vọng xuống:

- Nhụ ơi! Khuya rồi! Nghỉ đi con ạ. Sáng mai chẳng có việc gì, làm cũng được.

Nhụ lên giường nằm mãi vẫn không ngủ được. Cô cũng không ngờ Điều giận dỗi lại làm cho cô buồn đến thế. Cô cũng không ngờ chỉ vì mình nói chuyện với Cò mà Điều lại bực bội đến thế. Cuộc ẩu đả của hai chàng trai hôm nay, lý do thật chẳng đáng. Cò là con ông Lý, người họ Vũ Xuân, nhưng anh ta chẳng giống họ mấy tí. Người điềm tĩnh, không cậy con nhà giàu. Học lại giỏi nữa. Mình chỉ trọng anh ta chứ có gì đâu. Mà anh Cò làm sao có thể so sánh với anh Điều được cơ chứ. Ở đây có liên quan với bố Huyền. Bố là ơn sâu nghĩa nặng. Bố thâm tình với mẹ. Bố là người thân nhất của mình. Gia đình bố tức là gia đình mình. Ở đây có những điều thầm kín không thể để lọt cho người ngoài biết được. Vả lại nếu anh Điều vui thì bố cũng vui. Còn anh Điều buồn thì chắc bố cũng rầu lòng. Còn anh Điều ư? Đó là một người anh trai hay là một cái gì còn hơn thế nữa. Rõ ràng là ở bên cạnh Điều, cô gái thấy vững tin, thấy được che chở. Phải, đúng thế! Nào đã có gì đâu, Cò mới chỉ nói với Nhụ dăm câu chuyện, anh đã lồng lộn, thậm chí gây gổ, cứ như thể Nhụ bị đe dọa.

Cô gái cứ nghĩ vơ vẩn như thế, mắt cứ chong ra, giấc ngủ chẳng chịu đến với cô. Tiếng con tắc kè bâng quơ, đều đều trên cây nhãn um tùm là tiếng ru đêm, làm cho con người mất ngủ bớt phần cô quạnh. Nhưng khi đã mất ngủ, mà tiếng kêu ấy cứ nhắc đi nhắc lại mãi, thì từ chỗ là tiếng động an ủi, tiếng kêu khắc khoải ấy đã chuyển thành một tiếng động khó chịu. Bởi vì tiếng tắc kè ám ảnh mãi, làm kẻ mất ngủ trở nên hoàn toàn tỉnh táo, đến mức hai con mắt cứ như trơ ra, cứng lại, không tài nào nhắm được. Con tắc kè trên cây nhãn đã bò sang cây mít. Nhụ có thể mường tượng ra đường di chuyển của con vật,

vì cô đã thuộc vị trí của cây cối trong vườn. Con tắc kè cứ quẩn quanh và dai dẳng kêu mãi như thế; bỗng nhiên con vật đó bặt lặng. Sao lại im lìm đột ngột như vậy. Sự im lìm như đe dọa. Thật lạ lùng, cảm giác cứ như có chuyện gì sắp xảy ra. Con chó Vá chạy ra vườn bỗng sủa nhặng lên. Nhụ nín thở để nghe cho rõ. Cô tưởng chừng như có người đang rình mò đâu đây. Không phải. Đó là mấy con khỉ hay con vượn từ trong rừng lần về vườn. Chúng thường mò mẫm đi kiếm ăn như vậy. Có nhiều con dạn lắm, chúng biết cụ đồ Tiết hiền từ, nên có lúc chúng mò vào tận bếp.

Hôm xưa, một buổi chiều, ông quản Boong đến chơi đánh cờ, thấy mấy con khỉ từ trên cây bưởi nhảy xuống sân, ông kêu lên:

- A! Lũ khỉ này làm loạn!

Nói rồi, ông vớ cây súng kíp mà lúc nào ông cũng mang theo, chạy ra. Lũ khỉ thấy người đuổi, vội leo trở lại cây bưởi, nhưng xem chừng chúng không sợ lắm. Thậm chí, có con còn đứng yên, gãi bụng, nhe răng như muốn dọa lại. "A! Quân láo xược!". Tính ông quản Boong nóng, không thích những kẻ làm trái ý mình. Ông liền giơ súng nổ bòm. Súng đạn ghém dễ trúng. Một con khỉ đực to ngã lăn quay từ trên cây bưởi xuống chết tươi. Từ hôm ấy, lũ khỉ không dám bén mảng. Cụ đồ Tiết thấy thế chau mày, không nói gì. Buổi chiều tối, Nhụ thấy ông cụ đem chiếc bị rách đựng mấy bắp ngô ra treo ở hàng rào cuối vườn. Nhụ hỏi:

- Ông treo ngô ở đó làm gì?

Ông cụ bảo:

- Mình cho chúng nó ăn quen rồi. Bây giờ, chúng sợ,

ban ngày chẳng dám bén mảng. Nhưng chắc ban đêm chúng vẫn mò về.

- Sao ông biết?

- Thì ban đêm, thỉnh thoảng ông vẫn nghe tiếng chúng.

Vậy ra là tiếng lũ khỉ, Nhụ tự nhủ thầm. Vì không ngủ được, cũng vì tò mò nữa, Nhụ nhổm dậy cầm cây đèn pin, thứ quý giá mà chú Tuấn ở Hà Nội về để quên chưa mang đi. Cô bé bước ra sân. Con chó Vá nằm ở đầu hè nhà trên thấy bóng Nhụ, nó gừ khe khẽ, đứng lên, ve vẩy cái đuôi xù rất đẹp trông như cái phất trần. Con chó nhìn Nhụ rồi chạy đi trước như thể muốn dẫn đường. Nó chúi đầu xuống đất đánh hơi, rồi ngẩng đầu lên, ngoái lại nhìn cô chủ. Không hiểu con vật tinh khôn này định dẫn đi đâu. Nhụ chần chừ một chút nhưng rồi cũng theo con Vá. Trăng cuối tuần chỉ còn như chiếc lưỡi liềm mỏng dính; ánh trăng không còn đủ sức phá tan bóng tối, nhưng cũng còn đủ để cho Nhụ trông thấy bóng con Vá và cái đuôi phất trần cong lên của nó. Đang đi, con chó bỗng dừng lại, nằm bẹp xuống đất. Đã đi quá nhà ong, đã mờ mờ trông thấy cái hàng rào cuối vườn, nơi cụ đồ Tiết treo cái bị rách đựng ngô. Chợt có tiếng soàn soạt nghe rõ mồn một. Không phải tiếng động của khỉ, vì tiếng động này khá mạnh, có thể nói tiếng động của một loài nào đó to lớn và nặng nề hơn. Nhụ không dám tiến lên nữa. Cô ngồi thụp xuống sau một bụi cây, căng mắt nhìn về nơi treo cái bị. Cô thấy sờ sợ. Chợt có một bàn tay đặt lên vai làm Nhụ giật thót, quay đầu lại: "Ai đấy?" - Cô hỏi. Một tiếng nói quen thuộc: "Anh đây mà". Nhận ra giọng của Điều, nỗi sợ trong cô biến mất ngay. Cô thấy yên tâm vì có người bên cạnh. Và còn thấy vui vui vì thế là Điều đã hết giận.

Trăng lưỡi liềm chui ra khỏi một đám mây. Khu vườn rậm rịt tối om. Nhưng từ bóng tối nhìn ra, nhờ ánh trăng, đã thấy rõ những chiếc cọc rào, ngoài hàng rào không có cây nên đã trông thấy trảng cỏ với những bụi sim, bụi mua lúp xúp. Rồi đột nhiên trông thấy hai cái bóng lù lù đi đến gần chỗ treo cái bị. Con chó Vá đang nằm im lìm bỗng nhỏm dậy định xồ ra. Nhụ phải giữ nó nằm yên. Nhụ thì thầm hỏi:

- Gấu? Gấu?

Điều nói khẽ:

- Đừng sợ. Ở vùng này... không có gấu.

Con Vá nằm im re. Nó cũng biết sợ hay sao? Mới đầu quả thật Nhụ sợ. Nhưng rồi, vì có Điều bên cạnh, và cũng vì nỗi tò mò dâng cao, Nhụ lại nghĩ thú bao giờ cũng sợ người, nên cuối cùng sự bạo dạn đã thắng. Cô quyết định cần phải biết rõ xem hai cái bóng kia là gì. Cô chưa kịp hành động thì Điều bỗng giật lấy cái đèn pin. Hóa ra Điều cũng nghĩ như cô. Anh ta bỗng đứng thẳng lên, chĩa chiếc đèn pin, bấm thẳng vào hai cái bóng. Cũng lúc ấy, Nhụ buông tay giữ con Vá và ra lệnh cho nó: "Cắn đi". Nhìn thấy ánh đèn lóe lên, và được lệnh Nhụ, con chó phi như tên bay đến gần hàng rào, sủa ầm ĩ.

Ô hay! Đến lượt cả Điều và Nhụ đều ngây ra, không biết làm gì, khi nhìn thấy hai cái bóng. Không phải thú vật. Đó là hai con người. Hai con người kỳ lạ! Họ hầu như không mặc quần áo. Hai bóng người tóc dài cả, nhưng Nhụ nhận ra một là nam, một là nữ, bởi vì người đàn bà có đôi vú rất to. Đôi vú thỗn thện khi chạy nhún nhảy. Hai người đó khi thấy ánh đèn lóe lên đã dắt tay nhau chạy về phía cánh rừng dẫn tới con sông Son.

Người đàn bà, khi chạy còn đưa tay lên chắn ngang ngực cho đôi vú khỏi nhún nhảy quá đỗi.

Sáng hôm sau, đi chăm sóc ong về, Nhụ kể câu chuyện đêm hôm trước cho cụ Tiết. Ông già vuốt râu, im lặng gật đầu ngẫm nghĩ, rồi mới từ tốn nói:

- Ông biết hai người ấy... Con đừng sợ... Họ hiền lành, chẳng làm hại ai bao giờ đâu.

- Thưa ông...

Ông già nói rõ thêm:

- Tên cô gái là Ngơ. Còn tên anh con trai, người dân ở đây không biết, họ quen gọi anh ta là anh Mường Rồ.

- Thế, những bắp ngô...?

- Đúng, thỉnh thoảng ta vẫn treo bị ngô ở hàng rào cốt dành cho họ. Trước kia, chỉ riêng hai người ấy biết chỗ để ngô. Còn bây giờ lũ khỉ trong rừng cũng biết, đến lấy trộm.

- Thì ra thế...

Nhụ còn muốn biết thêm về hai con người bí ẩn ấy song ông không muốn nói thêm. Ông chỉ dặn:

- Họ tốt lắm và cũng khổ lắm. Các cháu cứ làm như không biết đến họ. Đừng làm phiền họ nữa...

*

* *

Anh Mường Rồ và cô Ngơ kích thích sự tò mò của Nhụ rất mạnh. Cô gái hỏi ông Trịnh Huyền nhưng ông chẳng biết hơn mấy tí vì cụ cũng chỉ nói với ông như nói với Nhụ. Hỏi Điều, anh cũng chẳng biết gì vì Điều về ở với ông lúc lên chín, khi ấy anh Mường đã đi rồi. Nhụ bèn hỏi nhiều người trong làng. Chuyện anh Mường, dưới mắt các ông kỳ mục, là câu chuyện về lệ làng, đạo đức.

Dưới mắt các ông tuần đinh, đó là chuyện võ nghệ siêu cường. Còn dưới con mắt bọn thanh niên, đó lại là chuyện si mê kỳ lạ. Cuối cùng, dưới con mắt lũ trẻ chăn trâu, đó lại là một câu chuyện hề vui nghịch ngợm.

Tóm lại, câu chuyện như sau:

Khi ông đồ Tiết từ nhà tù trở về, ông mắc bệnh ho lao. Người gầy còm, sức lực suy kiệt, ho húng hắng suốt ngày. Ông phủ Lê muốn đón em về ở với mình nhưng ông Tiết không chịu. Thứ nhất, đứng về mặt khí tiết, ông đồ khinh ông anh là kẻ hàng thần lơ láo, dù ở cảnh sa cơ, con hùm thiêng dù chết cũng phải chết ở chỗ non xanh nước biếc. Thứ hai, bệnh lao là bệnh nguy hiểm; vì thương em, ông phủ Lê mời ông đến ở, nhưng còn gia đình người ta, không nên để bà chị dâu và lũ cháu rơi vào thế khó xử. Hai anh con trai biệt tích, còn các cô con gái thì đã lấy chồng... Ông đồ Tiết quyết định cứ ở ngôi nhà thờ. Những ngày đầu, ông hộ Hiếu về ở với anh trai, hầu hạ anh rất tận tụy. Về sau, ông cử thuê người đến ở làm vườn ruộng và trông nom cụ Tiết. Nhưng người nào cũng chỉ được vài tháng, lại kiếm cớ xin thôi. Họ không nói ra nhưng cụ đồ Tiết biết, họ sợ căn bệnh nan y của cụ lây sang.

Đúng lúc ấy, anh Mường xuất hiện. Chẳng ai biết anh từ đâu đến. Cánh hào lý thấy người lạ cũng xoi mói, song lý Cỏn gạt đi:

- Cụ đồ, tuy bị trên phủ, huyện dặn dò là phải để mắt tới, song dù sao cũng là người cố cựu của làng xóm. Vả lại, còn phải nể mặt ông phủ Lê nữa chứ. Mà cũng phải để cho người ta sống với nữa chứ. Tôi hỏi, người làm thuê nào đến cũng vội giẻ chân chèo bỏ đi ngay, ông hộ nay đã

già, lại rồ rồ dại dại, vậy người làng ta ai có thể đến làm thuê, giúp đỡ ông cụ đây?

Cánh hào lý, kỳ mục đành im miệng, vì người ta biết, đối với cụ Tiết, lý Cỏn còn phải giữ cái đạo thày trò. Nhờ thế nên họ không công khai đả động đến chuyện anh Mường nữa.

Anh Mường lầm lì, cả ngày chẳng nói một câu. Ai hỏi gì anh cũng chỉ cười. Người ta thấy anh Mường gắn bó tận tụy, thậm chí có phần kính cẩn đối với cụ đồ Tiết. Cánh hào lý liền tìm hiểu. Họ đồn rằng ngày xưa anh Mường này cũng theo cụ Đốc đi đánh Tây.

Cụ đồ Tiết bây giờ thất thế, mang bệnh trong người, thân cô thế cô. Có ông anh phủ Lê lại ở xa. Nể nhau thì có nể, nhưng dù sao ông đồ cũng là chính trị phạm trở về. Những phe cánh trong làng, tuy chưa dám thẳng tay, nhưng họ cũng muốn thử thăm dò xem sao. Bởi vì cánh họ Đinh, biết đâu đấy, lúc này đã chẳng hoàn toàn kiệt lực; có thể họ chỉ còn là con hổ đã bị nhổ răng bẻ móng, trông bề ngoài vẫn là hổ, nhưng là loài hổ hết thiêng.

Những lão già như chánh Thi, tiên chỉ Nhậm thì án binh bất động, họ lờ đi làm như không biết gì để mặc cánh trẻ ra tay thăm dò. Lý Cỏn không tán thành nhưng thiểu số chẳng làm gì được. Hương Ất lại càng không chịu ra tay, ông ta là loại người chỉ hành động khi thế cờ đã ngả hẳn. Chỉ có trương tuần Lộc là người nông nổi, vả lại cũng là loại tép riu trong làng, được mất cũng chẳng hề gì, nên tỏ ra hăng hái nhất. Hắn đánh hơi được thái độ của cụ chánh, cụ tiên chỉ nên lon ton định lập công.

Một bận, xảy ra việc tranh chấp giữa người làm công của nhà cụ đồ với gia đình trương Lộc, thế là lập tức, ông

trương tuần cùng mấy tuần đinh tay dao tay thước kéo đến nhà cụ đồ Tiết, định áp đảo tại gia. Cụ đồ ôn tồn xin mọi người bình tĩnh chờ thương thảo giải quyết, song nói thế nào trương Lộc cũng chẳng nghe. Thậm chí, bọn tuần đinh còn sầm sập chạy vào giữa sân, rồi định xông vào nhà ngang bắt mấy người làm thuê, trói mang ra điếm. Anh Mường từ nhà ngang bước ra đứng dưới gốc cây thị. Anh Mường tuy thấp nhưng to như ông hộ pháp, cởi trần, ngực nở như vú đàn bà, cánh tay cuồn cuộn bắp thịt, màu da nâu bóng như pho tượng đồng hun. Mắt anh trợn tròn tóe lửa. Anh chầm chậm đi tới trước mặt đám tuần đinh. Thấy anh tiến tới, một tuần đinh liền vung tay thước bổ xuống đầu anh Mường. Anh Mường hét to, phi tới. Thoắt một cái, anh đã tránh được và áp sát địch thủ, nắm lấy tay anh tuần đinh, bẻ quặt ra sau. Anh vặn mạnh làm anh tuần đinh kêu la như cha chết. Anh Mường quát:

- Tao bẻ gãy tay cho mày hết đánh.

Cụ đồ bước ra ôn tồn nói:

- Thôi, tha! Đừng bẻ gãy tay nó.

Nghe lệnh cụ đồ, anh Mường tha cho người tuần đinh, nhưng trước khi tha còn nhấc bổng hắn lên, quay tròn một vòng, rồi lăng mạnh hắn ra xa, ném vào bụi hoa hồng. Từ ông trương Lộc cho đến lũ tuần đinh thấy thế đều vỡ mật bay hồn. Trương tuần bại trận kéo lũ lâu la quay về điếm.

Đám kỳ hào tức lắm. Một hôm họp nhau quanh bàn đèn nhà ông hương Ất, có ý kiến định làm to chuyện, kiện lên quan huyện. Ông quản Boong cao to lực lưỡng, vỗ ngực bồm bộp, nói oang oang:

- Các cụ cứ để cho "moa". Moa đã sang Tây đánh nhau với Đức. Nó cao to hơn moa còn bị thua. Cái thằng Mường ngớ ngẩn ấy đã thấm gì. Chẳng cần dụng văn, cứ để moa dụng võ là được.

Cụ tiên chỉ Nhậm cười, lắc đầu:

- Văn cũng chẳng được mà võ cũng không xong. Văn ư? Về phía ta, cụ tú Cao và ông Lý chưa nghe. Còn về phía họ, thế lực ở làng ta ai chọi nổi ông phủ Lê. Quan huyện cũng phải vì nể gia đình họ vài phần. Kiện ư? Chưa phải lúc đâu. Vả lại, một con người đã đi tù Côn Lôn, họ sợ gì cái chuyện kiện cáo vặt vãnh này. Còn võ ư? Thế ông có biết thằng Mường đó là ai không? Nó là võ tướng của cụ Đốc xưa kia đánh Tây và cũng đã ở tù dăm năm. Nó võ giỏi, được cụ đốc cho theo hầu ngựa bảo vệ cụ Tiết. Nghe nói anh Mường tay không địch nổi mười người. Ngón giỏi nhất của anh ta là đánh thiết lĩnh. Có thiết lĩnh trong tay, anh ta dám chọi với vài chục người. Ông quản ơi! Coi chừng! Sang Tây không chết, chẳng lẽ về đây lại thân bại danh liệt. Chẳng lẽ ngoài biển khơi không hề gì, về làng lại chết đuối trong ao...

Cụ tiên chỉ khích tướng, nghĩ rằng quản Boong phổi bò, sẽ sang nhà cụ đồ Tiết gây sự. Không ngờ, quản Boong cũng là tay trải đời. Ông ta đã được nhà nước Pháp tặng thưởng mề đay thì đâu có phải đứa ngu. Xưa kia, ông chỉ là thằng đầu bò đầu bướu trong làng, ra đình chẳng có chỗ ngồi. Đám hào mục trong làng ai cũng gọi Boong là thằng. Nhờ đi lính, ông từ kẻ cùng đinh nhảy lên hàng chức sắc. Khi về làng, vì có mề đay và chức tước, ông nhảy phắt một cái, ngồi chễm chệ lên chiếu nhất, ngang hàng sánh vai cùng các cụ tiên chỉ, chánh tổng và các nhà khoa bảng.

Vậy liệu một người như ông có nên ra tay cùng một thằng Mường khố rách áo ôm, dở điên dở dại hay không? Chắc chắn là không! Bởi vì được cũng chẳng vinh, mà thua thì quá nhục, danh tiếng của ông sẽ bị dìm xuống tận bùn đen, lại còn làm thành trò cười cho lũ hào lý, lũ chữ nghĩa trong làng.

Quản Boong hiểu lắm chứ, tuy bọn người này ngồi cùng chiếu với ông, nhưng ông biết tỏng, trong bụng họ, chẳng ai coi ông ra gì. Cái lão tiên chỉ này thật thâm hiểm. Lão ta định đẩy mình ra phía trước để thí tốt. Thực ra, hắn đểu với mình. Lão ném đá giấu tay, đưa mình ra đối đầu với họ Đinh. Dùng một đòn, đánh cả hai. Quản Boong rất rõ tiên chỉ Nhậm ghét đồ Tiết. Hình như họ ghét nhau từ hồi còn trẻ. Còn mình với ông Tiết nào thù hằn gì, thậm chí trái lại còn là chỗ đi lại tiêu sầu giải muộn với quân cờ... Hà hà... Thực ra, tiên chỉ cũng chẳng ưa gì mình. Lão ta không thích mình ngồi cùng mâm ngoài đình. Lão ta định dùng kế tọa sơn quan hổ đấu. Được lắm, ta đâu có dại. Nghĩ như vậy xong, quản Boong trả lời ông tiên chỉ:

- Tôi có cây súng săn. Người Tây họ văn minh lắm. Chẳng cần gì phải vật lộn, đâm chém nhau, chỉ cần bòm một cái, thế là xong, đỡ mất sức. Nhưng mà... công việc này đâu phải việc nhà binh chúng tôi. Trong làng đã có các cụ. Trị dân: đó là việc của ông hương, ông lý, cụ tiên chỉ, cụ chánh... Còn tôi ư? Tôi chỉ là bậc hưu trí, về làng an dưỡng tuổi già.

Như vậy, muốn gây sự, nhưng chẳng ai chịu đứng ra trực tiếp gây sự. Ở thôn quê bao giờ cũng vậy; đánh là đánh kẻ không dây không nhợ, những kẻ thấp cổ bé

họng; chứ đánh vào kẻ, dù đã ngã ngựa, nhưng vẫn còn dây còn nhợ, còn chút thế lực ở đâu đó thì đừng. Phải nể mặt nhau một chút chứ. Và, biết đâu đấy, đến lượt ta, lỡ khi nào ta thất thế thì sao.

Vì lý do trên nên từ đấy, hào lý kỳ mục ở Cổ Đình mới chịu để yên cho cụ đồ Tiết cam phận sống. Không những thế, lắm kẻ thấy đánh không xong, liền đổi ngược thái độ, quay trở lại làm thân với cụ. Người hay đến nhà cụ Tiết nhất là quản Boong. Lão tìm đến để đánh cờ. Quản Boong bề ngoài rất hùng hổ, lúc nào cũng như thể muốn tấn công kẻ khác, song khi đánh cờ lại chuyển về thế thủ. Dàn trận, bao giờ cũng phóng xe lên thật nhanh giữ hà. Lão dùng hết cách giữ thâm cung và cố hết sức ngăn đối phương không cho xâm nhập đất đai của mình. Lão khư khư giữ quân. Chém được một quân của lão phải toát mồ hôi hột. Một ván cờ của lão có khi mất nửa buổi. Lão bảo rằng: "Cứ thế thủ như vậy, cứ cù nhầy như vậy, chắc chắn thế nào cũng có lúc đối thủ sốt ruột quá, sẽ bộc lộ sơ hở. Lúc bấy giờ, chỉ cần đập một cái là đối phương tàn đời ngay". Với chiến thuật ấy, quản Boong đã hạ hầu hết các kỳ thủ trong làng. Ở bên bàn đèn nhà ông hương Ất, có khi lão đã rung tít đùi lên mà khoác lác:

- Mai phục suốt đời! Có khi phải mai phục suốt đời mới có cơ hội.

Do vậy, quản Boong chỉ thích đánh cờ với cụ Tiết. Đánh với cụ có ván được ván thua, và ván thua của hắn có phần nhiều hơn.

Cụ đồ Tiết có lối đánh cờ khác hẳn quản Boong. Cụ không cố chấp, không khư khư chỉ đánh một cách. Người ta bảo cụ đánh cờ có sách. Cụ công thủ song toàn. Khi

thuận tiện thì kéo đối phương vào thế. Để phá kiểu đánh của quản Boong, sau khi đã bố trí quân phòng vệ kỹ càng, cụ liền ra sức tấn công, đổi quân, rồi thí quân, thậm chí có lúc chịu nhường cho địch hơn hẳn quân nhưng lại rơi vào thế trận. Cụ luôn cố tạo ra cái thế thượng phong. Địch định kéo dài, cụ không cho kéo dài. Địch muốn cù nhầy, cụ không cho cù nhầy. Địch cố giữ quân, cụ đánh tiêu diệt. Thành thử dần dần, càng ngày quản Boong càng thua nhiều hơn. Rồi cuối cùng, lão bị thua liên tục. Lão ức lắm, càng hay đến nhà cụ đồ Tiết hơn để gỡ, nhưng gỡ không được. Quản Boong hỏi:

- Cụ đồ học đánh cờ ai mà giỏi thế? Tôi thấy càng đánh cụ càng giỏi hơn.

Cụ đồ Tiết cười khà và đặt câu hỏi trở ngược:

- Điều này, tôi phải hỏi ông trước. Ông trả lời trước tôi sẽ trả lời sau. Ông học đánh kiểu cờ cù nhầy này từ ai?

Quản Boong cười phá lên:

- Học ai ư? Dễ hiểu thôi, học ở làng ở xóm. Trước hết học cụ tiên chỉ, sau đó học ông chánh, ông lý. Nói tóm lại, học ở phép xử sự hào lý làng ta. Hào lý mà thù hận nhau ư? Họ sẽ để bụng cả đời. Họ sẽ rình mò, chờ cơ hội cả đời. Cứ chờ cả đời, sẽ có lúc đối phương sơ hở. Chỉ đến khi đó, họ mới ra tay, mà đã ra tay là phải ra tay tàn độc. Phải làm cho đối thủ tan cửa nát nhà; phải làm cho đối thủ thành kẻ khố rách áo ôm, để cho đối thủ sẽ không bao giờ ngóc đầu gượng dậy được. Đánh rắn phải đánh giập đầu, nếu không nó sẽ trả thù.

Cụ đồ Tiết cười với vẻ mặt rầu rầu. Cụ nói với quản Boong giọng nhỏ nhẹ nhưng thâm trầm:

- Chả trách ông bị thua là phải. Ông học phép đánh

cờ hào lý. Còn tôi, tôi học đánh cờ từ sách. Hào lý thôn quê chỉ có một cách đánh cờ, bởi vì suốt đời họ chỉ ru rú trong làng. Họ là vua quan ở trong làng. Còn sách của tôi thì ghi lại cách đánh cờ của nghìn làng, vạn làng. Ông thua là phải rồi.

- Cụ dạy tôi cách đánh cờ trong sách nhé.

- Khó đấy! Học đánh cờ đầu tiên phải học chữ. Phải đọc thiên kinh vạn quyển.

- Nếu thế, phải mất vài chục năm. Học chưa xong chắc tôi đã chui xuống lỗ rồi. Thôi, tôi đành chịu thua cụ vậy. Tôi xin kiếu sách của cụ.

Cả hai người, xong câu chuyện, đều cùng phá lên cười. Thực ra, cụ đồ Tiết không muốn bắt thân với quản Boong, nhưng ông ta cứ đến nhà dù cụ không mời, cụ Tiết đành chịu chấp nhận vì chẳng biết làm cách nào. Có lúc ông ta còn mang cả chè ngon đến. Các cụ ngày xưa rất chọn bạn giao du; với kiểu người như ông Boong, sự giao du có khi là con dao hai lưỡi. Cụ đồ rất hiểu điều đó, cụ cũng biết ông ta đến nhà cụ để làm gì, cũng có thể chỉ do sự thô thiển dễ dãi của ông ta, nhưng cũng có thể do ông ta muốn tìm chờ cơ hội, tuy nhiên cụ Tiết vẫn chưa tìm ra cách nào để ngăn ông ta đừng đến nhà mình nữa.

Mà cụ Tiết cũng không thể ngờ được cái cơ hội mà quản Boong vẫn chờ đợi ấy lại bắt đầu từ anh Mường.

Hồi đi theo cụ Đốc chống Pháp, cụ Tiết vì có chút chữ nghĩa, nên được cụ Đốc cho làm thư lại trong nghĩa quân. Cụ đồ chưa làm được vai trò vị quân sư cho cụ Đốc, tuy nhiên đã ở mức một mưu sĩ nhỏ, một kẻ có học, thỉnh thoảng có thể giúp được những việc nho nhỏ cho chủ tướng. Tuy cụ Tiết chỉ là một thư lại nghĩa quân, song cụ

Đốc cũng rất quý trọng. Cụ Đốc cử anh Mường, một võ sĩ giỏi, làm người giữ ngựa, kiêm chân vệ sĩ cho cụ Tiết. Trong một trận giáp lá cà, anh Mường bị thương vào đầu, từ đó anh ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Tuy trí óc trở nên mơ hồ, nhưng võ nghệ vẫn không quên, lòng trung thành của anh với cụ Tiết cũng vẫn không suy suyển, còn tính hiền hòa cố hữu cũng không thay đổi.

Suốt ngày, anh Mường mặc chiếc quần lửng, mình cởi trần phô bày một thân hình vạm vỡ, nâu bóng. Cái thân hình khổng lồ, thâm thấp, chắc nịch ấy lại lọt vào cặp mắt xanh của một cô gái tên là Ngơ. Cô Ngơ chính thực tên là Ngó (ngó sen, ngó cần) bởi vì cô trắng nõn nà. Thân hình cô tròn trĩnh, mặt bụ bẫm phúng phính, thứ gương mặt của trẻ thơ hay mặt Phật. Lúc nào môi cô Ngó cũng điểm nụ cười.

Mẹ cô Ngơ là bà Móm ở cuối làng, gần gốc cây gạo. Nhà không có ruộng. Mẹ con sống lần hồi bằng mò cua bắt ốc. Ngày mùa đi làm thuê. Lúa gặt xong thì đi mót thóc. Cả ngày Ngó chẳng nói một câu. Ai hỏi gì cũng chẳng biết trả lời ra sao, chỉ cười trừ. Phải, cười. Trái, cười. Mắng cũng cười. Chửi cũng cười. Cô ngây ngây như thế nên cả làng không gọi cô là Ngó nữa mà gọi cô là Ngơ. Bà Móm chết vào một ngày đông giá lạnh. Sau khi mẹ chết, Ngơ chỉ biết lay lắt sống một mình. Bởi vì Ngơ vừa nghèo vừa dở hơi nên đám con trai chẳng ai chịu lấy, cả những thằng nghèo rớt mùng tơi cũng thế. Tuy không chịu lấy Ngơ, nhưng đám con trai trông thấy cô đứa nào cũng thèm. Thèm vì cô không xấu lại trắng trẻo bụ bẫm. Thèm vì cô đặc biệt có đôi vú ấm giỏ rõ to. Cái yếm đào rách, lại bé, không đủ rộng che đôi vú ấy. Đôi vú quá cỡ làm chiếc yếm luôn luôn hếch ra, làm đôi vú thường ở

tình trạng nửa kín nửa hở, làm đám con trai trong làng trông thấy cô, như rồ hết lên cả lũ. Mùa nóng nực, buộc chặt hai chiếc dải yếm ra phía sau lưng thì bức bối khó chịu, nên khi về túp lều nhà mình, cô Ngơ thường cởi yếm ra, để mặc đôi vú ấm giỏ được tự do thỗn thện. Đám con trai tinh nghịch, vào đêm trăng sáng, thường mò đến túp lều, chọc thủng vách đất để nhìn trộm đôi vú trắng nhễ nhại và vĩ đại ấy. Nhìn trộm thoải mái, sau đó cười khúc khích với nhau. Nghe tiếng rúc rích, cô Ngơ liền vác cây gậy tre, chẳng thẹn thùng gì, cứ để đôi vú trần nhún nhẩy để vừa xua đuổi lũ quỷ sứ, vừa chửi rủa ồn ĩ.

Tuy dở hơi, song cô Ngơ giữ gìn rất kỹ. Nhiều kẻ định lợi dụng bờm xơm, nhưng không bao giờ cô chịu. Bà Móm, trước khi nhắm mắt đã dặn dò cô kỹ lưỡng:

- Đừng để cho bọn con trai nó đè lên người rồi bóp vú mình. Nó mà đè lên được là có chửa đấy. Khổ lắm con ơi! Con ngơ ngẩn thế này, lại đẻ con thì biết lấy gì mà ăn. Chết đói đấy con ạ!

Ngơ đã trông thấy người chết đói rồi. Một kẻ ăn mày chết ở lều chợ. Người quắt queo nhăn nheo như quả trám khô. Chỉ thấy da bọc xương, đen đủi, tóc rụng hết, răng trắng nhởn, mắt hõm sâu như hai lỗ đáo, lê người không nổi. Hôm trông thấy người ăn mày chết đói, đi chợ về, Ngơ cứ khóc mãi, cụ Móm phải dỗ dành an ủi mới nín. Ngơ sợ bị chết đói, nên lúc nào cũng giắt con dao nhọn nhỏ bên vành váy. Có thằng con trai táo tợn đang đêm lẻn vào định hiếp, nó bị Ngơ đâm cho một nhát dao vào vai. Từ đấy, đám trai làng chỉ biết nhìn đôi vú ấm giỏ của Ngơ mà thèm nhỏ dãi, chứ chẳng thằng nào dám bén mảng tới gần để lợi dụng cô nữa.

Ngơ gặp anh Mường rồ liền mê mẩn ngay. Chẳng biết họ tỏ tình với nhau bằng cách nào, bởi vì không thấy hai người nói với nhau một lời. Chỉ thấy hai người thường nhìn vào mắt nhau và cười. Cũng không thấy họ nói với nhau bằng bàn tay ra hiệu. Chẳng lẽ chỉ nhìn nhau không mà cũng hiểu ý của nhau sao. Chẳng lẽ ánh mắt cũng biết nói hay sao.

Người ta thấy Ngơ thường đến khu vườn nhà cụ đồ Tiết. Gặp được anh Mường là cô đi theo anh như cái đuôi. Anh chẻ củi, cô ngồi bên cạnh; được thanh củi nào, cô khéo léo xếp thành đống. Anh cuốc cỏ, cô cũng tìm một cái cuốc làm giúp. Anh chăm sóc ong, cô núp sau lưng anh. Anh Mường lấy cái áo trùm lên vai mình, trùm kín cả đầu cô. Anh vào rừng hái củi, cô cũng theo anh hái củi.

Thành thử, cụ Tiết nuôi anh Mường, lại nuôi luôn cả cô. Ăn với anh Mường, nhưng không bao giờ cô ngủ ở nhà cụ Tiết. Tối đến, cô lại quay trở về căn lều cuối làng.

Rồi một đêm, người ta bắt gặp anh Mường đến lều cô Ngơ. Anh ngồi trên hòn đá mồ côi trước cửa lều. Cô gái ngồi trên đùi anh, không mặc yếm. Còn anh Mường thì đùa nghịch với đôi vú ấm giỏ. Anh ngửa lòng bàn tay hứng dưới cái vú, rồi nâng nó lên. Cái vú vừa to, vừa dài, giống quả mít không có gai. Quả mít trắng, núng nính, nhún nhảy trên bàn tay. Mới đầu chỉ nâng một vú, rồi sau, hai bàn tay nâng niu hai vú. Mỗi lần đôi vú nảy lên, cô Ngơ lại cười khúc khích.

Đám con trai trong làng tức lắm, song chẳng anh nào dám lại gần, vì họ đều biết chuyện anh Mường giỏi võ, quăng anh tuần dinh như quăng một con nhái bén. Rồi

tới đoạn đôi trai gái vào trong lều, ôm xoắn xuýt lấy nhau, hết ở trên giường lại lăn xuống đất. Họ yêu nhau hổn hển, có lúc oai oái. Đám trai làng nhìn qua kẽ vách thấy họ như đôi rắn phủ nhau. Một cậu tức không chịu được nữa, bèn hét toáng:

- Bớ làng nước, thằng Mường hiếp con Ngơ.

Anh Mường phải bỏ dở cuộc truy hoan vì gã trai kia kêu quá to, kêu nổi làng nước. Anh Mường không kịp đóng khố, anh cởi truồng chạy ra khỏi lều, tóm được thằng la làng. Anh liền nhấc bổng hắn lên khỏi đầu, quăng tùm hắn xuống cái ao tù gần đó. Gã trai leo lên bờ, anh Mường lại tóm được, quăng xuống ao lần thứ hai. Cuối cùng hắn phải lạy như tế sao, anh Mường mới chịu tha không ném hắn xuống ao lần thứ ba.

Cụ tiên chỉ Nhậm, sau khi biết chuyện, đã gầm lên ở ngoài đình:

- Hỏng! Hỏng! Đã làm bại hoại thuần phong mỹ tục, lại còn dám cả gan hành hung người lương thiện.

Cụ Nhậm bảo quản Boong:

- Bây giờ ông ra tay là có cớ đấy. Được rồi đấy! Phải biết rằng phép đánh cờ, ngoài mưu mẹo trong sách ra, còn phải có thời, có thế. Hãy cho lão đồ gàn biết rằng bọn hào lý trong làng Kẻ Đình này cũng giỏi đánh cờ chẳng kém gì ai. Chúng ta đang đắc thời, đắc thế. Chẳng lẽ...

- Xin bái phục cụ tiên chỉ thâm nho.

Cụ tiên chỉ lên huyện xin lính khố xanh bồng súng về làng. Tiếp sau đó, lính huyện, tuần đinh, cả quản Boong và ông hương nữa (lý Cỏn không chịu đi, đùn cho hương Ất thay mình) hùng hổ đến bao vây nhà cụ đồ Tiết. Lý Cỏn đã mật báo cho cụ Tiết biết trước sự việc. Cụ đồ cũng

biết cái thế đã đến nước không chống lại được, nên cụ đã bảo anh Mường, thuộc hạ của mình, trốn vào rừng khi gà còn chưa gáy sáng. Bọn lính, trước lúc vào nhà, bắn súng thị uy. Ông hương hỏi:

- Thằng Mường đâu rồi?

Cụ Tiết mềm dẻo mời tất cả vào nhà, và nói với họ:

- Thằng Mường sợ oai các vị, sau khi xảy ra vụ việc, đã trốn biệt tăm.

Quản Boong cười:

- Thế là từ hôm nay, khi tôi đánh cờ với cụ lại thiếu mất đứa quạt hầu.

Sau đó, quản Boong nửa nạc, nửa mỡ:

- Ván cờ này cụ đồ thua to rồi nhé.

Cụ đồ như ngạc nhiên:

- Ván cờ nào nhỉ?

Tiên chỉ Nhậm, khi ấy mới đến, gật gù cười:

- Ván cờ to thế mà cụ quên được sao.

Cụ đồ Tiết nghiêm nét mặt ngẫm nghĩ rồi trả lời:

- Tôi đánh cờ tồi, quả là vậy, nhưng tôi nghĩ còn nhiều người khác chơi cờ giỏi hơn tôi nhiều.

Không bắt được anh Mường, đám người hùng hổ ấy liền đến túp lều cuối làng bắt cô Ngơ. Họ lôi cô ra điếm, trói vào cột. Đám tuần đinh được lệnh để mặc cho cô nhịn đói, và phải trói cô ở cột suốt đêm, để cho muỗi đốt.

Mấy anh tuần đinh nghịch thì có nghịch, song lại thấy thương. Có anh về nhà, đem cơm nắm ra, đút cho cô ăn. Tuy nhiên anh ta cũng không chịu bỏ lỡ cơ hội, nghĩa là anh ta luồn tay chui vào cái yếm, vê vê cái núm

vú, sau đó xoa nhẹ vuốt ve cái bầu vú ấm giỏ vừa mượt vừa mát. Cô Ngơ mếu máo khóc như đứa trẻ.

- U ơi! Khổ thân con quá u ơi!

Rồi cô còn gọi:

- Anh Mường ơi! Cứu em với!

Cô ti tỉ khóc cho đến quá nửa đêm. Chân tay Ngơ bị trói tê dại, nhưng mệt quá nên Ngơ ngủ đứng trên cột. Cô ngoẹo đầu, mơ mơ màng màng. Cái Ngơ mơ thấy bà Móm trở về với cô. Bà cụ lắc đầu nói rằng: "U đã bảo con rồi. Đừng để cho thằng con trai nó đè lên bụng. U nói có sai đâu. Bây giờ làng bắt vạ; u chết rồi, cứu con sao nổi".

Ngơ buồn quá, trong phút nửa tỉnh nửa mơ lại trào nước mắt sụt sùi. Chính lúc ấy, có ai vỗ nhè nhẹ vào vai và có tiếng thì thào bên tai:

- Ngơ ơi! Tỉnh lại đi!

Ngơ choàng mở mắt. Cô mở miệng định nói, thì có bàn tay bịt miệng cô lại. Dưới ánh sáng cây đuốc chập chờn, Ngơ nhận ngay ra cái bóng hộ pháp của anh Mường. Bọn tuần đinh đều đã ngủ say. Chúng ngả ngốn nằm trên hai manh chiếu rách. Anh Mường cắt dây trói cho Ngơ, làm động sột soạt, nhưng chúng vẫn ngủ say. Lúc anh Mường cõng cô lên lưng làm rơi con dao, thế mà chúng vẫn không hay. Thậm chí, lúc bước xuống sân, vấp phải hòn gạch gây ra tiếng động to, chúng vẫn ngáy pho pho. Mà nói dại, nhỡ có đứa nào thức tỉnh, mắt nhắm mắt mở, trông thấy anh Mường cứu cô Ngơ đi, chắc nó cũng chẳng dám ho he đánh động; bởi vì ai còn lạ gì cánh tuần đinh, họ sợ anh Mường nhiều lắm sau mấy vụ vừa qua, nhất là khi bên hông anh Mường lại đeo con dao quắm sáng loáng.

Từ đó, anh Mường rồ và cô Ngơ sống với nhau ở trong rừng, bên kia sông, quá ngọn núi Đùng, ở đó có khu rừng dày ít ai tới. Dân làng có lúc thấy bóng họ ở khu núi đá, nhưng vì anh Mường chẳng làm hại ai bao giờ, nên họ mặc kệ. Chỉ riêng cụ tiên chỉ Nhậm là vẫn kiên quyết. Cụ bảo rằng:

- Ai bắt được thằng Mường, tôi thưởng cho chục bạc. Giết chết được nó cũng có thưởng.

Nghe vậy, biết vậy. Chuyện đâu để đó. Ai dại gì gây sự với anh. Mười đồng bạc mà liều mạng, chả bõ. Vả lại, tội của anh ta chỉ là lấy một cô gái ngơ ngẩn làm vợ. Có khi điều đó chẳng phải tội mà lại là phúc.

Anh Mường từ đó sống bằng cách săn bắn và đào củ trong rừng. Có người còn bảo thấy nương rẫy của anh ở mãi tít trong rừng xa. Không biết ai cho anh ta giống ngô khoai.

Tuy nhiên, dân làng dẫu không thù ghét anh Mường, song họ cũng không thích anh xuất hiện trong làng. Bởi vì sự phóng túng của anh với cô Ngơ dẫu sao cũng là một tấm gương mà con gái làng chớ nên theo. Vả lại, dân làng thích sống yên ổn, họ không muốn sự xáo trộn khi anh có mặt. Nào đám tuần đinh gậy gộc xua đuổi, nào đám trẻ con náo nức đi xem. Nghe nói anh Mường bắn tên thuốc độc giỏi lắm. Nhỡ ra có cuộc xung đột, thì đao kiếm gậy gộc, mũi tên hòn dạn, dâu có biết kiêng ai.

Còn về phía anh Mường, anh cũng chẳng thích vào làng, vì ngoài cụ đồ Tiết ra, anh chẳng quen ai trong đó. Chỉ vạn bất đắc dĩ, một năm dôi, ba lần, anh mới lẻn về vườn cụ đồ để xin gạo, xin ngô.

Có bận, lão quản Boong tối mịt còn sang đánh cờ. Hắn

đang mê mải với cụ Tiết, chợt cảm giác như có ai đang nhìn vào gáy mình. Lão quay lại nhìn ra ngoài cửa sổ, thì thấy bóng một cái đầu hiện ra với hai con mắt sáng quắc. Quản Boong hét lên: "Có người! Có người!". Cụ đồ Tiết cố làm cho lão yên tâm, song lão không chịu. Quản Boong cầm súng săn chạy ra sân. Rồi lão ta bắn bừa vào trong đêm tối đùng! đùng! Tiên chỉ Nhậm hỏi chuyện ấy ra sao, quản Boong cười hi hí:

- Tôi suýt bắn chết được thằng Mường. Tí nữa thì được chục bạc thưởng của cụ.

5

Làng Cổ Đình nằm ở chân một dãy đồi. Làng phát triển theo thế xà. Nghĩa là có một con đường chính giữa làng, con đường ấy chạy vòng vèo uốn khúc như con rắn ở dưới chân dãy đồi để đến đình làng gần sát hồ Huyền. Cũng có người bảo đó là thế "giao long ẩm thủy" (rồng uống nước). Cái thế ấy quý lắm. Bắt buộc nhà ở hai bên đường phải nhìn ra con đường. Cái thế đất bắt phải như vậy. Người ta bảo có nhìn ra đường làm ăn mới vượng. Vì thế, nhà ở trên đồi, nhìn ra đường thì được hướng đông nam, vừa không trái phong thủy vừa mát mẻ. Còn nhà ở bên kia đường, dưới chân đồi thì không bị dốc, đất chân đồi bằng phẳng, nhưng quay ra đường thì lại gặp hướng tây bắc. Hướng này thuận phong thủy nhưng bất tiện. Mùa nóng thì gặp hướng Tây, mùa rét thì hướng gió bấc.

Nhà ông lý Cỏn ở chân đồi bên kia đường nên gặp phải hướng này. Ông thợ cả ở Nam Định giỏi xây dựng, đã xây một bức bình phong rất to chắn trước mặt nhà lý Cỏn cách chừng bốn mét. Ở đấy có ba chiếc cửa cuốn rộng nhìn vào ba gian. Chiếc cửa cuốn giữa bình phong rộng ba mét. Thành thử nhà lý Cỏn vẫn hợp phong thủy mà bức bình phong ấy lại chống được nắng gió. Hơn nữa bên trong bức bình phong lại là một vườn chậu hoa. Thành thử bức bình phong là thứ trang trí vừa giải quyết nắng gió, vừa là vật làm sang, làm bề thế cho nhà lý Cỏn.

Cụ đồ Tiết và Trịnh Huyền tần ngần đứng trước bức bình phong ấy. Cụ Tiết gật gù giảng cho Huyền nghe về tác dụng của bức bình phong này với kiểu nhà hướng Tây:

- Anh nhìn mà xem, lúc này đang xế trưa, nắng gay gắt nhất. Nhưng phần trên của bức bình phong đã che hết cả. Nắng chỉ đến được thềm nhà. Thợ giỏi là thế đấy. Vừa là thứ che nắng, vừa là thứ trang hoàng. Phần trên của bình phong có dãy lỗ hoa, có những đường gờ, những chỉ, những đắp nổi làm cho ta vui mắt, làm sang trọng ngôi nhà. Nhưng chỉ riêng bức bình phong này, cũng tốn kém đủ cho người ta làm một cái nhà đấy con ạ.

Lý Cỏn được tin cụ đồ đến, đang ở nhà bà Ba gần đấy, liền chạy về lễ phép chào:

- Con lạy thầy. Thầy đến chơi, con không biết nên chậm ra đón thầy.

Cụ đồ nói:

- Hiệp thợ nào làm bức bình phong thật giỏi. Nhờ nó, trông ngôi nhà đường bệ hẳn lên. Không biết nắng vào nhà sâu nhất là đến tận đâu?

- Dạ, nhờ có bức bình phong này, nắng lúc vào sâu nhất trong nhà cũng chỉ chừng hòn gạch. Dạ, mời thầy và bác vào xơi nước.

Ông cụ đồ vừa đi giữa hai hàng cây cảnh để bước lên thềm, vừa gật gù:

- Khéo thật! Khéo thật!

Sau khi đã an tọa, cụ đồ trịnh trọng nói:

- Anh Huyền đây ở Nam lên, là cháu đằng bà ngoại tôi. Ở dưới Nam ruộng nương ít, mà nhà tôi thì neo người, nên tôi mới cho gọi anh ấy lên đây.

Trịnh Huyền cũng làm bộ thiểu não:

- Thưa ông lý, ở dưới quê, chiêm khê mùa thối mà ở nơi đây thì bờ xôi, ruộng mật. Tôi cũng đánh bạo lên đây để nương nhờ ông bác.

- Có phải hôm nọ thầy và bác đây, bác Huyền phải không, đã tới nhà hôm tôi bận lên huyện?

Thấy thái độ của lý Cỏn vui vẻ. Trịnh Huyền tranh thủ sự thuận lợi, liền lấy ra trong bọc bao chè và đồng bạc để lên cái đĩa, trân trọng bẩm với vị hào lý:

- Dạ thưa thầy lý, trước hết tôi được đội ơn tấm lòng bao dung của ông bác tôi, sau nữa tôi còn phải trông nhờ vào sự bao dung chỉ bảo của thầy. Thầy là người nhất lý chi trưởng, người đứng đầu làng xã. Vậy tôi xin có chút lễ mọn để ra mắt.

Lý Cỏn có ý không nhận, cụ đồ phải nói đỡ:

- Anh lý xưa kia theo học tôi, nhưng cái tình là một nhẽ, cái lý lại là một nhẽ. Đất nào cũng có thổ công, hà bá. Cái tục của ta, con người phải biết lễ nghĩa; đến nơi nào là phải trình diện ra mắt người đứng đầu nơi đó

ngay. Anh lý nể mặt tôi, anh nhận tức là lòng tôi cũng vui vậy.

Ông lý nghe thầy học xưa nói vậy, phải gật gù:

- Thôi thế này vậy, lễ thì tôi xin nhận còn tiền thì xin được chối từ. Bởi vì thế này: Thế nào thầy và bác Huyền chẳng làm mấy mâm ra đình lễ trình thành hoàng và trình các cụ kỳ mục. Cũng tốn kém đấy, thôi bác để tiền này thêm vào mà làm việc ấy.

Đang dở câu chuyện, thì cụ tú đến chơi. Lý Cỏn trịnh trọng:

- Con lạy chú ạ. Thầy con đến chơi, định xong mấy câu chuyện thì sai trẻ sang mời chú đến nói chuyện với thầy con.

Ông tú cụp chiếc quạt che đầu lại, rồi đập đập cái quạt vào bàn tay trái. Ông cụ kính cẩn đến trước cụ đồ, chắp tay lại nói:

- Đệ mới về nhà được mấy hôm, chưa kịp sang chào lão huynh. Đệ đánh bạo dám hỏi sức khỏe lão huynh bấy nay đã khá lên nhiều chưa ạ?

- Cảm ơn! Cảm ơn! Năm trước, tôi đã gửi thư cảm ơn ông về chuyện vẫn còn nhớ cố nhân, gửi về cho tôi thuốc quý. Không biết có nhận được không? Còn sức khỏe của tôi nhờ thuốc của lão đệ và nhờ nuôi ong hàng ngày có mật uống nên sức khỏe đã khá lên nhiều.

Hai ông già nắm tay nhau cười khà khà, hớn hở. Cụ đồ lại hỏi:

- Dạo này, đệ vẫn đọc bài từ của Tứ Nãi tiên sinh chứ?

- Đệ khi nào quên được. Cứ nhớ đến huynh là đệ lại ngâm nga bài từ ấy:

Người ta đọc sách ngâm nga.
Ta nay "tâm đọc" lại là phần hơn.
Tâm đọc sách không vang thành tiếng
Mà thiên kinh vạn quyển làu trơn.

Mới đầu, ông cụ tú đọc một mình. Đến câu thứ hai, cụ đồ cũng đọc theo. Hai ông già cùng đồng thanh. Tiếng ngâm vang nơi tiếp khách. Sự vui vẻ của hai ông già làm bầu không khí hết khách sáo. Lý Cỏn chỉ loáng thoáng nghe chú mình và cụ đồ là hai người đồng môn, chứ không ngờ hai người lại thân thiết với nhau đến thế.

Ngày xưa, có một thời, cụ tú Cao và cụ đồ Tiết cùng thụ học cụ phó bảng Vũ Huy Tân. Cụ Cao bé nhất trường, cụ Tiết lớn hơn được giao việc kèm cặp cụ tú. Cụ Tiết rất thích bài từ "Đọc bằng tâm" của thám hoa Lê Đình Diên, bắt cụ Cao phải học thuộc bài từ ấy. Hồi ấy, hai anh em rất tâm đầu ý hợp. Rồi cụ đồ lưu lạc, cụ tú ra tỉnh. Hai người vẫn nhớ tới nhau, nhưng đến lúc về già mới lại được ở gần nhau. Sau phút gặp gỡ đầu tiên, cụ tú hỏi:

- Tôi mới đến, nghe lõm bõm. Chẳng biết có chuyện gì mà bác gặp anh lý nhỉ?

- Chả là việc anh Huyền, cháu tôi ở dưới Nam lên. Làng ta vốn là nơi đất lành chim đậu. Anh Huyền định biện mâm cơm ra đình, trước là lễ thánh, sau là xin các cụ chấp nhận cho...

Cụ tú khẽ khàng:

- Cụ có nhớ hồi xưa, lúc chúng ta còn trẻ, việc xin cư ngụ giản dị lắm mà. Các cụ chỉ cần xem người mới đến có phải là người lương thiện, chân chất hay không? Anh lý tính xem có nên phiền hà đến thế không?

Lý Cỏn vốn trọng cụ tú, cụ đồ nhưng cũng nể sợ cánh tiên chỉ Nhậm, hương Ất... nên bảo:

- Chú ơi! Chú biết rõ tính chú Nhậm cháu rồi đấy. Người ngụ cư đến, sơ sài biện lễ là không xong đâu...

Đang nói chuyện dở, thằng Tùng con bà Hai Cỏn hớt hải đến:

- Thầy ơi! Mẹ con đau bụng. Đau lắm! Mẹ ôm bụng lăn lộn trên giường. Thầy về ngay đi.

Lý Cỏn vội vàng xin phép đi một lát. Cụ tú tủm tỉm, đập đập chiếc quạt, nói với cụ đồ:

- Đa mang lắm vào! Có khổ không? Chắc mấy hôm nay anh lý chễnh mảng, nên chị Hai sai con mang trát đến gọi chứ gì.

Rồi cụ tú quay sang nói với Huyền:

- Tôi biết cái sự trình làng dạo này nhiêu khê lắm. Ông tiên chỉ Nhậm là em họ tôi nên tôi biết. Ông ta thích oai vệ, hách dịch. Ngay cả anh lý Cỏn nhà tôi làm lý trưởng mà hắn cũng ra oai. Hắn ta cầm ba toong đánh đít lý Cỏn ba cái giữa đình làng. Hắn đã quyết cái gì rồi, nếu không nghe, hắn sẽ hành hạ cho thất điên bát đảo.

Nói xong cụ tú thở dài, than thở với cụ đồ:

- Cánh nhà nho chúng ta hết thời rồi. Bây giờ là thời của các ông làm cho Tây và các ông chánh ông lý...

Cụ đồ bình tĩnh, tủm tỉm:

- Tôi đã có chủ định. Sẽ chọn một ngày để ra đình trình các cụ. Hôm ấy, cũng luôn thể làm lễ bên đền Mẫu.

Cụ tú lại thở dài:

- Nói đến đền Mẫu, lại chợt nhớ tới khu rừng Báng sau lưng đền. Ngày xưa, các cụ tiên chỉ làng ta đều đã

đỗ cử nhân, hoặc là bậc hưu quan. Các cụ ra lệnh: cứ chặt một cây báng thì phải trồng thêm hai cây báng con. Lệ làng sao mà hay thế. Sở dĩ như vậy vì rừng Báng là kho lương thực cứu đói cho làng gặp năm mất mùa. Hồi cụ cử Liên bên họ Đinh nhà cụ còn sống, rừng Báng xum xuê, xanh tốt. Sau khi cụ cử chết, rồi nhà nước bảo hộ bỏ khoa thi chữ Nho, thế là hết cả người thâm thúy đứng đầu làng xã. Dân làng từ đó mạnh ai, nấy chặt. Chỉ mấy năm sau, rừng Báng đã trụi thùi lụi. Nho học tàn, rừng Báng cũng tàn theo, không hiểu nay mai, lỡ gặp năm mất mùa, chẳng biết dân nghèo trông cậy vào đâu.

Trịnh Huyền chắp hai tay, vái cụ tú:

- Thưa, cụ thật có lòng. Con chắc cánh trẻ trong làng ta cũng nhiều người có lòng như cụ.

Cụ tú nắm lấy tay Trịnh Huyền, hạ giọng xuống, nói nhỏ:

- Có điều này cần phải nhắc bác Huyền. Tôi mới về nhưng cũng nghe được anh lý nhà tôi bảo rằng, lão Julien, Tây đồn điền, cũng đã hỏi sơ qua về bác. Đừng tưởng người ta làm đồn điền là chỉ chú ý đến ruộng đồng. Tiếng chỉ là chủ đồn điền, nhưng thực ra, họ là chủ tất cả.

V

PIERRE VÀ JULIEN

1

Philippe Messmer có hai người em: Pierre và Julien. Hai người em đều ít hơn người anh cả ngoài chục tuổi. Cả ba anh em đều mắt xanh. Riêng Pierre mắt xanh màu ngọc lam rất đẹp. Đôi mắt xanh dịu dàng, thông minh, lúc nào cũng óng ánh những nét tò mò suy tư, khác hẳn ông anh cả và người em út. Hai người này mắt cũng xanh đấy, nhưng là thứ màu xanh xỉn.

Người Cổ Đình trông ba đôi mắt của anh em nhà Messmer, và họ nhận ngay ra đôi mắt xanh đặc biệt, lúc nào cũng như ngơ ngác của Pierre. Chữ Messmer phát âm cũng na ná như chữ mắt mèo, thành thử dân làng đặt tên luôn cho người Tây đồn điền có đôi mắt đẹp ấy là Pierre mắt mèo.

Còn người em út Julien, đơn giản chỉ vì bộ tóc hung hung đỏ nên dân làng đặt tên là Julien râu ngô.

Pierre thường tâm sự với mọi người: "Tôi là một nhà thám hiểm bất đắc dĩ, có lúc tưởng mình là nhà văn nhưng cũng là loại nhà văn bất đắc dĩ, rồi còn là nhà họa sĩ bất đắc dĩ. Bởi vì những sở thích của tôi thay đổi luôn, học nhiều thứ song chẳng thứ nào đến đầu đến đũa. Làm chuyện gì cũng do đun đẩy của số phận, ngẫu nhiên mà làm, rồi lại ngẫu nhiên mà bỏ...".

Học xong trung học, Pierre vào trường Y. Ở đấy, lúc học giải phẫu cơ thể, sinh viên phải mổ xác người chết vô thừa nhận ngâm phoóc-môn. Khi trông thấy xác người dàn bà xám xịt nhăn nheo nằm trên cái bàn trắng toát, tất cả phủ tạng trong người Pierre bỗng nhộn nhạo; Pierre cố trấn tĩnh nhưng không trấn áp nổi cơn buồn nôn cuồn cuộn trong lồng ngực. Cuối cùng, anh nôn thốc nôn tháo... Và thế là đành phải chia tay với nghề y.

Pierre viết trong nhật ký của mình: "Lạ thật! Từ thuở ấu thơ, tôi đọc những cuốn sách viết về những bác sĩ, tôi cứ đinh ninh về sau mình sẽ là một bác sĩ tài giỏi. Nhất định là thế. Bởi vì tôi nhìn thấy ở nghề này một tấm lòng nhân ái vô bờ. Bởi vì tôi muốn là người có ích cho mọi người, là người đi xoa dịu nỗi đau cho mọi người. Có chuyện gì ở đây nhỉ? Phải chăng đó chỉ là những ý tưởng thơ ngây đẹp đẽ mà mình tự tô vẽ cho tâm hồn mình. Phải chăng ý tưởng ấy chỉ là sự sao chép những ý tưởng của kẻ khác. Còn thực chất, trong thẳm sâu tôi, trong vùng tối đen của khối óc tôi, lại không phải như tôi muốn. Vô thức của tôi bộc lộ ra đấy. Nó phản đối. Nó bảo rằng: "Anh không thích nghề y. Anh là kẻ sợ cái chết. Đừng dối trá với bản thân".

Ông anh cả Philippe ở Đông Dương, trong lúc hành quân đi dẹp loạn, nhận được thư nhà, biết tin em bỏ trường Đại học Y, đã xé cuốn sổ tay, viết nguệch ngoạc cho thằng em thông minh nhất của mình mấy chữ:

Chú Pierre thân mến.

Được thư của gia đình, anh buồn lòng vô cùng. Em là đứa con thông minh nhất của gia đình. Em là niềm hy vọng hứa hẹn nhất của gia đình. Tại sao em lại quyết

định một cách nhẹ dạ như vậy. Em định bỏ trường Y để vào văn khoa ư. Thật rồ dại. Ngành văn chỉ dành cho những con người đặc biệt có tài về lĩnh vực đó. Mà nếu anh không nhầm, em giỏi về toán học. Anh cứ nghĩ sau này em sẽ là một nhà khoa học.

Sao lại suy nghĩ bông lông thế hở em. Phải thú thật thằng Julien giống anh, nó khác em. Chính vì vậy, trong hai người em, anh có chút thiên ái với em. Anh yêu em hơn Julien, bởi vì ở em có những điều anh không có. Em là trí tuệ, còn anh và Julien là hành động.

Hỡi cái trí tuệ của tôi ơi. Nước Pháp chúng ta là một dân tộc vừa có khả năng hành động, vừa có khả năng tư duy, và nhất là rất có ý chí. Có ý chí, con người sẽ làm được tất cả. Chính vì có ý chí nên chúng ta đã chinh phục được mảnh đất xa tổ quốc hàng ngàn dặm này. Chính vì có ý chí nên đất nước ta đã làm được bao kỳ tích. Dân ta có câu "Muốn là được" (Vouloir c'est pouvoir). Em hãy tỏ rõ cái ý chí ấy. Đừng buông tay. Đừng èo uột, vì èo uột ta sẽ là kẻ vô tích sự.

Philippe Messmer

"Đúng! Tôi là kẻ vô tích sự" - Pierre cứ tự nhủ thầm với mình như vậy. Học được một năm ở khoa văn, Pierre cảm thấy mình không tiến bộ, anh lại chuyển sang trường "Mỹ thuật trang trí". Đến trường này thì đọng lại. Cái thích nhất trong nghề này, đối với anh, là được đi đây đi đó. Anh đã đi vẽ ở Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha, Hy Lạp.

Qua sự di chuyển, Pierre hiểu được tâm hồn mình hơn. Anh hiểu được rằng mình yêu thiên nhiên. Bị ám ảnh bởi những bữa tiệc màu trong tranh Gauguin, bị cuốn hút bởi những phong cảnh chan hòa nắng mưa

vùng nhiệt đới, khi học xong hội họa, Pierre lẳng lặng xin đi học một lớp địa hình. Nhận được thư nhà, ông anh cả Philippe lại tha thiết kêu lên trong lá thư đầy tình cảm.

Em ơi!

Mẹ chúng ta đã già rồi. Mẹ đã hy sinh rất nhiều cho anh em ta. Mẹ đã bán cả cái trang trại, phần hồi môn bên ngoại, ở đó mẹ gắn bó với bao kỷ niệm, để lấy tiền góp vốn cho anh xây dựng đồn điền ở xứ Đông Dương.

Em có biết không? Mẹ chẳng bao giờ nói ra miệng, bởi vì một người mẹ chẳng bao giờ tỏ ra thiên lệch tình cảm đối với các con mình, nhưng anh hiểu rất rõ, trong ba anh em, mẹ quý em nhất, có gì đâu chỉ vì em giống bà ngoại vô cùng. Anh nhớ, ngày xưa, có lần mẹ thốt lên trong gia đình, rằng sao em giống bà ngoại đến thế. Trông thấy em, là mẹ cảm thấy như bà ngoại hiển hiện ra trước mắt.

Vì vậy, khi anh nghe tin em xin đi học lớp địa hình, anh hiểu rằng lòng trai đã động chí bốn phương rồi phải không?

Anh van em đấy. Anh cầu xin em đấy. Em đã lớn rồi, đủ để làm chủ mình rồi, nhưng dù thế nào em cũng không được xa nước Pháp lúc này. Đứa em yêu quý của tôi ơi! Em hãy nhớ, em là bóng hình bà ngoại, em cần phải ở bên mẹ trong những ngày cuối đời yếu đuối của mẹ. Em hãy thay anh mà an ủi mẹ. Em hãy cộng thêm tình yêu mẹ của anh vào tâm hồn em, để cầu mong cho mẹ chúng ta được khỏe mạnh yên ổn trong những ngày đông lạnh giá này.

Anh Philippe

Pierre là con người tình cảm rất mực, nếu như Philippe chẳng viết thư về, thì anh cũng không bao giờ có thể rời mẹ được lúc này. Mùa đông năm ấy, Pierre mang giá vẽ từ Paris trở về quê chăm sóc mẹ.

Người mẹ nhìn vào đôi mắt xanh rất đẹp của con mà bảo:

- Đôi mắt của con là gia tài bên ngoại để lại cho con đấy. Con không biết đâu, ngày xưa, đôi mắt xanh của bà ngoại đã hút hồn bao gã đàn ông. Mẹ biết đôi mắt xanh của con cũng như thế.

- Mắt mẹ cũng xanh, cũng trong, cũng ngơ ngác lãng mạn. Chắc mắt của bà ngoại cũng chỉ như mắt mẹ là cùng.

- Không đâu! Mẹ sao sánh nổi bà.

- Ôi! Hôm nay có nắng. Để con đưa mẹ ra hiên nhé. Trời sáng đẹp quá mẹ ơi.

Mẹ ngồi trong chiếc ghế xích đu. Con ngồi dưới đất nắm bàn tay mẹ. Người mẹ thều thào nói nhỏ những ý nghĩ của mình, những ý nghĩ giấu kín mãi mà chưa bao giờ mẹ nói ra:

- Con đừng giống như thằng Philippe, bỏ nước Pháp để sang cái xứ sở lạ lẫm đầy nắng mưa và thú dữ ấy. Ôi! Các người điên rồ rồi! Cái xứ sở Đông Dương châu Á ấy chẳng biết có ma lực gì mà làm các người điên rồ lên thế. Bầu trời nào có thể đẹp hơn bầu trời nước Pháp của chúng ta...

Bà dừng lại để thở, cuối cùng bà mới dặn dò Pierre:

- Con hứa với mẹ đi. Con thề với mẹ đi. Con thề rằng con sẽ không bao giờ theo gót anh con, bỏ nước Pháp để đi đến cái xứ Bắc Kỳ kỳ quặc mà người đàn bà lại sơn răng cho đen.

Con hứa với mẹ đi, thề với mẹ đi. Rằng sẽ chẳng bao giờ bén mảng, đặt chân lên cái xứ sở kỳ quặc toàn những cơn sốt rét rừng và đầu người bị chặt rồi cắm vào chiếc cọc tre...

"Con hứa! Con thề!". Pierre nói thế để cho bà mẹ yên lòng ra đi. Mùa đông năm ấy, bà cụ qua đời. Philippe gửi thư về cho em trai:

Pierre thân mến!

Anh đã nhận được thư em báo tin mẹ mất. Anh bàng hoàng không tin mắt mình nữa. Anh đọc đi đọc lại những dòng chữ báo tin dữ. Tối hôm ấy, anh sang nhà thờ và quỳ suốt tối trước bàn thờ Chúa. Cha Colombert ở đây là người nhân từ, tế nhị, rất cảm thông với anh. Ông già tốt bụng đó vừa là cha tinh thần, vừa là người bạn đồng hương của anh. Ông an ủi anh và bảo rằng:

- Mẹ của anh là người ngoan đạo hiền từ. Chắc giờ này người đang ở bên Chúa và đang dõi theo, cầu xin Chúa cho các con bà được phước lành ở chốn trần gian.

Anh buồn vì đã không về đưa tang mẹ được. Mẹ chúng ta là một con chiên độ lượng; chắc mẹ chẳng nỡ trách đứa con bất hiếu đã không ở bên mẹ trong những phút lâm chung, bởi vì con của mẹ đang làm người lính bảo vệ cây thánh giá, đem ánh sáng của Chúa đến với những người dân bản xứ ngoại đạo ở xứ Bắc Kỳ này. Anh cầu xin cho linh hồn của mẹ an nghỉ vĩnh hằng ở nước Thiên Đàng, ở bên ánh sáng dịu dàng của Chúa.

Được tin em Julien học ở trường võ bị, kết quả rất tốt, anh mừng lắm. Anh chẳng thấy nhiều lo lắng cho Julien, vì tương lai của cậu ấy quá rõ ràng. Julien đã đi đúng đường, chỉ có việc theo đường thẳng mà tiến bước. Chắc chắn tiền đồ của chú út sẽ sáng sủa hơn anh nhiều. Vả lại Julien lại là người năng động, luôn có những ý nghĩ tích cực trong đầu óc.

Trong gia đình ta, người mà anh vừa kính phục, vừa ước ao, vừa lo lắng không phải Julien mà chính là em.

Pierre ạ, anh nói kính phục, điều đó không ngoa đâu. Em có một tâm hồn nhạy cảm. Em có thể nhìn ra những điều ẩn giấu trong con người. Lại có trí thông minh, óc suy xét. Lại có một kiến thức rộng rãi. Lại có nhiều khát vọng để hoạt động ở lĩnh vực nghệ thuật, một lĩnh vực, có thể nói là nguy hiểm và bạc bẽo. Lý do vì khi vào đó, ta như đi trong một mê cung. Có thể tìm được đường ra sáng láng, nhưng cũng có thể lạc lối và chẳng bao giờ đi đến đích cả. Nỗi lo lắng của anh chính là như vậy.

Trước khi mất, mẹ dặn em đừng sang Đông Dương phải không. Anh chẳng biết khuyên em thế nào. Đúng là Đông Dương nhiều hiểm nguy. Anh nghĩ rằng ai đến đây cũng phải ngạc nhiên vì sự sống ở đây, có thể nói, sinh sôi lúc nhúc. Cây xanh tốt bốn mùa. Quả có mặt quanh năm. Cũng có thể nói hoa rực rỡ ở mọi lúc, mọi nơi. Rừng thì kỳ lạ, tầng tầng lớp lớp, rậm rịt, quấn quýt. Có cảm giác như cắm một cành cây xuống là nó có thể ra rễ, đâm chồi, thành cây. Sự sống phồn vinh như vậy. Phồn vinh ở mặt vĩ mô, chắc cũng phồn vinh ở cả mặt vi mô. Cuộc sống ở thế giới mắt ta không nhìn thấy chắc cũng lúc nhúc như vậy. Do đó lắm bệnh lạ ta chưa bao giờ thấy, và cũng lắm bệnh nguy hiểm chết người.

Nhưng bù lại, ở đây cảnh đẹp vô ngần. Thiên nhiên biến hóa, từng lúc, từng nơi, thiên hình vạn trạng. Chắc cũng có người chê cái xứ sở nhiệt đới này, coi nó là xấu. Người đó không mở lòng ra khi đến với thiên nhiên, thì bảo làm sao thiên nhiên dám mở lòng mình ra để cho người đó chiêm ngưỡng. Có đúng vậy không? Đối với thiên nhiên cũng phải đối thoại. Nếu ta độc thoại thì thiên nhiên sẽ luôn đóng kín cửa đối với tâm hồn ta.

Nhưng thôi! Anh đã nói sa đà quá rồi. Ai lại đi đánh

trống qua cửa nhà sấm. Mà ba hoa mãi thì lại hóa ra anh có tình cảm thiên lệch với xứ sở này. Thú thực, đồn điền của anh đã dạy cho anh biết những điều anh vừa nói. Ở đây rừng bạt ngàn. Có vùng rừng bị hủy diệt chỉ còn lại sim, mua. Lại có những khu rừng tái sinh, rừng cằn trên núi đá, rừng rậm ở thung lũng. Có cả những vạt rừng nguyên thủy, ở đó hổ, gấu, hươu, nai nhiều vô kể.

Thôi, để anh nói thực bụng nhé. Nếu em sang đây, em sẽ được hưởng những bữa tiệc màu sắc kỳ ảo. Anh đã đoán đúng rồi phải không? Qua những lá thư của em gửi cho anh, anh biết rằng em đang chuẩn bị sang đây. Trước kia, còn chần chừ vì mẹ còn sống. Bây giờ, mẹ đã ở chốn thiên đàng, em có trái với lời hứa trước mẹ lúc bà lâm chung thì chắc cũng chả sao. Anh chắc mẹ có thể tha thứ cho em. Bởi vì sang đây, em có thể có một sự nghiệp, em có thể tìm ra lối đi đúng trong mê cung nghệ thuật. Bởi vì, thiên nhiên là một người thầy sáng suốt vĩ đại. Thiên nhiên nhiệt đới có thể dạy cho em những điều lạ lùng, mà ở xứ lạnh chưa ai biết đến...

Vả lại, em còn là cánh tay phải của anh nữa chứ. Có thể em hành động kém, nhưng một ý nghĩ thông minh của em lại rất cần cho anh. Lại còn tình cảm gia đình là điều anh thiếu. Nói thực, sống giữa những người bản xứ, anh thấy cô đơn. Người dân ở đây rất tốt. Nhưng dù sao chúng ta cũng vẫn là ông chủ. Mà giữa chủ và tớ bao giờ chả có khoảng cách. Anh thèm hơi ấm của người thân.

Anh nói lời cuối thư nhé. Em ơi! Hãy sang đây với anh. Có lợi đấy. Còn có thể nói: rất lợi cho sự nghiệp nghệ thuật của em.

Hôn em và chờ tin em.

Philippe Messmer

Có thể nói đây là một lá thư nồng nàn của một người yêu xứ thuộc địa Bắc Kỳ. Philippe không nói gì về tình trạng đồn điền, nhưng Julien nghĩ rằng công việc đang trôi chảy với anh mình. Vì sự việc làm ăn có tốt thì người viết thư mới phấn hứng đến thế. Phấn hứng cả trong việc kêu gọi người em trai Pierre hãy rời bỏ Paris mà sang xứ Bắc Kỳ.

Nhận được thư, người em quyết định ngay. Pierre sẽ sang Bắc Kỳ, nhưng không phải trên danh nghĩa một họa sĩ, cũng không phải trên danh nghĩa một nhà kinh doanh sang xứ thuộc địa làm đồn điền, mà trên danh nghĩa một quân nhân đo đạc, một nhà thăm dò bất đắc dĩ. Tức là Pierre sung vào đội quân đi vẽ địa hình. Một công việc được đi nhiều nơi, được biết nhiều vùng. Đầy hiểm nguy phiêu lưu, song cũng đầy lãng mạn.

2

Bị ảnh hưởng bởi những gam màu rực rỡ vùng nhiệt đới của Gauguin, bị ảnh hưởng bởi những lời mô tả say đắm của anh Philippe, nên Pierre tìm hiểu kỹ về xứ Bắc Kỳ trước khi lên tàu sang thuộc địa. Nói chung đó là những tưởng tượng của một người Pháp chính quốc nghĩ về một đóa hoa thuộc địa chan chứa mơ mộng và lãng mạn. Một tờ báo viết rằng: "Đông Dương là một huyền thoại, với những cánh rừng nguyên thủy bí hiểm, với những đồng lầy trồng lúa mênh mông, với những chiếc

thuyền tam bản có buồm cánh dơi, với vịnh Hạ Long đẹp mê hồn. Nó là một vùng đất đặc biệt trong những giấc mơ châu Á của người Pháp. Vùng đất này nước Pháp chiếm được hơi chút muộn mằn, khác với vùng đất đông phương Ả rập, khác với Trung Quốc, khác với Nhật Bản. Vùng đất ấy là một viên ngọc. Nó nằm ở vị trí hàng đầu của đế chế Pháp".

Pierre không có tâm thức của một nhà thuộc địa. Anh bước chân xuống tàu không nghĩ đến những lợi lộc. Tâm thức của anh là tâm thức của một người tìm kiếm. Anh đi tìm cái đẹp của nắng, của gió. Anh đi tìm cái đẹp ở thế giới nguyên thủy hoang sơ. Cho nên, ở trên tàu một tháng ròng, anh chỉ chúi đầu vào đọc hồi ký của những người đi trước, đọc những tài liệu, đọc báo, đọc văn, đọc tất cả những gì dính líu tới Đông Dương. Đêm xuống, anh lại lạc vào những giấc mơ về những vùng đất anh chưa bao giờ đặt chân tới...

Pierre tưởng tượng tới những cánh rừng già cao vút, bát ngát mà thâm u, bí hiểm. Trên đầu những cây cao, thả xuống những nhành hoa phong lan muôn màu, muôn sắc. Chúng rắc phấn, chúng phun hương, làm cho khí trời ám hương, ám phấn. Khí trời loãng trở nên đặc quánh vật chất, cho ta một cảm giác ngầy ngậy, ngất ngây. Pierre tưởng tượng tới một cảm giác lúc nhúc; lúc nhúc đàn voi trong rừng chuối, lúc nhúc đàn nai bên bờ suối và lúc nhúc cả bao loài thú kỳ lạ. Trong giấc mơ của Pierre có cả những con báo đen rình rập trên cây, rồi cả những con họa mi lích rích tiếng hót thâu đêm, in khảm tiếng hót của chúng vào những đêm dài nhiệt đới. Pierre còn tưởng tượng ra cả những thác, những ghềnh, còn anh

ta thì ngồi trên con thuyền độc mộc để vượt thác, để bì bõm vun vút bơi trên những dòng sông hung dữ. Pierre hiểu, có những giấc mơ ấy, tức là tiềm thức mách bảo trước với anh rằng, anh sẽ là nhà thám hiểm, và những hiểm nguy đang chờ đợi rình rập anh trên các nẻo đường.

Khác hẳn với những bạn đồng ngũ, đồng hành, Pierre tự trách mình: sự khác biệt ấy của anh có thể là một lỗi lầm chăng. Anh tự thú với bản thân: "Tôi là một nhà thám hiểm bất đắc dĩ, cũng là nhà đo đạc, nhà họa sĩ bất đắc dĩ. Sau này, tôi sẽ còn là một thứ nhà "bất đắc dĩ" nào nữa thì chưa biết được. Chỉ biết rằng tôi đâu có phải là người thợ đang xây dựng cái đại công trình bành trướng của nước Pháp. Tôi đâu có niềm tin chinh phục, niềm tin thuộc địa. Tôi chỉ là kẻ xung phong đầu quân do một động cơ hết sức vụ lợi". Nói cho thật chính xác, Pierre sang Đông Dương còn vì một lý do khác: anh sợ thất nghiệp. Là một họa sĩ không có tiếng tăm gì, lại mới ra trường, đi tìm việc kiếm sống ở nước Pháp, nơi đầy rẫy những họa sĩ vô danh, đâu có phải dễ. Pierre sợ phải sung vào đội quân thất nghiệp lúc nào cũng nhan nhản ở Paris.

Khi anh đến phòng đăng ký đầu quân sang Đông Dương, người ta hỏi:

- Tên là gì?
- Pierre Messmer.
- Nghề nghiệp chuyên môn?
- Họa sĩ.
- Còn gì nữa không?
- Họa đồ.
- Có ai là họ hàng thân thuộc ở đó?

- Có anh trai, Philippe Messmer, hiện bắt đầu mở đồn điền ở xứ Bắc Kỳ.

- Vì lý do gì xin nhập ngũ?

- Vì chưa có việc làm.

- Vậy là tốt. Sang bên đó, anh sẽ có nhiều cơ hội tiến thân. Tuy nhiên cần phải nói trước với anh: Đông Dương là viên ngọc của chúng ta, nhưng trước mắt nhiều khó khăn, gian khổ. Chỉ miễn là anh có niềm tin vào nước Pháp, biết giữ danh dự cho nước Pháp, anh sẽ có một tương lai.

Pierre đi học lớp đo đạc bản đồ, vì anh đã có dự định từ trước. Anh quen một sĩ quan làm công tác bản đồ trong quân đội. Anh ta nói rằng hiện nay bên ấy đang thực hiện chương trình lập bản đồ địa hình toàn cõi Đông Dương. Trước mắt, việc đó giao cho quân đội. Vậy nên người ta biên chế Pierre vào "Đội khảo sát rừng". Chính ra tên của cơ quan đó là "Phòng địa hình quân sự". Nó chính là tiền thân của cơ quan Địa lý Đông Dương.

*

* *

Thật không ngờ Pierre bị rơi vào một bộ phận lãng mạn nhất, nhưng đồng thời cũng là bộ phận bạc bẽo nhất, gian khổ nhất và cũng bị người đời lãng quên nhiều nhất. Vì Pierre có chút học vấn, lại biết nghề, nên sau khi học quân sự cơ bản sáu tháng, rồi sát hạch tay nghề, họ phong cho anh hàm chuẩn úy. Như vậy là có chiếu cố đối với người làm nghề gian khổ, dễ bị sốt rét rừng. Gọi là chức chuẩn úy cho oai, chứ thực ra anh chỉ làm nhiệm vụ vác mia, đọc số trong máy ngắm, leo trèo hết ngọn đồi này sang ngọn núi khác, rồi ghi chép những số đo vào cuốn sổ. Thỉnh thoảng, Pierre mới phụ trách máy ngắm.

Còn người chính phụ trách máy ngắm là thiếu úy Bonard. Thiếu úy sang Đông Dương đã ba năm, đã thành lính cựu. Anh ta có khá nhiều kinh nghiệm để thích ứng với cái xứ sở đầy hấp dẫn đồng thời quỷ quái này. Bonard bảo Pierre:

- Xứ Bắc Kỳ có sáu tháng thiên đường và sáu tháng địa ngục. Sáu tháng thiên đường bắt đầu từ tháng mười cho đến tháng ba năm sau. Sáu tháng địa ngục kéo dài từ tháng tư đến hết tháng chín. Địa ngục là mùa nóng nực. Một cái nóng khủng khiếp. Nhiệt độ cao và độ ẩm cũng cao. Không gian hầm hập như cái nhà tắm hơi nóng. Suốt ngày, mồ hôi vã ra. Người châu Âu đến đây hay chết vào mùa này. Bây giờ đang tháng hai. Cậu chuẩn bị tinh thần đi. Tháng tới sẽ vào mùa địa ngục.

Lúc hai người nói chuyện là lúc đoàn khảo sát đang làm việc trên đất Hòa Bình. Không biết anh chàng này có phải là ma cũ dọa ma mới không, chứ nghe cái giọng nghiêm nghị của anh ta thì kinh khủng thật. Bonard bảo rằng:

- Có ba điểm cần luôn chú ý. Thứ nhất: Phải giữ cái đầu. Đầu luôn luôn phải đội chiếc mũ thuộc địa. Đó là chiếc mũ trắng rộng vành trứ danh bằng li-e. Có nó, ta mới chống được cảm nắng. Chính mắt tớ đã trông thấy một gã trung úy bị say nắng. Hắn đang ngồi trên lưng ngựa, thế mà đột nhiên gã bỗng gục xuống, ngã từ trên lưng ngựa xuống đất, bọt mép sùi ra, chết đứ đừ tức khắc. Thứ hai: Không bao giờ ăn uống linh tinh. Dù khát đến mấy cũng không uống nước suối. Ở miền nhiệt đới vi trùng thương hàn, dịch tả, và nhất là kiết lỵ có mặt ở khắp mọi nơi. Người da trắng mắc bệnh kiết lỵ rất khó

cứu chữa. Thứ ba: Ngủ phải mắc màn. Nếu không sẽ mắc sốt rét. Nếu sốt rét ác tính, coi như gửi xác ở đất này.

Pierre tròn mắt sợ hãi, anh như nuốt từng lời nói của người lính cựu. Mấy hôm ấy, đoàn khảo sát đang đo đạc vùng ven sông Đà. Đồn điền của Philippe ở gần vùng này, song Pierre chưa tiện dịp tới thăm.

Thực ra, đoàn khảo sát này là một đoàn hỗn hợp. Thành phần gồm: tổ đo đạc có Pierre, Bonard; bác sĩ Roger - nhà nghiên cứu sốt rét; nhà dân tộc học René de Fromentin, chuyên gia về Mường - Việt. Đoàn trưởng là viên trung úy Louis. Ngoài ra, còn phải kể tới năm người bản xứ làm công việc lao động, khuân vác, hai con ngựa thồ và một chiếc xe trâu.

Nhà dân tộc học René trạc bốn mươi, nhỏ thó, cận thị với chiếc kính mắt dày cộp. Ông René mới gặp thấy khó hiểu, khó gần. Pierre cứ tưởng đó là một con người kênh kiệu, chán ngắt, hóa ra không phải. Lúc đầu, khi mới quen, ông ta lúng túng. Ông là loại người không biết cách làm quen để hòa nhập ngay với kẻ khác. Nhưng khi đã quen rồi, ông René rất cởi mở. Và khi quen đã lâu, thì sự cởi mở ấy lại đi đến chỗ quá tự nhiên; thậm chí ông bác sĩ còn nhận xét là ngài René nói hơi nhiều. Quả thực, ông René hay nói, nhưng không phải nói để cho người ta sợ như thiếu úy Bonard đã làm. Cách ông René nói là cách để cho những anh lính thuộc địa mới toanh như Pierre được yên tâm. Cuối cùng, Pierre lại thấy yêu quý, thậm chí có thể nói, thấy mê cái con người gầy gò đó.

Ngài René de Frometin sang Đông Dương đã được bảy năm. Một thời gian khá dài đối với một người bình thường, nhưng đối với nhà học giả thì vẫn chưa đủ, bởi vì theo

ông nói, còn nhiều thứ để ông phải học quá. Trong quãng thời gian ấy, ngoài làm việc, ông còn học nói được thành thạo hai ngôn ngữ Việt và Mường. Thậm chí ông còn đọc được cả chữ Trung Hoa, một thứ chữ mà Pierre thấy bí ẩn và rắc rối, cứ như thứ chữ vẽ bùa. Pierre hỏi René:

- Người ta sang Đông Dương để làm giàu. Còn ông, không kinh doanh sao có thể giàu có.

- Tôi cũng giàu thêm lên nhiều chứ. Tôi tự làm giàu cho kho tàng kiến thức cá nhân. Chúng ta vẫn lớn tiếng nói với thế giới rằng: chúng ta sang xứ Bắc Kỳ này là để khai hóa cho người An Nam còn chìm trong bóng tối. Đấy là ý kiến của các nhà thuộc địa. Còn tôi, tôi không đi khai hóa, tôi sang đây để học làm giàu cho riêng mình. Ý kiến này có vẻ vị kỷ đấy, nhưng với tôi nó thích hợp.

- Ông học được điều gì?

- Học được tính khiêm nhường, lễ độ, học được sự cam chịu.

- Cam chịu mà cũng phải học ư?

Cuộc trò chuyện giữa Pierre và René diễn ra trong một đêm không trăng, chỉ có rất nhiều ngôi sao sáng nhấp nháy trên bầu trời trong veo, cao vút. Họ ngồi ngoài rìa một khu rừng, trên một đồi cỏ, tại xứ Mường ven sông Đà. Muôn vàn con sâu bọ, có thứ cánh cứng có thứ cánh mềm; muôn vàn con ếch nhái: ếch ộp, ễnh ương, chẫu chuộc, nhái xanh, nhái bén; rồi muôn vàn con dế: dế trũi, dế cánh, dế mèn; thậm chí cả muôn vàn con giun đất; loài giun cũng có cách phát ra tiếng nói riêng: chúng đào bới cựa quậy, xáo trộn, tạo ra những tiếng xào xạc lá cỏ, bởi vì đất chuyển động thì cỏ chuyển động mà lá rung rinh. Cộng thêm vào những tiếng động đêm đen đó là những tiếng phần phật đập gió của muôn

vàn con dơi và tiếng vù vù của những con bọ bay. Đêm hiền dịu cho phép muôn loài được lên tiếng, cho phép mọi sinh linh được bình đẳng cất tiếng nói của mình, để cuối cùng tạo nên bản đại hợp xướng phồn thực, âm thầm. Bản đại hợp xướng ẩn ngầm đó, Pierre đã bắt chợt bắt gặp và cảm nhận được trong đêm rừng nhiệt đới. Cái đêm đen kịt, tưởng như chẳng có gì trong đó, thực ra chứa đựng rất nhiều thứ. Pierre chợt có cảm nghĩ khác thường: chính cái đêm đen ấy, chính sự phồn thực bí nhiệm và tưởng như tầm thường ấy có một sức mạnh ghê gớm mà ta không lường hết được. Ông René, lập lòe điếu thuốc trên môi. Ông không trả lời, bình luận ý nghĩ ấy của chàng trai. Pierre gặng hỏi lại câu hỏi từ lúc nãy:

- Sao lại nói học sự cam chịu?

Nhà dân tộc học như một thầy phù thủy, ông đã đoán được những ý nghĩ của chàng trai:

- Thì anh đã hiểu rồi đấy. Đêm đen đã giảng dạy cho anh. Chúng ta phải biết cái thân phận nhỏ bé của mình. Sự cam chịu như chiếc áo khoác tàng hình che đậy cái bên trong tiềm tàng bùng nổ dữ dội.

Cả hai người lại im lặng. Ôi! Cái phương Đông đầy bí ẩn mà sao chúng ta cứ coi thường. Gió rừng hiu hiu thổi. Muôn thứ hương đột nhiên trỗi dậy. Khứu giác của con người vốn đã bị cùn nhụt đi vì cuộc sống tiện nghi ít phải dùng đến nó. Hay là bởi phương Tây giá lạnh làm teo tóp thứ giác quan nguyên thủy đó chăng. Do đó sự cảm nhận tinh tế mùi hương không có điều kiện để phát triển. Người ta bảo ở xứ nhiệt đới, sự lúc nhúc, sự phồn thực nằm nhiều trong không khí. Đêm nay, khứu giác vốn bị teo tóp của Pierre, đã bao năm ít dùng đến, hình như

bỗng dưng thức giấc. Một thứ hương ngọt ngào chợt bay qua. Hương thức dậy mới đầu lãng đãng, e ấp như cô gái mới dậy thì, sau đó nó dào dạt, rồi tới chỗ cuồng nhiệt. Thậm chí có lúc hương trở nên ngọt ngào, nức nở... Rồi thì bỗng nhiên, nó lại tan đi rất nhanh. Cứ tưởng như trong mơ và hương ấy chưa hề xuất hiện. Bởi vì bây giờ tất cả lại như không, không khí vẫn trong trẻo song nó đã quay trở về cái vị trung gian nhạt nhẽo. Nhà dân tộc học giải thích:

- Mùa xuân ở đây có vô vàn loài hoa. Rừng nhiệt đới rất nhiều hoa phong lan. Có khu rừng nguyên sinh, cây vươn lên rất cao; và ở tất cả các cây cao ấy, ngọn nào cũng có phong lan. Ngoài loài phong lan ký sinh sặc sỡ và rực rỡ đó, rừng còn biết bao thảo mộc có tên và không tên khác. Có những cây, hoa li ti chỉ bằng đầu que diêm, có những cây, hoa xòe như bàn tay; có thứ lại là những chùm uốn rủ. Mùa xuân ở đây, hầu như toàn bộ cây rừng trổ hoa chẳng sớm thì muộn. Chúng tạo thành hội hoa tưng bừng chỗ trắng, chỗ nâu, chỗ đỏ rực, chỗ vàng chóe, chỗ sặc sỡ, chỗ tưng bừng. Gió thổi, tung phấn hoa lên trời. Phấn hoa trộn vào không khí để lan tỏa, để mời gọi bướm ong côn trùng đến tạo ra mùa sinh nở, mùa giao hoan phồn thực ngọt ngào vĩ đại. Các sinh vật ở đây đều sinh sôi rất mạnh là thế đó. Cũng có thể thứ phấn hương ấy còn có tác động mạnh đến con người mà ta chưa biết đến chăng. Anh có để ý đến cách tung hương của hoa rừng lúc nãy không? Nó giống một vũ điệu giao hoan. Vũ điệu tình yêu của con đực và con cái. Mới đầu là múa vờn, nhẹ nhàng và ve vuốt. Rồi đến nhịp nhàng êm dịu, cái háo hức cứ tăng dần cho tới khi đạt tới đỉnh điểm

cuồng nhiệt và chiếm đoạt. Nhận và cho tất cả, để rồi cuối cùng no nê và tĩnh lặng...

Điếu thuốc lá trên môi René de Frometin lập lòe. Cuối cùng, ông thì thầm vào tai Pierre:

- Ở xứ phương Đông, còn nhiều điều bí ẩn mà ta chưa biết hết. Ta đi khai hóa cho họ, nhưng ta đã hiểu gì về họ. Trông cái bề ngoài cam chịu nhẫn nhịn ấy, nhưng ở bên trong nó còn ẩn giấu những gì ta đâu có biết. Ở rừng có lắm cơn giông tố thật bất ngờ.

Sau đó, hai người im lặng rất lâu. René và Pierre không nói để cảm nhận, để nghe hương của đất cựa mình, trỗi dậy, tràn ra. Cái thứ hương lạ lùng ấy - nhà dân tộc học bảo - hiếm khi ta cảm nhận được lắm. Hai người cứ ngồi rình đến quá nửa đêm, căng tai căng mũi ra mà cũng không gặp được nó. Cái đêm gặp gỡ trứ danh ấy với nhà dân tộc học René đã cho Pierre biết thêm một điều: đất cũng có hương. Pierre biết rằng trong đất có tỉ tỉ ức ức những con sâu bọ, côn trùng, giun dế, đất là quê hương, nơi trú ngụ của chúng. Ở đó, chúng đào bới xáo trộn, chúng tranh giành chiếm đoạt. Tất cả vì sự tồn vong.

Hương đất ra sao? Có phải nó hăng hắc ngai ngái? Có phải nó ngọt ngào ngầy ngậy? Có phải nó là mùi của lá chết, cỏ nát. Có phải nó là mùi dịu dàng hấp dẫn, như lời ru của mẹ, mời gọi ta hai tay buông xuôi, trở về vĩnh hằng, vuốt ve làm mắt ta nhắm lại cam chịu số phận cát bụi. Tiếp cận với đất có khi ta thở phào, có khi rưng rức. Tay bốc nắm đất, có người đưa đất lên miệng mà hôn, mà ăn, có người úp mặt vào đất mà nức nở... Rồi có người bằng lòng trở về với đất, và cũng có người thì tung đất lên trời rồi bỗng như mọc cánh bay cao... Đó là sự tiếp

xúc cận kề đối mặt với đất. Và có lẽ chỉ đến phút đỉnh điểm ấy con người mới tìm ra hương đất.

Bên trên là những cảm nghĩ mơ hồ của Pierre về đất. Còn sau đây là những suy nghĩ của ông René về đất. Chúng hệ thống và duy lý hơn:

- Ở xứ sở này, chỗ nào, nhà nào cũng thờ thần đất. Đất cũng có hồn, đó là Hồn Đất. Nó là tổng hợp của những hồn người, hồn ma, hồn cây cỏ, ao hồ, cả hồn đá nữa. Chúng ta thường chê dân bản xứ là vô đạo, thực ra họ là những kẻ phiếm thần giáo. Họ tôn sùng sự bí ẩn, thiêng liêng của tất cả Thiên Nhiên. Mới đầu, tôi cũng như anh đều cho họ là những kẻ tà giáo. Nhưng điều cay đắng mà tôi nhận ra: đó tức là người dân ở xứ này biết hòa vào thiên nhiên. Họ tự nhiên hơn chúng ta. Vậy thì đúng sai ra sao? Ta đi khai hóa cho họ tức là ta muốn họ biến thành ta. Nhưng chúng ta đã ăn thức ăn của họ, đã uống nước trong suối nguồn của họ, đã ngủ với đàn bà của họ. Ta đã thống trị họ. Ta đã làm cho họ khóc trong lúc chúng ta cười. Vậy thì ai sẽ thành ai. Hãy coi chừng đấy. Sẽ có ngày nào đấy, hồn đất quyết sẽ trả thù. Hồn đất của họ nhiễm vào từng chúng ta, dần dần từng tí một mà chúng ta chẳng hề hay biết. Lúc đó, tâm hồn ta sẽ từ trắng biến thành vàng. Họ cam chịu ư? Họ hèn hạ ư? Hãy coi chừng! Để rồi xem, hồn đất sẽ trả thù.

- Ôi! Sao lại nói thù hận ở đây? Chúng ta là người đi bảo hộ che chở cho họ cơ mà.

Nhà dân tộc học như người say, ông bỗng đứng phắt dậy, cười sặc cười sụa, cười đến chảy nước mắt, cười đến văng cả chiếc kính cận thị ra bãi cỏ, khiến Pierre phải bò lồm cồm, mò mẫn trong bóng tối tìm kính cho ông. Còn

René, ông như kẻ mù lòa, quờ quạng hai tay trước mặt. Ông vẫn cười:

- Tôi là kẻ cận thị, đúng! Tôi là kẻ quáng gà, thậm chí kẻ mù lòa...

*

* *

Pierre rất sợ hổ. Người ta đồn rằng ở xứ sở này hổ nhiều như rươi. Đi qua đồi cỏ tranh, những người thổ dân khuân vác được gọi là cu li bảo mỗi người phải lấy hai thanh nứa cọ xát vào nhau, rồi đập vào nhau để đuổi hổ. Tất cả đều phải nghe theo. Vậy là, mười người với mười bộ gõ tạo ra những tiếng kèn kẹt ghê người, và những tiếng lách cách rộn ràng núi rừng. Núi dội âm thanh trở lại làm cho tiếng lách cách càng thêm ồn ĩ. Tiếng lách cách chẳng nhịp nhàng, chúng là những tạp âm lộn xộn, thứ âm nhạc ghê ghê của loài ma rừng. Những đàn chim đầu đỏ, ức và bụng cũng đỏ, chỉ có cánh là vàng và xám, thỉnh thoảng lại vút lên từ những rừng tre, tạo thành những đám mây chim màu hồng chập chờn bay trên những quả đồi trọc.

Đến chặng nghỉ cũng chẳng được yên. Tiếng lách cách im đi, thay thế vào đó người ta kể chuyện hổ. Những con hổ trắng, hổ xám thành tinh báo oán. Chúng chẳng sợ gì, dám tấn công cả người da trắng. Vậy là cái không khí rờn rợn, bí hiểm cứ bám lấy Pierre cho tới lúc lại lên đường. Lúc này, trung úy chỉ huy tổ chức đoàn người cẩn thận hơn. Đi đầu là mấy con ngựa thồ, tiếp đến là đoàn cu li, theo sau là thiếu úy Bonard, chuẩn úy Pierre cầm súng, rồi tiếp nữa là bác sĩ và ngài tiến sĩ René, đoạn hậu là trung úy trưởng đoàn cùng chiếc xe trâu. Bây giờ, chỉ còn

ông tiến sĩ René, ngài bác sĩ và những người gùi hàng gõ thanh nứa. Lúc này tiếng gõ nghe chừng rộn ràng hơn. Thiếu úy Bonard vẫn vui chuyện:

- Khi vào rừng, tốt nhất ta nên đi cùng một người bản xứ.

- Đi cùng một người da trắng không được sao? - Pierre hỏi.

- Không được! Tốt nhất vẫn là người bản xứ.

- Tại sao vậy?

- Tại vì hổ thích ăn thịt người bản xứ hơn.

- Tại sao hổ lại thích ăn người bản xứ? - Pierre cố hỏi cho rõ.

Bonard chưa kịp trả lời, nhà dân tộc học René hình như cũng hứng thú liền xen vào câu chuyện:

- Có phải vì người da trắng là giống người làm việc trí óc, thịt không ngon. Còn người bản xứ là giống người làm việc cơ bắp nên thịt ngon hơn. Dĩ nhiên hổ là giống sành ăn phải về người bản xứ trước tiên.

- Đúng vậy! - Bonard gật đầu tỏ vẻ khoái trá.

Nhà dân tộc học bỗng cười to ha hả, cười đến chảy nước mắt, cười đến văng cả kính giống như lần trước. Ông lại biến thành kẻ mù lòa. Khi bỏ kính ra, đôi mắt ông lờ đờ, lồi ra như hai con ốc nhồi. Ông lại giơ hai tay ra phía trước quờ quạng dò dẫm như người mù, miệng kêu lên:

- Anh Pierre! Giúp tôi với.

Cả đoàn cười vang. Tiếng lách cách ngưng lại. Họ quên mất cả sợ hổ. Cả đoàn dừng lại, chờ Pierre vào đám cỏ tranh, tìm kính cho ông René.

*
* *

Sớm hôm sau, đoàn người lên đường đến một tọa độ mới. Nhiệm vụ mấy người lính là phải vẽ xong bản đồ địa hình khu vực này. Đáng lẽ phải làm xong từ mấy tháng trước, song viên công sứ báo về nói tình hình chính trị ở khu vực này vẫn chưa ổn lắm nên đoàn khảo sát không đến được. Còn bây giờ, ở đây đã hoàn toàn yên tĩnh nên công việc phải tiến hành thật nhanh. Chỉ còn khoảng hơn ngày đường nữa là đến được nơi đã định.

Lúc sương tan, người dẫn đường bắt đầu mở lối. Phải mở rộng thêm con đường mòn cho xe trâu đi vào. Con đường đất, vì mưa to, trở nên nhão nhoét. Lúc này trời nắng, đất khô đi chỉ còn để lại những vết chân trâu. Hai bên đường là những đồi lau, đồi sim nơi mọc đầy những cây hoa ngũ sắc màu đỏ, vàng, tím. Pierre trông thấy cả một quả đồi hoa ngũ sắc như một mâm hoa lùm lùm rất đẹp.

Những người trong đoàn đều đã dạn dày rừng núi, cho nên trang bị của họ rất gọn gàng. Phần lớn họ đội mũ lá rộng vành, chân đi đất. Cả đến nhà dân tộc học René cũng mặc quần dài buộc túm cổ chân và đi chân không. Họ chịu khổ rất giỏi, có thể ăn bất cứ thức gì ăn được, có thể ăn uống như thổ dân; có thể ngủ bất cứ nơi nào ngủ được, có lúc ngủ quanh bếp lửa nhà sàn, có lúc đốt đống lửa rừng lên và cắm lều trại chung quanh.

Chỉ riêng Pierre, anh chàng mỏ trắng, là vất vả thôi. Hành lý thì cồng kềnh, trên đầu thì chiếc mũ sắt nặng trịch, dưới chân thì đôi ghệt da cứng quèo (có lẽ bằng da trâu). Do vậy nên mới đi được hai hôm, Pierre đã khập khiễng. Ông René bảo:

- Bỏ mũ sắt đi, kiếm chiếc mũ lá đội cho nhẹ. Nhất là đôi chân, phải tập dần dần sao cho cuối cùng gan bàn chân thành chai, có thể bỏ giày ra đi đất được như chúng tôi. Hãy tập như sau: Mới đầu có thể đi đôi tất len không giày. Đi một hai hôm tất rách thì xé áo, xé quần lấy vải mà buộc lại. Đi chừng một vài tuần sẽ quen. Nên nhớ, ở xứ Bắc Kỳ này phải tập chịu khổ, sự tiện nghi quá dễ sẽ giết chết anh, chí ít nó cũng vô hiệu hóa anh. Nếu không chịu đựng được, anh sẽ là kẻ vô dụng, suốt ngày rên la. Cuối cùng, anh sẽ chết, hoặc xin quay về Pháp.

Pierre đâu có thể chịu thua dễ thế. Anh bỏ giày, đi bằng đôi tất. Quả nhiên, lúc đầu, thấy dễ chịu thật. Nhưng đi được nửa buổi đôi chân của Pierre nóng như lửa, bỏng rát. Anh chống gậy cắn răng mà đi. Trung úy trưởng đoàn thương tình, bỏ hàng ở lưng ngựa thồ vào xe trâu, để ngựa cho anh cưỡi. Giống ngựa này là giống ngựa nhỏ, chỉ cao bằng con la bé, khi Pierre cưỡi hai chân anh gần sát đất. Vả lại, anh vừa nặng vừa cao lêu nghêu, con ngựa mang anh khó hơn thồ hàng rất nhiều. Con ngựa không quen, tỏ ra bất mãn với thứ hàng lạ trên lưng. Nó hục hặc, hí lên rồi lắc mạnh. Con ngựa phản ứng bằng cách chạy nhấng lên, nó muốn hất anh xuống đất. Hất mãi không được, nó đứng yên, ì ra, đánh roi vào đít cũng không chịu đi, chỉ hí vang. Cuối cùng, Pierre đành đi bộ. Ông René chặt hai cành cây có chạc làm hai cái nạng. Ông an ủi:

- Hãy chịu khó. Tối nghỉ, ngâm chân bằng nước nóng, chỉ mai kia là quen thôi.

Quả nhiên, hôm sau rồi đến hôm sau nữa, chân anh dần dần thích ứng.

Có bận, đoàn mệt nghỉ lại bên đường, bỗng gặp một

đoàn người chiêng trống tưng bừng, tiền hô hậu ủng, đi tới. Thấy có lọng che, Pierre nghĩ chắc một ông quan bản xứ vi hành qua. Dè đâu lại là đoàn vi hành của ông công sứ người Pháp. Ông này sang Bắc Kỳ chắc đã lâu nên học được sự khoa trương của các ông quan An Nam. Quan công sứ vi hành bằng võng. Chiếc võng đan bằng sợi tơ tằm nhuộm đỏ, treo trên một cây gỗ sơn màu cánh gián. Quan vắt vẻo ngồi trên võng, trên đầu là cái mui trông như chiếc thuyền nhỏ úp ngược. Mui đan bằng tre rồi trát bằng thứ vữa nhẹ, phủ sơn mài bóng loáng, màu đỏ. Đám rước ngài công sứ người Tây có chiêng, trống, cờ, quạt dẫn đầu. Võng đi giữa. Cuối cùng là hai tiểu đội lính bảo vệ bồng súng đi ắc ê. Lính bảo vệ mặc quần áo trắng toát, đầu đội mũ có ngù đỏ. Đoàn vi hành thật nhiều màu sắc, trông ngộ nghĩnh rất vui mắt. Nó sặc sỡ như một con chim rừng lạ lẫm. Cái võng điều mui đỏ như một bông hoa chói lọi mọc trong núi. Bông hoa ấy chung quanh là màu trắng, màu vàng, màu xanh. Nó nửa Tây nửa an-na-mít. Nhà dân tộc học nhìn đám rước diễu qua, cười khục khục trong cổ họng. Ông bảo Pierre:

- Anh coi chừng. Sống ở đây vài năm, con người dễ bắt chước con công, suốt ngày khoe múa mà không biết chán.

Ngài công sứ gặp đoàn khảo sát, liền ra lệnh hạ cáng. Louis viên trung úy trưởng đoàn đứng nghiêm cứng đơ chào ngài công sứ theo kiểu nhà binh. Quan công sứ úy lạo:

- Các ông đi từ tỉnh, đến được vùng này là rất tốt. Rất tốt! Có nghĩa là ánh sáng văn minh đã đến được xó rừng này. Các ông tận mắt nhìn thấy đấy. Tôi đã du hành bằng võng trong rừng, ở đây đã rất an toàn. Chúc các ông mã đáo thành công.

Đoàn người tiếp tục hành trình, trong tâm lý vô cùng hào hứng. Đám rước ngài công sứ tuy có sắc thái vênh vang pha chút hài hước - Cả đoàn cứ cười giòn và bàn tán mãi, vì ở nước Pháp họ chưa hề bao giờ gặp một đám rước tương tự - Tuy nhiên nó lại có tác dụng rất lớn trong việc xua tan những nghi hoặc và phấp phỏng của mọi người. Đám rước ấy toát lên sự an toàn, và sự chiến thắng của người Pháp là hoàn toàn và thật sự. Những thoáng nghi hoặc cuối cùng cũng bay đi hết, khi đoàn người cảm thấy khu rừng nhiệt đới như bỗng cất lên tiếng hát.

Ở rừng nhiệt đới thường rất im ắng. Có lúc sự im lặng cứ như chết khiến người ta sởn tóc gáy. Song đôi khi, tiếng động bỗng nở rộ. Tiếng động bất thình lình nổi dậy, cứ như thể có một nhạc trưởng vô hình nào chỉ huy. Không phải tiếng động mà là một dàn nhạc rừng, có lớp lang hẳn hoi. Pierre mường tượng khi cái gậy chỉ huy giơ lên là tiếng suối rừng tạo thành một cái nền âm thanh rì rào. Bắt đầu là tiếng con bách thanh líu lo. Rồi tiếp đến bầy khỉ bị kích động, một con cất tiếng kêu kéo theo một đàn kêu, một đàn kêu gọi toàn thể khỉ trong rừng có lẽ đến vài ngàn con cất tiếng khẹc khẹc ở khắp bốn phía. Thế là hàng vạn con chim nấp trong những vòm lá rậm rạp đều cất tiếng hát. Rừng hát hay rừng động. Tiếng ca hát hay rừng báo hiệu một thế lực mạnh mẽ vô hình nào đó xuất hiện...

Pierre không biết, nhưng thực bụng anh rất thích thú. Rừng nhiệt đới đã mê hoặc người họa sĩ. Anh vẽ ký họa rất nhiều. Cứ đến mỗi đợt nghỉ anh lại hí hoáy vẽ. Đôi mắt anh như chiếc máy ảnh. Dọc đường đi, nó ghi lại bao nhiêu cảnh, bao nhiêu màu sắc. Anh nghĩ: Chả thế

mà Gauguin đã bỏ cả châu Âu tiện nghi để đến Tahiti. Những bữa tiệc màu sắc luôn thiên biến vạn hóa trước mắt anh. Anh cho rằng viên công sứ cũng là người cảm nhận màu sắc như anh. Đứng ở góc nhìn của người châu Âu, người ta thấy đám rước ngài công sứ là lòe loẹt, thiếu tinh tế, vênh vang, hài hước. Nhưng ở góc độ người họa sĩ, màu sắc đám rước thật đẹp. Núi rừng đang bằng phẳng một màu xanh lá cây, đột nhiên xuất hiện màu trắng của đám lính, màu vàng, tím của những lá cờ, lọng che. Rồi màu đỏ của cái võng điều xuất hiện làm núi rừng ấm hẳn lên. Đây không phải màu đỏ chót chói chang mà là màu đỏ của thứ sơn đã được pha nâu làm dịu đi. Pierre hiểu viên công sứ hơn các người bạn của mình.

Rừng vẫn hát. Pierre cho rằng đó là lời chào mừng của rừng đón tiếp đoàn. Nhưng mấy người cu li khuân vác lại có vẻ sợ với những đôi mắt lấm lét. Họ lại cho rằng có một âm hồn nào đó vừa mới ngang qua khu rừng. Và rừng cất tiếng hát là để chào đón âm hồn bí mật đó, chứ không phải chào đón đoàn khảo sát. Đám người Pháp độ lượng mỉm cười vì những ý nghĩ quá ư thơ ngây của những con người khốn khổ này. Họ nghèo khó quá, sự nghèo khó đã dìm họ vào đêm dài mê muội. Họ bị đắm chìm trong bóng tối, đến nỗi ở chỗ nào họ cũng thấy bóng dáng những thần linh, ma quỷ. Bất cứ điều gì khác thường, đối với họ, đều là dấu hiệu xuất hiện của một thế lực siêu nhiên.

Pierre lại càng cảm thấy thương cho họ khi đoàn khảo sát gặp một chiếc nhà mồ. Đó là một chiếc lều nhỏ làm theo kiểu nhà sàn. Chung quanh lều ở bốn góc cắm bốn cành tre. Trên đầu các cành tre, treo những dải giấy đỏ, vàng thõng xuống. Trên các tờ giấy, vẽ những chữ ngoằn ngoèo không ai đọc nổi. Đó là những đạo bùa trấn yểm.

Trên cái sàn nứa ngang mặt người đặt một bát hương với những nén nhang cháy dở. Người cu li già nói bằng tiếng địa phương, giảng giải cho nhà dân tộc học:

- Mồ này rất thiêng. Dân trong vùng gọi là nhà mồ của quỷ không đầu. Có ba người quân của cụ Đốc ngữ bị quan Tây chặt đầu tại đây. Quan Tây mang đầu họ lên tỉnh. Dân Mường đem chôn ba cái xác không đầu tại quả đồi này. Nhân dân trong vùng bảo miếu này là miếu thiêng. Hằng đêm, vẫn thấy ba cái hồn ma trắng toát, không đầu bay trên đỉnh đồi rồi múa lượn. Ai vào rừng, qua đây không chịu lễ bái thường bị các ngài bắt mất hồn vía.

Nghe ông René dịch lại, Pierre càng thấy thương cho những người dân hiền lành chất phác này. Lòng hiu hiu buồn, Pierre cầm cặp vẽ lững thững một mình leo lên đỉnh đồi. Anh định ghi chép lại cảnh đám rước ngài công sứ. René gọi to:

- Cậu lên đỉnh đồi làm gì?

Người cu li nói:

- Đừng lên! Người ta bảo ma cụt đầu thường hiện trên đó.

Pierre quay lại bảo:

- Đừng lo cho tôi.

René nhún vai. Còn Pierre, anh thản nhiên đứng trên đỉnh đồi, ngắm cảnh vật phơi ra trước mặt. Ở đây, nhìn thấy cả những cánh đồng, một con sông như dải lụa trắng ngoằn ngoèo trải trên màu xanh của lúa. Pierre ngồi xuống, anh không vẽ lại đám rước, mà vội vã phác họa cái cảnh yên bình trước mặt. René bắc tay làm loa gọi lên:

- Thôi, đủ rồi, xuống đi.

Còn Pierre, anh vẫn đứng nguyên. Tại sao không

xuống, anh cũng không biết nữa. Chỉ biết rằng lúc đó Pierre thấy rất thoải mái khi đứng ở trên cao. Có cái gì đó làm lòng anh bức bối. Ở trên cao, anh thấy mình được giải tỏa, được sổ lồng. Rồi không biết có cái gì thúc đẩy trong lòng, không biết có cái gì bỗng làm anh phấn hứng vô cùng, để rồi anh làm một động tác, mà những lúc bình thường anh sẽ tự chế giễu mình là lố lăng. Anh bỏ chiếc mũ lá trên đầu ra cầm tay, sau đó quay vòng tròn chiếc mũ lá trên không mà cất tiếng hét vang:

- Hơ hơ hơ!... Hơ hơ hơ!...

Cứ như thể một *conquistador* tìm được đất mới. Cứ như thể một nhà phiêu lưu tìm thấy một kho vàng. Ai dạy anh làm động tác ấy. Hay động tác ấy là động tác kiểu mẫu của tất cả những người thuộc địa, những người đi chinh phục đất mới. Đó là động tác nằm lòng nằm sẵn trong vô thức mà các nhà chinh phục chẳng cần học cũng biết, cũng phát ra vì chợt cảm thấy mình ở trên đỉnh cao.

- Hơ hơ hơ!

Mọi người đều mỉm cười thông cảm khi thấy Pierre biểu lộ niềm kiêu hãnh. Anh đang phấn chấn, hào hứng như vậy, bỗng nhiên nghe thấy một tiếng động nhỏ. Một cái gì quật vào gió thì phải. Có thể là tiếng vỗ cánh của một con chim. Có thể là tiếng gió thổi vào lá. Một tiếng phật nhẹ. Pierre chưa kịp ý thức được điều gì đã xảy ra, thì bỗng cảm thấy nhói một cái. Anh quay nhìn về phía nhói, trông thấy ngay một mũi tên cắm vào cánh tay trái. Mũi tên ngọt lịm làm cho anh chẳng cảm thấy đau đớn. Anh bình tĩnh rút mũi tên ra, nhìn theo hướng tên, bỗng trông thấy một bóng người mặc quần áo chàm. Anh giơ súng bóp cò. Nhưng hình như khẩu súng lục không chịu

tuân theo sự điều khiển của anh nữa. Viên đạn bổng lên trời. Và Pierre chợt thấy đầu óc quay cuồng. Anh loạng choạng bước được vài bước, sau đó ngã gục xuống đất.

Trung úy Louis, thiếu úy Bonard và những người khác hô hoán: "Bắt lấy nó! Bắt lấy nó!". Pierre chỉ nghe thấy đạn nổ liên hồi, và chân chạy rình rịch. Cuối cùng, kẻ bắn nỏ cũng bị trúng đạn và bị bắt. Pierre nằm quay trên đất. Ông bác sĩ Petit nhanh nhẹn tiêm thuốc cấp cứu. Pierre nghe loáng thoáng: "Mũi tên độc", rồi cả những tiếng báng súng đập vào đầu tên bắn lén.

- Mày là ai?

- Tao ghét chúng mày.

- Mày sẽ bị chặt đầu.

- Chết tao cũng không sợ. Tao sẽ là ma. Tao sẽ trả thù.

Một cái thây không đầu thứ tư được chôn ở quả đồi này. Chiếc đầu lâu ròng ròng máu được nhốt trong chiếc lồng gà, treo lủng lẳng bên con ngựa đưa về tỉnh.

Như vậy, tình hình chính trị vẫn chưa ổn. Đoàn khảo sát buộc phải quay về tỉnh. Chiếc đầu lâu được cắm vào cây cọc tre bêu giữa chợ. Còn Pierre được đưa vào nhà thương.

3

Mũi tên tẩm thuốc độc! Thứ thuốc độc chiết ra từ những lá cây rừng, nọc rắn, nhựa cóc... Hỗn hợp ấy được hòa trộn, chưng cô trong một chiếc niêu đất nhỏ rồi đem

tẩm vào dầu những mũi tên của người Mường. Ai bị bắn khó mà thoát chết. May mắn thay cho Pierre, vì có ông bác sĩ Petit đi cùng. Ông mở rộng vết thương, nặn máu độc, rồi lấy giác hút cho hết thứ máu đen, rồi buộc garô, tiêm thuốc giải độc. Do thế, Pierre tuy bị hôn mê song vẫn còn sống khi tới bệnh viện. Anh li bì mê man suốt một tuần. Người ta cho thở ôxy, tiêm thuốc, truyền huyết thanh. Cuối cùng, Pierre thoát chết, tỉnh lại nhưng tay trái bị liệt, và dầu óc thì như ở trên cung trăng.

Ông Philippe Messmer đón em trai về dồn điền. Ông rên rỉ:

- Em ơi! Đất này chỉ dành cho các cố đạo, những kẻ phiêu lưu vong mạng tham vọng làm giàu, những kẻ đi chinh phục thuộc địa, những quân nhân và những nhà quản lý. Còn những nhà khoa học, những nghệ sĩ, những người nghiên cứu chỉ là những kẻ mơ mộng hão huyền. Em không chết trong rừng rậm đã là may mắn lắm rồi.

Pierre ngây ngô nhìn chăm chăm Philippe. Người anh hỏi:

- Em có nhận ra anh không?

Pierre cười và lắc đầu. Philippe cho gọi hai cha con người quản gia là ông Liến và anh Láu tới nói:

- Em tôi bây giờ trở thành ngây ngô. Tôi đã gặp nhiều ông đốc tờ giỏi ở Hà Nội, họ đều chịu bó tay. Ông thử xem người An Nam có cách nào chữa không?

Láu dẫn Philippe Messmer ra chợ huyện. Một người đứng tuổi, có râu, đội mũ ni, mặc áo chàm xanh có khuy tết kiểu Tầu, ngồi vắt chân chữ ngũ trên cái ghế con.

Đằng trước mặt, dưới đất, là hai cái bồ và đám lá lẩu, sau lưng ông ta cắm chiếc gậy ở đầu treo một tấm vải trắng thõng xuống như cái phướn, trên có vẽ hình tròn âm dương. Philippe đã được nghe về con người này. Tên hắn là Hoàng Sùng Lâm. Người ta bảo ông Lâm là quân Thái Bình Thiên Quốc bên Tầu. Quân Thái Bình bị thua bên đó, liền tràn sang nước Nam làm giặc cướp phá mọi nơi. Chủ tướng Ngô Côn của đám tàn quân ấy, bị Ông Ích Khiêm giết chết. Sùng Lâm là một tì tướng, trước đây đỗ tú tài, liền bỏ nghề giặc cướp, không quay về nước, hắn ở lại Bắc Kỳ làm nghề bốc thuốc, đồng thời làm thầy phong thủy. Sùng Lâm vác cái phướn âm dương đi khắp các chợ quê, bắt mạch chữa bệnh ngay ở chợ. Ai thuê xem phong thủy thì nuôi ăn dăm bữa nửa tháng. Hết việc phong thủy, hắn lại gánh bồ thuốc ra chợ. Người ta đồn Hoàng Sùng Lâm chữa bệnh mát tay, lại là người đứng đắn nhân đức, không lừa lọc ai bao giờ. Mật thám ở trên về bảo với Philippe:

- Chúng tôi đã điều tra kỹ. Nếu hắn là quân Cờ Đen thì chúng tôi đã bắt cho dầy ra đảo Côn Lôn. Nhưng đích thực hắn đã hoàn lương. Hắn tỏ ra đứng đắn nên chỉ cần để mắt tới thôi.

Philippe dẫn Hoàng Sùng Lâm về nhà. Ông ta bắt mạch, hỏi han tình hình rất kỹ lưỡng. Thăm bệnh xong, Sùng Lâm bảo:

- Bệnh này tôi không chữa được, nhưng tôi mách ông ở đây có người chữa được.

- Ai mà giỏi vậy. - Philippe hy vọng.

- Chỉ có điều, cách chữa như mê tín quàng xiên. Tôi chỉ sợ quan lớn không chịu chấp nhận cách chữa mà thôi.

- Người ấy chữa như thế nào?

- Bệnh của em ngài không phải ai cũng chữa được. Chỉ có riêng con người đặc biệt ấy mới làm được. Và cũng phải có điều kiện thật đặc biệt.

Thấy Hoàng Sùng Lâm cứ rào đón mãi, Philippe càng sốt ruột:

- Điều kiện thế nào tôi cũng chấp nhận, miễn là em tôi khỏi bệnh.

- Điều kiện là quan lớn phải hoàn toàn tin tưởng, hoàn toàn tuân theo ông thầy. Nếu thấy có điều gì trái tai gai mắt cũng phải chấp thuận. Ông thầy này đã chữa khỏi nhiều người điên.

- Bệnh điên ư? Đúng là em tôi điên thật. Nó cứ ngồi thừ như chẳng có gì xảy ra, nhưng nó bảo ở trong đầu luôn có người léo nhéo suốt ngày. Cái tiếng nói ấy lúc thì ra lệnh: "Hát đi!". Vì vậy nó cứ hay ông ổng hát. Có lúc lại ra lệnh: "Hát thật to lên". Thế là nó phải vừa hát vừa hò hét nhảy nhót. Hát đến khản tiếng, nó phải ôm chặt lấy đầu và kêu đau lắm. Rồi nó rúc đầu vào xó tối, ẩn nấp với vẻ khiếp hãi.

Ông Liến lúc ấy mới xen vào:

- Đúng là chỉ có thầy hộ Hiếu mới chữa được bệnh điên. Duy chỉ có điều hộ Hiếu là em ông Hai Tiết. Lão Tiết có con đi làm loạn, rồi bỏ làng biệt tích. Quan lớn vẫn bảo phải để ý tới gia đình ấy. Tôi không biết quan lớn nghĩ chuyện này có tiện không.

Philippe ngẫm nghĩ rồi nói:

- Có gì mà không tiện. Ai làm người ấy chịu. Ông Tiết

phải chịu trách nhiệm với nhà nước bảo hộ nên ông ấy phải đi lãnh án về. Hai đứa con ông ta cũng thế. Chúng phải chịu trách nhiệm với hành vi của chúng. Còn hộ Hiếu là em ông Tiết, là chú của hai thằng cháu ngỗ ngược. Không lẽ gì ta lại bắt người em phải chịu trách nhiệm về gia đình người anh. Chỉ có điều băn khoăn nhất là liệu lão Hiếu có chữa được bệnh điên không.

- Thưa, được! Nhưng...

- Nhưng làm sao?

- Ông ta... là phù thủy...

- Phù thủy?...

- Vâng! Thầy Hiếu giỏi nhất là khoa trừ tà chữa điên. Quan lớn có nhớ con mẹ Pháo, mõ làng Cổ Đình không? Cái con mẹ mũm mĩm xinh xắn ấy bị mắc chứng cuồng. Suốt ngày, bà ta cởi truồng nồng nỗng đi khắp làng, chẳng biết e thẹn là gì. Ông hộ Hiếu đã chữa cho mụ ta khỏi bệnh. Khỏi xong lại đẻ được một đứa con gái còn kháu khỉnh hơn cả mẹ. Duy chỉ có điều, hỏi bố nó là ai, mụ Pháo chỉ cười.

Tình hình đang nghiêm trọng như thế mà khi nghe Láu nói vậy, Philippe cũng phải phì cười và bảo:

- Chắc lão hộ Hiếu đã ngủ với mụ ta. Tôi nghe các nhà khoa học ở châu Âu nói rằng bệnh điên cuồng của đàn bà có thể chữa khỏi bằng cách cho ngủ với đàn ông. Khốn thay! Pierre em tôi lại là đàn ông. Vậy, lão hộ Hiếu ngủ làm sao được.

Ông Liến nghiêm trang chứ không tếu như anh con trai:

- Điều này thì ngài Philippe phải tin tôi. Chính tôi đã

thật mục sở thị nhiều trường hợp điên cuồng cả đàn bà lẫn đàn ông, đều được ông hộ Hiếu chữa khỏi. Như vậy đâu có phải cách chữa bệnh như lời đồn nhảm nhí kia.

Philippe còn được ông Liến kể cho nghe một câu chuyện rất hoang đường, ông chẳng biết có nên tin hay không.

Ngày xửa ngày xưa, ông hộ Hiếu làm nghề sơn tràng. Gia đình vào bậc trung, nhưng hộ Hiếu thích lang bạt kỳ hồ. Có thể lúc đó hộ Hiếu muốn làm giàu chăng, vì nghề đốn gỗ đóng bè là nghề có thể kiếm ra tiền, tuy nhiều gian nguy.

Một bận, trời mưa to gió lớn, lão bị sét đánh, song không chết. Từ dạo ấy, lão trở nên một con người có tài kỳ lạ. Nhìn vào ai biết được người đó đau ốm chỗ nào. Rồi dùng bùa chữa bệnh. Khi nào lão bị thánh ốp, lúc ấy khả năng chữa bệnh của lão rất cao. Hiện nay hộ Hiếu đang bị thánh ốp.

Philippe nghe giảng giải, ngẫm nghĩ thật lâu rồi mới gật đầu:

- Đúng, ông ta là thầy phù thủy. Ở Pháp không có. Nhưng tôi nghĩ: *"La sorcellerie est la science des forêts"* (Thuật phù thủy là thứ khoa học của những vùng rừng núi). Vùng này bán khai, núi cao rừng rậm, có thể thuật phù thủy ở đây giỏi. Được! Tôi chấp thuận! Cứ thử chữa bệnh cho chú Pierre bằng thuật phù thủy xem sao.

Lúc đó Pierre điên rồ, anh chẳng còn nhớ một kỷ niệm nào về thời gian chữa bệnh với hộ Hiếu. Sau này, người ta kể lại, và những kỷ niệm điên rồ đã loáng thoáng đến trong óc anh. Dạo ấy, lúc nào trước mắt anh cũng thấy một bóng trắng chập chờn. Cái bóng trắng ấy nói trong óc Pierre rõ mồn một: "Nhìn kìa! Dưới sông có một bầy

con gái đang tắm. Hãy xuống đi". Thế là anh vội vàng tuân theo mệnh lệnh, người trần truồng nhảy tòm xuống sông. Bầy tiên nữ cười rúc rích và âu yếm gọi chàng điên "Pie! Pie!". Anh ta bơi đuổi theo bầy con gái. Chợt lũ ấy biến thành những chiếc vú trắng hếu bồng bềnh, bồng bềnh. Rồi chúng lặn mất tăm. Anh ta bơi hoài bơi mãi, những chiếc vú thỉnh thoảng lại nổi lên, lúc đằng trước, lúc đằng sau, với những tiếng gọi "Pie! Pie!". Có lần, Pierre chộp được một đôi vú to nần nẫn. Quái lạ! Sao chỉ thấy vú mà chẳng thấy đầu. Cái vú ôm lấy anh, đút núm vú vào miệng. Pierre mút, bú, rồi như chú bé nghịch cắn vú mẹ. Cái vú đau quá, chắc nổi giận, lặn xuống. Pierre lặn theo. Chợt có đôi bàn tay thít chặt cổ anh. Pierre nhả vú ra, thì nước ào vào miệng. Pierre cố ngoi lên, kêu cứu. Philippe kịp cho thuyền bơi ra sông vớt em lên.

Ngay hôm ấy, không thể chần chừ được nữa, Philippe mang Pierre đến nhà lão hộ Hiếu. Nhà của lão là ngôi chùa đổ. Ngôi chùa bị hư hỏng nặng, đã sụp đổ gần hết chỉ còn một gian. Người ta chuyển hết những pho tượng lành lặn đi một ngôi chùa khác. Chỉ trơ lại độc nhất pho tượng hộ pháp còn lành, nhưng to quá, nên không chuyển đi được. Ông hộ Hiếu nói pho tượng linh lắm. Và chính vị thần ngụ trong pho tượng này đã sai khiến lão hộ Hiếu, mỗi khi lão bị thánh ốp. Pho tượng mặt đỏ, tay cầm thanh long đao, mắt xếch ngược, trông thật dữ dằn.

Vừa đặt chân vào ngôi chùa đổ, Philippe đã trông thấy ngay một ông già gầy nhom. Ông trạc sáu mươi tuổi, mặt nhăn nheo, rúm ró như quả táo khô nên trông

ông già hơn tuổi rất nhiều. Tóc bạc, râu dài cũng bạc. Ông ta có dáng vẻ đang kích động. Đôi mắt long sòng sọc. Lão cầm thanh kiếm đi đi lại lại như con thú dữ bị giam cầm, đang cuồng cẳng. Lão nhìn đám người bước vào, với con mắt nhiều lòng trắng mở to, đảo liên hồi. Người ta bảo ông hộ Hiếu nhịn ăn đã năm hôm rồi, và đã uống không biết bao nhiêu nước trà. Mấy hôm trước, lão đột ngột bị ốp đồng. Hôm ấy, lão ở nhà mụ Pháo. Đến bữa, lão tự nhiên kêu chán ăn. Mụ Pháo biết lão bắt đầu lên cơn ốp đồng, liền vội vàng đưa lão ra ngôi chùa đổ.

Ông Liến chằm chằm nhìn ông hộ Hiếu. Ông Hiếu không hề thay đổi thái độ. Ông Liến giới thiệu quan Tây Philippe nhưng ông ta khác với người thường, chẳng hề sợ. Hộ Hiếu rẽ đám người, đến đứng trước Pierre và chỉ thẳng vào mặt anh chàng mắc bệnh rồi nói:

- Lão Tây mắt mèo bị ma ám rồi.

Philippe thấy thái độ xấc xược của hộ Hiếu đã tức lộn ruột, nhưng cố nén, chỉ ôn tồn hỏi ông phù thủy bằng cái giọng lơ lớ ngọng nghịu:

- Thế loại ma gì ám?

Ông già gầy nhom cười to, rồi giơ tay chỉ vào cái vô hình phía sau Pierre:

- Ma cụt đầu! Kìa nó đang nấp sau lưng lão Mắt Mèo.

Philippe lúc mới đến ngôi chùa đổ còn bán tín bán nghi. Người Tây có ý định nếu lão phù thủy An Nam giở trò bịp bợm để làm tiền, hắn sẽ trừng trị. Nhưng khi vừa nghe hộ Hiếu phán, nói cứ xưng xưng rất dứt khoát, mà lại trúng, Philippe giật mình ngạc nhiên. Bởi vì, chuyện

Pierre bị bắn tên ở quả đồi chôn những tên phiến loạn cụt đầu chỉ riêng mình Philippe biết và ông ta chẳng nói điều ấy với ai. Vậy thì, tại sao hộ Hiếu lại biết Pierre bị ma cụt đầu ám. Chẳng lẽ trò phù thủy hoang đường lại là chuyện thật. Philippe không kịp suy nghĩ thêm, vì những sự việc lạ lùng đang diễn ra trước mắt ông ta.

Lão hộ Hiếu gầy đét đang phấn hứng kịch liệt. Ông ta vung thanh gươm phần phật, rồi oai vệ chỉ thanh gươm vào mặt Pierre:

- Còn đợi gì nữa? Hãy mau quỳ xuống! Chung quanh chùa, ta đã sai thiên binh, thiên tướng vây chặt rồi. Không có kẽ hở cho ngươi trốn chạy.

Từ lúc bị lôi vào chùa, không hiểu sao chân tay Pierre cứ run lên cầm cập, cứ như thể có ai đó chui trong thân thể sai khiến bắt anh phải run. Nghe hộ Hiếu quát tháo, anh tuân theo răm rắp, quỳ hai đầu gối xuống nền chùa như chú học trò bị phạt. Philippe nhíu mày, tỏ vẻ bực mình. Cái cảnh một ông Tây quỳ trước mặt một lão già rách rưới điên khùng, một lão phù thủy An Nam thật là điều Philippe khó chấp nhận. Tuy nhiên cũng đành thôi, vì ngay từ đầu lão hộ Hiếu đã đoán trúng phóc bệnh của Pierre. Hình như ông phù thủy cũng đoán được ý nghĩ ấy. Lão hỏi Philippe:

- Thế nào? Ông có bằng lòng chữa bệnh cho lão Mắt Mèo không? Anh ta bị ma cụt đầu ám nặng lắm. Chữa bây giờ may còn kịp. Chậm vài tháng nữa là điên hoàn toàn không chữa nổi.

Nghe lão nói, chẳng biết hư thực ra sao, song Philippe thấy sợ. Ông vội gật đầu:

- Bằng lòng.

- Thế thì đặt lễ vật xuống ban thờ đức Hộ Pháp và xin ngài rộng lòng cứu giúp.

Ông Liến xăm xăm định vào làm lễ thay ông chủ, nhưng hộ Hiếu gạt đi ngay:

- Phải chính ngài chủ đồn điền vào khấn vái mới dễ linh ứng.

Thế là ông Tây to đùng phải đành lòng thắp hương, cúi đầu, hai tay ngượng nghịu vái trước ông tượng khổng lồ mặt đỏ cầm thanh long đao. Ông khấn bằng cái giọng lơ lớ thật tức cười:

- Tôi cầu xin... Ông Hộ Pháp từ bi... cứu giúp... thằng em khốn khổ của tôi... Tên nó là Pie... còn tôi... là Philippe... anh ruột nó...

Thầy phù thủy mắt long sòng sọc, theo dõi xem cuộc van vái có thành tâm không. Ông nhìn quang cảnh, có vẻ hài lòng. Khi Philippe khấn xong, hộ Hiếu hú to và dài, rồi múa kiếm loang loáng quanh người Pierre. Lão lấy từ chiếc đĩa dưới chân pho Hộ Pháp một đạo bùa đỏ. Philippe nghĩ: "Một tờ giấy khả nghi bẩn thỉu". Nghĩ thế nhưng hắn vẫn im lặng.

Rồi ông ta đem bùa đốt ra tro, lấy tro hòa vào bát nước. Ông bắt Pierre phải uống thứ nước mà Philippe cho là ghê tởm đó. Pierre không chịu uống. Hộ Hiếu bắt Philippe và Liến, và Láu đè ngửa chàng điên ra, bóp họng bắt anh phải mở mồm để đổ nước bùa vào miệng. Pierre giãy giụa chống cự nhưng không nổi. Thứ nước đen sì đó đã trôi qua cuống họng.

Cuối cùng là màn kịch tra tấn con ma cụt đầu. Pierre

bị lột phăng quần áo, căng nọc ra nằm dài trên nền chùa. Hộ Hiếu lấy chiếc roi dâu ở trên bàn thờ xuống. Ông quất liên hồi vào chung quanh người, chủ yếu xuống mặt đất, nhưng cũng có roi quất thật sự vào mông người điên. Đau quắn, Pierre bắt đầu chửi. Chửi bằng tiếng Tây, nhưng xem chừng lão phù thủy cũng hiểu. Thế là lão thật sự quất vào mông vào lưng của Pierre. Đau quá, nóng quá, rát quá, buốt quá. Buốt đến tận óc. Anh không chịu nổi những chiếc roi, cuối cùng đành van xin:

- *Libérez moi. Je sais ma faute* (Thả tôi ra. Tôi nhận lỗi).

Chả ai phiên dịch mà hộ Hiếu cũng hiểu:

- A! Con ma đã biết tội lỗi rồi. Nó xin tha.

Pierre nói hay con ma trong người anh nói? Chẳng biết nữa. Nhưng điều quan trọng là ông ta đã dừng tay trừng phạt con ma. Ông hộ Hiếu hớn hở:

- Khỏi rồi! Con ma cụt đầu đã chịu thua. Nó đã bỏ đi rồi...

Ông hộ Hiếu nói và giơ tay chỉ lên trời. Mọi người nhìn theo, thấy một con quạ đen đang từ cây gạo cao cất cánh bay đi.

Còn Pierre, anh bỗng nhiên nôn thốc nôn tháo, mới đầu là nước đen, sau đó là mật xanh, mật vàng. Suốt một tuần, anh phải nằm sấp, vì những vết roi ở lưng. Cái đau đớn buốt nhói dần dần dịu đi. Cùng với cái đau bay đi, tâm trí anh cũng sáng suốt trở lại. Một tháng sau, Pierre khỏi điên, chỉ có cánh tay trái bị liệt. Xưa kia, anh vốn ít nói, sau trận ốm, anh càng trầm lặng hơn.

*

* *

Nhà dân tộc học René de Frometin đến thăm. Ông ôm lấy Pierre, mừng rỡ:

- Cừ thật! Thế là cậu đã qua cửa ải lễ nhập môn. Cậu định về Pháp nghỉ ngơi, hay nghỉ ngơi tại chỗ.

- Đồn điền của anh tôi đẹp lắm. Ở đây có ruộng đồng, có sông, có núi. Tôi ở tại đây dưỡng bệnh cũng tốt.

- Cừ thật! Bị tên độc mà khỏi, tức là xứ sở này đã chấp nhận cậu rồi. Cậu đã thực sự là người của xứ Bắc Kỳ.

Cũng lúc ấy cha xứ Colombert từ xóm đạo sang chơi. René và Colombert chỉ mới gặp nhau vài lần đã thân nhau ngay. Bởi vì họ có bao nhiêu chuyện để nói, và cả hai người đều có sở thích nói chuyện. René hỏi cha Colombert:

- Trường hợp anh Pierre khỏi bệnh, cha thấy có phải ở đây có phép lạ không?

Cha Colombert suy nghĩ một lúc mới nói:

- Chỉ có đức tin mãnh liệt vào Chúa mới tạo ra phép lạ.

- Nếu không phải phép lạ thì đây là trò phù thủy. Trường hợp này nếu vào thời Trung Cổ chắc lão già chữa bệnh phải lên giàn thiêu.

Cha Colombert rất hiền từ trả lời:

- Bây giờ thì khác rồi. Hồi tôi ở gần biển vùng Thái Bình, có một giáo dân cũng có khả năng lạ lùng. Anh ta có hai bàn tay vàng. Ai đau ở đâu anh ta cứ xoa tay vào là khỏi. Anh ta sợ lắm, tưởng mình bị quỷ ám. Nhiều người nhờ anh chữa bệnh nhưng anh không dám. Tôi bảo anh rằng: "Không phải quỷ ám đâu. Chúa đã ban cho con năng lực ấy, tức là người muốn con đi cứu giúp mọi người, xoa dịu nỗi đau ở thế gian". Anh ta nghe lời và được nhân dân rất yêu quý. Có lẽ trường hợp ông hộ Hiếu

cũng như vậy. Đôi bàn tay ông có một năng lực, tức là Chúa đã phú cho đôi bàn tay ấy một năng lượng bí ẩn. Khi chúng chạm vào đâu, đôi tay ấy có thể làm hài hòa, ổn định lại chỗ đau, sắp xếp lại trật tự thần kinh ở vùng ấy. Việc bùa phép chỉ là hình thức gây tin tưởng cho bệnh nhân. Cái chính ông hộ Hiếu đã gửi năng lượng từ đôi bàn tay vào chiếc roi dâu. Khi đánh roi vào con bệnh tức là ông ta đã chuyển năng lượng ấy một cách mạnh mẽ, ấn tượng vào người con bệnh để sắp xếp trật tự trở lại cho bộ óc điên rồ của anh ta.

Ngài René vỗ tay:

- Tôi không ngờ đức cha lại khoáng đạt như vậy, lại giải thích phép phù thủy bằng lý thuyết khoa học năng lượng.

- Thế còn ông, ông giải thích chuyện này ra sao?

Nhà dân tộc học gật gù cái đầu một hồi, sau đó mới tìm được lời để diễn đạt những ý nghĩ còn lộn xộn trong đầu óc mình.

- Giải thích chuyện này ư? Khó đấy. Khi nghe tin Pierre khỏi bệnh, tôi cứ suy ngẫm mãi mà không tìm được lời giải đáp. Cuối cùng tôi đành phải chấp nhận một cách lý giải có phần siêu hình một chút.

Ông chủ đồn điền Philippe chen vào:

- Siêu hình thế nào?

- Người dân ở xứ này tin rằng mỗi vùng địa lý đều có cái thần riêng của nó, cái hồn riêng của nó: đó là Hồn đất.

- Hồn đất? Đất cũng có hồn sao?

- Đất có hồn chứ. Người chinh phục chúng ta chiếm được đất, tưởng mình là chúa tể ở vùng đất xâm chiếm.

Hồn đất thâm hiểm lắm, nó sẽ trả thù, nhưng đường đi nước bước rất ngoắt ngoéo. Hồn đất đã giơ bàn tay đen ngòm của nó ụp xuống đầu Pierre, người anh em của chúng ta. Thực ra cú đánh đầu tiên này chỉ là đòn nhẹ mở đầu, một đòn cảnh cáo thôi. Hồn đất đã mượn những hồn ma cụt đầu để ám ảnh Pierre. Tiếp theo, lại mượn bàn tay ông hộ Hiếu để giải tỏa cho anh. Oán đấy, sau lại ân ngay đấy. Phải chăng là những lời nhắc nhở, những điềm báo trước. Nó báo rằng sẽ còn những đòn sau, rồi đòn sau nữa. Càng về sau đòn càng mạnh, càng ghê gớm hơn. Nó muốn nói lên: "Cứ thử xem, cuối cùng rồi sẽ ra sao". Tôi ở đây mới bảy năm nhưng tôi biết rằng tôi chẳng thể huênh hoang được. "Đất có thổ công, sông có Hà Bá". Dân ở đây nói vậy. Mỗi dòng sông, mỗi cánh rừng, mỗi tấc đất của họ đều đã chôn vùi bao nhiêu thân xác của tổ tiên họ. Tất cả những thứ đó họp lại tạo ra hồn đất.

Cha Colombert không cười. Ông René qua đoạn thuyết trình dài thì cúi đầu xuống. Chỉ có ông chủ đồn điền Philippe cười lên ha hả:

- Hay thật. Cha cố thì giải thích khoa học; còn nhà khoa học lại biện giải một cách siêu hình. Hay thật! Nhưng theo tôi thì: *"La sorcellerie est la science des forêts"* (Thuật phù thủy là thứ khoa học của những vùng rừng núi).

Không biết ông Philippe đọc được ở sách nào câu nói ấy. Chỉ biết rằng ông nói nó với một lòng tin chắc chắn.

VI
NGƯỜI CỔ ĐÌNH

1

Điều và Nhụ luôn đi bên nhau như hình với bóng. Từ hôm xảy ra cuộc ẩu đả giữa Điều và thằng Cò ở đầu làng, lòng Nhụ dấy lên một tình cảm khó tả. Không ngờ Điều lại gắn bó với nó đến thế. Sự biến ấy có lẽ làm những tình cảm từ sâu thẳm trong lòng người, những tình cảm rất tự nhiên mà con người không để ý tới, không nhận ra sự có mặt của nó, bỗng bộc lộ ra, bỗng trồi lên vừa rõ rành rành, lại vừa như mờ ảo. Tình cảm ấy tên gọi là gì, người ta không biết, nhưng có điều rất rõ là từ hôm đó Nhụ ý tứ hơn, cô giữ gìn để không làm gì phật lòng người anh họ hờ của mình. Cô nghĩ rằng không nên làm gì cho Điều buồn, như thế mới đúng, mới xứng đáng với sự tốt bụng của Điều đối với mình. Không có Điều che chở thì Nhụ sẽ ra sao, có sống nổi ở cái làng này không? Chắc chắn người ta sẽ làm Nhụ khổ. Đừng tưởng rằng các bạn chăn trâu đều tốt cả với Nhụ đâu. Người ta có thể tốt bụng nhưng cũng có thể sẽ sẵn sàng vui thích khi thấy Nhụ khóc. Trong khi ấy, chỉ riêng Điều là người không bao giờ chịu dựng được khi Nhụ khóc. Có lần Nhụ đã khóc. Bận ấy, Điều bứt rứt, cố an ủi cô gái:

- Em nín đi. Đừng khóc nữa. Em nín thì bất cứ em muốn gì, anh cũng sẽ chiều em.

Để cho Nhụ hoàn toàn hòa mình với Cổ Đình, Điều dẫn cô gái đi khắp xó xỉnh trong làng. Điều dọc câu ca:

Đầu làng có một cây đa.

Cuối làng cây gạo, ngã ba cây đề.

Trước tiên, Điều dẫn Nhụ đến cây đa đầu làng. Một cây đa cổ thụ trứ danh, gốc to chục người ôm không xuể. Nó là niềm kiêu hãnh của Cổ Đình. Một cây đa vừa hùng vĩ, vừa dẹp, người trong vùng ai cũng biết. Người ta dùng nó làm điểm xác định vị trí. Ví dụ: "Làng tôi là làng Già, cách cây đa Cổ Đình hai cây số về phía đông"; hay là: "Đồn điền Mắt Mèo ở trên đường về Cổ Đình, cách cây đa ba cây số", v.v... Người ta bảo chắc cây đa phải đến trên ba trăm năm tuổi. Tán của nó phải che kín mẫu đất. Cây đa cao to sừng sững, đứng ở tít xa đã trông thấy ngọn của nó vươn lên khỏi lũy tre làng. Cây đa thiêng thành thử lũ trẻ chăn trâu chẳng đứa nào dám nghịch ngợm leo trèo. Bốn cái rễ phụ ở bốn phía đâm xuống đất lâu ngày dần lớn lên thành bốn thân cây nhỏ khác, tuy nhỏ nhưng cũng phải bằng cột nhà. Các cụ bảo đó là bốn quân hầu, tứ trụ triều đình phò tá thần cây. Ngoài ra, còn nhiều rễ phụ khác, có những rễ nhỏ như ngón tay, ngón chân, có những rễ li ti nhỏ như chân hương, như sợi chỉ thõng rủ xuống tạo thành những mớ tóc dài. Trên những chùm rễ phụ, người ta buộc những ông bình vôi, trong bụng đã đặc kịt. Lũ ông bình vôi lủng lẳng ở khắp mọi cành, cái treo cao, cái treo thấp. Đêm xuống, gió to, lũ ông bình vôi đu đưa, trông xa lờ mờ như những dầu lâu bị treo tóc ngược lên. Chúng đánh võng trong những đêm đông, va vào nhau lốp ca lốp cốp.

Vì ít có người đi lại ở gốc, nên những rễ đa bò lổm

ngổm trên mặt đất ở khắp nơi dưới bóng cây. Có những rễ nổi lộ ra, có cái nửa chìm nửa nổi, có cái lại sùi to ụ lên, có cái ngoằn ngoèo uốn lượn như những con rắn. Điều là anh con trai táo tợn, nhưng cũng chẳng muốn vào gần sát gốc, ở đó rễ chồng chất lên nhau, tạo ra những lỗ hổng, hang hốc. Người ta bảo nhiều rắn làm tổ tại đây. Dân làng, có người nói đã trông thấy một đôi rắn trắng, mào đỏ, to hơn cổ tay, dài như đòn gánh. Dân làng thì thầm: "Đó là đôi ngựa để ngài cưỡi đi tuần quanh làng xóm".

Sau vụ cụ Đốc Ngữ khởi quân đánh Tây, mấy chục nghĩa sĩ bị bắt, đã bị chặt đầu dưới gốc đa này, rồi còn bị treo đầu bằng tóc vào rễ đa, theo kiểu những ông bình vôi. Sau vụ thảm sát ấy, xóm làng còn bị một trận dịch tả tàn sát. Sau hai tai họa đổ xuống đầu, xóm làng tiêu điều xơ xác.

Khi hộ Hiếu nhập đồng, mấy cụ già trong làng đến hỏi:

- Làng ta bị động to phải không?

Ông hộ Hiếu trả lời:

- Đúng! Chùa thì đổ rồi, nhưng làng ta vẫn còn đình thờ thành hoàng, và còn cả thần cây đa nữa. Phải kính cẩn hương khói phụng thờ các ngài để các ngài che chở cho.

Dân làng bèn đóng góp, xây bàn thờ tại gốc đa. Bàn thờ ở gần gốc đa, cách gốc chừng năm mét. Ban thờ gồm hai bậc. Bậc trên xây hình cái ngai, ở đầu hai tay vịn là hai cái đầu rồng. Trên ngai đặt bài vị bằng đá trên khắc bốn chữ "Đại thụ linh thần". Bậc dưới có lọ cắm hoa, bát hương; đó là nơi đặt đồ cúng lễ. Lúc nào trên ban thờ cũng thấy đặt nậm rượu, và dăm trăm vàng hoa ngũ sắc.

Điều nói nhỏ với Nhụ:

- Đêm khuya thanh vắng, gió thổi vào lùm cây, lá đa reo lên như hú. Lá vàng rụng lả tả. Chính lúc ấy là lúc các cô ngự về làng chơi.

- Các cô là ai? - Nhụ hỏi.

- Là những người đàn bà đẹp chết trẻ, hoặc chết oan khuất. Các cô được sung vào làm lính. Các cô đồng trinh thì được đưa đi hầu Thánh Mẫu ở đền bên kia sông. Còn những bà nạ dòng thì được đưa ra đây hầu hạ vị đại thụ linh thần. Các cô thường đánh võng trên cây đa, đưa tít bổng lên trời. Có đêm thanh vắng, trong làng cũng nghe thấy tiếng kẽo kẹt, và cả tiếng ru con véo von thánh thót. Lúc ấy chó cũng không dám sủa, còn người thì dựng tóc gáy.

- Đã bao giờ anh trông thấy các cô chưa?

- Rồi! Một buổi tinh mơ, anh đi nhấc đó đơm cá, ra đi lúc trời còn tối mịt. Qua gốc đa, anh nín thở, cắm đầu cắm cổ chạy cho mau. Thấy ở gốc cây đa, nhô ra ba cái bóng: một áo vàng, một áo đỏ, một áo xanh. Các cô tha thướt như bay. Ba cô đều vấn tóc bỏ đuôi gà, hai tay vung vẩy thẽo thượt. Thế là anh ba chân bốn cẳng ù té, không dám quay đầu lại. Còn nghe rõ cả tiếng cười khúc khích... Nhưng suy cho cùng, chẳng hề gì đâu. Bởi vì các cô là quân hầu của thánh của thần, đời nào các cô hại ai, chỉ là thích chòng ghẹo người trần gian cho vui, những khi nhàn rỗi. Các cô dứt khoát chẳng phải là ma.

- Sao biết không phải là ma?

- Là ma thì thường phải mặc áo trắng. Đằng này các cô lại mặc áo xanh, áo đỏ.

- Cô Chín cũng có khi mặc áo trắng đấy. Song cô Chín không phải là ma.

- Cô Chín nào?

- Cô Chín ngự đồng dệt gấm thêu hoa mà em thường hát đấy. Cô Chín chỉ ưa rực rỡ. Luôn thích màu xanh màu đỏ. Song cha em bảo rằng có cô Chín Bạch, ở mãi tít trong rừng sâu thẳm. Nơi cô ở có nhiều con suối rất đẹp nên cô ưa mặc màu trắng. Người nào ngự giá đồng này phải là tay đồng thuộc, rất thành thạo mọi giá, mọi tục lệ nhà đền. Cô Chín Bạch mặc áo trắng, đi hài trắng thêu cườm lóng lánh, thắt lưng cũng trắng; khăn đội đầu bằng lụa, quạt cầm tay là quạt lông chim trĩ bạch. Bạch nhưng không phải màu trắng toát, mà là màu trắng ngà. Màu trắng ngà hơi hanh vàng, nó dịu dàng, mát chứ không lạnh, rất trang nhã. Người đồng tân, mới đi hầu chư vị, nếu ngồi giá đồng này thì nguy hiểm lắm. Cô Chín Bạch tinh khiết, dễ mê đắm. Có người ngự giá đồng này xong, mấy ngày sau vẫn còn mơ mơ màng màng, chưa tỉnh lại được.

Nói tới cây đa làng, còn phải kể đến ông Thần Cẩu, tức con chó đá thờ. Ngài thần chó đá này khá to. Nó khác những con chó đá vẫn để ở trước cổng nhà. Pho tượng bằng đá xanh nhẵn bóng. Tượng Thần Cẩu đục khá công phu, thành hình con chó hẳn hoi. Chỉ có cái đuôi, vì thiếu đá, nên không vểnh lên như bông lau mà chỉ là một mẩu đá cụt. Ông Thần Cẩu cao ngang thắt lưng người, đặt bên cạnh bàn thờ gốc đa.

Năm xưa, làng động, thầy hộ Hiếu bảo lý do còn vì cái nghĩa địa nằm ở chân quả đồi ở phía trước đầu làng. Nghĩa địa nhòm vào làng là độc lắm. Nhiều thầy phong thủy, nhìn thấy cái nghĩa địa này cứ lắc đầu mà không dám nói. Chẳng là ngày xưa, đồng làng, lúc mưa to hay bị ngập úng. Có ông thầy Tầu khăn gói đi qua bảo rằng

chân quả đồi, có một huyệt táng rất đẹp, táng vào chỗ đó có thể phát tới năm đời. Tiên chỉ Nhậm nuôi thày Tầu suốt ba tháng ròng. Ông ta tìm các huyệt mộ trong vùng, cuối cùng chẳng thấy huyệt nào đẹp hơn. Sợ mọi người phản ứng nên tiên chỉ Nhậm đã mang hài cốt của bố mình chôn lén ban đêm ở đấy. Chôn xong lại khỏa đất sao cho như thường để không ai nhận ra. Chuyện táng mộ rất bí mật, ban đêm chôn thầm, chẳng đèn, chẳng đuốc. Giữ bí mật được mấy năm, nhà tiên chỉ có tên đày tớ phản chủ, hắn trốn khỏi làng, nhưng trước khi đi đã hé lộ cho dân làng biết chuyện ấy.

Dân nghèo không có tiền thuê thầy địa lý tìm âm trạch, song thấy quả đồi cao ráo thuận tiện nên cũng bảo nhau táng theo vào đó. Thứ nhất là để cầu may, tìm chút hơi hướng còn sót lại của ngôi huyệt mộ. Người ta bảo ví dụ huyệt là cây bút lông, người giàu tìm đúng huyệt táng cha mẹ vào nơi ngòi bút. Còn mình nghèo hơn, cứ táng vào, may ra trúng vào cái quản bút thì sao. Thứ hai, đồng làng thì trũng, núi làng thì nhiều, cớ sao không đưa xương cốt các cụ lên đồi mà cứ để ngâm xương dưới đồng mãi như thế.

Thành thử cái nghĩa địa ấy không định mà thành. Bây giờ, trong làng, gia đình nào cũng có mộ ở đó. Không dễ dàng gì khi muốn di chuyển cái nghĩa địa với hàng trăm ngôi mộ đó đi. Tuy nhiên, nếu cứ để nguyên, tà khí của nó chiếu thẳng vào cổng làng, sẽ xâm hại đến cả làng. Bàn xuôi bàn ngược mãi, ông hộ Hiếu bảo chỉ còn cách trấn yểm. Hội đồng kỳ mục giao việc này cho ông Hiếu. Ông mượn thợ, tạc một con chó đá có lỗ thủng ở bụng, vẽ một đạo bùa yểm nhét vào đó. Làm xong, ông cho xây bệ đặt chó đá nhìn thẳng vào nghĩa địa chân đồi.

Lão nhà giàu là Cửu Nhậm (lúc đó Nhậm chưa làm tiên chỉ), đang làm ăn ngoài Hà Nội rất phát đạt, về làng, thấy chó đá nằm dưới gốc đa, biết rằng nghĩa địa, nghĩa là mộ nhà mình bị trấn yểm. Lý Cỏn là cháu họ cửu Nhậm; hương Ất cũng thuộc họ đồng tông, không muốn dây vào chuyện này, bởi vì cửu Nhậm thuộc chi Quý mà Cỏn và Ất thì ở chi Mạnh chi Lương nên mả của bố Nhậm mà phát thì họ cũng chẳng xơ múi gì. Do vậy, đám lý dịch án binh bất động. Cửu Nhậm, tức tiên chỉ Nhậm sau này, căm lắm. Lão liền nhờ đám lính khố xanh trên huyện, và một lũ đầu trâu mặt ngựa ngoài Hà Nội về. Một đêm tối trời, cánh cửu Nhậm ra gốc đa đào con chó đá, lén vứt xuống hồ Huyền. Lý Cỏn, hương Ất lờ đi vì cùng người họ Vũ Xuân cả, ai lại nỡ ra tay với nhau. Điều này dễ hiểu, nhưng điều khó hiểu là cả lão hộ Hiếu, người chủ trương tạc con chó đá ấy cũng bình tĩnh như không có gì. Dân ra chùa để hỏi, hộ Hiếu chỉ cười và nói:

- Khắc đi thì khắc về.

Dân Cổ Đình xì xào: "Cánh họ Đinh sợ cánh họ Vũ Xuân rồi". Nhưng người ta càng ngạc nhiên hơn nữa, vì chỉ mấy hôm sau đó, người ta thấy con cháu ông Vũ Xuân Nhậm đem thuyền ra giữa hồ Huyền, lặn hụp suốt một buổi mới tìm thấy con chó đá đem trả về gốc đa chỗ cũ. Hỏi thì họ bảo:

- Ông đại thụ linh thần về báo mộng cho họ biết chó đá bị mất ở đâu, và sai họ đi rước chó đá về.

Mãi về sau, người ta mới biết sau hôm vứt con chó đá xuống hồ, con trai lão Nhậm bị cảm tả suýt chết. Đi xem bói thầy bảo ăn cắp vật linh của thánh thần, không mang trả ngay thì mất mạng như chơi.

Hộ Hiếu ở ngoài chùa đổ, vuốt râu cười khì. Ông ta nói:

- Đã bảo trước khắc đi thì phải khắc về rồi mà.

Dân làng Cổ Đình thấy chó đá thiêng, từ đấy gọi hòn đá tạc ấy là Ông Thần Cẩu.

2

Thấy chuyện ông Thần Cẩu thú vị, Nhụ bảo Điều dẫn tới chỗ cụ hộ Hiếu, ông thầy phù thủy huyền thoại của Cổ Đình. Tuy nghĩ ông Hiếu là phù thủy, nhưng trong làng chẳng ai dám gọi ông là phù thủy cả. Họ sợ ông giận thì khốn. Chỉ dám gọi ông là ông hộ Hiếu, bởi vì ông ở chùa đổ, chùa chẳng còn pho tượng nào ngoài tượng ông Hộ Pháp khổng lồ.

Ông Hộ Pháp bảo vệ Phật Pháp, còn ông hộ Hiếu bảo vệ dân làng, vậy nên dân gọi ông là ông hộ cũng chẳng sai chút nào. Nếu dân Cổ Đình gặp phải tai ương, như hạn hán hay dịch tễ, dân làng lại nhờ ông lập đàn xin trời Phật cứu giúp dân Cổ Đình. Chùa đổ rồi, sư bỏ đi rồi, không có sư nhưng có ông Hiếu ăn mày Phật đến đó ở, vậy ông Hiếu làm những việc công đức ấy là phải quá. Chỉ có điều ông hộ Hiếu chưa hề bao giờ làm sư hoặc làm phù thủy, thế mà ông làm được việc nhà chùa kể cũng là sự lạ.

Nhưng sự lạ đó không bằng chuyện ông không hề học nghề thuốc bao giờ, thế mà chữa bệnh cho dân làng rất

công hiệu. Ông chữa tất cả mọi bệnh, từ bệnh vặt cho tới bệnh trọng. Trẻ con sài đẹn, đái dầm, sốt cảm, đau bụng ư? Người dân Cổ Đình vội chạy ra chùa xin ông cho thuốc. Lúc ấy, ông hộ chỉ cho một lá bùa, đốt thành tro bắt bệnh nhân uống. Sau đó, uống thêm vài viên thuốc do chính tay ông vào rừng tìm lá lẩu, sao tẩm, trộn với cơm nguội giã nhuyễn viên thành viên. Thế mà khỏi bệnh tắp lự. Rồi cả những bệnh nan y như điên rồ, liệt chân, lao phổi, ông cũng chữa được cho nhiều người.

Dân Cổ Đình chịu ơn ông, kính nể ông và có chút sợ hãi ông. Đúng vậy, người ta vẫn sợ ông, bởi vì trong ông toát ra một điều gì đó rất ma quái. Ai đã nhìn thấy ông, khi ông bị ốp đồng, đều thấy khiếp hãi.

Khi lên cơn ốp đồng ông nhịn cơm hàng tuần, và lúc đó chỉ rặt uống một thứ nước chè đặc chát xít. Người ông gầy như cái xác ve. Trông như một bộ xương khô bọc da. Tóc trắng. Râu dài và trắng. Lại thêm đôi mắt trắng dã trong hai cái hốc sâu hoắm. Nhìn vào khuôn mặt ông, người ta hoàn toàn bị ấn tượng vì màu trắng, nhất là màu trắng đôi mắt.

Cảnh ông hộ Hiếu vẽ bùa là một cảnh khủng khiếp. Ông mặc bộ quần áo rách, buộc chiếc thắt lưng đỏ ngang người. Tay ông cầm thanh kiếm mài thật sắc, múa loang loáng trước pho Hộ Pháp. Sau đó, ông thè lè lưỡi ra, thè thật dài. Ông nâng thanh gươm sắc đặt ngang lưỡi. Nhắm mắt lại vì cứ nghĩ ông sắp cắt cụt lưỡi mình. Nhưng không phải. Ông rất thận trọng dùng hai tay đỡ hai đầu thanh kiếm, rồi khẽ khàng đặt nhẹ thanh kiếm xuống, chỉ vừa đủ tạo ra một nhát khía mỏng tang làm máu ứa ra. Tiếp đó, ông rụt lưỡi vào, hòa trộn máu và

nước bọt trong miệng. Ông làm như người ta súc miệng, cho tới khi máu và nước bọt đầy mồm. Ông tiến hành rất khéo léo, tuy nhiên, có lúc máu vẫn rỉ ra hai bên mép. Những lúc ấy, nhìn mặt ông ta thật khủng khiếp. Cứ như thể ông vừa nhai sống nuốt tươi một sinh linh nào đó. Khi trong miệng đã đủ một ngụm máu, ông nhổ nó ra chiếc bát, hòa máu với son để vẽ bùa. Trẻ con, đứa táo tợn lắm mới dám đứng xem ông lấy máu vẽ bùa, nhưng đêm hôm ấy, đứa nào cũng mê sảng.

Chữ vẽ bùa của ông là chữ thánh - Hộ Hiếu vẫn khoe với mọi người như vậy - Chữ ấy không phải chữ Nho, bởi vì các ông đồ nho đã xem ông viết, và chịu không luận được ra nghĩa của chúng. Ông hộ Hiếu vẽ ngoằn ngoèo, có lúc như hình cái cây, có lúc như hình bộ rễ, có lúc như rồng đang bay, lại có lúc như con hổ mang đang vươn cổ. Một đôi khi, ra những chữ nho hẳn hoi. Đó là chữ Tâm, chữ Đạo, chữ Độ của nhà Phật.

Người ta hỏi khi vẽ bùa ông nghĩ gì, viết gì. Ông trả lời thánh đã sai khiến bàn tay ông đi như vậy. Ông chẳng biết ông đang viết gì, nhưng trong tâm ông biết đó là những chữ cứu người mà thánh ban cho.

Người dân Cổ Đình đã uống rất nhiều những lá bùa kỳ dị ghê người đó. Rồi người ta khỏi bệnh thật sự. Đó là chuyện lạ kỳ chẳng ai giải thích nổi. Có khi người bệnh ốm, không đi được, phải nằm nhà. Gia đình chỉ cần mang đồ lễ đến ngôi chùa Hộ, nói họ tên, năm sinh, tháng đẻ và cầu xin ông giúp. Ông Hiếu đặt đồ lễ lên ban thờ, xuýt xoa khấn vái, rồi lấy một lá bùa, mắt nhìn chằm chằm vào nó, tay cầm nén hương vẽ những đường sáng chung quanh lá bùa. Cứ như thể ông ta gửi một siêu lực vào tờ

giấy bản màu vàng. Gia đình mang tờ giấy thiêng ấy về đốt cho bệnh nhân uống. Thế rồi người bệnh cũng khỏi.

Người dân Cổ Đình rất kính trọng ông hộ Hiếu, song trong tình cảm vẫn thấy sự e ngại, sợ hãi. Chắc cũng do hành xử của ông có phần kỳ quái. Tuy biết ơn ông, người ta vẫn ít qua lại với ông. Trẻ con trong làng, khi trông thấy ông ở xa, đã vội lảng tránh không dám giáp mặt. Người lớn còn dùng ông để dọa trẻ: "Mày hư là tao cho ra chùa ở với ông hộ". Ngôi chùa đổ, ở ngõ Đình đi vào, nằm sát chân núi, nơi ông ở, ít người qua lại, càng trở nên hoang vắng. Những bụi rậm từ trên núi tràn xuống, bò vào cả tới sân chùa. Ở đấy, người ta bắt gặp bóng của lũ chồn cáo. Mấy con quạ khoang, vì thấy ông hộ Hiếu quá hiền từ nên làm tổ trên cây gạo cao lừng lững sau chùa. Có lúc đói ăn, chúng còn mò cả vào sân chùa xin ăn. Đôi khi, hộ Hiếu cũng quăng cho chúng nắm ngô.

Không hiểu cái hòn sét đánh làm ông chết đi rồi tái sinh, đã khiến ông ngộ ra một điều gì huyền bí mà ông bỏ hết chuyện đời chẳng chịu lập gia đình. Ngay cả gia tài sản nghiệp ông cũng chẳng quan tâm. Ông hộ Hiếu nhường hết nhà cửa ruộng nương để lại cho ông đồ Tiết chăm sóc. Còn ông thì đi ở chùa, bữa đói bữa no, sống bằng những bắp ngô, củ sắn tự tay ông trồng, và những phẩm vật sơ sài mà người chữa bệnh mang đến.

Hoàn cảnh thật khác thường, khiến ông Hiếu thành một con người ở ngoài vòng nhân thế, làm ơn cho mọi người mà chẳng muốn nhận gì, và khiến người ta càng kính trọng ông, tin cậy ông, nể sợ ông hơn.

Rất nhiều người chịu ơn ông hộ Hiếu. Trong đám

người chịu ơn ấy, riêng chỉ có mụ Pháo là không e sợ gì cả, mụ vẫn thường xuyên qua lại giúp đỡ ông.

Đầu tiên phải nói mụ Pháo là người có duyên. Mụ chẳng đẹp nhưng có duyên. Người làng cứ ngẫm nghĩ: có duyên là gì. Trước hết là cái bề ngoài. Cái đẹp chẳng cần song phải dễ ưa. Không phải bộ mặt muốn đuổi người ta đi mà phải kéo người ta lại. Mụ ở đâu là chỗ đó tươi tắn hẳn lên, sinh động hẳn lên. Nhìn gương mặt ấy người ta chẳng muốn thù hằn mà chỉ thấy tin cậy. Sau mới là cái bên trong. Nó biểu hiện ra đôi con mắt. Chúng đen lay láy và hiền hậu như chứa ẩn một sự thông minh, một tấm lòng đôn hậu. Ít nói nhưng có thể hiểu được những điều người ta không nói. Biết cười khi người khác cười. Biết im lặng khi người ta cần sự cộng cảm. Nói nhiều bằng vẻ mặt, ánh mắt thậm chí bằng một khóe môi; nói ít bằng lời, nếu im lặng mà đủ hiểu thì không cần nói. Sẵn sàng chia sẻ cùng với mọi người... Mụ ba Pháo chính là người đàn bà như thế. Một người đàn bà quê thật là quê. Nghèo, nhưng cái váy lúc nào cũng đen nhánh. Áo vá, nhưng miếng vá thật đẹp, đường kim mũi chỉ nuột nà tăm tắp, miếng vá như cái hoa thật êm khéo cài lên vải. Có khi tấm áo vá của mụ còn thấy xinh hơn cả tấm áo lành.

Và cũng như mọi người đàn bà khác của Cổ Đình, mụ ba Pháo cũng thắt đáy lưng ong, cũng xắn váy quai cồng, cũng lam làm không nghỉ, cũng phốp pháp hừng hực sức sống của trời, của đất.

Lại nữa: mụ Pháo là con mẹ Mõ. Làm mõ mà được người làng quý mến: khó đấy. Cổ Đình xưa không có mõ. Cổ Đình rất thèm có mõ. Một làng muốn đàng hoàng, sang trọng, bề thế thì làng ấy phải có mõ. Sĩ diện bắt

làng phải thế. Làng đã có ông chánh, ông lý nhưng nếu làng xưa mà không có mõ thì cái làng ấy chưa hoàn chỉnh. Các cụ kỳ mục nói:

- Cổ Đình là một danh hương. Danh hương thiếu mõ sao được.

Mõ là thứ dân hèn nhất trong làng xã. Dân ngụ cư là loại dân hèn. Vậy thì bắt dân ngụ cư phải ra làm mõ. Xóm Trung, cũng gọi xóm Đình, ở giữa làng quanh ngôi đình. Xóm ấy họ Vũ Xuân ở đông. Phần lớn là gia đình tổng lý chắc chắn không thể có mõ. Xóm Thượng đầu làng là nơi cư ngụ của họ Đinh, họ Nguyễn cũng là xóm khá giả. Xóm Hạ tuy dân ở đấy không làm chức việc nhưng họ cũng là những gia đình đủ bát ăn. Không chọn được người ở ba xóm ấy ra làm mõ, lẽ tất nhiên người ta phải nhằm vào những gia đình ở xóm Vườn, cái xóm ở tách ra khỏi làng, cái xóm có nhiều dân ngụ cư. Các cụ kỳ mục còn đưa ra nhiều cái lợi để nhử. Thứ nhất nhà nào làm mõ sẽ được cấy năm sào ruộng công của làng. Thứ nhì làm mõ đủ mười năm thì thôi, làng sẽ cắt cử gia đình khác. Sau khi thôi mõ sẽ được làng công nhận là dân chính cư. Người dân tính toán thật kỹ lưỡng. Cấy năm sào lúa, tuy thóc tô có nhẹ hơn cấy thuê cho nhà phú hộ, nhưng vẫn phải nộp cho làng một phần ba thu hoạch. Còn làm mõ mười năm tức cả đời làm mõ. Mất một đời người làm mõ mới được thành dân chính cư. Nhưng sau khi làm dân chính cư rồi, người ta cũng chẳng bao giờ quên cái xuất thân làm mõ của mình. Con cháu cứ chịu mãi cái tiếng rỉa rói: "Ông cha nó ngày xưa làm mõ đấy". Cái tiếng xấu ấy còn nhục nhã hơn cả tiếng ngụ cư, không rửa được; chẳng ai đánh dấu những vết

nhục mõ sẽ hằn in lên mặt con cháu, hàng chục đời may ra người ta mới quên. Tính toán như thế nên dân ngụ cư bảo: "Lợi bất cập hại". Và họ thì thầm với nhau, cuối cùng không ai chịu ra làm mõ.

May thay có gia đình lão Điếc từ dưới Nam lên. Một vợ hai con. Vì kiện tụng ở quê nhà, mất hết nhà cửa ruộng đất. Hai bàn tay trắng, anh phải mang vợ con đi tha phương cầu thực. Một bận hai vợ chồng đi gặt thuê cho nhà tiên chỉ Nhậm. Ông Nhậm bảo:

- Tôi thấy anh chị là người chất phác mới làm phúc mách cho việc này. Đến xin ông Lý mà làm mõ làng. Làng cho năm sào ruộng. Cho đất làm nhà. Tự dưng, tay trắng lại có một cơ nghiệp lù lù chạy đến. Đến ngay mà xin chả kẻ khác lại chiếm mất chân ấy.

Lão Điếc mừng thật. Ông không tính toán gì hết. Như kẻ chết đuối với được cái cọc, tối hôm ấy, ông đến ngay nhà ông Lý. Công việc xong tắp lự. Làng Đình cũng mừng và lão Điếc cũng mừng. Thế là Cổ Đình có mõ. Mõ Điếc qua đời. Con là mõ Pháo thay chân.

*

* *

Anh ba Pháo làm mõ cho làng Đình được tròn tám năm thì xảy ra sự việc. Tám năm ấy, anh làm việc rất chu đáo, cần mẫn. Trên là các bậc hào lý, dưới là dân làng chẳng ai chê anh một lời. Việc rao trong làng, mõ anh giòn, giọng anh khéo, anh rao cứ như hát. Hễ anh cất giọng, ai cũng muốn nghe. Cái giọng véo von, trầm trầm lại pha chút rầu rầu rất hợp tai mọi người. Chị Pháo là người duyên dáng mềm tính đã đành là được lòng mọi người, song anh ba Pháo cũng không kém vợ

trong việc đối xử ăn ở. Tuy là mõ, nhưng anh cố tránh cái tiếng xấu "tham như mõ" của người đời. Ở thôn quê, nhà nào có việc ma chay cưới xin thường gọi anh mõ đến làm cỗ. Làm nhiều quen đi, anh trở thành một chuyên gia làm cỗ, nhất là giết lợn, mổ bò. Và khi đi ăn cỗ về thể nào anh cũng được gia chủ chia cho một gói phần, thường là một đĩa xôi với khẩu thịt. Nhiều nơi, mõ cậy thân phận thấp hèn, "không ai muốn dây với mõ", nên thường lấy phần rất to, mang cái rá đi đặt lá chuối vào rồi trút cả phần mình được hưởng lẫn thịt thà ăn thừa ở mâm bọc lại thành một gói to như cái đầu người mang về. Ba Pháo thì không thế. Người ta cho thế nào, lấy thế ấy. Ăn cắp thì tuyệt nhiên không làm.

Năm ấy, ông tiên chỉ Nhậm làm đám ma mẹ rất to. Mổ bò, mổ lợn linh đình. Cả làng đến ăn. Cụ Nhậm ở thành phố về, coi như hưu trí về nhậm chức Tiên chỉ, nên cụ hào phóng lắm. Cho ba Pháo cả một mâm cỗ. Thương vợ con ở nhà, nên ba Pháo chỉ chấm mút qua loa rồi gói cả về cho vợ con. Chị ba Pháo đi làm đồng. Ở nhà chỉ có hai đứa con. Hai đứa trẻ thấy xôi thịt ngon quá nên ăn lấy ăn để, bụng to căng phồng.

Đến chiều, hai đứa trẻ đều miệng nôn trôn tháo. Cho uống lá ổi không cầm. Xin sái thuốc phiện của ông hương Ất uống cũng không công hiệu. Đến hôm sau anh ba Pháo cũng bị như thế.

Vì là thân phận mõ hèn hạ, lại không họ hàng thân thích trong làng, nên chẳng ai đến giúp. Chỉ có một mình ông hộ Hiếu lui tới chiếc lều tồi tàn. "Còn nước còn tát" - ông hộ Hiếu làm đủ mọi cách, nhưng cả ba bố con anh Pháo đều không qua khỏi. Khi đem chôn họ, cũng

lại chỉ có mình ông hộ Hiếu và người đàn bà. Ba cái xác đều bó chiếu. Chiếc đòn tre dài, hộ Hiếu một đầu, chị Pháo một đầu khiêng anh Pháo và hai đứa con lủng lẳng ra đồng. Rồi đào huyệt, rồi lấp đất, rồi cúng vái, rồi khóc than. Chị ba Pháo gần như mất hồn không động chân động tay nổi. Ông hộ Hiếu lại phải một mình xoay trần ra làm tất cả. Hết một đêm dài mới chôn xong ba cái xác.

Hộ Hiếu về chùa để ngủ suốt một ngày một đêm mới tỉnh dậy. Khi mở mắt ra thì có người lại hớt hơ hớt hải đến báo tin:

- Ông Hộ ơi! Chị ba Pháo điên rồi. Chị đang hát hỏng ngoài đường làng kìa.

Ông chạy ra. Chị ba Pháo đầu tóc bù xù, vú vê thỗn thện đang múa may ở ngoài sân đình, ai dỗ thế nào cũng không nghe. Nhưng khi nhìn thấy ông hộ Hiếu thì chị lại khóc rưng rức và chịu nghe ông bảo. Ông Hộ thấy không đang tâm bỏ người đàn bà khốn khổ một mình. Ông đưa chị về ngôi chùa đổ thuốc thang chạy chữa.

Nào bùa, nào lá rừng, nào tàn hương nước thải. Ông Hộ lại cứu giúp chị ba Pháo lần thứ hai, cho đến khi chị khỏi rồ dại nhưng vẫn còn ngơ ngơ ngác ngác.

Chị ba Pháo đã về nhà mình, nhưng một đêm trăng chị lại lẻn ra chùa. Ở đây có một chút thương cảm thân phận của nhau chăng. Hay là đền ân đền nghĩa.

Đêm nay, trăng giàn giụa trong ngôi chùa đổ. Ánh trăng đêm nay làm cho đôi mắt xếch của pho Hộ Pháp hình như cũng dịu bớt đi. Ánh trăng làm mắt chị ba Pháo long lanh. Ánh trăng làm thân hình của chị như biến thành ngọc, thành ngà. Đôi vú trắng hơn. Chị ba Pháo cầm tay ông, dẫn dắt ông đi vào cõi mê hồn mà hình như

ông chẳng bao giờ biết lối. Ông nâng niu bộ ngực ngọc ngà mà ông đã từng thấy khi chị điên rồ; nhưng khi ấy, đối với ông, chúng vô hồn. Còn lúc này, ánh trăng và đôi mắt của chị đã đem lại cái hồn sống động cho chúng. Ôi! Sao mà mĩ miều! Ông phù thủy gầy còm bò trên bụng người đàn bà vừa ơn nghĩa vừa đa tình. Hai cái sinh linh côi cút ở cõi đời ngẫu nhiên lại phối kết với nhau. Nỗi cô đơn cùng kiệt đã biến họ trở thành những kẻ hiến dâng không tiếc. Cho hết và nhận hết. Một cuộc tình kỳ diệu không dễ gì đã xảy ra ở đời. Sau những giây phút bồng bềnh lang thang trong nhau, người đàn ông khóc trên bụng người đàn bà. Những giọt nước mắt ướt đẫm đôi vú. Người đàn bà cũng biết ơn. Và người đàn ông cũng biết ơn. Biết ơn vì họ chẳng còn côi cút. Biết ơn vì đã hiến dâng. Người đàn bà xoa nhẹ vào tấm lưng xơ xác của người đàn ông. Chị cũng không hiểu cái tấm thân tàn tạ của ông sao lại còn đủ sức mạnh để đem lại hạnh phúc cho chị nhiều đến thế. Thứ hạnh phúc giao hoan, mà chồng chị khi xưa, một kẻ đương trai, lại chưa bao giờ đem lại được cho chị như vậy. Có lẽ xưa kia, khi người ta quá dễ dàng có được và quá đầy đủ khi nhận nó thì hạnh phúc đã trở thành chai lì và nhàm chán. Còn bây giờ, vào những phút đau đớn, ê chề cùng kiệt, vào những phút người ta hiểu giá trị của sẻ chia và biết ơn, thì đây là cuộc giao hoan của hai vì sao lạc, của hai hồn ma lạnh lẽo bất chợt gặp nhau, nắm được tay nhau và tìm ra hơi ấm. Vì thế, nên chị Ba hết sức nhẹ nhàng... Nhẹ nhàng..., hết sức âu yếm vuốt ve ông, vỗ về ông, để mặc cho đôi dòng nước mắt của một ông già tưởng như ma quái, tưởng như chẳng hề biết khóc, tưởng như chẳng có ai hiểu nổi, bỗng nức nở, tan chảy liên miên, tràn trề

trên đôi vú trắng. Và cả chị Ba nữa, ô hay! Bỗng nhiên chị thấy đôi mắt của mình cũng rưng rưng, rồi rơi lệ ròng ròng.

Cuộc tình kỳ lạ ấy đã đơm hoa kết trái. Chị ba Pháo chỉ ăn ở với ông hộ Hiếu độc nhất một lần ấy thôi, thế mà lại có con, một đứa con gái xinh đẹp lạ thường. Đứa trẻ càng lớn càng xinh. Có người hỏi: "Con ai?". Chị Ba trả lời: "Con trời, con Phật". Đứa trẻ gặp ai trong làng cũng chào rất lễ phép và nở một nụ cười rất tươi. Người nào cũng yêu mến nó. Người ta xì xào:

- Con bé có đôi mắt giống hệt mắt ông hộ Hiếu. Chỉ có khác mắt ông trắng toát, còn mắt con bé đen huyền. Mắt ông hộ vừa dữ vừa man dại ai trông cũng sợ oai, còn mắt con bé dịu dàng, ai trông cũng mến.

Xì xào thế thôi chứ chẳng ai dám chế giễu. Họ sợ dính líu đến ông hộ. Lũ trẻ con thì coi trời bằng vung. Hoa là tên con bé. Một hôm, có đứa trẻ chăn trâu chế cái Hoa là con hoang. Đứa con gái tức quá, nức nở về mách mẹ. Mẹ nó bảo:

- Con ra chùa mách ông hộ Hiếu.

Đứa trẻ thơ ngây đến gặp ông phù thủy mách thật. Ông Hộ nhíu mày bảo đứa trẻ:

- Con không phải con hoang. Con là con của thánh. Được! Con cứ về đi. Ta sẽ mách thánh phạt nó.

Không biết ông Hiếu mách thánh ra sao, chỉ biết tối hôm ấy, thằng bé chăn trâu đau bụng lăn từ trên giường lăn xuống đất. Bố mẹ nó biết chuyện, vội mang vàng hương ra chùa lễ. Ông Hộ cho bùa rồi nói:

- Ông về bảo cháu nó đừng ác độc với con bé Hoa. Nó là con thánh thật đấy.

Bố mẹ thằng bé vâng dạ rối rít. Về đến nhà, chưa kịp cho uống tro bùa thằng bé đã khỏi. Từ đấy, bọn trẻ cạch, chẳng đứa nào còn dám trêu chòng con bé. Và người làng còn gọi bé Hoa là "con thánh".

3

Nhụ và Điều đến chùa. Hai cô cậu kính cẩn chào ông hộ Hiếu:

- Chúng cháu lạy ông trẻ ạ.

Ông Hộ đang ở thời kỳ không bị đồng ốp. Ông như một phú ông nhàn tản đang ngồi dưới chân pho Hộ Pháp uống trà. Nhụ liếc nhìn ông già gầy nhom trong bộ quần áo nâu lùng thùng, tóc dài búi sau gáy, râu dài trắng phơ, mắt ngơ ngơ ngác ngác, ngồi chân bằng chân chống, phe phẩy quạt. Pho tượng đêm ngày trong trạng thái tức giận, mặt đỏ bừng bừng, mắt xếch trừng trừng mở to như chỉ chực làm rách cả khóe mắt. Cả hai nhân vật bên nhau ấy lúc nào cũng như khích nộ. Trong đầu óc họ như chứa thuốc pháo. Cô gái thầm nghĩ: "Ông hộ Hiếu và cụ hai Tiết là hai anh em ruột nhưng ngược hẳn nhau. Ông nội Tiết ở nhà thì mặt mày đầy đặn, hồng nhuận. Hai bên cùng tóc trắng củ hành nhưng một bên suôn sẻ óng mượt, còn một bên rối bời và xin xỉn. Hai bên cùng linh hoạt, nhưng một bên thì khoan thai, trầm tĩnh, còn một bên thì lập cập, bừng bừng. Có lẽ họ là cặp: một ông Thiện, một ông Ác. Có thể, ông Hộ Pháp Thiện trong chùa đã bị

dột nát, mưa gió làm cho long lở hư hại đi đến chỗ tượng đất rã ra sụp đổ. Ông Thiện hiền từ chùa về nhà nhập vào cụ Tiết. Còn ông Ác thì vẫn còn. Có bận cụ Tiết giảng giải: Ông hộ Hiếu buộc phải ngồi dưới chân pho tượng mắt xếch, để bảo quản, để lợp giọi mỗi khi mưa gió, để cho Hộ Pháp nộ khí xung thiên này còn mãi mãi ở đời. Nói ông Ác tức là nói nôm na, chưa đủ nghĩa. Chính ra ông Hộ Pháp này là người bảo vệ phật pháp một cách kiên quyết bằng sự uy dũng, tức là ông bảo vệ cái đẹp cái hiền lành ở đời. Ông là sự trung thực nóng nảy nên nếu cần ông có thể dùng gươm đao đánh chém. Cụ hộ Hiếu có thể là truyền nhân của vị bồ tát đầy lòng từ bi này. Pho tượng bị người đời hiểu sai, hay chưa hiểu hết nên dĩ nhiên ông Hiếu cũng bị người đời vừa yêu quý vừa sợ hãi".

Ông già đôn hậu trong một cái vỏ bề ngoài đầy ma quái ấy đang ngồi thừ một mình. Lúc này, cái búi tóc xổ xuống để những sợi tóc bạc xỉn chảy ngang lưng. Nhụ nhìn kỹ thấy vẻ mặt ông thật quắc thước nhưng phảng phất chút gì đau đớn. Không biết ông đang nghĩ gì mà bàn tay trái của ông luôn luôn vuốt cằm. Vuốt mà cứ như là đang nhổ, đang giật bộ râu trắng. Ông không để ý ngay cả khi hai đứa trẻ đã đến gần. Chúng lại chào to:

- Cháu chào ông trẻ ạ.

Khi ấy, ông già mới chợt tỉnh và nhận ra:

- Cháu Điều đấy ư?

Rồi ông nhìn chằm chằm vào mặt Nhụ và hỏi Điều:

- Có phải đây là con bé mà Trịnh Huyền đem về nhà ta không.

- Vâng ạ! Cháu là con bố Huyền - Nhụ cất tiếng trả lời, cái giọng dịu, ấm và nhanh nhẩu.

Ông cụ hộ Hiếu tỏ vẻ hài lòng. Ông đứng dậy, kéo con bé lại gần, nhìn sâu vào đôi mắt hiền lành của nó, rồi cầm xem bàn tay đầy đặn, ấm áp của nó. Ông lại đi vòng quanh, nhìn đằng trước, đằng sau Nhụ. Ông bảo:

- Cháu phúc hậu lắm, nhưng vất vả. Mấy lại... Cháu không phải họ Đinh... không phải người họ Đinh...

- Thưa ông, cháu họ Trịnh. - Nhụ ngây thơ trả lời.

Thằng Điều nóng nảy, lắp bắp định nói ra những điều nó biết, nhưng ông hộ Hiếu đã để ngón tay lên miệng, đưa mắt bảo:

- Cháu không cần phải nói gì. Ông đã biết hết cả rồi. Vả lại, cháu cần giữ miệng.

Ông Hộ hạ đồ lễ trên ban xuống, cho hai đứa trẻ ăn oản, ăn chuối. Nhìn hai đứa trẻ ăn uống, ông chợt thở dài. Không biết ông đã nhìn thấy ở bàn tay, ở gương mặt Nhụ những gì. Rồi, ông ngẫm nghĩ: "Thiên cơ bất khả lậu... Vả chăng cơ trời rất huyền vi".

Điều và Nhụ làm cho ông già chợt vui. Tiếng ríu ran của chúng hỏi ông những chuyện ngày xưa mà bản thân ông hình như chẳng bao giờ nghĩ lại.

- Ông kể cho chúng cháu nghe đi. Tại sao ông lại thành ông Hộ? Tại sao ông chữa bệnh giỏi thế?

Ông già vốn cô độc, hàng ngày, trừ lúc có người đến xin thuốc, ông chẳng nói chuyện được với ai.

Bây giờ, ông được nói chuyện với hai đứa cháu, tự dưng ông như được gặp những người tri âm. Người ta thường bảo: "Già trẻ ngang nhau". Khi đã đến một tuổi nào đó, người ta trở lại hồn nhiên như trẻ thơ. Vậy là lúc ấy, có ba con người rất trẻ đương bi bô với nhau. Mà đã

là chuyện tâm sự hồn nhiên thì điều gì chả có thể đem nói hết. Ông già say sưa kể, còn hai người trẻ thì nghe chăm chú như nghe chuyện cổ tích. Chuyện kể rằng:

Dạo ấy, ông là thợ sơn tràng đi đẵn gỗ thuê cho ông Cửu Nhậm. Lúc còn ở thành thị, chưa làm tiên chỉ, Nhậm chạy được cái phẩm hàm Cửu phẩm, nên làng xã gọi lão ta là ông Cửu. Ông Cửu làm chủ gỗ, buôn gỗ ra Hà Nội, lão lại mở xưởng cưa ngoài bờ sông, buôn tận gốc, bán tận ngọn, nên phất lên rất nhanh. Cửu Nhậm cũng biết điều, dân làng cũng thích đi làm cho lão. Kẻ ra thành phố kéo cưa lừa xẻ (hồi ấy chưa có máy cưa). Kẻ đi đẵn gỗ trên rừng. Cửu Nhậm làm ăn khá nên giả công rất hậu hĩ.

Vào thời đó, vùng Cổ Đình còn nhiều rừng rậm. Có những cây lim to ba người ôm không hết. Có những cây chặt hàng tuần không đổ. Cửu Nhậm kinh doanh đa dạng. Ngoài việc cung cấp gỗ cho thành phố, ông ta còn cung cấp gỗ cho làm đình làm chùa, làm nhà đại khoa. Và việc chặt lim và xẻ lim thì hiệp thợ của ông giỏi lắm. Rừng lim thường là rừng già nơi nước độc đi chín về ba. Xẻ lim lại nặng nề khó nhọc. Do vậy hiệp thợ sơn tràng của ông có nhiều việc lắm, làm không xuể. Và làm được nhiều tiền nên ông ham lắm. Có khi đi rừng mấy tháng mới trở về nhà.

Có một lần đang chặt cây thì mưa rừng ập tới. Mưa to gió lớn, sấm sét đùng đùng. Ông đội nón, thu lu trú mưa dưới một cây to; trước mặt là một vạt rừng đã bị chặt phá nên đất trống quang quẻ. Một tiếng sét xé trời đánh vào khu rừng đằng trước. Mấy tiếng sét nổ liên tiếp sau đó làm ông nhắm mắt lại. Chợt ông cảm thấy trong người

rất lạ. Cứ cảm thấy sắp có chuyện gì xảy tới liền mở mắt ra. Ông giật mình vì trông thấy ở đằng xa một quả cầu lửa to tròn như cái rá đang bay tới. Quái lạ chưa! Quả cầu lửa đang lao thẳng tới ông. Ông sợ quá hét lên: "Cứu tôi với!". Ông chỉ mới kịp kêu như vậy đã bị quả cầu sáng chói đâm vào mặt, không tài nào tránh được. Thế là ông ngã vật xuống, hôn mê bất tỉnh. Những người thợ bạn khiêng ông về nhà. Ông nằm liền một tuần không biết gì, nhưng vẫn còn thở.

Lúc ông tỉnh dậy thì điều lạ lùng xảy ra. Nhìn vào con người ta, ông có thể trông rõ các phủ tạng phổi, tim, gan, não... và có thể nhận ra bộ phận nào mạnh khỏe, bộ phận nào đau ốm.

- Trông nó như thế nào hả ông? - Nhụ tò mò hỏi.

Ông già cười hiền:

- Bộ phận nào khỏe màu hồng, màu đỏ. Bộ phận nào đau yếu màu vàng. Vàng nhạt đau ít. Vàng khè là đau nặng.

- Như cháu đây, ông thấy có bị đau chỗ nào không?

Ông già vỗ vai nó hiền từ bảo:

- Cháu là cây non đang sức, làm sao mà ốm được. Ông trông người cháu hồng hào sáng rực lên đẹp như một cô tiên. - Ông cười, còn Nhụ liếc nhìn thằng Điều, hai má đỏ bừng. Ông lại tiếp. - Vả lại, có phải lúc nào ông cũng nhìn được ra bệnh đâu. Chỉ khi nào ông thấy lạt miệng ăn gì cũng chẳng thấy ngon, người ta bảo lúc ông bị thánh ốp lúc ấy nhìn bệnh mới càng thấy rõ.

- Thánh ốp là thế nào?

- Ông cũng không biết có gì xảy ra nữa. Chỉ biết những lúc ấy, ăn cơm như ăn rơm. Lúc ấy cao lương mĩ

vị cũng không thấy ngon, còn cảm thấy đắng chát là khác. Do đó, ông nhịn ăn. Những phút ấy, chỉ uống nước chè đặc lại thấy mát ruột và ngọt vô cùng. Ông gầy sọp đi. Nhưng thật lạ! Khả năng đoán bệnh và chữa bệnh khi ấy lại sáng suốt và hiệu nghiệm.

Đến đây, ông lão ngừng nói. Hai cô cậu há hốc mồm nghe ông già kể chuyện. Và cả hai đứa bỗng cảm thấy khát nước. Thấy có bát nước trong vắt đặt dưới chân pho Hộ Pháp, Nhụ cầm lên định uống. Ông hộ Hiếu ngăn lại, rồi rót nước vối cho cô uống. Ông giải thích:

- Bát nước trắng này, ông phải bơi ra giữa hồ Huyền lấy về. Bát nước trong veo là bát nước thánh. Nhìn vào đó, ông trông thấy và biết nhiều chuyện làng xóm. Ví dụ, lúc nãy, khi các cháu ở gốc đa đi vào đây, ông đã nhìn vào bát nước và biết trước. Con chó đá ở bên bệ thờ gốc đa chính là con mắt của riêng ông ở đầu làng. Nó ở đó để bảo vệ làng Đình. Có gì lạ, nó sẽ báo cho ông biết qua bát nước này.

Hai đứa càng nghe những điều kỳ lạ càng thấy mê. Có thể ông già bịa chuyện cho thêm ly kỳ. Có thể tính tán dóc vốn có trong người nông dân, nhất là ở những người như ông hộ thích suy nghĩ theo lối huyền thoại, thích tạo màn huyền bí cho công việc của mình thêm công hiệu, đã được nói quá lên ở đây chăng. Dù ai tin hay không tin mặc lòng, duy có một điều ai cũng phải công nhận: đó là chính bằng sự huyền hoặc ấy, ông đã chữa khỏi đau ốm cho rất nhiều người.

Riêng thằng Điều, nó rất tin ông trẻ nó. Vì vậy, nó bỗng cười:

- Ông trẻ ơi! Thế lúc gia nhân nhà ông tiên chỉ vứt ông Thần Cẩu xuống hồ Huyền, ông có biết không?

- Biết chứ! Ông còn biết rõ cả người nhà ông Nhậm vứt

ông Thần Cẩu ở quãng nào trên hồ, song ông cứ để nguyên cho họ làm.

- Vì sao lại để mặc?

- Vì họ đã làm thì họ phải bị trừng phạt. Phạt nhẹ thôi nhưng cũng là phạt. Phạt chỉ đủ để họ nhận ra lỗi lầm. Và họ phải biết: Ích lợi của dân làng là trên hết. Hơn nữa, chính bàn tay họ vứt xuống thì chính bàn tay họ lại phải vớt lên. Có như vậy phép làng mới được uy nghi.

4

Rời khỏi ngôi chùa đổ, Điều và Nhụ đến nhà cô Mùi. Cô Mùi là con thứ ba cụ đồ Tiết, em gái đốt dưới ông Trịnh Huyền. Về đến nhà cụ Tiết, Nhụ đã nghe nói tới cô Mùi, em muốn gặp cô lắm, song cụ Tiết cấm. Cụ bảo:

- Con mẹ Mùi ta đã từ nó rồi. Đừng có ai trong nhà này thậm thụt đến nhà nó.

Vậy hai đứa hôm nay đến nhà cô là đến lén, đến mà không được phép của ông nội. Cô Mùi sống độc thân ở cuối ngõ Duối thôn Hạ. Phần đông họ Đinh sống ở thôn Thượng. Cô là đứa con gái bỏ đi dưới con mắt của họ Đinh, nhất là dưới con mắt của cụ Tiết. Vậy nên cô ở nơi hẻo lánh như vậy cũng đỡ gai mắt cho gia đình.

Nhụ mới nhìn thấy ngôi nhà của cô Mùi từ bên ngoài đã thấy cảm tình. Một ngôi nhà nhỏ xinh xắn. Một hàng rào cúc tần, trên đầu có dây tơ hồng vàng mọng như

những chiếc râu rồng bò ngoằn ngoèo, bao quanh ngôi nhà nhỏ. Ở hai bên chiếc cổng tre, có hai bụi dâm bụt to. Những cành dâm bụt cao ở hai bên được vít buộc với nhau, tạo thành cái vòm bán nguyệt bằng lá xanh trên ngõ. Dâm bụt đang thì nở rộ. Hàng trăm bông hoa đỏ chót gọi bướm vàng về chập chờn nhảy múa. Cái cổng đơn sơ nhưng thật duyên. Bông bụt rụng, rắc đỏ lối ngõ. Những bông bụt còn đậu trên cành rung rinh làm ửng cả góc trời.

Con chó Vện nằm ngủ đầu hè, thấy người vào ngõ, liền phi ra sủa nhặng xị. Điều đẩy cổng bước vào. Thấy Điều là người quen, con Vện quay ra mừng rối rít. Con vật chồm lên ôm lấy Điều, đuôi vẫy liên tục, miệng kêu khe khẽ. Điều phải ngồi xuống ôm lấy cổ chó, để cho con Vện liếm cả vào mặt. Có như thế, con chó mới bày tỏ đủ sự vui mừng, và mới chịu buông tha cho hai người vào sân. Cô Mùi từ bếp đi ra, mừng rỡ nói:

- Thằng Điều đấy hả? Còn con bé này chắc là cái Nhụ.

Nhụ liếc nhìn người đàn bà nổi tiếng của họ Đinh. Cô Mùi cũng đã vào độ tuổi bốn mươi. Khác với người nông dân trong vùng thường già sọm đi trước tuổi vì làm lụng vất vả, cô Mùi tuổi đã lớn mà vẫn còn xuân sắc. Mặt cô không có nếp nhăn. Da cô lại sáng nữa, thành thử trông cô trẻ là phải. So với người Việt ta, cô Mùi là một người đàn bà cao lớn. Cô cao bằng người đàn ông loại quá trung bình, nhưng không gầy. Tuy cao nhưng dáng người cân đối. Đôi vú nở nang. Eo thon nhỏ. Đôi mông nẩy đều chắc nịch hứa hẹn sự đông đàn dài lũ. Gương mặt cô tròn vành vạnh, mày ngài đen nhánh như mực nho, đôi mắt đen trắng phân minh. Giá như vóc dáng cô thu nhỏ lại

chút ít, chắc chắn cô là trang tuyệt thế giai nhân, và bất cứ chàng trai nào trông thấy cô cũng phải mê mẩn.

Con gái Kẻ Đình cứ khoảng từ mười ba đến mười sáu tuổi là đã lấy chồng. Năm mười lăm tuổi, cô Mùi, như mọi cô gái làng, đã lấy chồng. Chồng cô là Tẻo, em trai lý Cỏn. Hai vợ chồng cùng tuổi, người làng bảo ngồi duỗi mà ăn.

Vợ chồng ông Vũ Xuân Cảo, bố mẹ lý Cỏn là người vạm vỡ, chẳng hiểu sao đẻ con ra toàn giống người nhỏ bé, vì thế mới đặt tên con là Cỏn và Tẻo. Hai chữ ấy cũng có nghĩa là nhỏ. Như vóc dáng lý Cỏn, thì tuy cho là bé, nhưng chỉ nhỏ hơn một chút so với người thường. Chứ còn cu Tẻo thì quả đúng là còi cọc thật. Lý Cỏn nhỏ người nhưng khôn lọt vành. Còn Tẻo còi còm nhom lại phát triển theo hướng khác. Hắn rất ham con gái. Hầu như hắn bóp vú gần hết con gái trong làng. Mười sáu tuổi, mà mặt hắn già câng, ăn nói chơi bời sành sỏi như đứa lớn tuổi. Lý Cỏn thấy dân làng gọi em trai mình là Tẻo dê, tức quá mắng em:

- Mày thích con gái thế thì lấy vợ đi.

Tẻo nịnh khéo anh:

- Gớm! Bác nghiệt ngã với em thế. Bác thì những ba vợ. Em giống bác đấy. Vả lại em chỉ đùa nghịch tí chút chứ có làm gì hệ trọng đâu. Được! Em sẽ nghe bác lấy ba vợ.

Lý Cỏn muốn cười mà không dám. Ông nghiêm nghị với Tẻo:

- Chú cậy thế anh, bóp vú con gái cả làng. Chú nên nhớ, nhà ta là nhà tai to mặt lớn. Chú cần đàng hoàng. Cần lập gia đình cho nó chững chạc.

Tẻo đưa ý kiến ráo hoảnh:

- Nếu vậy, em xin bác hỏi cho em cái Mùi.

- Cái Mùi, con ông đồ Tiết?

- Vâng.

Lý Cỏn ngẫm nghĩ, rồi phân tích:

- Cái Mùi bằng tuổi chú. Đứng về tuổi tác là được. Đứng về gia thế cũng gượng được. Vì cụ Tiết đi tù về nhưng vẫn là cụ đồ đứng đắn mô phạm cả làng nể trọng. Nhưng còn cái Mùi, mới mười sáu tuổi đôi vú đã như hai cái ấm giỏ. Người thì vạm vỡ, to gần gấp đôi chú. Chú hãy tự lượng sức mình xem; liệu có cáng đáng nổi nó không? Con gái như nó là dữ lắm...

Tẻo cười tự tin:

- Ngựa bất kham vào tay em cũng phải thuần.

Lý Cỏn ngẫm nghĩ rồi gật gù có vẻ bằng lòng:

- Có khẩu khí lắm. Ra dáng trai họ Vũ Xuân lắm. Mà chú nghĩ được như thế cũng là phải. Người ta hơn nhau ở cái đầu, ở mưu mẹo, chứ đâu ở chỗ to xác. Vả lại, cô Mùi tuy táo tợn, tuy to xác, nhưng dù sao cũng là con ông đồ. Con nhà nho họ Đinh sánh cùng em trai ông lý họ Vũ Xuân. Ừ! Xem ra cũng môn đăng hộ đối.

Họ Vũ Xuân mang trầu cau sang nhà ông đồ Tiết ăn hỏi. Ông đồ cứ tăn tiu suy nghĩ: "Họ Vũ Xuân mấy đời nay đều làm hào lý. Kể ra họ cũng đứng đắn. Cụ tú Cao bên ấy là bạn đồng môn của ta. Ông ta là người nghiêm nghị thâm trầm. Lý Cỏn tuy thế vẫn chưa làm điều gì thất đức. Tiên chỉ Nhậm thì hách nhưng chỉ là họ đồng tông với lý Cỏn thôi. Chỉ lo họ giàu sang quyền thế... Trong khi đó, nhà ta lại thanh bạch chỉ chăm lo cho chữ tâm chữ đức. Có gì vênh không? Hay là đạo trời muốn

đem chỗ nọ bù chỗ kia, muốn đem chỗ thừa bù chỗ thiếu, nên mới sinh ra sự kết hợp này...". Ông Tiết phân vân liền ra chùa đổ hỏi ý kiến ông em là ông hộ Hiếu. Ông em đem bát nước trong veo ra khấn vái, đặt cây hương ngang miệng bát, rồi nhìn vào, sau đó thở dài mà rằng: "Bác ạ, số giời đã định".

Cô Mùi mới lớn lên, chưa có ý kiến riêng. Vả lại cái tục lệ cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy còn nặng nề nên khi ông cụ Tiết quyết định cô phải đành nhắm mắt đưa chân. Tuy vậy cô cũng buồn tủi vì Tẻo không đứng đắn, chòng ghẹo khắp mặt con gái làng Đình; Mùi không ưng nhưng chỉ biết khóc thầm. Trước ngày đám cưới cử hành, chị Thơm, gái góa mở quán bán rượu trong làng tủm tỉm nói với Mùi:

- Em đừng lo nó bé. Bé hạt tiêu đấy! Nói thật nhé, nó sành sỏi lắm rồi.

Chị Thơm nói xong cười rộ. Cái cười rộ đầy ý nghĩa. Cả làng ai còn lạ gì Thơm góa chồng mới hai nhăm tuổi. Người ta đồn cô tằng tịu với hầu hết những vị máu mặt trong làng. Ai dám xỏ xiên nói đụng tới chuyện ấy là Thơm đốp chát chua ngoa ngay:

- Đây chẳng thèm ai, nhưng có khối kẻ thèm đây. Này, về mà hỏi lão dê già nhà mụ xem sao. Nhiều lần lão đem tiền của đến lạy lục dưới chân gái này mà đây vẫn đuổi đi. Đũa mốc chòi sao được mâm son. Rượu khê gái góa mà! Thèm rỏ dãi đây cũng đuổi đi.

Khối bà đã vì chuyện đó mà về gây gổ với chồng. Chẳng biết những chuyện như vậy thật đến đâu, nhưng từ đó dân làng cạch chẳng ai muốn đấu khẩu với Thơm. Còn Mùi, nghe Thơm nói thế, cô chỉ biết đỏ mặt chạy nhanh về nhà.

Đến đêm động phòng, cô gái to xác nhưng ngây ngô mới biết là Thơm nói thật. Cái thằng ranh con mới nứt mắt mà đã sành sỏi như một con đực thuần thục. Nó lột trần Mùi ra rồi nếm náp từng mẩu da, mẩu thịt của cô gái. Nó cắn, nó nhằn vào cổ, vào nách, vào bụng Mùi để kích thích cho da thịt cô gái bừng thức dậy. Chắc là người đàn bà nạ dòng kia còn dạy cho nó biết gục mặt vào giữa hõm hai bầu vú, rồi ép hai bầu vú vào hai bên má nó, để cái hương trinh nữ tỏa ra, để nó hít hà ngửi hưởng cái hương thơm lạ lùng của các cô gái đồng trinh. Cái thứ hương ngan ngát, man mác, ngầy ngậy, hăng hắc, dịu dàng mà lại hiếm hoi... Cái miệng bé nhỏ mà tham lam của nó hút tụt cả một bầu vú to ăm ắp của Mùi vào trong. Cũng lúc ấy là lúc nó len lén đi vào bên trong người con gái. Ai là người đã dạy nó cách chiều chuộng, liếm láp người đàn bà như một con mèo. Ai là kẻ đã cấu tạo cho cái thân hình trẻ con gầy guộc ấy, để cho nó một sức mạnh kỳ lạ mà ở độ tuổi của nó chắc không thể có được. Ai đã biến nó thành một con đực tham lam vô độ, thức rồi lại ngủ, ngủ rồi lại thức. Nó là một con đực gấp gáp, nó hoạt động cứ như thể ngày mai không còn nữa.

Một đêm... hai đêm...

Rồi một tháng... hai tháng...

Nó có biết đâu rằng hành động của nó đã làm người đàn bà trong cô gái trẻ thức dậy. Và, vốn có thân xác phì nhiêu, và khi người đàn bà thức dậy, thì tiềm lực của cô ta là vô cùng mãnh liệt, và cường độ càng lúc càng tăng cho tới vô biên. Ôi! Một sức mạnh, một tinh lực ngút ngàn.

Hai sức mạnh đó vật lộn cùng nhau. Lúc đầu, cô gái chỉ cho, gã trai kia chỉ nhận. Nhưng nhận mãi sẽ biến thành mất, và mất mãi sẽ biến thành được, bởi lẽ đơn giản là con thú hoang trong cô gái đã thức giấc. Và, bởi vì có sức mạnh ngút ngàn nên lòng tham trong cô như một cái vực không đáy.

Mới đầu anh con trai đòi, cô gái không muốn cho nhưng đành phải cho. Tiếp đó, cô cứ nhường, cứ chiều, cuối cùng chiều mãi thành thói quen thành sự đòi hỏi. Cô con gái hoàn toàn thơ ngây, chỉ sau vài tháng, liền trở thành một con cái thuần thục. Khi đó nó tham chẳng kém, lắm lúc thành tham vô độ. Con đực khi đó mới run rẩy. Cuộc vật lộn đó cuối cùng thành một cuộc chơi căng thẳng, thành một cuộc hành lạc tự sát. Người con gái cũng thấy thương, nhưng lúc đó là sự lăn bánh của ham muốn mù lòa. Lý Cỏn là người phát hiện đầu tiên. Trông thấy thằng em hốc hác, ông bảo:

- Mày không kham nổi nó đâu. Thôi, chuồn mau.

Thằng em cũng cảm thấy sợ hãi. Nó chuồn thật sự. Đi ngủ nhà bạn. Thỉnh thoảng, buổi tối lại ra đầu làng uống rượu. Chị Thơm, mụ góa chỉ nhìn nó mà cười khúc khích. Cái cười chế nhạo của người thầy vỡ lòng làm nó tự ái, bừng bừng nổi giận. Mụ Thơm lại được thể khích tướng:

- Thua rồi chứ gì. Gái tân sức tân, chứ đâu kiệt sức như gái góa. Có phải không?

Tẻo uống cả một be rượu, rồi quá nửa đêm nó trở về nhà. Nó đứng trước cửa buồng vợ năn nỉ:

- Mùi ơi! Cho anh vào với.

Mùi cài then, chặn cửa không chịu cho Tẻo vào. Cô bảo:

- Anh sang bên ngoại mà chơi. Một đôi tháng hãy về.

Mấy hôm sau, cũng xảy ra như vậy. Đến đoạn này mới xảy ra chuyện. Thói đời, càng cấm càng thèm khát; càng tự ái, càng hung hăng. Đêm nào, Tẻo cũng đập cửa buồng. Cuối cùng, can mãi không được, Mùi đành chịu thua, nhượng bộ. Qua một tuần khóa cửa, Mùi đã hoàn toàn tỉnh táo. Cô chợt thấy thương Tẻo nên khuyên nhủ:

- Tôi chẳng tiếc gì mình đâu. Đã là vợ chồng rồi, có ai lại nỡ tiếc nhau. Nhưng, dạo này anh gầy yếu lắm.

- Không làm sao đâu. Mình chiều tôi đi.

Rồi, hắn háo hức trèo lên bụng vợ.

- Anh muốn chết hay sao?

- Yên, sao lại chết.

Mùi khép chặt hai đùi lại để cho Tẻo không thể đi vào trong cô. Hắn yếu hơn nên hắn không làm gì được. Tuy nhiên, hắn là chồng, hắn có quyền. Hắn nổi cáu:

- Vợ kiểu này là cái giống gì.

Hắn hỏi:

- Có mở ra không?

Rồi hắn giở thói vũ phu. Hắn thụi mạnh vào mạng sườn Mùi. Mùi đau, cũng cáu, trở nên tức giận:

- Thì cho anh. Tôi thương anh chứ thật ra có sợ gì đâu.

Thế là lại chiều, lại say sưa. Và sang vòng quay thứ hai, lần này càng mãnh liệt hơn. Đã nếm trải các vị kỳ diệu của nó, lần này người đàn bà thuần thục không chỉ riêng cho mà còn đòi hỏi. Có hôm, đến gần sáng, nó đã ngủ say, người đàn bà trong Mùi còn đánh thức chồng dậy. Nó chạm tay vào đùi người đàn bà đã thấy dầm đìa,

nhòe nhoẹt. Thế là hắn quên tất cả. Chẳng biết trời đất gì hết, hắn lại lao vào cuộc truy hoan.

Sáng hôm ấy, hắn thấy trời đất quay cuồng. Lý Cỏn thấy em dậy muộn, bảo:

- Hôm nay anh muốn nhờ chú ra cánh đồng Miễu xem tình hình những thửa ruộng nhà mình ở đó ra sao. Nghe nói thiếu nước. Hôm nay người làm nhà mình tập trung hết ở cánh Gò Gạo.

- Em ốm bác ạ.

- Ốm ra sao?

- Chắc em phải cảm.

Tưởng ốm xoàng, không ngờ bệnh tình của Tẻo càng ngày càng nặng. Cả ngày hâm hấp sốt. Đau khắp mình mẩy. Miệng đắng, khô. Ăn vào là nôn. Mắt hoa. Đi lẩy bẩy. Cuối cùng ho khan, cả ngày khoẳng khoặc. Thầy lang bắt mạch, nói riêng với Mùi:

- Chân khí suy kiệt.

Một tháng sau, bệnh trở nên trầm trọng. Mùi khóc nói với chồng:

- Anh chẳng chịu nghe. Lỗi này tại tôi mềm lòng.

- Lỗi cũng cả tại tôi nữa chứ. Chả trách gì mình đâu. Thực ra mình không biết tôi yêu mình đến thế nào đâu.

- Mình nghe trong người ra sao?

- Mệt lắm. Nhưng tôi chỉ trách tôi bạc phận, chẳng được ở với mình suốt đời.

- Đừng nói gở. Em sợ lắm.

Mùi đặt tay lên miệng hắn. Hắn giữ bàn tay ấm áp ấy ở trên ngực mình.

- Giá mà...

- Giá mà... sao? Mình muốn điều gì?

- Giá mà... mình đừng tiếc tôi. Tôi chẳng sống được nữa đâu.

- Mình muốn gì... Cứ nói đi... Rõ khổ... Đã là vợ chồng rồi. Tôi có tiếc gì mình đâu.

- Tôi chỉ xin mình một điều... Hãy cho tôi... lần cuối...

- Sao lại thế...

Mùi đỏ mặt lên... im lặng... Cô suy nghĩ... suy nghĩ... suy nghĩ mãi... cuối cùng nhìn đôi mắt lờ đờ van lơn của chồng, cô chợt quyết định...

Người đàn bà từ từ cởi quần áo ra. Cái thân xác trắng ngát, mĩ miều... lồ lộ... lấp loáng trong ánh đèn dầu lạc. Hắn chiêm ngưỡng... mấp máy môi: "Đẹp thật!". Rồi hắn thở dài... Thở dài... Bởi vì sức lực trong người hắn có còn chút gì đâu. Hắn chỉ còn đủ khả năng chới với hai bàn tay. Người đàn bà hiểu ý, đỡ đầu hắn lên, và như người mẹ, đặt bầu sữa vào miệng hắn. Hắn tợp lấy cái núm vú hồng hồng xinh xinh, rồi rất hiền từ, rất trân trọng, từ tốn, hắn mút chùn chụt như một đứa trẻ thơ. Nhưng chỉ được vài mút, cái miệng chợt dừng lại. Người đàn bà nhìn gương mặt tràn trề hạnh phúc của hắn, có hai giọt lệ đọng nơi khóe mắt. Mùi biết rằng hắn đã trút hơi thở cuối cùng. Cô ôm chặt lấy hắn và khóc nấc lên: "Mình ơi! Mình ơi!".

*

* *

Thế là cả làng Đình đồn ầm ĩ: "Cái Mùi đã hiếp chết thằng Tẻo". Mới lấy chồng ít lâu đã góa chồng, Mùi buồn

rầu vô cùng. Lại thêm lời đồn đại nghiệt ngã ấy vây hãm, Mùi tuyệt vọng đã có lúc muốn quyên sinh. Khi đau khổ, con người tìm đến chùa. Chùa nay không có sư, nhưng ông hộ Hiếu khác gì sư, trong làng có ai đau đớn ông thường giơ tay làm phúc. Nỗi đau thể xác cũng như nỗi đau trong lòng. Mùi liền tìm gặp ông hộ Hiếu:

- Chú ơi! Sao kiếp cháu lại khổ cực thế này.

Ông hộ Hiếu nhìn vào bát nước trắng. Không biết ông nhìn thấy gì trong đó mà lại bảo cháu gái:

- Thân người ta ở đời là khổ. Toàn là nghiệp chướng cả. Cháu ơi, người ta ai cũng phải trả nợ đời cho hết nghiệp mới thôi.

- Nghiệp là gì hở chú. - Cô gái ngơ ngác.

Ông chú ngẫm nghĩ rồi trả lời rất đơn giản:

- Nghĩa là số cháu còn phải lấy chồng. Nghiệp nó như cái nợ. Phải trả cho xong.

Lúc đó, ông đồ phải xa nhà đi làm việc nước, nghe tin buồn của con gái, ông nhắn người về nói với Mùi: "Thân thể, xương thịt con người ta do cha mẹ đem cho. Phải biết quý trọng. Đó là đạo hiếu. Đừng có nghĩ xằng, làm xằng. Con hãy về nhà cùng mẹ. Thế mới là có hiếu".

Cô Mùi nghe lời cha chú, quay về nhà, cắn răng, bịt tai trước lời đàm tiếu, chỉ biết làm việc đồng áng cật lực giúp gia đình. Cô Mùi cứ tưởng lời ông chú nhìn thấy trong bát nước chỉ là lời an ủi. Bởi vì những lời đàm tiếu làm đám trai làng đều lảng tránh Mùi. Người con gái mười tám xuân xanh nõn nà rực rỡ, hơn nữa Mùi làm việc đồng áng lại rất đảm đang; đáng lẽ, dù là gái góa, cô cũng phải được nhiều nơi để mắt tới. Đằng này, tất cả

đàn ông đều sợ hãi. Dù là trai tơ hay trai góa vợ. Người ta bảo: "Lấy mà chết ư! Số cô ấy sát phu!".

Ấy thế mà lời tiên đoán của ông hộ Hiếu lại linh nghiệm. Nó không ứng nghiệm vào đám trai làng, lại ứng nghiệm vào đám trai thiên hạ.

Sau này, cô Mùi còn có hai đời chồng nữa. Người chồng cuối cùng còn đem lại cho cô nỗi khổ tâm ghê gớm hơn nhiều. Người chồng thứ ba ấy làm cho dân làng phỉ nhổ cô, làm cho ông đồ, bố cô đi tù về, đã từ bỏ cô, đã cấm cửa cô không được về nhà nữa. Song, đó là chuyện sau này sẽ kể...

5

Điều dẫn Nhụ tới nhà thím Pháo, một nhà họ hàng đặc biệt. Nhụ được biết thím có con gái là cô Hoa. Tuy chưa gặp, nhưng chỉ nghe cái tên Hoa, Nhụ đã thấy cảm tình vô cùng.

Nhà thím mõ thông thống, chẳng có cửa ngõ gì cả. Hàng rào bao quanh là những bụi tre. Ở ngay lối vào là một bụi tre rất to tỏa bóng mát rượi. Người canh cổng là con chó mực cụt đuôi. Con Mực nằm xoài, hai chân trước duỗi thẳng, cái đầu đặt trên hai chân, hai con mắt đen hồng láo liên đảo không ngừng. Vừa trông thấy Điều và Nhụ rẽ vào nó đã bật dậy nhanh như chớp, sủa ầm ĩ. Con chó dữ quá! Điều đã đề phòng từ trước, tay cầm cái ngọn

tre khua khua ngăn không cho con chó đang nhảy chồm chồm, chỉ chực xông vào cắn hai người. Nhụ sợ khiếp vía nấp sau lưng Điều, hai tay bám vào vai anh. Con chó rất gớm. Nó chỉ nhằm cái chân trắng bóc của Nhụ mà xông tới. Con chó chạy vòng tròn xung quanh hai người, thành thử Nhụ phải đổi hướng nấp liên tục, còn Điều thì phải giữ làm sao để luôn đối diện với con vật, tránh bị nó tập kích sau lưng.

Quần nhau một lúc mới thấy Hoa tất tưởi chạy ra:

- Tôi bận nồi cơm đang sôi dưới bếp. Con Mực này dữ lắm. - Nhìn thấy Nhụ tái mét Hoa hỏi - Nó làm em sợ quá phải không?

Lúc này, con Mực mới chịu đủng đỉnh quay vào đầu hè. Đi nhưng còn vài lần quay đầu lại, sủa gâu gâu ý như nói coi chừng đấy. Hoa trạc mười tám đôi mươi, tươi tắn lạ thường. Cô nói vui:

- Nhà giàu nuôi chó mới dữ. Đằng này nhà chị nghèo rớt, mà nuôi chó lại dữ, thế mới lạ chứ.

- Ừ, sao con chó này dữ thế nhỉ. - Nhụ cũng ngạc nhiên.

- Có gì đâu. Tại ông hương Ất đấy.

- Sao lại tại ông hương?

- Chả là ông hương hay sang nhà chị ra lệnh đi rao. Mỗi lần sang, đáng lẽ ông nên từ tốn bảo ban, đằng này, ông lại chống nạnh rồi nói rất to: "Con mụ Pháo đâu rồi, ra đây ông bảo...". Quái lạ! Cái ông hương này bao giờ đến cũng chỉ đứng giữa sân, mẹ mời vào trong nhà thế nào ông cũng không nghe. Có lẽ ông chê nhà mõ bẩn hay ông sợ mang tiếng. Chị tức lắm. Mọi khi ông vào chị vẫn xích chó lại; hôm ấy, chị giả vờ xổng tay để cho con

hùm này xổ ra. Nó đuổi ông hương chạy ra ngõ rồi quay lại nhìn chị như hỏi "Làm gì bây giờ!". Chị xuýt nó và xui "Đuổi nữa đi!". Con chó được thể, xồ đuổi ông hương chạy thêm một quãng xa. Từ đấy, các vị chức dịch đến nhà chị đều không dám quát tháo to tiếng nữa, và phải vào trong nhà, vì đứng ngoài sân thì thế nào con Mực cũng cắn, sủa. Và từ đấy, con Mực nhà chị dữ như con hổ.

Hoa nói xong, cười giòn. Tiếng cười của chị rất dễ thương, để phô ra một hàm răng hạt na đều đặn, và tiếng cười thì lanh canh, phóng khoáng. Hoa tíu tít dẫn hai người vào nhà. Thím Pháo, hôm nay người váng vất, phải nằm nghỉ trong gian buồng ở đầu nhà. Nghe giọng, biết không phải ông hương, ông lý, thím Pháo từ trong buồng bước ra tươi cười:

- Cô, cậu đến chơi nhà tôi đấy ư?

- Thím mệt thì cứ nghỉ. - Nhụ nói vậy, nhưng Điều không bằng lòng:

- Không được bắt chước dân làng, phải gọi bằng bà, và cô Hoa, em hiểu chưa?

Nhụ vội chữa:

- Con không biết. Bà bỏ quá cho con.

Thím Pháo kéo hai đứa vào ngồi ở chiếc phản mọt kê ở gian giữa. Lúc này, Nhụ mới để ý nhìn căn nhà. Nền nhà là đất nện rắc tro rạ nên đen bóng phẳng lỳ. Căn nhà gọn ghẽ, ngăn nắp tuy nghèo nàn. Ở gian giữa, bên trong tấm phản mọt là chiếc hòm đứng bốn chân để mộc. Phía trên hòm là ban thờ đóng bằng tre, mặt cũng ken nan tre. Cái bàn thờ được lau luôn, lau kỹ nên bóng

nhoáng. Cả cái hòm bốn chân và bốn cái cột nhà bằng tre chung quanh ban thờ cũng bóng lộn. Tất cả đều bóng lên không phải do quang dầu, mà do bàn tay lau chùi thường xuyên. Cô Hoa bảo:

- Hôm nào mẹ cũng lau ban thờ, bốn cái cột và chiếc hòm bốn chân mấy lần. Bảo rằng làm thế vì chỗ ấy là nơi thờ tổ tiên. Vả lại, lau nhiều hàng ngày như thế, sẽ không có mọt. Vì mọt chỉ ăn những nơi ít có hơi người.

Cô Hoa bưng ở dưới bếp lên bốn bát nước vối có cam thảo nam thơm và ngọt. Bà Pháo hỏi hai người sao rỗi rãi và đã đi những đâu. Điều trả lời:

- Chúng cháu vừa đến chùa đổ và đến nhà cô Mùi.

Cô Hoa cười:

- Hôm qua chị cũng vừa đến thăm cụ hộ. Mà này... các em đã lên đền Mẫu thăm bà tổ cô chưa?

- Bà tổ cô ư?

- Phải! Bà tổ cô dạo này không được khỏe. Cụ đã gần chín mươi rồi còn gì. Mà này, chị cũng sắp mang gạo, đỗ lên cho cụ Tổ đây, các em có muốn đi cùng không? Mà các em có rỗi rãi không đã?

- Rỗi chứ ạ! - Nhụ nhanh nhảu trả lời ngay. - Ông đã cho phép chúng cháu được đi chơi cả ngày. Nhụ nhanh nhảu thế vì bà Mùi và cụ tổ cô là hai người cô đã được nghe nhắc tới nhiều và rất mong gặp mặt.

*

* *

Hoa đưa Nhụ và Điều xuống thuyền. Dân Cổ Đình phần nhiều có thuyền. Nhà giàu thì thuyền gỗ. Nhà nghèo thì thuyền nan. Đó là những chiếc thuyền thúng

đan bằng nan tre rồi xảm đáy thuyền bằng củ nâu và thứ nhựa lấy trong rừng. Phải có thuyền mới kiếm được con tôm con tép trên hồ Huyền. Vả lại, còn phải có thuyền để sang làm ruộng, nương bên kia sông.

Đi trên hồ Huyền thì nhanh. Hoa không chèo mà đẩy bằng sào. Hoa đứng ở gần cuối thuyền, cô chống sào xuống nước đẩy con thuyền đi. Con thuyền rẽ nước lao như tên bắn. Từ hồ Huyền ra đến sông Son thì không chống sào nữa vì nước ở sông sâu sào không chạm được tới bùn. Ra tới đây, Hoa buộc chèo vào cọc rồi ưỡn ngực đẩy chèo bơi ngang sông. Hôm nay nước sông chảy xiết, nếu không sẽ đi đò dọc sông rồi đỗ ở bến ngay dưới chân núi Mẫu. Còn sang ngang thì sang đến bên kia sông lại phải đi bộ một quãng xa mới đến núi. Điều tranh lấy đội thúng gạo và túi đỗ xanh lên đầu.

Mỗi năm, dân ở xóm Đạo lại gửi đến cụ tổ cô mấy tạ thóc. Nhiều con cháu muốn tranh lấy việc xay giã cho cụ, nhưng cụ bảo:

- Chúng bay chẳng cần bận chân tay. Để mẹ con cái Hoa nó làm cho tao. Cho nó kiếm ít tấm cám nuôi gà nuôi lợn. Chẳng lẽ chúng bay lại định tranh phần của mõ sao?

Cả làng coi thường nhà mõ. Riêng cụ, không hiểu sao, lại rất yêu quý cái Hoa. Một hôm, Hoa đi lễ cụ trông thấy, gọi đến và bảo:

- Cháu con nhà ai?

- Dạ, cháu là con mẹ mõ ạ.

- Ta trông thấy cháu linh lợi, sạch sẽ... Ta quý lắm. Ừ thì mõ cũng chẳng sao. Mẹ con mày từ rày xay thóc cho bà nhé. Chịu khó mà lấy cái tấm cái cám con ạ. Hàng

tháng giã gạo cho trắng, rồi đội gạo lên đền. Bà sẽ thưởng cho.

Bà cụ rộng rãi lắm. Tháng nào đội gạo lên, khi về thế nào cụ tổ cô cũng cho Hoa hào bạc. Cụ bảo:

- Cho con để dành mà sắm cái yếm, cái áo cho tươm tất.

Nhụ đi bên cạnh Hoa, cất tiếng hỏi:

- Cô Hoa ơi! Tại sao cụ tổ cô lại quý cô thế?

- Cũng chẳng biết nữa. Có bận cụ nắm tay cô và hỏi: "Con có muốn ăn cơm mày cơm nhặt nhà thánh không?". Cô ngơ ngác chẳng hiểu ra sao. Bà Mùi giải thích: "Tức là cụ hỏi con có muốn làm con nuôi cụ. Hầu hạ cụ. Cụ sẽ gây dựng cho". Cô bèn lễ phép lạy cụ rồi nói: "Con đội ơn cụ, nhưng con còn mẹ già, mẹ lại hay đau yếu". Cụ vuốt tóc cô và thở dài: "Con bé này có hiếu đấy. Bà ước có một đứa con gái như cháu mà chẳng bao giờ có". Lúc ấy, nhìn mắt cụ sao cô thấy thương. Cụ không khóc đâu, nhưng hai con mắt sao buồn thế. Cô liền bảo: "Nếu cụ cho phép, con sẽ lên đây thăm cụ luôn".

- Này, cô ơi, người ta bảo xưa kia cụ đẹp nhất làng phải không?

- Lúc cụ là con gái, thì đến mẹ chị cũng chưa sinh ra. Làm sao biết được. Nhưng chắc là thế vì bây giờ cụ vẫn đẹp lão lắm.

- Cô Hoa ơi! - Nhụ thì thầm. - Người ta bảo cụ nuôi một con rắn thần. Có đúng thế không?

- Cô chẳng biết. - Hoa lắc đầu.

- Còn nghe nói: ngày xưa, cụ làm bà quan.

- Cô mù tịt.

Họ mải nói chuyện nên đã đến chân núi Mẫu lúc nào chẳng hay. Theo một con đường mòn bên sườn núi, họ đến một ngôi nhà nhỏ sau đền Mẫu. Đó là nhà ở của những người thủ đền.

Cô Mùi đã có mặt ở đây. Thấy Điều và Nhụ, bà nói:

- Cụ tổ cô dạo này yếu rồi. Cô phải lên đây chăm sóc. Cô ở trên đền là chính, chỉ thỉnh thoảng mới xuống núi về qua nhà dọn dẹp, cho nhà có hơi người. Lúc nãy các cháu gặp cô ở nhà vì hôm nay là ngày cô xuống núi.

Cô Mùi nói xong, quay sang Hoa:

- Lúc trở về đền, tôi cứ sợ nhỡ không gặp được cô Hoa.

Hoa lễ phép:

- Thưa cô, nhà hết đỗ mà em không hay. Sáng nay, em phải ra xóm Thượng hỏi mua. Cụ Tổ mệt cần đỗ xanh. Nấu cháo hay thổi xôi đều cần nó cả.

Hoa lên đền, Điều chạy ra vườn cây sau đồi là nơi nó thích sục sạo. Trong căn nhà nhỏ, chỉ còn hai cô cháu Mùi và Nhụ. Lúc này Nhụ mới có dịp chú ý đến người em gái của bố dượng mình. Nhụ đã được nghe kể về người cô có số phận long đong. Trong trí tưởng tượng Nhụ đã nghĩ cô Mùi rất đẹp, lúc này ngắm kỹ Nhụ thấy sự tưởng tượng và sự thật chẳng cách xa nhau. Cô Mùi đã ngoại bốn mươi. Cứ tưởng tượng số phận gian truân đã làm cô héo hon song không phải. Da cô vẫn trắng. Lông mày vẫn đen nhánh. Gò má vẫn ửng hồng. Chỉ có đôi mắt, trước kia không biết thế nào, chứ bây giờ thì buồn thăm thẳm. Cô mặc quần áo nâu, quấn tóc trần. Cái mớ tóc vẫn đen và mượt.

Còn cô Mùi, từ lúc mới gặp Nhụ, cô đã ưa. Trông thấy

cô gái xinh xắn, cô cứ tưởng như gặp lại bóng mình ngày xưa. Vào cái thuở mới lấy chồng lần đầu, cô Mùi cũng trạc tuổi cô bé này. Thế mà tưởng như đã xa lắc xa lơ. Cô bùi ngùi ngắm nhìn cái thân hình mơn mởn của Nhụ, rồi nắm cái cổ tay tròn lẳn của nó, rồi xoa lên đôi gò má ửng hồng như trứng gà bóc của cô gái... Cô Mùi nhìn vào đôi mắt đen láy, trong văn vắt có thể soi gương... Ôi! Cô chợt chớp mắt. Bởi vì có thoáng nhìn thấy một nét buồn trong mắt cô gái. Cô không muốn nghĩ thêm.

Hai người nữ rất chênh lệch nhau về tuổi ấy, không hiểu sao, thấy thương cảm và quyến luyến nhau. Cô Mùi chợt hỏi:

- Nghe bố Huyền bảo cháu hát văn hay lắm phải không?

- Thưa cô, cháu có được học hát đâu. Cứ nghe người ta hát, bắt chước mãi rồi quen mà hát được.

Cô Mùi dắt Nhụ lên đền Mẫu chào cụ Tổ Cô. Hai cô cháu nghe thấy tiếng gõ mõ. Họ lần theo tiếng mõ lên điện. Cô Mùi giải thích:

- Dạo này cụ tổ cô mệt nhiều. Cô cắt thuốc nhưng cụ không uống. Hôm nào cụ cũng bảo cô dìu cụ lên điện. Cụ bảo lên để ngửi mùi hương của Mẫu. Cụ lần tràng hạt, gõ mõ, rồi khấn vái. Chỉ có ngửi hương của Mẫu thế mà người khỏe ra. Hôm nào không lên, y như rằng hôm ấy người yếu hẳn đi. Đêm, trằn trọc không ngủ được.

Nhụ cúi đầu kính cẩn, líu ríu bước vào ngôi đền. Cô líu ríu, bởi vì bà tổ cô là một nhân vật huyền thoại của làng Cổ Đình. Không phải dễ dàng được gặp cụ đâu.

Khi họ đi theo cửa bên vào điện thì cụ tổ đã làm lễ

xong. Lúc này, cụ ngồi trên chiếc ghế bành mây, hai tay đặt trên hai tay vịn, quay mặt nhìn ra cửa. Cả Hoa và Điều cũng đã có mặt. Bốn người ngồi xệp trên chiếu, kính cẩn chào cụ.

Cụ tổ cô là người đàn bà nhỏ nhắn mặc áo dài lụa bạch, trên đầu đội một vành khăn nhỏ màu xanh lá cây nhạt. Tóc cụ bạc phơ búi tó ra sau. Mớ tóc được vành khăn giữ cho khỏi sổ. Bà cụ già đã gần chín mươi tuổi, song đôi mắt phúc hậu vẫn còn tinh tường lắm. Làn da trên gương mặt và đôi bàn tay trắng ngà chứng tỏ cụ không phải người làm lụng vất vả. Cụ vẫy tay gọi Hoa đến bên cạnh, rồi lại vẫy tay lần thứ hai về phía cô gái trẻ. Bà Mùi đẩy tay vào lưng Nhụ bảo: "Cụ gọi đấy, lên đi".

Nhụ e dè đến trước mặt cụ. Cụ nắm lấy hai bàn tay cô gái, nhìn vào mắt cô và nói:

- Sao Cổ Đình lại lắm các con xinh xắn ngoan ngoãn thế nhỉ. Ta chưa thấy mặt con bao giờ.

- Thưa cụ, con mới đến.

- Tên con là gì?

- Dạ, con là Nhụ.

- Nụ Nụ, Hoa Hoa, cả hai cái tên cùng đẹp cùng hay. Hôm nọ, có ông Huyền lên thăm đền. Nghe bảo ông Huyền biết đánh đàn hầu thánh.

- Dạ thưa cụ, con là con bố Huyền.

- Thế bố đánh đàn, còn con thì hát phải không?

Nhụ trả lời lí nhí. Bà Mùi phải đỡ lời:

- Thưa cụ tổ. Cháu Nhụ cũng biết chút ít câu văn hầu thánh.

- Thế thì quý hóa lắm... Con thử hát cho ta nghe một vài câu có được không? Từ độ ông cung văn làng Già qua đời, đã lâu ta chẳng được nghe.

Nhụ lấy hai chiếc đũa làm dùi, lấy một khúc gỗ làm phách rồi cất tiếng hát. Mới đầu cô gái còn lúng túng, nhưng nhìn vào đôi mắt hiền hậu bao dung của bà cụ già, dần dần cô thấy tự tin. Cô hát một câu hát thật đẹp về cô Bé Suối, cô Bé cũng là người hầu cận của Mẫu. Câu hát đẹp ngọt ngào nên cô hát điệu Cờn. Đây là lời chào mừng cô Bé nhưng cũng là lời chúc tụng cụ Tổ Cô:

... Người ơi! Cỏ vái hoa chào
Cô về bách điểu sớm chiều ca vang
Người ơi! Bể bạc rừng vàng
Đem cho trăm họ giàu sang đời đời
...

Xong điệu Cờn, cụ Tổ Cô lại bảo Nhụ hát điệu Dọc. Cô gái bảo:

- Thưa cụ tổ, điệu dọc thường hát vào giá các quan lớn, các ông Hoàng. Thầy con bảo hát dọc phải hát giọng thổ, giọng con lại là giọng kim.

Cụ tổ gật đầu có ý khen câu trả lời. Cụ truyền:

- Con cứ hát. Giọng kim cũng được. Cháu thuộc văn của những quan Hoàng nào?

- Dạ, cháu còn nhớ văn quan Hoàng Ba, quan Hoàng Mười, quan Hoàng Bảy Bảo Hà.

Và Nhụ đã cất tiếng hát điệu Dọc về một ông Hoàng ở đất Bảo Hà Yên Bái, một ông Hoàng tài hoa, lịch sự.

Gương núi Ngọc quanh đôi chim hót
Trước sân đền trúc mọc thấp cao

Sáng trăng thanh ngoạn cảnh vườn đào
Vầng trăng san sát có ba sao mọc giữa trời
...

Cụ tổ cô im lặng lắng nghe. Tiếng hát đưa bà già về một cõi xa lắc xa lơ nào đó. Bà cụ chìm dần vào một giấc mơ xưa. Đến nỗi, khi Nhụ đã dứt lời ca, bà cụ vẫn chưa kịp trở về cõi thực. Nhụ nhìn cụ tổ cô. Nhụ như ngơ ngác. Phải, cô gái làm sao hiểu nổi những nỗi niềm của một bà già gần trăm tuổi.

VII
BÀ TỔ CÔ

1

Tên thực của bà là Vũ Thị Ngát. Đứng về thế thứ họ tộc, bà là cô của ông tú Cao, tiên chỉ Nhậm; là bà của lý Cỏn, hương Ất; là cụ của thằng Cò, cái đĩ Váy con, thằng Điệp, v.v... Nói tóm lại, trong họ Vũ Xuân bà ở bậc cao nhất, nên cả họ tôn là bà tổ cô. Vả lại, đứng về tuổi tác, bà gần chín mươi, già nhất làng, nên không những chỉ họ Vũ Xuân, mà cả làng cũng tôn bà là tổ cô.

Thuở con gái bà đẹp lắm, thắt đáy lưng ong, khuôn mặt trái xoan, mi thanh mục tú. Chẳng cần trang điểm cũng đẹp nõn nà. Dân làng bảo giá không phải thời loạn mà ở thời bình, chắc dân làng phải đem bà tiến vua, nếu không làm hoàng hậu, chắc cũng phải là quý phi. Đặc biệt cái dáng của bà, nó sang trọng làm sao, cao quý làm sao. Cả chân tay cũng đẹp, những ngón tay dài búp măng, lấp ló dưới chiếc váy sồi đen nhánh là hai bàn chân xinh xinh gót lúc nào cũng đỏ như son. Tất cả con người như một đóa hoa tươi. Bà đứng chỗ nào là chỗ ấy như sáng sủa lên, như rực rỡ lên. Cả họ Vũ Xuân, ai cũng quý cô Ngát. Cha mẹ bà thì nâng niu cô con gái, không dám bắt làm việc nặng đồng áng nhiều, chỉ cho làm việc trong nhà như canh cửi tằm tơ.

Bố mẹ cô rất lo. Lo vì người con gái đẹp thời loạn dễ

gặp điều bất trắc. Lo vì biết gả cô cho ai. Lo nếu gặp anh chồng vũ phu chẳng ra gì, hoặc anh chồng đức hạnh nhưng quá nghèo túng thì đời cô sẽ khổ.

Lúc ấy, có ông Vũ Huy Tân người tỉnh Nam đến làng. Ông là người đạo cao đức trọng, đỗ phó bảng, rồi từ quan về nhà bốc thuốc. Ông đến chữa bệnh cho người họ Vũ Xuân. Thầy lang cũng họ Vũ, chủ nhà cũng họ Vũ, một đằng Vũ Xuân, một đằng Vũ Huy. Họ tra gia phả. Hóa ra họ Vũ Huy gốc cũng ở Cổ Đình. Họ Vũ Huy, do một ông tổ chi từ đời nhà Mạc, đã lưu lạc xuống tỉnh Nam lập nghiệp mà hình thành nên. Giá như ông Vũ Huy Tân còn đang làm quan thì họ Vũ Xuân chưa chắc đã dám nhận, vì sợ mang cái tiếng thấy sang bắt quàng làm họ. Đằng này, ông Tân đã từ quan, mà hình như từ quan do vua Tự Đức không ưa, gia cảnh lại nghèo, chỉ còn được cái tiếng đỗ đạt cao, cho nên họ Vũ Xuân mới dám nhận họ. Nhận là nhận cái văn hoa, học hành, điều này họ Vũ Xuân còn thiếu và thèm muốn. Vì vậy nên họ Vũ Xuân liền cất một mẫu vườn, làm ngôi nhà gọn gàng, đón ông Vũ Huy Tân về làm thầy cho cả làng cả tổng. Ông Vũ Huy Tân nhìn thế đất làng Đình, cho là nơi có thế ngọa hổ tàng long, nơi nằm giữa đồng bằng và miền núi, có thể tiến, có thể thoái nên nhận lời về dạy học ở đấy. Ông Vũ Huy Tân có người bạn đỗ cử nhân là Phùng Khiêm. Ông Khiêm làm tri phủ, bà vợ bệnh mới mất. Vũ Huy Tân thấy cô Vũ Thị Ngát vừa đẹp người, vừa đẹp nết, liền nói với họ Vũ Xuân, làm mối cô Ngát cho cử Khiêm. Họ Vũ Xuân vui mừng thở phào. Bởi vì họ Vũ đang lúng túng. Gả cô Ngát cho một người quá tầm thường thì họ không muốn. Còn gả cô cho một người xứng đáng thì thời loạn

quả là khó. Người ta bảo: "Thôi! Cô không làm quý phi, mà làm bà tri phủ thì cũng được".

Cô Ngát lấy chồng vào năm Tân Dậu. Khi ấy cô mười sáu tuổi. Bây giờ cô không phải là cô Ngát nữa mà là bà phủ Khiêm. Cô theo chồng về xứ Nam, nơi nhậm sở của chồng. Mới mười tám, nhưng cô đã chững chạc lắm. Ngoài nhan sắc ra, cô còn biết chữ nghĩa, lại là người hiền hòa thương người nên ông phủ Khiêm vừa quý trọng, vừa yêu mến cô lắm. Ngoài việc gia đình, có khi cả việc quan ông Khiêm cũng đem ra hỏi cô. Cô chẳng đọc nhiều sách, nhưng cứ theo lẽ thường trong dân gian mà trả lời ông. Và cái lẽ thường làng xóm ấy thường lấy sự hòa hoãn, nhân hậu làm đầu. Cái cách ấy của cô, ông cũng tán thành, cho nên vợ chồng rất tâm đắc cùng nhau.

Thời kỳ cô lấy chồng là thời kỳ nước nhà đau thương nhất. Năm 1858 quân Pháp tấn công Đà Nẵng. Rồi tướng Rigault de Genouilly quay vào Nam chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Bộ. Cả nước sục sôi căm phẫn vì đất nước bị dày xéo. Vua Tự Đức thì nhu nhược. Nhiều đại thần chủ chiến, nhưng nhà vua lại chủ hòa. Ông Vũ Huy Tân cũng ở trong số các quan chủ chiến và vì lẽ đó ông bị thất sủng, phải từ quan. Vũ Huy Tân về Nam Định nói với Phùng Khiêm:

- Quân Phú Lãng Sa chỉ mượn cớ ta cấm đạo để gây chiến. Thực ra, ý đồ chính sâu xa của chúng là xâm chiếm toàn bộ đất nước ta. Vì vậy phải Bình Tây Sát Tả.

- Sao lại sát tả?

- Trước kia chỉ cấm chứ bây giờ thì phải sát bọn tả đạo. Bởi vì những người theo đạo Gia Tô lúc này không chỉ là nguồn gốc gây sự bất hòa trong nước ta, bây giờ họ

không chỉ là những kẻ đi theo một tôn giáo ngoại lai, rời khỏi gia đình làng xóm, chối bỏ thờ cúng tổ tiên; mà ngày nay họ đã là bè bạn của bọn ngoại bang. Nhiều kẻ đi lính cho Pháp. Nhiều kẻ chỉ đường cho Pháp. Họ đã là những kẻ phản bội đất nước non sông.

- Đã có bằng chứng gì?

- Ở Gia Định, đã có hai trăm người Gia Tô giáo sung vào lính tập đi đánh giết đồng bào. Rồi bác xem, vua Tự Đức cũng phải mở mắt to ra mà nhìn sự thật.

Ông Vũ Huy Tân, sau đó, về làng, và đi vân du khắp nơi để thực hiện chí hướng Bình Tây Sát Tả. Và quả nhiên, như lời ông dự đoán, vua Tự Đức bị phái cứng rắn trong triều đình ép, bắt buộc phải ra những chỉ dụ cấm đạo Thiên chúa vô cùng gay gắt.

Chỉ dụ gay gắt nhất ban hành tháng 7 năm 1861. Đó là chỉ dụ "Phân sáp giáo dân". Chỉ dụ viết:

Sức nhắc lại cho các địa phương phải nghiêm ngặt chia ghép dân đạo. Trước đây việc chia ghép có nhiều sót lậu. Nay các phủ huyện địa phương phải nghiêm chỉnh.

Phàm những dân đạo bất kể già trẻ, trai gái, đã bỏ đạo hay chưa bỏ đạo, đều phải thích chữ vào mặt, rồi chia ghép vào các xã thôn bên lương và bị quản thúc thật nghiêm.

Những tên theo đạo là những kẻ đầu mục hung ác thì vẫn bị giam cầm như cũ. Nếu bọn Tây Dương đến nơi thì đem bọn ấy giết cho hết.

...

Dụ cho các địa phương, hãy chiêu mộ dân nhận phần ruộng đất của dân theo đạo mà cày cấy. Đến vụ thu

hoạch chia hoa màu: một phần cho người cày cấy, một phần sung công để cấp lương cho người theo đạo bị giam.

...

Những hạng đầu mục theo đạo loại bướng bỉnh đang bị giam thì quan địa phương phải dạy bảo kỹ càng. Mỗi tháng kiểm soát hai lần, thấy tên nào ngạo mạn hung tợn thì lập tức đem ra thắt cổ cho chết. Những tên cố ý không bỏ đạo thì nghiêm giam cho đến chết.

...

Bà phu nhân hiền hậu đã phải chứng kiến bao cảnh hãi hùng trong những ngày phân sáp ấy. Nơi chồng bà cai trị là một phủ ven biển, ở đấy có nhiều giáo dân. Dân vùng biển vốn là dân nghèo nhất. Lại có nhiều thuyền bè ngoại quốc đi lại ngoài khơi. Đó là nơi các giáo sĩ phương Tây dễ xâm nhập nhất. Thời nhà Lê đã có những xóm đạo hình thành. Bởi lẽ lúc đó người dân vô cùng thuần phác, mà nhà vua lại chưa cấm đạo. Các giáo sĩ phương Tây rất khôn ngoan, họ đút lót các quan lại địa phương để cho phép họ được đi lại tự do truyền đạo. Thậm chí, có giáo sĩ bỏ tiền bạc ra mua những vùng bãi bồi rộng lớn, dụ dân ai đi đạo thì cho đất. Bằng cách ấy, họ đã tạo nên những làng đạo, xứ đạo. Và đến lúc ông phủ Khiêm đến nơi trị nhậm thì đã có những gia đình mấy đời đi đạo. Người dân nghèo đi đạo là những người sùng tín nhất. Các giáo sĩ lại là những người có học vấn cao, có đạo đức trong sạch, có đức tin, có lý tưởng mạnh mẽ truyền bá những điều tốt lành đẹp đẽ của Chúa, nên thường những xóm đạo sống rất hiền hòa, văn minh, thịnh vượng. Điều đó gây nên lòng đố kỵ ở những người

không đạo. Vả lại, người đi đạo không thờ cúng tổ tiên. Hơn nữa, nhà vua lại cấm đạo. Do đó, nảy sinh mối hằn thù vô lý giữa hai cộng đồng. Đến khi mối hằn thù được xổng xích, được cho phép và kích động thì sự độc ác trở nên không tưởng tượng nổi.

Nam Định là tỉnh nhiều giáo dân, cũng là nơi thi hành chỉ dụ phân sáp nghiêm ngặt và kịch liệt nhất. Quan quân dân chúng chặn các ngả đường không cho các làng Thiên chúa giáo đi lại phòng có người đi đạo trốn thoát. Rồi binh lính ùa vào các nhà, lùa tất cả già trẻ gái trai ra tập hợp tại sân nhà thờ. Những kẻ bị coi là cứng cổ, là ngoan cố, là cầm đầu đều đã bị bắt đi giam giữ hết rồi. Trước sân nhà thờ, đàn ông đứng riêng, đàn bà đứng riêng, trẻ con tập hợp lại thành nhóm. Quan lãnh binh đứng lên đọc tên từng người rồi mời các tỉnh khác đến nhận người đem về phân vào các làng bên lương. Mỗi làng bên lương nhận khoảng mươi người sao cho cứ năm người lương quản thúc một người giáo. Thông thường, người ta phân sáp giáo dân đi rất xa, sang tỉnh khác, không gần bờ biển, đàn ông ở tỉnh này, đàn bà ở tỉnh khác. Trẻ con cũng bị tách khỏi bố mẹ giao cho các gia đình bên lương nuôi dạy.

Trước khi đi, tất cả giáo dân đàn ông, đàn bà đều bị thích chữ vào mặt. Má trái thích hai chữ "tả đạo". Má phải thích tên tổng, huyện nơi gửi đến.

Cuối cùng là triệt hạ làng cũ. Đầu tiên đốt nhà thờ, rồi đốt tất cả nhà ở sao cho nơi ở cũ của họ san thành bình địa. Lửa cháy đùng đùng. Tre nứa nổ lốp đốp. Đàn bà, trẻ con khóc như ri. Lính giải từng tốp người đi trên đường cái quan. Hành lý duy nhất của mỗi người là cái bị đựng

vài manh áo rách. Người ra đi mắt ngấn lệ đầu còn ngoái lại quê hương mà lúc này là những đám cháy đùng đùng.

Ngoài đám dân bị phân sáp đi hết, riêng người theo đạo cứng cổ bị bắt giam lên tới gần vạn người. Năm Tân Dậu bi thương ấy người ta giết tới 4800 kẻ gọi là đầu sỏ. Quan tuần phủ Nguyễn Đình Tân là người rất nghiêm khắc. Mỗi ngày ngài chuẩn y cho giết vài chục tên tả đạo. Mỗi lần xử trảm tả đạo là một lần dân tụ tập đến xem pháp trường đông nghịt như có hội.

Có bận bà phủ Khiêm cũng dự một cuộc xử trảm tả đạo. Hôm ấy, ngài tuần phủ muốn thị uy. Ngài bắt tất cả quan chức phủ, huyện, tổng lý đều phải có mặt. Ngay cả vợ con họ cũng phải đến dự.

Pháp trường thiết lập ngay tại một xã công giáo toàn tòng. Bà phủ Khiêm trông thấy cờ quạt trống chiêng và người đông nghìn nghịt quanh một cái hố rộng. Nói đúng hơn đó là một chiếc ao nhỏ đã tát cạn nước. Bà nghĩ: họ cho rằng chạm tay vào kẻ tả đạo thì bẩn tay, nên họ định chém ngay trong hố rồi cứ thế mà lấp đất kín. Bà thở dài.

Một hàng cọc mười một chiếc cắm thẳng hàng dưới đáy ao. Mười một tên tử tù bị trói chặt vào những chiếc cọc. Mồm tên nào cũng bị khóa. Người ta đề phòng chúng mở miệng nói những điều xằng bậy khi thi hành án. Ba viên đao phủ mặc quần áo đỏ, chít khăn đỏ, vác đại đao đứng một hàng, mặt đằng đằng sát khí. Quan tuần phủ ngồi trên ghế bành, trên đầu có lọng che. Quan lãnh binh giọng oang oang tuyên đọc bản án.

...

Mười một tên tử tù này là những tên tả đạo nguy hiểm. Có những tên đã bơi thuyền ra biển đến tàu Tây

Dương đón cố đạo ngoại quốc vào đất liền rồi còn che chở cho chúng. Có những tên vào tận Đà Nẵng và Gia Định hàng giặc đầu quân vào lính tập để bắn giết dân ta, rồi lại quay trở ra Nam Định để chờ đón quân ngoại bang tới. Có những tên theo giáo sĩ Tây Dương ra nước ngoài học rồi quay trở về trong nước rủ rê người tả đạo đi làm giặc chống lại nhà vua. Tội của chúng rành rành khiến trời chẳng dung đất không tha. Quan trấn thủ đã tra xét kỹ càng rồi tâu lên đức vua. Ngài đã đau xót mà nói rằng:

Đã từ lâu, một lớp ngu dân đi theo tả đạo, mặc dù Trẫm đã ban lời khuyên dạy, song bọn côn đồ này vẫn chưa ra khỏi giấc mơ. Bên ngoài thì chúng im lặng khóa miệng, nhưng thực ra chúng toàn làm việc dối trá, cả những việc phản loạn. Trẫm đã ra lệnh cho các viên trấn thủ răn dạy chúng trở về đường ngay thẳng nhưng chúng cứ một mực cắm đầu vào con đường tội ác tày trời. Trẫm rất thương xót nhưng nước phải có quốc pháp. Phải xử chúng thật nghiêm.

Nay quan trấn thủ Nam thành chiếu theo luật pháp thấy tội chúng đáng phải chết. Vậy, cho thi hành án, một là để làm sáng tỏ sự công minh của đức vua, hai là để răn dạy cho toàn thể giáo dân, tránh đi vào con đường tội lỗi.

Sau bản tuyên đọc của quan lãnh binh, ba hồi trống chiêng chậm rãi ngân vang. Viên chánh trảm quan, đao gài sau lưng quỳ xuống tâu với quan tuần phủ:

- Bẩm đại nhân, hạ quan mấy ngày hôm nay đã hạ thủ một trăm chiếc đầu phản nghịch. Quần áo hạ quan đã thấm máu nhiều kẻ nghịch tặc đã trở nên khô cứng. Nay, hạ quan xin phép đại nhân được thi hành án theo cách mới.

Tuần phủ vẫy tay chuẩn y.

Bà phủ Khiêm thầm nghĩ: Thì ra không phải chém đầu. Đúng lúc ấy người chánh trảm quan hô dõng dạc:

- Thi hành!

Hai người phụ tá cũng mặc quần áo đỏ được lệnh, liền chạy phăm phăm theo một con mương nhỏ ra chỗ hồ nước lớn bên cạnh. Ở đấy, có tấm ván ngăn nước. Họ chặt dây giữ ván. Và dòng nước theo con mương lập tức ồ ồ chảy vào. Nước chảy xuống cái ao tử tù. Thì ra một cuộc hành quyết dìm nước chứ không phải chặt đầu như thường lệ.

Người đi xem bỗng ồ lên, khi nước chảy đến đầu gối những người tử tù. Những con người đang giãy giụa tuyệt vọng. Nhưng tiếng kêu ú ớ cố thoát ra từ những cái mồm bị khóa chặt. Những con mắt trắng dã ánh lên sự kinh hãi. Tiếng trống chiêng thúc liên hồi. Tiếng quân reo à à. Chánh trảm quan lại hô to:

- Mở ván thứ hai.

Hóa ra ở đầu nguồn mương có nhiều lối vào. Nguồn nước thứ hai này mạnh hơn. Khi tấm ván mở ra, nước chảy ào ào vào mương. Người trên bờ hét lên:

- Nước đã chảy đến bụng.

Rồi:

- Nước đã chảy đến ngực.

Lúc này, những người tử tù giãy giụa lồng lộn hơn. Có những cái cọc lung lay. Có người gồng hết sức để kéo cọc lên. Người chánh trảm quan liền hô:

- Mở tất cả ván.

Bà phủ Khiêm nhắm mắt lại không dám nhìn cảnh

tượng ấy nữa. Chẳng biết lần này họ mở mấy nguồn mà dòng nước chảy ồ ồ như một con thác nhỏ. Loáng một cái nước đã ngập đến cổ rồi đến tai những con người bất hạnh. Những cái đầu cố dướn lên nhưng không được nữa.

Thì ra, cuộc hành quyết nào cũng là một cuộc biểu diễn. Phải diễn sao cho thật ấn tượng. Chặt đầu mãi cũng nhàm chán. Người ta cho rằng những kẻ tà đạo này là những tên đầu sỏ cứng đầu nhất. Vậy nên phải xử chúng một cách khác ấn tượng hơn, đặc biệt hơn, để sao cho cảnh hãi hùng ấy được nhớ đời. Phải cho chết từ từ. Phải cho chết rùng rợn để kẻ khác trông thấy sẽ không bao giờ dám như thế.

Cuối cùng những chiếc đầu bị chìm nghỉm hết chỉ còn trông thấy những chiếc cọc nhô lên rồi đảo ngoáy lung tung. Trông cái cọc biết con người ở dưới đã kiệt sức đến đâu. Trông cái cọc biết con người đang hấp hối thế nào. Có những cái cọc giật liên hồi. Có những cái cọc đờ đẫn lảo đảo.

Cuối cùng có hai cái cọc làm nước sủi sùng sục. Hai con người lực sĩ vùng biển đã nhổ được cọc và nổi phềnh lên mặt nước.

Bà phủ Khiêm nghĩ: có lẽ cả đến chuyện này người ta cũng tính toán từ trước. Bởi vì chính lúc ấy mấy người đao phủ đã sẵn sàng cầm sào đứng dậy. Hai kẻ tử tù đã thoát ra khỏi cọc, nhưng chân tay vẫn bị trói, thế mà họ vẫn bơi được. Họ cố bơi vào bờ, nhưng khi gần đến bờ, thì những đao phủ áo đỏ lại đẩy họ ra xa.

Nhìn hai người đàn ông tuyệt vọng đang cố bám lấy cuộc sống lòng bà Khiêm chợt xao động khó tả. Một người thì nằm ngửa cố dựa vào cái cọc, cố nằm xa những con sào

để khỏi bị đẩy đi đẩy lại. Còn người kia thì cố bơi vào bờ, nhưng vào bờ sao được khi tay chân còn bị trói, và đằng trước mặt anh ta là một cây sào và người đao phủ áo đỏ đang dứ dứ. Sao anh ta không tự chết đi mà còn cố ngoi lên mặt nước làm gì cho đến nỗi như thế này. Kìa! Cặp mắt anh ta! Anh ta bị khóa mồm nên nói bằng mắt. Đôi mắt cầu xin. Đôi mắt van lơn. Như đôi mắt của một con vật đang hấp hối cố nhìn người chủ. Đôi mắt trắng dã, lờ đờ ấy chợt làm bà phủ Khiêm thấy nôn nao trong lòng. Tự nhiên ruột gan bà cuộn hết lên. Hoa mắt. Buồn nôn.

Bà phủ vội vàng rẽ đám quan lại chạy ra ngoài vòng người. Bà nghĩ: Sao các người không giết ngay anh ta đi mà lại làm như thế. Ta biết rồi. Đằng sau mấy người áo đỏ, còn bọn lính đang cầm những cây giáo. Họ chỉ muốn hai người tử tù kia vùng vẫy thật mạnh. Và rồi họ sẽ phi giáo xuống như ở thôn quê người ta vẫn cầm xiên đâm cá. Những con cá bị mắc xiên giãy đành đạch. Ý nghĩ ấy làm đầu óc bà chợt quay cuồng. Bầu trời chòng chành.

Bà vội ngồi xuống bờ cỏ, quay lưng lại đám người. Bà cũng cảm ơn đám người đó vì họ im lặng. Im phăng phắc. Ừ! Im là phải chứ. Nhưng đám người cũng không im mãi được. Bỗng nhiên họ ồ lên một tiếng, họ à lên một tiếng. Mỗi tiếng kêu ấy bà lại thấy nhói ở trong lòng. Bà biết mỗi tiếng ồ ấy là một mũi giáo lao xuống. Bà không còn kịp nghĩ nữa khi toàn thân bà rung lên. Rồi ruột gan lộn tùng phèo chao đảo, mắt tối sầm. Bà cúi xuống và nôn thốc nôn tháo. Nôn đến mức bà kiệt sức phải nằm lăn ra cỏ và không biết gì nữa. Một lúc sau bà chỉ nghe loáng thoáng tiếng ông phủ. Ông lay và gọi:

- Mình ơi! Mình tỉnh lại đi.

2

Bà phủ Khiêm ốm mất đến nửa tháng mới khỏi. Ông phủ Khiêm hỏi vợ:

- Bà ra sao mà tự nhiên lại ngã bệnh nhanh làm vậy.

- Tự nhiên thiếp thấy nôn nao. Thấy trong người nhộn nhạo như bị khuấy lộn lên. Nôn mửa rồi thiếp đi. Thấy có người ăn mặc phẩm phục như một vị quan đến bảo: "Phu nhân là người tích đức. Nhìn cái cảnh ấy làm gì. Chẳng hay đâu. Tránh xa nó ra".

- Thì ra phu nhân được thần nhân đưa đi để tránh khỏi phải tham dự vào những cuộc hành hình ghê người. Tôi cũng phải cảm ơn nàng. Vì nhờ nàng ốm, tôi được quan tuần phủ miễn cho việc đi tổ chức các cuộc hành quyết.

- Kể ra họ cũng thật đáng thương. Nhiều người tôi biết rất rõ họ chẳng có tội gì đâu.

- Đã dành là vậy. Người dân đạo thấp hèn chỉ biết làm ăn. Nhưng người Tây Dương muốn lợi dụng họ. Còn nhà vua thì phải có uy. Chỉ có dân đen là khổ. Còn mình làm quan biết họ đáng thương, song vua sai thì phải làm. Sao cưỡng được luật vua ban. Mà này... Lạ thật!... Tôi lại thấy bác Vũ Huy Tân có mặt ở dinh quan tuần phủ.

- Bác ấy đến đó làm gì?

Ông phủ trầm ngâm.

- Bác Tân là người cứng cỏi. Chắc bây giờ nhà vua

cứng cỏi với người Pháp nên bác ấy lại ra giúp. Chưa có chỉ dụ vua ban, bác ấy cũng ra. Chẳng là ông trấn thủ đầu tỉnh và bác ấy là bạn cùng khoa.

Hai vợ chồng đang nói chuyện thì có tiếng to ngoài ngõ. Bà phủ Khiêm ra xem rồi dẫn một người đàn ông trạc gần ba mươi và một đứa nhỏ vào. Ông phủ còn chưa biết đầu đuôi câu chuyện ra sao, người đàn ông quần áo rách rưới đã quỳ xuống lạy:

- Bẩm quan lớn rón tay làm phúc, cứu chúng con.

Ông phủ từ tốn:

- Có chuyện gì oan khuất anh cứ từ từ nói ra. Giúp được người ngay thẳng là tôi sẽ làm.

- Con không có điều gì oan khuất. Chỉ xin quan ông quan bà rón tay làm phúc. Con biết con là kẻ có tội.

- Đã là kẻ có tội thì ta giúp làm sao được.

- Dạ bẩm, con là giáo dân. Theo lời các quan thế là con có tội.

- À, ra thế - Quan còn suy nghĩ thì người dân kia kể lể.

- Cả nhà con đi phân sáp đã chết cả rồi. Chỉ còn con và thằng bé này vắng nhà hôm triệt hạ làng nên còn sống sót. Khi về nhà nhìn thấy chỉ còn đống tro tàn, con sợ quá mang thằng bé trốn biệt. Chúng con ẩn nấp trong ruộng cói, rừng sú ven biển. Đói thì bắt con cua con tôm ăn sống. Dựng một túp lều trên đám đất cao để ở. Định sống qua ngày, chờ lúc hết chuyện tố đạo thì về... Ai dè thằng bé mấy hôm nay sốt quá. Con biết nếu cứ gan ở trong rừng sú thì thằng bé sẽ chết... Vì sắp đến mùa mưa bão. Con đánh bạo mò về. Người ta bảo vợ chồng quan là người nhân đức. Xin quan hãy cứu lấy thằng bé... Còn

con, con xin nhận tội, con là người bên đạo, con xin vào ngục. Chỉ mong quan cứu lấy thằng bé. Ông phủ Khiêm gật đầu:

- Thế thằng bé là con anh sao?

- Dạ, không phải. Nó là con người anh. Cả nhà hạ dân chỉ còn sót lại mình nó.

- Tên nó là gì?

- Dạ, tên Liên ạ.

- Còn anh tên gì?

- Dạ, con là Cam.

*

* *

Hôm sau, Cam lên quan đầu thú. Còn thằng bé Liên thì được cô Ngát tức bà phủ Khiêm chữa cho lành bệnh rồi đưa về làng Cổ Đình nhờ họ hàng nuôi giúp. Nó là Liên nhưng vì ăn nói láu táu nên dân làng gọi nó là Liến cho tiện.

Một hôm, ông phó bảng Vũ Huy Tân đến nhà chơi. Đôi bạn lâu ngày mới gặp mặt, mừng rỡ. Phủ Khiêm sai người nhà bày tiệc rượu. Đã ngà ngà say, Vũ Huy Tân bảo:

- Bác biết đấy, tôi là người không nhận được chữ hòa. Tôi với người Tây Dương là không đội trời chung. Cho nên khi đức vua ra lệnh phân sáp người tả đạo tôi tán thành ngay. Vua chưa ban chỉ dụ nhưng tôi đã tới ngay quan tuần phủ xin giúp việc. Ông ấy với tôi là người cùng chí hướng.

Phủ Khiêm biết tính bạn là người cương trực, ông cười:

- Chắc bác muốn hỏi cái chí hướng của tôi thế nào

phải không? Sao lại thế? Chúng ta đều là người học đạo thánh hiền...

- Cùng là người học đạo thánh hiền cả, thế mà có người hòa, người chiến.

Phủ Khiêm nhẹ nhàng từ tốn:

- Các bác là người quân tử. Các bác là những hòn núi cao; còn tôi, tôi chỉ làm một chức quan nhỏ...

- Quan nhỏ hay quan to đều theo đạo thánh hiền. Mà đạo thánh hiền là đạo học làm người quân tử...

- Tôi chưa nói hết. Ý tôi muốn bảo có nhiều cách thi hành đạo cả...

Vũ Huy Tân tợp một chén rượu đầy, lúc này mới nói ra tâm sự.

- Bác biết không, tôi có chút lo lắng nên mới phải từ trên tỉnh lặn lội về đây thăm bác.

- Lo lắng gì? Xin bác cho biết.

- Chẳng là cái hôm hành hình bọn tả đạo, bác gái bị ngất, có đúng thế không? Sau đó ốm to.

- Vâng, có thế thật. Tiện nội hôm ấy phải cảm...

- Cảm ư? Người ta nói khác cơ...

- Thưa, họ nói làm sao?

Vũ Huy Tân gật gù ngẫm nghĩ mãi rồi bảo:

- Họ nói rằng... Chính bà ấy là người theo đạo Gia Tô. Bà ấy thấy đồng đạo bị giết... nên... không chịu nổi...

- Trời ơi! Có chuyện ấy sao. Chính bác, bác cũng biết nhà tôi có theo đạo đó đâu...

- Người ta còn có đơn tố cáo bác nuôi một đứa trẻ con nhà tả đạo?

- Điều ấy thì có. Nhưng đức vua chẳng ra lệnh phân sáp, cho nhà bên lương nuôi trẻ con bên đạo để cải đạo nó đi hay sao.

- Người ta còn tố cáo bác đã nói rằng: "Bắt bước qua cây thánh giá là quá quắt. Có ai bắt chúng ta bước qua bàn thờ tổ tiên, ta có chịu không?".

- Tôi không nói câu ấy bao giờ.

- Thế thì bác phải chứng minh thôi. Chứng minh rằng bác không phải dân tả đạo.

Hai vợ chồng phủ Khiêm, sau khi Vũ Huy Tân đi, nơm nớp lo sợ chờ tai họa giáng xuống. Quả nhiên, chỉ mấy hôm sau, có giấy triệu tập hai vợ chồng ông lên tỉnh.

Lòng họ tơ vò trăm mối khi đặt chân lên dinh quan tuần phủ. Quan tuần ngồi trên sập ở giữa sảnh đường, hai bên có lính cắp gươm đứng hầu, có thị vệ phe phẩy quạt lông trĩ, có thị nữ hầu trà thuốc. Trước sảnh đường dưới sân, hai bên có hai chậu cảnh lớn trồng cây to uốn hình hai con hạc chầu.

Bà phủ Khiêm để ý, ở dưới sân gạch bát tràng, giữa hai con hạc, giáp ngay bậc thềm bước lên vẽ hình cây thánh giá bằng vôi trắng. Bà phủ và cả ông phủ Khiêm cũng hiểu ngay vấn đề. Đây là bước kiểm tra đầu tiên. Họ không dám đưa mắt nhìn nhau, mà cứ thản nhiên bước qua cây thánh giá lên bậc thềm rồi vào sảnh đường kính cẩn thi lễ. Quan tuần phủ cười khà khà giọng xuề xòa:

- Ông bà phủ đã lên đấy ư. Tôi nghe người ta bảo ông nói rằng bước qua cây thánh giá là việc quá quắt cơ mà.

- Thưa đại quan - ông phủ trả lời bằng giọng nhỏ nhẹ

nhưng bình tĩnh. - Hạ quan chẳng qua chỉ là một chức quan nhỏ, đêm ngày cần cù làm việc cho thánh thượng, nói một lời nhỏ cũng phải cân nhắc kỹ, học tập các hiền nhân cử chỉ nói năng phải cẩn trọng như người đi trên băng mỏng, dám đâu nói những lời sàm sỡ như vậy. Kính mong đại nhân xem xét.

- Ừ, ông nói cũng đúng. Và lúc nãy hai vợ chồng đi qua cây thánh giá cũng chứng tỏ được lời nói. Tuy nhiên việc ông bà nuôi một đứa trẻ đi đạo. Việc ấy có đúng không, hay ông lại cãi là lời vu cáo.

- Dạ, việc ấy thì có thật. Hạ quan không dám cãi. Song le, việc ấy hạ quan làm đúng theo chỉ dụ của đức hoàng thượng. Nhà vua thương xót những kẻ lầm đường lạc lối đã truyền đem trẻ con bên giáo, giao cho những gia đình bên lương nuôi dạy, để khi lớn lên, chúng xa rời con đường tả đạo. Vả lại, không phải nó là con nuôi của vợ chồng hạ quan. Chúng tôi chỉ đem chúng về quê cho người họ hàng nuôi.

- Thế đem nó về đâu?

- Dạ, về xã Cổ Đình, huyện...

- Thôi được! Việc này rồi sẽ tra xét. Tuy nhiên có một điều quan trọng nhất tôi muốn hỏi: đó là, ông có theo đạo Gia Tô không?

- Điều đó không có, xin đại nhân minh xét.

Viên tuần phủ ngọt ngào gặng hỏi:

- Ông đừng sợ. Cứ phải nói thật. Chắc ông đã rõ chỉ dụ của nhà vua. Quan lại kẻ nào theo đạo Gia Tô, biết hối cải mà ra tự thú tự nguyện bỏ tả đạo thì tha cho. Còn như những kẻ ngoan cố, sau khi tra xét mà phát giác ra

thì cách chức rồi khép vào tội "giảo giam hậu" phải thắt cổ mà chết...

- Xin đại quan minh xét. Chắc đây là lời đố kỵ vu cáo. Hạ quan xin bảo đảm trong gia đình nhà mình không có một người nào theo đạo. Nếu sai, hạ quan xin chịu tội chết.

Phó bảng Vũ Huy Tân lúc đó cũng ngồi ở công đường xen vào nói vài lời giúp bạn:

- Thưa ngài trấn thủ, tôi vốn có quen bác cử Khiêm. Đúng trước đây gia đình bác Khiêm không có ai đi đạo.

- Quan phó bảng nói vậy là tốt cho ông rồi. Tuy nhiên, việc này hệ trọng không thể sơ sài. Quan phó bảng nói trước đây, nhưng còn hiện nay thì sao. Các giáo sĩ Tây Dương họ thâm hiểm lắm. Triều đình cũng đã điều tra được một số người trong quan lại ngấm ngầm theo đạo Gia Tô, ngấm ngầm chờ người Tây Dương đem quân tới. Thôi được! Việc của ông đã rõ được quá nửa phần. Song còn phải tra xét thêm cho thật rõ ràng. Tôi thiết nghĩ, làm như thế chỉ thuận lợi cho ông thôi. Người quân tử lòng dạ minh bạch như ban ngày...

Việc điều tra kéo dài hơn một năm. Hai vợ chồng lúc nào cũng như ngồi trên đống lửa. Trong thời gian tố đạo ấy, con người trở nên quá khích. Người nào cũng muốn tỏ ra trong trắng không dính líu, thành thử trong lúc phủ Khiêm bị ngồi chơi xơi nước, đồng liêu chẳng ai dám đi lại. Chỉ riêng Vũ Huy Tân năng đi lại hơn trước. Ông không sợ hãi gì cả. Ông có tiếng là người chủ chiến ghét Tây, ghét cả cái đạo của Tây. Người ta bảo: "Đến vua định chủ hòa ông vẫn dám chỉ trích, thì ông ta còn sợ cái gì". Nhiều kẻ ghét ông muốn hãm hại song chẳng làm nổi. Ông còn dám nói thẳng vào mặt họ:

- Con người ta hơn nhau, chỉ đến khi nước sôi lửa bỏng mới rõ. Quân tử ư? Tiểu nhân ư? Chúng ta vỗ ngực là người quân tử, nhưng nhiều khi ta hành xử chẳng khác gì loài chó lợn. Riêng tôi, tôi vẫn dám đi lại với bác Khiêm vì tôi biết rõ lòng dạ bác ấy. Tôi không muốn làm người vô nghĩa.

Quả nhiên, một năm sau, cử Khiêm được minh oan. Tuy nhiên, triều đình cũng không tín nhiệm ông như xưa. Ông thôi chức tri phủ, mà được cử đi làm giáo thụ ở một phủ khác. Mọi người thấy thế ái ngại cho ông bị giáng chức, riêng ông, ông lại thấy thích. Chăm sóc việc học hành cho dân một phủ, ông thấy việc đó rất có ích. Lương bổng tuy bị kém nhưng ông chẳng lo lắm vì hai vợ chồng vẫn chưa có con, và bà vợ lại là người đảm đang tháo vát. Bà Khiêm vốn có nghề canh cửi. Bà dựng lên mấy cái khung cửi, rồi bà cùng người làm lách cách suốt ngày. Ông giáo thụ nghe tiếng thoi lại lấy làm vui. Học trò loại khá trong vùng đến trường quan giáo thụ xin học rất đông. Cử Khiêm nói với học trò:

- Người học trò phải giữ cho được tấm lòng son. Lòng son với vua với triều đình. Lòng son với dân với nước. Đó là điều cốt tử của nhà nho trong thời buổi này.

Rồi:

- Việc có thị có phi. Muốn xét đoán việc, phải lấy tấm lòng son với xã tắc làm chuẩn mực. Cái gì trái với điều ấy thì không làm.

Rồi:

- Ngòi bút có chính có tà. Đại để, muốn chẳng tà thì cũng phải lấy tấm lòng son ra mà xem xét.

Một bận, phó bảng Vũ Huy Tân, khăn gói trên vai đến gặp cử Khiêm, nói riêng với bạn:

- Đức vua chúng ta là người không quyết đoán nay chiến, mai hòa. Sát bọn tả đạo quyết liệt đến như thế, mà nay lại thay đổi rồi. Bọn Tây thì luôn đe dọa, đẩy nhà vua lui từng bước, rồi lấn dần từng bước.

Ông thở dài:

- Miền Nam thế là hoàn toàn rơi vào tay chúng rồi. Trước sau, bọn Tây cũng đánh ra Bắc.

- Biết làm sao bây giờ?

- Giặc cướp nổi lên tứ tung. Quan lại thì tham nhũng chỉ lo vét cho đầy túi tham. Còn giặc đang sắp đến nhà. Tôi nghĩ đất nước chỉ còn trông mong vào người nho sĩ chúng ta...

- Tôi phải làm gì bây giờ?

- Bác làm giáo thụ là cái may. Phải giữ vững chí khí cho người học trò. Cánh học trò mà vững mới làm cho dân biết cần phải làm gì?

- Thế còn bác?

- Tôi cũng ra đi. Tôi cũng trở về làng Cổ Đình làm thầy dạy học. Khó mà tin được đám quan lại. Như ông tuần phủ, quan trấn thủ, bạn tôi, hôm nay, vua Tự Đức nói khác, thế là ông ta lại có giọng lưỡi khác rồi. Tôi đành phải rời bỏ ông ta. Bác ở lại, cố giữ lấy cái trường học, và cẩn thận giữ mình. Sau này, những người trung thực như bác rất cần cho dân.

Lời tiên đoán của Vũ Huy Tân chỉ mấy năm sau đã thành sự thực. Năm 1873 (Quý Dậu), Francis Garnier hạ thành Hà Nội bằng một dúm quân. Chỉ có mấy người

lính Pháp cũng hạ được thành Nam Định. Trước đây, bà Khiêm thương xót cho số phận người công giáo trong cuộc phân sáp long trời lở đất. Còn hôm nay, bà Khiêm lại được trông thấy những người công giáo theo Tây đến đốt phá những làng bên lương. Cũng may, chỉ mấy hôm sau Francis Garnier bị giết ở Cầu Giấy nên quân Pháp phải rút đi.

Lúc này quan cử Khiêm mới có cơ hội chứng nghiệm cái luận thuyết tấm lòng son của mình. Ông kết luận: ở người công giáo lúc ấy, có thiên hướng tà nhiều hơn. Khi mọi việc trở về nề nếp cũ, cử Khiêm khi dạy ở lớp học, lại tiếp tục giảng cho học trò của mình lòng trung trinh với dân với nước, và tấm lòng son của người nho sĩ khi quốc gia lâm sự. Người công giáo thời ấy, không được đi thi, không được ra làm quan, đến cả chức xã trưởng thấp nhất họ cũng không được làm, tuy nhiên vẫn có một số học trò học chữ thánh hiền, họ học chỉ để cho biết. Trong lớp của ông cử Khiêm, cũng có mấy học trò giáo dân. Sau cái hôm ông hùng hồn nói tới tấm lòng son, và ông lại nhìn về phía những học trò bên giáo mà nói, thì đám học sinh giáo dân hôm sau bỏ học hết.

Năm Nhâm Ngọ (1882), Henri Rivière hạ thành Hà Nội lần thứ hai. Henri Rivière lại bị chặt đầu ở Cầu Giấy giống như số phận Francis Garnier. Song lần này người Pháp không trả lại đất cho ta nữa. Họ quyết định chiếm Bắc Kỳ. Nam Định bị quân Pháp chiếm đóng. Vũ Huy Tân gửi thư cho cử Khiêm:

Bác hãy làm trọn nghĩa vụ trung với nước của người nho sĩ. Bất đắc dĩ, nhưng chúng ta phải đành gác bút nghiên và cầm đao kiếm. Chúng ta cần mộ quân cứu nước...

Cử Khiêm, cũng như rất nhiều nhà khoa bảng thời đó, đã tập hợp nghĩa binh đánh Pháp. Sự thực, họ chỉ có tinh thần yêu nước và chí quả cảm. Vũ khí của họ là giáo mác. Nghĩa binh lại không biết gì về quân sự. Đó là những toán quân đùng đùng nổi giận, nhưng ô hợp. Tuy nhiên, họ cũng giết được giặc, và cũng làm cho quân địch lúng túng. Chỉ hơn một nghìn quân Pháp, không đủ để đàn áp và chiếm đóng. Lúc bấy giờ, người công giáo nổi lên, đi lính tập cho Pháp, và họ cũng tập hợp thành những đám đông chống lại nghĩa quân.

Cử Khiêm, một vị quan nhẹ tay với người công giáo nhất, lúc này cũng trở thành kẻ thù một mất một còn của người đi đạo. Trong một trận giao tranh giữa nghĩa quân và đám người tả đạo có lính Tây yểm hộ, cử Khiêm đã bị bắt.

Một người học trò cầm đầu đám công giáo, trước kia đã học cử Khiêm, hét to lên:

- Để xem tấm lòng son của lão cử Khiêm nó hình thù thế nào?

Cử Khiêm cười nhạt bảo:

- Nếu ta không lầm, anh đã theo học trường của ta được một năm thì phải. Chẳng lẽ công ta dạy dỗ mà đầu óc anh chẳng mở ra chút nào sao?

Người học trò đáp lại:

- Tôi học ông chỉ cốt hiểu các ông, để diệt các ông. Chung quy, tôi chỉ muốn xem tấm lòng son của các ông ra sao.

Thấy cử Khiêm im lặng, hắn cười rồi chuyển giọng nói ngọt ngào:

- Dù sao tôi cũng là học trò của thầy. Lúc nãy, tôi có nóng và nói năng thất thố. Thầy tha lỗi cho. Nhưng tôi khuyên thầy nên nhìn rõ sự thật. Nước Nam không chống lại được người Pháp đâu. Thầy nên hàng người Pháp. Tôi biết thầy có lòng nhân hậu. Chính vì vậy, thầy mới bị vua nước Nam hiềm nghi và giáng chức. Các quan Pháp bảo tôi nói với thầy, nếu thầy xin hàng, nhà nước Pháp sẽ trọng dụng.

Cử Khiêm cười, điềm tĩnh:

- Nếu được như vậy cũng tốt đấy. Ta cảm ơn anh. Và để cho ta suy nghĩ thêm, các anh có thể mang ra đây cho ta chiếc mâm, và nậm rượu. Ta đói bao ngày rồi.

Người học trò giáo dân mừng rỡ, liền bưng mâm rượu ra. Cử Khiêm bỏ hết đồ nhắm ra ngoài và bảo:

- Những thức này không cần. Chỉ cần nậm rượu thôi, ta đã có thức nhắm rồi.

Khi cái mâm đã trống trơn trước mặt, ông từ tốn rót chén rượu ra chén khà một ngụm. Tiếp đó, ông lần túi áo lấy ra một vật tròn. Tưởng thức nhắm đặc biệt gì hóa ra chỉ là một đồng chinh sáng loáng. Các ông nho sĩ gàn thường chỉ nhắm rượu với ổi xanh, có người nhắm với cái đinh rỉ. Ông này khác người, lại nhắm rượu với đồng xu. Ông cử gạt cái áo the sang bên rồi thò tay vào bụng. Tưởng rằng rượu vào, nóng nên ông gãi. Không ngờ sột một cái. Mọi người chưa hiểu ra sao đã thấy máu đỏ lòm ùa ra chiếc quần trắng. Thì ra đó là một đồng chinh mài sắc. Cử Khiêm đã dùng đồng chinh đó rạch bụng mình ra.

Mặt tái đi, nhưng cử Khiêm vẫn ngồi nghiêm chỉnh.

Và qua vết rạch, ruột trắng hếu từ trong bụng phòi ra. Cử Khiêm còn kịp đưa đống ruột của mình ra cái mâm và nói:

- Ngươi muốn xem tấm lòng son của ta phải không? Nó đây này. Nó đầy trên mâm đồng rồi đấy...

Chỉ nói được một câu, cố gượng nhưng không được, cử Khiêm ngã vật xuống trước con mắt khiếp hãi kính nể của mọi người.

3

Về cái chết của ông cử Khiêm, trên đây chỉ là cách kể thứ nhất. Còn cách kể thứ hai, nhiều tình tiết hơn, có lẽ là cách kể huyền thoại hóa trong dân gian.

Người ta nói rằng, từ khi còn ở phủ, ông Khiêm đã luôn mài sáng ba đồng chinh. Ngày nào cũng mài thành thử những đồng chinh mỏng quẹt như tờ giấy. Bà cử hỏi để làm gì. Ông bảo để bói dịch. Và ông còn giảng giải cho bà cách lấy quẻ không bằng cỏ thi mà bằng ba đồng chinh. Ông cứ mê bói dịch, bất cứ làm việc gì quan trọng một chút, ông cũng bói dịch.

Cái hôm ra trận định mệnh ấy, ông cũng bói. Nhận được quẻ, ông hơi biến sắc, song người ta hỏi, ông cũng không nói gì cả mà chỉ điềm nhiêm cất mấy đồng chinh vào chiếc áo cánh mặc trong.

Khi bị bắt, ông là người cầm đầu, lại đã làm đến chức

tri phủ nên người ta đóng cũi giải về Hà Nội. Lúc đó Nguyễn Hữu Độ làm phó khâm sai. Ông này hay lấy lòng người Pháp nên được người Pháp tin dùng. Nguyễn Hữu Độ giữ cử Khiêm ở trong dinh và lấy lời ngon ngọt ra dụ dỗ. Cử Khiêm không nói gì, bảo còn suy nghĩ. Một buổi sáng, cử Khiêm bảo hôm nay ta thích ăn món lòng giấm. Cử Khiêm thường không yêu cầu gì, nay lại đòi món ăn, Hữu Độ mừng tưởng rằng Khiêm đã mềm lòng. Lúc người nhà mang mâm lên, Khiêm gạt ra tất mà bảo:

- Hôm nay, chính tôi sẽ đãi quan khâm sai bữa lòng giấm, mà lòng của tôi ngon hơn, trắng hơn, tươi hơn, chứ không như thứ lòng của quan khâm sai, nó bốc mùi hôi lắm.

Nói đoạn, ông cũng lấy đồng chinh mài mỏng và rạch bụng, bày cỗ lòng trắng phau, đầy máu me, còn phập phồng trên chiếc mâm đồng.

Nguyễn Hữu Độ thất kinh, gọi bác sĩ đến cấp cứu song không kịp.

Lúc ông cử Khiêm mất, bà cử mới chừng ba sáu tuổi. Ông cử đã năm mươi. Hai vợ chồng hiếm hoi quá lấy nhau đã hai chục năm mà bà cử vẫn trơ trơ, gọn ghẽ như con cá rô đực. May thay, ở tỉnh Nam có nhiều đền, nhiều phủ. Bà cử đi lễ ở Quán Cháo Đền Dâu, đền Sòng rồi cầu tự ở Phủ Giày. May mắn thay cuối cùng bà hoài thai và sinh quý tử. Ông bà cử sung sướng vô ngần, nâng niu cậu ấm như hòn ngọc quý. Cậu ấm được hai tuổi thì xảy ra tai họa.

Người tâm phúc đến nhà giao cho bà ba đồng tiền mài và nói:

- Cụ cứ dặn dò về nói với bà rằng: dù tao loạn, dù cực khổ thế nào bà cũng cố sống và nuôi cậu ấm thành người. Còn ba đồng tiền này là để nhắc nhở cậu ấm phải cố gắng nuôi chí phục thù cứu nước.

Có lẽ ông cử đã biết tâm tính bà cử là người quyết liệt. Nếu không có lời trăng trối nuôi con, có thể bà sẽ theo ông sang thế giới bên kia. Ông biết bà là người cũng giống ông, có thể rạch bụng mà chết theo người tri kỷ.

Bà cử cũng có ý định ấy thật, song vì thương con, vì có lời trăng trối của chồng, bà quyết định không chết nữa, và sẽ bám lấy cuộc sống dù bằng giá nào để nuôi con. Trong thời nhiễu loạn, bà biết mình còn đẹp, dễ là mồi cho những kẻ sói lang. Vì thế, bà phải ăn mặc rách rưới, bôi mặt cho nhem nhuốc, để tóc rối hàng tuần không chải, rồi cõng con trốn về quê nhà.

Người Pháp đã dễ dàng chiếm được đồng bằng và trung du. Chỉ còn miền núi là nơi quân Cần Vương ẩn náu, là nơi giặc Cờ Đen hoành hành, là nơi quân Tầu cũng tràn sang đánh phá.

Ở những vùng đã chiếm được, người Pháp tìm mọi cách để bình định, để đàn áp sao cho một mầm mống chống đối cũng không sót lại. Những người liên quan với những kẻ chống đối đầu sỏ cũng phải bắt. Như vậy, tức là bà cử sẽ phải vào nhà ngục. Ngoài việc liên quan, ở tỉnh Nam người ta còn tố cáo khi ông cử chiêu mộ binh sĩ chống Pháp, bà cử cũng tham gia bàn mưu tính kế với chồng để sát tả, nghĩa là đàn áp người theo đạo Thiên chúa. Điều này ngược hẳn với tính cách của bà cử, nhưng ở thời nhiễu loạn, con người có thể vu cáo cho đồng loại những điều họ không làm. Không hiểu sao, những lúc

như vậy, con người cứ thích bức hại đồng loại của mình cho đến chết. Hay là tại những lúc ấy xã hội rồ dại, thì con người cũng rồ dại theo. Hay là bởi vì những lúc bình thường con người vốn nhỏ bé, bây giờ gặp thời họ bỗng thấy lớn lên, họ bỗng cảm thấy quyền uy. Họ muốn chứng tỏ quyền uy ấy, họ muốn xóa bỏ mặc cảm nhỏ bé của mình. Và muốn thể hiện quyền uy, không gì bằng bức hại con người cho đến đường cùng. Hay là, tại vì bản chất con người vốn ác, và khi cái ác được phép xổng chuồng, nó đã biến thành kẻ sát nhân.

Người đàn bà hiền dịu ấy rên lên vì không hiểu sao mình bị đối xử như vậy. Bà không dám ở trong làng nữa, bà ôm con trốn vào trong rừng ở trong hang đá.

Ông Vũ Huy Tân đang luồn lỏi trong rừng quần nhau với địch nghe tin phải viết thư về Cổ Đình cho các học trò:

- Các anh phải tìm mọi cách để cứu bà cử Khiêm, đồng thời cứu giọt máu cuối cùng của họ Phùng. Ông cử Khiêm là tấm gương lẫm liệt cho chúng ta noi theo. Phải tìm mọi cách cứu gia đình ông, để khỏi thẹn với vong linh ông ở dưới suối vàng.

Đám học trò của ông phó bảng, lúc đó, chỉ còn tiên chỉ Nhậm và tú Cao ở làng. Tuy nhiên, lúc đó, họ trẻ quá. Hai người chưa nghĩ ra kế gì, chợt tú Cao sực nhớ tới Liến. Liến chịu ơn bà cử, lại chịu ơn cả họ Vũ Xuân nên mới sống sót đến bây giờ. Tú Cao đến đồn điền gặp Liến và kể lể sự tình. Liến theo đạo nhưng là người có nhân có nghĩa. Anh bảo:

- May quá! Để em về hỏi chú trưởng Cam. Chú em cũng dọn ở dưới Nam lên đây rồi. Ngày xưa, chính chú em đã đến lạy ông bà cử nên em mới có ngày nay.

Ông trưởng Cam là người, hồi phân sáp, đã phải trốn trong rừng cói và đã được cử Khiêm cứu giúp. Trưởng Cam còn là người theo lệnh cha Puginier đi tìm xác và đầu Henri Rivière ở Cầu Giấy. Bây giờ, ông ta có thế lực, lại có công với người Pháp, có công cả với nhà thờ. Ông trưởng Cam là người đạo gốc. Tổ tiên ông, hồi nhà Lê, bị bệnh nan y, được các cố đạo cứu sống. Cụ tổ cảm ơn cứu tử đã xin theo đạo Thiên chúa. Đến đời Cam, người thanh niên ấy, trong lúc triều đình cấm đạo ngặt nghèo, đã đào hầm bí mật dưới đất nuôi cha Colombert suốt mấy tháng trời. Bởi thế, có thể nói, đối với người Pháp, trưởng Cam có thể yêu cầu điều gì, nhà nước bảo hộ cũng giúp đỡ.

Nghe Nhậm và tú Cao trình bày chuyện bà cử Khiêm, ông Cam nói rằng:

- Ơn ông cử bà cử hết đời tôi cũng chẳng quên. Tuy nhiên, tôi lại chẳng thạo những công việc ngoài đời. Nhưng tôi xin tìm mọi cách giúp đỡ, mà cũng là để trả cái ơn sâu nặng.

Ông trưởng Cam tìm đến cha Colombert.

Cha Colombert là một ông già ngoại năm mươi. Hơi dậm người, hơi chậm chạp vì tuổi tác, song có một gương mặt hồng hào rất hiền lành phúc hậu. Đức giám mục Puginier một hôm bảo cha:

- Tôi biết cha tuổi đã cao. Cha đã làm được nhiều việc đạo tốt lành. Tôi không muốn phải bổ nhiệm cha đến một nơi còn khó khăn. Nhưng Cổ Đình cần một con người nhiều kinh nghiệm và tốt bụng như cha.

Cha Colombert vui vẻ nhận lời ngay. Ông chỉ xin đức giám mục cho ông trưởng Cam đến làng Cổ Đình cùng

cha. Colombert có nhiều kỷ niệm gắn bó với trưởng Cam, thậm chí chịu ơn Cam. Ông muốn Cam ở gần mình lúc tuổi già. Cha coi ông Cam, ngoài chuyện là người đồng đạo, còn như người thân trong gia đình của mình.

Nghe trưởng Cam kể lể đầu đuôi, cha Colombert nói ngay:

- Lòng xót thương kẻ khó của Chúa là vô hạn. Thấy ai gặp cảnh đau khổ là người công giáo chúng ta phải giúp ngay. Huống hồ gia đình ông cử Khiêm lại là ân nhân của ông. Để tôi lên Hà Nội hỏi xem.

Ông đến tòa giám mục. Đức ông giám mục trả lời:

- Việc này thật là khó. Bên quân sự họ vẫn than phiền là nhà thờ chúng ta can thiệp quá sâu vào việc đời. Họ bảo chúng ta muốn tách rời giáo hội khỏi sự chỉ huy của chính quyền bảo hộ. Họ có biết đâu rằng không có nhà thờ ở xứ Bắc Kỳ này, thì chính quyền bảo hộ vững sao được. Tôi không muốn phải cầu xin họ...

Thấy cha giám mục có ý chối từ, Colombert nằn nì:

- Xin đức cha nghĩ giùm. Tôi cho rằng vẫn còn cách.

- Thế người đàn bà ấy địa vị ra sao?

- Bà ta là vợ một vị khoa bảng, nói chung lại, một bà quan. Bà ta được dân họ Vũ Xuân ở Cổ Đình rất kính trọng. Vả lại, bà ta còn có công với đạo ta. Là ân nhân của ông trưởng Cam, một người uy tín của xứ đạo Cổ Đình. Nếu không có bà thì nhà ông trưởng Cam tuyệt giống nòi. Mà như cha biết đấy, dù là người theo đạo, người dân xứ này vẫn rất coi trọng việc nối tiếp nòi giống của mình.

- Ông trưởng Cam này là người thế nào nhỉ?

- Ông là người đạo gốc. Đã giúp việc dạo rất nhiều. Bị bắt hồi phân sáp. Đáng lẽ triều đình An Nam đã giết. May nhờ ta chiến thắng họ phải ký hòa ước và cam đoan không cấm đạo. Mà cha có nhớ cái người đi tìm xác ngài thiếu tá Henri Rivière không? Chính ông Cam này đấy...

- Chuyện ấy thì tôi nhớ. Muốn hỏi đến chuyện gia đình ông Cam cơ. Ông ta đã có vợ con gì chưa?

- Ông ta chưa lấy vợ bao giờ. - Cha Colombert chợt thở dài. - Khổ thân ông ta! Cứ một hình một bóng có lẽ đến hết đời. Bởi vậy bao nhiêu tình cảm ông Cam đều dồn hết cho cháu tên là Liến. Và chính bà cử Khiêm đã sai người nuôi dưỡng anh chàng Liến này... Thiết nghĩ cái ơn ấy của bà ta, giáo hội cũng nên đền đáp. Và đền đáp được thì cử chỉ ấy sẽ được dân Cổ Đình vô cùng tán thưởng. Rất có lợi cho uy tín của nhà thờ.

Đức giám mục gật đầu:

- Tôi chịu thua sự biện hộ của cha rồi đấy. Đúng là chúng ta cần giúp người đàn bà này... Nhưng giúp bằng cách nào đây?... Nếu bà ta là giáo dân... thì tiện cho ta quá. - Ốc đức cha chợt lóe sáng - Ừ nhỉ!... Sao ta chẳng nghĩ đến cách này... Thôi có cách rồi. Có phải đức cha bảo bà ta đã góa chồng? Và ông Cam lại chưa có vợ?... Đấy! Cách là ở đấy. Đúng rồi chúng ta sẽ ghép bà phủ Khiêm lấy ông Cam. Như vậy bà Cam là vợ ông chánh trưởng, một người đạo gốc. Và bà ta khi ấy sẽ là người theo đạo. Con bà ta rồi sau này cũng theo đạo. Lợi đủ mọi đường. Trong trường hợp này, nhất định nhà nước bảo hộ sẽ tha tội cho bà.

*

* *

Việc bà phủ Khiêm tái giá lấy ông trưởng Cam người công giáo được họ Vũ Xuân đem ra bàn lợi hại. Ông tú Cao buồn hẳn đi. Ông thấy thương cho cô út, người cô trẻ nhất, đẹp nhất mà ông hằng kính yêu. Cứ thấy thương cho cái kiếp má đào hồng nhan bạc mệnh. Nhưng liệu còn cách gì khác tốt hơn để cứu cô và em bé. Ông Vũ Xuân Nhậm lại thấy mừng trong dạ. Mừng song chẳng dám nói ra. Mừng vì bỗng dưng họ Vũ Xuân lại được tăng thế lực. Không cần đi đạo mà vẫn là thông gia với bên giáo. Mừng vì có lợi cho việc buôn bán gỗ của ông. Tay Liến làm việc ở đồn điền tiếng là do họ Vũ Xuân nuôi, nhưng nói chính xác là do chi Mạnh của họ Vũ Xuân trông nom. Liến có quan hệ với tú Cao, với Xuân Cỏn là chủ yếu. Nhậm muốn quan hệ với trưởng Cam và những mối quan hệ ở Hà Nội. Nhậm sẽ thừa dịp để làm việc họ cho tốt đồng thời cũng tạo thế cho việc buôn bán của mình.

Ông trưởng Cam trực tiếp đến gặp bà cử Khiêm:

- Thưa ân nhân, thực quả trong thâm tâm, tôi chẳng muốn đũa mốc lại chòi mâm son. Song, cha Colombert và chúng tôi nghĩ nát óc mà chẳng có cách gì khác. Xin ân nhân cứ yên lòng. Tôi tuy ít học song cũng biết điều hơn lẽ thiệt. Gia đình chúng tôi đội ơn ân nhân, công ấy nặng tựa núi cao, chỉ có phen này may ra mới đền đáp nổi. Nếu ân nhân muốn, chúng ta giả làm vợ chồng cũng được. Thực lòng, tôi ái ngại, làm việc này chỉ cốt cứu mạng ân nhân và cháu bé là điều chính.

Bà cử Khiêm không nói gì cả, chỉ khóc tầm tã. Khi

trưởng Cam đi khỏi, bà đến bàn thờ chồng, chít khăn tang quỳ lạy:

- Ôi thôi! Thiếp đã phụ chàng rồi. Đáng lẽ ra thiếp phải chết đi mới đền đáp được tình nghĩa vợ chồng. Song còn con chúng ta thì sao. Còn giọt máu cuối cùng của họ Phùng thì sao? Thiếp mà ra đi, ai sẽ nuôi nấng chở che cho nó...

Khóc suốt một ngày một đêm trước ban thờ chồng, sau đó người ta không bao giờ thấy bà khóc nữa. Bà trở nên lặng lẽ, kiêu kỳ, cả ngày không nói một lời. Và lạ chưa! Bà càng lặng lẽ kiêu kỳ bao nhiêu, thì bà càng đẹp lên bấy nhiêu. Gương mặt trở nên bình thản. Con mắt trở nên trong veo. Thân hình thì gầy guộc đi nhưng thanh tú vô ngần, nhất là đôi bàn tay. Ở bà, không phải cái đẹp trần thế mà là cái đẹp thiên thần. Dân làng bảo: "Lạ nhỉ, cô Ngát từ khi tái giá lấy chồng bên đạo, cô càng đẹp hơn, mà lại giống như cái đẹp của Đức Bà".

Hôm động phòng, bà Khiêm trăm mối tơ vò. Bà là người từ bé sống trong nề nếp gia giáo, là người nhu mì, kín đáo. Bà sợ sự thô lỗ cuồng nộ. Sống với ông Khiêm, tính cách ấy càng được củng cố; bởi vì ông cũng giống bà, trong tình vợ chồng, tuy yêu quý nhau, nhưng họ rất trọng chữ lễ. Ngoài tình trai gái, ông còn coi bà như người tri kỷ, người bạn tâm giao. Đến nay, mặc dầu khi quyết định hôn nhân, bà đã suy nghĩ rất nhiều, thế mà lòng bà vẫn như mở bòng bong và vẫn cứ tự trách thầm mình như đã có lỗi. Không biết ông ta thế nào? Hay là lại gặp một kẻ vũ phu? Liệu bà quyết định hôn nhân có đúng không? Nếu như gặp cảnh ngang trái thì sao? Họ là người công giáo, liệu họ có thực tâm như những lời hứa

ngon ngọt? Liệu họ có mang mối hận thù, và cuộc hôn nhân này chỉ là sự giả tạo, và khi vào tay họ thì ta sẽ thành nạn nhân cho sự thù hận.

Lòng bà còn đang ngổn ngang như vậy, cánh cửa buồng bỗng kẹt mở. Ông trưởng Cam bước vào. Ông lại gần đĩa đèn dầu lạc khêu cho tỏ, rồi ngồi xuống chiếc ghế mây. Bà Ngát vẫn im lặng ngồi trên phản, hai chân thõng xuống đất. Câu nói đầu tiên của ông Cam là:

- Cầu Chúa ban phước lành cho ân nhân của tôi!

Vừa nói ông vừa làm dấu. Bà Ngát vẫn không nói. Bà chăm chú nhìn ông. Khi xưa, người đàn ông mang đứa trẻ đến cầu xin vợ chồng bà giúp đỡ, bà không để ý kỹ đến anh ta. Bà chỉ biết mang máng là anh ta hơn tuổi bà và giọng nói, gương mặt thành thật và hồn hậu. Chỉ có thế thôi. Rồi khi được tin bà bị truy nã, họ hàng cầu cứu và anh ta xuất hiện, lúc này bà chỉ khóc và khóc. Bà còn bụng dạ nào mà chú ý đến anh ta nữa. Còn lúc này, trong căn buồng vắng vẻ chỉ có hai người, và tình cảnh đã khiến họ trở thành vợ chồng, thì bắt buộc bà phải chú ý đến.

Ông ta là một con người hơi cao gầy, tuổi đã trên bốn mươi, nét mặt hiền nhưng đăm chiêu, có thể nói buồn buồn. Gương mặt sáng sủa. Có lẽ ông ta cũng lúng túng cố tìm lời nói. Để xóa đi sự lúng túng ấy ông ta lấy cái điếu bát rít một hơi thuốc dài. Cái điếu kêu giòn tan phá sự im lặng, tạo không khí thân mật hơn. Ông ta không nhìn mặt bà, và nói bằng cái giọng như hồi hộp, cảm động.

- Thưa ân nhân. Tôi đã định là suốt đời ở một mình, chỉ làm công việc phụng sự Chúa. Việc hôn nhân này là ngoài ý định của tôi... Nhưng tôi phải làm việc này vì...

Tôi vẫn tự hứa với mình: chịu ơn ai thì phải nhớ suốt đời... và tìm mọi cách mà đền đáp... Cứu được ân nhân là... lòng tôi mãn nguyện lắm rồi... Còn như tình vợ chồng... Tôi chẳng biết nói thế nào cho phải... Ừ... Nếu ân nhân có được điều tri âm thì... đi một nhẽ... Còn nếu ân nhân thấy mình bị xúc phạm... Thì xin người hãy yên tâm... chúng ta chỉ coi nhau như là bạn, là tình đồng loại thôi cũng được... Xin ân nhân chớ ngại ngần... đối với tôi được ân nhân coi là bạn đã tốt lắm rồi, đã thỏa lòng tôi lắm rồi... Bởi vì... bởi vì...

Câu nói dài và cử chỉ xúc động của trưởng Cam đối với bà Ngát lúc này hoàn toàn là điều bất ngờ. Dáng điệu của người chồng, rồi sự thành thực hiện rõ trên gương mặt ông ta chợt làm bà tin cậy vững tâm. Hóa ra ông ta không phải loại người thô lỗ, khủng khiếp như bà suy nghĩ và tưởng tượng. Hóa ra, ông ta không phải loại người giả dối, loại người miệng xơn xớt nói cười... Cho đến lúc này, ông ta hoàn toàn là người tử tế. Vì thế, bà phải lên tiếng.

- Bây giờ, chúng ta đã là vợ chồng; xin ông đừng gọi tôi là ân nhân nữa. Tiếng ấy chính tôi phải nói với ông mới đúng. Thân tôi, đã đến bước này, thế nào cũng được. Tôi chỉ xin ông đoái thương đến đứa trẻ, con tôi. Phải nói thực với ông rằng nếu không có nó, chắc tôi chẳng cần sống ở cõi đời này nữa.

Nói đến đấy, bà sụp xuống đất, quỳ lạy ông. Ông trưởng Cam luống cuống đỡ bà dậy:

- Nào, thôi bà. đừng làm thế, người công giáo chúng ta chỉ quỳ lạy trước đức Chúa Trời. Cầu xin Chúa hãy che chở cho chúng con.

Hai người nói chuyện thật khuya mới đi ngủ. Lúc đi ngủ cũng khác thường. Bà thật không ngờ ông Cam đã chuẩn bị sẵn hai chiếc chăn đơn. Mỗi người mỗi chiếc. Lại có cả một chiếc gối dài ngăn giữa hai người. Ông bảo:

- Đáng lẽ tôi phải sắm sửa hai chiếc giường. Song nghĩ đi nghĩ lại thấy không tiện. Sợ người ta dị nghị.

Đến lúc này, bà mới hoàn toàn tin là con người này thành thực giúp bà. Không phải ông ta lợi dụng khi bà nguy khốn. Và từ đấy, hai ông bà sống với nhau như hai người bạn. Còn người ngoài thì tin chắc đấy là một cặp vợ chồng với một đứa con, sống với nhau rất hạnh phúc.

Nhà ông trưởng Cam, có thể nói, khá giả. Ông có gần chục mẫu ruộng. Sở dĩ ông nhiều ruộng vì ông là người có công với đạo, có công với nhà nước bảo hộ. Khi ông quyết định ở tại Cổ Đình, đức cha giám mục, rồi cha Colombert đã tìm hết cách để nhà nước bảo hộ cấp đất cho trưởng Cam. Lẽ dĩ nhiên, Philippe Messmer được đất thì ông cũng phải có phần, tuy ít hơn. Cuộc sống phong lưu, ông dùng không hết, nên thỉnh thoảng lại hiến nhà thờ để phụng thờ Chúa, và để nhà thờ trợ giúp những kẻ khó.

Bà Ngát càng sống với ông càng thấy lạ. Ông rất chăm đọc sách. Ông biết chữ quốc ngữ, biết cả chữ nho. Ông nói với bà:

- Trước kia, nhà nghèo rớt mùng tơi, tôi không biết chữ. Sau đó, ở gần các cha, tôi học chữ quốc ngữ. Cha Colombert tài lắm. Ông hiểu người nước ta lắm. Cụ là Tây mà thuộc cả *Truyện Kiều*. Bà có nhớ cái hôm cha Colombert và tôi đến nhà thờ họ Vũ Xuân xin cưới bà không? Hôm ấy cha rất chú ý đến bà. Cha xem tướng đấy. Lúc về, cha nói với tôi:

Rằng hay thì thật là hay
Xem ra ngậm đắng nuốt cay thế nào...

Bà Ngát ngạc nhiên:

- Cha là người Tây mà cũng vận Kiều khéo thế sao?

- Cha là giáo sĩ được hội thừa sai Paris cử sang nước ta lúc cha chưa đến ba mươi tuổi. Cha đã trải qua nhiều gian truân. Có lúc đã nằm hầm suốt sáu tháng trời. Chính tôi đã đào hầm cho cha trốn. Ngày thì chui hầm, đêm mới chui lên mặt đất làm việc đạo. Người ý nhị lắm. Rất thương xót người nghèo. Rất hiểu lòng con người. Cha nhìn thấy bà, bảo với tôi rằng: "Bà ta bằng lòng lấy ông chỉ là sự bất đắc dĩ. Mình cũng không nên thấy người ta gặp khó mà ép uổng. Chúa dạy ta "làm phước cho ai thì lòng phải vô tư. Làm sao cứ như tự nhiên. Làm xong việc gì cho ai thì quên ngay...".

Những cuộc nói chuyện như thế làm cho hai người xích lại nhau dần dần. Thằng bé Trung con bà cũng được ông trưởng Cam rất quý. Ông thường bế nó sang nhà xứ chơi với cha Colombert, ông già này cũng rất thích tiếng trẻ con cười trong căn nhà của Chúa. Ông già bảo Ngát:

- Bà trưởng có thằng bé lanh lợi lắm. Đợi nó lớn lên tôi sẽ dạy nó học. Cả chữ Quốc ngữ, cả chữ Nho, cả chữ Tây nữa.

- Thưa, cha cũng biết chữ Nho ạ?

- Phải biết chứ. Đạo thánh hiền cũng có những điều giống như đạo của Chúa. Ví dụ đạo Khổng dạy con người nhân nghĩa, còn đạo Thiên chúa thì lấy tình thương yêu con người làm căn bản...

Dạo thằng bé bị mắc thương hàn, ông trưởng Cam

suốt đêm ngày chăm sóc thằng bé. Cha Colombert thì thuốc thang. Ngoài việc chăm người, ông già còn là một thầy thuốc...

Cứ như thế, đôi vợ chồng gán ghép kia dần dần gắn bó với nhau. Tuy nhiên, đêm đêm, cái gối dài vẫn nằm ở giữa. Bà muốn vứt nó đi nhưng không dám. Còn ông thì hình như ông chưa muốn bỏ nó. Đúng là thế! Bởi vì ông Cam là đàn ông, ông phải chủ động, ông phải nhìn cử chỉ và giọng nói của bà để hiểu rằng bà đã muốn, và đã đến lúc cái gối ấy không nên như một dòng sông ngăn cách nữa. Bà không thể hiểu ông đang nghĩ gì? Chẳng biết ông có biết rằng lòng tốt của ông, sự dịu dàng đôn hậu của ông đã được bà cảm hiểu và chấp nhận. Tại sao gương mặt ông lúc nào cũng rầu rầu thế kia. Cái gì đã ngăn cản ông. Trước kia bà co lại nên ông dè dặt là phải. Còn bây giờ bà đã nhích lại, đã cởi mở tấm lòng mình, vậy cớ gì ông không đón nhận.

Cho tới một đêm; đêm ấy, hai vợ chồng vui chuyện rầm rì với nhau rất khuya. Đến đêm hôm ấy ông mới kể sự tình cho bà nghe về cái đoạn sau khi hai chú cháu ông đến xin ông cử Khiêm cứu giúp.

- May mà tôi kịp ra đầu thú ở nhà lao tỉnh. Họ phân chia tù thành hai nhóm: một nhóm là những người có đạo ra đầu thú ngoan ngoãn; một nhóm là những người họ cho là đầu sỏ, hoặc bướng bỉnh chống lại, hoặc ngoan cố trốn lủi mà bị tố cáo hay bị quan quân tìm được. Nhóm đầu sỏ cứ mỗi ngày thắt cổ mười người. Thắt rồi mà vẫn treo lủng lẳng trên cành cây suốt nửa buổi. Chả là để đe dọa đám đông tức là nhóm thứ nhất, nhóm sợ

sệt ngoan ngoãn. Họ đe dọa như thế để bắt chúng tôi phải bước qua cây thánh giá.

- Thế có ai bước qua không?

- Cũng có người, phần đông là đàn bà. Tuy thế, khi được thả ra, họ vẫn theo đạo như cũ. Còn một số chừng năm chục người chúng tôi vẫn không chịu bước qua. Thế là họ mang chúng tôi ra tra tấn, mỗi ngày một lần.

Nói đến đấy, ông Cam ngừng lại. Ông lại xoay sang kể lể về cha Colombert.

- Ông cụ là người thánh thiện. Ông đúng là con của Chúa. Ông thường nhắc kể cho chúng tôi về đoạn đời lúc Chúa bị đóng đanh câu rút. Ông cụ bảo: "Tôn giáo nào, đạo nào ở trên dời này cội nguồn cũng đều tốt đẹp cả. Chỉ có cá nhân con người làm cho nó xấu đi thôi. Người bên lương cội rễ cũng chẳng ác. Chỉ vì con người ta nóng vội cố thuyết phục hoặc loại trừ nhau cho nhanh nên mới sinh ra sự bất cộng đới thiên".

Tự nhiên, bà Ngát chợt thấy thương ông vô cùng. Bây giờ, bà đã hoàn toàn tin cậy ông rồi. Ông nợ ơn bà hay bà đã nợ ơn ông. Có lẽ, ở cõi đời này, nếu tất cả mọi người đều biết đến ân nghĩa, đều biết nợ ân nhau thì cuộc đời đã tốt đẹp biết bao nhiêu. Bà nhẹ nhàng giơ tay ra nắm lấy tay ông. Cái gối dòng sông chướng ngại giữa hai người đã bị vứt bỏ lúc nào bà cũng chẳng hay. Bà là con chim lạc, ông cũng là con chim lạc có khác gì đâu. Lúc đó là đầu đông. Gió bên ngoài xào xạc trên ngọn tre. Bà chợt thấy thèm một hơi ấm. Bà quên cả sự e thẹn thụ động đàn bà của mình. Bà xích vào nằm sát bên ông. Người đàn ông hình như cũng hiểu. Ông cũng thèm tìm hơi ấm

của bà. Hai người ôm lấy nhau. Nhưng chuyện ấy chỉ xảy ra trong giây lát. Đột nhiên, ông nhổm dậy, rời khỏi cánh tay mềm mại của bà. Ông rên lên:

- Không được đâu!

Người đàn bà ngỡ ngàng:

- Chúng ta là vợ chồng. Sao lại không được?

Ông kêu khe khẽ bằng tiếng kêu của con thú bị thương:

- Cho tôi van bà: Không được đâu!

Sự xót thương trong người đàn bà chợt bùng lên. Bà hiểu ông có một vết thương nào trong lòng ghê gớm lắm. Một vết tử thương. Bằng sự linh cảm nhạy bén của người đàn bà, bà hiểu ông rất cần có bà lúc này. Và chỉ có bà thôi mới làm lành được vết tử thương trong ông. Vì vậy, bà hết sức nương nhẹ, bà hết sức dịu dàng ôm lấy ông, vỗ về ông. Đầu người đàn ông ngả vào vai bà. Ông ta khóc. Ông Cam đã rấm rứt khóc trên vai người đàn bà.

*

* *

Tại sao ông trưởng Cam khóc? Tại sao ông lại kêu lên không được ở cái phút mà người đàn ông như ông đáng được hưởng niềm hoan lạc từ người đàn bà đã hoàn toàn đặt niềm tin cậy, đã hoàn toàn phó thác cuộc sống cho ông?

Cũng phải thông cảm cho ông. Đúng là người đàn ông sẽ cảm thấy nhục nhã, sẽ cảm thấy bị tử thương, sẽ cảm thấy hình như mình không phải là người nữa, khi anh ta mất khả năng giống đực, mất khả năng làm công việc tái sinh sản. Trường hợp ông Cam là như vậy. Tại sao ông Cam lại luôn buồn buồn khi ông có hoàn cảnh tốt đẹp như thế.

Câu chuyện có nguồn gốc từ những ngày phân sáp, lúc ông bị cầm tù khi ra đầu thú, lúc ông bị tra tấn hàng ngày. Có một người cai ngục điên rồ, khi thấy tra tấn bằng mọi kiểu rồi mà những người giáo dân cũng không chịu bỏ đạo, hắn giơ nắm tay lên dứ vào mặt ông Cam và nói:

- Mày không chịu nghe tao ư? Tao còn một cách nữa, mày không nghe thì cũng phải nghe.

Cách mà người cai ngục nói là lấy hai thanh tre kẹp vào hai quả cà của người đàn ông. Rồi hắn bóp mới đầu còn nhẹ, sau rồi nặng tay. Cho đến lúc ông Cam hét lên như xé trời và ngất lịm. Hai quả cà của Cam đã bị vỡ nát. Cái bìu bị sưng lên to như cái ấm giỏ và tím ngắt. Cam sốt mê man gần mười ngày, không ăn một hạt cơm, chỉ uống nước. Không biết sức chịu đựng của Cam phi thường đến thế nào, mà sau đó vết thương của anh dần dà tự khỏi. Từ đấy, có điều lạ vô cùng là con chim của anh co lại và rút vào trong bụng. Một người có số phận như Cam thông thường sẽ biến thành một con người hằn thù tàn độc với mọi người. Nhưng Cam lại không thế, anh tiến triển ngược lại. Có lẽ cái lý tưởng tình yêu vô biên của Chúa đã thức dậy nơi anh.

*

* *

Câu chuyện tình lạ lùng của bà tổ cô tôi đọc được trong cuốn gia phả của họ Vũ Xuân xã Cổ Đình. Lẽ dĩ nhiên câu chuyện sơ sài hơn nhiều. Tôi đã dùng trí tưởng tượng cố dựng lại cho sinh động.

Đến đoạn cuối, cuốn gia phả có câu: "Về sau hai ông bà sống với nhau rất hạnh phúc". Nên hiểu câu này

của bà. Hai người ôm lấy nhau. Nhưng chuyện ấy chỉ xảy ra trong giây lát. Đột nhiên, ông nhổm dậy, rời khỏi cánh tay mềm mại của bà. Ông rên lên:

- Không được đâu!

Người đàn bà ngỡ ngàng:

- Chúng ta là vợ chồng. Sao lại không được?

Ông kêu khe khẽ bằng tiếng kêu của con thú bị thương:

- Cho tôi van bà: Không được đâu!

Sự xót thương trong người đàn bà chợt bùng lên. Bà hiểu ông có một vết thương nào trong lòng ghê gớm lắm. Một vết tử thương. Bằng sự linh cảm nhạy bén của người đàn bà, bà hiểu ông rất cần có bà lúc này. Và chỉ có bà thôi mới làm lành được vết tử thương trong ông. Vì vậy, bà hết sức nương nhẹ, bà hết sức dịu dàng ôm lấy ông, vỗ về ông. Đầu người đàn ông ngả vào vai bà. Ông ta khóc. Ông Cam đã rấm rứt khóc trên vai người đàn bà.

*

* *

Tại sao ông trưởng Cam khóc? Tại sao ông lại kêu lên không được ở cái phút mà người đàn ông như ông đáng được hưởng niềm hoan lạc từ người đàn bà đã hoàn toàn đặt niềm tin cậy, đã hoàn toàn phó thác cuộc sống cho ông?

Cũng phải thông cảm cho ông. Đúng là người đàn ông sẽ cảm thấy nhục nhã, sẽ cảm thấy bị tử thương, sẽ cảm thấy hình như mình không phải là người nữa, khi anh ta mất khả năng giống đực, mất khả năng làm công việc tái sinh sản. Trường hợp ông Cam là như vậy. Tại sao ông Cam lại luôn buồn buồn khi ông có hoàn cảnh tốt đẹp như thế.

như thế nào? Nhiều người trả lời tôi rằng về sau ông Cam khỏi bệnh. Câu chuyện kết có hậu như vậy làm tôi cũng vui lây. Nhưng tôi cứ hỏi không biết bà Ngát chữa bệnh cho chồng bằng cách nào, bằng thuốc gì. Tôi đến xóm Vườn, tức xóm Đạo ở Cổ Đình thì một bà già nói với tôi:

- Bằng phép màu của Chúa chứ còn bằng gì nữa.

Câu trả lời chưa làm tôi thỏa mãn. Tôi lại hỏi người dân Cổ Đình bên lương. Một người bảo tôi:

- Trước đây, ở Cổ Đình chúng tôi có một ông lang giỏi lắm. Cụ Tổ ông ta làm ở viện Thái y trong triều đình. Nhà ông lang không có con trai nên các bài thuốc gia truyền của ông đều thất truyền cả.

Một ông cụ già vui tính và hẳn là rất tinh quái nói với tôi thế này:

- Có gì đâu! Một người bên đạo bảo với tôi rằng: hằng đêm bà Ngát vẫn kiên trì chữa bệnh cho ông. Chỉ có mình bà mới chữa như thế được thôi. Tức là bà ta bế đầu ông lên, cho ông bú như mẹ cho con bú. Rồi một tay bà xoa vào lưng ông, tay kia bà kéo cái chim ra. Đau đấy, nhưng có cái vú bú, và có cái tay xoa lưng ông cũng đỡ đau phần nào. Tôi còn nghe nói có bận bà kéo mạnh quá ông đau điếng, cắn chảy máu cả vú bà. Cứ như thế, mỗi ngày một ít, cuối cùng con chim chui hẳn ra. Và thế là ông Cam khỏi bệnh. Ông ta mừng đến phát khóc, ôm lấy vợ và nói: Bà đã sinh lại ra tôi lần thứ hai.

Tôi cười phá lên và ông già vui tính cũng cười phá lên. Chẳng biết đùa hay là thật nữa. Tuy nhiên, dù sao ít nhất cũng có một phần sự thật ở câu chuyện. Đó là tình

yêu của người đàn bà, chỉ có người đàn bà yêu thương mới có thể làm cho ông Cam sống lại.

Chỉ có điều không vui: đó là sau này bé Trung đứa con của bà Cam bị chết vì bệnh đậu. Người ta thì thầm với nhau:

- Thằng bé là con thánh, con cầu tự ở Phủ Giầy. Nay lại đem cho bên đạo nuôi. Cậu giận cậu chẳng thèm ở lại nữa.

Sau đó ông trưởng Cam cũng qua đời. Ông qua đời bên bà vợ và trong vòng tay của Chúa. Đời ông thế là mãn nguyện. Ông trao lại tất cả của cải cho bà Ngát. Chín mẫu sáu sào ruộng và ba vò tiền bạc trắng. Bà Ngát chia của cải ra làm ba phần. Cho ông Liến gọi ông Cam bằng chú ruột một phần. Cho lý Cỏn trưởng họ Vũ Xuân là cháu gọi bà là bà cô một phần. Còn một phần bà giữ lại.

Khi ông Cam chết bà lại cải đạo thêm một lần. Tức là bà không đi lễ nhà thờ nữa, mà trở về với đạo Mẫu. Bà lên núi Mẫu Sơn, dùng tiền tu bổ lại đền, dùng ruộng làm ruộng hương đăng cho đền Mẫu.

Từ đấy, dân Cổ Đình gọi bà Ngát là bà tổ cô.

VIII

PHILIPPE MESSMER

1

Khi còn là một thiếu niên, Philippe đã say mê đọc những bài báo kể về chiến công oai hùng của Francis Garnier với chưa đầy hai trăm quân đã chiếm hầu hết đồng bằng xứ Bắc Kỳ. Ở Hải Dương, quân An Nam có 2.000 lính và 80 khẩu đại bác mà phải hàng một trung đội thủy quân Pháp 30 người. Ở Ninh Bình, An Nam có 1.700 quân mà phải thua một chiến thuyền có 7 quân Pháp. Ở Hưng Yên có 5 lính Pháp mà bức hàng được quan tuần phủ. Rồi Phủ Lý, Nam Định cũng tương tự như vậy. Đó là cuộc chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, năm 1873.

Đến cuộc chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai của Henri Rivière, Philippe là người tham dự cũng thấy tương tự như vậy. Nhưng sau khi Henri bị chặt đầu, rồi năm 1885 vua Hàm Nghi bỏ kinh thành Huế tới Quảng Trị, ra chiếu Cần Vương chống Pháp thì Philippe chợt hiểu chinh phục cái nước An Nam tưởng như hèn yếu này thật không phải dễ. Ở khắp nơi nổ ra những cuộc nổi dậy của Lê Trực, Phan Đình Phùng, Đinh Công Tráng, Nguyễn Quang Bích rồi Đốc Ngữ, Đề Kiều và vô số những đội quân Cần Vương nhỏ bé khác. Ở các tỉnh thượng du biên giới, quân Cờ Đen, Cờ Vàng cũng hoạt động ráo riết. Cuộc chinh phục của người Pháp lúc này là hàng vạn

quân chứ không phải vài trăm như trước nữa. Philippe hỏi cha Puginier:

- Tại sao chinh phục miền Nam An Nam tương đối thuận lợi dễ dàng, còn ngày nay chiếm xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ chúng ta lại vất vả thế? Cứ như chạm phải một tổ ong vò vẽ.

- Xứ Nam Kỳ là vùng đất mới của An Nam. Họ chưa củng cố được chính trị, văn hóa. Còn xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ là nơi cội nguồn của văn hóa Việt. Ở đây người Việt đã sống hàng ngàn năm, đã chống cự với quân phương bắc nhiều lần, họ có cả một tầng lớp trí thức ở các làng xã. Họ đã có tập tục lưu truyền ngàn đời. Cuộc vật lộn ở đây là cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa hai nền văn hóa Tây và Đông. Trước kia ta đánh chủ yếu với triều đình Nguyễn. Còn bây giờ ta phải đánh nhau với toàn dân Việt. Trong thâm tâm họ đã có kinh nghiệm bị sự thống trị của người Tầu, nay họ cảm thấy sắp bị chúng ta thống trị, cái kinh nghiệm xưa cũ ấy lại thức dậy trong họ.

Philippe bây giờ mới hiểu ngày trước mình mơ cái vinh quang oai hùng của Francis Garnier với 200 quân chinh phục cái xứ sở bí hiểm này thật ngô nghê. Đó là cái vinh quang hào nhoáng của một kẻ mạnh ồn ào, như con công múa may trước một dân tộc còn đang mê ngủ. Cha Puginier thâm trầm bảo:

- Chúng ta sau này cần suy nghĩ nhiều. Dân tộc này bị người Tầu cai trị ngàn năm, họ vẫn không chịu bị đồng hóa.

Năm 1886, chính phủ Pháp cử Paul Bert sang Đông Dương làm thống đốc Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Lý do vì

chính phủ Pháp thấy rõ chinh phục bằng quân sự đơn thuần sẽ khó khăn, cần có chính trị đi kèm mới mong bình định yên ổn xứ sở này.

Ông Paul Bert là một người có uy tín. Ông là nhà sinh vật, học trò nối nghiệp của nhà bác học Claude Bernard. Ông là người cộng hòa, bạn của ngài Gambetta, Félix Faure, ông là nhà chính trị mềm dẻo. Khi sang tới Hà Nội, năm 1886, ông tuyên bố:

- Hai dân tộc chúng ta, Pháp và Nam, sinh ra không phải để chiến đấu với nhau, mà để cùng nhau làm việc... Người Pháp, hôm nay, đến nước Nam, là để cải thiện đời sống nông nghiệp, công nghiệp và kinh tế của các bạn. Người Pháp sẽ còn nâng cao trình độ trí tuệ của các bạn bằng giáo dục.

Ngài thống sứ giương cao lá cờ hòa bình, thịnh vượng và tiến bộ của nền cộng hòa Pháp, mong xoa dịu sự phẫn nộ, sự chống đối của người dân yêu nước Việt Nam.

Cuộc xâm chiếm xứ Bắc Kỳ của người Pháp đã kéo theo hàng nghìn người công giáo bị giết, vì họ bị gọi là những "tên Phú Lãng Sa nội gián". Lương giáo giết lẫn nhau để trả thù. Lúc đó, tình hình đi đến cực đoan. Có những giáo sĩ người Pháp nói rằng "Đằng nào cũng chết, thà rằng chết mà cây súng trong tay còn hơn". Vậy là các giáo sĩ tự làm đại úy và binh sĩ là những người công giáo. Người ta thấy cha Aguesse, cha Arsac, cha Klinger mộ quân tiến hành tàn phá những làng bên lương. Những cuộc hành quân "trừng phạt" của họ đã tàn sát, cướp bóc, đốt phá, triệt hạ nhiều làng bên lương.

Về vấn đề này, độc giả có thể đọc những dòng chữ sau

đây của ông Trương Vĩnh Ký, một người Cơ đốc giáo khi ông ra thăm xứ Bắc Kỳ:

... Về chuyện này, tôi chỉ cần kể trường hợp tổng đốc Nam Định. Ông này đã phải nhìn thấy cảnh làng mình bị cướp phá, thiêu trụi và phần lớn người trong gia đình mình bị giết bởi bàn tay những người công giáo...

Vậy là nhiều người công giáo lúc đó đứng về phía người Pháp, đi lính cho Pháp, chỉ điểm cho Pháp, giúp đỡ người Pháp, cùng với người Pháp tham gia cuộc chiến tranh bình định xứ Bắc Kỳ. Những nhà quân sự và chính trị Pháp biết rằng công của nhà thờ rất to. Do vậy lắm nơi, lắm lúc, cha cố trở thành những kiêu binh. Trong những làng công giáo, cha cố Pháp trở thành một nhân vật trung tâm nắm trong tay cả quyền hành tâm linh lẫn quyền hành trần thế. Ông ta như một thứ già làng, như một ông quan, lắm khi như một ngài chúa đất, rồi đôi khi còn làm cả ông thầy thuốc... Nhân dân trông đợi tất cả vào ông ta. Giải quyết mọi việc trong làng, cầm cả chìa khóa trong tay để mở cửa vào xứ thiên đàng. Nhiều cha cố dần thích thú với vai trò của mình vì gốc gác họ phần đông là nông dân. Và đã là nông dân, thì cái kiểu sống toàn trị, cái kiểu sống gia trưởng Khổng giáo như thế ắt là được thích thú.

Nhưng, đối với nhà chính trị cộng hòa như ông Paul Bert, thì cung cách lẫn lộn giữa thần quyền và thế quyền, tách rời khỏi nhà nước bảo hộ như vậy là không được. Trong một chỉ thị, Paul Bert trả lời cung cách chúa làng ấy như sau:

... "Nếu những người Cơ đốc muốn có sự lập pháp riêng, nếu họ từ chối đóng thuế cho nhà cầm quyền, nếu

họ muốn thành lập những nhà nước nhỏ trong một nhà nước lớn, thì tôi sẽ ngừng ngay việc bảo vệ họ. Tôi sẵn sàng làm mọi việc nhân danh sự công bằng, tôi sẽ chẳng làm một việc dù nhỏ nếu nhân danh đặc quyền".

2

Philippe Messmer là người Pháp xuất thân nông dân ngoan đạo. Ông lại là người khôn ngoan, thực tế. Lẽ dĩ nhiên ông tán thành cả ý kiến của chính phủ bảo hộ lẫn ý kiến của nhà thờ.

Hồi đánh trận Cầu Giấy, khi đi tìm xác thiếu tá Henri Rivière, Philippe nhiều lần gặp đức giám mục Puginier, ông cha cố già thông minh đã nói nhiều câu mà Philippe vẫn nhớ như in trong lòng:

- Nếu tất cả dân An Nam đều là người công giáo, thì chúng ta sẽ dẫn dắt họ đi thật dễ dàng theo ý muốn của chúng ta. Quyền lợi của họ sẽ nhanh chóng hòa vào quyền lợi của chúng ta. Chẳng những ta không cần mang quân sang đây đông đến thế, mà chính họ, những người công giáo sẽ cung cấp cho ta những đội quân bản xứ đông bao nhiêu tùy thích. Nước Pháp là tổ quốc mẹ của họ. Đội quân ấy sẽ không phản bội tổ quốc mẹ đã đem tới cho họ quyền lợi...

Rồi, ý kiến sau:

- Người Trung Hoa đến xâm chiếm xứ An Nam, họ cai

trị dân này thông qua đạo Khổng của họ. Đến khi họ ra đi, đạo Khổng vẫn còn mãi trong tâm hồn người dân An Nam. Chúng ta cũng phải đưa đạo Thiên chúa vào cắm rễ ở đây. Không có sự cai trị nào vững bền hơn sự cai trị thông qua văn hóa tôn giáo.

Vào thời gian tháng 5 năm 1883, khi quân Cờ Đen phục kích giết thiếu tá Henri Rivière ở Cầu Giấy, thì đồng thời họ cũng tấn công khu Hội Truyền giáo, đốt ngôi nhà thờ gỗ. Đức giám mục Puginier phải vào trú ngụ tại khu Nhượng địa Đồn Thủy. Sau khi đẩy lui được quân Cờ Đen ra xa khỏi Hà Nội, người Pháp bắt đầu xây dựng một số công trình để làm việc. Giám mục Puginier cũng quyết định xây một ngôi nhà thờ lớn ở ngay chốn thủ đô xứ Bắc Kỳ này, để làm nơi thờ phụng Chúa, để chứng tỏ cho mọi người dân xứ sở này đều phải biết ánh sáng của Đức Chúa trời đã đến nơi này rồi. Giám mục nói với những người thân cận:

- Khi những nhà chinh phục Tây Ban Nha đến châu Mỹ, việc đầu tiên họ làm khi đặt chân lên đất liền là tìm ngay một nơi cao ráo đẹp đẽ, rồi cắm trên đó một cây thập tự bằng gỗ. Tất cả đoàn conquistador đều quỳ trước cây thánh giá và đọc kinh cảm ơn Chúa. Cử chỉ ấy của họ thật cao cả. Họ muốn nói rằng đất này đã là đất của Chúa và cầu Chúa đem ánh sáng đến cho mảnh đất này. Chính vì vậy mà ta muốn xây dựng một ngôi nhà thờ thật lớn, thật đẹp ở một nơi đẹp nhất giữa thành phố ngoại đạo này.

Giám mục Puginier đem ý kiến ấy ra nói với ông Bonnal, trú sứ Pháp tại Hà Nội. Người đại diện của chính phủ Pháp hỏi:

- Thưa giám mục, ngài đã chọn được chỗ đất nào ưng ý chưa ạ?

- Chúng tôi đã tìm, chỉ thấy miếng đất hiện nay tọa lạc ngôi chùa Báo Thiên là thích hợp nhất.

Ông trú sứ sau đó tham khảo ý kiến của các quan chức địa phương, trả lời đức cha:

- Nhìn bề ngoài, trong thời kỳ chúng ta đang chinh phục xứ này, chiếm đất của một ngôi chùa thoạt tưởng là công việc dễ dàng, nhưng ở trường hợp này tôi sợ là mình sẽ lạm quyền. Mà sao đức cha lại cứ phải chọn nơi đất ấy?

- Bởi vì nó đẹp. Tôi nghĩ rằng đối với nơi thờ phụng Chúa, thì chúng ta không nên tiếc một thứ gì.

- Không phải tiếc, mà bởi vì chúng ta vừa chiếm xong nơi đây. Có thể nói tình hình rất tế nhị. Ta không nên làm dấy lên lòng căm phẫn của dân chúng vì lý do tôn giáo. Nhất là ngôi chùa Báo Thiên. Đức cha có biết không, đây là một ngôi chùa cổ của xứ An Nam, được xây dựng từ thời nhà Lý. Trước kia, còn có một ngôi tháp rất cao soi bóng xuống hồ Gươm. Người dân Thăng Long cho đó là linh địa. Nay ta phá chùa linh thiêng của họ đi... Tôi rất sợ dân nơi đây từ chuyện đó sinh ra bất mãn.

Cha Puginier rất mềm dẻo:

- Chính vì vậy nên chúng tôi mới phải nhờ đến tài cai trị giỏi giang, khéo léo của ngài trú sứ.

Ông trú sứ Bonnal liền đến gặp ông tổng đốc Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ. Ông tổng đốc này nhờ quân Pháp đánh chiếm Hà Nội mới được lên làm tổng đốc, sau khi ngài tổng đốc Hoàng Diệu tuẫn tiết.

Ông Nguyễn Hữu Độ có rất nhiều tham vọng. Ông biết triều đình Huế đã thất thế, và người Pháp sắp làm chủ xứ này. Chức vụ ông muốn ngoi lên là chức phụ chính bên vua như ông Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Ông lại biết người Pháp sẽ áp dụng chế độ bảo hộ ở Bắc và Trung Kỳ, nghĩa là vẫn có vua và có các quan. Chính vì vậy, Nguyễn Hữu Độ ra sức làm vui lòng người Pháp, trong đó có đức giám mục Puginier là một nhà tu hành đầy quyền thế.

Nguyễn Hữu Độ là một viên quan cáo già, nhiều mưu mẹo. Lúc đó đang thời đại loạn, sư chùa Báo Thiên phải phiêu bạt, chẳng biết còn sống hay đã chết. Ông cho người đi tìm, rồi tuyên bố không còn tung tích. Vậy là ngôi chùa hoang. Ông Độ liền cho họp các bô lão của làng Báo Thiên lại. Ông đưa các bô lão ra ngôi chùa xem xét. Ngôi chùa thời loạn tường xiêu mái thủng. Ông liền bảo các bô lão viết một cái đơn xin phá ngôi chùa, vì để như hiện trạng có thể gây nguy hiểm chết người. Và khi đã có lá đơn ấy trong tay, ông Bonnal thấy đúng luật liền cấp cái nền chùa bị phá vô chủ ấy cho giám mục Puginier.

Đó là lịch sử xây dựng ngôi Nhà Thờ Lớn Hà Nội. Cha Puginier vừa là kiến trúc sư vừa là nhà thầu. Tiền xây nhà thờ có được do cúng hiến và do hai lần phát hành vé xổ số vào 1884 và 1886. Nhà Thờ Lớn xây dựng trong bốn năm, bắt đầu 1884, hoàn thành năm 1888.

*

* *

Philippe là người ngoan đạo và khôn khéo. Ông tìm thấy lý lẽ và sự hợp lý trong những câu nói và hành động của cha Puginier là người ông sùng bái. Đức giám mục

đưa ý kiến về đạo ở mức độ rộng lớn toàn xứ, nhưng ý kiến ấy Philippe còn thấy đúng cả ở mức độ quy mô nhỏ hẹp. Ví dụ như ở đồn điền của mình, Philippe hiểu là phải dựa vào những người công giáo thì mới vững. May mắn cho ông, ở Cổ Đình đã có sẵn một thôn công giáo.

Người công giáo đầu tiên tới đây là cả Liến. Ông ta đến từ hồi phân sáp. Lúc đó Liến còn là một đứa trẻ nhờ có bà tổ cô đưa đến làm con nuôi ở họ Vũ Xuân, làm em út của bố lý Cỏn và ông tú Cao. Sau khi ông trưởng Cam được tha và cả Liến lớn lên, ông trưởng Cam thường xuyên đi lại với Cổ Đình. Ông ta thấy nơi đây đất lành, liền đưa họ hàng và những người nghèo khó cùng quê lên lập nghiệp.

Lẽ dĩ nhiên, dân mới đến Cổ Đình bao giờ cũng bắt đầu lập nghiệp ở xóm Vườn. Xóm này tách hẳn làng Cổ Đình; từ đình giữa làng có lối rẽ đi qua một cách đồng hẹp dẫn tới xóm Vườn. Xóm này gồm toàn dân ngụ cư và dân thuyền chài dưới hồ, dưới sông lên ở. Đất thì xấu dân thì nghèo nên dân xóm bao giờ cũng lép vế. Dân chính cư ở Cổ Đình coi thường dân nơi đây. Nghe nói từ đời xửa đời xưa dân chạ Vườn cũng đông lắm, và đời sống cũng trù phú lắm. Làng Đình và làng Vườn kết chạ với nhau. Làng Đình làm chạ anh, còn làng Vườn chạ em. Hai làng có chung cái đình lớn ở chỗ ngã ba gọi là đình Hai Chạ. Về sau chạ anh bắt nạt chạ em quá. Chạ em đóng góp thì nhiều, hầu hạ thì nhiều, mà vẫn bị chạ anh khinh bỉ. Ra chốn đình trung, đến dân chức dịch chạ em cũng bị lép vế, không bao giờ tiếng nói có trọng lượng. Con giun xéo mãi cũng quằn, do việc tranh chấp nhỏ, hai bên nổ ra xung đột đánh nhau. Sau đó, kiện lên

quan. Làng Vườn yếu thế hơn bị thua. Từ đó, làng Vườn bỏ kết chạ, thậm chí, nhiều người làng Vườn bỏ quê đi tha phương cầu thực nơi khác. Còn lại chỉ là những gia đình nghèo khó thấp cổ bé họng, chịu nhẫn nhục sống chờ thời.

Và cái thời ấy cũng đến. Ông trưởng Cam và cha Colombert đến lập nhà thờ. Cha Colombert xin nhà nước bảo hộ được ba chục héc ta đất. Đó là điều kiện rất thuận lợi cho ông truyền đạo. Từ hội thừa sai, ông biết có hai cách truyền đạo: *Thứ nhất*, truyền đạo cho người có thế lực rồi từ đó tỏa lan xuống dưới. *Thứ hai*, truyền đạo cho những người nghèo khổ nhất bằng cách cho họ thuốc thang, tiền bạc, ruộng đất. Vậy, cái xóm toàn dân ngụ cư nghèo hèn nhất, bị khinh rẻ nhất, sẽ là nơi lý tưởng để ông đưa ánh sáng của Chúa tới. Việc truyền bá đạo ở đây thật giản dị, nhanh chóng. Những hộ nghèo được nhà thờ cấp đất mỗi gia đình ba sào. Ai thiếu đất, nhà thờ sẽ cho cấy rẽ thêm. Tô ruộng chỉ bằng nửa cấy thuê cho người bên lương. Rồi cha lại mở trường dạy chữ, dạy kinh bổn cho trẻ em. Thế là trong khoảng vài năm, một xóm đạo hơn sáu chục gia đình hình thành. Một thôn xóm văn minh sạch sẽ xuất hiện. Một ngôi làng hiền hòa, nề nếp làm cả vùng kinh ngạc.

Chính lão quản Boong cũng là người xóm này. Bố lão là anh cu Đơm làm tiểu chùa làng Đình. Anh này tối dạ lắm, sư dạy chữ nho hàng năm trời nhưng anh chẳng nhớ một câu. Hàng ngày, chỉ thích đi gánh nước ngoài giếng để ngắm các cô con gái, ngắm những đôi bụng chân trắng nõn của các cô vì quần phải vén lên đến đầu gối khi múc nước. Sư cụ bảo:

- Ta già sắp chết, cứ hy vọng ở con sẽ nối nghiệp ta đèn nhang cho Phật. Ai ngờ con lại như thế.

- Con lạy thầy. Con muốn nghe lời thầy dạy, nhưng không hiểu sao tính con cứ như thế. Chắc con không tu được thành chính quả.

Sư cụ thở dài. Anh cu Đơm tính nết lông bông thế nhưng rất có nghĩa với thầy. Anh nuôi sư cụ ốm cho đến lúc chết mới bỏ chùa ra đi, để cho ngôi chùa biến thành chùa hoang cho đến khi ông hộ Hiếu đến ở. Anh cu Đơm tìm được một cô gái cũng nghèo khổ như anh và hai vợ chồng dắt díu nhau đến nhà thờ xóm Đình Đạo. Cha Colombert hỏi:

- Anh chị đến có việc gì?

Anh cu Đơm gãi đầu, nói rất thành thật:

- Thưa cha, con nghĩ Chúa Jesus cũng như đức Phật Thích ca rất thương người nghèo khổ.

- Đúng!

- Trước con đi ở chùa. Nay chùa đổ rồi, con xin đến theo cha. Mong cha thương tình vợ chồng con nghèo khổ mà thu nhận, giúp đỡ.

Cha Colombert mỉm cười, nghĩ rằng một người theo đạo Phật nay cải giáo theo đạo Thiên chúa là một điều rất tốt lành. Cha liền cho chú tiểu Đơm đất đai, và làm nhà cho ở. Anh cu Đơm sinh ra quản Boong. Quản Boong cũng như cha, học hành rất dốt nhưng láu cá thì chẳng ai bằng. Cha Colombert không hài lòng với cái tính lông bông, thiếu trung thực, không xứng là người công giáo kính Chúa của gia đình nhà này. Họ đi đạo rồi, tuy họ chẳng làm điều gì xấu, nhưng cha vẫn cảm thấy như họ

vẫn chưa phải là người đi đạo. Cũng may, cho đến lúc qua đời, anh cu Đơm chẳng làm một điều gì xấu. Còn cu Boong, cha Colombert cũng rất lo lắng vì đức hạnh của anh. Song, lại có thêm một điều may nữa; năm 1915 anh đi lính mộ sang Pháp và lập được công, lúc về được phong chức quản. Đó cũng là một điều làm nhà chăn chiên hả lòng.

Ông Philippe Messmer có được cha Colombert, ông trương Cam và xóm Đình Đạo bên đồn điền, nên rất hài lòng, yên tâm. Cha Colombert bảo Philippe:

- Nhà thờ của chúng ta vẫn là nhà gỗ lợp tranh. Nơi phụng thờ Chúa như thế làm ta chẳng lúc nào yên lòng. Nay, ta định cùng với giáo dân xây dựng một ngôi nhà thờ thật khang trang đẹp đẽ. Ta đã vẽ mẫu rồi. Còn việc thi công chắc phải nhờ đến anh em nhà ông.

- Thưa cha, được cha giao cho việc này con rất làm vinh hạnh. Chú em con, Pierre vừa là họa sĩ, lại là nhà đo đạc địa hình. Chắc chú ấy sẽ giúp ta được nhiều.

- Còn vấn đề tài chính?

- Cả việc ấy cha cũng chẳng cần lo. Ta quyên góp trong dân đạo cả vùng, rồi nhân dân góp công góp sức. Con nghĩ ta sẽ làm một ngôi nhà của Chúa thật to đẹp.

Việc này thật đúng sở nguyện của Philippe. Ông đã được thấy đức giám mục Puginier làm ngôi Nhà Thờ Lớn. Ông hiểu ý nghĩa của công việc này. Một ngôi nhà thờ mọc lên nghĩa là địa vị người Pháp ở xứ sở này lại vững thêm một bước. Cả cái đồn điền nhỏ bé heo hút của ông cũng thế. Có ngôi nhà thờ tức là cái đồn điền đã được Chúa ban phước, tức là ánh sáng của người Pháp đã làm sáng thêm ở chốn thâm sơn cùng cốc này.

Philippe đem chuyện này ra nói với Pierre và người bản xứ tâm phúc tức là Liến. Ông em Pierre nói:

- Tôi sẽ đảm nhiệm phần tượng và trang trí bên trong.

Còn Liến thì suy nghĩ rất lâu mới trả lời:

- Tôi nghĩ ta nên nhân việc này mà nghĩ xa hơn một chút. Nhà thờ hiện nay bằng gỗ. Mà cả nhà của đồn điền cũng bằng gỗ. Sao ta không nhân tiện mà chuyển sang xây bằng gạch tất cả. Có như thế, ta mới hơn hẳn sự cai trị của các ông quan trước đây.

- Ông Liến ơi! Tôi cũng muốn thế lắm. Song còn cái túi tiền của chúng ta thì sao?

Liến cười:

- Ông nghĩ đến túi tiền vì nghĩ rằng ta phải mua gạch ngói. Nhưng tôi lại nghĩ khác: gỗ chúng ta chặt ở rừng. Còn gạch ngói chúng ta sẽ làm lấy.

- Làm lấy ư?

- Tôi đã có kế hoạch làm một xưởng gạch. Trong xóm đạo có người biết làm nghề nung gạch. Cu li ta tuyển trong xóm Đạo, ta xây lò nung gạch ngói. Làm nhà thờ gạch ngói gỗ lạt đều tự cấp. Thợ xây tuyển những giáo dân trong vùng. Làm nhà của Chúa ai chả muốn góp công góp sức. Khi làm nhà thờ xong, ta xây nhà chính trong đồn điền. Xây nhà xong, ta có thể bán gạch ngói kinh doanh.

Nghe Liến nói, Philippe ôm lấy anh chàng người bản xứ và reo lên:

- Thật là tuyệt! Có Chúa ban phước lành nên tôi mới gặp được anh, mới có anh giúp đỡ.

Ít lâu sau, ngôi nhà thờ Cổ Đình được xây dựng. Ngôi nhà thờ không to lắm, nhưng cao, cao vút lên trời. Ngôi nhà thờ nằm ở đỉnh quả đồi, nên nó đã cao trông lại càng cao. Ở đỉnh chóp nơi tháp cao chính giữa, Pierre lại đắp tượng đức Chúa Trời bằng thạch cao hai tay giang rộng, chiếc áo choàng xòe ra hai bên. Trông tượng Chúa như hình một con đại bàng đang bay trên bầu trời Cổ Đình. Chúa hiền từ đầy lòng xót thương đương ban phước cho đàn con chiên lầm lũi bên hồ Huyền. Và từ đấy, người đến Cổ Đình, từ xa đã nhìn thấy ngôi nhà thờ. Nó là niềm kiêu hãnh hạnh phúc của cha Colombert, của Philippe Messmer, của những người dân đạo nhỏ bé nơi đây.

Cha Colombert là người rất thánh thiện. Cả đời cha chỉ lo việc đạo. Năm hai mươi lăm tuổi, cha được phong linh mục, Colombert đã sang xứ Bắc Kỳ này từ hồi còn cấm đạo. Cha là người đã trông thấy những cảnh bên giáo, bên lương thù hằn chém giết lẫn nhau. Cha đã thấy những giáo sĩ trở thành những sĩ quan dẫn quân đi bắn phá vào những ngôi làng. Cha đã ở bên đức giám mục Puginier, một nhà tu hành nhân từ nhưng kiên quyết cũng chẳng ai bằng. Đức giám mục là người truyền đạo xuất sắc của hội thừa sai Paris đồng thời cũng là nhà chiến lược am hiểu tình hình nơi đây. Ông đã cố vấn cho các nhà quân sự chính trị biết bao nhiêu đường lối chinh phục để nhằm biến xứ này thành đất của Chúa, và người dân ở đây thành những thần dân ngoan đạo của nước Pháp. Colombert không có những tham vọng lớn như cha bề trên, nhưng đức tin của ông thì chắc chẳng ai bằng. Cha Colombert đã bị sốt rét hành hạ, có lúc đã ở bên bờ

vực, mấp mé cái chết, nhưng có lẽ lòng tin nơi Chúa đã ban cho ông một sức mạnh kỳ lạ để sống sót, để phục vụ lý tưởng Cơ đốc, để xoa dịu những nỗi thống khổ của người dân An Nam. Những con người hiền hòa, cần cù, thông minh và cam chịu nhất trên trái đất này mà ông rất yêu mến. Chẳng biết tự lúc nào ông đã nguyện ở lại xứ sở này, nhận xứ sở này là quê hương thứ hai của mình, ở lại đây để giúp đỡ, để an ủi cho những người dân lành. Hình như trong thâm tâm, ông mơ hồ cảm thấy có lỗi với họ, cảm thấy mắc nợ với họ. Một món nợ tinh thần vì tại sao, tại sao họ lại chịu lắm cảnh tai ương thế này. Có phải thực sự ông đã mang ánh sáng đến cho họ không? Hay chỉ là một luồng ánh sáng yếu ớt, trong khi đó bóng đêm lại nhiều quá, dày đặc quá... Những ý nghĩ có thể là nhân từ, có thể là khác bình thường ấy, ông chẳng đem nói với ai bao giờ. Chỉ biết rằng nó làm ông thanh thản, dịu dàng hơn. Một con người rất thánh như thế, một con người, có thể nói, theo đạo Cơ đốc nguyên thủy, lẽ dĩ nhiên, khi thấy ngôi nhà của Chúa khang trang được dựng lên, ông phải vui mừng nhiều. Bởi vì ngôi nhà của Chúa sẽ như một công cụ tốt giúp ông đem lý tưởng Cơ đốc đến cho đám con chiên của ông.

Kiêu hãnh vì ngôi nhà thờ, đối với Philippe Messmer lại có một ý nghĩa khác. Xây ngôi nhà thờ Cổ Đình, tức là ông lặp lại cái hành vi xây Nhà Thờ Lớn tại Hà Nội của đức giám mục Puginier. Chỉ có khác, ngôi nhà thờ ở đây có phạm vi nhỏ bé hơn, chứ không phải là thứ biểu tượng lớn ở phạm vi toàn xứ như đức giám mục làm. Tuy nhiên, có điểm giống nhau, đó là Philippe tin rằng có ngôi nhà thờ ở đây, đồn điền của mình sẽ vững chắc hẳn

lên. Vì lẽ đó, Philippe đã tốn sức lại tốn cả tiền của để giúp cha Colombert.

Còn đối với nhân dân xóm Vườn (xóm Viên) ngôi nhà thờ này đã đem lại cho họ niềm kiêu hãnh cũng không nhỏ. Để hiểu chuyện này, ta cần biết rằng dù là người công giáo, người dân xóm Vườn này vẫn là người nước Nam. Mà đã là người nước Nam, thì ai cũng mang trong tâm thức mình một cái đình. Họ mới là người theo đạo cách đây không lâu. Còn cha ông họ, đã bao nhiêu đời rồi, ai cũng là người đã được hưởng bóng mát của cái đình. Vả lại, sự mâu thuẫn của Viên thôn với Cổ Đình cũng lại bắt nguồn từ cái đình. Đi ngược từ xóm Viên về làng, đến ngã ba ta gặp ngay ngôi đình Hai Chạ. Ngôi đình to lớn, mái ngói thâm nâu, ngồi sừng sững ở chỗ ngã ba nhìn xuống hồ Huyền, từ xưa vẫn là ngôi đình nổi tiếng trong cả tỉnh. Ngôi đình to lớn, kèo cột, xà kẻ đều chạm khắc tinh xảo mỹ lệ. Công xây dựng đình, người dân thổ cư đóng góp rất lớn. Cũng vì mến Cổ Đình là danh hương, đình to chùa đẹp, nên dân xóm Vườn ngụ cư, kẻ đến sau mới xin kết chạ, mong được cúng tế ở đình, mong được hưởng ân phúc của vị thành hoàng làng bản địa. Ai ngờ, đã chịu nhận làm chạ em rồi mà cũng không xong. Ở đình lần nào, thôn Vườn cũng bị soi mói chê trách. Lúc thì thôn Vườn lòng không thành, lúc thì thôn Viên lễ bạc, lúc thì quan viên khệnh khạng lề mề. Có người còn xì xào: Đất của họ là đất nghịch, dân của họ là kẻ ngụ cư ăn nhờ ở đậu. Có nhiều gia đình đã qua ba đời ngụ cư, tưởng rằng tam đại thành tổ, nào dè xin vào làng họ vẫn cứ bị bẻ hành bẻ tỏi. Thôn Vườn chuyển sang công giáo phần lớn cũng vì bị khinh rẻ quá đỗi. Cũng là

những con người chăm chỉ, cần mẫn, mà lại bị coi khinh là thứ dân hạ đẳng. Do vậy, việc theo đạo của họ là việc họ tự giải phóng cho mình. Bây giờ, họ có ruộng cày, họ lại được cha đạo ân cần chỉ bảo. Và cha Colombert là người hiền từ, xót thương họ thực sự. Họ biết điều đó. Trước kia họ thiếu cái đình. Thì bây giờ đây, ngôi nhà thờ nào khác gì cái đình mơ tưởng trong tâm khảm họ. Thực ra, cũng có cái khác đấy, nhưng họ làm sao hiểu được sự khác biệt tinh tế ấy. Bởi vì cái đình thì bám chặt mảnh đất tổ tiên, còn ngôi nhà thờ lại đưa họ bay vút lên tận trời xanh. Không hiểu họ có chếnh choáng không, nhưng dù sao, có thứ thay thế cái đình, họ cũng thấy yên tâm.

3

Pierre Messmer sau khi được ông hộ Hiếu chữa cho khỏi bệnh điên, biến thành một con người trầm lặng. Cả ngày Pierre tha thẩn khắp mọi nơi rồi hí hoáy vẽ. Philippe rất lo, nghĩ rằng bệnh của em mình chưa khỏi. Ông René de Fromentin về thăm. Gặp ông, Pierre mừng rú lên, đem những bức vẽ ra khoe. René xem tranh của Pierre, gật đầu khen:

- Tranh anh vẽ càng ngày càng đẹp.

Philippe gọi riêng René ra bảo:

- Sao ông lại khen công việc lẩm cẩm ấy của Pierre.

Sự mộng mơ đã làm hại chú ấy. Ông có biết giới thuộc địa họ nói thế nào về kiểu người như Pierre không?

- Tôi không biết.

- Họ bảo rằng các nhà nghệ sĩ, nhà khoa học, nhà nghiên cứu là những kẻ vô tích sự. Họ chỉ là những vật trang trí cho đời sống thuộc địa mà thôi. Họ không thực tế và chính sự không thực tế đó lắm khi đã làm hại bản thân họ.

René phá lên cười:

- Theo cách phân loại của ông, thì tôi và Pierre là thứ người đó. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng chính những người ấy mới thực sự làm cho công cuộc thuộc địa có chút ý nghĩa.

Cười xong, René nghiêm nét mặt nói:

- Tôi nghĩ rằng, sự vẽ vời này rất có lợi cho sức khỏe của Pierre. Chính nó sẽ giúp cho ông em của ông khỏi bệnh. Tôi khuyên ông đừng ngăn mà chỉ nên khuyến khích Pierre cầm bút vẽ.

Philippe là con người hành động. Ông ta cho rằng ở thuộc địa, những thầy tu, nhà binh, nhà kinh doanh mới là những con người tích cực với công cuộc khai hóa. Những người như Pierre, em ông, ông cũng quý nhưng ông cho đó là những con người sống trên mây trên gió. Nếu họ không thay đổi thích ứng, đời sống thuộc địa khắc nghiệt sẽ nghiền nát họ. Ông xếp loại họ vào loại người yếu đuối, đáng yêu nhưng đáng thương, họ chẳng biết đời sống thực của thuộc địa. Ông nghĩ rằng có lẽ Pierre nên quay trở về Pháp. Ông định bụng khi Pierre khỏi hẳn bệnh ông sẽ đặt vấn đề này ra. Nghe René nói nhờ vẽ có thể Pierre khỏi bệnh, Philippe lấy làm nghi

ngờ, liền hỏi ý kiến cha Colombert và các bác sĩ ở Hà Nội. Họ đều xác nhận ý kiến của René và còn nói rằng càng ngày càng vẽ đẹp hơn tức là bệnh tiến triển tốt. Philippe nghe vậy, bèn giao cho Pierre trang trí ngôi nhà thờ. Pierre nói với cha Colombert:

- Con sẽ thay thế cây thập tự trên đỉnh nhà thờ bằng một bức tượng Chúa mặc áo choàng giang hai tay ra thương xót nhìn xuống thế gian. Thân người và hai cánh tay giang rộng cũng chẳng khác gì cây thập tự.

Cha Colombert vui sướng, tán thành ý kiến ấy. Và công việc này làm Pierre phải tốn thời gian một nửa năm trời. Lúc hoàn thành, Pierre nằm trên cỏ, ngửa mặt nhìn pho tượng Chúa và nói:

- Người dân An Nam thích tượng. Trong các ngôi chùa quê của họ, đem tổng cộng lại, phải có hàng vạn pho tượng Phật. Con rất vui vì đã góp được thêm một pho tượng của mình vào cái kho tàng khổng lồ đó.

Cha Colombert nói:

- Cha cũng rất vui vì con đã cụ thể hóa những ý tưởng của Chúa vào pho tượng quý. Có lẽ cha chỉ xin thêm vào ở phía dưới nên có bức phù điêu một quyển sách trên có dòng chữ: "Je suis le chemin, la lumière, la vérité" (Ta là con đường, ánh sáng, chân lý).

Và kỳ lạ thay, sau khi làm pho tượng xong, bệnh của Pierre hoàn toàn khỏi. Philippe vui sướng, quên cả chuyện đưa em về Pháp, ông còn khuyến khích Pierre vẽ và định có dịp sẽ tổ chức cho em mình một cuộc triển lãm ở Hà Nội.

Pierre, từ đấy, đem giá vẽ đi đến những ngôi chùa,

những phong cảnh đẹp rồi những chợ quê để vẽ về người bản xứ. Vào một phiên chợ tết, anh gặp ông thầy Tầu Hoàng Sùng Linh. Ông già Tầu ngoài việc xem phong thủy, bắt mạch chữa bệnh, còn làm nghề vẽ chữ, viết câu đối, lúc tết gần đến. Pierre rất ngạc nhiên vì lối vẽ chữ của ông già. Nó thần tình chẳng khác gì vẽ một bức tranh. Ông già bảo:

- Chữ của chúng tôi là những hình, trong đó có đậm, có nhạt, có xa, có gần... Có cả kiêu hùng phóng khoáng, cả nỗi âu lo phấp phỏng, có cả sát khí lẫn nỗi khiếp nhược, có cả khi vui khi buồn... Nói tóm lại, cái thần trong ta thế nào, thì nét chữ sẽ ra thế ấy.

Xem ông Hoàng vẽ mấy buổi, Pierre nói:

- Thưa thầy, tôi muốn học chữ của thầy.

- Ông Tây ơi, học cái chữ này lâu lắm, công phu lắm.

- Lâu tôi cũng học được. Tôi mời thầy về ở nhà tôi.

- Ở đâu?

- Trong đồn điền.

Philippe thấy em quý ông thầy Tầu nên cũng chiều, thuê ông Hoàng về dạy chữ Nho cho Pierre. Ông Hoàng còn làm thức ăn rất đặc biệt, Philippe lại thấy ăn đồ Tầu ngon, nên thuê luôn ông ta kiêm đầu bếp. Tưởng ông Hoàng đã đỗ tú tài Tầu, sẽ chê cái chân bếp là cái công việc của những kẻ hầu hạ, song ông Hoàng cũng cười và chấp nhận. Philippe hỏi lý do, ông ta rất thành thực trả lời:

- Đời tôi chỉ ao ước mở một hiệu thuốc nhưng không có tiền. Bốc thuốc ở chợ thì chẳng biết đến đời nào mới đủ tiền làm việc mình thích. Tôi làm với các ông dăm năm

chắc có thể thực hiện được ước muốn. Vả lại, làm món ăn ngon cũng là một công việc mà tôi rất thích.

Xây nhà thờ xong, Philippe tính chuyện xây nhà cho mình ở đồn điền. Ông đã lặn lội trong đời lính ở nhiều nơi trên xứ Bắc Kỳ, nào Lạng Sơn, nào Yên Bái, nào Hòa Bình. Do vậy, ông luôn ở trong những doanh trại xây hình chữ U, một ngôi nhà chính cho sĩ quan ở giữa, hai bên là nhà lính và nhà cho hạ sĩ quan. Cái cổng doanh trại thì to đóng hai cánh. Ở hai bên cổng có hai chòi canh cao lênh khênh. Chung quanh doanh trại cắm nào tre vót nhọn như lưỡi mác... Kiểu kiến trúc trại lính ấy còn theo ông đến tận đồn điền Mắt Mèo. Cũng ba căn nhà hình chữ U, cũng cánh cổng to hai cánh, cũng hàng rào lông nhím chung quanh. Chỉ có điểm khác nhỏ là thiếu hai chòi canh cao lênh khênh hai bên, nhưng vết tích của nó thì hãy còn, đó là hai cái trụ xây bằng đá ở hai bên cổng to hơi quá cỡ. Nhà cửa vẫn bằng tre gỗ và lợp cỏ tranh.

Lần này, Philippe đã có gạch ngói rồi. Ông quyết định xây ngôi nhà hai tầng. Tầng dưới thấp dùng để làm bếp, kho và khu vệ sinh. Chủ yếu ở trên tầng hai, bốn buồng. Để lên tầng hai, có một chiếc cầu thang vừa là chỗ đi lại, vừa là vật trang trí đẹp đẽ đằng trước căn nhà. Nhà ba căn theo hình chữ U bị phế bỏ. Chỉ có ngôi nhà chính tường quét vôi vàng, cửa sổ sơn xanh, với hàng hiên rộng rãi đứng duyên dáng ở giữa quả đồi. Chung quanh nhà có bãi cỏ, có vườn hoa, có cây cối mát mẻ. Khu nhà làm việc tách riêng hẳn ra chỗ khác. Khu công nhân đồn điền cũng tách ra xa thành một xóm ở quả đồi bên cạnh. Hàng rào lông nhím được thay thế bằng bức tường gạch

thấp nhô như con rồng quây khắp quả đồi. Ngôi nhà chính của đồn điền đã ra dáng như một vila.

Cái nóng ở Bắc Kỳ là điều mọi người Pháp đến đây đều sợ nhất. Họ đều bảo đó là thứ nóng bức khủng khiếp. Vừa nóng, vừa ẩm, lại không có gió. Không gian như một nhà tắm hơi nóng. Đầu óc, cơ thể bức bối như muốn nổ tung ra, tâm hồn tưởng muốn phát điên. Cái nóng làm tiêu tan mọi suy nghĩ. Không muốn làm việc trí óc, lại cũng không muốn cử động tay chân. Con người lúc nào cũng lờ đờ, lúc nào cũng muốn ngủ. Buổi trưa, khi ngủ xong, không muốn cựa mình trở dậy nữa, và đầu óc càng lờ đờ hơn, uể oải hơn. Philippe đã tận mắt trông thấy bao nhiêu người bạn đã ngã gục vì không chống cự lại nổi cái nóng Bắc Kỳ. Đi ra đường lúc nào Philippe cũng đội trên đầu chiếc mũ cát rộng vành màu trắng xấu xí. Lần này xây nhà, Philippe rất chú ý đến sự chống nóng. Ông bắt thợ xây nhà phải chú ý không xâm hại đến những cây cối vốn đã có sẵn trên đồi. Nhà quay hướng Nam để đón gió. Hiên thật rộng. Các buồng đều có trần. Đặc biệt, ông bắt chước các nhà Tây ở Hà Nội, xây một phòng tắm, mà thời bấy giờ người ta gọi là phòng thủy liệu pháp (hydrothérapie) ở thành phố, phòng "thủy liệu pháp" có hoa sen phun nước. Khi tắm, có một người bồi đứng bên ngoài phòng liên tục kéo cái cần bơm để nước trong hoa sen phun ra từ đầu đến chân người tắm. Philippe ở đồn điền ít tiền hơn nên không mua bộ phận hoa sen, mà thay vào đó xây một chiếc bồn tắm bằng gạch trát xi măng bóng loáng. Khi trời nóng quá, sai bồi múc nước giếng đổ vào, rồi ngâm mình trong đó. Chuyện này Philippe cũng rất cẩn thận hỏi ý kiến bác sĩ.

Người ta khuyên ngày chỉ được ngâm tắm ba lần sáng, trưa, chiều.

Về phương diện vận tải, Philippe đã có lúc định mua một chiếc xe tay người kéo giống như mấy vị quan Hà Nội (lúc này phong trào mua xe tay nhập từ Nhật đang phát triển). Tuy nhiên, đầu óc thực tế lại khuyên ông không nên, vì đường đất Cổ Đình rất gồ ghề. Vả lại, dùng xe kéo ra ruộng sao được. Cuối cùng ông chọn giải pháp dùng ngựa.

Để chống nóng, Philippe còn có một dụng cụ rất đặc biệt treo trong phòng khách. Đó là chiếc quạt to, to gấp ba, bốn lần chiếc quạt lúa, treo ngang trên trần nhà. Buổi trưa, buổi tối, sau khi ăn uống xong, ông thả người trên chiếc ghế xích đu đọc báo; lúc đó, thằng bé con dùng tay (đôi khi dùng chân) kéo chiếc quạt đu đưa, phe phẩy, cùng với tiếng kêu kẽo kẹt phần phật đều đều, như muốn ru con người vào giấc ngủ.

Philippe đã tự tạo cho mình một cuộc sống khá tiện nghi. Ông cứ nhớ như in lời nói của viên đại tá: "Chúng ta sang xứ này để làm ông chủ". Cuộc sống êm đềm ấy lại có quản Liến tích cực giúp điều khiển nên nó cứ chạy êm ru như một cỗ máy trơn dầu. Nhà Philippe có cả một nửa tá đầy tớ phục vụ: ông bếp người Tầu kiêm dạy Pierre học, có lúc lại đưa ra ý kiến như một quân sư; chị sen làm việc vặt và dọn dẹp nhà cửa; anh bồi ngựa kiêm thêm việc chỉ huy khiêng võng khi ông cần oai vệ đi gặp những vị chức sắc An Nam; anh bồi phòng chuyên sửa soạn phòng ngủ kiêm việc gọi gái; chú bé con kéo quạt và làm đầu sai vặt cho tất cả mọi người; chị khâu đầm lo việc đăng ten rèm cửa, giặt giũ, phơi phóng, là ủi, v.v...

Philippe không bắt họ mặc đồng phục, nhưng bắt tất cả người phục vụ đều mặc màu trắng. Những buổi trưa hè, nằm trên ghế xích đu, lim dim đôi mắt nửa thức nửa ngủ, nhìn lờ mờ những bóng trắng rón rén đi qua đi lại một cách âm thầm để không gây một tiếng động nhỏ, Philippe không khỏi dâng lên một niềm thích thú, có thể nói là kiêu hãnh tự hào.

Lúc đầu Philippe phải hà tiện từng đồng xu nhỏ, phải ở trong một chiếc nhà lá ẩm thấp, tối tăm giống như người nhà quê bản xứ. Ông chỉ có trong tay hai vạn phờ-răng làm vốn. Phải sắm từ cái cuốc, con dao, cái cày, cái bừa. Phải lăn lộn hàng ngày dưới trời nắng chang chang cùng với những người phu nông nghiệp. Khi tắm, cũng phải múc nước bằng chiếc gáo dừa mà đổ xuống đầu hệt như người dân bản địa, hoặc có lúc tì tũm bơi trên dòng sông Son đục ngầu. Philippe hiểu nếu không biết dè sẻn, nếu không quyết chí, nếu không chịu đổ mồ hôi, nếu không chống cự nổi với cái nóng ẩm và bệnh tật, nếu nản chí xuôi tay lại chỉ thích hưởng thụ ngay, thì dù nhà nước cho không rất nhiều đất đai và dù nhiều vốn đến đâu, thì cuối cùng cơ nghiệp rồi cũng tiêu tan. May thay, Philippe vốn là người nông dân, vốn là người lính đã tham gia trận mạc chịu đựng được gian khổ, rồi lại có sức khỏe trời cho và cái máu liều hiểm của thứ người *conquistador* nên chỉ mới năm năm kinh doanh đồn điền cơ nghiệp của ông đã rất ổn định.

Philippe chịu ơn quản Liến rất nhiều. Liến vừa là người công giáo, lại có một thời gian dài làm con nuôi họ Vũ Xuân, nên có thể nói anh ta biết rõ Cổ Đình như lòng bàn tay. Họ Vũ Xuân nắm hết các vị trí chức dịch. Liến

khuyên Philippe nên thân thiết với dòng họ này. Đầu tiên, đến thăm hỏi ông tú Cao, ông này chẳng làm chức vị gì, nhưng người An Nam trọng bằng sắc nên cụ tú Cao hầu như là người thủ lĩnh tinh thần của họ Vũ. Vả lại ông ta còn có con gái lấy ông đốc tờ Tây. Cụ tú Cao tiếp họ khá nhạt nhẽo, song không hề gì bởi vì họ đến nhà cụ cũng chỉ là một hình thức ngoại giao. Kế tiếp, họ đến nhà ông tiên chỉ Nhậm. Liến bảo:

- Tay này đã lăn lộn kinh doanh, người thâm lắm, từ từ ta sẽ nắm sau.

Cuộc đi kết giao chủ yếu nhằm vào lý Cỏn. Lý Cỏn vừa giàu, vừa là lý trưởng đương chức. Lý Cỏn ít tuổi hơn Liến chừng năm tuổi, nhưng đứng về thế thứ phải gọi Liến bằng chú vì Liến là em nuôi cụ tú Cao và bố lý Cỏn. Vì vậy, khi thấy chó sủa rồi Philippe và Liến đi vào thì Cỏn rất lễ phép niềm nở:

- Kính chào quan lớn đồn điền. Con lạy chú ạ.

Liến thuở nhỏ vẫn chơi với Cỏn nên hai người biết nhau lắm. Chú cũng láu cá và cháu cũng khôn ngoan chẳng kém. Thấy Cỏn lễ phép có trên có dưới, Liến cũng hỉ hả trong lòng. Hắn bảo Cỏn:

- Tôi mang quý nhân đến cho ông đây.

- Dạ quý hóa quá.

- Còn mang cả mối lợi đến cho ông đây.

Lý Cỏn sai bà Hai cấp tốc làm đồ nhắm cho ba người uống rượu. Philippe mới gặp Cỏn đã thấy ưng ngay. Ưng vì cái nhà của Cỏn rất Á Đông, sập gụ tủ chè sạch như li như lau, chứ không nhếch nhác như nhà ông tú Cao, tràng kỷ và bàn chỉ là đồ tre. Ưng vì nghe nói lý Cỏn có

những ba bà vợ. Một con người thích nhiều đàn bà thế chắc hẳn là một người lanh lợi. Đó là cách suy luận riêng của Philippe. Còn ưng nữa vì lý Cỏn là tay bợm rượu. Philippe đoán xét người, lúc sơ kiến, là thử xem đối với đàn bà và rượu anh ta có thái độ thế nào. Ông cho rằng người không thích hai khoản ấy thì chắc sẽ là người kém năng động.

Ông Tây Philippe uống vào, mặt đỏ như con gà chọi và cười ha hả. Lý Cỏn càng uống mặt càng tái, và cười mỉm. Còn Liến uống rượu như uống nước lã rồi nói những lời sáng láng và khôn như rận. Liến hỏi:

- Ông có biết mối lợi tôi đem đến cho ông là gì không?

- Cháu chịu. Nhưng chú cháu mình từ xưa vẫn thân thiết với nhau. Cái đó thì cháu rất rõ. Trước sau, chú cháu mình vẫn thân thiết không suy suyển. Chú mang lợi đến cho cháu, thì cháu cũng phải biết công ơn của chú.

- Thế này nhé. Đồn điền của ông Philippe có hơn trăm mẫu ruộng ở đồng làng ta. Vị chi là có khoảng một nghìn sào. Ông Philippe định cho dân làng cấy thuê. Cứ mỗi sào lấy ba mươi cân thóc. Việc này ông chủ định giao cho ông lý quản hết. Ông là người làng, cầm quyền trong làng. Ruộng nương ở đâu ông thuộc hết. Người làng cũng ở trong tay ông. Ông nắm gốc gác hoàn cảnh chi li đến từng người. Và ngài Philippe sẽ cho ông ăn hoa hồng. Đừng lo. Gái có công thì chồng chẳng phụ. Ông lại có những ba bà vợ và một lũ con. Việc này tôi nghĩ mãi, giao cho ông là hợp nhất.

Thực ra, việc này lúc đầu Liến định nhờ chú, tức là ông trưởng Cam làm. Ông trưởng Cam nghĩ ngay đến nhà vợ, tức bà tổ cô, ông bảo Liến:

- Sao cháu không nghĩ đến họ Vũ Xuân. Họ nhà người ta có bao nhiêu công ơn với cháu. Không có họ Vũ Xuân thì liệu cháu có còn sống đến giờ không? Vả lại, ruộng nương nhà mình chú trông nom còn chẳng xuể. Còn bên ấy thì đông người lại có quyền có chức.

Philippe khi nghe nói đến lý Cỏn liền đồng ý ngay. Ông nghĩ đến lời dặn của ông công sứ và viên đại tá chỉ huy cũ: "Đồn điền là đại diện của nước Pháp cắm ở một vùng đất. Nó làm kinh tế nhưng không quên chính trị quân sự". Quan hệ với một lý trưởng, nhả ra cho ông ta một chút lợi lộc há chẳng là một việc nên làm hay sao.

Như vậy, Philippe vừa là một ông chủ đồn điền, đồng thời lại là một chúa đất, phát canh thu tô theo kiểu xưa. Về sau, khi thấy lý Cỏn làm việc quản lý thêm ruộng đất cho mình có phần nặng nề quá, liền nhờ cả quản Boong ở xóm Vườn giúp thêm việc ấy. Quản Boong đã đi lính, là người có đạo nên Philippe tin cậy nhiều. Tuy nhiên, ông ta lại có nhược điểm là hống hách, bị dân làng Đình rất ghét. Vậy nên việc buộc lý Cỏn vào chung với quản Boong là một mưu mô rất khéo của Philippe và Liến.

Philippe rất quan tâm đến nhân sự đồn điền. Nhờ cha Colombert và ông trưởng Cam nên đã có năm gia đình đi đạo đến ở xóm Tân Ấp của đồn điền, dân trong vùng thì gọi nó là xóm Mắt Mèo. Philippe giúp họ làm một căn nhà nguyện nho nhỏ. Tối tối, mấy gia đình theo đạo lại ra đó đọc kinh. Ông thích nghe tiếng đọc kinh trầm đều, thành kính, ngân nga mỗi tối lại dâng lên trong xóm Tân Ấp. Đó là những lời ca ngợi Chúa vinh quang. Nghe tiếng cầu nguyện ấy, trong lòng Philippe không khỏi dâng lên một tình cảm nhớ nhung quê hương. Ông lại

sống lại bằng âm thanh, sống lại những ngày thơ ấu ở nước Pháp. Ông tự hứa với mình rồi sẽ biến nơi đây thành một chỗ giống như ngôi làng mình ở bên kia đại dương. Ý nghĩ ấy làm Philippe ấm lòng và cảm giác thấy nơi đây đã dần trở thành quê hương của mình.

Philippe đọc báo, được biết ở nhiều đồn điền có những ông chủ Tây rất độc ác và tham lam thậm tệ.

Philippe không phải là người ác. Ông ghê tởm những trò dã man. Ông rất hãnh diện vì đồn điền của ông là một đồn điền nhân đạo. Ông tuyên bố: ở đây phải sáng lên tinh thần tự do, công bằng, bác ái của cách mạng Pháp. Ở đây cũng phải ngự trị tình yêu của Chúa. Cha Colombert bảo: "Chỉ nơi nào ngự trị tình yêu của Chúa nơi ấy mới có an lành và thịnh vượng". Philippe cố gắng noi theo tinh thần ấy.

Tuy nhiên, Philippe vẫn tự nhận mình có một tật xấu không sửa chữa được: đó là ông rất thích đàn bà. Có lần ông đã xưng tội với cha Colombert. Cha khuyên ông nên cố tránh vì đó có thể là con đường dẫn ông tới sa đọa. Sa đọa ư? Ông không dám cãi nhưng trong thâm tâm ông nghĩ rằng cha quá khắt khe. Ông nghĩ rằng làm điều gì để sáng danh Chúa, hoặc để làm vinh quang tổ quốc Pháp, đó mới là điều quan trọng nhất, còn sự yếu đuối tự nhiên của con người thì chỉ là một lỗi nhỏ, điều đó ta có thể cảm thông tha thứ.

Lúc đầu mới sang Đông Dương, Philippe không phải loại người đam mê sắc dục. Vì ham lập nghiệp, chiến đấu và làm giàu, nên khi đó ông bỏ hết sức ra cho công việc. Ông biết tự kiềm chế những ham muốn, lấy việc xây dựng cơ đồ tương lai là mục đích cao nhất.

Ông Hoàng Sùng Linh mà mọi người vẫn gọi là ông Lềnh, ông già Tầu đầu bếp một bận nhìn sát vào mặt Philippe, nhìn rất kỹ từng nét trên mặt ông chủ, rồi lắc đầu nói như nhà hiền triết:

- Ông chủ! Như vậy là không tốt đâu. Dương thì phải có âm. Đàn ông phải có đàn bà. Nếu không, trước sau gì cũng sẽ sụp đổ thôi.

Philippe nghe nói, phá lên cười. Ông già gàn dở này tưởng mình là một thứ bỏ đi chắc. Rồi ông chợt nhớ ngay tới cái bận ông đã quan hệ với một "cô gái giải sầu". Quân đội viễn chinh Pháp là một lũ con đực trẻ măng, cường tráng, đầy sinh lực cần được giải tỏa. Do vậy, trong các cuộc hành quân, binh lính thường đua nhau đi tìm đàn bà con gái để hãm hiếp. Điều ấy thật không có lợi cho danh tiếng của một đội quân tự cho mình có sứ mệnh đi khai hóa văn minh cho một dân tộc dã man. Chẳng lẽ một đội quân thiên thần đến vậy mà lại tỏ ra dã man hơn cả những người bản xứ bị quy là dã man hay sao. Bộ chỉ huy Pháp liền nghĩ tới việc lập một đội quân nữ chuyên làm công việc giải tỏa sinh lực cho đội quân thần thánh. Đội quân nữ này được tuyển lựa từ những người đàn bà nghèo khổ, khỏe mạnh, da trắng có, da đen da vàng cũng có.

Hôm ấy, đội quân nữ đến chỗ đơn vị Philippe. Họ gồm ba người đàn bà thuộc ba màu da đến phục vụ cho hơn một trăm thằng đàn ông to lớn. Mỗi người lính được phát một vé tích kê. Hạn thời gian một ngày phải xong. Lũ lính cường tráng thì đói khát đàn bà. Còn lũ đàn bà thì kinh nghiệm đầy mình, rất thiện nghệ. Vì vậy nên cậu nào vào gặp họ cũng chỉ một loáng thôi, hưởng vài ba cái

lắc là đã lên tiên, phóng vội vã ra thứ của quý có khi tích trữ đã vài năm trời.

Philippe trao tích kê cho anh chàng thiếu úy đứng gác ở nhà câu lạc bộ, rồi mạnh dạn bước tới căn phòng số một, bước đi mà tim đập thình thịch. Anh dừng chân một lát, không hiểu sao lại sửa sang quần áo, cứ như anh sắp gặp mặt cấp trên. Có lẽ anh dừng chân như thế để trấn tĩnh, để cho con tim bớt rộn ràng đi chăng. Căn buồng tranh tối tranh sáng. Vị nữ hoàng trần ngự nơi đây là một cô nàng da đen khổng lồ, toàn thân không che một mảnh vải. Nàng nằm hớ hênh trên giường, cười rồi nói với Philippe với vẻ dàn chị:

- Thế nào chú em? Mau lên! Chị mới chỉ nhận được mười lăm tích kê. Còn phải làm lâu quá.

Khi Philippe lên giường, nàng hỏi:

- Lần đầu phải không?

Philippe ra dáng cứng cỏi:

- Tôi đã có vợ rồi.

- Thế thì tốt. Mấy đứa vừa rồi thật chán mớ đời.

Anh chàng trai tơ trèo lên bụng người đàn bà khổng lồ, với đôi vú nhô lên như hai quả núi, với cặp đùi dài và to như hai cây gỗ, với làn da đen như mun bóng loáng và mát rượi. Nàng ôm chầm lấy anh chàng một cách tham lam, hai cánh tay ghì chặt... Nhưng tiếc thay, nàng mới chỉ làm động tác khởi sự, anh chàng khoác lác đã bung ngay ra loáng choáng. Nàng thở dài cười khẩy, nhưng không nỡ thô bạo đẩy anh xuống đất, mà chỉ khẽ nâng chiếc đầu xấu hổ của Philippe còn nấn ná trên ngực nàng. Người đàn bà có vẻ thương hại:

- Đã hỏi rồi mà không chịu nói thật. Nếu mới lần đầu thì phải học, người ta dạy cho, người ta gượng nhẹ... Đằng này... chỉ là đồ khoác lác.

Philippe hổ thẹn, mặc vội quần áo, vội vàng lủi trốn. Ra đến cửa còn nghe tiếng mụ ta cằn nhằn:

- Chỉ tổ làm bẩn người ta ra thôi.

Philippe về đến buồng nghỉ, gặp Jacques đang rên hừ hừ trong chăn. Anh hỏi đồng đội:

- Ốm à?

- Ừ! Sốt rét! Hết cơn rồi.

- Thế thì dậy mà đi không hết giờ.

- Chịu thôi. Tôi kiệt sức rồi. Chẳng làm gì được.

- Thật phí của.

- Hay là... Thế nào... anh còn sức nữa không?

- Tớ ấy hả. Làm rồi... mà vẫn khỏe như vâm.

- Thế thì tớ biếu cậu... tích kê của tớ kẻo phí.

Philippe cầm chiếc tích kê mà Jacques cho, ra căng tin, uống tách cà phê sữa, ăn một chiếc ga tô. Lòng tự ái của con đực trong anh đang nổi lên dùng đùng. Anh cứ nhớ mãi cái ánh mắt chế giễu của người đàn bà và câu nói sỉ nhục: "Chỉ tổ làm bẩn người ta thôi".

Anh lại đến nhà giải trí. Viên thiếu úy canh cửa nhìn Philippe soi mói, có vẻ nghi ngờ, nhưng vì thấy tích kê đàng hoàng, là thật chứ không giả nên cuối cùng cũng cho anh qua cửa. Philippe lại phăm phăm đến phòng số một. Phải chờ một lát vì có người đương mặc quần áo chuẩn bị ra. Lại nghe thấy tiếng cằn nhằn của cô nàng khổng lồ: "Rặt một lũ vô tích sự!".

Nhưng khi nhìn thấy chàng mỏ trắng Philippe, mụ đàn bà lại cười toe toét:

- Ái chà! Lại là chú em sao! Liệu phen này có nên cơm cháo gì không?

Philippe sừng sổ, vênh vang như chú gà trống:

- Cứ thử xem.

- Ừ, thì thử.

Philippe cưỡi ngay lên bụng nàng. Và có lẽ đây là lần đầu tiên, nàng khen:

- À! Ra cũng khá hơn một chút.

Đúng là lần này Philippe khá thật. Hai cái chân khổng lồ của mụ co lên đập thình thịch vào lưng anh chàng. Mụ trở hết ngón nghề ra định cho Philippe lên tiên ngay, nhưng anh chàng vẫn vững vàng như cây thông trước gió. Mà càng gió to càng hăng, càng bão lớn càng mạnh. Philippe hăng đến nỗi mụ khổng lồ lão luyện phải thốt lên một câu tiếng Pháp khiến cho Philippe phải nhớ đời:

- Mày... Mày là... Thằng quỷ! Mày... mày là con ngựa!

Như thế đấy! Philippe hãnh diện vì được mụ gọi là con ngựa. Ấy thế mà ông Lềnh, ông đầu bếp Tầu lại tưởng hắn là kẻ bất lực. Thực ra, như Philippe thú nhận, chỉ vì hắn đang quyết chí làm giàu. Hắn đã có một mục đích, và để thực hiện mục đích đó, hắn cần phải tập trung trí tuệ, tập trung mọi năng lượng để thực hiện cho bằng được. Đã chẳng có bao con người giàu có bên Pháp, tưởng làm giàu ở xứ Bắc Kỳ dễ dàng, hăm hở sang Đông Dương nhưng đều thất bại cả sao. Thực ra, xứ Bắc Kỳ này đúng là một xứ thiên đường, một mảnh đất hiếm có

cho những ai muốn làm giàu. Nhưng kẻ nào không có chí, kẻ nào chỉ muốn hưởng thụ ngay, đều đi đến thất bại dù họ có số vốn gấp năm gấp mười của hắn. Do nghĩ như vậy nên suốt năm năm ròng rã, hắn đã tập trung vào công việc, bỏ hết mọi vui thú, hưởng thụ và chắt bóp từng đồng xu nhỏ. Hắn thức khuya, dậy sớm. Hắn lao động, đốc thúc, lập kế hoạch, rồi đi thăm thú các đồn điền khác để học tập kinh nghiệm, và cặm cụi trên sách vở học hỏi kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi. Sau năm năm, sự cần cù ấy đã được đền đáp. Đồn điền Messmer đã có lãi. Tương lai của những cây cà phê, ai trông cũng thấy sáng sủa.

Chỉ đến lúc ấy, sau khi hoàn thành xây dựng ngôi nhà mơ ước, Philippe mới nghĩ đến những thú vui mà hắn yêu thích. Chỉ đến lúc ấy, hắn mới nghĩ đến những người đàn bà.

Ngày xưa ở Pháp, tại các trang trại, các nhà quý tộc đều áp dụng luật "hưởng đêm đầu tiên" (droit de cuissage). Các cô nô tì, trước khi về nhà chồng đều phải dâng hiến cái đêm đầu tiên quý báu của người trinh nữ cho các ông chủ. Ở đồn điền, số nông nô tá điền chưa đông, vậy nên còn rất hiếm các cô gái đồng trinh. Thiếu các cô gái tơ thì hắn dùng luôn các bà nạ dòng. Những người đàn bà nào sạch sẽ, ngon mắt tất tật đều bị qua tay hắn hết.

Việc ấy cũng chẳng khó khăn gì. Quản Liến chỉ việc gọi người đàn bà đã được chấm lên ngôi nhà lớn để giúp việc ông chủ. Khi người đàn bà đến, hắn cho tắm táp rồi vui vầy với cô ta. Chưa có sự phản đối mãnh liệt nào xảy ra, bởi vì hắn chẳng phải là người thô bạo. Vả lại, hắn

còn là người biết điều và hào phóng. Sau khi gặp người đàn bà, hắn thường biếu một món quà, rồi lại quyết định giảm thuế hoặc cung cấp cho gia đình cô ta vài thùng thóc. Hắn nghĩ như thế là sòng phẳng và nhân đạo. Nói chung, không thấy ai ta thán gì. Vậy nên, lương tâm hắn rất thanh thản. Những người đàn bà An Nam trông thì nhỏ bé, nhưng thật tuyệt vời trên giường ngủ. Philippe đánh giá như vậy. Hắn có đọc một số sách người Pháp viết, họ chê người đàn bà Việt là xấu xí. Có lẽ những người đó bị những tiêu chuẩn về cái đẹp Tây phương chi phối nặng nề, hoặc giả đem cả những tư tưởng thuộc địa nghĩ mình là dân tộc văn minh cả trên giường ngủ, hoặc giả chưa có kinh nghiệm tình dục thuộc địa mà đã vội vã khái quát hóa, đưa ra những nhận định vội vàng quá chăng. Riêng Philippe, hắn thích những người đàn bà Việt. Thân hình nhỏ bé của họ thật chắc lẳn và trơn mượt. Mớ tóc của họ được gội bằng các loại lá thiên nhiên thơm tho lạ lùng. Thân hình mềm và mượt của họ xoắn xuýt lấy cái xác to lớn và vụng về của hắn trên giường đôi lúc còn gây cho hắn cái cảm giác tự ti. Có lúc hắn còn tự nhận xét: người đàn bà ngày xưa gọi hắn là đồ ngựa chắc gì đã đúng.

Và trong tất cả những ấn tượng về người đàn bà An Nam mà hắn đã trải, về sau này hầu như hắn quên gần hết. Nói quên thì không đúng, phải nói những ấn tượng ấy đều bị lu mờ hết cả khi hắn gặp một người đàn bà đặc biệt, người đàn bà mà mỗi khi nhớ lại hắn đều thấy bồn chồn, người đàn bà đã gây cho hắn một nỗi thèm khát khôn nguôi. Có thể nói đó là người đàn bà định mệnh của đời hắn.

4

Một hôm, ông đầu bếp già kiêm giáo sư người Tầu gặp Philippe. Hắn vui vẻ hỏi đùa ông:

- Thế nào, ngài xem bây giờ tôi đã đạt được tới chỗ âm dương điều hòa hay chưa?

Ông đầu bếp già cười một cách hiền triết:

- Thế này cũng vẫn chưa tốt, chưa phải đạo.

- Vậy thế nào mới tốt?

- Ông chủ phải lấy vợ, rồi đẻ con mới là tốt. Người Á Đông chúng tôi cho rằng chưa có con là chưa tròn đạo làm người. Lời nói tuy mang tính chất đùa bỡn nhưng cũng làm Philippe phải suy nghĩ. Pierre cũng tán thành ý kiến ấy:

- Ba anh em ta đều chưa có vợ. Em và Julien thì còn trẻ. Còn anh đã đến lúc phải kết hôn. Hay là, anh về Pháp vài tháng, tìm một người...

Buổi trưa hôm ấy, Philippe nằm trên chiếc võng ngoài hiên, đưa kẽo kẹt, vắt tay lên trán suy nghĩ. Cái nóng nung người khủng khiếp, làm mồ hôi vã ra nhơm nhớp, Philippe muốn suy nghĩ nhưng không suy nghĩ được. Mắt cứ díp lại, song Philippe cố cưỡng. Có nhiều bác sĩ khuyên người Âu ở vùng Đông Dương không nên ngủ trưa, hoặc có ngủ thì chỉ nên ngủ ít thôi. Nếu giấc ngủ trưa kéo dài hơn một tiếng, khi trở dậy, ta sẽ rơi vào

trạng thái dở dẫn rất có hại. Nếu giấc ngủ trưa dài quá, người châu Âu sẽ dần dần không thích ứng nổi, kéo theo là những rối loạn không thể lường trước. Cuối cùng, sẽ là sự sụp đổ cả thể xác lẫn tinh thần. Philippe tự nghĩ không biết mình đã sụp đổ chưa? Về mặt thể xác, chắc chưa đến nỗi. Nhưng về mặt tinh thần thì sao? Bây giờ ông mới nhận ra mình cô đơn khủng khiếp. Phải chăng sự vật lộn với cái nóng, sự vật lộn với cái xa lạ, sự vật lộn để thích ứng mà không thích ứng nổi đã bắt ông phải tìm đến những người đàn bà. Ban ngày ông làm việc cật lực, tất cả những suy nghĩ được quên đi. Nhưng ban đêm, những đêm trằn trọc ở xứ nhiệt đới, ông làm sao xua đuổi được chúng đi. Sự cô đơn của một người châu Âu chỉ một thân một mình giữa đám người châu Á, khác hẳn mình mọi mặt, làm cho Philippe cảm thấy mình như một kẻ lưu đày. Những người bạn của ông, có người lao vào uống rượu, có người nghiện thuốc phiện, còn ông tìm đến đàn bà. Nhưng nỗi cô đơn nào có nguôi ngoai. Những người đàn bà ấy đến với ông đâu phải vì tình yêu. Xác thịt thì thỏa mãn đến mức mệt mỏi. Còn tâm hồn thì vẫn cứ buồn phiền, vì thực ra những cuộc đụng chạm ấy cũng hoàn toàn xa lạ lạc lõng. Có lúc ông có cảm nghĩ như mình chỉ hành động như con thú vật. Sự kiêu hãnh, sự tự cao nòi giống đã che khuất ý nghĩa hành động của ông cho đến hôm nay ông mới thực suy nghĩ sâu về chuyện đó. Ôi chao! Thì ra đây là sự trả thù của cái xứ sở mà ta đến chinh phục. Kẻ yếu không chống lại nổi thì đất đai, rừng núi, khí hậu của họ đã trả thù hộ. Cả những người đàn bà của xứ sở họ cũng trả thù bằng cách vắt kiệt thể xác ta.

Có bác sĩ nói rằng xứ nhiệt đới là đất phồn thực. Nó kích thích tình dục rất mạnh. Hương đất, hương cây cỏ, hương hoa ở đấy đều kích thích sự giao phối và sinh nở. Chả thế mà ở đây mọi vật đều sinh sôi tràn lan, ê hề. Người châu Âu lúc mới sang tưởng rằng nòi giống của mình là giống siêu đẳng cho nên sinh lực mạnh mẽ. Có người còn phát triển lý thuyết đến độ nói rằng: Sự đi chinh phục xứ lạ chẳng qua là những con đực mạnh đến chiếm đoạt những con cái của xứ sở bị đánh chiếm. Song nghĩ kỹ lại, thì sự hùng mạnh đực tính ban đầu ấy chỉ giả tạo. Tình trạng ấy chẳng kéo dược dài. Tiếp theo đó tính đực suy giảm. Cái kích thích thì còn đấy mà ta vẫn thèm khát khôn nguôi. Ôi! Sức lực của ta, ngươi biến đi đâu rồi. Có nhà sinh học còn nói: "Thú vui tình dục đã giết chết những người Pháp còn nhiều hơn những tệ nạn khác ở Đông Dương".

Lời nói của ông Lềnh thế mà hay. Nó chợt làm Philippe suy nghĩ và tỉnh ngộ, đã dẫn dắt hắn quay trở về với lương tri. Philippe nghĩ hắn là một người Pháp khỏe mạnh, đầu óc thực tế, quân bình. Hắn đâu phải kẻ bất đắc chí. Hắn tự nguyện ở lại xứ sở này. Hắn có mục đích, hắn muốn làm giàu. Vậy thì cần phải sống có nề nếp. Đúng là hắn cần có một gia đình.

Nhà dân tộc học René đến chơi với Pierre, biết ý định Philippe muốn lập gia đình, khuyên không nên cưới một người bản xứ, bởi vì sự khác biệt văn hóa dễ gây ra bi kịch hoặc những bất tiện mà ta không lường trước nổi. Ông nói hiện ở Paris có "Hiệp hội di cư phụ nữ sang thuộc địa". Nó được thành lập nhằm chuyển sang đây

những cô gái học hành tử tế, nhưng chưa có việc làm ở Pháp. Đưa các cô tới để làm những nghề như gia sư, thư ký, kế toán, y tá, quản gia, v.v... Rồi trong môi trường có đàn bà, những nhà thuộc địa mới có điều kiện tìm hiểu và thành lập gia đình. Như thế sẽ tránh được những cuộc hôn phối không hợp lý giữa những người đàn ông thuộc địa với những cô gái bản xứ. Cha Colombert cũng ngả theo ý kiến ấy. Ông chỉ lưu ý thêm là nên tìm một cô gái nào ngoan đạo. Philippe viết thư về Pháp. Một ông chú gửi thư sang nói chẳng cần đến hiệp hội di cư làm gì. Gia đình đã nhắm được một cô gái tên là Hélène. Cô này đã 27 tuổi chưa lập gia đình. Cô làm thợ may nhưng vẫn không thích đời sống thành phố, vẫn nhớ nhung và yêu thích đồng quê. Rất ngoan đạo. Lại hay đọc sách. Thích những cuốn như *Graziella* của Lamartine, *Ao ma* của George Sand, *Những lá thư từ cối xay gió* của Daudet, v.v... Hélène nghe nói Đông Dương là bó hoa đẹp của đế chế Pháp, lại nghe tả về đồn điền Messmer rất lãng mạn, nên có thể đồng ý về cuộc hôn nhân lý trí nhưng trữ tình với Philippe. Thế rồi hai phía thư qua thư lại với nhau. Hélène gửi ảnh sang. Còn Philippe thì nhờ ông em họa sĩ vẽ cho một bức chân dung. Pierre hì hục vẽ một tuần lễ bức chân dung của anh. Lẽ dĩ nhiên phải sửa đi sửa lại, có thêm bớt tô điểm đôi chút để cuối cùng cho ra một bức họa mà Philippe gật đầu lia lịa. Đó là bức vẽ một sĩ quan Pháp vận đồ nhà binh bằng dạ đen, với hàng khuy đồng bóng loáng cài kín đến cổ, đội mũ sĩ quan, vẻ mặt nghiêm trang nhưng tươi tắn và nhất là đầy vẻ hiên ngang của một tu mi nam tử.

Cuối cùng, Hélène đã là vợ của Philippe. Nàng vượt biển hàng tháng trời mới đến được Cổ Đình để làm bà chủ đồn điền Messmer.

Từ đó, trong ngôi nhà trước kia lúc nào cũng lặng lẽ, bỗng có tiếng nói thánh thót của Hélène vang lên như tiếng chim hót. Người đàn bà ấy có giọng véo von như hát:

- Philippe! Anh ở đâu?

- Philippe thương yêu! Anh ở đâu?

- Philippe bé nhỏ! Anh ở đâu?

Philippe hài lòng thấy ngôi nhà lúc nào cũng tưng bừng vì dáng dễ thương của người vợ trẻ. Nàng như con họa mi. Nàng hát, nàng cười, nàng biến ngôi nhà thuộc địa của hắn thành một thiên đường. Nàng luôn luôn bám theo Philippe như hình với bóng. Phải nói, lúc đầu sự bám dính ấy là niềm hạnh phúc, là sự hãnh diện của ông chủ đồn điền. Nhưng Philippe là người hoạt động, hắn không thể suốt ngày đêm nâng niu người đàn bà của mình, và để cho công việc đồn điền bê trễ. Dần dần, sự bám dính ấy gây nên sự khó chịu trong hắn, tuy nhiên hắn không bao giờ thể hiện điều đó ra.

- Philippe! Đã có gì xảy ra trong anh?

Rồi có lúc:

- Philippe! Anh không còn yêu em nữa phải không?

- Ôi Hélène! Sao em lại nghĩ thế! Bao giờ anh chả yêu em.

Philippe cố gắng làm hết sức để vừa lòng vợ, tuy nhiên Hélène là người nhạy cảm, cô nhận ngay ra sự gượng gạo. Sự nhạy cảm ấy có lúc đã lên tới cực điểm. Có

khi, chỉ vì một chuyện không đâu, cô đã bưng mặt khóc. Hỏi sao thì trả lời:

- Em không biết nữa. Nhưng Philippe ơi dạo này em thấy buồn lòng quá.

Thời kỳ trăng mật thiên đường bỗng qua đi, cả hai bên đều cố níu kéo nhưng nó vẫn trượt đi không tài nào giữ lại được. Sáu tháng qua đi. Bây giờ suốt ngày Hélène nằm trên võng. Hélène dâu có biết con người giao hòa cùng với con người, nhưng nó còn giao hòa cả với thiên nhiên. Cái thiên nhiên nhiệt đới này phong phú thật, mới gặp nó cô thấy ngỡ ngàng thích thú, nhưng khi cái thích thú ban đầu qua đi, thì cái xa lạ đến thù nghịch lại ập đến. Nóng gì mà nóng gớm ghiếc cứ như thể ta bị đưa vào nồi hấp. Mưa gì mà mưa lắm thế, mưa thối đất thối cát. Côn trùng gì mà đông đúc thế, ban tối cứ bật đèn lên là đủ thứ loài bọ có cánh bay qua cửa sổ xông vào. Mà tắt đèn đi thì muỗi. Muỗi vo ve thường dễ hàng nghìn con khiến Hélène run sợ cứ phải núp trong chiếc màn nóng bức. Hélène nằm trên võng. Chiếc võng kẽo kẹt. Cả tiếng kẽo kẹt ấy nữa! Mới nghe lần đầu thấy nó lạ tai êm như điệu hát ru, còn bây giờ tiếng kẽo kẹt đó lại như một lời than van đều tẻ và nhàm chán. Philippe hiểu bệnh của vợ, đó là chứng buồn nản của những người mới sang thuộc địa lần đầu. Hắn nhẹ nhàng hỏi:

- Hélène thân yêu! Em đang nghĩ gì vậy?
- Em đang nghĩ về quê nhà.
- Về xứ Savoie hả em.
- Ở đấy sao mà núi nhiều thế!
- Ở đây cũng có núi.

- Em thích núi ở quê mình hơn. Núi ở quê hiền dịu.

- Còn núi ở đây?

- Em sợ núi ở đây. Sao mà lắm con vật bé nhỏ hút máu thế. Em sợ cả hổ. Lại nhiều loài rắn độc...

Philippe lặng im, chẳng biết nói với vợ ra sao nữa.

Ông Lềnh thầy Tầu bắt mạch cho bà chủ. Ông tươi nét mặt nói với Philippe:

- Ông chủ đừng lo. Bà chủ đã có tin mừng.

- Tôi sắp làm bố sao?

- Đàn bà có mang mệt mỏi, hay buồn vui thất thường.

Philippe hỏi vợ. Chuyện ấy được xác nhận. Hắn vui mừng khôn xiết và ra sức chăm sóc, chiều chuộng Hélène. Từ nay, nàng không phải động chân tay vào bất cứ việc gì. Lúc nào cũng có một đầy tớ gái cặp kè phục vụ. Philippe bỏ việc đồn điền, ra tận Hà Nội sắm sửa mọi thứ, mua thật nhiều vải vóc và đồ trang sức cho nàng. Lại trang bị cả hoa sen và bộ phận bơm nước trong cái phòng "thủy trị liệu". Mỗi khi nàng tắm, cô đầy tớ lại đứng ngoài ra sức kéo cái cần bơm nước. Philippe lại gửi mua tận Pháp những lọ nước hoa đắt tiền nhất, thời thượng nhất để cho Hélène xức vào mớ tóc vàng ươm tuyệt diệu của nàng. Tuy nhiên, dù Philippe ra sức ân cần chiều chuộng, Hélène vẫn cứ buồn bã. Philippe hỏi em trai.

- Chị dâu em mắc bệnh gì?

Pierre trả lời:

- Chị ấy mắc bệnh không thích ứng nổi, hoặc là chị sẽ tìm giải tỏa phiền muộn bằng sa đọa, hoặc là sẽ phải chết.

Philippe rùng mình khi nghe Pierre nói.

Mùa hè năm ấy, suốt ngày cô hầu gái phải cầm quạt phe phẩy cho Hélène. Suốt đêm, thằng bé con phải ngồi kéo chiếc quạt trần khi nàng nằm trên võng. Vậy mà Hélène vẫn như kẻ mất hồn. Mỗi ngày, Hélène ngâm mình trong bể tắm ba, bốn lần. Có đêm nóng quá, nàng mê sảng gào lên "Tuyết! Tuyết!". Nàng mơ thấy tuyết, gọi tuyết, nhưng tuyết chẳng bao giờ tới. Đáp lại, chỉ có tiếng lũ ve sầu râm ran, ra rả ca khúc nhạc buồn đều tẻ. Bác sĩ bảo nàng ngâm mình nhiều lần như vậy không có lợi cho sức khỏe. Còn một điều tồi tệ nữa là suốt ngày nàng chỉ muốn ngủ. Ông Lềnh, người đầu bếp Tầu bảo với Philippe:

- Ông chủ đừng có gan. Không tốt đâu. Đứa bé trong bụng bà ấy rất quan trọng. Ông chủ nên đưa bà ấy trở về Pháp đi.

- Sao lại thế? Tôi muốn có một gia đình tại đây.

Ông Lềnh không tiện nói với Philippe. Một bận sau buổi học chữ Nho, ông bảo Pierre nên khuyên anh mình đưa Hélène về Pháp. Ông giải thích.

- Những người Pháp sang xứ An Nam dù thế nào cũng vẫn là những người xa lạ. Ở đất này, người Nam sống đã ngàn đời. Tổ tiên ông bà họ chết đều chôn ở đây. Nghĩa là có ngàn vạn vong linh người xưa vẫn đi lại nơi đây mà ta không trông thấy. Có những vong linh chỉ chờ dịp để trở lại dương thế. Bà Hélène thực ra đang vật lộn với cuộc đầu thai ấy. Hoặc là bà ấy sẽ chết, hoặc là sẽ sinh con. Và nếu sinh con ra thì phần nhiều đứa trẻ ấy mang xác người Tây, nhưng hồn cốt sẽ là người bản xứ.

Cái lý thuyết vong linh đầu thai ấy của ông Lềnh, nghe Pierre nói, Philippe không tin, nhưng cũng làm cho lòng ông vô cùng bối rối. Còn Pierre thì thuyết phục anh bằng những lý lẽ hoàn toàn trần thế:

- Chúng ta là những nhà thuộc địa tự nguyện, đến xứ sở này với mục đích chiếm đất, khai hóa cho những người bán khai. Chúng ta là những người đàn ông giàu ý chí, muốn làm vinh quang cho nước Pháp. Do thế, chúng ta có thể chịu đựng tất cả, thậm chí chấp nhận cái chết. Còn chị Hélène, chị ấy sang đây chẳng hề vì mục đích thuộc địa, mà chỉ vì mục đích gia đình. Hà cớ gì buộc chị phải chịu lưu đày cùng với chúng ta. Anh còn có nhiều thứ. Còn chị ấy chỉ có độc một thứ: đó là anh. Thế mà tất cả đều thù nghịch với chị ấy. Nóng ẩm ư? Mưa bão ư? Bệnh tật, côn trùng ư? Tất cả đều rình rập, chỉ chực đưa chị xuống mồ. Ở đây, tất cả với chị đều xa lạ. Chị Hélène hầu như cô độc, tuyệt vọng. Sự cô đơn phiền muộn đã làm chị gần như hóa điên. Cả hòn máu trong bụng chị ấy cũng đang lâm nguy. Ta không thể để cho giọt máu của nhà Messmer bị chết. Tốt hơn hết, phải gấp rút đưa Hélène về Pháp.

Những ý kiến của Pierre hoàn toàn xác đáng. Cuối cùng lý trí đã thắng. Philippe đưa Hélène hồi hương. Quả nhiên, khi trở về Pháp, sức khỏe Hélène hồi phục ngay. Mấy tháng sau, có thư từ Paris sang. Hélène báo tin đã sinh cho Philippe một thằng con trai đặt tên là André Messmer. Lá thư vừa vui, vừa buồn. Vui vì đứa trẻ ra đời, còn buồn vì Hélène nói rằng nàng khiếp hãi lắm rồi; sẽ không bao giờ nàng đặt chân trở lại cái xứ sở đầy hấp dẫn ấy, nhưng đối với nàng, nó là nỗi kinh hoàng.

5

Philippe quay trở lại cuộc sống một chàng trai không vợ. Hắn lại quay về với cuộc sống xưa. Làm việc như điên. Lại đàn bà và thêm tật uống rượu nữa. Hắn lao vào những cuộc tình chốc lát với những người đàn bà nạ dòng trong đồn điền còn háo hức hơn xưa, lành nghề hơn xưa. Nhưng hắn lại rơi vào sự buồn phiền và trống rỗng cùng cực. Bởi vì, hắn biết, có người đàn bà nào yêu hắn đâu. Thậm chí, trong những trận tình ái, có lúc hắn còn trông thấy sự thù hận trong mắt người đàn bà. Họ ngủ với hắn vì sợ sệt, hoặc vì những lợi lộc hắn đem lại cho họ. Theo cách gọi của người Pháp thời bấy giờ, hắn là kẻ "encon-gaié" (mê mệt con gái), tức là kẻ lúc nào cũng thích ngủ với con gái An Nam. Hắn công nhận rằng đàn bà Bắc Kỳ thật tuyệt vời. Những nhà thuộc địa sành về chuyện hoa tình nói rằng ở xứ Đông Dương người đàn bà Lào là hạng nhất. Người phụ nữ Lào rất tự nhiên, họ tắm truồng, trên người họ chỉ mặc một tấm vải quấn phía dưới, và một chiếc khăn choàng thân trên. Đôi vú nõn nà luôn được tự do. Họ hiền lành dễ bảo, trên môi họ luôn thường trực nụ cười. Còn người đàn bà Bắc Kỳ phức tạp nhiều, nhưng lại hấp dẫn mê hồn hơn. Họ cũng đẹp nhưng phải trừ hàm răng đen nhánh của họ. Cái miệng màu than ấy không hợp với mỹ cảm của người châu Âu. Philippe thích đôi con mắt người đàn bà Bắc Kỳ. Đôi mắt đen nhánh,

không xếch, to tròn ngây thơ như đôi mắt bò. Những đôi mắt đen óng ánh ấy đã hút hồn biết bao nhiêu chàng trai trong quân đội viễn chinh. Điều tuyệt vời thứ hai ở người đàn bà Bắc Kỳ là làn da. Philippe đoán chắc nó không phải màu vàng như người ta thường xếp loại. Thực ra đó là màu trắng được ánh mặt trời nhiệt đới làm cho hơi sẫm lại, khiến cho nó vừa có màu trắng, lại phớt pha hồng và nâu. Làn da ấy đặc biệt không thô, nó mịn màng, mát dịu khi tay ta chạm vào. Đó là thứ da dẻ luôn mời mọc ta ve vuốt. Thân hình của họ tuy bé nhỏ nhưng chắc và lẳn, một thứ thân hình hài hòa, đầy sức bật, sức sống, hứa hẹn những thú vui không biết mệt mỏi. Trên giường ngủ, họ quấn quýt quần quại như hút chặt lấy ta, cho cảm giác như một con trăn nhẹ nhàng quấn tròn lấy ta trong nhịp giao hoan.

Philippe đang biện hộ cho sự đam mê xác thịt người đàn bà bản xứ của hắn, điều mà những nhà chính trị thuộc địa vẫn khuyên nên tránh. Họ bảo rằng người đàn bà bản xứ không yêu người Tây đâu. Chỉ vì họ bị bắt buộc thôi, mà bản tính họ vốn cam chịu. Lời nói ấy có lẽ đúng. Nhưng đam mê đàn bà là thứ đam mê mà chẳng lý lẽ nào ngăn được.

Về người đàn bà bản xứ, Philippe có một cuộc tình mà ông ta cho là kỳ lạ và định mệnh.

Một bận, Philippe cùng Liến đi xuống xóm Tân Ấp trong đồn điền. Bỗng hắn trông thấy một người phụ nữ dắt bò đi trên đường. Cô ta đi ngang qua mặt, lễ phép chào ông chủ. Người đàn bà này cũng mặc quần áo nâu như mọi cô gái, cũng chít khăn màu đen trên đầu. Điều khác là cô cao lớn hơn người bình thường. Thường dễ cao

tới 1m65. Cao nhưng không gầy. Rất cân đối. Bộ ngực rất nở nang. Da trắng hồng. Đối với người bản xứ thì quá khổ, song đối với người châu Âu lại là người có vóc dáng tầm thước, một vóc dáng lý tưởng. Thế là Philippe đứng sững lại, ngắm cho tới lúc cô ta đi khuất.

- Cô ta là ai? - Hắn hỏi Liến.

- Cô ta tên là Mùi. Góa chồng. Đẹp nhưng người Cổ Đình không ai chịu lấy.

- Họ sợ à?

- Vâng. Họ sợ. Một phần vì cô ta cao lớn hơn họ; còn một phần vì cô có tướng sát phu.

- Sát phu là gì?

- Tức là người đàn ông nào làm chồng cô cũng sẽ chết.

Philippe cười to:

- Sao anh Tân lại dám lấy?

- Vì anh Tân đi đạo. Anh ta không mê tín.

Philippe lại cười to một lần nữa:

- Tôi cũng vậy. Tôi không mê tín.

Philippe làm như chẳng quan tâm. Sự thực bóng hình của cô Mùi, người đàn bà bản xứ ấy đột nhiên ám ảnh hắn ta. Quản Liến nhận ngay ra sự ham thích của hắn. Liến bảo thẳng với hắn, đối với người đàn bà khác thì dễ, riêng với cô Mùi chuyện ấy khó khăn bội phần. Thứ nhất, cô Mùi là vợ một người phu đồn điền rất cần mẫn của hắn. Thứ nhì, cô Mùi là em gái hai kẻ phiến loạn biệt tích, lại là con ông đồ Tiết. Gia đình ấy cả vùng ai chả biết vốn ghét cay ghét đắng người Pháp. Do thế, Philippe phải lùi bước, chưa chạm tới người đàn bà mà hắn cho là đẹp nhất trần đời.

Và trong lúc chờ thời cơ, hắn lại hằng đêm lao vào những cuộc hành lạc với những người đàn bà mà quản Liến đem tới, những người đàn bà ấy đến với hắn hoàn toàn không có yêu đương. Những người đàn bà bản xứ cũng vậy, mà hắn cũng vậy. Những người đàn bà thụ động, vô cảm. Họ nằm trên giường như cây gỗ. Thậm chí, trong những cuộc ân ái, có người đàn bà chẳng buồn giang tay ra ôm lấy hắn. Họ đến len lén. Họ cởi quần áo vội vàng. Họ mặc lại quần áo cũng vội vàng. Rồi họ ra đi cũng len lén. Sự nem nép len lén ấy, sự không thỏa mãn trường kỳ ấy làm cho hắn càng lao vào những cuộc tìm kiếm thân xác, và làm cho hắn càng thêm thèm khát. Trong những cuộc chung đụng ấy, hắn dần dần nhận ra rằng ở người đàn bà bản xứ còn có những điều bí ẩn mà người ta chẳng chịu trao cho hắn. Hắn cũng dần dần hiểu ra trong thân xác người đàn bà bản xứ, dưới làn da vừa trắng vừa hun nắng ấy, còn tiềm ẩn một sự cuồng nhiệt đầy đam mê, hứa hẹn một niềm hoan lạc mà hắn không bao giờ được tận hưởng.

Sau đó chừng một năm, Philippe lại gặp cô Mùi, cô gái chăn bò, lần thứ hai. Gặp ở trại bò. Lần này bắt gặp lúc cô đang gội đầu. Người đàn bà mặc chiếc váy đen, thân trên nửa trần chỉ bịt phía trước ngực bằng một miếng vải hình vuông màu hồng. Người ta gọi đó là cái yếm đào, thứ áo lót mà các cô gái Việt rất thích. Cái thứ trang phục thô sơ ấy thật quyến rũ. Vuông vải nửa kín nửa hở ấy làm lộ ra tấm lưng trần trắng lẳn thật hứa hẹn và nhất là hai bên sườn mà người Nam gọi là cái lườn. Cái vuông vải màu hồng hé cho ta thấy cái bụng và phần đáy của đôi vú, rồi mờ mờ những dải sườn đầy đặn,

và thoáng thấy cái hố nách sâu thăm thẳm ẩn sau cánh tay trần đầy đặn. Philippe thích nhất cái hố nách, nơi hắn thường rúc mặt vào để hít hà, để đi tìm thứ hương ngai ngái, ngọt ngào quyến rũ của người đàn bà, thứ hương ngây ngất của người nữ mà hắn cho rằng thường đọng lại ở nơi đó nhiều nhất. Philippe thổ lộ cái ý ngộ nghĩnh của hắn về cái lườn với quản Liến. Liến cười trả lời:

- Cứ gì ông mới biết. Người Việt biết cái lườn ấy đẹp từ lâu rồi. Chả thế mà người ta nói:

Đàn ông khố bỏ đuôi lươn
Đàn bà yếm thắm hở lườn mới xinh.

Philippe cười to và từ đấy hắn đặt biệt danh cho cô gái chăn bò ấy là cô "Hở Lườn". Đến lúc này, Philippe không chờ đợi được nữa. Hắn bảo Liến tìm mọi cách đưa cô "Hở Lườn" vào ngôi nhà lớn nơi hắn ở. Cô Mùi rất cứng rắn. Cô tìm mọi cách, tránh đến gần ngôi nhà lớn. Quản Liến bèn nghĩ mưu. Nhân có một cô người hầu sinh con, Liến đưa ngay Mùi vào thay thế. Mùi định từ chối, song anh Tân chồng cô bảo: "Ông chủ đối với gia đình ta rất có ơn. Tôi lang thang vất vưởng, nếu không có ông chủ cưu mang, chắc là tôi đã chết rục ở đâu rồi. Và tôi cũng chẳng có cơ hội gặp cô. Nay ông chủ thiếu người, dù cô không thích làm người hầu, cũng cố chịu mà làm. Đó là cái việc nên làm". Cô Mùi thương anh chồng thật thà, còn cô là đàn bà, chẳng cần biểu hiện gì, chỉ cần nhìn vào mắt họ, cô biết người đàn ông nào thèm muốn cô đến mức nào. Riêng đôi mắt của Philippe nhìn cô, Mùi thấy sợ hãi. Đôi con mắt tưởng chừng lạnh tanh, nhưng cô biết chúng muốn ngấu nghiến cô. Song những chuyện như vậy

không là chuyện có thể dễ dàng thổ lộ với một người đàn ông như chồng cô. Vả lại anh Tân còn là một người đi đạo. Anh có niềm tin cậy rất thanh sạch đối với những người đồng đạo của mình, nhất là đối với ông chủ, một con người đã làm bao việc tốt cho nhà thờ.

Rồi thì, việc gì phải đến, đã đến. Một buổi sáng Liến cho bọn người hầu trong nhà lớn nghỉ việc hết. Khi Mùi đến làm việc trong ngôi nhà rộng thênh thang, cô chỉ thấy có Philippe và cô. Cô chột dạ, hỏi mọi người đi đâu hết cả. Philippe nhoẻn cười, không trả lời mà tiến đến gần ôm chầm lấy cô. Mùi giãy giụa. Mới đầu cô kêu la, sau cô đấm đá. Nhưng những thứ mặc trên người cô đã bị xé rách, bị vứt tung. Cuối cùng đến cả cái yếm thắm cũng bị rơi xuống. Thân thể cô đã lõa lồ, chẳng còn mẩu vải nào trên người. Cái hố nách sâu thăm thẳm cũng bị bộc lộ hoàn toàn để cho Philippe tha hồ hít hà, tha hồ liếm láp trên cái thân hình mĩ miều của giai nhân phương Đông. Mùi càng vùng vẫy thì Philippe càng hả hê. Cô ta đầy đặn quá. Cô ta mát mẻ quá. Cô ta mạnh mẽ quá, cô dư thừa sinh lực, cô ta lắm chất đàn bà. Như một hồ nước ấm áp sâu vời vợi khôn cùng, Mùi nhấn chìm Philippe vào bể ái ân không khi nào cạn. Philippe thầm kêu trong lòng: Trời ơi! Ta muốn chết chìm trong em.

Sau cuộc vật lộn tình ái ấy, Mùi quay về trại bò, không chịu làm việc ở ngôi nhà lớn nữa. Giá như là người khác, cô đã bị trừng phạt; nhưng đối với Mùi, Philippe chẳng nỡ đánh, dù bằng một nhành hoa. Hắn chấp nhận sự rời bỏ của cô, bởi vì hắn chắc thắng, bởi vì hắn là ông chủ, còn vì có quản Liến một người đầy mưu mẹo.

Chồng Mùi là anh Tân, người nuôi ngựa, nuôi bò. Anh Tân hiền lành, chịu ơn Philippe và rất trung thành với chủ. Quản Liến đã nhặt được anh ta từ đám người nông dân không ruộng đất, lang thang từ làng này sang làng khác làm thuê, lúc là thợ cày, lúc là thợ gặt. Không còn gia đình, anh Tân sống bữa no, bữa đói. Nghe nói cha mẹ, anh em chết hết trong một trận đói và trong loạn lạc. Anh là người mất quê, không còn mái ấm. Nay đến đồn điền, anh có việc làm, lại được cha Colombert cải đạo. Quản Liến thấy anh chưa vợ, cô Mùi trẻ đẹp lại lỡ làng, mà trai tơ chẳng anh nào chịu mó tới, liền xe duyên cho hai người. Có mái nhà, có gia đình, lại no đủ, Tân chả còn mong gì hơn. Đối với một người nhà quê nghèo như anh, thế là hạnh phúc quá lớn. Anh chỉ còn thiếu một đứa con, nhưng cô Mùi người phây phây đẹp đẽ lại cứ trơ ra, không chịu sinh nở. Người ta bảo người đàn bà xinh đẹp quá thừa dư sức lực, sẽ át mất người chồng và khó sinh con. Giá như anh không đi đạo, còn ở bên lương chắc anh đã lấy vợ lẽ. Nhưng nghĩ cho cùng số phận anh được đến thế này đã là may mắn quá. Nghĩ như vậy nên anh rất an phận, tận tụy làm việc cho đồn điền.

Một hôm, quản Liến đến bảo Tân:

- Anh phải đi làm cho ông chủ một việc quan trọng. Chỉ có anh mới làm được thôi. Vì công việc hơi vất vả lại cần người khỏe mạnh và chu đáo.

Công việc Liến bảo là đi Sơn La tậu trâu. Tân nghe xong dặn vợ mọi việc trong nhà rồi lên đường ngay.

Philippe nghe Liến báo Tân đã đi, lòng khấp khởi mừng thầm. Chỉ một lần ân ái với Mùi, hắn đã không tài nào quên được. Trên giường ngủ, Mùi hấp dẫn hắn vì cái

gì, Philippe cũng chịu không lý giải nổi. Chỉ biết rằng đó là một người nữ toát ra một ma lực tình dục làm cho hắn không thể nào quên. Cái lần đó đã ám ảnh hắn đến hàng tuần, hàng tháng.

Nhưng dù cho mưu mẹo của Liến có khéo léo đến đâu, lần này vẫn bị xôi hỏng bỏng không, bởi vì Mùi vẫn quyết liệt cưỡng lại, không chịu buông xuôi. Mấy hôm sau, một buổi tối, ông chủ bất thình lình đến nhà Tân. Mùi ngồi trong nhà tối om, nhìn ra ngõ sáng trăng, trông thấy cái bóng cao lớn lênh khênh bên hàng rào râm bụt, biết là Philippe mò đến, liền rón rén mở cửa sau, chuồn thẳng một mạch. Ông chủ vào nhà, tưởng cô đi đâu bên hàng xóm, liền thắp đèn lên ngồi chờ hàng giờ, song Mùi chẳng quay trở lại nữa. Mùi quay trở về nhà cha là cụ đồ Tiết ở Cổ Đình, chờ cho chồng đi tậu trâu về.

Lại nói về anh Tân đi tậu trâu cho đồn điền. Có hai người đi. Lần này anh Tân phải mua những mười lăm con. Quản Liến bàn với Philippe việc phát triển nuôi thêm trâu rẽ. Ở Cổ Đình có nhiều đồng cỏ hoang; nuôi trâu ở đây khá thuận lợi. Philippe mới chỉ dám nuôi bò, vì ở Pháp chỉ có bò. Liến nói trâu là con vật của xứ nhiệt đới, rất dễ nuôi. Nó chịu được kham khổ, ít bệnh tật, lại rất khỏe. Phương ngôn có câu yếu trâu còn hơn khỏe bò, nên người Nam rất chuộng trâu. Còn bò ở xứ này là thứ bò dé. Thân hình nhỏ bé, chỉ được thịt thơm ngon chứ cày bừa thì yếu lắm. Người dân chuộng trâu hơn bò.

Ở Sơn La, người ta nuôi trâu từng đàn, thả rông trong rừng. Chúng đeo mõ ở cổ, suốt ngày lốc ca lốc cốc, do vậy trong rừng rậm chúng chẳng lạc nhau. Tân và người giúp việc phải giong hơn chục con vật chỉ biết đi đủng

đỉnh, mà đường dài hơn trăm cây số. Công việc tưởng nhàn hạ nhưng thật ra vất vả, khốn khổ. Phải ghép hai đàn trâu lại mới đủ mười sáu con. Những ngày đầu, hai đàn khủng khỉnh với nhau, chúng không chịu hòa chung. Lũ vật chỉ chực chờ cơ hội là tách ra làm hai rồi trốn vào rừng. Cơ hội ấy xảy ra khi cả đàn gặp những chiếc ô tô bóp còi inh ỏi. Đàn trâu lập tức lồng lên, mỗi con chạy đi một ngả. Tân phải thuê những người Thái địa phương vào rừng tìm từng con bắt về gom lại. Cuối cùng phải thuê thêm mấy người trợ giúp. Mỗi người chỉ dắt ba con. Con nào cũng buộc dây thừng hẳn hoi. Chỉ khi đó, đàn trâu mới chịu vào nề nếp.

Đi được một tuần, đoàn trâu hết hăng, đã quen nhau, vả lại đi xa mệt quá nên chúng mới thôi giở trò. Tân trả tiền cho người dắt giúp, rồi rút kinh nghiệm đêm đi, ngày nghỉ. Đêm hầu như chẳng có xe cộ, đàn trâu đỡ sợ. Ban ngày, gặp bãi cỏ, thả trâu ra cho chúng ăn no nê. Đàn trâu càng lúc càng đi chậm rì rì. Có ngày chỉ đi được hơn mười cây số. Cứ đi như vậy, đến gần một tháng mới trở về đến nhà.

Trong suốt thời gian Tân vắng nhà, Mùi cứ ở lì tại nhà ông đồ Tiết. Thế là mất thời cơ. Philippe tức lộn ruột. Thật phí cả công Liến bày mưu tính kế. Ông chủ còn chưa kịp hết bực bội, thì một tin lạ lùng bỗng bùng nổ ra làm tất cả đồn điền bàng hoàng. Cả Philippe nữa, hắn cũng bàng hoàng. Anh cu Tân đi tậu trâu về nhà được hai tháng thì lăn quay ra chết. Bị chết vì sốt rét ác tính.

Lập tức, bao nhiêu lời đồn đại loang ra. Người thì bảo cô Mùi là người đàn bà ma ám, sát phu. Cô có đôi gò má

sát chồng. Cô ta lấy ai lập tức người đàn ông đó lăn quay ra chết. Người thì bảo cô dâm quá, không một ông chồng nào chịu nổi. Hãy nhìn cái đít nó kìa, khác nào chiếc lồng bàn. Rồi hai bắp đùi nần nẫn vừa to vừa dài. Đôi vú thì như hai quả núi vểnh lên. Đôi lông mày đen nhánh, đôi gò má lúc nào cũng ửng đỏ. Đàn bà như thế đàn ông nào chịu nổi. Thằng chồng trước, em lý Cỏn, vài tháng lấy vợ đã ngoẻo. Anh cu Tân khỏe đến như thế, trai lực điền mà cũng chỉ kham nổi cô ta ba năm. Có người còn độc miệng hơn xì xào: "Đừng đổ oan cho cô ta. Cái chết này do lão Mắt Mèo. Lão định giết anh Tân để chiếm vợ người ta. Ai còn lạ gì. Hắn ta là loại người chỉ chơi bời mà thôi".

Lời nói ấy thật oan uổng. Lời nói ấy làm Philippe bực bội. Chẳng ai biết hắn thích cô Mùi thực sự. Chẳng ai biết là hắn đã si mê người đàn bà ấy. Hắn là kẻ "encongaié" như những người châu Âu vẫn nói. Hắn là kẻ chỉ thích đàn bà bản xứ, tức là kẻ tình dục lệch hướng. Đó là lời nói của một bác sĩ Hà Nội về nhà xứ chơi, được nghe câu chuyện. Những ông chủ điền trong tỉnh, theo lời ông công sứ, về khuyên Philippe khi nghe tin đồn ông có ý định lấy Mùi:

- Anh định lấy nó thật sao? Đối với đàn bà con gái An Nam, ta không nên đối xử với họ như đối xử với người đàn bà đích thực. Chỉ nên coi đó là quan hệ chủ tớ. Đầy tớ gái phải phục vụ ông chủ cả trên giường ngủ.

Rồi một ông chủ điền còn cười to mà rằng:

- Tức là ông bạn Philippe cần phải là một nhà thuộc địa ngay cả trên giường ngủ.

Philippe đã say mê cô Mùi thực sự. Bởi vậy hắn có một lối suy luận của kẻ si tình: "Ta mới chỉ được ăn nằm với cô ta một lần mà thôi, lại bằng cách chiếm đoạt cưỡng bức. Thế mà ta vẫn không tài nào quên nổi cô ta. Mới chỉ là kẻ đi ăn cướp ái tình mà ta đã sung sướng hạnh phúc đến thế, vậy nếu cô ta thực sự bằng lòng với ta, có cưới xin hẳn hoi thì sao? Chắc chắn sẽ không có gì sánh nổi. Ừ! Rồi sẽ có lời xì xào đàm tiếu. Sẽ có những phản đối gay gắt. Được thôi. Ta bất cần. Đã có biết bao nhiêu người Pháp lấy vợ bản xứ rồi. Vậy thì ta cũng lấy, đã làm sao. Cần gì phải phụ thuộc vào những thành kiến".

Hắn đã suy luận như vậy rồi hỏi ý kiến mọi người. Pierre mủm mỉm cười:

- Lý lẽ của ngài si tình thì ai bác bỏ nổi.

Ông thầy Tầu, ông Lềnh, con người minh triết trả lời:

- Ông chủ nên lấy vợ bé người Nam. Có vợ An Nam ông mới có dây mơ rễ má với bản xứ. Người đàn bà An Nam rất tinh khôn. Nếu có bà, ông mới biết được mánh khóe của người xứ này. Chẳng ai bịp nổi ông nữa. Vả lại, lấy vợ lẽ ở đây là chuyện bình thường, phải đạo. Chỉ có tốt thôi, chẳng có gì xấu. Lấy vợ An Nam mới là khôn ngoan. Có vậy mới giàu to được.

Philippe nghe vậy rất hài lòng, sai quản Liến đi thăm dò tình hình, và nói:

- Bằng cách nào tôi cũng phải cưới được cô Mùi. Làm sao cho thật mềm dẻo để mọi việc tốt đẹp. Tuy nhiên nếu mềm mà chẳng thành thì ép buộc cũng được, dọa dẫm cũng được.

Liến hỏi Philippe:

- Thế ông chủ không tính đến chuyện gia đình ấy là gia đình cứng cổ, chẳng ưa người Pháp?

- Không sao đâu. Từ cổ đến giờ đã chẳng từng xảy ra chuyện người chiến thắng lấy con gái kẻ bị thua hay sao? Mà từ xưa vẫn thế. Những người con gái đẹp bao giờ cũng thuộc về người chiến thắng. Thậm chí tôi nghĩ những cuộc hôn nhân như thế này còn có lợi vì nó hòa giải, làm xích gần hai dân tộc.

Philippe còn biết rõ ở xứ Bắc Kỳ, trong hôn nhân, người con gái ít có quyền. Việc quyết định do người cha hoặc người anh cả. Nếu người cha bằng lòng, coi như công việc đã được quyết định. Philippe sai Liến rồi nhờ cả tiên chỉ Nhậm đến thuyết phục ông đồ Tiết. Nhậm đến nhà nói:

- Xin chúc mừng cụ đồ có việc tốt lành.

- Có chuyện gì đâu mà ông nói thế.

- Ngài Philippe nhờ tôi đến có nhời với cụ, để xin cô Mùi, con gái cụ về làm thứ thất. Điều ấy thật tốt đẹp.

Cụ đồ Tiết mới ở tù về. Cụ không ngờ lại nhiều điều bất hạnh liên tiếp xảy đến với nhà mình như vậy. Bản thân cụ đi tù. Cả Phác bị chết. Hai Chất thì lưu lạc ở đâu chẳng rõ. Bây giờ lại đến lượt cô Mùi đã lọt vào mắt xanh ông chủ đồn điền. Dù sao ông cũng không thể cứng nhắc được. Phải mềm dẻo thôi. Chưa biết giải quyết ra sao, có lẽ phải hoãn binh trước đã. Rồi sau đó ra sao. Có thể đưa con bé ra Hà Nội, ở nhà chú nó. Thấy cụ đồ Tiết cứ thừ người ngồi im, tiên chỉ Nhậm tiếp:

- Chẳng những tốt đẹp mà còn vinh hạnh là khác. Vinh hạnh vì từ nay cụ sắp là thân gia với người Pháp.

Nói thực... Thưa cụ, nhà ta lúc này cũng cần chút thế lực... để mà... để mà giải tỏa... Gia đình ta mà kết thân được như vậy, thì tôi đây cũng được nhờ, cả làng ta cũng được thơm lây.

Ông cụ đồ thở dài:

- Thế ra tôi có diễm phúc hay sao?

Quản Liến thêm vào:

- Vả lại, cụ chẳng nghe thấy dân làng đồn đại...

- Đồn đại gì?

- Họ đồn cô Mùi cao số. Cả hai đời chồng đều chết. Xin vô phép cụ tha lỗi... họ còn nói người như cô ấy sẽ chẳng có đám nào dám rước đi. Chả là người mình mê tín. Họ sợ... Còn người Tây họ khác. Họ không tin vào chuyện đàn bà cao số. Mà cụ thử tính xem... Nơi đây thiếu gì con gái, nhưng ông Philippe chỉ xin cưới cô Mùi. Đủ biết người ta trọng mình thế nào. Tôi xin có lời thưa với cụ, gia đình ông Philippe bên Tây cũng là gia đình nề nếp. Ông chủ tôi mến cô Mùi đoan trang, lại biết gia đình ta là gia đình nho học gia giáo, nên muốn cưới xin đàng hoàng hẳn hoi.

Cụ Tiết lại thở dài. Cuối cùng cụ bảo:

- Các ông nói vậy, tôi biết vậy. Chỉ xin các ông cho tôi thời gian suy nghĩ đã.

Liến và tiên chỉ Nhậm ra về. Còn cụ Tiết, cụ đâu có cần suy nghĩ gì. Ý cụ đã quyết từ lúc mới nghe nói nhưng chưa tiện từ chối ngay. Người Việt tử tế có ai lại chịu lấy người ngoại quốc. Ngay cả người Tầu, cũng máu đỏ da vàng mà người ta còn cho rằng lấy "khách" là điều sỉ nhục, huống hồ nay lại lấy Tây. Đó là nếp nghĩ từ đời

ông, đời cha. Còn gia đình nhà cụ vốn là gia đình thế nào... cả làng này, ai có lạ gì... Thử hỏi có lý nào cụ lại bằng lòng đón nhận cuộc hôn nhân này. Nghĩ thế nhưng cụ vẫn tự dặn lòng: Phải thật khéo để tránh sự điên rồ thù hận.

Philippe dùng chiến thuật tiến công liên tục. Ngay tuần lễ sau đó, hắn cùng quản Liến đến thẳng nhà cụ đồ Tiết. Điều này làm cụ lúng túng. Cụ không ngờ tới và không kịp trở tay. Philippe rất lễ phép vào thẳng câu chuyện:

- Thưa cụ, việc đề nghị cưới xin của chúng tôi là rất thành thực. Chúng tôi xin tuân thủ mọi nghi lễ, thủ tục đúng như lệ làng và tập quán quy định.

Cụ đồ Tiết ngạc nhiên, chưa biết trả lời ra sao. Philippe lại tiếp luôn bằng cái giọng rất lịch thiệp:

- Chúng tôi hoàn toàn tôn trọng phong tục của người Việt, nên cũng cầu xin cụ bằng lòng chấp nhận một tập tục của nước chúng tôi. Đó là việc hỏi ý kiến cô Mùi. Cô Mùi có bằng lòng hay không, thiết nghĩ việc ấy quan trọng hơn cả. Tôi xin lấy danh dự của mình ra bảo đảm, nếu cô Mùi không chấp nhận lời cầu hôn của tôi, tôi sẽ tự nguyện rút lui, không theo đuổi nữa và cũng sẽ không gây phiền hà gì cho gia đình.

Ông đồ Tiết mỉm cười trước thái độ quá tự tin và lịch thiệp của Philippe. Nếu vậy thì được. Về phía mình, cụ đồ cũng có cái tự tin riêng. Tự tin về dòng dõi nhà mình. Con gái cụ được dạy dỗ theo những khuôn phép nghiêm ngặt từ xưa. Chẳng lẽ nó lại có thể ưng lấy một kẻ ngoại lai. Với sự tin chắc như vậy nên cụ đồ cho gọi cô con gái

ra nhà khách. Cô Mùi đoan trang đứng bên cột nhà. Philippe đứng dậy, rất từ tốn lên tiếng:

- Trước bàn thờ gia tiên, trước mặt cụ thân sinh, tôi xin trân trọng được phép hỏi cô làm vợ. Tôi xin cưới cheo hẳn hoi, tử tế. Tôi mong cô trả lời thẳng thắn để mọi người cùng nghe. Tôi không có ý ép buộc. Nếu cô trả lời không, tôi cũng xin chấp nhận và sẽ không có thù hằn gì hết.

Cụ đồ Tiết mặt thản nhiên nghe. Cụ nghĩ rằng cô con gái sẽ nổi xung và chối phắt. Xử sự một cách thẳng băng như thế này cũng tốt thôi. Càng dễ đối phó sau này. Về sau dù Philippe lật mặt làm khó dễ chăng nữa, thì đó là lỗi ở hắn, cụ chấp nhận cả những cam go tương lai.

Cô Mùi không trả lời mà chỉ đứng lặng yên không nói một lời. Quản Liến hỏi gặng thêm cô vẫn không mở miệng. Cuối cùng cụ Tiết phải nhíu mày và bảo:

- Nếu con không nói thì lắc đầu, hoặc gật đầu cũng được. Cớ sao cứ đứng lặng im như vậy.

Từ lúc vào, cô Mùi chỉ đứng cúi đầu. Chẳng ai biết cô nghĩ gì, chỉ thấy vẻ mặt cô đăm chiêu vô cùng. Tất cả mọi người có mặt đều chăm chú nhìn cô, chờ đợi. Rồi đột nhiên cô nhìn vào mặt cha, nước mắt lưng tròng, cô gật đầu một cái. Ông đồ đang ngồi thản nhiên bỗng đứng bật dậy:

- Mày gật đầu ư hả con?

Cô im lặng cúi đầu rồi những giọt nước mắt tuôn chảy. Ông đồ gay gắt hỏi Mùi:

- Con có biết con đã làm việc gì không?

Ông đồ ngồi phịch xuống trường kỷ. Mặt tái xanh

không nói được nữa. Ông đã mất hồn thực sự. Người ta phải vội vàng dìu ông lên giường.

Khi tất cả đã đi hết, cô Mùi quỳ ở đầu giường cha. Ông già bỗng từ từ mở mắt rồi nói:

- Từ nay, ta không nhận mày là con ta nữa.

6

Cô Mùi lấy Tây!

Cô Mùi làm me Tây!

Một sự việc động trời! Cả làng Cổ Đình lẫn đồn điền Messmer đều ồn ào ngạc nhiên và dè bỉu. Không ai có thể ngờ cô Mùi lại tự ý bằng lòng. Giá như cô Mùi là con cái nhà khác người ta còn có thể hiểu nổi, đằng này cô lại là con ông đồ Tiết. Cô là người đầu tiên ở vùng này lấy chồng Tây nên càng được người ta chú ý. Những lời bàn tán kéo dài hàng tháng. Điều lạ lùng khó hiểu nhất vẫn là tại sao cô lại tự ý bằng lòng. Câu hỏi ấy cuối cùng vẫn là một câu đố chẳng ai tìm ra lời giải. Cũng có người thân cận hỏi thực cô, song cô chẳng trả lời. Người ta chỉ đoán già đoán non, nhưng chỉ đưa ra được một nhận xét:

- Dạo này cô ta ít nói hơn, hình như thoáng vẻ buồn. Nhưng lạ chưa! Cô càng ngày càng đẹp.

Philippe sắm sửa lễ vật đến nhà cụ Tiết ăn hỏi. Cũng trầu, cũng cau, cũng rượu, cũng chè, lại thêm bánh cốm, bánh xu xê học theo kiểu thành phố. Một chục cô gái

mặc áo tứ thân đội mâm lễ vật trên phủ vải đỏ. Philippe cưỡi con ngựa hồng. Nhà trai còn có Pierre, René, quản Liến và lý Cỏn, quản Boong.

Nhà cụ đồ cài chặt cửa ngõ, không tiếp nhận đồ sính lễ. Gọi khản cổ vẫn chỉ có đàn chó một con mẹ bốn con con thi nhau sủa lên ăng ẳng. Chó trong xóm đua nhau sủa theo làm náo động cả làng. Quản Liến tức quá định lên tiếng, song Philippe gạt ngay. Hắn sai người vượt rào vào trong, tự mở cổng lấy, rồi bưng cả mười mâm sính lễ phủ nguyên vải đỏ xếp làm hai hàng đặt giữa sân. Sau đó, cả đoàn rút lui.

Hôm sau, Philippe mở tiệc cưới linh đình tại ngôi nhà lớn trong đồn điền. Kèn hát du dương. Quan Tây, chức sắc trong vùng, cả cha Colombert đến dự tiệc. Rượu sâm banh nổ lốp đốp cho đến tận nửa đêm.

Đám phu đồn điền cũng được ăn cỗ mừng duyên mới của ông chủ. Họ lại râm ran bàn tán về cuộc tình duyên này. Người ta nói cô Mùi ham giàu sang mà quên nề nếp cha ông. Có người bảo đời cô đã sát hại đời chồng, sợ bây giờ chả ai nhòm tới, nên đành lấy chồng Tây. Đồn đại cho vui thế thôi chứ thực ra có ai hiểu được lòng cô.

Cả đến Philippe, hắn cũng chịu không cắt nghĩa nổi tại sao Mùi chấp nhận đám cưới. Có lúc hắn chợt nghĩ rằng hay tại hắn mạnh mẽ. Cái ả da đen ấy chẳng nói hắn như con ngựa hay sao. Cái ý nghĩ ấy làm hắn kiêu hãnh, nó thỏa mãn lòng tự ái giống đực vốn hay có ở người đàn ông. Hắn to lớn hùng dũng. Người đàn bà ấy cũng đầy sức sống, vô cùng quyến rũ. Hay là chỉ có hắn mới đủ sức làm cho cô ta ham sống. Nghĩ xong hắn lại từ bỏ ngay ý nghĩ ấy. Có chuyện đó đâu nhỉ. Cái đêm đầu

tiên, người đàn bà ấy tỏ ra hoàn toàn thụ động. Cô ta hầu như vô cảm trong cuộc ân ái. Thậm chí, Mùi đã làm cho hắn bực mình tự ái. Hắn chỉ muốn cô ấy giang tay ra ôm nhận hắn vào lòng. Nhưng sao đôi cánh tay đầy hứa hẹn kia lại thờ ơ đến thế. Sự tự ái ấy làm cho hắn càng thêm khao khát. Nỗi khao khát không được đền đáp.

Cô ta có biết hắn đã lao tâm khổ tứ như thế nào để chiếm đoạt cô. Cách ăn hỏi đàng hoàng tử tế kia là phương án thứ nhất. Ngoài ra còn phương án thứ hai: phương án ép buộc. Philippe định bụng nếu đám cưới không thành sẽ dùng đám hương lý và đồn binh. Hai lực lượng kỳ hào và quân sự sẽ thường xuyên o ép, quấy rối buộc cho nhà gái phải chấp thuận. Hắn tính đến cách ấy vì gia đình ông đồ Tiết là gia đình phiến loạn... May thay, hắn chưa phải dùng đến những biện pháp bất đắc dĩ ấy thì mọi việc đã trôi chảy. Philippe lại nghĩ tiếp đến những lời đồn đại. Người ta bảo Mùi lấy hắn vì tiền bạc của cải ư? Hắn càng ngẫm càng thấy không phải. Hắn đã thấy những người đàn bà khác lấy chồng Tây đều tìm cách bòn rút đem của cải về cho gia đình. Đằng này, ông đồ Tiết đâu có thèm. Philippe lấy lòng ông nhạc, định giao cho ông việc quản lý số ruộng cấy thuê trong làng mà trước hắn giao cho lý Cỏn. Chẳng những ông không nhận mà còn mắng nhiếc mời hắn ra cửa. Còn nếu bảo rằng cô Mùi bằng lòng cưới hắn vì sợ không lấy được chồng lần thứ ba ư? Cũng không phải nốt. Hắn đã tận mắt nhìn thấy những cặp mắt đàn ông hau háu nhìn cô. Nhất là cánh hào lý. Nhất là tiên chỉ Nhậm. Tiên chỉ Nhậm đã có bốn vợ. Lão này vẫn khoe khoang rằng sẽ

cưới bà vợ thứ năm. Có lần say rượu, tiên chỉ Nhậm đã hé lộ cho quản Liến biết rằng thầy tướng số khuyên hắn nên cưới bà vợ thứ năm vì số hắn sang giàu phải năm bà vợ để quản lý năm ngôi nhà mà hắn hiện có. Hiện ngôi nhà thứ năm ấy đang ở Hà Nội, chờ bà Năm về quản lý. Tiên chỉ còn bảo rằng nếu ông chủ đồn điền không lấy Mùi, nhất định cô ta sẽ về tay ông.

Những ý nghĩ ấy làm cho hắn thích thú, làm tan đi những thoáng nghi ngờ có lúc đã nhen lên trong hắn, và chúng giúp hắn thêm lòng kiên nhẫn chinh phục người đàn bà bất kham ấy. Khi ân ái với nhau, hắn bắt người đàn bà phải giang tay ôm lấy lưng hắn. Người đàn bà ôm vào rồi lại buông ra. Hắn nổi giận. Cuối cùng người đàn bà phải cam chịu, nhưng đôi cánh tay ấy vẫn cứ như hờ hững. Hắn cảm nhận được điều ấy ở đôi cánh tay song chẳng biết nói làm sao. Cuối cùng hắn đành chấp nhận sự ân ái nửa vời. Sự ân ái kiểu ấy chỉ làm cho những thèm khát trong hắn càng thêm cháy bỏng. Tuy nhiên, hắn chỉ thở dài thầm, nhưng bên ngoài phải tỏ ra ưng ý.

Ở cô Mùi, còn điều thứ hai làm cho hắn không ưng ý. Đó là chuyện cô rất mê ngồi đồng. Người ta bảo các bà mẹ Tây phần lớn thích ngồi đồng. Song chẳng cứ. Phải nói có nhiều người đàn bà An Nam thích ngồi đồng thì đúng hơn. Hắn đã trông thấy những ngôi điện thờ hầu như nằm giữa trời đất, dưới những gốc cây đại cổ thụ. Những ngôi điện thờ vô cùng sơ sài. Chỉ vẩy ra một cái mái che bằng vài tàu lá gồi. Bên dưới là một hòn đá to trên để bát hương và bình hoa giấy. Phía trên bát hương treo lơ lửng mấy cái nón quai xanh, quai đỏ. Lại rủ xuống mấy cái thao ngũ sắc sặc sỡ. Và một bà già nghèo khổ trùm chiếc

khăn đỏ ngồi ngây ngất lắc lư trước cái ban thờ nghèo nàn và hoang vu ấy. Người ta bảo đó là nơi trú ngụ của các nàng, các cô, những người hầu cận của Mẹ Đất, Mẹ Rừng, Mẹ Suối. Philippe không tin cái thứ tín ngưỡng mà hắn cho là ngây thơ, nguyên thủy ấy. Do vậy, hắn dứt khoát không cho cô Mùi lập điện thờ ở đồn điền. Nhưng vì chiều người đàn bà, hắn đành thỏa hiệp để Mùi mua một mảnh đất trong làng, làm một ngôi nhà gọn gàng xinh đẹp và lập điện thờ thánh tại đó. Hắn cũng làm lơ để một năm hai lần cô Mùi vẫn bơi thuyền theo sông Son lên đền Mẫu và lẫm liệt ngồi đồng cả ngày trên đó. Philippe không thích cô Mùi lúc lên đồng. Lúc ấy, cô là một con người khác hẳn với con người mà hắn biết. Khi ấy, cô vui hẳn lên, sinh động hẳn lên. Một con người thứ hai trong cô chăng? Khi ấy cô mới thực sự là cô chăng? Đó là con người bí ẩn trong cô vẫn được che giấu chăng? Philippe mặc cô Mùi làm theo ý muốn, một phần vì hắn thích cô, cũng một phần vì muốn tìm hiểu người đàn bà bản xứ mà hắn định gắn bó lâu dài. Có lần hắn đi theo cô lên đền Mẫu. Hắn nhìn cô nhảy múa, cô hú, cô hét, cô bơi chèo, cô phán bảo. Đôi mắt cô long lanh sáng rực. Từ một cô Mùi nhu mì hầu như cam chịu, cô biến thành một cô Mùi lẫm liệt đầy uy quyền, dù là thứ uy quyền ảo. Sao mà cô hú to thế! Sao cô nhảy múa duyên dáng và bạo liệt đến thế! Đèn nến lung linh. Vàng son nhấp nhánh. Khói hương mù mịt và thơm nức. Từ bầu không khí lạ lùng ấy, con người thứ hai trong cô Mùi bước ra hoàn toàn xa lạ, hoàn toàn trơn tuột lách ra khỏi kẽ tay Philippe. Nó hiền hòa không đối địch, nhưng chẳng hiểu sao cứ làm hắn thấy gai gai trong lòng.

Philippe cố dùng lý trí để suy xét. Phải chăng đây là sự khác biệt văn hóa. Có phải đây là một tập tục nguyên thủy? Hay là một cung cách đối kháng? Nhà dân tộc học René, bạn của Pierre nói rằng ở xứ nhiệt đới này, từ lá cây ngọn cỏ đến làn không khí huyền ảo mà ta hít thở, từ con mắt đen nhánh ngơ ngác của con người đến cái thân hình mềm dẻo đầy nhục cảm của người đàn bà bản xứ, tất cả đối với người phương Tây đều xa lạ, đều như thù nghịch, đều như chẳng chịu hòa hợp, chúng đều mang những tố chất loại trừ.

Cái buổi theo Mùi lên hành lễ trên núi Mẫu ấy đã gây cho Philippe một cảm giác nhức nhối, bất an. May thay, những cuộc hội hè như thế mỗi năm chỉ có hai lần, xuân thu nhị kỳ. Những ngày ấy, nhìn những con thuyền hội vừa bơi vừa đàn hát vang lừng trên dòng sông Son, Philippe lại trầm tư, suy ngẫm.

*

* *

Cuộc sống thuộc địa của Philippe, ngoại trừ những ngày bắt buộc người ta phải bận óc như vậy, còn lại đều là những ngày sống êm ả, dễ chịu. Nhất là, sau khi những đồi cà phê bắt đầu cho thu hoạch. Những cây cà phê xanh mướt cành trĩu trịt những quả đỏ tươi làm Philippe hởi lòng hởi dạ. Cà phê thu hoạch cho lợi nhuận khá. Bao nhiêu sản phẩm làm ra đều tiêu thụ sạch. Ở Paris, người ta ưa chuộng hương vị của cà phê Đông Dương. Đó là chuỗi ngày sung túc và vui vẻ nhất của ông chủ Philippe. Chính trong những ngày ấy, ông hoàn chỉnh cơ sở sản xuất, mua máy móc, sắm thêm tiện nghi cho ngôi nhà thuộc địa mơ ước của mình.

Hàng ngày, ông hãnh diện nhìn người đàn bà đẹp như một con chim lạ đi lại trong vila của ông. Đó là chiếc lồng son để nhốt con chim bồ câu phương Đông. Ngày trước ở với Hélène, suốt ngày ông được nghe tiếng ríu rít của nàng. Cô bồ câu phương Tây đem lại cho hắn hương vị quê hương. Hắn rất tiếc nuối cái bóng hình ấy nhưng biết làm sao được. Con bồ câu ấy chẳng chịu nổi chiếc lồng son này. Thế mà, Philippe lại quyết chí ở lại xứ sở này, xứ sở ở đó hắn cảm thấy mình đã hoàn toàn là ông chủ. Làm số phận một ông chủ, điều ấy đáng mơ ước lắm chứ. Chẳng lẽ, đã mất bao tâm cơ vào đấy, hắn lại bỗng dưng bỏ về hay sao. Thôi thì đành vậy, chiếc lồng son, tòa vila, hắn lại dành để nhốt loại bồ câu xứ sở, thứ bồ câu dịu hiền dễ nuôi, dễ dạy. Thứ bồ câu lặng lẽ suốt ngày đêm như cái bóng dịu dàng tha thướt và êm ả. Mùi ngược hẳn với Hélène, nhưng sự âm thầm dịu dàng ấy cũng có cái duyên của nó. Có một điều Philippe thú vị nhận ra. Mùi làm cho Philippe càng thêm ý thức được cái vị trí ông chủ tuyệt đối của mình.

Hàng ngày, Philippe cũng hãnh diện khi nhìn thấy những bóng trắng của đám bồi, bếp, và những cô hầu đi lại trong nhà. Pierre bảo những bộ quần áo trắng của những người giúp việc làm nơi đây có không khí một bệnh viện, song Philippe thích vậy. Hắn thích một sự phân biệt rạch ròi. Hắn thích một sự nề nếp. Điều hắn muốn hơn hết là hắn chẳng cần phải nói một lời mà những mong muốn của hắn lập tức được đám người áo trắng kia đáp ứng ngay. Thậm chí sự đáp ứng ấy có thể còn được thực hiện ngay khi hắn chưa ra lệnh, mà mới chỉ nghĩ tới.

Người ta khiếp hãi cái nóng Đông Dương, nhưng Philippe không sợ. Buổi sáng mùa hè, bảy giờ hắn dậy, nhà tắm đã sẵn sàng. Rồi xà phòng và chiếc khăn mềm mại, thơm tho cũng đã được đặt đúng ở nơi quy định từ lúc nào chẳng rõ. Hắn uể oải đứng dưới vòi hoa sen lười biếng nghe tiếng cót két của chiếc cần giật bơm hút nước mà người bồi tắm ra sức kéo bên ngoài. Kéo thật đúng lúc khi hắn đằng hắng một tiếng. Ăn sáng xong, Philippe vào phòng làm việc, ngồi trước chiếc bàn trước kia rất lộn xộn, nay có tay Mùi đã được sắp xếp ngăn nắp gọn gàng. Hắn chỉ thò tay ra là chạm ngay vào hộp xì gà mà ai đó đã xếp đúng tầm tay. Cái bàn giấy bóng lộn. Chiếc gạt tàn cũng trắng toát sạch tinh. Sàn nhà cũng không sót một hạt bụi, đó là nơi hắn thích đi đi lại lại cứ như thể đang suy tư nhưng thực ra đầu óc chẳng vương vấn cái gì.

- Mùi ơi!

Đó là tiếng hắn báo đã muốn ăn trưa.

- Mùi ơi!

Đó là dấu hiệu hai vợ chồng đi nghỉ trưa. Ông nằm trên ghế xích đu bên phải. Mùi nằm trên ghế xích đu bên trái. Ở giữa đặt chiếc bàn nhỏ, trên có chiếc gạt tàn. Hắn vừa hút xì gà vừa đọc báo. Trên trần nhà, chiếc quạt thuộc địa to như tàu lá dừa đu đưa, tạo ra những luồng gió hây hẩy. Thằng bé con kéo quạt rất điệu nghệ, mắt lim dim và kéo quạt bằng chân.

- Mùi ơi!

Đó là tiếng gọi nhắc đã đến giờ đi dạo. Thực ra đó là những cuộc đi thăm đồng ban chiều. Hai vợ chồng cưỡi

hai con ngựa hồng đi dạo khu vườn cà phê, rồi qua trại bò, có khi thuận bước chân ngựa đi vòng quanh làng Đình, xuống ngựa nghỉ chân ở gốc đa đầu làng.

*

* *

Hai vợ chồng Philippe đến gốc đa, những người nông dân thường ngồi chơi ở đó đều đứng dậy lảng đi hết. Cả những đứa trẻ con vốn hiếu kỳ thích xem ngựa và xem ông Tây cũng không đứng lại. Lúc trước, khi đi trên cánh đồng, nét mặt Mùi còn tươi roi rói. Lúc này, nhìn những người nhà quê dáng bực bội và sợ hãi nem nép bỏ đi, gương mặt Mùi buồn trông thấy. Từ khi lấy Philippe, Mùi bị dân làng xa lánh, mặc dù cô tìm hết cách lấy lòng họ. Philippe thường ngẫm nghĩ: Người ta căm giận Mùi, hay chính ra họ căm giận mình? Phải đứng ở địa vị Mùi mới thấy sự căm giận ấy đáng sợ biết bao. Mùi là một bà đồng. Một cuộc lên đồng phải vừa có bà đồng vừa có con đồng. Lên đồng là một cuộc siêu thoát tập thể, cuộc say mê tập thể. Phải có người tung, kẻ hứng. Phải có đàn ngọt, hát hay. Phải có khói hương nghi ngút. Tay cô đồng càng múa dẻo, mắt cô đồng càng lúng liếng, thì các con đồng vây quanh càng phải khéo chiều chuộng và nịnh nọt. Cô đồng mà thiếu những người phụ đồng, người hầu dâng và những con đồng thì khác nào cá không có nước. Philippe nhìn mọi người xa lánh Mùi, vừa thấy thương cô, vừa thấy nhẹ trong lòng. Hắn rất ghét trò này. Cứ nghĩ rằng đó là trò mê tín nguyên thủy. Cứ nghĩ rằng bà đồng nào khác gì một ông thầy mo, hoặc một phù thủy. Pierre biết chuyện ấy cười và bảo anh:

- Chẳng phải em đã được một ông phù thủy An Nam

chữa cho khỏi bệnh hay sao? Nếu không có thầy phù thủy, chắc em đã hóa ra người điên.

Ông Lềnh thầy Tầu thì nói:

- Dân làng xa lánh bà Mùi. Bà Mùi không ngồi đồng được nữa. Chắc gì việc ấy đã tốt.

Hôm ấy, Philippe và Mùi cũng đến gốc cây đa. Mọi người dân, như thường lệ, cũng lảng đi hết. Nhưng chính cái ngày hôm ấy, Philippe cứ nhớ mãi.

Mùi xuống ngựa, ra ngồi dưới chân cái bệ thờ "Đại thụ linh thần". Cô lặng lẽ nhìn những chiếc bình vôi treo ở những rễ đa, được gió đung đưa nhè nhẹ. Philippe đứng nhìn cái dáng rầu rầu của Mùi. Cái dáng thật đáng thương hại. Cái dáng của cái cây dần dần bị đứt rễ, dần dần trở nên héo hon. Hắn nghĩ tới lời ông thầy Tầu: "Bà Mùi không ngồi đồng nữa chắc gì đã tốt". Hắn ngẫm nghĩ, lơ đãng nhìn những chiếc bình vôi trắng toát. Đã có lần hắn đã chứng kiến những chiếc đầu người thực sự bị treo như những chiếc bình vôi này. Chỉ có điều khác, những chiếc đầu lâu ấy có mắt. Những con mắt mở tròn xoe, trừng trừng nhìn vào cõi vô tận. Có cả những đôi mắt trắng dã chằm chằm như nhìn vào mặt Philippe như muốn hỏi: "Nhà ngươi có quyền gì để đến nhà ta, rồi lại chặt đầu ta". Kìa! Những chiếc bình vôi sao có mắt. Sao chúng lại trắng dã. Những chiếc bình vôi mà cũng biết hận thù ư? Những bình ảo ảnh ấy làm hắn giận dữ. Cái giận dữ tự nhiên trào lên. Có phải nỗi giận bình vôi hay nỗi giận Mùi, nỗi giận vì những điều thèm khát không được thỏa mãn? Hắn mím môi nắm một chiếc bình vôi gần nhất rồi dẩy mạnh. Chiếc bình vôi như đang ngồi trên đu; nhờ lực đẩy nó bay sang phía trước mặt. Chiếc

bình vôi thứ nhất va mạnh vào một chiếc thứ hai. Đến lượt nó đu đưa theo rồi đập cốp vào chiếc thứ ba. Cứ như thế chúng tạo thành những dao động dây chuyền. Khi chiếc bình vôi đầu tiên quay trở lại gần Philippe, thì sự giải tỏa tức giận đã biến thành một trò chơi. Philippe ra sức đẩy lần thứ hai, tiếp theo đó là lần thứ ba... Mới đầu lũ bình vôi còn dao động nhịp nhàng tạo thành những tiếng lốp cốp đều đặn. Nhưng rồi đến một lúc nào đó, có những chiếc lạc nhịp, tạo nên những va đập lốp ca lốp cốp. Càng lúc sự lạc nhịp càng lớn. Bây giờ là những tiếng va đập loạn xạ. Tiếng lốc cốc như những tiếng kêu hú, những bước chân hối hả trốn chạy. Philippe như đang sống lại trong một ngôi làng bị đốt cháy. Tiếng lốc cốc của lũ bình vôi, hay là tiếng chân chạy rầm rập của một đàn trâu khi trông thấy lửa, chúng chạy trốn tứ tung vào rừng, và những cái mõ ở cổ những con vật vang lên. Có ai cười phải không? Có ai kêu la phải không? Hắn không xác định nổi nữa. Nhưng chắc là tiếng kêu thì phải. Một tiếng kêu thét hãi hùng, thất thanh:

- Dừng lại! Thôi đi!

Lúc bấy giờ, Philippe mới định thần, nhận ra đó là tiếng Mùi. Cô ta tái mét mặt, hình như đang run rẩy. Hắn hỏi:

- Có gì vậy? Sao cô kêu lên thế?

- Em van ông. Đừng làm thế nữa.

- Sao?

Mùi líu ríu:

- Em sợ. Võng của các cô đấy.

- Cô nào?

- Cô Bé... Cô Chín... Các cô thiêng lắm... Các cô đánh võng cây đa...

Mùi đã biến thành một con người khác hẳn. Đôi mắt đen láy trở nên sáng lạ thường. Chốc lát sau Mùi đã quay lại bình tĩnh, trở nên đĩnh đạc, duyên dáng hẳn lên. Cả đến giọng nói của cô cũng mang âm sắc khác hẳn, nó mềm mại hơn nhưng lại uy tín. Cô bỗng nói khi trông thấy nụ cười trên môi Philippe.

- Ông chớ nên báng bổ. Coi chừng cô phạt đấy.

Lúc này, trong một thoáng, Philippe chợt nhìn thấy cái lộng lẫy kỳ lạ của Mùi. Hắn cười to ha hả đến đỡ Mùi lên ngựa. Hình như trong những lúc Mùi mê tín, run sợ, hoặc lúc Mùi mê đắm ngồi đồng, cái riêng biệt, cái thần của cô ta mới hé lộ. Những khi ấy, sao mắt Mùi long lanh đến thế, gương mặt cô linh động đến thế, thân hình cô yểu điệu đến thế. Philippe ngồi cùng ngựa với vợ, để con ngựa thứ hai đi không. Ngồi trên lưng con tuấn mã, hắn ôm sát Mùi vào lòng, rồi ghé vào tai cô nói nhỏ.

- Ta muốn được cô trừng phạt.

Mùi chau mày:

- Nói thật chứ? Không phải chuyện chơi đâu.

Tối hôm ấy, cái tối sau cuộc đánh du bình vôi ấy, là một buổi tối cứ ám ảnh Philippe suốt đời.

- Mùi ơi!

Đó là tiếng gọi cuối cùng trong ngày của hắn. Một tiếng gọi dịu dàng nhất, khác hẳn mọi tiếng gọi trong ngày. Hình như đó là tiếng nói êm ái nhất, mời gọi nhất của hắn. Nó như van nài, xin xỏ, có tính chất quỵ lụy. Đó là tiếng gọi khi đêm xuống, tiếng cầu xin ân sủng đối với

người đàn bà mà hắn si mê và bao giờ cũng chỉ tặng cho hắn sự thèm khát khôn nguôi.

Người đàn bà Á Đông sợ ánh đèn đêm. Còn hắn thích ánh đèn khi ngủ. Hắn muốn được hưởng toàn bộ dục cảm. Hắn thích hưởng thụ cả bằng đôi mắt. Hưởng cái trắng nhễ nhại màu ngà voi của làn da. Hưởng cả nét mặt ngây dại hoặc lóe sáng của người đàn bà trong vũ điệu ái ân. Có lẽ người Á Đông cho rằng sự hưởng thụ bằng mắt là thô, là tục. Họ chỉ muốn giao hoan trong bóng tối. Có lẽ giao hoan là phút yếu đuối nhất của con người, bởi vì con người đã bị bóc trần. Mất sự che chở của cái vỏ bọc áo quần. Cảm thấy cái bên trong huyền bí nhất của con người cũng bị lột bỏ. Lúc đó, thấy yếu đuối, thấy lo lắng, thấy cần được che chở. Mà cái màn che tốt nhất không gì bằng bóng đêm. Đáng lẽ ra, những phút ấy người đàn ông phải e sợ nhất, vì lúc ấy hắn yếu đuối nhất. Đó là phản xạ tự nhiên của con người từ thời nguyên thủy còn sót lại. Đó là kinh nghiệm của bao nhiêu con đực từ thời hồng hoang đã truyền di lại và biến thành bản năng. Philippe cũng là một gã đàn ông, nhưng hắn không có bản năng ấy. Có lẽ thích ân ái trong ánh sáng là sự kiêu hãnh ngạo nghễ của người chiến thắng. Mà Philippe là kẻ chiến thắng.

Còn nửa sáng nửa tối thì sao? Nàng chấp nhận thứ ánh sáng mập mờ huyền ảo. Như ánh trăng đêm nay thì được. Có thể nói, còn tuyệt vời là khác. Ánh sáng như sữa loãng từ bầu trời cao, qua cửa sổ tràn vào đầy căn phòng. Bóng tối từ những xó nhà, góc tường trườn ra. Tối giao hòa cùng sáng làm cho người đàn bà của hắn như ẩn như hiện. Những đường nét nhòe nhòa không hiện rõ

nhưng cũng không mất dạng. Lúc đó hắn mới nhận thấy sự cảm nhận thị giác dưới ánh sáng ồ ạt quả là thiếu tinh vi. Bởi vì dưới ánh sáng lõa lồ, người đàn bà cảm thấy bị chiếm đoạt.

Có lẽ người đàn bà Á Đông thích người tình trong đêm tối, nên xúc giác và khứu giác họ rất tinh vi.

Hôm nay, từ lúc ở gốc đa, Philippe đã cảm thấy Mùi lạ lùng hơn mọi ngày. Cô như ở trạng thái say đồng. Tức là con người thứ hai trong cô xuất hiện. Trước đây, Philippe chỉ được vui vầy với con người thứ nhất, cái con người ấy hờ hững gây cho hắn cảm giác mình là kẻ đi chiếm đoạt ngay cả trong tình yêu. Philippe muốn khác cơ. Thực ra, từ đáy lòng, ông thèm một sự hòa hợp. Phải chăng sự hòa hợp ấy đã xảy ra hôm nay khi con người thứ hai trong cô xuất hiện. Phải chăng đó là con người mê đắm mà từ lâu hắn tìm kiếm. Hắn muốn một người đàn bà Á Đông hết lòng vì hắn, trao cho hắn tất cả.

Trên giường ngủ, Philippe rất hãnh diện khoe rằng hắn đã học tập được nhiều cung cách Á Đông. Nhất là sử dụng khứu giác. Không biết có phải ông thầy Tầu, ông Lềnh, hay là ai đó đã bảo hắn rằng khứu giác trong tình ái đóng một vai trò rất quan trọng. Hắn như con sói đương lim dim đôi mắt, hít hà cái thứ hương dịu ngọt từ người đàn bà tỏa ra. Thứ giác quan nguyên thủy ấy đã từng bị những thứ như nước hoa, dầu xức của văn minh làm thui chột, cùn nhụt đi, nay bỗng được hương vị tự nhiên trên da thịt Mùi làm cho sống lại. Qua đi lại với Mùi, dần dần hắn phân biệt được nhiều điều rất tinh vi. Philippe đầu tiên nhắm mắt lại để khoan khoái hít hà tiếp nhận cái mùi hăng hắc ngầy ngậy từ trên người Mùi

tỏa ra. Da thịt Mùi thì thơm. Mớ tóc dài thì ngan ngát hắc. Hố nách Mùi thì ngầy ngậy. Vú của Mùi lại thơm và ngọt. Bụng của Mùi là tổng hợp những mùi vị đó, thêm vào cái ngai ngái nồng nàn, mời gọi âu yếm. Hắn lim dim mắt để cái ngai ngái ấy bò dần trong mũi, kích thích những vùng não bộ tối mò nhất trong hắn gọi chúng thức dậy.

Để rồi cuối cùng, hắn đi vào trong nàng lúc nào cũng chẳng hay. Một cảm giác thăm thẳm và hun hút lạ thường. Để rồi cuối cùng, hắn như kẻ bị tước vũ khí, run rẩy nằm trong vòng tay nhào nặn của người đàn bà.

Đúng là đêm nay hắn giao hoan với kẻ khác trong Mùi. Từ người đàn bà hờ hững, đêm nay nàng bỗng đằm thắm không ngờ. Đôi cánh tay ngày xưa lơi lỏng, đêm nay chúng làm Philippe ngạt thở. Từ trong thẳm sâu hắn vang lên niềm hân hoan đắc thắng: "Ta đã chiến thắng. Đã chinh phục được miền đất hứa". Hắn rên rỉ: "Nàng bắt mất hồn ta rồi. Ta tan biến đi trong nàng rồi. Nàng đã dắt ta tới miền lạc thú mà chưa bao giờ ta biết. Ta run rẩy, ta quỳ sụp trước nàng để van xin phép lạ".

Người đàn bà đã biến hóa như có phép tiên. Tưởng như Mùi vĩnh viễn là người thụ động, hóa ra cô ta lại là người chủ động. Sự chủ động ấy không phải bằng những chuyển động thân xác, mà bằng sự chuyển động thầm kín. Có cảm giác như được xoa bóp nhè nhẹ. Không phải sự xoa bóp bên ngoài mà là sự xoa bóp bên trong. "Phải chăng ruột gan nàng đang chuyển động để ve vuốt cho ta?". Tất cả nội tạng của nàng đang thức dậy. Chúng nhịp nhàng, nhịp nhàng chuyển động, làm cho hắn bỗng lặng im, run rẩy để lắng nghe, để tận hưởng một cảm

nhận kỳ lạ mà hắn chưa bao giờ gặp. Sự co giật bên trong ấy của nàng như một dòng điện truyền vào trong thẳm sâu hắn một năng lượng cực mạnh làm hắn không tự chủ được, làm hắn run bần bật. Sự khoái cảm làm hắn mê đi, kêu lên và như tê liệt. Chính đến lúc ấy, toàn thân nàng bỗng như một đóa hoa đêm; nó tỏa ngát hương, thứ hương kỳ lạ mà khi trước hắn chỉ cảm thấy rất mơ hồ, không xác định nổi. Lúc này mùi hương bỗng nổi dậy, ngút ngát, sực nức. Thứ hương vừa thơm hăng hắc, vừa ngai ngái nồng nàn, thứ hương chẳng thấy ở một loài hoa nào nhưng rất ngây ngất dễ chịu. Không biết có phải hương thật hay là ảo. Không biết có phải một thứ hương hoang tưởng mà ảo giác đã tạo nên. Hắn ngẫm nghĩ: chắc là thứ hương tình ái phương Đông.

*

* *

Philippe đã kể câu chuyện phòng the lạ lùng ấy với ông Lềnh, người đầu bếp Tầu. Nghe xong ông thầy Tầu chắp tay vái dài:

- Chúc mừng ông chủ đã gặp phước lớn. Quý vật gặp quý nhân. Theo các sách cổ Trung Hoa, cứ một triệu người đàn bà mới có một người đàn bà có chuyển động bên trong. Và còn nói, người đàn bà nào cũng ẩn giấu trong mình một hương thơm. Chỉ khi nào gặp một người đàn ông tài hoa biết trân trọng, nâng niu, hương thơm mới tỏa...

Không hiểu sách cổ có nói thế không, hay chỉ là một lời nói nịnh. Nhưng câu nói ấy đã làm Philippe rất vui.

Quả thực, đó là chuyện đáng mừng. Thân xác con người rất bao dung, đôn hậu. Nó đã dẫn Philippe đến con

đường thân ái, hòa mục. Giá như ông ta cứ đi theo con đường ấy... Tiếc thay, con đường hòa ái ấy đâu phải dễ đi. Đi theo con đường chiếm đoạt, làm ông chủ bao giờ cũng dễ hơn đối với một người như Philippe. Những điều khả ái hiền dịu trên cái giường ái ân lập tức biến mất. Giữa người đàn ông và đàn bà lúc ấy lại là cuộc vật lộn kẻ thắng người thua.

Điều ấy hiện ngay ra mặt rất rõ. Đến nỗi có bận ông Lềnh phải giật mình bảo Philippe:

- Tiểu nhân nhìn sắc diện ông chủ thấy không được vượng. Có quầng mờ mờ thâm trên ấn đường... Cũng chẳng sao đâu... Người đàn bà này da thịt mềm mại, thiên kiều bá mị, mắt nhìn thăm thẳm như nước hồ thu, lại có đào hoa diện. Đại nhân nên lưu ý, chớ có đam mê quá độ.

Philippe nghe xong, cười lên ha hả. Ông Lềnh còn định nói thêm nữa, nhưng Philippe xua tay và vui vẻ nói:

- Ông lại đoán tướng. Người Trung Hoa các ông rất giỏi nghề này, song tôi không tin chuyện tướng số. Nhìn ông chủ đắc ý, bước đi vênh vang sung sướng, ông Lềnh chỉ còn biết mỉm cười. Bẵng đi đến ba bốn tháng, Philippe bây giờ hoàn toàn hạnh phúc. Ông ta nghĩ chỉ có mình, chỉ có độc nhất hắn ta mới được trời ban cho một vật quý hiếm đến thế, chỉ có riêng hắn ta mới xứng đáng và mới làm cho đóa hoa phương Đông ấy hạnh phúc đến thế. Quả như vậy, hoa chỉ đẹp, chỉ tỏa hương khi nó được trồng đúng đất và được một bàn tay trồng hoa lành nghề chăm sóc.

Philippe phấn khởi lắm. Hắn chiếm hữu được một bông hoa đẹp Á Đông. Công việc trong đồn điền lại khá



thuận lợi. Cà phê được vụ. Philippe quyết định đi xa một chuyến. Hắn vào Tây Nguyên tham quan mấy đồn điền trong đó.

Lúc Philippe quay về, ông Lềnh trông thấy vệt hắc ám trên ấn đường ông chủ sậm hơn. Ông Lềnh là người đôn hậu, trung thành với chủ. Biết có nói thì Philippe cũng chỉ cười xòa, ông Lềnh bèn nói với Pierre để người em khuyên nhủ người anh. Song Pierre chưa kịp nói với Philippe thì câu chuyện đã xảy ra.

Ngay hôm Philippe trở về, khoảng quá nửa đêm, từ ngôi nhà lớn bỗng vang lên những tiếng kêu thất thanh:

- Cứu với! Ai ơi cứu với!

Cả đồn điền nhốn nháo chạy lên ngôi nhà lớn. Người ta thấy ông chủ Philippe mặc độc một chiếc quần lót nằm thẳng cẳng trên giường hôn mê bất tỉnh. Mọi người tíu tít tìm mọi cách cứu chữa. Ông Lềnh thở dài:

- Tôi đã giảng giải cho ông chủ biết tại sao người đàn bà Trung Hoa lại cài trâm trên đầu, song ông chả nghe mà chỉ cười. Thật đáng tiếc! Rất đáng tiếc.

Pierre mời ông hộ Hiếu tới. Cả cha Colombert cũng có mặt. Cha nói với ông già điên rồ:

- Chúng ta đều là những người tu hành. Ông theo đức Phật, tôi theo đức Chúa. Chúng ta đều muốn cứu giúp mọi người. Tôi theo Tây y đành chịu bó tay. Ông theo Đông y, thử cố xem còn cách gì cứu giúp được nữa không. Ông hộ Hiếu chắp tay trước ngực mà bảo:

- Khi số mệnh đã định, chẳng ai cưỡng lại nổi. Chúng ta chỉ chữa được bệnh, chữa sao nổi mệnh. Thượng mã phong! Thượng mã phong!

*
* *

Sau khi Philippe qua đời, cô Mùi bỏ đồn điền, bỏ cả làng lên đền Mẫu, ở trên đó cùng bà tổ cô. Vào dịp lễ hội mùa thu, cô Mùi lại ngồi đồng oai phong lẫm liệt. Sau cái chết của Philippe, dân Cổ Đình không xa lánh thù ghét cô Mùi nữa. Hình như người ta ngầm tạ lỗi với cô, nên kỳ hội ấy dân làng đến dự rất đông. Cả những con nhang đệ tử, cả những người không có căn đồng đều trẩy hội tấp nập. Bà Mùi ngồi giá cô Bơ Thoải oai phong và duyên dáng. Dân làng van vái xin xỏ:

"Con tấu lạy cô! Chúng con người trần mắt thịt, tuy có mắt mà chẳng nhìn ra. Xin cô xá tội mà thương mà xót. Cô thương thì cô ve vuốt. Cô giận có đánh cửa trước, con luồn cửa sau. Xin cô bớt giận lôi đình. Xin đừng ra tay đánh kẻ vô tình hôm xưa".

Một sự làm lành của chốn nhân gian. Hình như có lúc cô Bơ xót xa giọt lệ. Tuy nhiên, lúc cuối gần đến lúc thăng đồng, cô Bơ đã cười bằng nụ cười rất tươi. Người ta thở phào. Cô đã hết giận rồi. Cô đã tha thứ cho thói đời đen bạc. Vì kẻ trần thế làm sao hiểu nổi được cô.

Về câu chuyện lạ lùng ở đồn điền Mắt Mèo, chuyện cô Mùi lấy ông Tây Philippe, có khá nhiều lời đồn đại.

Có lời đồn sở dĩ cô Mùi, một cô gái thuộc gia đình nề nếp, đã trái lời cha lấy người ngoại tộc, bởi vì cô là người con có hiếu. Philippe ghê gớm lắm. Để bắt buộc Mùi phải lấy mình, ông cho người gặp riêng cô, dọa rằng nếu cô không chịu lấy, sẽ cho bắt ông đồ Tiết một lần nữa. Thương cha già, đã bị tù tội trở về, nay nếu bị tù lần nữa vào lúc tuổi đã cao, thì ông cụ chịu làm sao nổi. Vì vậy,

cô đành nhắm mắt đưa chân. Chả biết lời đồn ấy có đúng không, hay chỉ là cách bào chữa cho cô?

Lại có lời đồn: cô Mùi có tướng sát phu. Cô tin ở cái sức mạnh đàn bà huyền bí của mình. Chính kẻ thù của cô ham mê cái sức mạnh huyền bí ấy, và nhờ nó cô trả được thù.

Ôi chao! Sao mà lắm lời đồn đến thế. Người ta còn nói tới sự trả lời của một thế lực huyền bí nào đó, nhưng thôi cũng chẳng cần quan tâm đến những thuyết lý quá ư siêu phàm như vậy.

IX

CON CHIM CU CƯỜM

1

Cụ đồ Tiết thích chơi chim. Thích nhất ba loại: khướu mun, sáo đá và chim cu cườm. Có lúc cụ nuôi nhiều loại, gần chục cái lồng treo lủng lẳng ngoài hiên và dưới các tán cây. Cuối cùng cụ thải hết, chỉ để lại ba loại chim kể trên, mỗi thứ một con.

Thứ nhất là con khướu mun nuôi đã hơn ba năm. Cái giống khướu già mới bẫy được đem bán ngoài chợ rẻ như bèo là đồ bỏ. Thông thường nuôi một tuần là chết, hoặc giả nếu còn sống sót cũng chẳng ra gì. Con khướu này cụ mua từ lúc nó chưa mọc lông cánh. May mắn làm sao lại vớ được con khướu bách thanh. Biết hót đủ giọng. Nó bắt chước được tiếng mèo, tiếng sáo sậu, giọng con bìm bịp, giọng chim vàng anh... Sáng sớm đã hót, giọng lên bổng xuống trầm: lúc một cao một thấp, lúc một cao hai thấp, lúc vuốt lên khi vuốt xuống, lúc rung như uốn lưỡi, lúc khò khè trong bụng. Tóm lại: giọng nó tuyệt vời chẳng chê vào đâu được. Cụ Tiết bảo cả đời mới gặp được con chim đắc ý. Khi sớm dậy, cụ thường ngồi uống trà ở thềm nhà, ngây người hàng giờ nghe nó hót.

Thứ hai là con sáo đá. Con chim to bằng vốc tay, lông đen trắng lốm đốm trên người chẳng theo một trật tự nào cả. Con chim trông quê mùa, thân thuộc ấy thật dễ

nuôi. Gạo ư, ngô ư, hạt dậu lép ư, thứ gì nó cũng chén tuốt. Ăn uống suốt ngày. Lại lắm mồm lắm miệng, cả ngày lèm bèm. Hót chẳng ra hót, kêu chẳng ra kêu. Tuy nhiên, được cái nghe tiếng râm ran của nó cả ngày, ông cụ cũng thấy bớt cô quạnh. Vả lại nó còn biết nói. Cứ có người lạ vào đến sân là nó đã rộn rã niềm nở: "Ông ơi, có khách". Chả cần phải bóc lưỡi hay làm thủ thuật phức tạp gì cả; tự nhiên nó bật ra tiếng nói cứ như có phép tiên. Chả là nó khéo bắt chước. Cu Điều mỗi khi đi làm đồng về lại đứng trước lồng, chìa ra cho nó mấy con châu chấu rồi bảo: "Mày nói có khách đi tao cho ăn". Thường thường Điều nói trêu vậy thôi nhưng rồi cũng cho chim ăn. Một chiều, lúc về nhà, Điều không bắt được con châu chấu nào cho nó, khi đi qua lồng Điều còn trêu nó: "Hôm nay nhịn nhé". Thế là con chim kêu toáng lên: "Có khách! Có khách!". Từ đấy, con sáo đã biết nói.

Con chim thứ ba là con cu cườm. Đó là con chim cụ đồ Tiết quý nhất. Có khi con chim này chẳng đắt giá bằng hai con kia, nhưng cụ Tiết vẫn thiên lệch quý nó hơn, bởi vì cụ cố ngày xưa cũng thích cu cườm và chính người đã dạy cụ nghệ thuật bắt cu cườm. Khi thường, con chim này gáy bổ tư: cúc cù cu cu. Gặp khi có đối thủ và hăng, nó gáy dồn dập bổ đôi: cúc cu, cúc cu. Nó hay gáy vào ban trưa yên tĩnh, trong những ngày hè oi ả. Những khi ấy, nằm trên chiếc võng mắc dưới cây nhãn, nhìn ra những ngọn tre lười biếng đung đưa, nghe tiếng con cu cườm, cụ chợt thấy lòng mình mát mẻ, lắng dịu, thoát khỏi mọi phiền não ở đời. Nhưng cụ Tiết quý con chim này nhất vì có thể điều khiển được nó. Bên ngoài chiếc lồng tre vàng óng nhốt con chim quý, cụ đồ Tiết phủ một tấm lụa màu

nâu. Bảo rằng che thế để con chim được tập trung, khỏi bị loãng trí vì cảnh vật chung quanh. Đặc biệt, khi nào cụ Tiết hé tấm vải ra, rồi giơ bàn tay vẫy một cái, lập tức con chim bắt đầu gáy ngay. Khi cần nó gáy liên tục thật hăng thì vẫy liền bàn tay ba cái.

Vào khoảng mồng mười tháng bảy, hôm ấy trời sớm sương nhẹ báo hiệu một ngày nắng thu đẹp, cụ đồ Tiết bảo Trịnh Huyền:

- Hôm nay anh sang xóm Mít làng Già bắt cho ta con cu cườm bên ấy.

Cụ Tiết nói chắc chắn, cứ như thể bắt chim trời dễ dàng giống như ta bắt con cá đang nằm trong rọ. Ông Trịnh Huyền lễ phép:

- Thưa thầy, con đi ngay ạ.

Ông cụ Tiết vuốt râu:

- Tháng trước thầy đi ngang qua xóm Mít, vẫn nghe thấy nó gáy. Con này chưa gặp bẫy lần nào. Nó rất hăng. Chắc dễ bắt thôi. Lần này, anh cho thằng Điều đi theo. Cho nó học bẫy dần đi thì vừa.

Điều được đi mừng lắm. Mấy hôm trước nghe ông nói sắp đi bẫy chim, cái Nhụ cứ năn nỉ ông cho đi theo xách lồng. Ông chiều Nhụ cứ ậm ừ, nhưng chưa nói gì cả. Hóa ra lần này ông không đi mà để chú Huyền đi. Thằng Điều được thể trêu Nhụ:

- Đằng ấy chờ nhé. Sang năm ông đi rồi sẽ được theo.

Điều sướng lắm. Thực ra nó đã thạo việc rồi. Nó vào buồng, bắc thang trèo lên xà nhà, lấy xuống tấm lưới tơ tằm và cả bộ đồ nghề đã được bọc gói kỹ càng cất trên đó. Cụ đồ Tiết xem lại từng mắt lưới, kiểm tra xem có chỗ

nào bị đứt, bị bục cần phải vá lại không. Rồi cụ dặn dò ông Huyền:

- Anh phải thật cẩn thận, thật kiên nhẫn. Phải tìm chỗ đặt lưới cho tốt. Phải bắt bằng được con chim gáy này, để ngày rằm tháng này mang nó dâng lên Thánh Mẫu. Con chim này gáy hay vừa hay gáy. Mẫu tính thích nghe chim hót. Vật dâng cúng không gì bằng phẩm vật làng quê. Anh nghe ta nói đã hiểu chưa? Nghĩa là dù thế nào cũng phải bắt cho bằng được con chim cu cườm ấy.

Mặt trời chưa lên, hai chú cháu đã ra khỏi cổng làng, đi tắt theo bờ ruộng, nhằm thẳng xóm Mít làng Già. Điều đi trước, đòn gánh trên vai, một đầu đòn treo chiếc lồng con mồi đất và chiếc túi vải đựng lưới, cọc và dây; đầu đòn bên kia là mấy tàu lá gồi đã cũ. Ông Huyền nhẹ hơn, chỉ phải đeo cái bị đựng mấy củ khoai, ống nước, tay ông xách chiếc lồng phủ lụa nâu nhốt con mồi gáy.

Sương còn treo đầu ngọn cỏ. Hai chú cháu phải xắn ống quần lên cao quá đầu gối để khỏi bị ướt. Đã đi khỏi làng một quãng xa, hai người quay đầu lại, thấy lũy tre làng Đình được phủ một làn sương mờ trắng. Cây đa đầu làng vẫn còn nhìn rõ, nó lừng lững vươn lên khỏi lũy tre, vượt lên trên làn sương trắng nặng chìm xuống dưới chân, làm cho không còn nhìn thấy cái ban thờ "Đại thụ linh thần" nữa. Hai chú cháu im lặng, bước một lúc lâu nữa mới nhìn thấy hình dáng làng Già. Sương sớm đã tan, đã trông rõ cây đa đầu làng bên đó. Ông Huyền nói:

- Đã gặt lúa sớm. Tháng này là mùa chim ngói. Ta nghe nói dạo này ít chim ngói về đồng làng ta. Cứ như hồi ta còn trẻ, chim ngói nhiều vô kể. Ngày xưa, cứ vào lúc lúa bắt đầu chín, tiết trời vẫn còn ấm áp, chim ngói

từ rừng bay về đậu trên những tán cây to nhất, cao nhất, đó là những cây đa. Đường bay của chim ngói là từ cây đa nọ tới cây đa kia. Ta đặt lưới ở những ruộng lúa mới gặt, trên đường chim bay, giữa hai cây đa lớn hai làng gần nhau. Tha hồ mà bắt. Ta nhớ có bận theo ông đi đánh chim ngói, vớ được mẻ lưới gần trăm con. Nếu để nguyên, bầy chim đông quá có thể phá tan lưới bay đi. Ông liền quát ta: Nằm trên ruộng rồi lăn người trên lưới. Phải lăn mình như thế để cho chim hoặc chết, hoặc yếu đi rồi mới bắt. Hôm ấy, chú gánh chim về nặng òe cổ, nhưng nghĩ lại đến bây giờ còn thấy thích...

Điều hỏi chú:

- Thế đánh chim ngói khác đánh chim gáy thế nào? Chú giảng cho cháu nghe. Cháu chưa được đánh chim ngói bao giờ.

- Khác nhiều. Thứ nhất là lưới. Đánh chim ngói phải dùng hai cánh lưới, còn đánh chim gáy chỉ cần một mà thôi. Thứ hai: chim ngói là chim lạ từ xa đến, còn chim gáy là chim quen ở ngay trong làng. Chim gáy có thể thuộc lòng từng nóc nhà, từng bóng cây, từng mảnh vườn. Nó tinh lắm, chỉ cần thấy hơi khác lạ một chút xíu là nó biết ngay. Đánh chim lạ dễ. Đánh chim quen khó. Thứ ba: đánh chim ngói chỉ cần một thứ mồi đất, còn đánh chim gáy cần cả mồi đất, cả mồi treo cao. Mồi treo cao là mồi biết gáy mà lại gáy hay. Có thế mới nhử được chim trời.

Hai chú cháu mải nói chuyện nên vui chân đến xóm Mít làng Già lúc nào không hay. Mặt trời đã ló mặt sau rặng tre xa. Sương sớm đã tan. Hai chú cháu ngồi ở cửa đình ăn khoai. Chú Huyền bảo:

- Cứ thủng thẳng bình tĩnh. Cần phải quan sát thật kỹ.

Đầu tiên, chú im lặng, lắng nghe, xác định hướng tiếng gáy của con chim định bắt. Xóm Mít đã ra đồng từ sớm. Lúc ấy, làng vắng teo, im ắng, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng gà gáy hoặc tiếng trẻ con khóc. Lắng nghe mãi vẫn không thấy tiếng gáy của con cu cườm xóm Mít. Điều bảo:

- Hay là con chim đã đổi chỗ ở, bay đến làng khác rồi.

- Không đâu! - Ông chú nói giọng chắc chắn. - Giống cu cườm ít khi đổi chỗ ở. Nó đã đóng đô ở đâu là cứ ở đó mãi. Chắc con này sáng sớm ra đồng bắt mồi chưa về. Giống cu cườm rất gắn bó với con mái của nó. Nó theo sát con mái rất chặt chẽ. Để chú thử xem sao...

Nói rồi, ông Huyền hé mở miếng lụa nâu phủ lồng, rồi phẩy tay một cái. Con chim mồi yêu quý của cụ Tiết thấy hiệu lệnh, bỗng vươn cổ dõng dạc cất tiếng gáy "Cúc cù cu cu". Điều chăm chú, vểnh tai lắng nghe. Chỉ một phút sau, ở xa xa tận cuối làng, vẳng lại tiếng bổ ba của con chim làng Mít "Cúc cu cu". Ông Huyền mỉm cười khép tấm khăn lụa nâu lại rồi nói:

- Con cu cườm này hăng thật. Thoáng nghe tiếng chim lạ ở lãnh thổ riêng của nó, nó lập tức cất tiếng đáp trả lời ngay.

- Sao lại thế? - Điều hỏi chú.

- Anh hùng nhất khoảnh mà. Sao kẻ khác lại dám xâm phạm vùng ta ở, nhà ta ở. Đấy là nét anh hào của giống cu cườm, và đấy cũng là điểm yếu của nó mà ta có thể lợi dụng. Trong đôi chim cu, chỉ có con đực biết gáy. Con mái không biết gáy. Con chim đực gáy ở nơi nào, tức là nơi ấy đã bị nó chiếm cứ. Đó là lãnh địa riêng của vợ

chồng nó. Con mái sẽ làm tổ, dẻ con tại đấy. Nơi ấy là vùng cấm. Cấm tiệt các con cu khác lảng vảng tới. Nếu kẻ nào xâm phạm, con cu đực sẽ quyết một mất, một còn.

Điều đã được theo ông đi đánh chim, những khi ấy, ông chỉ lặng im không nói. Và Điều cũng phải theo ông im lặng, chỉ biết nhất nhất nhìn ông và làm thôi. Nay, được chú bày giải, cậu ta thích thú:

- Chú nói hay thật. Làm cháu sáng ra.

Chú Huyền trêu nó:

- Thế còn cháu, cháu đã biết gáy chưa? Có biết bảo vệ cho... Như con cu cườm không?

Điều chẳng biết trả lời ra sao, chỉ đỏ mặt và cười.

Đã biết đúng nơi đây là vùng chiếm cứ của con chim gáy bổ ba, lúc này đến công việc chọn nơi đặt bẫy. Nơi ấy phải kín đáo, yên tĩnh, không gần đường, không có người qua lại, đồng thời phải thoáng đãng, dễ quan sát. Việc này, cụ đồ Tiết đã trù tính trước cho hai người. Nơi ấy là vườn nhà cụ tú Sơn, bạn thân của cụ đồ.

Khi ông Huyền vào chào cụ tú, nói rõ cụ đồ có lời xin phép cụ tú nhờ vườn gia đình, bắt con cu cườm, để ngày rằm làm lễ dâng Mẫu. Cụ tú Sơn vuốt râu cười hà:

- Cụ đồ bên ấy đã có lời với ta từ tháng trước. Ta đã cho người nhà thu hoạch một nửa vườn lạc từ mươi hôm trước rồi. Còn để lại nửa vườn chưa dỡ. Như vậy càng dễ chăng lưới. Ông và cháu cứ ra vườn tự nhiên.

Hai chú cháu ra khu vườn, đến ruộng lạc. Khu vườn rộng đến năm, sáu sào. Chung quanh vườn có tre bao bọc. Có mấy cây nhãn um tùm. Gần ruộng lạc có mấy đống rạ, đống rơm. Chung quanh đó còn mấy bụi cây chó

đẻ mọc lúp xúp. Lại có cả những thân cây ngô dựng đứng chụm đầu vào nhau để phơi cho khô.

Ông Huyền chọn chỗ nấp gần một bụi cây rậm rạp bên cạnh đống cây ngô. Ông cố gắng giữ nguyên không làm quang cảnh bị xáo trộn khác đi. Giống chim gáy rất tinh. Nó thường bay quanh vùng lãnh thổ của nó, bất cứ sự thay đổi nhỏ thế nào đều khó lọt qua mắt nó. Điều sửa soạn chỗ ngồi, dùng ba tàu lá gồi dựng lên. Lá gồi đã cũ nên trông cái lều nấp cũng tựa tựa như đống cây ngô. Ông Huyền đang đặt lưới. Ông đứng xa, bảo Điều chui vào trong lều lá gồi rồi ngắm nghía, quan sát, bắt Điều sửa sang dựng thêm mấy cây ngô ra ngoài lá gồi để cho chỗ ẩn nấp được hoàn toàn kín đáo và tự nhiên. Sau đó, Điều ra giúp ông đóng cọc căng lưới. Tấm lưới như một cánh cửa rộng hình chữ nhật. Một cạnh dài làm bản lề, cạnh dài kia có thể di chuyển sập sang ngang như ta đóng cửa. Chỉ có khác cửa ở chỗ tấm lưới nằm sát trên mặt đất, khi sập lưới cánh lưới sẽ chuyển vòng tròn sang phía đối xứng. Ông Huyền rất cẩn thận. Ông tỉ mỉ ngụy trang che những sợi lưới bằng rơm rạ khô và những thân cây lạc tai tái. Xong xuôi, lại phải kiểm tra mặt đất xem đã hoàn toàn tự nhiên chưa, có còn chỗ nào sơ hở có thể bị chim phát hiện không. Cuối cùng, đặt con mồi đất lên một mô đất. Mồi đất là một con gáy tầm thường không biết gáy. Hai mắt con mồi đất bị khâu lại để nó chẳng nhìn thấy gì. Một cẳng chân nó bị buộc nối vào sợi dây dài dòng vào chỗ nấp, ở đó người ta có thể điều khiển cả tấm lưới, cả con mồi đất bằng dây.

Khi đã làm hoàn chỉnh mọi việc, ông Huyền và Điều chui vào cái túp lá gồi, phía trên đầu treo cái lồng nhốt

con mồi gáy. Ông Huyền mở hé tấm lụa che lồng. Ông phẩy tay ra hiệu. Con cu mồi liền dõng dạc cất tiếng gáy thật vang ba hồi:

Cúc cù cu cu; cúc cù cu cu; cúc cù cu cu...

Tiếng gáy của nó thật hiên ngang, thật hay bay ra khắp làng. Cứ như một lời thách thức: "Ta đã đến đây. Ta ngự ở chốn này. Nơi đây là của ta". Khi con cu mồi gáy đến lần thứ hai, thì ngay lập tức sau tiếng gáy này, từ trên một cây nhãn giữa làng đã vang lên tiếng đối đáp trả lời:

Cúc cù cu; cúc cù cu; cúc cù cu...

Rồi từ ở phía xa con chim bản địa bay tới. Trên bầu trời bỗng nghe thấy tiếng cánh của nó quạt gió phần phật. Nó đập mạnh cánh vào gió kêu vun vút. Con chim này muốn dọa nạt đấy. Con chim mồi trong lồng nghe tiếng đập cánh của đối phương ngay tức khắc cũng hăng lên. Qua tấm lụa hé mở, Điều thấy con mồi mắt đảo nhớn nhác, đầu nó ngó sang trái, sang phải rồi nó lại ưỡn ngực cất tiếng như để trêu ngươi.

Cúc cù cu cu...

Từ nơi ẩn nấp, ông Huyền ngửa mặt nhìn qua lỗ hổng, quan sát bầu trời. Con chim bổ ba đang đậu gần đâu đây. Chắc chắn nó cũng đang quan sát đối thủ mà nó chưa thấy mặt. Con mồi đất bị khâu mắt, nghe tiếng vỗ cánh, đang đứng im lìm trên mô đất bỗng ngó nghiêng cái đầu. Thằng Điều được ông Huyền huých nhẹ khuỷu tay liền bắt đầu điều khiển con mồi đất. Điều khe khẽ giật cái dây buộc ở cẳng chân mồi đất. Con chim mù bị mất thăng bằng liền xòe nhẹ đôi cánh. Mấy lần như vậy đã làm cho con chim làng Già chú ý. Nó đang lượn một vòng tròn rộng trên trời, nay phát hiện mục tiêu,

liền khép nhỏ vòng tròn lại, rồi cuối cùng đậu ngay trên cây nhãn trong vườn. "Chú chim trời đã bắt mồi!". Ông Huyền thầm nghĩ. Lập tức ông phẩy tay thật nhanh ra hiệu cho con mồi trong lồng. Con chim quý tức khắc cất tiếng gáy thật hăng. Nó gáy bổ đôi:

Cúc cu; cúc cu; cúc cu...

Tiếng gáy rộn vang khu vườn. Tiếng gáy của con chim chiến binh sắp lâm trận. Tiếng gáy thách thức ấy làm cho con chim làng Già đậu trên cây nhãn tức khí đáp lại cũng bằng cái giọng bổ đôi: cúc cu, cúc cu. Âm sắc của tiếng gáy này cũng tức giận không kém. Tiếng gáy sát khí đằng đằng. Trong bầu trời yên tĩnh của làng Già, tiếng gáy đối địch của hai con chim trống vang rộn gấp gáp và căng thẳng. Con chim bản địa đã xù lông gáy đuổi, gáy đe dọa mà đối phương của nó vẫn không im tiếng. Thậm chí, con chim lồng còn gáy có phần hăng hơn. Đã đến giai đoạn quyết liệt, mất hết bình tĩnh. Con chim làng Già liền đập cánh bay sang cây xoan gần lưới hơn. Điều như đoán được ý con chim, thầm nghĩ: "Con này đã say mồi, đã bắt mồi hoàn toàn, nó đã hết tỉnh táo". Điều liền giật chân con mồi đất để con chim mù xòe cánh ra mấy lần. Thấy địch thủ xòe cánh như muốn dọa lại, con chim làng Già liền sà xuống sát mặt đất chừng như muốn thăm dò, song lại bay vút lên ngay đậu trên cây nhãn. Con này gớm thật! Vẫn chưa hết cảnh giác. Thấy vậy, ông Huyền lại ra lệnh cho con mồi lồng gáy vang. Lúc này, Điều nhớ đến lời ông nội dặn: "Không được sập lưới khi chim quay đít vào lưới; bởi vì khi nghe động, chim sẽ bay lên chạy trốn, nó sẽ không đâm đầu vào lưới. Chỉ khi nào chim đậu xuống đất, đầu quay vào lưới, lúc ấy giật bẫy cánh lưới vung lên chim sẽ rúc đầu

vào lưới". Chú bé cầu khẩn thầm trong lòng: "Mày bay sà xuống đi. Hãy quay đầu vào lưới...".

Con mồi đất lại tiếp tục xòe cánh. Con mồi lồng lại tiếp tục gáy vang. Tất cả những kích thích liên tục ấy làm cho con chim làng Già hoàn toàn điên tiết, hoàn toàn mụ mị, hoàn toàn mất cảnh giác. Lần thứ hai, nó lại vỗ cánh, lại sà xuống, lần này nó đậu thẳng xuống mặt đất và cắm đầu đi tới con mồi đất. Nó sầm sầm lao thẳng vào con chim mù vẫn đang nhún nhảy một cách vô hồn. Chính lúc đó, ông Huyền nhổm hẳn lên kéo mạnh cánh lưới. Cánh lưới từ bên phải lật sang bên trái. Con chim trời hoảng sợ cuống cuồng bay lên, nhưng than ôi! Nó đã lao đầu vào lưới. Con chim giãy giụa. Điều nhẹ nhàng tóm lấy rồi khẽ khàng gỡ ra. Nó reo:

- Ông nội chắc vui lắm. Nhà mình đã có lễ vật dâng lên Mẫu rồi.

2

Cụ đồ Tiết vui thật. Ông già định chính mình sẽ tự tay bắt con chim, song mấy hôm vừa qua, người cụ không được khỏe. Giao việc ấy cho con trai, ông cụ cứ canh cánh trong lòng, sợ ông Huyền đã lâu ngày không đánh chim sẽ làm hỏng việc. Ông già hơi có chút mê tín; ông cho rằng việc dâng lên Mẫu kỳ này là quan trọng; ông không muốn việc làm từ lúc bắt đầu đã trục trặc.

Hôm sau, thằng Điều nói với ông Huyền.

- Lạ thật chú ạ.

- Gì mà lạ?

- Chuyện đánh chim ấy. Chú cháu mình đi bẫy chim thế mà cũng được người ta chú ý.

- Ai?

- Ông lý Cỏn.

- Lão ấy bảo sao?

- Lão ấy nói: "Chú mày đánh chim cu cườm giỏi nhỉ. Tao tưởng lão ấy ở tỉnh Nam toàn đồng chiêm, không biết đánh chim gáy".

- Cháu trả lời ra sao? - Hơi có chút e ngại trong lời hỏi của ông Huyền.

- Cháu bảo: "Ở xứ ta, đâu chả có chim gáy. Chim gáy có ở khắp nơi. Mà đâu đã có chim là người ta đều biết bắt chim cả".

- Cháu trả lời giỏi lắm. Thế còn ai hỏi nữa?

- Còn một người nữa. Là ai chú có biết không? Là vợ ông lý Cỏn. Là bà Váy. Thế mới lạ chứ.

- Thế à. Bà Váy bảo sao?

Thằng Điều nhìn vào mắt ông chú. Nó nhìn đăm đăm rồi nói:

- Bà Váy bảo rằng ngày xưa ở làng Đình cũng có người đánh lưới chim gáy rất giỏi. Bây giờ lại có thêm ông Huyền.

- Thế hả? Thật không ngờ mình chỉ đi bắt chim trời thôi mà người ta cũng để ý.

Có chút tần ngần nào đó trong câu nói của ông Huyền. Điều nói khẽ:

- Ông nội nhà mình bảo rằng thú chơi chim gáy là thú

chơi tao nhã của người nhàn rỗi. Chú lại đóng vai là người nghèo khó lưu lạc nên ông Lý chú ý là phải.

Ông chú bảo cháu:

- Nếu có ai hỏi nữa thì cháu cứ nói rằng ngày xưa, đã có lúc chú tôi làm nghề đi bẫy chim kiếm sống.

*

* *

Người Cổ Đình chả mấy khi để chân tay nhàn rỗi. Ngoài việc đồng áng, họ còn kiếm thêm nhờ vào rừng. Ở bên này sông chỉ còn ít vạt rừng và đồi trọc. Còn ở bên kia sông, qua núi Đùng là đến rừng bạt ngàn. Dân vào rừng hái củi, săn bắn, đốn gỗ, lấy mộc nhĩ, nấm hương, v.v... Có những việc chuyên nghiệp, nhưng có những việc nhà nào cũng có thể làm được. Việc đào măng là loại việc của mọi nhà. Đến mùa măng, nhà nào cũng tranh thủ vào rừng. Được ít thì để nhà ăn. Được nhiều thì đem bán, hoặc xắt mỏng phơi khô dành kiếm món tiền tiêu tết.

Sắp hết mùa măng rồi. Sáng nay, ba bố con chú cháu nhà ông Huyền, mỗi người đeo một cái gùi trên lưng ra đi đào măng từ lúc gà gáy sớm. Phải đi sớm vì còn phải qua sông, và từ bên sông vào đến rừng tre nứa cũng phải đi mất hai tiếng nữa. Qua núi Đùng, Điều và Nhụ khỏe chân hơn nên vượt lên trước rồi biến vào rừng. Thằng Điều tính háo thắng. Nó muốn khoe với Nhụ. Nó bảo rằng sẽ dẫn Nhụ đến một cánh rừng mà măng rất nhiều vì ở đấy đất tốt. Hơi phải đi xa một chút nhưng đào dễ hơn. Ông Huyền bảo: "Các con cứ đi. Chú lấy măng ở khu rừng gần. Ít măng nhưng cũng đủ lấy". Cái Nhụ cứ muốn bố cùng đi với hai đứa nó. Thằng Điều kéo phăng nó đi trước rồi bảo:

- Cậu dở hơi hay sao. Ông không theo chúng mình đâu.

- Sao?

- Còn sao nữa? Cậu biết không, ông già còn chờ đấy.

- Chờ ai?

Thằng Điều bảo cái Nhụ ngoái đầu quay lại nhìn. Thì ra ở phía xa xa, bà Váy chị và Váy em cũng đeo gùi vào rừng.

Bà Váy chị và bà Váy em đã vượt lên đi ngang ông Huyền. Ông nhanh miệng.

- Chào bà Lý. Hôm nay bác cũng đi đào măng sao?

- Chào ông. Tôi đi hái nấm.

- Tôi tưởng nấm phải hái vào mùa xuân chứ ạ?

Bà Váy em cười khó hiểu:

- Ông Huyền ở xứ đồng chiêm đến mà cũng thạo về nấm sao?

- Tôi có biết gì về nấm đâu. Chẳng qua có thời phải lưu lạc lên rừng, nghe người ta bảo thế mà.

Bà Váy chị tức bà lý Cỏn, thấy cái giọng nói có vẻ lúng túng của Huyền, vội đỡ lời:

- Đúng là phải vào mùa xuân. Nhưng tôi đi hái nấm trái vụ ông ạ!

Bà Váy em thì cứ nhìn chòng chọc vào khuôn mặt quái gở đầy sẹo của Huyền rồi hỏi với vẻ ráo riết:

- Tôi nghe nói ông đánh chim gáy rất giỏi.

- Giỏi gì đâu. May mà bắt được đấy thôi. Công của thằng cháu tôi đấy. Cái thằng Điều nhà tôi khéo léo lắm.

- Con chim gáy làng Già gáy rất hay. Ông lý Cỏn cũng đã mấy lần giăng bẫy mà không bắt được. Có phải không chị lý Cỏn. Thế mà ông chỉ giăng bẫy một lần đã bắt được

ngay. Xem chừng ông đã đi bẫy chim từ ngày xửa ngày xưa lúc hãy còn bé có phải không?

Ông Huyền một lần nữa lại lúng túng.

- Tôi mới đi bẫy vài lần. Tôi đã nói gặp may mà.

- Gặp may! Ông nói gặp may tôi chả tin.

Vừa nói, bà Váy em vừa cười mỉm. Bà Váy chị phải nhíu mày:

- Sao cô cứ nhiễu sự mãi thế?

Bà Váy em bỗng cười to, định nói gì đó song lại thôi. Cũng lúc đó họ đến một ngã ba. Váy em bảo:

- Em đi lối này. Còn chị và bác Huyền đi lối kia.

- Sao lại thế? - Huyền hỏi.

Bà Váy em trả lời:

- Vì lối đó chị tôi lên mỏ nấm. Ở đó cũng có rừng tre. - Bà Váy em lại tiếp tục cười nói với chị. - Chị Lý dẫn bác ấy đi khéo nhá. Kẻo rồi lại lạc lối.

Bà lý Cỏn hình như hơi đỏ mặt. Nhưng rồi hai người cũng tuân theo bà Váy em đi cùng một ngả. Huyền im lặng một lúc lâu mới hỏi:

- Tại sao gọi là mỏ? Nấm mọc trên cây cơ mà.

- Gọi là mỏ vì ở đấy nhiều nấm.

Hình như ông Huyền đã biết bà Váy chị trả lời mình thế nào. Biết nhưng ông cũng cứ hỏi vì ông đang sống lại những kỷ niệm xưa.

- Ở đây có nhiều mỏ nấm lắm sao?

- Không, chỉ có một thôi. Chẳng là ông cụ đẻ ra tôi ngày xưa vẫn được người dân gọi là "thần rừng", bởi vì ông cụ thuộc vùng rừng này như thuộc lòng bàn tay. Lại giỏi đi tìm các loại "nấm thơm". Nấm hương bán rất được

tiền. Cụ mày mò gây được giống nấm hương, cho mọc trên gỗ mục. Không phải trên gỗ nào nấm thơm cũng mọc được đâu. Nấm hương chỉ mọc trên gỗ sồi, gỗ gie và đặc biệt có một loài cây mà nấm mọc trên đó rất thơm. Thầy tôi gọi tên cây đó là cây côm. Lại phải để gỗ ở một chỗ, vừa ẩm, vừa mát có tán cây, lại có chút ánh sáng nấm mới mọc. Chỗ ấy, thầy tôi chỉ nói cho riêng tôi biết thôi. Thế mới gọi là mỏ nấm.

- Hay nhỉ! - Ông Huyền nói.

Bà Váy nhìn vào mắt ông hỏi:

- Ông chưa nghe chuyện lấy nấm bao giờ ư?

- Bây giờ tôi mới nghe lần đầu. Nhưng tôi nghe nói nấm chỉ lấy vào mùa xuân.

- Thầy tôi cũng có cách gây nấm trái mùa. Mọc không nhiều lắm, nhưng cũng lấy được chút ít. - Bỗng nhiên bà thở dài và nói. - Không hiểu sao mấy đêm nay tôi khó ngủ và cứ thấy thèm ăn canh nấm.

- Sao bà không sai lũ trẻ con đi hái?

- Trong đám con, tôi chỉ bảo cho thằng lớn biết mỏ nấm, mà thằng lớn lại lên tỉnh học.

Bà Váy nói đến đây bỗng lặng im, nhìn ông Huyền rồi mới nói tiếp:

- Lạ thật! Mỗi đứa con một tính. Từ đứa thứ hai trở đi, không đứa nào thích rừng. Chỉ riêng thằng lớn khác hẳn. Nó thích vào rừng. Có lẽ nó giống tính ông ngoại nó.

Bà nhìn Huyền và im lặng.

Hai người đã đến một con suối. Huyền vô ý cứ đi trước bà Váy. Đến đây, ông mới chợt nhớ đến vai trò của mình, ông vội lùi lại sau và hỏi:

- Bà dẫn đường đi. Sắp đến chưa?

Người đàn bà hỏi lại:

- Theo ông thì đã đến chưa?

- Làm sao tôi biết được.

Người đàn bà chợt nhìn thẳng vào mắt ông rồi nói:

- Tài thật! Cứ đi quanh đi quẩn mãi. Thế mà đã đến rồi đó. Mỏ nấm ở bên con suối này. Không hiểu sao chỉ ở gần con suối này nấm thơm mới mọc tốt. Ngày xưa thầy tôi cứ chặt những khúc gỗ, băm trên thân gỗ ít nhát dao, rồi giấu chúng ở những nơi nửa tối nửa sáng, ở những chỗ kín đáo gần suối... Sát những cái tai nấm hương lên gỗ. Sau đó, chờ lúc mưa phùn... Thế là được nấm.

Ông Huyền đang rửa tay chân dưới suối, người đàn bà trèo lên một quả núi đá sát đấy, bắc tay gọi ông lên, ông hỏi:

- Chỗ ấy nhiều nấm hay sao?

Ông lấy dao phạt cây dại, tạo thành một lối đi dẫn đến chỗ người đàn bà. Ông thấy một tảng đá to cao quá đầu người che khuất một hang đá. Hình như bước chân ông ngần ngừ, nhưng người đàn bà đã dẫn ông vào cửa hang và lại hỏi:

- Ông thấy chỗ này thế nào?

Ông Huyền đưa mắt nhìn cái hang đá rộng chừng ba gian nhà. Nó như một mái che nhô ra. Cửa hang hơi rộng có hai ngách tỏa sang hai bên. Trên trần hang, những nhũ đá trắng thả xuống. Hang có chỗ cao chỗ thấp, chỗ khô, chỗ ẩm. Có cả một vũng nhỏ đầy nước ở một góc hang. Ông trả lời:

- Hang đẹp lắm!

Người đàn bà, lúc này, đứng trước mặt ông, nhìn thẳng vào mắt ông và hỏi bằng câu hỏi rất khó hiểu:

- Tôi muốn hỏi nó lạ hay quen?

Ông chưa biết trả lời ra sao thì người đàn bà đã nói:

- Ông lại định chối chứ gì. Thôi ông đừng giả vờ nữa. Nhìn thấy ông, lúc đầu tôi còn ngờ ngợ. Ông định lấy cái khuôn mặt đầy sẹo kia mà giấu nổi tôi sao.

- Kìa bà... bà nói gì vậy?

- Ông là ông Phác. Có đúng không?

- Tôi... Tôi là Huyền. Bà lầm rồi.

- Ai lầm? Tôi lầm hay ông giả vờ quên? Cái hôm cắt cỏ ở núi Đùng, tôi về ngẫm nghĩ và đã nhận ra nửa phần. Ở làng Đình ai là người đánh chim giỏi nhất? Chắc chắn đó là anh hai Phác. Rồi cái mỏ nấm bên bờ suối nữa. Thầy tôi bảo tôi không được nói với ai, trừ phi sau này lấy chồng, đẻ con. Thế mà ngày xưa, tôi đã nói với anh. Lúc đi trong rừng, anh đi trước, anh giả vờ quặt sang chỗ nọ chỗ kia, nhưng cuối cùng anh đã đi đến con suối. Tôi đi đằng sau, mặc cho anh giả vờ giả vẫn. Tôi biết, cuối cùng thế nào anh cũng dẫn tôi đến nơi đó. Quả vậy, một người lạ mới đến làng Đình, hỏi có biết được đường ngang lối dọc trong rừng không? Anh còn chối được nữa không? Hay anh là kẻ bạc tình? Phải, anh đánh lừa tôi từ lúc tôi còn trẻ dại. Anh bảo tôi rằng anh sẽ về, sẽ lấy tôi... Thế mà... anh mặc tôi... anh không về nữa.

Trịnh Huyền càng lúc càng lúng túng. Anh chẳng còn biết nói thế nào cho phải. Còn người đàn bà thì bỗng dưng khóc tức tưởi.

- Tôi nghĩ mà cực cho thân tôi. Anh là kẻ bạc tình, đúng vậy. Còn cái hang đá này nữa. Ai là người đã dẫn

- Bà dẫn đường đi. Sắp đến chưa?

Người đàn bà hỏi lại:

- Theo ông thì đã đến chưa?

- Làm sao tôi biết được.

Người đàn bà chợt nhìn thẳng vào mắt ông rồi nói:

- Tài thật! Cứ đi quanh đi quẩn mãi. Thế mà đã đến rồi đó. Mỏ nấm ở bên con suối này. Không hiểu sao chỉ ở gần con suối này nấm thơm mới mọc tốt. Ngày xưa thầy tôi cứ chặt những khúc gỗ, băm trên thân gỗ ít nhát dao, rồi giấu chúng ở những nơi nửa tối nửa sáng, ở những chỗ kín đáo gần suối... Sát những cái tai nấm hương lên gỗ. Sau đó, chờ lúc mưa phùn... Thế là được nấm.

Ông Huyền đang rửa tay chân dưới suối, người đàn bà trèo lên một quả núi đá sát đấy, bắc tay gọi ông lên, ông hỏi:

- Chỗ ấy nhiều nấm hay sao?

Ông lấy dao phạt cây dại, tạo thành một lối đi dẫn đến chỗ người đàn bà. Ông thấy một tảng đá to cao quá đầu người che khuất một hang đá. Hình như bước chân ông ngần ngừ, nhưng người đàn bà đã dẫn ông vào cửa hang và lại hỏi:

- Ông thấy chỗ này thế nào?

Ông Huyền đưa mắt nhìn cái hang đá rộng chừng ba gian nhà. Nó như một mái che nhô ra. Cửa hang hơi rộng có hai ngách tỏa sang hai bên. Trên trần hang, những nhũ đá trắng thả xuống. Hang có chỗ cao chỗ thấp, chỗ khô, chỗ ẩm. Có cả một vũng nhỏ đầy nước ở một góc hang. Ông trả lời:

- Hang đẹp lắm!

tôi lên đây. Điều này chắc anh cũng quên nốt. Ai là người đã tin tưởng anh, trao cả đời con gái cho anh? Hôm ấy, anh đánh được chim ngói. Rồi anh bắt tôi hái nấm, nấu canh cho anh ăn. Anh còn nhớ hay anh đã quên?

Người đàn bà lúc này đến sát bên người Trịnh Huyền. Ông đứng đực ra, miệng không nói nổi nên lời. Người đàn bà lật mớ tóc bên tai ông, để lộ ra cái tai bị rách.

- Còn cái tai này nữa. Cái tai này thì chắc rằng anh không thể nào quên. Vì điều này, chỉ có anh biết, chỉ có tôi biết. Thế nào? Có phải đúng anh là kẻ bạc tình không?

Huyền không nói một lời, vội ôm lấy người đàn bà đang khóc như mưa như gió bên vai anh. Huyền chỉ còn biết van nài.

- Mình ơi! Cho tôi xin. Mình phải hiểu cho tôi. Tôi làm sao quên được chuyện ngày xưa. Nhưng cái số tôi nó phải như thế. Tôi chẳng biết phải làm thế nào để tạ tội với mình... Chắc mình biết, tôi không thể để lộ cho mọi người biết tôi là anh Phác ngày xưa... Còn như với mình tôi chỉ biết xin tạ tội.

Tạ tội ư? Người đàn bà đa tình kia dễ dàng tha thứ cho anh lắm chứ. Bao nhiêu năm làm bà ba của ông lý Cỏn nhưng có khi nào bà quên được những phút đằm thắm của thời con gái. Những phút ấy, chỉ có một người, một người duy nhất có thể đem lại cho bà hạnh phúc. Cái người duy nhất ấy chắc chắn là anh Phác ngày xưa và ông Trịnh Huyền hôm nay. Những phút ân ái đầu đời. Những phút "trải ổ" mà Phác đã nâng niu bà, đã đem lại cho bà những ngọt bùi, mà sau này ông lý Cỏn không thể bao giờ đem lại cho bà được. Càng gần lý Cỏn bà càng nhớ nhung ngày xưa. Lý Cỏn khác hẳn, không thể nào so sánh nổi với người đàn ông của bà thời con gái.

Đến hôm nay, hai người sống lại những ngày xưa kỳ diệu ấy. Ở trong hang, ở một góc khô ráo, đã có sẵn một ổ lá cây rừng. Có thể một kẻ đi rừng nào đó đã làm ra để qua đêm. Trên cái ổ lá rừng thật êm ấy, hai người bạn tình gần hai chục năm trời xa cách đã gặp lại nhau. Họ trao cho nhau cả mấy chục năm nhớ thương, mấy chục năm buồn tủi, chờ đợi mà họ tưởng như tuyệt vọng, chẳng khi nào tìm lại được những bóng dáng ngày xưa. Thế mà, lúc này, ngỡ như một giấc mơ kỳ diệu, họ đang quấn quýt lấy nhau. Người đàn bà mới ba mươi lăm tuổi, cái tuổi đẹp đẽ nhất của đời người, cái tuổi của thứ quả chín đến độ, nó ngọt ngào lạ thường. Thứ quả chín mọng, hoặc cũng có thể nói, thứ hoa thơm ngát mãn khai; chỉ có thứ quả ấy, hoa ấy mới có thể biết sẵn sàng dâng hiến và đón nhận.

Hổn hển... đắm đuối... họ bám chặt lấy nhau, cứ như thể sợ lại đánh mất một lần nữa cái thứ quý báu mà mấy chục năm trời qua, số phận đã cướp mất của họ. Song, chỉ một lát sau, người đàn ông đã bất giác rùng mình. Hắn không thể làm chủ được mình. Người đàn bà chợt ngơ ngác:

- Mình làm sao vậy?

Người đàn bà như sợ hãi, có vương chút thất vọng.

- Hay là... hay là...

Gã đàn ông im không trả lời. Người đàn bà thoáng lo lắng, hình như nghĩ đến sự tàn phá của thời gian. Lúc ấy, người đàn ông mới nhủ khẽ vào tai người đàn bà:

- Chẳng sao đâu. Mình cứ yên tâm.

Có lẽ sự đợi chờ dài dằng dặc phải có chút lo lắng như vậy để cho hạnh phúc được trọn vẹn hơn. Có lẽ nỗi nhớ thương đằng đẵng tháng năm đã đoái thương, phù trợ

họ, đền bù cho họ, đã ban tặng cho họ những ân sủng thêm một lần nữa. Cái ân sủng nhịp nhàng, ngọt ngào mà họ chưa từng gặp. Đó là tiếng ân ái của những cây thạch nhũ lóng lánh lạ lùng, vang âm lạ lùng. Những cây thạch nhũ rủ từ trên cao xuống, thả những giọt ân tình lên một thứ trống cũng là thạch nhũ trắng toát, để cuối cùng phát ra những âm thanh thoang thoảng ngân nga, giống như những tiếng thì thầm quyến rũ, những tiếng thì thầm hay những khúc đàn mơ hồ mà họ ước ao chúng đừng bao giờ dứt.

Chợt có một thoảng hương lan tỏa. Phải chăng mùi hương ấy tỏa ra từ người đàn bà đa tình. Hay đó là thứ hương thơm dịu của một cây gỗ nấm nào đó bên bờ suối mà ông thần rừng, người cha của rừng, đã thổi vào hang để chúc phúc cho cô con gái.

3

Julien Messmer là con trai thứ ba trong gia đình Messmer. Khi người anh cả là Philippe chết, người em Pierre lên thay anh quản lý đồn điền. Pierre là họa sĩ, ông không biết gì về làm ăn. May thay lúc đó có quản Liến rất rành công việc. Quản Liến vốn người trung thực, tận tụy nên công việc đồn điền vẫn tiến triển đều đều. Khi ấy, người em út Julien còn ở trong quân ngũ. Julien phải hành quân liên miên trong những trận truy quét nghĩa quân Đề Thám. Khi đưa tang ông anh

Philippe, Julien cũng không về dự được. Mãi mấy năm sau, khi quản Liến nghỉ việc ra với con ngoài Hà Nội, lúc ấy bắt buộc Julien phải rời quân ngũ về trông coi đồn điền bởi vì ông anh Pierre nghệ sĩ rất lúng túng, viết thư cho ông em bắt phải về nếu không đồn điền sẽ tan rã.

Julien được học hành cẩn thận hơn hai người anh, tốt nghiệp trường sĩ quan Saint Cyr. Sang Đông Dương, Julien rất năng nổ nên khi về mang hàm đại úy. Julien nhìn Đông Dương khác hẳn hai ông anh. Julien đánh giá ông anh cả là cổ lỗ. Đó là con người thuộc lớp người chinh phục, lớp người tiên phong cho sự bành trướng của nước Pháp. Lớp người xưa đó hào hứng, táo bạo, phiêu lưu nhưng còn gắn nhiều với nếp cũ. Ví dụ Philippe là một người ngoan đạo, rất có ý thức dựa vào nhà thờ. Về điều này, thế hệ Julien quan niệm khác hẳn. Ông cho rằng thời kỳ nhà thờ đóng góp vào việc tạo dựng thuộc địa đã qua rồi. Bây giờ phải tách hẳn việc dạo ra khỏi việc đời. Việc Philippe lấy bà Mùi, Julien cũng thấy không được. Người đàn bà bản xứ có cái hấp dẫn riêng, điều ấy Julien công nhận. Nhưng vui chơi với họ thì được, còn lấy họ thì không nên. Bởi vì họ thuộc về một giống nòi khác hẳn. Không nên có sự pha trộn giữa hai dòng máu. Đối với ông anh thứ hai, Julien nhìn với con mắt bao dung. Ông cho rằng những người nghệ sĩ Pháp sang Đông Dương đều là những đứa trẻ mang hình hài người lớn. Họ chẳng làm điều gì để phát triển thuộc địa. Ở chính quốc, người ta gọi họ là những con người lãng mạn, hơi rồ một chút. Họ vô hại, dễ thương nhưng vô tích sự. Cũng nên trân trọng họ, bởi vì họ là những thứ trang trí cho đời sống thuộc địa.

Julien là con người hoàn toàn thực tế. Ông sòng phẳng dứt khoát. Ông nói rằng: "Có những dân tộc sinh ra trên trái đất này để thống trị, và cũng có những dân tộc sinh ra để bị trị. Lịch sử là cuộc vật lộn khốc liệt giữa các dân tộc. Dân tộc nào yếu hèn, dân tộc ấy sẽ phải ở vị trí mà họ xứng đáng. Lịch sử loài người mãi mãi như vậy".

Người giúp việc đắc lực, cánh tay phải của Julien lúc này là quản Láu, con trai quản Liến. Người cha rời bỏ công việc, truyền lại cho người con. Gọi quản Láu không phải vì hắn đóng chức quản trong quân đội, mà chỉ là cách gọi tắt của chức quản lý. Thời Philippe làm chủ đồn điền, chưa có gái tơ, đến thời Julien lũ trẻ con của nông dân đồn điền đã lớn thành gái choai choai khá đông. Quản Láu cũng như ông bố trước đây lại làm thêm công việc dắt gái cho ông chủ Julien.

Vùng Cổ Đình, về mặt quân sự, là một vị trí chiến lược. Ở đó có thể làm bàn đạp lên Tây Bắc, xuống đồng bằng, hoặc sang bên kia sông Hồng. Do vậy, Julien xin với trên cho một đồn binh cạnh đồn điền. Julien là một sĩ quan nhạy bén cả về chính trị. Hắn đã tham gia tiễu trừ Đề Thám nên có nhiều kinh nghiệm mà hắn gọi là chống phiến loạn. Julien muốn vùng mình ở phải tuyệt đối an toàn. Đừng tưởng hắn thích gái tơ, sống phóng túng, có nghĩa là hắn mất cảnh giác đâu. Không! Hắn là người biết để ý đến những biến đổi dù nhỏ xảy ra trong đồn điền, và cả ở các làng lân cận. Tai mắt của hắn là Láu, là lý Cỏn, là tiên chỉ Nhậm và còn là những người vô danh không lộ mặt nữa. Bởi thế hắn để ý tới Trịnh Huyền. Một bận, hắn hỏi lý Cỏn:

- Trịnh Huyền mới đến làng ta là ai vậy?

- Anh ta đã đến trình tại nhà tôi. Ông cụ đồ Tiết dẫn đến. Ông cụ bảo Huyền ở dưới Nam lên. Hắn ta vốn con một ông cung văn dưới đó.

- Ông đồ Tiết quan hệ với ông lý thế nào?

- Ông cụ là thầy dạy học tôi thuở bé.

- Chính vì vậy, ông càng cần phải để ý tới Trịnh Huyền.

- Tôi đã xem xét kỹ lưỡng. Theo thẻ thuế thân, đúng anh ta ở Sơn Nam. Giọng nói đúng người ở mạn dưới lên. Chỉ có điều...

- Điều gì?

- Điều... ông cụ Tiết đối xử với hai cha con nhà Huyền khá thân thiết. Thân thiết quá mức...

- Đó là chỗ đáng ngờ... Ông thử nghĩ xem: Nhà đồ Tiết là nhà phiến loạn; Đinh Văn Chất đã bị chết; song còn Đinh Văn Phác... Anh ta đã chết hay chưa?

- Kể cũng lạ... Tôi cũng nghĩ mãi... Tên Huyền này nói có nghề cung văn. Còn cụ Tiết là ông đồ nho. Nhà họ Đinh từ xưa không ai theo nghề hát xướng. Nhà nho rất ghét "xướng ca vô loài".

*

* *

Chính vì sự nghi ngờ của Julien, hôm nay, trên hồ Huyền có con thuyền bơi lên đền Mẫu.

Hồ Huyền là hồ nước lớn, rộng đều vài trăm mẫu. Có chín con suối từ các đồi, các cánh rừng đổ xuống lòng hồ. Người ta bảo xưa kia hồ không lớn bằng ngày nay. Đến đời vua Minh Mạng, một ông quan đi xem xét, thấy có một khe to ở cuối hồ làm nước bên trong bị thoát đi một cách vô ích. Viên quan bèn sai lấp khe, giữ nước lại tưới

cho ruộng làng Cổ Đình và vùng lân cận. Hồ có đoạn ăn thông với dòng sông Son; tùy mùa, có lúc nước sông chảy vào, có lúc ngược lại.

Sáng hôm rằm, gia đình cụ Tiết mang oản nải, một thúng xôi vò, một nồi chè đường xuống thuyền bơi lên núi Mẫu. Làm lễ ngày rằm ở núi Mẫu là cái mẹo của cụ Tiết. Làm như thế cốt để tránh sự nhòm ngó của Julien, chủ đồn điền. Julien rất ngọt ngào với dân, nhưng đánh hơi rất tinh khi một mầm mống phản loạn xuất hiện trong vùng. Chính vì vậy nên hôm nay cụ Tiết mang con cháu và mời họ hàng làng xóm lên làm lễ ở đền Mẫu.

Đền Mẫu, từ khi có bà tổ cô lên ở, đã hết cảnh hương lạnh khói tàn. Chùa làng sụp đổ. Sư chùa làng qua đời. Quản Boong đổi đạo. Ông hộ Hiếu thì điên điên khùng khùng. Chùa làng là nơi các bà các chị đến hương khói mong tìm được niềm an ủi trong kiếp nhân sinh đầy bất trắc, tủi buồn. Không còn chùa người dân tìm đến đền Mẫu. Người nọ bảo người kia, càng ngày đền Mẫu càng đông. Ngày rằm, người ta bơi thuyền trên sông Son đến đền Mẫu, nô nức như những người con tìm về thăm mẹ. Rồi lại có thêm bà Mùi lên ở với cụ tổ cô. Cụ tổ cô đã già quá rồi. Có bà Mùi còn mạnh chân khỏe tay, đền Mẫu càng có nhiều điều kiện mở rộng cửa tiếp khách thập phương. Chẳng cứ những ngày lễ, ngày thường bà Mùi cũng mở cửa đền cho mọi người đến. Cụ đồ Tiết mấy hôm trước đã thưa với làng xóm:

- Cháu Trịnh Huyền là cháu đằng ngoại nhà chúng tôi. Gia đình ở tỉnh Nam vốn theo đạo Mẫu. Ở dưới ấy, cũng có điện thờ riêng tại gia. Nay, cháu lên đây làm ăn, biết đền Mẫu làng ta là chốn linh thiêng, nên nó cũng

muốn đến ăn mày cửa Mẫu. Ngày rằm, cháu làm lễ ra mắt và dâng phẩm vật lên đức thánh Mẫu tại đền.

Ngày hôm ấy cả gia đình cụ Tiết xuống thuyền tới đền Mẫu.

Nước hồ xanh ngăn ngắt. Nhụ ôm cái lồng chim ngắm nhìn phong cảnh đẹp như tranh. Phía bên phải hồ và sông Son là vùng đồi thấp cùng những thung lũng, cánh đồng. Nơi đấy có làng Cổ Đình, đồn điền Messmer và những làng mạc khác. Phía bên phải sông hồ là những rặng núi nhấp nhô thấp cao, trùng trùng điệp điệp, toàn bộ bao phủ bởi những cánh rừng.

Thuyền bơi nhẹ nhàng, lướt nhanh trên mặt hồ biếc. Sớm nay không có gió, mặt hồ lặng tờ, chỉ có sóng lăn tăn nên bơi thuyền rất nhẹ. Thuyền bơi ngang qua đảo Chim, một hòn đảo nhỏ, nơi đó trú ngụ đủ cò, vạc, giang, sếu. Chúng kêu vang ríu rít. Đến ngã ba, nơi gặp gỡ giữa sông Son và hồ Huyền. Mùa này hồ còn đầy, nước bên trong chảy ra sông. Tới chỗ hợp lưu, con sông Son bên đục bên trong. Một bên xanh thẫm, một bên đỏ hồng. Trông dòng nước thật lạ và đẹp.

Vì lên đền Mẫu thuyền phải ngược dòng, nên tới đây phải hai người chèo đò, một ở mũi, một ở lái. Cu Điều đứng đằng mũi. Cu cậu đang đông sức nên chèo đò chẳng biết mệt. Nó còn khoái chí hát hỏng. Cái giọng mới vỡ của nó cất lên ồ ồ ngân nga.

Đục trong nước chảy đôi dòng.
Anh xuôi Cổ Đình em có muốn theo?

Một cô gái choai choai cắt cỏ bên sông đáp lại:

Cổ Đình hồ nước trong veo.
Sợ gì trong, đục mà chẳng theo anh về.

Cái Nhụ nguýt dài: "Rõ nỡm". Còn mọi người cười ran. Cụ đồ Tiết mỉm cười, vuốt râu. Ông già liếc nhìn cái dáng vạm vỡ của thằng cháu đích tôn, rồi lại nhìn cái dáng thon thả của Nhụ. Cô gái vẫn lặng im ngồi ôm cái lồng chim, hết nhìn trời lại nhìn nước. Dòng sông đỏ phù sa vỗ oàm oạp vào mạn con thuyền đang rẽ sóng tiến lên. Nó tạo thành một vết nước dài trắng xóa, trông như một con rắn trắng đang bơi trên dòng sông màu đỏ. Cu Điều mặc bộ quần áo nâu sẫm, trên đầu bịt chiếc khăn đỏ. Dáng cậu trai tơ vạm vỡ đứng vươn cao ở mũi thuyền lại càng làm cho Nhụ liên tưởng đến cái mào đỏ của con rắn trắng. Nhớ hôm nào Điều kể cho cô nghe chuyện đôi rắn thần ở gốc cây đa. Điều bảo rằng đôi rắn trắng huyền thoại, đôi "ngựa ngài" thỉnh thoảng lại từ gốc đa xuống hồ thuyền. Các ngài ngụp lặn tung tăng thỏa thích trên hồ rồi theo sông bơi lên núi Mẫu. Điều còn bảo đôi rắn lên đền Mẫu vì thực ra chúng là ngựa ngự của Mẫu thượng ngàn...

Nhụ đang mải suy nghĩ mung lung, chợt thấy con chim trong lồng giãy giụa. Nhụ hé mở tấm lụa ra nhìn. Đôi mắt lóng lánh của con chim gáy cứ chăm chăm nhìn Nhụ như muốn hỏi. Hình như đôi mắt trong veo kia như muốn chất vấn: "Đưa tôi đi đâu thế này?". Nhụ vỗ nhẹ vào chiếc lồng son như để an ủi con chim trời, như để trả lời nói bằng những ý nghĩ thầm thì trong tâm tưởng: "Chim ơi! Em đừng sợ. Ông nội đã nói với chị rồi. Ta mang chim lên đền để em được hầu hạ Thánh Mẫu. Làm lễ xong, ông nội sẽ gõ ba tiếng trống. Cha ta thì đánh đàn, còn ta sẽ hát bài hát dâng. Sau ba tuần hương, ông nội bước ra hiên, mở chiếc lồng son. Chim sẽ bay lên cây táo của cô Bé Suối, hoặc đậu trên cây sung cô Chín đền

Sòng. Cô Bé rất khéo dạy muông thú: Cô dạy voi kéo gỗ, dạy công múa xòe, dạy chim bách thanh hót đủ trăm giọng. Cô sẽ dạy cho chim cu cườm gáy vang rừng, để muôn loài nghe tiếng gáy của em đều ngẩn ngơ như bị bắt mất hồn. Em sẽ tự do bay nhảy, tha hồ làm tổ trên cây, sẽ ngày đêm hầu hạ bên Thánh Mẫu".

Đắm vào suy nghĩ, con thuyền đã cập bến lúc nào chẳng hay. Mọi người lên bờ. Núi Mẫu chỉ cách bến chừng vài trăm mét. Núi Mẫu không cao lắm, chỉ khoảng hơn trăm mét. Đó là quả núi lẫn đất và đá. Trên núi cây rừng um tùm. Đền Mẫu nằm trên đỉnh núi. Cổng đền chỉ đơn giản là hai trụ gạch cao. Qua cổng đến lối lên dốc. Người ta xếp đá thành những bậc dẫn lên đỉnh núi. Đặc biệt trên đầu lối đi là một vòm cuốn toàn lá. Người Cổ Đình khéo léo trồng hai bên hai hàng cây ô rô, rồi vít những cành cao lại giao nhau để tạo thành thứ vòm xanh thiên nhiên. Lối đi trong vòm mát rượi. Nắng rọi qua vòm lá, đổ những vệt vàng lốm đốm trên những bậc đá. Lên đến lưng chừng núi mới hết con đường vòm. Đến đây bậc đá vắt qua một rừng thông. Hết rừng thông đến rừng trám. Hết rừng trám ta kết thúc đường hành hương.

Ngôi đền Mẫu hiện ra uy nghi, ngói phủ rêu phong, nằm chính giữa đỉnh núi, giữa những cây giẻ. Một cây ngọc lan cổ thụ ở đầu hồi bên phải tỏa hương thơm ngát. Nhụ không vào nhà chính điện vội, cô đến thăm bà tổ cô. Cụ già vẫn còn minh mẫn. Cụ ngồi trên chiếc ghế mây có tay vịn đặt trên chiếu. Tóc trắng như bông buộc gọn sau gáy. Đôi mắt sáng, hau háu nhìn cô bé. Đôi mắt vẫn tươi như còn thoáng đọng lại những nét đẹp của thời xa xưa. Nhụ quỳ trên chiếu chắp tay cúi lạy:

- Con xin chào tổ.

Bà cụ già cười bằng cái miệng móm mém chẳng còn răng:

- Ta nhớ rồi. Hôm xưa, con đã hát cho ta nghe.

- Thưa tổ vâng ạ. Hôm nay con đến dâng lễ vật lên đức Thánh Mẫu.

Bà cụ gật đầu rồi dặn:

- Hôm nay con hát hầu thánh. Phải hát cho thật hay. Rồi chợt mắt cụ nhìn con chim gáy trong lồng. Cụ vẫy tay với con chim và nói:

- Con nhớ để cái lồng sát vào hộc thờ, chỗ có bức tranh ông hổ ấy. Con đã nhớ chưa?

Nhụ ngớ ra không hiểu cụ tổ muốn nói gì. Bà Mùi lúc ấy cũng có mặt, liền đỡ lời:

- Thưa Tổ. Con sẽ bảo cháu làm đúng lời tổ.

Còn Nhụ, cô chỉ biết gật đầu trước cụ già đại thọ, con người cô vừa yêu mến vừa sợ hãi. Ở con mắt cụ như toát ra một ánh sáng kỳ bí nhiệm màu mà với độ tuổi như cô làm sao hiểu nổi.

Nhụ đi qua chiếc sân rộng, leo lên ba bậc thềm vào gian chính điện. Cô sững người ngắm nghía tòa thánh điện lộng lẫy. Trên ban thờ hậu cung cao vót là tượng thánh Mẫu sơn son thiếp vàng phủ khăn đỏ. Phía dưới là hương án trên bầy đỉnh, bát hương to và hai giá nến. Ngoài cùng là chiếc bàn xây bằng gạch, có vòm cuốn đỡ bên dưới. Ở tận cùng vòm cuốn là bức phù điêu hắc hổ, một bức tranh sơn khắc. Ngồi trên bệ hầu trước điện nhìn vào, ta tưởng như ông hắc hổ đang ngồi trong hang để bảo vệ cho thánh Mẫu. Bà Mùi vẫy Nhụ lại, cầm lấy lồng chim đặt sát vào hang và nói:

- Lúc nãy cụ tổ dặn con đặt chiếc lồng chim vào chỗ này. Bây giờ con đã hiểu chưa?

- Con hiểu.

Nhụ trả lời, song thực ra cô cũng chẳng hiểu tại sao phải đặt chiếc lồng chim vào chỗ đó.

Rực rỡ và uy nghi nhất là hai chiếc dầm vượt trên cao. Ở mọi nhà, hai chiếc dầm vượt thường để bám bụi bặm. Riêng ở đây, chúng bóng lộn, chứng tỏ thường xuyên được lau chùi. Sở dĩ như thế, vì nằm bên hai cây gỗ dài ấy, có hai con rắn trắng bằng vải, to như cổ tay, mào đỏ, uốn khúc như hai con rồng bám vào gỗ. Đó là hai chú "ngựa ngài" đứng hai bên nhìn vào hậu điện chầu Thánh Mẫu. Các chú vừa là vệ sĩ vừa là ngựa cưỡi của các vị thánh. Ở hai phía tả hữu và bên trên bệ hầu, còn treo những chiếc nón chóp, nón thúng và những lẵng hoa. Những chiếc nón được giắt hạt cườm và những chiếc kính nhỏ xíu. Phía dưới nón là những quai thao, tua vàng, tua đỏ rủ xuống theo gió phất phơ. Bà Mùi thắp hết đèn nến. Những chiếc nón chợt óng ánh lộng lẫy.

Có hai bức tranh lớn được vẽ lên tường. Bên trái là tranh ngũ hổ. Bên phải là tranh Thánh Mẫu. Nhụ rất thích bức thứ hai này. Mẫu đang ngự trên chiếc võng điều được chăng giữa cây táo và cây sung. Chim họa mi đậu trên vai Mẫu. Trên cành sung phía bên phải, con vượn nhỏ nghịch ngợm đánh đu. Mười hai cô nàng đứng hầu. Cô cầm quạt, cô cầm hương, cô đánh đàn, cô cầm khay cầm chén... Phía dưới bức tranh là cảnh núi rừng bao la. Và trên rừng là một đôi hài đang bay. Thật đúng như sự tưởng tượng của Nhụ về Thánh Mẫu trong giấc mơ.

Ở nước ta, đạo Mẫu thờ tứ phủ, tức là bốn Mẹ: Mẹ Trời, Mẹ Đất, Mẹ Nước và Mẹ Người. Mẹ Trời là Mẫu Thượng Thiên, Mẹ Người là Mẫu Liễu. Mẹ Nước là Mẫu Thoải. Mẹ Đất rừng là Mẫu Thượng Ngàn.

Đền thờ Mẫu nhiều lắm, ở khắp mọi nơi. Đạo Mẫu là đạo dân gian. Trừ một vài đền lớn, còn phần đông các đền thờ đều nhỏ, vì không được vua chúa khuyến khích, đỡ đầu, còn dân lại quá nghèo. Thường thường dân tìm một nơi phong cảnh hữu tình, kỳ thú, rồi lập đền. Có sông có núi, có cỏ cây hoa lá, lại thêm cái hồn của con người thành kính tỏa vào đó, các ngôi đền trở thành nơi dung chứa những khát vọng và nỗi niềm của mọi người dân quê nghèo khổ, những nơi ấy tất trở thành chốn linh địa. Nơi nào không lập được đền riêng rẽ, người dân kết hợp luôn vào chùa làng, đình làng. Đằng trước thờ Phật thờ thánh trong tòa đại điện, đằng sau thờ Mẫu trong tòa điện nhỏ. Ở giữa điện, trên cao, thường treo bức hoành phi có bốn chữ "Mẫu nghi thiên hạ". Cái tôn giáo dân gian ấy đã an ủi bao tâm hồn cay cực của nông dân. Nhưng nó vẫn bị ghẻ lạnh hắt hủi. Thân phận đạo Mẫu chẳng khác gì số kiếp của những người đàn bà của quê hương chúng ta. Tuy ngôi đền nhỏ bé, nhưng cũng vẫn là nơi hương khói quanh năm cho Mẫu. Người dân quê dù giàu nghèo đều tri ân Mẫu. Mẫu là hồn của đất. Mẫu là cơm gạo ta ăn, cho hoa trái bốn mùa tươi tốt. Những bài hát văn đều ca tụng công ơn. Mẫu dạy chim hót, dạy công múa quạt, dạy voi kéo gỗ, dạy hùm thiêng canh giữ núi rừng, dạy con người biết xót thương... Những vị nhà Nho thường bài trừ đạo Mẫu, cho là cúng bái quàng xiên. Song chẳng hiểu tại sao, cụ đồ Tiết lại không bao giờ báng bổ đạo Mẫu. Ông nói với Nhụ: "Mẫu cho ta tất cả".

Bố Trịnh Huyền cũng nói những lời tốt đẹp về Mẫu với con gái. Cả mẹ, người đàn bà bạc mệnh ở dưới suối vàng cùng với ông ngoại cũng thế. Còn Nhụ, em chỉ hát những lời ca về Mẫu từ thuở ấu thơ, em chưa bao giờ đi lễ; tuy nhiên cứ mỗi lần nghĩ về Mẫu, lòng em lại thấy rưng rưng. Cứ như thể Mẫu đối với em rất thân thiết, gần gũi, mặc dù em chưa bao giờ giáp mặt...

Các tín chủ và dân làng lần lượt kéo đến. Mọi người đều ăn mặc tươm tất. Người ta chuẩn bị sắp xếp đồ lễ vật lên ban thờ. Cô Mùi mặc váy lĩnh tía, áo dài mấy lớp, bên trong mặc áo lụa bạch, lớp giữa là áo màu hồng, bên ngoài là áo màu đỏ sẫm, ngoài cùng phủ một chiếc áo đen bằng băng thưa để làm dịu bớt màu đỏ chói chang bên trong. Cô Mùi niềm nở tiếp khách. Trông cô thật tươi tắn, nền nã. Những người làng đến cuối cùng vẫn tíu tít ngoài sân. Nhụ và Trịnh Huyền kính cẩn quỳ lạy trước điện thờ, sau đó mới ra ngồi xuống chiếc chiếu bên trái bục hầu bóng. Ông Trịnh Huyền so dây dạo thử một khúc lưu không. Một bà đồng già trong làng làm lễ cúng thỉnh, đọc dăm câu kinh và dâng sớ.

Sau lễ cúng thỉnh, cô Mùi chuẩn bị khăn chầu áo ngự. Các cô hầu dâng trang điểm cho bà đồng chính, sắp xếp vật dụng cho các giá đồng sẽ lần lượt diễn ra.

Ông Huyền bắt đầu đánh đàn. Tiếng đàn nguyệt của ông thật điêu luyện. Mọi con mắt đều đổ vào nhìn người cung văn. Đã lâu lắm tiếng đàn mới lại vang lên ở ngôi đền này. Đã vài năm qua, dân ở đây cứ phải ngồi đồng chay, không có tiếng đàn câu ca, từ khi ông cung văn cũ qua đời. Phải có tiếng trống, tiếng phách, tiếng hát, tiếng đàn, các cuộc hầu thánh mới thực sự là cuộc ngồi đồng.

Khói hương thì ở đâu chả có. Song khói hương chưa đủ. Phải có đờn ca mới làm vơi nhẹ tâm hồn, mới dẫn dắt con người đi đến chỗ thăng hoa, siêu vượt ra khỏi cõi tục, mới rửa sạch được bụi bặm của kiếp nhân sinh. Người ta thì thầm với nhau:

- Sao lắm kẻ cứ đồn nhảm. Ông Huyền này đúng là người tỉnh Nam. Người Nam mới đàn hay đến thế.

Tiếng phách của Nhụ cũng giòn tan. Cái trống cơm thỉnh thoảng lại điểm xuyết vài tiếng bập bung rất có duyên. Giọng của Nhụ bỗng cất lên, lảnh lót như tiếng họa mi. Dân làng hôm nay đến đây dự hầu bóng rất đông. Phải nói trong họ không thiếu gì kẻ tò mò, có người chủ yếu đến nghe cha con Trịnh Huyền đàn hát. Hầu bóng, ngoài ý nghĩa tín ngưỡng, còn là cuộc vui hiếm khi xảy ra ở làng quê. Ít lâu nay, tin đồn về Trịnh Huyền cung văn giỏi của xứ Nam đến làng vẫn là điều bán tín bán nghi. Người làng muốn tận mắt xem hư thực ra sao. Trong đám người đến dự không có lý Cỏn nhưng có mặt bà Hai, bà Ba. Ở đồn điền, cũng nhiều người cất công đến xem, trong số họ chắc chắn có nhiều thuộc hạ của Julien. Giọng Nhụ vang lên bài văn công đồng thỉnh mời chư thánh.

Thỉnh mời tứ phủ khâm sai.
Thủ đền công chúa đáng tài thần thông.
...
Thỉnh mời bát bộ sơn trang.
Bên thời thập nhị tiên nương chầu vào.

Nghe giọng hát ấy, người ta xuýt xoa, nức nở khen. Cụ đồ Tiết cũng hài lòng ra mặt. Như vậy là cuộc trình làng của Trịnh Huyền thành công. Người ta chẳng có cớ

gì để nghi ngờ Huyền nữa. Rõ ràng con trai cụ, anh Phác ngày xưa có biết đàn hát gì đâu. Còn Huyền đánh đàn điêu luyện. Chỉ có người chân truyền tổ, gốc thành Nam mới đàn được như vậy thôi.

Cuộc hầu bóng đã bắt đầu. Một ông già đánh ba hồi trống. Con gái cụ đồ, bà đồng Mùi ngồi trên chiếc chiếu cạp điều. Người hầu dâng trùm khăn đỏ lên đầu bà. Mới đầu bà đồng chỉ lắc lư, rồi cái đầu xoay tròn. Tiếng đàn vê tít ở cung bậc cao. Đèn nến lung linh. Hương khói mù mịt. Con người đã nhập vào một thế giới khác hẳn. Bà Mùi chợt lắc dài, hất chiếc khăn đỏ tung ra. Bà đang hầu giá cô Chín. Cô mặc áo hường. Cô chít khăn đỏ. Tay cô cầm quạt. Tay cô cầm hương. Cô yểu điệu múa nhịp nhàng cùng với tiếng đàn... Cô hầu đức Mẫu. Cô đưa võng bổng tít lên chín tầng mây. Giọng hát của Nhụ cũng bay vút lên theo:

Đức Mẫu ngự chín tầng mây.

Cô nay mắc võng ngự rày cây sung.

Rồi tiếp theo:

Cô Chín ngự đồng dệt gấm thêu hoa.

Thêu loan thêu phượng cô thêu ra đôi rồng chầu.

Anh cu Điều đã nghe câu hát này ở giữa cánh đồng. Ô hay! Sao hôm nay câu hát nghe khác hẳn đi. Và phải ở trong không khí hôm nay, Điều mới thực hiểu thế nào là "dệt gấm thêu hoa". Đó là gấm hoa cả ở trong cung đàn thánh thót nâng hồn người bay lên. Đó là những đám mây vờn quấn quýt trong khói hương như sương núi giăng giăng. Đó cũng là cái óng ánh của lụa hồng gấm đỏ. Đó cũng là lung linh chập chờn ánh nến, cộng với tiếng hú, với nhịp nhún nhảy làm cho người nghe có thể

mường tượng ra cô Chín đang đánh võng cùng tiếng họa mi. Đó còn là tiếng ngân nga vừa thanh vừa giòn vừa nẩy của Nhụ, thật không ngờ một cô gái chăn bò, giữa đám đông cả làng lại dám mạnh dạn hát tài đến thế. Tất cả như muốn dìu ta vào cõi ảo, vừa thanh thoát vừa vơi nhẹ. Ở đây, con người như được gột rửa sạch sẽ mọi tục lụy để trở nên thanh thản... Đến cả Điều, một chàng trai mạnh mẽ không chút mơ mộng, cũng cảm thấy mình đang lạc vào một cõi khác.

Ba tiếng chuông ngân. Bà Mùi giơ tay ra hiệu. Ông Huyền lập tức chuyển giọng hát sang bài văn về chầu Mười Đồng Mỏ. Chầu Mười là một nữ tướng thời Lê Lợi. Giọng hát Xá thượng khỏe mạnh, rộn ràng làm mọi người náo nức:

... Gặp thời Thái Tổ trung hưng
Theo vua dẹp giặc Liễu Thăng hàng đầu
Chầu Mười trấn giữ các châu
Sơn trang tám tướng nói chầu ra binh.

Chầu Mười mặc áo xanh, chít khăn xanh. Chầu Bà múa kiếm rất dẻo. Cô hầu dâng xuýt xoa:

- Tấu lạy chầu bà! Chầu xinh đẹp quá. Chầu oai phong lẫm liệt. Cung văn hát hay. Xin chầu ban tài phát lộc cho cung văn.

Chầu Mười hiền từ quay sang Nhụ, cho cô một đồng xu. Chầu vốn là người thân cận của Mẫu. Cho nên chầu nói tức là Mẫu nói:

- Con là đứa con ngoan của Mẫu. Người cho con xinh xắn. Cho con đôi bàn tay dệt gấm thêu hoa. Cho cả giọng hát hay chẳng ai bì kịp. Dặn con điều này, gắng mà nhớ

lấy: "Khi nào mưa to gió lớn, con cũng đừng sợ. Hãy cầu xin. Mẫu sẽ đến che chở cho con".

Chầu Mười còn gửi lời Mẫu phán bảo cho nhiều người khác. Riêng Nhụ, cô cứ băn khoăn mãi lời dặn: "Bao giờ mưa to gió lớn...". Không hiểu câu tiên tri ấy nghĩa là gì nhỉ?

*

* *

Trong khi dám lên đồng tại đền Mẫu đang lúc tưng bừng, thì ở ngôi nhà lớn đồn điền Messmer, Julien nói với Pierre:

- Đời sống dân An Nam này thật sự còn nguyên thủy. Vắng chúng ta, họ toàn làm điều ngốc nghếch. Hôm nay, họ kéo nhau tới một ngôi đền núi. Họ làm lễ tế thần linh, rồi nhảy múa điên rồ như những người dân châu Phi, mà một lần đi qua em đã thấy.

Pierre cười mỉm và hỏi bằng cái giọng như chế nhạo:

- Thế ở đây, họ có đánh trống bập bùng như người da đen không?

- Điều đó em chẳng biết. Song chắc chắn đây là một tà giáo.

- Tà giáo ư? - Pierre đang đọc sách bỗng đặt cuốn sách xuống, rồi nói một cách mơ màng. - À... Phải rồi... Chính tôi cũng đã chịu ơn họ, chịu ơn một tà thuật của họ nên đã không trở thành một kẻ rồ dại. Không biết tôi đã kể chuyện ấy với chú chưa nhỉ?

- Anh đã kể rồi... Hồi ấy, em còn ở Pháp đang học trường sĩ quan...

- Thế còn câu chuyện cúng lễ trên núi Mẫu như hôm nay?

- Anh chưa nói.

- Thế là chú chưa được tận mắt trông thấy. Vậy tôi biết nói với chú thế nào đây? Còn tôi, tôi đã được dự một cuộc hành lễ của họ như hôm nay. Không phải giống như người châu Phi đâu. Họ không đánh trống bập bùng. Chủ yếu họ đàn và hát. Đạo của họ thờ Mẹ trời, Mẹ đất, Mẹ nước. Họ nói đó là đạo Người Mẹ. Có thể nói gọn, đó là đạo thờ khí thiêng của thiên nhiên, thờ người Mẹ đã sinh ra thế gian này. Thờ như vậy tức là thờ những điều cao quý nhất. Đâu có phải tà giáo. Họ say sưa đánh đàn với những giai điệu tuyệt mỹ, rồi họ hát, đốt hương trầm và nhảy múa. Bây giờ chú là người chủ chốt điều hành mọi công việc của đồn điền, cũng có thể nói của cả vùng này. Chúng ta rất cần sự đồng tình của người dân bản xứ. Chú nên nghe tôi. Nên tôn trọng niềm tin của họ, nếu ta muốn họ đặt lòng tin vào chúng ta.

Julien rất bình tĩnh nghe người anh nói. Ông ta chứng tỏ những suy nghĩ của mình không phải một định kiến, mà là những điều đã suy xét, đã cân nhắc.

- Còn em, em không có lòng tin đối với họ. Hãy quan sát họ mà xem. Khi gặp chúng ta, người bản xứ đều khúm núm, sợ sệt, nịnh nọt. Nhưng ở sau lưng chúng ta, họ luôn âm thầm tạo những âm mưu. Em không thể tin họ được vì em đã có kinh nghiệm đau xót. Câu chuyện xảy ra cách đây năm, bảy năm. Lúc đó em mới ở Pháp sang. Một thiếu úy mỏ trắng, hoàn toàn tin vào lý tưởng khai sáng của người Pháp, và còn tin rằng người bản xứ rất biết ơn xứ mẹ. Lúc bấy giờ, quân phiến loạn Đề Thám từ Yên Thế tràn sang Thái Nguyên và Phúc Yên. Họ bắt cóc một viên chức người Pháp tên là Voisin làm con tin.

Toàn quyền Pháp ra lệnh cho quân đội phải cứu bằng được Voisin. Lúc đó, ta điều động hơn hai trung đoàn đi cứu. Em làm phó cho đại úy Pertuis, chỉ huy một đại đội lính truy kích quân Đề Thám. Quân phiến loạn bí mật kéo binh lên núi Sáng Sơn. Quân Pháp bao vây hòn núi, triệt đường tiếp lương của họ. Quân Đề Thám phải phá vòng vây, rút chạy từ làng này qua làng khác. Đại úy Pertuis ra lệnh triệt hạ đốt một ngôi làng, vì làng này đã che chở cho phiến quân. Lúc ấy, Pertuis nói với em: "Không được thương xót, nhân đạo với người An Nam, bởi vì họ là những người phản phúc. Nếu ta nhân đạo với họ, tức là ta đang tự vẫn".

Đuổi đến Kim Anh, Phúc Yên, thì Đề Thám thả Voisin. Người Pháp phấn khởi lắm. Nhất là khi họ biết quân phiến loạn đang đóng binh ở làng Hiền Lương. Chúng tôi vây Hiền Lương. Khi chúng tôi đến, các cụ già trong làng bày hương án ở gốc đa trước cửa đình đón tiếp. Họ xì xụp quỳ lạy các quan lớn. Cho đến cả Pertuis là người cứng rắn và cảnh giác nhất cũng phải mềm lòng. Chúng tôi yên trí quân phiến loạn hoàn toàn hết sức kháng cự, và hành động khúm núm của các ông già chứng tỏ họ đã đầu hàng. Quân lính Pháp xông vào làng. Chúng tôi đã lọt vào một mê hồn trận của những con đường ngõ xóm quanh co. Chỗ nào cũng là những bụi dứa dại, lũy tre và hồ ao. Lúc đó phiến quân mới nổ súng. Đại úy Pertuis bị trúng đạn, tử thương. Lúc tàn trận đánh, ông hấp hối trên tay em, còn trăng trối những lời: "Tôi đã tin họ, tôi đã nhân đạo. Và tôi đã chết...". Từ đó, em luôn luôn cảnh giác với người bản xứ...

Pierre thở dài:

- Bạo tàn chống lại bạo tàn. Đó là chiến tranh.

- Đúng. Em chỉ tin vào sức mạnh thôi.

Pierre ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nhận xét:

- Chú Julien và anh Philippe đều rất giống nhau ở một điểm: Cả hai người đều là những nhà thuộc địa chính cống. Cả hai người đều muốn giương cao lá cờ Pháp trên đất nước này.

- Còn điểm khác nhau?

- Khác nhau ư? Khác ở chỗ anh Philippe đã lờ mờ thấy sức mạnh cũng có giới hạn của nó. Bằng chứng là anh chúng ta đã lấy bà Mùi. Anh ấy muốn hòa đồng với người bản xứ. Còn chú, chú vẫn tin vào sức mạnh.

- Thế còn anh thì sao?

- Tôi ư? Tôi là thứ chiên lạc loài. Tôi đến xứ này. Tôi ở lại đây. Sở dĩ thế vì tôi thấy nó đẹp. Tôi bị cuốn hút bởi cái đẹp mê hồn của xứ nhiệt đới. Và tôi muốn tôn vinh cái đẹp phương Đông ấy. Tôi không tin ở sức mạnh.

Julien cau mày:

- Cái đẹp nhiệt đới ư? Phương Đông kỳ ảo ư? Tôi nghi ngờ những điều đó. Ở đây có rất nhiều điều làm tôi ngờ vực. Trong cái chết của anh chúng ta, anh Philippe, anh không thấy có điều đáng ngờ sao? Bà Mùi là con gái ông đồ Tiết. Mà gia đình ông đồ già này thì sao? Đồ Tiết đã bị chúng ta bắt đi tù về. Con cả là Chất, phiến quân chết ở xứ Mường. Con thứ hai là Phác hiện nay mất tích. Rồi đột nhiên lại thấy xuất hiện một anh chàng mặt mày quái gở tự xưng là cháu ông đồ. Anh không thấy gia đình này đáng nghi vấn hay sao? Trong óc em lúc này lởn vởn mấy câu hỏi: Liệu anh Philippe chết có phải do bệnh

không? Liệu Hai Phác có thực sự mất tích không? Còn anh chàng Trịnh Huyền kia thực sự là ai?

- Ôi! Người em sắc sảo và đầy hoài nghi của tôi! Tại sao em không muốn sống yên ổn với những con người hiền lành ở đây? Tại sao em không thể mềm dẻo hơn với họ. Anh không là người đi chinh phục, nhưng anh nghĩ chỉ có thể chinh phục được kẻ khác bằng sự hiền hòa thôi.

Julien cười:

- Xin ông anh cứ yên tâm. Bàn luận là một việc. Còn thực hành lại là chuyện khác. Em đâu phải kẻ ngờ nghệch. Dù sao em cũng còn biết sử dụng đôi bàn tay nhung lụa nữa chứ.

Pierre lắc đầu:

- Ôi! Tôi đến khiếp đảm đôi bàn tay nhung lụa của chú.

Hai anh em cùng cả cười. Chính lúc ấy lý Cỏn và quản Láu bước vào. Julien hất hàm hỏi:

- Lúc này ở núi Mẫu họ đang làm gì?

- Dạ, họ đang ngồi đồng. - Quản Láu trả lời.

- Có mặt những ai? - Julien quay sang hỏi lý Cỏn.

- Bẩm quan lớn, đủ mặt. Cả đồ Tiết, cả Trịnh Huyền, cả bà Mùi...

- Các ông để ý Trịnh Huyền ra sao?

- Bẩm nó đánh đàn rất giỏi. Ở đây chẳng có ai đánh đàn hay thế. Cả con bé Nhụ hát cũng rất hay. Đúng là giọng xứ Nam. Bẩm, ai cũng thấy họ đúng ở xứ Nam tới.

- Cứ hãy biết thế. Dù sao cũng phải điều tra thật kỹ. Không thể để lọt lưới. Ông nên biết, có mặt tôi ở đây, tôi quyết không cho một tên phiến loạn nào giả trang mò tới.

Bây giờ, tôi cần đích thân lên đó xem sao. Thuyền bè chuẩn bị ra sao rồi?

Quản Láu thưa:

- Dạ, đã chuẩn bị sẵn sàng. Một chiếc ca nô đang chờ dưới bến.

Họ vội vàng đi ra bờ sông. Vì đi bằng thuyền máy nên chỉ mươi phút sau, họ đã tới Mẫu Sơn. Julien cùng đám bộ hạ thoăn thoắt leo lên đỉnh núi.

Cuộc ngồi đồng đang đi tới đoạn kết. Trịnh Huyền đánh đàn bằng cảm hứng dạt dào nhất. Càng dạt dào hơn vì đến giữa buổi bắc ghế, ông chợt thấy sau gáy mình nóng bỏng như có lửa đốt. Quay đầu lại, ông chợt nhận ra đôi mắt sáng của bà ba Váy đang như muốn nuốt từng âm thanh của tiếng đàn. Ông mỉm cười trong lòng. Ngón tay ông bỗng dẻo hơn, nhanh nhẹn hơn. Chúng như nhảy múa trên các phím đàn. Rồi những ngón tay ấy cũng bỗng trở nên tinh tế hơn. Chúng nhấn, chúng luyến, chúng rung rất uyển chuyển. Chúng tạo ra những sắc độ âm thanh rất mỏng manh, những cao độ thay đổi cao thấp rất tinh vi mà tưởng chừng chưa bao giờ ông có thể làm được. Có thể nói, một người sành sỏi nếu nhắm mắt, định thần, lắng tai nghe có thể thấy ở đó âm thanh của tiếng họa mi ríu rít, hoặc tiếng líu lo uyển chuyển của con khướu bách thanh, bà chúa âm thanh của núi rừng.

Đã hết các giá đồng. Ông cụ già râu bạc đã ra thỉnh chuông chuẩn bị làm lễ tạ. Theo đúng trình tự, ông đồ Tiết sắp sửa mang chiếc lồng son ra hiên, rồi mở cửa lồng phóng sinh, thả con chim gáy cho nó bay ra khu rừng giẻ trước cửa đền. Con chim rồi sẽ kết hợp với một

con mái lẻ loi nào đó, làm tổ định cư trên khu rừng giẻ, để sớm tối cất tiếng hót hầu hạ Thánh Mẫu. Và thế là ý nguyện của ông già được thỏa.

Nhưng, khi hồi chuông vừa dứt, bỗng có tiếng giày lộp cộp và tiếng huyên náo ngoài sân đền. Ông già đưa mắt nhìn ra. Julien và thuộc hạ đang tiến vào nội điện. Bằng cái giọng oang oang, lơ lớ, người Tây nói:

- Tôi... xin chào... tất cả bà con.

Giọng nói của ông ta cất lên làm cuộc hành lễ bỗng nhiên bị cắt ngang, dừng lại đột ngột. Mọi người ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Còn Julien, cái giọng lơ lớ của ông ta rất nghiêm khắc:

- Tôi... là quan Tây... chủ đồn điền... và quan trên giao cho chịu trách nhiệm... vùng này. Ai làm gì... phải xin phép... ông lý... phải xin phép tôi. Các người ngồi đồng... đã xin phép... tôi chưa?

Bà Mùi đứng ra, rất mềm dẻo:

- Bẩm quan lớn Julien... Xưa nay, ngồi đồng chưa bao giờ phải xin phép. Hồi ông Philippe còn sống, chúng tôi hàng năm xuân thu nhị kỳ ngồi đồng, chưa bao giờ ông Philippe ngăn cấm.

- A... bà Mùi... Trước kia, ông Philippe là chồng bà làm chủ... Bà là ma-đam của ông ấy... Dĩ nhiên... không phải xin phép... Còn bây giờ, tôi là chủ đồn điền... Đối với tôi, cần phải xin phép...

Trả lời xong, Julien có vẻ đắc ý. Hắn nhìn sang phải, nhìn sang trái, ngó trong, ngó ngoài ngôi đền. Hắn quan sát kỹ càng, bỗng nhìn lên trên thấy đôi rắn trắng bằng vải quấn quanh hai chiếc dầm vượt. Mắt hắn dừng lại ở

đôi rắn trắng. Hắn nhíu mày, giơ cái roi da mà lúc nào hắn cũng cầm trên tay, chọc vào con rắn rồi nói:

- Sao lại... Thờ con rắn?

Bà Mùi tức giận quát to:

- Không được động tới "ngựa ngài".

- Hơ hơ hơ... Ngựa ngài! Rắn là tà thần!... Nào... ông lý Cỏn đâu?... Ông Láu đâu?...

Có tiếng dạ ran.

- Xin nhờ các ông... Tháo đôi rắn này xuống...

Lý Cỏn và quản Láu líu ríu:

- Thưa quan lớn... Xin đừng... Xin quan lớn tha cho...

- Sao?... Các ông không dám... hả? Nếu thế, có ai dám bóc xuống... Ta sẽ thưởng... Không ai dám... hả? Vậy thì... Ta dám. Các ngươi mở mắt ra mà nhìn.

Julien nói xong, bắt hai tên lính công kênh hắn lên cho đủ độ cao, rồi lần lượt giật hai con rắn vải vứt xuống đất, trước mắt dân làng. Mọi người kinh ngạc, ồ lên vì hành vi báng bổ quá đáng, chưa từng bao giờ xảy ra. Tất cả đều như trời trồng, không biết phản ứng ra sao. Cô đồng, cung văn, các con nhang đệ tử đều giạt ra hai bên, ngơ ngác nhìn người Tây cao lớn đứng trên bệ gian chính điện, đang như một hung thần hoành hành chẳng chút kiêng nể. Hắn cười và bảo mọi người:

- Chúng tôi đến đây... để khai sáng văn minh cho mọi người. Tôn giáo là tốt đẹp, như đạo Phật, đạo Thiên chúa... Mọi người đừng mê muội,... mê tín quàng xiên... Thờ rắn là tà giáo... Đấy... Tôi dám làm... Mà có sao đâu...

Julien nhìn đôi rắn vải nằm lăn quay trên bệ hầu bóng. Đôi mắt hắn lại chợt nhìn thấy chiếc lồng chim phủ lụa đỏ đặt trong cái hang, nơi có tranh thần Hắc hổ đang nhìn vào mặt hắn. Julien hỏi:

- Các người còn thờ phụng con vật... gì nữa đây?... Để ta xem nào.

Nói xong, hắn tiến lại gần chiếc lồng son. Bệ hầu bóng xây đến sát chân cái hương án cũng bằng gạch. Mặt hương án được đỡ bằng bốn chân gạch tạo ra ba vòm, mà vòm giữa là hang ông hắc hổ. Cái hang nửa tối nửa sáng, song nhìn vào ta vẫn thấy rõ hình ông hổ với đôi mắt sáng quắc. Đôi mắt ấy là hai miếng gương hình tròn, lúc nào cũng chăm chăm nhìn vào mặt ta nếu ta nhìn vào hang. Chiếc lồng chim đặt trước mặt ông hổ. Do vậy, khi Julien cúi xuống lồng son, đôi mắt ông hắc hổ liền dọi vào mặt hắn bằng những tia phản quang giận dữ. Julien hơi rùng mình, tuy nhiên hắn cố thản nhiên mỉm cười và dùng hai ngón tay khẽ nhón chiếc khăn lên. Khi tấm lụa điều được nhấc, gương mặt Julien liền lộ vẻ kinh hãi. Hắn lùi lại, và lập tức vứt chiếc khăn lụa điều xuống đất rồi kêu lên:

- A... A...

Không cứ gì Julien, tất cả những người có mặt đều khiếp hãi và sửng sốt. Một quang cảnh không ai tưởng tượng nổi hiện ra trước mắt mọi người. Con chim cu cườm đã biến mất. Và thay vào đó, một cái đầu rắn rất to nằm trong lồng. Nhìn kỹ, ta thấy một con rắn hổ mang bành màu chì nửa thân hình nằm bên ngoài, còn cái đầu mắc kẹt trong lồng. Con rắn rất to, loại hổ mang chúa. Không biết con rắn ở đâu chui ra. Trong suốt cuộc hầu

bóng, không một ai nhìn thấy nó. Có thể dưới chân ông hắc hổ, dưới ban thờ thánh có hang rắn. Nó đánh hơi thấy mùi chim cu cườm nên bò ra chui đầu vào trong lồng. Nhưng bằng cách nào, đầu con rắn to thế kia lại lách chui vào lồng mà con chim không hề sợ hãi giãy giụa. Phải chăng con rắn đã thôi miên con chim rồi nuốt chửng. Nuốt đến cổ thì vướng nan lồng, con rắn không thể đẩy con chim trôi xuống bụng. Cái đầu rắn cộng thêm cái cổ đựng chim nên to đùng trông rất kỳ quái. Julien nhìn con rắn chưa kịp có phản ứng. Con rắn cũng nhìn thấy Julien, lại phản ứng tức thì. Con vật to như cổ chân, dài như đòn gánh, màu chì tỏ ra tức giận vô cùng. Con rắn cất cao đầu, bạnh mang, nâng cả chiếc lồng chim lên cao. Tuy đầu rắn vẫn nằm trong lồng, nhưng nó xòe to như bàn tay trông rất kỳ dị.

Julien tái mặt, và đến lúc ấy hắn mới đưa tay ra sườn, rút súng ngắn nhưng tiếc thay hắn không mang theo. Con rắn đã đập mạnh cái lồng xuống bệ gạch. Cái lồng bẹp rúm, nan gãy tung, giải phóng cái đầu nguy hiểm của con mãng xà. Lúc này, con hổ mang chúa hoàn toàn tự do hoạt động. Nó ngóc đầu lên cao, lắc lư, cái lưỡi thò ra khỏi miệng nhấp nha nhấp nháy. Mọi người hét lên giạt ra. Có người vùng chạy ra sân. Song hình như con rắn không chú ý tới mọi người. Nó chỉ nhằm vào Julien, có lẽ nó biết chính ông ta mới là kẻ nguy hiểm với nó.

Con rắn trườn tới. Julien phải chạy vội ra giữa sân. Hắn có ý định đối địch với con rắn, nhưng nhìn ra sau lưng hắn thấy Láu và lý Cỏn đang ba chân bốn cẳng chạy xuống núi. Hắn gọi đám thuộc hạ đem súng tới, nhưng những tên lính dõng cũng biến đâu mất cả. Có lẽ

tất cả đang tìm xuống chỗ đậu ca nô. Julien thấy chỉ có một mình, cũng phải chạy theo, vừa chạy vừa kêu:

- Đứng lại! Tất cả đứng lại!

Hét vậy thôi, chứ thực ra chân người Tây cũng đang phăng phăng xuống núi. Đặt chân lên canô, hắn ra lệnh cho người lái: "Nổ máy!".

Con rắn khổng lồ màu chì, sau khi trườn ra sân, cũng biến đâu mất trong khu rừng giẻ rậm rịt. Đám dân Cổ Đình, những người lớn, vẫn còn đứng trong ngôi đền Mẫu; mặt họ tái mét nhưng hể hả. Họ nói với nhau:

- "Ngựa ngài" hôm nay xuất trần gian, đuổi lão Mắt Mèo chạy bán sống bán chết.

Có người còn nói:

- Bà tổ cô hàng ngày vẫn nằm trên chiếc ghế xích đu bằng mây ở gian bên. Chính cụ tổ cô đã nuôi "Ngựa ngài". Ông hắc xà này chính là kẻ canh giữ đền Mẫu. Ông hắc xà có nhiều chỗ ở. Hang hốc trên núi rất nhiều. Còn cái hang dưới chân ông hắc hổ chỉ là một chốn ở và chỉ khi nào cần thiết như hôm nay, ông hắc xà mới đến trú ngụ ở đó.

Có người lại kể những điều khó tin:

- Bà tổ cô nuôi ông hắc xà bằng thuốc phiện nên bà cụ bảo gì ông cũng nghe. Hàng ngày, cụ tổ cô vẫn bôi thuốc phiện vào một đồng bạc trắng hoa xòe và để trước hang cho rắn ngậm. Mắt tôi trông thấy trong cái lồng chim hôm nay cũng có đồng bạc hoa xòe ấy. Chắc bà cụ đã biết trước những chuyện sẽ xảy ra nên đã đặt đồng bạc hoa xòe tẩm thuốc vào lồng chim từ trước buổi lễ...

Chẳng biết những lời xầm xì ấy có đúng không. Chỉ

biết rằng đến mấy chục năm sau, người dân Cổ Đình còn kể cho con cháu mình nghe câu chuyện huyền thoại về ông hắc xà đền Mẫu. Và mãi cho đến ngày sau cách mạng, huyền thoại ấy vẫn là một câu chuyện hấp dẫn mà bất cứ đứa trẻ nào ở làng Cổ Đình cũng muốn nghe. Đứa nào nghe cũng há hốc mồm vì sự lạ lùng.

4

Cuộc náo loạn điện Mẫu của Julien đã đặt ông đồ Tiết vào một tình thế khó xử. Thêm vào đó còn có những tin tức lượm lặt được từ đồn điền, tất cả đều chứng tỏ rằng người Tây vẫn rất để ý đến Trịnh Huyền. Lý Cỏn vẫn cho người đi điều tra lai lịch hai cha con họ Trịnh. Trong sự điều tra ấy, ngoài chuyện do người Tây ép phải làm, còn chen vào sự ghen tuông. Chuyện này bà ba Váy báo cho Huyền biết. Như vậy chứng tỏ việc ngồi đồng để chứng minh Huyền là người từ dưới Nam lên chưa đủ sức thuyết phục để làm tan những nghi ngờ của Julien và cánh hào lý.

Cụ đồ Tiết ưu tư, suốt đêm chẳng chợp mắt nổi. Cụ bắt buộc phải gọi anh em con cháu đến bàn cách đối phó. Thật là bí. Chẳng lẽ Trịnh Huyền lại phải bỏ làng khăn gói ra đi lần thứ hai sao. Việc ấy nào có khó khăn gì. Nếu muốn cho sự việc êm thấm dễ dàng, ông Trịnh chỉ việc đem con quay trở lại tỉnh Nam, ở đó ông vẫn còn người em trai của bà vợ quá cố. Tuy nhiên, ông Trịnh không

muốn, bởi vì nhà cậu ấy rất nghèo, gia tài chỉ có vài sào ruộng mà công việc làm ăn ở đồng chiêm trũng thật muôn phần khó khăn. Vạn bất đắc dĩ thôi chứ làm trai sao có thể dựa dẫm vào nhà vợ mãi như thế được. Trong khi đó, làng Đình là đất trung du, đất đai tạm đủ. Nếu gặp lúc khó khăn, bí bách, vào trong núi bên kia sông, làm nương trồng sắn trồng khoai vẫn có miếng ăn. Vả lại, còn cha già đấy; người đã ngoài bảy mươi, trái gió trở giời luôn; chữ hiếu là trọng, ông Trịnh đâu có thể bỏ. Bà Mùi bảo anh:

- Bác Trịnh quyết ở lại là phải. Quê cha đất tổ đâu bằng. Tôi là phận gái, lại trải qua số phận éo le, tôi đã đem thân hầu cửa thánh... Còn bác là phận trai... Phải ở nhà mà chèo chống việc gia đình. Lưu lạc góc bể chân trời mãi rồi, trừ phi hết cách, còn không phải dứt khoát ở lại quê hương.

Cụ Tiết cất tiếng nói:

- Thầy đã tính nát nước ra suốt mấy đêm nay. May ra cũng còn cách gỡ... Bố cái Nhụ! Thầy còn muốn hỏi một điều này cho thật rõ... Việc này rất quan trọng... Anh phải trả lời cho thực... để mọi việc hoàn toàn sáng tỏ trong gia đình... Thầy hỏi anh: Cái Nhụ có phải là giọt máu của anh không?

Trịnh Huyền ngạc nhiên vì chuyện này ông đã nói với cha mình từ lúc mới đặt chân về. Ông không hiểu cha mình hỏi lại với mục đích gì. Ông trả lời:

- Thưa thầy, như đã có một lần con thưa: Con thương cháu Nhụ chẳng khác gì nó là giọt máu của con; song thực ra, con bé không phải con đẻ. Lúc con lấy nhà con thì cháu Nhụ đã ra đời rồi. Lúc ấy, con bé đã được một

tuổi. - Trịnh Huyền dừng lại, ngập ngừng mãi mới kể ra những điều mà ông muốn giữ kín riêng trong lòng. - Con thương nhà con vô hạn... Lấy con, mà lúc nào cô ấy cũng rầu rầu như thể đã mắc tội gì. Con gặng hỏi mãi mới biết mấy năm trước khi lấy con, có bận hai cha con ông nhạc phải vào dinh quan tuần phủ để hát văn cho bà tuần hầu bóng. Bà lớn thờ điện riêng trong tư dinh. Lúc đó, vợ con đã hát hay lại quá xinh đẹp, đã lọt vào mắt quan tuần. Quan lớn đã cho ông nhạc con về và giữ cô con gái lại hơn một tháng trong dinh. Kết quả, nhà con đã mang thai, đẻ ra một đứa con gái. Nhà con đặt tên cho cháu là cái Nhụ, tức là Nụ. Vợ con muốn cháu mãi mãi là Nụ, muốn cho người đời chẳng cần ai chú ý đến nó, muốn không bao giờ cháu trở thành hoa ngát hương. Khi biết chuyện, con càng thêm yêu thương vợ, càng thêm thương cháu Nhụ. Con muốn suốt đời chăm sóc cháu, sao cho dưới suối vàng nhà con được yên lòng. Con coi nó còn quý hơn con đẻ. Lúc nhà con mất, con thề sẽ bỏ nghề đàn địch và không dạy cháu Nhụ ca hát. Nhưng có lẽ ma đưa lối quỷ dẫn đưa đường, con không dạy mà cháu Nhụ vẫn biết hát, mà có lẽ còn hát hay hơn mẹ nó. Về đây, vì hoàn cảnh bất đắc dĩ, con đã giải lời thề, và hai cha con đã hát ở đền Mẫu. Mấy hôm trước, tây Julien đến náo loạn đền Mẫu, lòng con chợt cứ hồi hộp chẳng yên. Con như cảm thấy một điều gì bất thường sắp xảy ra với con bé Nhụ và cả với con nữa. Thưa thầy, con xin lạy thầy vì có lẽ với tình thế này, con chắc không thể ở lại nhà để làm tròn đạo hiếu. Thầy đã già và đau yếu luôn, con đau lòng vô hạn.

Bộ mặt bị bỏng quái dị của Huyền, khi ông khóc, trở

nên nhăn nhúm rất đáng thương. Ông hộ Hiếu nghe xong câu chuyện, nhìn người cháu khóc, chỉ biết nhắm mắt lại thở dài. Cô Mùi thì cúi đầu ngẫm nghĩ. Riêng ông đồ Tiết vẫn bình thản như thường. Ông cụ còn vuốt râu mặt tươi cười bảo:

- Anh không lo, thầy đã có cách. Cứ ở tại đây, chẳng phải đi đâu cả. Thực ra, việc này tôi đã nghĩ từ hôm đầu, lúc anh chân ướt chân ráo trở về và nói chuyện với tôi. Song mọi sự phải diễn ra có trước có sau... Đến lúc này mọi việc mới chín mùi...

Nghe cụ Tiết nói tới đấy, ông hộ Hiếu choàng mở mắt:

- Bác nói sao? Đã có cách rồi ư.

Lúc bấy giờ, cụ đồ Tiết mới đủng đỉnh trình bày:

- Đúng thế! Như vậy, cái Nhụ không phải dòng máu họ Đinh. Phải nói rằng bây giờ, cả làng hầu hết ai cũng tin rằng anh Trịnh là người họ ngoại xa lâu đời của gia đình ta. Chỉ còn lý Cỏn và bọn Tây vẫn bán tín bán nghi. Ta sẽ làm cho họ hoàn toàn hết ngờ vực. Thế này nhé... Thằng Điều và cái Nhụ như vậy không phải là anh em thúc bá. Chúng là hai đứa trẻ khác máu. Cả hai đứa đều đã mười bốn, mười lăm. Chi bằng ta cứ cho hai đứa lấy nhau. Thế là bắt bọn Tây phải tin, lý Cỏn phải tin. Họ không thể còn nghi Trịnh Huyền là anh Phác. Thế chẳng hóa ra con anh Chất lấy con anh Phác. Con chú con bác ruột lấy nhau sao được. Ở dân ta có khi nào xảy ra chuyện ấy. Bắt buộc Julien và lý Cỏn phải xóa bỏ mọi nghi ngờ. Cha con anh Trịnh sẽ được sống yên ổn tại Cổ Đình...

- Bác định cho thằng Điều lấy cái Nhụ ư? - Ông hộ Hiếu vươn cả cái cổ dài ra hỏi với vẻ ngạc nhiên.

- Đúng thế!

Ông hộ Hiếu tần ngần nói nhỏ vào tai ông anh:

- Tôi xem số... thấy con bé... rồi ra sẽ khổ...

Cụ đồ Tiết chau mày:

- Tướng với chẳng số! Trong lúc nước sôi lửa bỏng này... Vả lại đức năng thắng số. Cái đức có thể làm thay đổi số mệnh. Bấy lâu nay, tôi đã nhìn kỹ con bé. Con Nhụ thật là tươi tắn, đoan trang, đã chăm chỉ lại khỏe mạnh. Cứ nhìn nó chăm ong thì biết. Cái giống vật như con ong, tuy là con vật tưởng chúng vô tri vô giác, song thật ra chúng rất hiểu biết con người... Ai tử tế là chúng biết ngay. Tôi chưa thấy bầy ong đốt con bé bao giờ... Chú Hiếu... chú thấy tôi nói thế nào? Có phải không?

Khi nghe giọng nói của cụ đồ Tiết, lại thấy ánh mắt khi ông cụ quay đầu sang hỏi, ông hộ Hiếu tần ngần vì biết ý ông anh đã quyết. Vả lại, lúc này còn cách khác nào hay hơn đâu, cho nên ông không dám phản đối. Thực ra, ông đã quan sát kỹ lưỡng cô bé. Nhìn kỹ từ dáng đi, dáng đứng; xem xét từ đôi lông mày, con mắt, cái miệng, vành tai; rồi nghe kỹ cả tiếng cười đến giọng hát...

Và, cái đận vừa rồi, giai đoạn thánh ốp, thánh nhập vào ông, ông đã nghe được một tiếng nói thì thầm... rầu rầu trong óc, tiếng nói thì thầm vô hình vô ảnh ấy đã cho ông biết vài nét về số phận của cô bé Nhụ. Tiếng nói ấy đã nhắc nhở: "Thiên cơ bất khả lậu!". Tiếng nói trong đầu ấy bảo ông kín miệng vì đó là số mệnh. Vì vậy, khi ông cả Tiết lại hỏi ý kiến ông lần thứ hai, ông chỉ nói khẽ:

- Bác đã suy xét kỹ... Thôi thì tùy bác.

- Thế còn hai con? - Ông đồ Tiết quay sang cô Mùi và ông Huyền để hỏi. Ông già muốn chuyện hôn nhân này

phải là sự đồng thuận trong toàn gia đình. Cô Mùi trả lời trước:

- Thầy đã nghĩ kỹ chắc là điều phải.

Còn Trịnh Huyền thì tươi nét mặt:

- Thằng Điều là cháu, cái Nhụ là con. Như vậy con được chăm sóc cho cả hai đứa. Vẹn cả đôi đường. Con không ngờ thầy lại nghĩ được ra cách thần diệu thế. Như vậy, suốt đời con được ở bên thầy. Vẹn cả chữ hiếu với thầy. Vẹn cả chữ tình với nhà con. Lại vẹn cả chữ để với anh con.

Đám cưới được quyết định chóng vánh. Nửa tháng sau, gia đình cụ Tiết làm vài mươi mâm cỗ mời gia đình ngõ xóm. Đám cưới không linh đình nhưng quan trọng. Quan trọng nhất là mâm cỗ đặt trên cái ghế ngựa chính gian giữa. Cụ đồ Tiết mời những cụ già nhiều tuổi nhất trong làng. Cụ đồ Tiết chẳng có chức vị gì, nhưng là thầy của những vị chức sắc như lý Cỏn, hương Ất và là bạn đồng môn của tiên chỉ Nhậm, ông tú Cao, ông tú làng Già. Những người nhiều tuổi ấy và những vị chức sắc đến dự có giá trị như một chứng chỉ chính thức để xác nhận cho con gái của Trịnh Huyền lấy con trai của cả Chất. Con của hai người lấy nhau thì không thể hai người là anh em ruột. Đám cưới đồng thời cũng là một chứng chỉ gián tiếp để phủ nhận những lời xì xào về Trịnh Huyền.

Bảo rằng đám cưới không linh đình, nhưng thực ra cũng khá tốn kém. Gọi là chỉ mời những người trong gia đình, song gần như cả làng đến dự, bởi vì hầu hết các gia đình trong làng đều có họ với nhau cả, chẳng gần thì xa,

chẳng nội thì ngoại. Cụ Tiết cho thịt một con lợn và con bò choai. Làng hỏi:

- Sao cụ cưới vợ cho cháu to như vậy?

Cụ trả lời:

- Thằng Điều là cháu đích tôn. Vả lại, con bò chính là của nó. Cháu đi chăn bò cho đồn điền năm, sáu năm ròng rã. Mới đầu chỉ một con bê, nay đã thành cả đàn bò. Hôm nọ, quản Láu đến khám bò. Lão bảo rằng đồn điền sẽ chia đôi. Đồn điền lấy con bò đực đen và con bò cái vàng là hai con to nhất. Còn phần gia đình được hai con bò cái nhỏ và con bê choai. Lão Láu chỉ tham bò to chứ mắt không tinh. Con bò Sừng Hươu tuy bé nhưng là con mắn đẻ. Con bò vàng Sừng Khoằm chỉ được cái to xác nhưng hay xổi.

Cụ đồ vui miệng có ý định khoe thêm rằng hiện nay, con Sừng Hươu đã có mang và con bò loang cũng đã đến kỳ cho nhảy. Nhưng cụ đã kịp thời ngăn mình lại không nói. Ông cụ chỉ cười to, rồi vuốt ve chòm râu bạc.

Khi đám tiệc tan, cả làng đã về hết, Nhụ còn phải lăn lưng ra rửa bát đĩa. Cái Hoa con thím Pháo bảo:

- Thôi, mời cô dâu vào nhà. Hôm nay cô phải nghỉ. Công việc thu dọn để tôi làm cho.

Cái Nhụ không nghe. Thím ba Pháo phải quát lên:

- Hay thật! Cô là cô dâu. Ngày cưới, cô dâu làm lụng dân làng người ta sẽ xì xào...

Lúc ấy, Nhụ mới chịu buông tay. Hai tay được ngơi nghỉ, cái Nhụ cứ thấy lúng túng không yên. Nó lóng ngóng ở nhà bếp bị dám con gái trêu chọc mãi. Đến lúc ấy Nhụ mới thấy ngượng, vội chui vào buồng và ở lì trong đó.

Còn Điều, nó cũng lúng túng chẳng kém. Đêm đã xuống, nó vẫn loay hoay ở nhà trên, nào thắp đèn, nào pha nước, rồi thấy thiếu đóm, định mang mấy thanh tre ngâm ra chẻ. Cậu xăng xái phục vụ ông nội và bố vợ tích cực hơn mọi ngày. Tới lúc trăng lên, ông nội nghiêm nét mặt đuổi nó xuống nhà ngang.

- Mày xuống với cái Nhụ... với vợ mày đi... kẻo nó mong.

Nghe ông nói, thằng Điều đỏ mặt. Nó len lén xuống nhà ngang. Nó khẽ đẩy cửa buồng Nhụ nhưng không được. Nhụ đã cài then trong. Điều gọi nhỏ:

- Nhụ ơi! Nhụ à! Nhụ ơi! Nhụ à!...

Tiếng gọi nhẹ nhàng, song không có tiếng thưa. Chẳng lẽ cái Nhụ đã ngủ. Chẳng lẽ Nhụ lại vô tâm đến thế. Ai đời con gái, đêm đầu tiên lấy chồng, lại dễ ngủ thế hay sao? Điều không tin. Nó kiên trì gọi lần thứ hai; lần này tiếng gọi êm êm, năn nỉ như tiếng hát. Đến lúc mỏi mồm, Nhụ mới lên tiếng:

- Đừng có vào. Đây ngượng lắm.

- Nhưng ông bảo: Đây phải ngủ với đấy.

- Rõ dơ! Đây nhất định không cho đấy vào đâu.

Điều tức quá, đành ra ngồi cạnh cái cối xay lúa. Tựa mình vào cối, nghĩ đến lộn ruột, nhưng chẳng biết làm thế nào. Mãi không ngủ được, trời lại bắt đầu vào đông, cái lạnh đầu mùa càng làm cho mắt Điều trong ra, trơ trơ không nhắm lại được. Cuối cùng Điều phải chuồn sang đầu chái bên kia, tức là chuồng bò. Ở đấy, có đống rơm rút cho bò ăn đêm. Điều chui vào rơm mới thấy hết rét. Hình như chỉ có con bò Sừng Hươu biết tâm sự của Điều lúc này, tối thế mà nó cũng đánh hơi biết Điều nằm ở chỗ

nào. Chẳng là người và vật đã quá quen hơi nhau. Con vật thò cổ ra, lấy lưỡi vuốt lên tóc Điều. Rồi cái lưỡi ấm bò xuống liếm vào má, vào trán cậu như muốn an ủi. Điều giơ tay lên, ôm lấy đầu con bò. Nó phì phò thở luồng hơi nóng vào bàn tay lạnh giá của Điều. Lòng cậu dịu lại, cuối cùng cũng đã thiu thiu.

Nửa đêm, ông đồ Tiết cầm đèn đi soát xét mọi nơi. Đêm nào cũng vậy, ông phải đi kiểm tra cổng ngõ, ngó nhìn các ngóc ngách. Tính ông vốn cẩn thận. Đoạn đường cuối cùng của ông bao giờ cũng là chuồng bò. Ông vốn biết Điều chăm nom đàn bò rất chu đáo, nhưng trước khi đi ngủ, ông vẫn cứ muốn rút thêm cho đàn bò ít nắm rơm, bởi vì đàn bò là cả cơ nghiệp của gia đình. Thấy Điều nằm đó, cụ đồ vừa tức vừa buồn cười:

- Đêm tân hôn lại ngủ đây ư? Vào buồng với vợ mày chứ.

Điều nhỏm dậy, thật thà nói:

- Nhưng mà, cái Nhụ nó cài then trong.

Ông cụ lắc đầu kéo Điều đến trước cửa buồng ở đầu bên kia nhà ngang. Ông cụ có vẻ tức mình. Cụ đồ đẩy cái cửa buồng, nhưng chỉ vừa chạm khẽ cánh cửa đã hé ra. Cụ cười bảo cháu:

- Ô kìa! Mày mơ ngủ thật rồi. Cửa buồng vẫn mở. Thôi mau vào ngay đi kẻo lạnh rồi.

Điều mò vào đến giường Nhụ, chợt nghe tiếng lách cách sau lưng, phía ngoài cửa. Cậu thầm nghĩ: Thế là ông đã khóa bên ngoài, nhốt hai đứa lại, bắt hai đứa phải ngủ với nhau. Nó leo lên giường, thấy nửa giường bên ngoài trống không. Nó nằm xuống rồi mò tay, đụng vào người Nhụ. Nhụ hất ngay tay Điều ra, rồi nằm lùi

sát vào phía vách. Điều thấy khắp người nóng ran. Đêm tối mò, vả lại Điều cũng biết thóp là Nhụ chẳng dám to tiếng, nên nó được thể lấn tới. Nó xồ sang ôm lấy Nhụ. Nhụ vùng vằng thật mạnh, hai tay khoanh trước ngực rồi mắng: "Rõ dơ!". Điều cố gỡ hai tay Nhụ ra, nhưng Nhụ thế mà khỏe lắm, nó không tài nào gỡ được. Tự ái, Điều tức mình nói: "Không thèm" rồi buông Nhụ ra, nằm quay lưng lại. Điều vừa bực vừa dỗi nằm yên một lúc lâu, không động chạm tới Nhụ nữa. Hai đứa thi gan với nhau khoảng nửa tiếng đồng hồ, thì đứa con gái chịu thua. Cái Nhụ khẽ chạm vào người Điều:

- Này, ngủ đấy à?

Điều được nước, giả vờ ngủ. Nhụ liền quay hẳn người lại định lay gọi người bạn đời, cũng đúng lúc ấy, Điều đã nhanh như chớp ôm lấy cái thân hình lẳn chắc mới chớm nở của cô bé. Nhụ cố chống đỡ song lần này không nổi, đành chịu thua. Điều luồn ngay bàn tay xuống dưới yếm, sờ ngực Nhụ. Điều có vẻ thích chí cười khúc khích. Nhụ khẽ hỏi:

- Sao mà cười?

- Tớ cười "cái" của đằng ấy.

- Làm sao?

- Cậu có nhớ thằng lính khố đỏ ở ngoài đồng hôm xưa, nó nhìn đằng ấy và nó nói thế nào không?

- Không nhớ! - Nhụ trả lời khẽ, nhưng là nói dối.

- Nó bảo: "Chum chúm núm cau". Tức là nó bảo "cái" của đằng ấy... nó to bằng cái núm cau.

- Thật là dơ! - Nhụ lại huých tay vào ngực Điều. Và toàn thân cô chợt nóng ran khi tay Điều mân mê đôi ngọc

nhũ của nàng. Cố vùng ra, nhưng bàn tay tham lam ấy chẳng chịu rời. Lúc này cô bé run lên không tài nào cưỡng nổi. Điều chợt đưa ra một nhận xét:

- Sao nó chóng lớn thế nhỉ?... Sao nó chóng to thế nhỉ?

- Chỉ điêu thôi!

- Thật đấy! Đằng ấy sờ vào của mình mà xem. Ba tháng trước, đằng ấy về đã được ba tháng hay bốn tháng rồi nhỉ, nó chỉ to bằng cái núm cau. Hôm nay nó đã bằng quả táo rồi.

Tay Điều từ vùng ngực đã không cưỡng lại được sự tò mò những điều bí hiểm, nó lần mò đi xuống vùng dưới, quá cái rốn, tìm đến một miền kỳ lạ mềm mại và mượt như nhung, mát rượi, nóng bỏng... Bàn tay vừa chạm tới vùng cấm địa thì bất thần bị chặn lại. Chặn đứng! Bàn tay của Nhụ không biết bằng cách nào, đã nắm chặt bàn tay của Điều. Người con trai cảm thấy cổ họng khô đến rát bỏng. Nó hỏi:

- Sao thế?

- Chưa được đâu!

- Sao lại chưa được? Có ai cấm đâu?

- Chưa được là chưa được. - Nhụ giải thích một cách run rẩy, nhưng rất kiên quyết.

- Sao thế?

Nó gặng hỏi mãi mới được nghe lời lý giải rất lạ:

- Cô Mùi... bảo rằng chưa được...

- Sao lại... cô Mùi?

- Hôm qua... cô gọi riêng ra... cô bảo rằng... phải khoan khoan... Hãy chờ đã...

- Sao lại chờ?

- Vì... vì... - Nhụ ấp úng tìm lời mãi mới nói ra một cách rõ ràng. - Cô Mùi bảo... bây giờ "cái trên" chỉ mới bằng quả táo... thì phải cố nhịn... không được động tới "cái dưới".

- Thế bao giờ mới được đụng tới "cái dưới"?

- Bao giờ "cái trên" to bằng cái bánh dầy thì "cái dưới" mới...

- Nó mới làm sao?

- Nó mới chín.

Hay thật! Cái ấy mà cũng "chín" hay sao? Câu chuyện dở dẩn của đôi vợ chồng trẻ đến đây thì ngừng. Hai đứa cười khúc khích, rồi ôm lấy nhau mà ngủ suốt đêm.

X

ĐỐI THOẠI



1

Đinh Công Tuấn bước quanh hồ Hoàn Kiếm lơ đãng nhìn những tài tử giai nhân Hà thành cũng đang thả bộ như mình. Tự dưng anh thấy chán, chán cả người, chán cả mình. Chán vì quanh bờ hồ diễm lệ này thấy ít kẻ tất bật. Ở đây, hầu như chỉ có những kẻ vô tích sự như mình. Chán vì anh cảm thấy bức bối. Đinh Công Tuấn đang học trường Mỹ thuật Đông Dương. Tính anh phóng túng, ít chịu gò vào khuôn khổ. Vừa qua, anh đang mải mê vẽ một bức tranh: một người đàn bà Mèo địu con ngồi trên một tảng đá bên khu rừng thông. Bức tranh này là kết quả của chuyến đi Sapa mùa hè vừa rồi. Anh đang say sưa đêm ngày đắm chìm vào bức vẽ, thì được lệnh của nhà trường lên Tam Đảo vẽ ký họa. Anh mải vẽ nên đến chậm mất một ngày. Vị giáo sư người Pháp biết anh đến muộn, hỏi ký họa của anh đâu. Anh điềm nhiên, mở cặp vẽ đưa ra một bức vẽ chấm phá sơ sài, vẽ một cây cổ thụ thường dễ đã sống bốn, năm trăm năm mà khi lên đây anh chợt trông thấy dọc đường. Anh đã dừng chân nán lại mất nửa tiếng để vẽ cây ấy. Bức vẽ thật thần tình kiểu tranh thủy mặc. Giáo sư hỏi:

- Chẳng lẽ lên Tam Đảo, anh chỉ vẽ được cây này thôi sao?

- Thưa giáo sư, Tam Đảo có nhiều cảnh đẹp. Song riêng tôi, tôi thấy bàng hoàng rung động khi nhìn thấy cây này. Tôi chỉ vẽ được khi mình xúc động.

Giáo sư người Pháp nhìn bức ký họa. Quả thật người học trò này có tài. Bức ký họa rất sơ sài. Nhưng chỉ bằng vài nét bút, người học trò đã tạo hồn cho nó. Ông hỏi: - Tại sao lại thế nhỉ?

Câu hỏi của giáo sư thật mung lung, khó trả lời. Đinh Công Tuấn ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Tôi rất thích cây, nhất là cổ thụ. Xây một tòa lâu đài nhiều lắm mất vài chục năm. Còn cây cổ thụ khi đã trở thành cổ thụ phải mất vài trăm năm. Sự xây dựng tự nhiên ấy lẽ dĩ nhiên công phu vô cùng. Một cây đại thụ mang trên nó, trong nó bao nhiêu mầu thời gian. Hẳn nó phải kỳ diệu hơn nhiều. Nó lại là độc bản. Không một cây cổ thụ nào giống một cây cổ thụ nào. Một cây trẻ còn có thể tựa tựa một cây khác. Còn cây cổ thụ ư? Thời gian dài lâu đã làm cho nó dần biểu hiện ra những nét vô cùng riêng biệt của nó. Mất một cây cổ thụ tức là ta mất một tòa lâu đài độc nhất vô nhị trên thế gian này.

Giáo sư nghe xong, thấy cảm tình với người học trò này, tuy nhiên ông không thể không báo cáo tỉ mỉ với ông hiệu trưởng về Đinh Công Tuấn. Ông hiệu trưởng không phải người khắt khe, song ông không thể nào quan niệm được một người học trò của trường ông mà lại phóng túng như thế. Người họa sĩ trước khi làm một nghệ sĩ phải là người khuôn khổ trong trường đã. Với quan niệm như thế, ông gọi Tuấn lên phòng hiệu trưởng và nẹt cho anh một trận. Sau đó, ông luôn để mắt đến Tuấn. Thậm chí,

khi có khách đến thăm trường, lúc giới thiệu tranh của học trò với khách, ông hiệu trưởng luôn đứng che lấp tranh của Tuấn đi. Có lẽ ông cho rằng đề cao người học trò này quá sớm sẽ làm hại cho sự nghiệp của anh ta sau này.

Chuyện đó cũng làm Tuấn nghĩ ngợi đôi chút, tuy nhiên sự chán nản của Tuấn chủ yếu do anh cảm thấy gò bó ngột ngạt quá. Không cứ ở nhà trường mà ở nhà cũng vậy. Ông phủ Đinh Công Lễ là một nhà nho nghiêm khắc. Đối với đám thanh niên mới, ông luôn tỏ ra không hài lòng. Đối với con mình, Đinh Công Tuấn, ông cho là một kẻ lông bông. Ông không thể nào nghĩ nổi một người thanh niên có học lại lấy nghề vẽ làm sự nghiệp. Cầm, kỳ, thi, họa bốn thứ đó đều đáng trọng cả nhưng các cụ ta xưa chỉ coi đó là thứ nghệ của một bậc tài hoa. Biết để chơi. Biết để tiêu dao ở cõi đời này. Chứ đâu phải biết để đắm chìm cả cuộc đời mình vào chuyện ấy. Do vậy, khi nghe tin Tuấn, lúc hết năm thứ hai, xin nghỉ học bỏ trường Mỹ thuật, ông chỉ lắc đầu nhưng không lấy đó làm quan trọng. Chuyện đó chỉ làm ông buồn phiền thôi. Chuyện ông Đỗ Tiết bị tù, nay bị quản chế ở quê nhà là việc ông rất lo nghĩ. Rồi chuyện hai đứa cháu Chất và Phác, đứa bị chết, đứa lưu lạc phương trời xa cũng là việc rất buồn. Nay thêm thằng con lông bông, hỏi ông không lo lắng sao được.

Tuấn đang hờ hững bước, đầu óc nghĩ liên miên, chẳng để ý đến người xung quanh bỗng nghe có tiếng gọi:

- Tuấn ơi! Tuấn phải không?

Tuấn lúc ấy mới sực tỉnh và nhận ra người gọi mình là Vũ Xuân Huy. Tuấn niềm nở hỏi dồn dập:

- Toa về đã lâu chưa? Sao chẳng đến nhà mình? Moa tưởng toa còn lâu mới về?

Tuấn và Huy là đôi bạn. Ở quê hai gia đình họ Đinh và họ Vũ vốn chẳng thân thiện với nhau, nhưng đôi bạn thì ngược lại với gia đình, hồi nhỏ hai người đã ở Hà Nội, đi học cùng trường thân thiết với nhau chẳng khác gì một đôi tình nhân. Khi lớn lên, chí hướng họ khác nhau, Tuấn học Mỹ thuật; còn Huy, gia đình định cho học tú tài xong sẽ bắt theo trường Luật. Ý gia đình ông ký Nhàn định hướng con theo con đường làm quan. Ông Vũ Xuân Nhàn, tuy ở Hà Nội, vẫn mang nặng máu họ Vũ trong lòng. Chẳng là, họ Vũ Xuân đã nhiều đời nay không có người đỗ đạt to ra làm quan. Danh giá nhất là cụ tú Cao, anh ông Nhàn, cũng chỉ có chân tú tài. Còn họ Đinh Công, chưa kể các cụ tổ ngày xưa đã có người đỗ tiến sĩ, mà nói thời nay, cũng có ông cụ Lễ, bố Tuấn, đỗ cử nhân làm ông Huyện. Do vậy, ông ký Nhàn thấy hai đứa trẻ thân nhau mặc dù chẳng ưa gì họ Đinh, vẫn lờ đi cho hai trẻ thân nhau. Ông nghĩ rằng hai đứa là đại biểu cho hai họ, cứ để cho chúng ganh đua nhau. Để rồi xem mèo nào thắng mỉu nào. Đến khi Tuấn theo học trường Mỹ thuật, còn Huy đậu tú tài phần thứ nhất, ông reo lên trong lòng đắc thắng: "Như vậy thằng Tuấn đi làm thợ vẽ. Thợ vẽ sánh sao nổi con ông, thằng Huy sẽ là sinh viên trường Luật. Sau khi đỗ cử nhân Luật, con đường ra làm quan của nó sẽ mở toang".

Trong khi ông ký Nhàn mơ mộng xây dựng tương lai cho con mình, mơ ước sự phồn vinh của dòng họ Vũ Xuân, thì Huy lại đi theo một con đường khác mà chẳng ai hay. Năm 1925 tháng 11, người Pháp đem cụ Phan Bội

Châu ra xử ở Hội đồng đề hình Hà Nội, cụ bị kết án tử hình. Hà Nội dấy lên sục sôi phong trào đòi nhà cầm quyền Pháp phải bãi bỏ bản án đó. Huy được thức tỉnh trong phong trào phản đối đế quốc đó.

Năm 1926, nhà yêu nước Phan Chu Trinh qua đời ở Sài Gòn. Cả nước lại dấy lên phong trào để tang cụ Phan. Trong trường Bưởi, học sinh đòi hiệu trưởng cho phép tổ chức lễ tang, chính quyền Pháp không nghe. Lập tức nổ ra những cuộc diễn thuyết. Huy lại là người hăng hái trong công việc này. Anh đứng giữa đám đông say sưa nói với đám học trò bằng cái giọng đầm ấm mà sôi động, dưới một tấm biểu ngữ bất ngờ được chăng lên:

Truy điệu Tây Hồ nhật
Hoán tỉnh quốc dân hồn.

Nghĩa của câu đó là: "Ngày truy điệu cụ Phan Tây Hồ, làm thay đổi thức tỉnh lòng yêu nước của quốc dân".

Sau buổi đó, bọn mật vụ ráo riết săn đuổi những học sinh nặng lòng yêu nước. Một số học sinh bị đuổi khỏi trường học, trong đó có Vũ Xuân Huy. Huy liền bỏ nhà đến ở cùng Tuấn. Ông ký Nhàn nghe được tin, lồng lộn như người hóa điên. Thế là thằng con rồ dại đã phá tan tành mộng đẹp của ông. Ông không thể ngờ Huy lại là kẻ phá gia chi tử. Ông sai người tìm đến nơi ở của Tuấn, Huy, nhưng hai người đã dọn đến ở một xóm nghèo ngoại ô. Cái xóm Cửa Cống đêm ngày bốc mùi hôi thối đã giúp Huy những ngày khó khăn. Tuấn, người bạn từ thời ấu thơ đã nhường cơm sẻ áo nuôi anh. Phải mất ba tháng, Huy mới được anh Dương, một người hoạt động cách mạng tìm cho việc làm. Huy đi dạy tiếng Pháp cho

con một ông chủ hiệu Hoa kiều, công mỗi ngày hai hào. Anh Dương tổ chức một lớp học ở xóm Cửa Cống. Học trò là những công nhân lam lũ ở Nhà máy Rượu, Nhà Đèn, Nhà máy Diêm. Trình độ học viên đủ loại. Có loại chưa biết chữ, có loại đang tập ghép vần, có loại mới biết cộng trừ chưa biết nhân chia. Lẽ dĩ nhiên, Huy dạy không lấy tiền. Anh Dương tổ chức lớp học này cốt để thử thách Huy, để dạy anh cách tiếp xúc với người lao động. Tuấn thấy công việc cũng vui nên thỉnh thoảng lại dạy thay Huy. Anh ra bài làm cho học sinh. Và khi họ mải miết làm toán hay tập viết, Tuấn lại tranh thủ lấy bút ra ký họa những con người cùng xóm với anh.

Đến năm 1927, một hôm Huy hỏi:

- Tuấn, toa có muốn đi một chuyến lên Lạng Sơn với moa không?

Lẽ dĩ nhiên, nói đến đi Tuấn thích ngay. Anh vốn mê lãng du. Anh thích nhìn núi cao, sông dài. Anh ưa sống với thiên nhiên, cây cỏ. Vừa qua, anh bán được bức tranh lụa; có tiền trong túi rồi, anh muốn thay đổi không khí, đi ký họa tài liệu. Huy rất lạ, bắt Tuấn trong chuyến đi này phải cải trang. Anh bảo:

- Chúng mình đi chơi kiểu người nghèo. Phải ăn mặc như người lam lũ, thế mới hiểu được nhiều chuyện, nhiều cảnh; những chuyện mà nếu ta ăn mặc sang trọng sẽ chẳng ai cho ta biết.

Huy ăn mặc như chàng bồi bếp: áo vét tông sờn cổ, quần ka ki đã cũ. Còn Tuấn bận bộ đồ thợ màu xanh đã bạc phếch, đầu đội mũ cát két. Họ hòa vào đám người buôn bán lên chiếc xe ô tô chật cứng. Họ đến một ga xép,

vào một ngôi chùa quen, đợi đến tối lên tàu đi Lạng Sơn. Cái ga xép lèo tèo, đèn dầu tù mù đỏ quạch. Trời tháng chạp mưa rét, những bóng người xo ro đi trên sân ga. Con tàu hổng hộc hú còi. Tất cả quang cảnh ấy Tuấn thấy ngồ ngộ, đem lại cho anh nhiều cảm hứng. Lên tàu, ngồi vé hạng ba, Tuấn giở sổ tay và dưới ánh đèn tù mù lắc lư, anh phác mấy nét cốt cho khỏi quên những xúc cảm, còn quang cảnh đêm nay anh nhớ in trong óc, ngày mai anh sẽ đẻ ra chúng trên giấy. Ngồi cạnh, Huy đợi cho Tuấn hí hoáy xong mấy nét, mới nói cho Tuấn biết mục đích thực của chuyến đi.

- Cậu chắc cũng mang máng biết công việc của tớ rồi chứ. Thực ra... tớ... hoạt động cách mạng. Và tớ hiểu cậu... Cậu là người rất tốt... cậu yêu nước.... Và nói cho đúng... cậu cũng đã hoạt động cách mạng rồi đó.

Tuấn tròn mắt:

- Mình đã... cách mạng rồi ư? Mình có làm gì đâu?

- Thì cậu che giấu cho tớ... Cậu dạy học cho thợ thuyền... Có lúc cậu đã đọc... những tờ truyền đơn...

Tuấn cười:

- Chỉ đơn giản thế thôi ư... Thế mà cũng là làm cách mạng rồi ư?

- Đúng... Rất đơn giản... nhưng cũng vô cùng khó khăn... nguy hiểm. - Đến lúc này giọng Huy chìm xuống. Mặc dầu trong toa tàu lúc đó vắng tanh, anh cũng nói rất nhỏ. - Thực ra, chuyến này chúng ta không phải đi Lạng Sơn mà sang Tầu...

- Sang Tầu?... Tuấn ngạc nhiên nhắc lại. - Sang Tầu làm gì?

- Chúng ta... sang Tầu để học làm cách mạng.

Đến chỗ này, Tuấn từ ngạc nhiên đã thành sửng sốt. Anh không ngờ cuộc phiêu lưu của mình lại trở nên kỳ lạ đến thế. Anh câm lặng không biết nói thế nào. Giọng của Huy vẫn thì thào vào tai:

- Chúng mình là bạn thân từ bé... Mình muốn chúng mình sẽ đồng hành với nhau suốt đời... Mình tin ở cậu nên mình đã báo cáo với trên... Mình đã giác ngộ được cậu... Và trên đã đồng ý cho chúng ta đi dự một khóa huấn luyện. - Chính vì vậy, chúng ta phải ăn mặc giả trang thế này... Mình tin ở cậu... nếu giả sử cậu không đồng ý... ngày mai cậu có thể lên tàu quay trở về cũng được...

Tuấn cười rất hồn nhiên. Anh rất thích sự bất ngờ. Anh rất thích sự phiêu lưu kỳ lạ. Đối với cuộc đời, anh như kẻ lãng du, gặp đoạn đường mới mẻ anh cứ vui chân mà bước. Vì vậy, anh gật đầu:

- Ừ thì sang Tầu... mình cùng đi với cậu.

Đến một ga xép khác mà Tuấn cũng quên mất tên, lúc đó đã rất khuya, họ đợi cho hành khách xuống hết rồi chờ cho tầu sắp chuyển bánh mới lẻn xuống. Ra khỏi ga, trời tối mù mịt, Huy dẫn Tuấn theo một con đường mòn đi tới một quả núi như một lão khổng lồ ngồi lù lù trong đêm. Huy nhìn thấy một cây to nằm bơ vơ bên đường, anh bảo: "Đây rồi, đã gần tới điểm hẹn". Điểm hẹn là một ngôi nhà lá nằm dưới chân núi. Anh bảo Tuấn đứng yên, chờ anh quan sát kỹ. Thấy ngọn đèn trong ngôi nhà che giấy màu đỏ, Huy bảo đó là tín hiệu không an toàn. Hai người bấm nhau cứ đi theo con đường mòn dẫn vào nơi non xanh

nước biếc. Quay lưng lại, nhìn lên con đường nhựa còn trông thấy những tên lính Pháp cưỡi xe đạp đi tuần đêm. Chúng quét đèn pin loang loáng. Huy dẫn Tuấn lẻn xuống suối, xuống khe, lẩn vào những bụi rậm. Đi một quãng xa nhìn lại vẫn thấy ngọn đèn che màu đỏ. Đêm hôm ấy động và gà rừng đã eo óc gáy. Huy bảo Tuấn phải chờ đến đêm hôm sau. Trời rét căm căm lặn lội suốt đêm, lại mất ngủ, mệt đến bơ phờ, Tuấn thấy đôi chân tệ dại; đến sáng anh lên cơn sốt. May mắn gặp cái lều canh nương và một ông già Thổ. Đêm hôm sau, Tuấn vẫn sốt; Huy đi khỏi lều hàng tiếng, lúc quay trở lại báo rằng đã có tín hiệu đèn xanh. Huy phân vân. Bỏ chuyến đi này anh tiếc vô cùng, song để Tuấn quay về một mình anh lại thấy không đành lòng. Tuấn hiền từ nói:

- Cái số mình nó thế. Trời không cho mình cùng đi làm cách mạng với cậu. - Đến đây Tuấn cười. - Lúc cậu đi thăm dò tình hình, ở nhà một mình, tớ nghĩ miên man và thấy rằng cái tạng mình là tạng lông bông. Mình không có cái chí mạnh mẽ như cậu. Tạng của cậu mới là tạng của nhà cách mạng. - Thôi, chúc mã đáo thành công.

Đôi bạn chia tay nhau đêm ấy. Hôm sau, Tuấn dứt cơn sốt. Anh theo ông già Thổ về bản. Thấy cảnh núi rừng đẹp quá, Tuấn liền nán lại thêm mấy ngày để vẽ. Viên Tây đồn đi tuần thấy anh vẽ, liền đưa anh về đồn gần đấy xét hỏi. Thấy mặt người Tây râu xồm nhiều nét đặc biệt, Tuấn ngồi trong đồn ký họa luôn một bức chân dung. Lão Tây đồn râu xồm xem bức họa khoái chí, kêu lên "Très bon" (rất tốt). Rồi hắn mang rượu ra mời Tuấn. Tuấn uống rượu tây lu bù và quyết định ở lại thêm một

ngày nữa để vẽ phong cảnh núi rừng. Đúng một tuần sau, nhà cách mạng hụt mới quay trở về gia đình ở Từ Sơn.

Ông phủ Lễ lúc ấy đã về trí sĩ. Tuấn vui vẻ kể cho cả nhà nghe chuyện mình cải trang làm người lao động lên Lạng Sơn đi ký họa. Lẽ dĩ nhiên, anh giấu biệt chuyện mình định đi làm cách mạng. Một cô em rất tinh ý hỏi:

- Có điều em không rõ, anh đi vẽ là chuyện thường tình, hà cớ gì lại phải giả trang ăn mặc quần áo xanh lem luốc, lại đội chiếc mũ cát két...

Tuấn cố hết sức biện bạch:

- Anh lấy một ví dụ rất đơn giản như sau. Em đang cầm một bông hoa hồng. Nếu em yêu hoa, mở lòng mình ra với hoa, thì tự khắc bông hoa cũng sẽ mở lòng của nó ra để cho em nhận thấy sự tinh vi, mượt mà, mong manh của những cánh hoa; rồi cả mùi hương ngập ngừng, e ấp, rất tinh tế của nó. Nói khác đi, hoa và người nhập với nhau làm một. Còn ngược lại, nếu em khép kín lòng mình, thì hoa cũng tự đóng kín linh hồn của nó. Em sẽ nhìn bông hoa như một vật chiếm hữu. Sẽ không bao giờ nhận ra được sự tinh tế của bông hoa. Sẽ không bao giờ có nghệ thuật. Người với người cũng thế mà thôi. Phải mở lòng mình ra, hòa vào người chung quanh mới thấy cái thần của cuộc đời. Vậy nếu anh như một công tử đi đến cuộc đời, liệu anh có hòa vào với cuộc đời được không? Liệu những người bình dân có mở lòng mình ra với anh không? Và chính sự mở lòng ra ấy mới là chất liệu của nghệ thuật. Đấy, lý do anh phải cải trang là như thế đấy.

Nói với cô em một thôi dài như vậy, Tuấn không ngờ rằng, trong lúc ngẫu hứng biện luận hay có thể nói ngụy luận, anh đã tìm ra được một lý luận cho nghệ thuật của mình. Cô em ngây thơ thì ngạc nhiên, tròn mắt trước những lời lẽ khó hiểu, như điên điên rồ rồ của anh. Còn ông anh thì sáng mắt lên, vui mừng một cách bất ngờ. Có lẽ nào những tháng sống ở xóm nghèo Cửa Cống, rồi chuyến phiêu lưu bất ngờ và kỳ lạ kia đã giúp anh tìm ra được lý lẽ ấy. Hay là sự bức bối, ngán ngẩm trong bao tháng qua chính là lúc anh tự đối thoại với mình để đi đến những lý lẽ ấy. Liệu những suy nghĩ ấy có phần nào là do ảnh hưởng của Huy đối với anh không? Có thể sự rời bỏ trường học cũng là biểu hiện của những suy nghĩ ấy mà anh không nhận ra chăng?

Tuấn còn đang khoan khoái với những suy tư của mình, ông phủ Lễ gọi anh lên nhà khách. Ngồi chỉnh tề trên tràng kỷ, ông cử nhân già nói với con trai:

- Vì anh đã lớn rồi, ít lâu nay thầy không nói gì với anh. Tuy nhiên, thầy tiếc là đã để anh tự do quá đỗi. Đừng tưởng thầy không biết những việc anh làm. Anh tự do trong việc giao du. Anh tự do trong việc học hành. Rồi anh lại tự do bỏ trường học để đi theo những cuộc phiêu du không rõ ràng... Thầy biết anh không trác táng chơi bời. Song thầy rất lo... rất lo cho anh...

- Thưa thầy, chắc thầy lo vì con không vào trường luật, trường y...

- Điều thầy lo là các anh hô hào tân tiến... Song thực ra tuổi trẻ các anh đã mất hướng đi. Điều buồn... chúng tôi đã già rồi... Mà chúng tôi không vạch ra được... hướng

đi. Thật ra... hướng đi sau này thế nào... chúng tôi cũng chịu... không biết... Nhưng các anh phải bình tĩnh chứ... Đừng tưởng những điều ngày xưa... của cổ nhân... là không còn giá trị...

Qua những câu nói ngắt quãng của ông già, Tuấn hiểu cha mình biết khá nhiều điều song ông không tiện nói ra. Có thể ông già đã biết lờ mờ anh đi với ai, và ý định lên Lạng Sơn làm gì. - Hình như ông già bối rối và lo lắng thì phải. Lúc được gọi lên nhà khách, Tuấn đã nảy ra trong óc những ý muốn đối địch với cha mình. Anh cứ tưởng ông Phủ sẽ khuyên anh những điều vô bổ mà anh cho là lạc hậu như học hành chỉn chu để ra làm quan hoặc ít nhất để tạo được địa vị xã hội. Thì ra, còn có chỗ anh chưa hiểu cha mình. Ông già có cái nhìn rộng rãi, bao quát hơn nhiều. Anh thấy thương ông, khi ông không mắng anh, mà lại nói với anh bằng cái giọng tâm sự:

- Chú Tiết của con... đã không hiểu cha... Mà ngay cả con cũng không hiểu cha.

Tuấn thương ông Phủ nhưng cũng chỉ nói được với ông bằng những lời nói chung chung, về những điều mà có lẽ anh cũng chẳng hiểu được bao nhiêu?

- Con nghĩ... thời nay đã... rất khác thời xưa... Con xin cha tha thứ... con nghĩ rằng... thời của những người xưa như cha và chú đã xong rồi... Bây giờ những người... như chúng con phải gánh vác. Đúng là họ chưa thấy đường đi... Nhưng rồi người ta sẽ tìm thấy nó... Chắc là sẽ có những lúc lạc bước... nhưng chẳng sao... Lạc rồi thì lùi lại... Lùi lại rồi sẽ tìm ra... Chỉ còn cách thế thôi chứ còn cách nào nữa hở cha... Con chỉ biết chắc rằng đường ấy sẽ rất khác con đường đã đi quen...

Hôm nay, sau gần nửa năm, Tuấn và Huy mới lại gặp nhau. Những kỷ niệm và những rắc rối trong chuyến phiêu lưu lạ kỳ ấy như vẫn còn tươi rói trong lòng Tuấn. Anh nhắc lại câu hỏi với Huy:

- Cậu về bao giờ thế? Sao chẳng đến mình?

- Thì tớ đã đến xóm Cửa Cống rồi, nhưng cậu có còn ở đấy đâu nữa.

- Ừ nhỉ! Mình đang thuê nhà ở Ngọc Hà.

- Chỗ ở có kín đáo không?

Tuấn gật đầu, kéo bạn về nơi ở. Bây giờ Huy lại đóng vai một ông giáo trường tư. Áo the đen. Quần trắng. Giày Tây. Đầu đội mũ cát trắng. Tay ôm cái cặp cũ. Trông anh nền nã, đạo mạo. Khác hẳn với vai bồi bếp xưa kia. Khi đã ở hẳn trong gian nhà lá, Huy nghiêm trang nói nhỏ cùng bạn:

- Mình ở bên ấy về đã hai tháng nay. Mình về, đến ngay xóm Cửa Cống. Anh chị em ở đấy nói cậu đã dọn đi. Nhưng cũng là điều may, bởi vì ở lại cậu sẽ bị lôi thôi với bọn cớm. Anh Dương đã bị bắt mấy hôm rồi. Có cậu, mình lại có nơi trú ẩn.

Tuấn cười:

- Cậu cứ yên trí ở đây. Chung quanh toàn gia đình trồng hoa. Họ đều tốt bụng cả.

- Cũng không ổn được lâu. Bọn mật vụ đang xới lộn Hà Nội lên. Có lẽ mình phải lánh xa Hà Nội vài tháng. Đợi cho yên mới quay trở về.

- Hay là lên Từ Sơn ở nhà thầy mình.

- Không được. Ở đó cũng động.

- Hay là chúng mình về quê. Ừ, lâu lắm rồi mình chẳng về quê. Vả lại, ở đấy, họ hàng nhà cậu có thế lực. Nếu có chuyện gì có thể vào rừng, lên Hòa Bình, vào Thanh Hóa. Nơi ấy tiện đường mà lại chắc chắn.

2

Huy là người có tầm nhìn xa. Anh bàn với Tuấn:

- Họ Đinh họ Vũ làng mình cứ kình địch nhau rất vô lý. Hai đứa chúng mình cố làm sao cởi bỏ được mối bất hòa không nên có ấy. Cái mối hiềm tỵ ấy chỉ làm cho làng xóm càng ngày càng thêm u ám. Và khổ nhất vẫn là những gia đình thấp cổ bé họng.

Về đến làng, Huy dẫn Tuấn vào ngay nhà lý Cỏn. Thấy Huy, ông Lý mừng rỡ:

- Chú tú Huy đã về đấy à? Hôm anh ra Hà Nội, chú đi vắng. Anh hỏi thăm biết chú đã đỗ tú tài, anh mừng quá. Ông cụ Ký bảo còn cho chú học Cử nhân Luật, rồi ra làm quan, anh nghe mà nở từng khúc ruột. Họ nhà ta, rồi sau này nhất chú đấy... Có lẽ họ nhà mình phải làm khao thôi.

Huy mỉm mỏng cười xòa:

- Tú với Cử bây giờ có nghĩa gì đâu. Thời buổi nó khác ngày xưa rồi bác ạ.

- Khác là khác thế nào. Chú không biết đấy thôi chứ tú tài ở làng mình đã là sang lắm. Nhưng quan trọng là

phải làm khao. Nếu không khao làng người ta không công nhận.

Huy không muốn để câu chuyện đi theo hướng ấy. Anh giới thiệu cùng lý Cỏn.

- Xin giới thiệu với bác Lý anh Tuấn bạn em.

Ông Lý đon đả khi nhìn thấy bộ quần áo tây sang trọng của Tuấn:

- Quý hóa quá! Cậu Tuấn cũng về chơi với chúng tôi ư? Thật vinh hạnh... vinh hạnh...

Nhưng rồi nhìn kỹ Tuấn, ông thấy ngờ ngợ. Huy cười:

- Em đố bác Lý bạn em...

Ông Lý ngẩn người một lát rồi à to:

- Tôi nhớ ra rồi, đây có phải cậu ấm con cụ Phủ... Đúng rồi - Thế mà tôi chẳng nhận ra ngay. Thật vinh hạnh... vinh hạnh...

Ông Lý nói thế, nhưng trong bụng không khỏi chút lấn cấn, bởi vì ông không ngờ Tuấn họ Đinh, về làng lại không về nhà mình ngay, mà đến nhà ông trước tiên. Tuấn vốn vụng nhưng cũng đủ lanh lợi để nói:

- Đã hơn năm nay em chẳng về quê. Nhưng em cũng biết phép tắc của làng. Bác là nhất lý chi trưởng. Em phải đến chào bác để xin phép bác lần này chúng em về quê sẽ ở lại lâu lâu một chút.

Lý Cỏn xởi lởi:

- Các chú ở bao lâu cũng được. Mà càng lâu càng tốt. - Rồi ông quay sang Huy hỏi - Tôi nghe ông nhà mình nói tú tài bây giờ phải thi hai lần - ông tặc tặc lưỡi - Ôi chao! Ghê thật! Thi tú tài ta ngày xưa tưởng đã khó, hóa ra thi

tú tài tây ngày nay còn khó hơn. Chắc chú muốn về quê ôn thi cho đỡ ồn ào.

Nói đến đấy, ông lý Cỏn hãnh diện giơ tay chỉ tòa ngang dãy dọc nhà mình và nói:

- Chú nghĩ như thế là phải. Nhà mình thiếu gì chỗ khang trang, tĩnh mịch. Chú muốn ở chỗ nào để tôi bảo các cháu dọn dẹp... - Ông ta chỉ vào căn nhà hai tầng như cái chuồng chim, cạnh ngôi nhà thờ - Hay là để chú ở ngôi nhà tây anh vừa mới xây xong.

Huy phải lựa lời nói rất khéo trước sự nhiệt tình của ông Lý:

- Lúc em sắp về, thầy em dặn rằng: "Lần này về quê, con phải đến ở nhà bác tú Cao". Bác đã già lắm rồi. Chị Nguyệt lại ở Hà Nội. Mà chị Nguyệt cũng muốn kỳ này em về thăm dò xem sức khỏe bác Tú ra sao...

- Chú nghĩ thế cũng phải. Chú ở chỗ nào khác anh cũng chẳng bằng lòng, riêng ở với cụ thì anh không dám tranh. Anh vẫn đến thăm nom luôn. Song hai cụ già ở với nhau vẫn cô quạnh lắm. Chú đến đó chắc hai cụ rất vui.

Sau khi cô Nguyệt lấy chồng, cụ tú Cao bán cửa hàng thuốc bắc ở Hà Nội, trở về quê. Được cái, ông con rể, bác sĩ Alexandre là người Tây nhưng rất trọng lễ nghĩa.

Ngày xưa, họ Vũ Xuân làm một ngôi nhà trên mảnh vườn một mẫu cho cụ phó bảng Vũ Huy Tân ngồi dạy học. Cụ Tân khuất bóng. Ngôi nhà học bỏ hoang đổ nát. Ông con rể Alexandre liền làm một ngôi nhà đại khoa năm gian trên cái nền cũ tặng cụ Tú.

Ngôi nhà tọa lạc trên một nền cao, giữa khu vườn um tùm. Đó là ngôi nhà chính. Đằng sau nhà chính còn ba

gian nhà nhỏ nằm song song, tạo thành hình chữ nhị với ngôi chánh đường. Đó là ngôi nhà thờ. Nhà quay hướng nam ở dưới chân núi nên tương đối bằng phẳng. Trước nhà có giàn cây leo. Dưới giàn cây là vườn cảnh. Theo lối đi giữa vườn cảnh, leo lên bậc thềm bước vào gian chính giữa, nơi để cái sập cổ, cái sập gụ chỉ để trơn không chạm trổ. Cái sập nghe nói rất xưa, ngày nào cũng được bà cụ Tú lau chùi nên không đánh xi vẫn bóng lộn. Hai gian bên cạnh: gian phải kê một cỗ phản lim, gian trái là nơi tiếp khách. Ở hai đầu hồi có hai buồng gói. Trước mặt gian buồng gói bên trái có cây mít cổ thụ. Trước buồng bên phải trồng một cây bưởi.

Gian khách kê đôi tràng kỷ và bàn nước. Đặc biệt, ngồi trên tràng kỷ, lập tức nhìn thấy ngay một bức tranh chữ treo trên tường hậu. Tranh viết trên lụa bạch bằng mực đen nháy. Bức tranh được gia cố bằng lớp bồi phía sau, trên, dưới có trục tiện bằng gỗ mun đánh bóng trông như sừng. Đó là chữ Đạo viết rất chân phương, nhưng nhìn kỹ thấy nó mềm mại như có nước chảy bên trong. Nghe đồn đây là bút tích của cụ phó bảng Tân. Cụ phó bảng đã ra đi khỏi cõi đời này. Chẳng lưu lại gì hết. Chỉ còn độc một chữ viết trên lụa bạch trao lại cho người học trò nhỏ mà cụ có phần thiên ái. Cứ mỗi lần nhắc đến lịch sử bức tranh chữ cụ tú Cao lại hầu như nghẹn ngào run run nhắc lại những di ngôn của người thầy kính yêu:

- Thầy tôi bảo: "Con phải biết suốt đời thờ chữ Đạo. Đó là Đạo trời, Đạo làm người, Đạo tổ tiên...".

Cụ Tú bỏ kinh thành trở về quê, có lẽ cũng chỉ vì đau đáu trong lòng chữ Đạo. Cụ muốn giữ gìn và chỉ bảo cho

con cháu cố gắng bảo tồn chút âm đức của tổ tiên, giữ cho được chữ Đạo. Cụ bảo lý Cỏn:

- Anh nên nhớ đạo trời bao giờ cũng "tổn hữu dư, bổ bất túc". Thừa quá, trời sẽ lấy bớt đi; thiếu quá, trời sẽ bù cho. Cái nghèo luôn kề bên cái giàu. Anh nên cố gắng giữ cho bằng được chữ Đạo dành cho con cháu sau này.

Lý Cỏn rất lễ phép:

- Dạ, thưa chú, con sẽ không bao giờ quên lời chú.

Ông cụ Tú gật đầu. Ông biết lý Cỏn có nhiều tật, song điều khả dĩ của hắn là vẫn còn biết tôn trọng người trên. Ông cụ biết vẫn còn chút uy quyền tinh thần với lý Cỏn. Cho nên, cụ cũng cố dùng nó để nhẹ nhàng nhắc nhở, có lúc cần thì đe nẹt người cháu được số phận nuông chiều, quá ư thừa thãi quyền hành và của cải này. Nói thực bụng, trong lòng cụ Tú luôn đeo đẳng một cảm giác sợ hãi. Cụ sợ vì người cháu quá khôn ngoan lanh lợi, hắn đã đạt tới cái đỉnh cao trong làng xã. Mà ở trên cao, hắn lại không thấy run chân, chóng mặt. Cụ Tú thường than phiền với cụ đồ Tiết, người bạn đồng môn của cụ từ lúc còn để chỏm:

- Tôi thì luôn run sợ. Còn nó, ở bên bờ vực mà chẳng biết sợ hãi là gì.

Cụ Đồ Tiết vuốt râu:

- Cụ chẳng nên quá lo. Dù sao ông Lý cũng đã theo đòi nghiên bút, học đạo thánh hiền. Tôi đã dạy học ông Lý vài năm. Tôi biết ông ấy chứ...

- Cũng mong là như vậy - Cụ Tú thở dài, nhắc lại cái câu nói của người xưa - Đạo trời lồng lộng...

Khi Huy và Tuấn đến nhà, cụ tú Cao mừng ra mặt.

Cụ vốn tin ở chữ nghĩa. Cụ cho rằng chữ thánh hiền ngày xưa và chữ Tây ngày nay tuy khác nhau, tưởng như rẽ làm hai nẻo, nhưng rốt cùng chúng cũng đồng quy. Cụ chưa hiểu gì về văn hóa Tây phương, song bằng trực giác cụ tin như thế. Qua sự thất bại của các bậc cha chú và của thầy học mình, cụ không còn mang nặng nề sự tự hào vô lý của các bậc tiền nhân. Nhìn sự đời thay đổi lắm điều chướng tai gai mắt, cụ thấy buồn nhưng đã lờ mờ hiểu rằng, đang diễn ra một cuộc thay đổi chưa từng có trên non sông đất nước. Và cũng lờ mờ thấy rằng đây chỉ là bước đầu tiên. Cụ chỉ là người nhỏ tuổi nhất trong lớp người xưa, thế mà năm nay cũng đã ngoại sáu mươi.

Nghĩ đến tuổi tác của lớp người như mình, cụ buồn rầu lo lắng. Cũng do vậy, cụ rất chú ý đến lũ con cháu mình. Hình như, gặp Huy lần này, cụ thấy có cảm tình nhiều với đứa cháu. Ở Huy, cụ thấy nó rất khác người xưa, nhưng lại có một điểm rất giống: đó là sự nghiêm trang đến khắc nghiệt. Còn ở Tuấn, cháu ông bạn già, cụ thấy sự khác biệt với lớp người xưa quá nhiều. Sự nghiêm trang đã nhường chỗ cho sự phóng khoáng, phóng khoáng đến độ phóng túng. Có lẽ cậu ta là một họa sĩ... không biết các nhà tài tử ngày xưa có thế không? Chắc là có nhưng hình như ở họ vẫn có chút nghiêm trang. Còn ở Tuấn, cái tính cách mà bây giờ có tên gọi là tự do, cụ thấy nó cũng đáng yêu song lại cảm thấy sợ hãi nó...

Hôm đầu tiên, lúc mới bước vào đến sân, Tuấn đã reo to: "Ôi! Đẹp quá!". Đó là lúc anh nhìn thấy hai ông bà già

đứng dưới giàn bầu trước cửa nhà. Nắng lọt qua lớp lá mỏng tạo thành một mầu vàng chanh.

Những đốm nắng lọt qua những kẽ lá tạo thành những vết vàng trên sân gạch Bát Tràng. Rồi còn ông già nữa. Khuôn mặt, vóc dáng ông như hút hồn anh. Một thân hình gầy guộc nhưng cứng cỏi. Một khuôn mặt xương xương đầy nếp nhăn song rất tinh thần. Một chòm râu trắng như cước tiên phong đạo cốt. Một búi tó củ hành trên đỉnh đầu, thứ mà anh khó gặp nơi thành thị. Và nhất là một đôi mắt vừa sáng vừa hiền. Ở đấy ta tìm thấy cả sự ấm áp cả sự thông minh. Anh kêu lên "Thần nhãn! Thần nhãn". Anh chắp tay vái lạy đôi vợ chồng già rồi vội lấy cặp lấy bút ra vẽ.

Cử chỉ mới sơ kiến đã quá sốt sắng, nhiệt tình như vậy khiến cụ thấy ngạc nhiên. Nó vừa đáng yêu vừa lạ lẫm với cụ. Khi Tuấn vẽ xong, anh lễ phép cám ơn ông già, nói dăm câu thăm hỏi rồi xin phép về nhà cụ đồ Tiết:

- Cháu mới về làng gặp bác đã thấy thích, hứng thú. Cháu nghĩ đó là điều may mắn. Cháu cám ơn đã được gặp bác. Cháu sẽ vẽ bức tranh này bằng màu... để tặng bác.

Khi Tuấn đi khỏi, cụ Tú cười hiền từ.

- Hay thật! Lớp người như bác, nói cũng đắn đo từng chữ, làm cũng đắn đo từng bước, nghĩ cũng cân cân nhắc nhắc, lúc nào cũng thấy như đang đi trên băng mỏng; Còn cậu Tuấn... thật hồn nhiên, giống như cậu Alexandre con rể ta... có điều gì trong lòng đều không ngại thổ lộ. Huy hỏi:

- Thế cháu thì sao? Bác nhận xét cháu đi!

- Cháu ư? Ta thích sự nghiêm trang ở cháu.

Quả là Huy rất khéo. Mới về, anh đã chiếm được cảm tình của ông bác. Càng ở lâu, cảm tình ấy càng tăng. Huy biết làm công tác quần chúng. Đi hoạt động cách mạng, anh hiểu được vận động để quần chúng theo mình là một nghệ thuật tinh vi. Anh hiểu ông bác là người có uy tín lớn trong họ, trong làng xã. Ông cụ lại là ông lang có mối quan hệ rất rộng. Chiếm được cảm tình của cụ coi như việc vận động đã thành công một nửa. Lại cũng biết gây cảm tình với những người như cụ tú Cao không phải là việc lấy lòng, nịnh nọt thông thường mà phải bằng những việc thiết thực.

Một hôm, Huy bảo cụ Tú:

- Bác ạ, cháu muốn diễn ra bằng chữ quốc ngữ cuốn gia phả của dòng họ Vũ Xuân chúng ta. Bây giờ, càng lúc càng ít người biết chữ nho, do vậy sự thông hiểu lịch sử gia tộc mình càng ngày càng khó khăn.

Cụ tú Cao mừng rỡ:

- Được như vậy, còn gì quý bằng. Bác cũng muốn vậy, chỉ hiềm chữ quốc ngữ bác không thông thạo lắm. Nay, cháu là người biết nho học, lại cũng thông thạo Tây học. Cháu làm được việc này là có công đức với tổ tiên lắm.

- Thực ra, chữ nho cháu còn lõm bõm.

- Không ngại. Chỗ nào cháu chưa rõ, có bác đây giúp.

Hôm bắt đầu tiến hành công việc, cụ tú Cao sang nhà thờ họ, làm mâm cơm, thắp hương khấn vái lạy tổ, xin phép được mang cuốn gia phả chữ nho đựng trong cái ống sơn son xuống làm tài liệu viết cuốn mới. Lúc ngồi

uống rượu hưởng lộc tổ, có đủ mặt lý Cỏn và hai ông trưởng chi khác, cụ Tú nghiêm trang bảo:

- Họ Vũ Xuân nhà ta ngày xa xưa chia làm Giáp, Ất, Bính, Đinh. Chỉ còn chi Giáp ở lại làng. Ba chi kia lưu lạc khắp nước. Về sau mới tìm lại được chi Ất ở dưới Nam. Đó là chi Vũ Huy có cụ phó bảng Tân. Sau đó chi Vũ Huy lại mất liên lạc. Chi Giáp ở lại làng, con cháu phát triển, lại phân chi lần thứ hai: đó là chi Mạnh, chi Trọng, chi Quý. Chi Mạnh là chi trưởng tức chi Giáp cũ đổi thành. Hiện nay anh lý Cỏn là trưởng tộc. Họ ta hiện nay đông con cháu, phần lớn là gia đình nề nếp, có danh vọng trong làng và ngoài thiên hạ. Cuốn gia phả cũ bằng chữ nho đã viết ngoài trăm năm. Đã đến lúc phải viết lại, bổ sung thêm, và chuyển thành chữ quốc ngữ cho con cháu đều đọc được, hiểu được ngành trên chi dưới, hiểu được thế thứ tôn ti, hiểu được công đức tổ tiên đã bao đời gây dựng. - Nay, cháu Huy xin nhận đứng ra gánh vác việc ấy. Nghĩ rằng toàn họ ta đều phải hưởng ứng để làm tròn việc quan trọng này.

Lý Cỏn và hai ông trưởng chi kia nghe xong vâng dạ rối rít. Ông trưởng họ cuối cùng xuýt xoa khấn vái và xin âm dương, xin ngày khởi sự.

Ngày khởi sự cũng long trọng chẳng kém. Cụ Tú phải thắp hương đốt trầm lên. Hai bác cháu ngồi ở tràng kỷ. Việc đầu tiên phải dịch hiểu quyển sách cũ. Nghe nói cụ chấp bút cuốn này là một vị tú tài thời vua Minh Mệnh. Cụ tên Vũ Xuân Quang, tự Đắc Thời. Tuy chỉ có chân Tú tài thôi, nhưng cụ viết rất cặn kẽ và cứng cỏi.

Đại để, đầu tiên là bài tựa. Viết rằng:

Ngày 5 tháng hai năm Đinh Hợi, cháu mười đời họ Vũ Xuân, tên tự là Đắc Thời được thừa hưởng ấm phúc tổ tiên, có chút chữ nghĩa mọn, được đọc những ghi chép của tiên tổ để lại, chỉ thấy có ghi tự hiệu cùng ngày cúng giỗ. Mà công đức tổ tiên, ngành trên chi dưới, các nơi phần mộ, can chi hướng đất đều thiếu không được chép lại.

Bèn hỏi han cụ tổ đời thứ tám tên tự là Hữu Tín, miệng hỏi mà lòng ghi nhớ, đại khái cũng thu thập được đôi ba phần... Cho nên, phàm là sự thực truyền đời, những chỗ chưa ghi, thế thứ trên dưới cũng chép lại được đầy đủ, khiến cho con cháu hiếu thảo, sau này khi đọc gia phả, thì cũng hiểu được nguồn gốc và nhớ tới việc lưu truyền công đức tổ tiên...

Cụ tú Cao, như một ông thầy, đọc to giọng sang sảng, cứ đọc vài câu lại dừng lại, cắt nghĩa từng chữ rồi nói rộng thêm, có lúc kể cả một giai thoại mà trong họ chỉ truyền cho nhau bằng miệng chứ không ghi chép lại. Vũ Xuân Huy cắm cúi như một cậu học trò nhỏ, ghi chép rất tỉ mỉ. Anh có ý định sẽ viết cuốn gia phả kỹ càng hơn cuốn cũ, có thể giản dị dễ đọc hơn. Nếu có thể nó sẽ như quyển ký sự về một dòng họ.

Về nguồn gốc, cụ tú Cao kể lại:

Ngày xửa ngày xưa, họ Vũ Xuân lưu lạc đến đất Cổ Đình làm nghề sơn tràng. Chặt củi, đốt than vốn là nghề tổ. Sau được một thầy địa lý tìm cho một ngôi âm trạch đẹp. Mộ cụ tổ được táng trên lưng con Phượng Hoàng ở bên kia sông. Thành thử từ đấy, con trai họ Vũ Xuân không đỗ cao, nhưng con gái họ Vũ Xuân được tiếng là đẹp. Thậm chí trong họ, mấy đời sinh được mỹ nhân. Mà

nếu không là gái đẹp thì ít nhất đàn bà họ Vũ cũng dễ coi ngoài ra còn rất chăm chỉ đảm đang. Được tiếng như vậy nên con gái họ Vũ rất đắt chồng.

Người đàn bà họ Vũ nổi tiếng mỹ nhân là bà Vũ Thị Ngọc Viên. Bà Ngọc Viên được vào hầu hạ chúa Trịnh, được phong Thị Nội cung tần. Có một thời bà được chúa yêu. Người làng Đình bảo họ Vũ Xuân nhờ được váy người đàn bà mà phất lên từ đấy.

Người đàn bà họ Vũ thứ hai nổi tiếng mỹ nhân chính là bà Tổ cô đã được nói. Bà Tổ cô sinh vào thời loạn. Người làng Đình bảo, giá vào thời bình chắc bà không làm hoàng hậu, thì cũng phải làm quý phi. Ấy, trai họ Vũ người ta có thể coi thường, chứ gái họ Vũ, thì dù không phải người nội tộc họ Vũ, ai ai ở làng Đình này cũng đều quý trọng. Đặc biệt bà Tổ cô với nhiều huyền thoại bao phủ, càng được nhân dân Cổ Đình sùng kính hơn. Sùng kính vì ông Phủ chồng bà đã chết như vị anh hùng. Sùng kính vì chính bản thân bà đã đem một phần ba của cải, đem cả một hũ bạc hoa xòe của riêng mình ra xây dựng lại đền Mẫu, tạo ra chốn hương khói để nhân dân có chỗ phụng thờ. Bà dần dần biến thành người tiên, người thánh trong con mắt người đời. Nhất là từ hôm rắn thần "Ngựa ngài" từ dưới hang chui lên, đuổi lão "Mắt Mèo" báng bổ chạy bán sống bán chết, thì danh tiếng của bà đã lan ra khắp cả vùng...

Vũ Xuân Huy phải cật lực làm việc cả tối cả ngày suốt hơn tháng ròng để viết gia phả. Buổi tối, anh đến nhà các bậc đàn anh trong họ, hỏi han tìm hiểu. Ban ngày, lúc mọi người đi làm đồng, Huy ngồi viết. Khi tạm xong, lúc đọc để các bậc cao niên cho ý kiến, họ Vũ Xuân lại thắp

hương, đốt trầm, lại phải biện ba mâm rượu để các cụ góp ý sau đó hưởng lộc tổ. Bữa ấy, cả họ nức nỏm khen hay, khen cậu tú Tây mà cũng không quên nguồn gốc. Việc Huy viết gia phả họ Vũ Xuân hầu như được cả làng Cổ Đình biết. Cụ tú Cao khoe cháu mình với mấy ông bạn già. Ông cụ đã hoàn toàn tín nhiệm Huy. Ông cụ cũng đã làm cho gương mặt của Huy thêm khả ái trong con mắt người Cổ Đình.

Việc thứ hai Huy làm cho làng nước cũng khá được lòng dân. Anh mở lớp dạy học chữ quốc ngữ. Ngày xưa, họ Vũ Xuân đã dành cả khu vườn để cụ phó bảng Vũ Huy Tân mở trường dạy cho các nho sĩ trong vùng. Việc ấy đã nức tiếng cả vùng. Việc ấy có tiếng vang to lớn lắm, bởi vì trường của cụ Vũ Huy Tân là trường đào tạo những ông Tú, ông Cử. Cụ Vũ Huy Tân lại là nhà nho quân tử, yêu nước. Người ta ghen với họ Vũ Xuân nên bảo rằng họ Vũ Xuân thấy sang bắt quàng làm họ. Người ta cho rằng cụ phó bảng chẳng hề có dây mơ rễ má với họ Vũ Xuân. Chẳng qua cụ Vũ Huy Tân thấy cùng họ Vũ, và nhận thấy sự nhận họ này chẳng có gì hại, mà chỉ có lợi cho việc vận động yêu nước, nên cụ mới lặng yên mặc cho người đời hiểu ra sao cũng được. Chứng cứ là từ khi cụ Vũ Huy Tân không còn nữa, có thấy họ Vũ ở dưới Nam lên nhận họ nhận hàng gì đâu. Bình phẩm thế thôi, chứ thực ra việc mở trường của cụ phó bảng ngày xưa ở đây đúng là một việc rất hữu ích. Người trong vùng và các học trò của cụ Vũ Huy Tân đến bây giờ cũng có quên được sự kiện tốt đẹp đó đâu.

Lớp học của Huy dạy chữ quốc ngữ làm sao sánh được lớp học của cụ phó bảng. Trường ngày xưa là trường đào

tạo nên ông Tú, ông Cử; còn trường ngày nay chỉ là trường dạy sơ học. So sánh được họa chăng là so sánh với trường của các ông đồ già, ví dụ như cụ đồ Tiết, chỉ chuyên dạy cho lũ trẻ còn để chỏm đào lúc nào mặt mày cũng nguếch ngoác mũi dãi. Một ông tú tài Tây, sắp sửa đi làm quan, mà vẫn kiên trì dạy học cho dân quê. Điều ấy làm cụ tú Cao thầm khâm phục. Lý Cỏn rất sốt sắng với việc này. Lũ trẻ nhà lý Cỏn, trừ thằng Cò, đều không biết chữ. Huy bảo:

- Em chỉ dạy được vài tháng thôi. Dựng lớp cho có nề nếp. Sau này, bác Lý phải bắt thằng Cò dạy lũ trẻ.

Như vậy, lớp học lúc đầu toàn người trong nhà. Lý Cỏn để riêng hẳn cái nhà ngang làm chỗ mở lớp. Chưa có bàn ghế, phải trải chiếu ra nền nhà, để trẻ con nằm bò xuống đất mà học giống như lớp học của các thầy đồ xưa. Mới đầu chỉ là lớp học gia đình, về sau, dân làng biết tin, nhiều nhà đến xin cho con học.

Bù đầu vào công việc, mãi đến hơn một tháng sau, Huy mới đến được nhà cụ đồ Tiết. Anh nói với ông cụ:

- Cháu thật thất lễ. Bắt tay vào việc viết gia phả, cháu cứ bị công việc, và các gia đình trong họ lôi cuốn đi, đến nay mới đến thăm bác được.

- Anh có lỗi gì đâu. Tuổi trẻ mà biết làm những công việc có ích như vậy thật đáng mừng... đáng mừng... Chẳng bù với thằng Tuấn nhà chúng tôi... Suốt ngày chỉ chúi đầu vào quệt quệt vẽ vẽ.

- Thưa bác, Tuấn đâu ạ?

- Có lẽ nó sang đồn điền. Cái ông Tây Pierre bên đó cũng thích vẽ như nó. Chắc hai người đang đi với nhau.

Trịnh Huyền đi thăm đồng về. Huy cũng nghe nói về người cháu ngoại cụ đồ Tiết ở dưới Nam lên. Nhìn người đàn ông có bộ mặt nửa hiền lành, nửa kỳ dị, Huy gật đầu chào. Trịnh Huyền cũng lễ phép đáp lễ. Trịnh Huyền ngoại tứ tuần, cũng vào trạc tuổi lý Cỏn. Ngồi nói chuyện một lát, Huy mới biết người đàn ông này rất từng trải, đã từng đặt chân đi khắp một dải từ Hòa Bình, Sơn Tây đến Hà Đông - Nam Định. Huy hỏi:

- Đi nhiều thế, bác thấy các vùng ra sao?

- Ra sao ư? Đâu mà chẳng thế! Đến đâu cũng chỉ thấy cực nhọc, vất vả... Hay tại tôi là kẻ quanh năm chỉ biết con trâu, cái cày, quanh năm chỉ quen những người nông phu nên nhìn sự đời nó ảm đạm quá.

Tự nhiên Huy thấy có cảm tình với Huyền. Tự nhiên, Huy có cảm giác đây chính là người anh đang cần gặp. Huy hỏi:

- Bác Huyền chắc biết chữ Nho?

Huyền gật đầu:

- Thuở nhỏ tôi cũng võ vẽ đôi chữ thánh hiền.

- Còn chữ quốc ngữ?

- Tôi chưa học. Nhưng có lần đến làm cho một ông chánh, cậu con ông ta dạy cho tôi một tuần. Tôi thuộc 24 chữ cái. Tôi cứ ghép chúng lại tập đánh vần mãi... Nay cũng đã đọc bập bẹ.

Huy ngạc nhiên và mừng rỡ:

- Bác thật sáng dạ.

Huyền cười hỏi lại Huy:

- Tôi nghe nói cậu mở lớp dạy học cho trẻ trong làng.

- Vâng. Mới dạy chừng vài buổi.

- Người nhớn cũng cần biết chữ quốc ngữ.

Huy cầm lấy tay Huyền:

- Thì chính hôm nay tôi sang đây cũng vì việc ấy. Tôi định nhờ bác và anh Huyền thành lập lớp học cho người lớn. Mới đầu chỉ chừng vài người thôi. Tôi sẽ kèm cặp học buổi tối. Tôi nghĩ như anh Huyền đây, chỉ học chừng một tháng nữa là đọc thông viết thạo.

Huyền nắm chặt tay Huy vui mừng. Huy lại hỏi:

- Em có được nghe đồn về tiếng đàn của bác Huyền. Thú thực, em sang đây còn có một mong muốn. Em cầu xin bác cho em nghe một khúc đàn. Em cũng biết bác chỉ đàn khi có lễ hội, song em không gặp may, về quê lại chẳng đúng ngày hội...

Huyền và Huy cùng nhìn lên cây đàn nguyệt treo trên vách. Gặp gió, cây đàn thoảng ngân tiếng u u...

Mắt Huy khẩn khoản. Mắt Huyền ngập ngừng. Ông đồ Tiết không dụ con bằng lời nói mà chỉ lim dim con mắt đầu khẽ gật. Hình như Huyền nể lắm. Người trung niên có gương mặt kỳ dị ấy khoan thai đứng dậy. Ông đến trước cây đàn đầu hơi cúi. Ông ôm đàn không ra tràng kỷ mà đến gần chiếc ghế đẩu ở góc nhà. Ông vắt chân chữ ngũ so dây.

Ấn tượng nhất là người đánh đàn cầm cây nguyệt hết sức kính cẩn, rồi đưa nó lên ngang mày, hình như muốn dâng cây đàn lên trước một ai đó vô hình, vô ảnh.

Người nông dân mà trước đây ít phút còn nói với Huy về những con trâu, cái cày, lúc này đã biến đâu mất, thay thế vào đó là một con người khác. Cây đàn cao quý đã lột

xác cho anh, hay sự thanh khiết cao quý trên khuôn mặt kỳ dị của anh đã hóa thân vào cây đàn, đã nhập hồn vào hai dây tơ. Mới đầu tiếng đàn còn có chút ngập ngừng. Cứ như thể muốn thăm dò. Có lẽ vì là sơ kiến nên tiếng đàn còn e ngại chăng.

Chẳng biết kẻ ngồi nghe ra sao? Có đáng để tiếng đàn bày tỏ, thổ lộ hay không? Huyền vừa đàn vừa liếc nhìn Huy. Còn Huy, anh cũng đủ tinh tế để hiểu tình trạng tâm lý của Huyền. Vừa rồi, sự giao cảm bằng lời nói giữa anh và Huyền cũng mới chỉ đủ xóa đi sự cách ngõ đầu tiên giữa con người. Không hiểu sao anh cứ tin rằng Huyền là người anh cần tìm và Huyền cũng cần anh. Trực giác mách bảo Huy điều đó. Cầu nghe tiếng đàn có lẽ là bước đi quá nhanh chăng? Mới gặp lần đầu sao anh gấp gáp thế? Nhưng anh không thể trì hoãn được. Anh cần những người bạn bè đáng tin cậy, nhất là ở chốn xa xôi heo hút này. Anh biết chỉ một cử chỉ khinh suất nhỏ nhặt thôi là cuộc gặp gỡ hôm nay thất bại. Tiếng đàn có thể thay lời nói để nói rất nhiều. Chính vì vậy nên Huy nghĩ mình phải rất thành thật. Sự thành thật có sức cảm hóa mạnh. Có thể những ý nghĩ tốt đẹp ấy không được nói ra, nhưng chúng cũng có cách biểu hiện riêng trên gương mặt Huy. Có lẽ bằng ánh mắt chăng, thứ ánh mắt khát khao đi tìm sự đồng điệu, đồng tâm, nó vụng về nhưng nó thực. Chính sự vụng về ấy lại dễ làm người ta tin hơn. Có lẽ bằng sự chăm chú đến mức như kính cẩn chăng? Không gì đáng ghét hơn sự giả vờ chăm chú...

Những suy nghĩ ấy nảy ra trong Huy khi tiếng đàn vang lên. Nhưng rồi những suy nghĩ cũng tan loãng theo

tiếng đàn. Dần dần người đánh đàn, người nghe và cây đàn đã hòa làm một. Tức là đã có sự tin cậy, đã có sự hòa đồng, đã có cuộc thổ lộ... Tiếng đàn réo rắt, tiếng đàn trầm trầm, tiếng đàn rộn ràng, tiếng đàn thì thầm nói với Huy những điều mà người ta chẳng muốn nói bằng lời, vì nói ra lại phải dùng những lời to tát, điều mà những người như Huyền có thể thực hiện, có thể hiểu, nhưng không biết hoặc không muốn diễn tả.

Đấy, cuộc làm quen giữa Huy và ông Trịnh Huyền đã xảy ra như thế. Một cuộc vận động kỳ lạ, một cuộc vận động bằng nghe đàn và đánh đàn chứ không bằng lời nói. Tuy ít lời, nhưng sau cuộc gặp gỡ ấy, hai người đã có thể hiểu nhau, tin cậy nhau, có thể hoàn toàn thẳng thắn nói với nhau những điều hệ trọng mà thông thường người ta giấu kín trong lòng. Sau cuộc gặp ấy, Huy có thêm một lớp học ban đêm cho người lớn. Lớp học chữ chỉ gồm ba học viên: ông Huyền, Điều và Nhụ. Về sau, Huy nói với Tuấn.

- Bữa ấy, mình có cảm giác như được hưởng một đặc ân.

Tuấn cười:

- Đúng là đặc ân. Cậu có duyên lắm mới được nghe tiếng đàn của ông Trịnh Huyền. Từ khi về đây, ông Huyền có đánh đàn riêng cho ai nghe bao giờ đâu. Con người này gương mặt kỳ lạ, mà tính tình cũng kỳ lạ. Có lúc bắt gặp cái nửa mặt cháy sém của ông ta, thấy một sự tức giận nổ trời, thấy ghê rợn và nghĩ rằng đó là con người chỉ biết có hận thù, lãnh đạm. Những lúc khác, lại bắt gặp cái nửa mặt kia, cái nửa mặt buồn buồn hiền từ, ông Huyền lại biến thành con người đối nghịch với con

người cháy sém. Tôi thích tiếng đàn của ông, đã mấy lần cầu khẩn song không bao giờ ông cho tôi nghe riêng. Ông ta chỉ đánh đàn cho thần linh, hoặc cho riêng mình. Người ta bảo ở điện Mẫu, nghe tiếng đàn của ông, người ta thấy mê đi, lâng lâng; không cứ bà đồng, mà tất cả mọi người đều muốn ngồi đồng. Có người còn bảo có con hổ mang chúa dưới bệ thờ, nghe tiếng đàn của ông cũng thò đầu ra lắc lư. Đấy là lời đồn trong dân. Riêng tôi, có đôi lần lúc đêm khuya thanh vắng cũng được nghe tiếng đàn của ông. Đó là lúc ông đàn riêng cho ông nghe. Ở ngoài vườn nhà ông chú tôi, có cái nhà ong dưới gốc nhãn, đêm ông Huyền ra đó đàn một mình. Ai muốn nghe hãy lặng im mà nghe. Bởi vì chỉ một tiếng động tạp thôi, là tiếng đàn ấy tắt ngay lập tức.

- Sao thế nhỉ? Thế mà riêng tôi, ông ấy lại chịu...

Tuấn trầm ngâm nhận xét:

- Tôi không được nghe vì tôi khác ông ấy. Còn anh, anh được nghe, vì anh có chỗ giống ông Huyền.

- Giống ư? Giống chỗ nào?

- Giống ở chỗ, thực chất tâm hồn anh là một tâm hồn nho sĩ. Mà Trịnh Huyền cũng có tâm hồn nho sĩ... Anh không tin sao?... Anh không biết đấy thôi, Trịnh Huyền rất giỏi chữ Hán.

- Tôi không tin... Trịnh Huyền vốn là một nông dân...

- Thì nông dân cũng thế... Nông dân là một nho sĩ tiềm năng.

Hai người bạn nhìn nhau. Tuấn không giải thích nhiều, nhưng câu nói của bạn làm Vũ Xuân Huy phải suy nghĩ rất nhiều.

3

Về Cổ Đình, Tuấn vẽ được nhiều tranh.

Tuấn là một lãng tử, anh về Cổ Đình không có một mục đích nhất định như Huy. Ở đâu, cách sống của anh cũng chỉ là làm sao sống cho được thoải mái, phỉ chí. Trước kia, Tuấn say mê cảnh đẹp thiên nhiên. Anh bỏ trường Mỹ thuật vì ở đấy gò bó, anh không thể đi đây đi đó phiêu bạt theo ý muốn. Rời khỏi trường học, ai rủ đi đâu anh đi liền. Lên Bắc Ninh chán, anh vào Thanh Hóa. Thanh Hóa chán, anh lại ra Hòn Gai... Chuyến đi sang Tàu hụt của anh cũng thế, anh vui bạn nên đi chứ đâu có những suy nghĩ sâu xa như Huy. Ngay cả khi ở Lạng Sơn, bị Tây bắt vào đồn, nhưng thấy ở đấy cảnh quá đẹp, anh cũng ở lại với Tây đồn ít hôm để vẽ.

Đặc biệt lần về Cổ Đình này, Tuấn bỗng chuyển hướng cây cọ. Đang từ vẽ phong cảnh, anh xoay sang vẽ chân dung. Và Tuấn chợt khám phá ra một điều: vẽ chân dung rất thú vị. Đang từ chỗ phải chú ý đến toàn cảnh, đến bố cục, đến khái quát, anh quay sang chú ý đến thế giới nhỏ bé của một gương mặt. Cái thế giới bé nhỏ của gương mặt người hóa ra vô cùng phức tạp, tinh tế. Làm sao lột tả được một ánh mắt. Làm sao biểu hiện được sự rung động của một hàng mi. Làm sao bộc lộ được cái hơi thở gấp gáp của một gương mặt nhục cảm. Rồi đôi môi, vầng trán, vành tai, gò má, sợi tóc... mỗi centimét da thịt

trên mặt người đều có cái thần riêng của nó. Hóa ra sự phiêu du trên gương mặt con người cũng vô cùng hấp dẫn, ở đấy ẩn chứa bao điều kỳ thú mời gọi người họa sĩ đến khám phá. Cái diện tích chỉ rộng hơn bàn tay tí chút hóa ra là cả một thế giới mênh mông sinh động. Cái địa dư một bàn tay ấy thế mà rất bao la.

Khuôn mặt đầu tiên Tuấn vẽ là khuôn mặt cụ Tú. Hôm mới chân ướt chân ráo về làng, anh bắt gặp khuôn mặt ông già và thế là anh mê mẩn thích vẽ chân dung. Hôm ấy, hình như Tuấn hơi bộp chộp, có thể nói là khiếm nhã nữa. Cũng may, cụ Tú là nhà nho rất kỹ tính nhưng lại phóng khoáng. Cụ là người không chấp chước. Ở cụ đã có thấy thấp thoáng một tấm lòng chay tịnh chân nhân, một thái độ thõng tay vào chợ an nhiên chất phác. Vì vậy Tuấn cuống cuồng si mê hội họa đến quên cả lịch thiệp, cụ cũng tìm thấy sự dễ thương, đáng yêu chứ không đáng trách. Thậm chí, mấy hôm sau, lúc Huy đi vắng, Tuấn còn tìm đến để ký họa về ông cụ. Tuấn vẽ cụ tưới lan, vẽ cụ ngồi uống nước vối ở thềm nhà, vẽ cụ xắn quần tay che đầu bằng chiếc quạt mo.

Để rồi sau đó ít hôm, Tuấn mang đến một bức họa có lẽ anh ưng nhất. Bức họa vẽ hai ông bà đứng dưới giàn bầu trĩu quả. Cụ bà đang thăm bầu. Đôi mắt sung sướng được nắng rọi vào lóng lánh. Còn cụ ông thì nhìn vợ với nụ cười. Cái quạt mo che đầu được mớ tóc bạc làm cho thêm sáng. Anh thích sự lan tỏa ánh sáng của mớ tóc bạc. Thứ ánh sáng vừa xanh vừa vàng hắt từ mái tóc sang cái quạt. Nó trườn sang cả quả bầu và ánh xạ cả vào gương mặt phúc hậu của bà cụ già. Tuấn đặt tên bức tranh là "Tình già". Nghe thế, ông cụ cười:

- Bức vẽ khéo đấy. Song việc gì anh phải đặt tên cho nó. Không hợp với người quê chúng tôi đâu.

Thời gian Tuấn say mê vẽ chân dung cũng khá thú vị. Anh hiểu rằng vẽ chân dung thật khó; không phải bất cứ họa sĩ nào cũng vẽ chân dung được. Anh cũng hiểu những khuôn mặt có cá tính như của cụ Tú bao giờ cũng dễ vẽ. Cái khó là vẽ chân dung những người bình thường, những khuôn mặt không có cá tính. Nhưng Tuấn lại cứ đinh ninh rằng gương mặt nào cũng có cá tính; chỉ có điều cá tính ấy ẩn chìm, và nhiệm vụ người họa sĩ là tìm, vẽ cho được cái ẩn chìm ấy, điều mà xưa kia vẫn gọi là cái thần thái của con người. Tuấn lao vào cuộc truy tìm những thần thái của người dân Cổ Đình. Vẽ những bà già, những trẻ thơ và những cô thôn nữ. Anh vẽ đi vẽ lại. Có những khuôn mặt anh vẽ hàng chục lần ở những góc độ khác nhau. Anh vẽ phác nhanh, đặc biệt chú trọng đôi mắt.

Một bận, Tuấn gặp Pierre Messmer cũng mang giá đi vẽ. Hai họa sĩ một tây, một ta, nhưng chỉ mới gặp đã thân thiết với nhau ngay. Pierre không nói mà chỉ cười mỉm với Tuấn. Còn Tuấn cũng vậy. Đó là hai con người hồn nhiên. Hồn nhiên có tiếng nói riêng của nó. Những kẻ hồn nhiên, chỉ mới gặp đã có thể nhận ra nhau ngay không cần nói.

Pierre mời Tuấn về ngôi nhà anh ta thuê. Ngoài chỗ ở trong đồn điền, Pierre còn thuê một ngôi nhà lá trong làng Cổ Đình để làm nơi vẽ. Pierre thích làm việc hòa nhập với thế giới bên ngoài. Ông cho rằng muốn rung cảm thực sự, người họa sĩ phải thường xuyên tiếp xúc với thiên nhiên, tiếp xúc với thế giới mà mình đã chọn lựa.

Cái thế giới mà Pierre muốn thâm nhập ấy chính là ngôi làng quê xứ An Nam. Thực ra, ngôi nhà mà Pierre thuê chỉ là chỗ anh để đồ lề, chỗ anh nghỉ chân buổi trưa sau khi đã lang thang ngoài đồng ruộng, trong các ngõ xóm khúc khuỷu của ngôi làng cổ.

Xưởng vẽ của Pierre không phải là gian buồng kín mà thực sự là ở ngoài trời. Khi đã tìm được chỗ, Pierre đặt giá vẽ rồi bắt đầu vẽ, cắm cúi mải miết vẽ, có khi từ sáng đến tối, có khi vài ngày tại một chỗ liền, không lần lữa cho đến khi hoàn thành bức vẽ. Ông muốn sao cho bức vẽ giống như thật.

Về đến nơi ở thuê của Pierre, Tuấn cười to vui vẻ. Bởi vì ngôi nhà lá ấy không xa lạ, nó là căn nhà của bà mõ làng Đình, căn nhà ngang của bà ba Pháo. Việc ông Tây thuê nhà của bà mõ cũng làm người ta xì xào. Ông lý Cỏn bảo:

- Mụ ba Pháo là hạng người thấp kém trong làng. Quan lớn ở chỗ ấy sợ không xứng với người. Nhà tôi rất rộng, nhà ông tiên chỉ cũng tòa ngang dãy dọc. Nếu quan lớn cần, chúng tôi sẽ tìm một nơi khang trang để ngài ở.

- Tôi tìm một nơi để vẽ chứ đâu cần tìm nơi để ở. Tôi thấy nhà bà ba Pháo đẹp. Ông Lý đừng bận lòng, tôi ở đấy không sao đâu.

Còn Julien, khi nghe ông lý Cỏn kể lại tình hình, hắn đã đến thẳng nhà bà mõ. Đến nơi, gặp cảnh Pierre và Tuấn đang cùng cô Hoa con bà ba Pháo làm mẫu vẽ chân dung, Julien cười phá lên và giơ hai tay lên trời:

- Ông Lý ơi, anh Pierre của tôi ở đây là phải quá. Không sao đâu! Ông Lý đừng lo.

Biết em mình có ý nghĩ lầm, nhưng Pierre cũng chỉ cười:

- Phải đấy! Cám ơn ông Lý đã quan tâm. Nhưng thực ra ở đây, chúng tôi cảm thấy rất thoải mái.

Cách vẽ cô Hoa của Pierre và Tuấn hoàn toàn khác nhau. Pierre nệ thực hơn. Ông vẽ Hoa rất tỉ mỉ và chính xác. Tuấn vẽ phóng khoáng hơn. Anh vẽ một cô Hoa với cái đầu hình như nhỏ hơn, dài hơn. Cái vai như to hơn, rộng hơn. Đó là chân dung một con người ngay thẳng. Hai con mắt của cô trong tranh cũng to hơn. Khi hai người vẽ xong, họ đưa tranh cho cô xem. Hoa bảo:

- Ông Tây vẽ tôi đẹp quá. Tôi quê mùa đâu có đẹp được như thế này.

- Còn tranh của tôi? - Tuấn hỏi cô gái mà anh biết là cô em họ của mình. Hoa chắc cũng biết mối quan hệ họ hàng với người họa sĩ, nhưng cô vẫn trả lời bằng một sự xa cách cần thiết.

- Tranh của cậu vẽ tôi nhìn vào đã thấy đôi mắt. Chúng to quá và buồn quá. Không đẹp bằng tranh của ông Tây, song, không hiểu sao tôi lại thích bức tranh này.

Cả hai người họa sĩ cùng cười. Họ biết Hoa không hiểu gì về họa nhưng đã nói đúng. Hai người rất khác nhau về quan niệm nghệ thuật, tuy nhiên họ vẫn rất trân trọng cách riêng của nhau. Ở chốn hẻo lánh này, có một người bạn nghệ thuật đâu phải dễ. Vì vậy, họ rất quý mến nhau, dù mới gặp được vài ngày. Tuấn vẽ sơn dầu còn vụng vì thực ra anh sử dụng sơn dầu chưa lâu.

Pierre nói:

- Sao anh không nghiên cứu vẽ lụa? Ở Hà Nội người

ta đang nghiên cứu sơn mài. Những kiểu vẽ ấy, phương Tây chúng tôi không có.

- Tôi thích sơn dầu.

- Chúng tôi đã có truyền thống mấy trăm năm về sơn dầu. Người họa sĩ An Nam vẽ sơn dầu, chưa hề có truyền thống, chắc chắn sẽ khó khăn.

- Khó khăn tôi cũng làm. Chưa có truyền thống thì tạo ra truyền thống. Tôi nghĩ mình có thể đưa tâm hồn của xứ sở mình vào sơn dầu và có thể tạo ra cách đi riêng của mình.

- Anh có thể nói rõ hơn ý kiến của anh xem sao.

- Tôi nghĩ người Đông phương chúng tôi thường ưa màu nâu, đen, đỏ sậm, vàng... tức là thiên về tính âm. Nhà cửa chúng tôi cũng vậy: chùa và đình thì thấp, gần như sát mặt đất, và nhìn vào chỉ thấy cái mái ngói to rộng cũng lại màu nâu. Tâm hồn chúng tôi nghiêng về sự trầm tư, chậm chạp. Còn sơn dầu của người Tây phương các anh thì sao. Nó trực tiếp, nó năng động, thiên về ánh sáng và tốc độ. Nó mang tính dương. Âm quá và dương quá đều bất cập. Tôi ước ao một sự điều hòa...

Pierre gật gù. Ông nhớ tới nhà dân tộc học René de Fromentin. Ông không ngờ ở chốn heo hút này lại được gặp một người bản xứ trẻ tuổi mà lại suy nghĩ thâm trầm. Và Pierre chợt hiểu một điều từ lâu ông vẫn suy nghĩ. Đó là, ông rất yêu cây cỏ hoa lá ở xứ này, yêu cả cái ánh sáng chói chang của nó nữa; tuy nhiên ông vẫn luôn luôn cảm thấy mình còn thiếu một cái gì đó khi thâm nhập vào cuộc sống bản xứ. Ông đi vào nó nhưng luôn luôn cảm thấy có một bức tường vô hình chắn lại và đẩy

bật ra. Hôm nay, ông hiểu. Thì ra ông vẫn luôn luôn là một người khách, một người xa lạ ở xứ sở này. Pierre đưa ra một nhận xét:

- Cái mặc cảm "chú khách" của các ông ghê gớm thật.

- Biết làm sao được. Nhân dân chúng tôi vẫn gọi người Tầu đến nước tôi là "chú khách". Phải giữ khoảng cách với họ như thế, vì họ là khách đến rồi lại đi, chúng tôi yếu nên chúng tôi phải thế.

- Còn chúng tôi thì sao? Chúng tôi có là khách không? Người Pháp khác thì chẳng biết sao, chứ riêng tôi, tôi không muốn là khách của các bạn.

Tuấn im lặng không trả lời, và cũng không muốn trả lời. Pierre lại đưa ra một nhận xét thứ hai:

- Tôi hiểu cái mặc cảm ấy của người nước bạn. Có thể các bạn vĩ đại vì mặc cảm ấy. Nhưng nó cũng sẽ gây cho các bạn sau này không ít khó khăn.

Tuấn vẫn im lặng không nói.

Sau khi vẽ được một loạt chân dung, Tuấn đem đến cho Huy xem. Khi xem đến bức chân dung cô Hoa, Huy cứ ngắm nghía mãi. Hết nhìn gần lại nhìn xa, cuối cùng hỏi:

- Ai đây?

- Cô Hoa, con thím Pháo.

- Pháo nào nhỉ... Có phải...

- Đúng đấy... Bà mõ làng mình...

- Như vậy... cô ấy với cậu...

- Chúng tôi... có họ với nhau.

Huy ngắm nghía hồi lâu nữa rồi thốt lên:

- Xin chúc mừng... chúc mừng.

- Chúc mừng gì? - Tuấn ngạc nhiên.

- Chúc mừng hai điều. Thứ nhất, cậu đã vẽ được một bức tranh đẹp. - Thứ hai, như vậy là không phải như lời đồn ngày xưa chỉ họ Vũ Xuân nhà mình mới đẻ ra các mỹ nhân. Họ Đinh Công nhà cậu cũng đã sinh ra mỹ nhân.

- Mỹ nhân ư?

- Chứ sao? Nếu như giữa người mẫu và người trong tranh giống nhau, thì đây là người con gái đẹp nhất mà mình từng thấy.

Chiều hôm ấy Huy và Tuấn đến ngay nhà bà ba Pháo. Họ bắt gặp Pierre Messmer đang vẽ bức "Ao bèo mùa thu". Bức tranh vẽ cái ao nhỏ trước cửa nhà thím Pháo. Một búi tre bên bờ. Một chiếc cầu ao bắc bằng mấy cây tre. Một cô gái đang chao rổ rửa bèo. Những vòng sóng lan tỏa. Ánh nắng thu loang loáng mặt ao, hắt sáng vào người cô gái được người họa sĩ đặt vào trung tâm bức tranh. Cô gái nõn nà, tràn đầy sức sống, quê nhưng những đường nét mềm mại chẳng có chút thô kệch. Động tác bàn tay và thân hình cô uyển chuyển sinh động. Bút pháp tả thực của Pierre càng làm tôn vẻ đẹp của cô. Pierre rất khéo vẽ động thành thử người xem như vẫn còn cảm nhận thấy những hoạt động duyên dáng của cô, thậm chí còn cảm thấy cả ánh nắng phản quang nhảy múa trên gương mặt cô.

Đến bức tranh tả thực của Messmer, thì Huy hoàn toàn bị thuyết phục. Anh khẳng định:

- Không phải họ Vũ Xuân, cần nói chính xác hơn, mà chính đất Cổ Đình là nơi đã sản sinh ra các mỹ nhân.

Pierre đã vẽ xong. Ba người ngồi trên cái chõng tre nói chuyện. Pierre bảo:

- Ông Huy tinh mắt đấy. Cô Hoa là một người đẹp, và riêng đối với họa sĩ chúng tôi, cô ta là một người mẫu lý tưởng. Chính vì vậy nên tôi đã thuê nhà ở đây. Cô ấy có cái duyên dáng riêng của người Bắc Kỳ. Tôi đã nhờ cô mà vẽ được chục bức phác thảo về làng quê. Tôi đã dựng được một bức tranh mà tôi ưng hơn cả: Bức "gánh lúa". Rồi hôm nào tôi mời ông xem.

- Người dân quê chúng tôi nghèo lắm. Liệu Tuấn và Pierre vẽ thế có làm phiền tới họ không?

- Không hề. - Tuấn lắc đầu.

Pierre cười:

- Chúng tôi làm mất thì giờ của họ. Đúng vậy. Song chúng tôi cũng phải biết đền bù cho họ chứ.

Hai mẹ con cô Hoa đã về tới sân. Họ từ ngoài đồng về, quần còn xắn đến đầu gối. Cô xuống cầu ao, tay bíu lấy cành vối trước mặt, chân khỏa nước, miệng cười tươi. Khi trở lại sân, cô cởi chiếc khăn vuông lau mặt rồi niềm nở mời khách vào nhà. Bà ba Pháo bưng ấm nước vối lên nhà, rót thứ nước nóng hổi màu hổ phách vào những chiếc bát đàn mời khách. Cô Hoa nhìn Huy, hỏi Tuấn:

- Chắc cậu đây cũng là họa sĩ. Nhà chúng em đây thế là được đón ba họa sĩ.

Huy lắc đầu:

- Tôi không phải họa sĩ.

Bà ba Pháo là người luôn nắm rất nhanh mọi sự việc trong làng xóm, lên tiếng hỏi:

- Cậu có phải cậu Tú, con cụ ký Nhàn ngoài Kẻ Chợ? Ôi! Đúng rồi. Hôm nọ tôi có gặp cậu ở nhà ông Lý. Cậu không biết tôi, chứ tôi biết cậu. Mà cả làng đều biết cậu. Cậu mở lớp dạy học cho con trẻ, cả làng được nhờ. Thật quý hóa quá. Cậu đến chơi nhà mẹ con cháu, thật quý hóa quá.

Sự vồn vã của bà ba Pháo làm Huy lúng túng. Ông Tây Pierre khéo léo xuýt xoa khen ngợi nước vối của bà chủ nhà vừa thơm vừa ngọt. Còn cô Hoa nghe mẹ nói xong, thỉnh thoảng lại liếc mắt sang nhìn Huy. Rồi bất chợt, cô hỏi Huy:

- Cậu Tú ơi! Những người lớn như cháu học chữ có được không?

Lẽ dĩ nhiên, Huy phải mừng rỡ vì câu hỏi đó và nhanh nhảu trả lời "Được lắm chứ".

4

Ngày rằm tháng mười là ngày giỗ cụ phó bảng Vũ Huy Tân, cũng là ngày giỗ cụ cử Phùng Khiêm. Tại sao hai người lại giỗ cùng ngày? Nguyên do như sau: Đúng ngày rằm tháng mười năm Giáp Thân (1884) là ngày ông cử Khiêm chết. Rồi ở Huế vua Hàm Nghi lên ngôi. Huế thất thủ, vua chạy ra Quảng Bình xuống chiếu Cần Vương. Ông Vũ Huy Tân ở đất Hưng Hóa cùng các văn thân và các nghĩa sĩ chống Pháp. Năm Mậu Tí (1888)

vua Hàm Nghi bị bắt. Phong trào Cần Vương bị suy yếu, một số văn thân tự vẫn, một số ra hàng, nhưng một số người vẫn không chịu thua, trong đó có phó bảng Vũ Huy Tân. Cụ Vũ Huy Tân lúc đó cũng gần 50 tuổi song còn tráng kiện. Một bận, đúng ngày giỗ Phùng Khiêm, cụ trở về Cổ Đình, gọi học trò lại bảo rằng:

- Bác cử Khiêm với ta là chỗ thâm giao. Nay bác Cử vì việc nước mà lẫm liệt hi sinh. Gia đình bác ở dưới Nam cũng vì thế mà tan tác hết. Con cháu chẳng biết còn ai. Bác Cử gái lại là người họ Vũ Xuân. Ta rất xót xa, không muốn người đã chết phải chịu cảnh hương lạnh khói tàn. Bác Cử lại có lúc giúp ta dạy bảo các anh. Một ngày cũng là nghĩa thầy trò. Ta muốn từ nay các anh lấy ngày rằm tháng mười, thay ta, đốt nén nhang tưởng nhớ đến vong linh bác Cử. Mảnh đất này, họ Vũ Xuân dựng trường cho ta dạy học. Cũng nên làm giỗ ở chính ngôi trường này.

Bữa ấy, học trò trong vùng về rất đông. Thứ nhất để làm giỗ ông Cử. Thứ nhì để thầy trò gặp mặt nhau. Mấy năm nay cụ phó bảng đi biền biệt, thỉnh thoảng mới tạt về, nên môn sinh rất nhớ nhung thầy.

Hôm ấy, cụ Vũ Huy Tân rất phấn hứng. Cụ báo tin cho mọi người biết tin vua Hàm Nghi đã bị giặc bắt đi đày. Giọng cụ rất cảm khái. Cụ sang sảng nói:

- Có người cho rằng vì đức vua là người đứng đầu cả nước nay đã bị bắt thì khác gì con rắn mất đầu. Phong trào Cần Vương ắt phải tan rã. Như thế là nản lòng, thoái chí. Có người hỏi ta rằng: "Vua đã mất thì còn gì nữa?". Ta xin trả lời rằng: "Vua mất, còn nước". Ta xin nói thật, ta trọng quốc hơn trọng quân. Ta rất trọng khí

phách của quan đình nguyên Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh. Vua bị bắt rồi mà vẫn tự mình chiêu mộ binh lính đánh Pháp. Tức là cụ Phan đã lấy sự ái quốc hơn trung quân.

Cụ phó bảng giọng rưng rưng, bưng chén rượu lên:

- Nay, ta có người bạn đồng môn đi theo cụ Phan dấy binh cứu nước, đã viết thư ra cho ta. Cho nên, một chén rượu này gọi là tình thầy trò chia tay tiễn biệt. Ai có hoàn cảnh thì theo ta ra đi cùng chí hướng. Ai không có hoàn cảnh thì ở lại. Mong các trò đừng quên những lời ta đã dặn dò...

Cụ phó bảng còn nâng một chén rượu thứ hai, chén rượu thề trước vong linh cử Khiêm, người bạn cụ vô cùng kính trọng. Cụ đốt ba nén nhang thề rằng:

- Tôi là Vũ Huy Tân, trước vong linh bác Phùng Khiêm, xin thề rằng tấm thân này xin dành trọn cho non sông...

Cụ Vũ Huy Tân, sau buổi lễ ấy, cùng hai người học trò lên đường đi vào miền Trung. Về sau, không thấy ba người trở về. Chắc chắn họ đã chết, nhưng không ai biết họ chết vào ngày nào. Do đó, học trò cụ phó bảng lấy ngày cụ ra đi, cũng là ngày giỗ cụ Phùng Khiêm làm ngày cúng.

Cậu cháu Huy được ông tú Cao kể cho nghe về lịch sử ngày giỗ ấy, lấy làm cảm động. Giá như vào thời hiện đại, hẳn đã có ảnh của cụ phó bảng để lại. Thấy người cháu cứ vương vấn mãi về chuyện không có di ảnh của người đã khuất, cụ Tú bảo:

- Thầy ta ngày xưa cao, gầy, rất quắc thước. Con người lúc nào cũng khoan thai, tề chỉnh. Không hiểu cụ

có biết cầm, kỳ không. Chắc là không vì cụ đâu có thì giờ. Nhưng thi, họa thì cụ sành lắm. Cụ vẽ rất thần tình nhưng ít khi cụ vẽ, còn tự vẽ về mình thì không bao giờ.

Vui chuyện, cụ tú Cao kể thêm về thời đi học của cụ phó bảng:

- Thầy ta nói thuở trẻ học cụ nghè Vũ Tông Phan. Nghe nói thầy Vũ Huy Tân là cháu họ cụ Nghè. Trường cụ Nghè có tên là Trại Hồ Đình bên hồ Hoàn Kiếm thuộc phường Báo Thiên. Trường cụ nghè Vũ nổi tiếng ở Hà Nội vì học trò đỗ đạt và làm quan to rất đông trong thời vua Tự Đức. Cụ phó bảng thầy ta chịu ảnh hưởng rất nhiều cụ thám hoa Lê Đình Diên. Khi còn đi học cụ Nghè, Lê Đình Diên là trưởng tràng. Thầy ta vẫn được cụ Lê kèm cặp. Cụ Lê có bài từ nổi tiếng tên là Tứ Nãi nên người đời vẫn gọi cụ là Tứ Nãi tiên sinh. Bài từ có bốn khổ. Hai khổ cuối thầy ta rất thích:

... Người đời cày ruộng bằng trâu
Ta lại đem bút thay trâu mà cày
Cày bút vẳng tiếng trâu hì hục
Chữ từng hàng gấm vóc nở hoa...

Người đời đọc sách ngâm nga
Ta nay Tâm đọc lại là phần hơn
Tâm đọc sách không vang thành tiếng
Mà thiên kinh vạn quyển làu trơn
Thanh cầu tâm đắc là hơn.

- Đọc bằng Tâm ư? - Huy thốt lên thán phục. Cụ thám hoa này độc đáo thật.

- Đúng vậy! Chẳng thế mà thầy ta lúc nào cũng nhắc nhở:

Người đời đọc sách ngâm nga
Ta nay "Tâm đọc" lại là phần hơn.

Cụ phó bảng chịu ảnh hưởng nhiều nhất của Tứ Nãi tiên sinh là lòng căm ghét bọn Tây Dương. Lúc cụ Tứ Nãi về hưu trí là lúc bọn Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) đem thuyền cặp bên sông Cái, không coi luật lệ triều đình ta ra gì. Tứ Nãi tiên sinh liền đứng ra tụ tập văn thân trong tỉnh Hà Nội để đánh bọn Tây Dương đó... Thầy ta nói: "Đó là hành xử của người đọc sách bằng tâm đó. Còn kẻ đọc sách bằng miệng, đọc ra mồm chữ bay đi hết".

Hai bác cháu cùng cười. Cụ tú Cao được dịp kể chuyện về những người nho sĩ thời cụ nên phấn hứng lắm. Bao nhiêu kỷ niệm, bóng dáng ngày xưa chợt tràn về. Nhưng chúng chỉ như những ánh hồi quang leo lét. Cho nên giọng cụ pha chút ngậm ngùi:

- Lại nói về vẽ, về thư pháp. Thầy ta có hoa tay. Chữ viết như rồng như phượng. Con xem đây này. Con tưởng rằng thầy ta không vẽ ư.

Cụ tú lại bên bức tranh chữ Đạo. Cụ nâng niu tấm lụa; cụ ngắm gần, ngắm xa nét chữ. Cụ bảo:

- Đó, con xem cái thần của thầy ta hiện ra trên nét chữ như thế nào. Tưởng như nước chảy bên trong, mây bay bên trong. Mềm mại thế mà vô cùng cứng cỏi. Mềm mại thế mà không bao giờ gãy ngã... Hôm thầy ta từ biệt ra đi, ông cử Lễ là trưởng môn (trưởng tràng) và ta là đứa học trò ít tuổi nhất trong trường đến lạy thầy và mỗi

người xin thầy một chữ để thờ. Thầy ta ngẫm nghĩ rồi viết vào hai vuông lụa bạch. Với bác cử Lễ, thầy cho chữ Nhẫn. Còn ta, thầy cho chữ Đạo.

- Thưa bác, ý nghĩa là thế nào?

Cụ tú Cao gật gù:

- Thường thường, khi cho chữ, người ta nhân đó muốn khen, hoặc muốn răn người được chữ.

- Ví dụ như chữ Đạo của nhà ta thì sao?

Cụ tú vừa nói vừa ngẫm nghĩ:

- Khi còn là học trò, ta luôn khiêm nhường, luôn biết lễ nghĩa, lúc nào cũng suy ngẫm trước những hành vi của mình... Liệu có phải thầy đã bằng lòng với ta một chút nào chăng? - Rồi ông cụ chợt trầm ngâm. Nhưng chắc chắn ở đây còn mang một lời khuyên răn. Cháu chắc biết thanh thế của họ Vũ Xuân ở Cổ Đình này chứ. Họ nhà ta chẳng ai làm quan to, chẳng ai đỗ đạt cao, nhưng đời nào cũng luôn làm những chức dịch hào lý cao nhất làng xã. Đạo tức là răn dạy đấy. Hãy giữ lấy đạo làm người. Quan không to nhưng luôn ở cạnh dân. Gần lửa rát mặt. Đừng cậy thế mà gây ai oán cho dân. Đừng cậy giàu mà khinh bỉ người ta. Đừng cậy tay đao tay thước mà làm rớm máu dân lành...

- Thưa bác, thế còn chữ Nhẫn của cụ cử Lễ?

- À... Thầy ta là người sâu sắc, biết cái tướng của từng người, biết cái nết của từng dòng họ. Với họ Vũ Xuân ta, thầy nhắc nhở chữ Đạo. Còn họ Đinh Công, thầy lại khuyên luôn giữ chữ Nhẫn. Bởi vì họ ấy hay đỗ đạt cao. Lại toàn những con người bộc trực ương ngạnh. Bộc trực thì tốt nhưng cái không hay của tính bộc trực là không

mềm dẻo. Mà trong thời đại loạn như thế này con người liệu có thể trụ nổi khi chỉ biết cứng mà chẳng biết mềm? Ông cử Lễ đỗ đạt, ra làm quan phủ, quan huyện. Ông đồ Tiết, hai con: kẻ chết, người biệt xứ; riêng ông ấy lại mắc vòng tù ngục. Ông Lễ tuy làm quan nhưng có được người Tây tin dùng đâu; nhưng đối với ông em, làm quan cho người Tây đã là một tội lỗi... Anh em khảng tảng mỗi người một nơi... Thế đó... Thầy ta cho chữ Nhẫn cũng vì thế đó.

Ngẫm nghĩ một lúc, cụ nói:

- Mấy năm nay, giỗ thầy, bác Cử Lễ không về. Liệu năm nay bác ấy có về không?

Ông già tự hỏi rồi lại tự trả lời:

- Chắc là không. Già quá rồi còn gì... Mà chẳng cứ gì bác ấy, tất cả chúng ta đều già rồi.

Ông già càng lúc càng ngậm ngùi:

- Thầy ta đã ra đi rồi... Còn chúng ta cũng sắp sửa. Ngẫm lại bao nhiêu chuyện đã qua... thấy dang dở quá, thấy chẳng được gì... - Mắt ông già chợt sáng lên - Có lúc ta cũng muốn nối chí của thầy ta... Cháu ạ... Cái hồi Đông Kinh Nghĩa Thục... cái hồi Duy Tân... ta ra Hà Nội đâu phải để kinh doanh... Nghe nói có các nhà nho Duy Tân... ta cũng muốn ra đó gánh vác một tay. - Cụ thở dài - Nhưng rồi... muôn sự tại trời. Phong trào tan rã. Ta cũng suýt nữa rơi vào vòng lao lý... May nhờ có Alexandre... Anh ta say mê con Nguyệt... Anh ta chạy vạy... nhờ vả... nên ta mới thoát. Ta cảm động vì cái ân nghĩa ấy... nên mới gả cái Nguyệt cho anh ta... đành chịu cái tiếng gả con cho... kẻ ngoại bang...

- Nghe nói vì anh Alexandre là đốc tờ chữa khỏi bệnh cho bác nên...

- Ấy là cách nói trệch ra thôi... Vả lại, chữa bệnh cho ta khỏi chết và cứu ta khỏi ngục tù nào có khác gì nhau đâu.

Huy cầm tay ông bác già thương cảm. Cái thế hệ cha chú của anh thực ra cũng nhiều tâm sự. Cái thế hệ hùm thiêng đã sa cơ thật đầy hùng tâm tráng khí. Còn cái thế hệ mới của Huy thực ra mới chỉ manh nha. Bàn tay xương xẩu của ông bác già run run trong tay anh. Bàn tay già nhưng còn ấm lắm. Anh có cảm giác bàn tay khô héo ấy như muốn truyền chút hơi ấm còn sót lại cho anh.

Cụ tú bảo:

- Thế mới biết cái chữ "Nhẫn" của thầy ta chẳng những cần cho nhà ông phủ Lễ, mà còn cần cho tất cả chúng ta.

Đến chỗ này thì người cháu khác người bác. Huy nói với cụ tú:

- Không phải đâu bác ạ. Chúng cháu chẳng "nhẫn" được nữa đâu.

Đấy là cuộc nói chuyện giữa hai bác cháu cụ tú hôm trước ngày giỗ cụ phó bảng và cụ Cử. Hai bác cháu lấy phất trần phủi bụi trên bức tranh chữ Đạo, rồi lau bàn thờ, lau lại chiếc khám trên có đặt bài vị cụ phó bảng và cụ Cử. Họ lau cả phản, cả sập, cả hương án... thậm chí cả những cây cột cho đến lúc căn nhà thờ sáng bóng như gương. Cụ tú Cao bảo phải làm như vậy vì cụ phó bảng ngày xưa sạch sẽ lắm. Cụ chúa ghét bụi bặm. Ông thầy già thuở trước muốn tất cả những đồ vật quanh mình

đều phải biến thành gương để khi nhìn vào bất cứ vật nào cũng đều có thể soi gương, có thể trông thấy khuôn mặt trong veo của mình.

Bà cụ tú Cao bé nhỏ, lưng đã còng, nên trông loắt choắt như một đứa trẻ nhỏ. Tuy thế, cụ vẫn khỏe lắm, chẳng bệnh tật gì. Cả đời cụ tận tụy với chồng con, kính trọng ông tú, coi chồng như một người toàn thiện, có thể nói như một ông thánh. Đối với việc giỗ tết hương khói, cụ rất coi trọng. Ngày giỗ hai cụ thầy năm nào cũng làm thanh bạch thôi nhưng nhất quyết phải cho tươm tất. Do đó, tối hôm trước, cụ đã sang nhà thím Pháo dặn phải cho cái Hoa đến làm giúp. Kể ra mình cụ làm cũng xong, nhưng cụ sợ mình đã già chân tay lẩy bẩy, có đứa con gái nhanh chân nhanh tay cụ thấy yên tâm hơn.

Sáng sớm hôm rằm, cô Mùi đã đội lễ từ đền Mẫu xuống. Cô bảo:

- Cụ tổ con yếu lắm rồi. Năm nay cụ đi lại trong nhà còn khó. Cụ con thế mà vẫn nhớ. Từ mấy hôm nay cụ con cứ nhắc: "Sắp đến ngày giỗ ông ấy rồi đấy. Cô nhớ sắm sửa lễ vật cho đủ". Cụ con bảo dạo này hay nằm mơ gặp cụ cử Khiêm. Cụ bảo: "Ông cụ vẫn như ngày xưa, chẳng thấy già đi".

Cách đây vài năm, vào ngày giỗ, cụ Tổ cô vẫn từ núi Mẫu xuống dự. Hai, ba năm nay, cụ yếu không đi được, nhưng không khi nào quên ngày giỗ chồng xưa.

Huy biết cụ phó bảng gần như một danh nho. Đã có lần, vào ngày giỗ, học trò đã tổ chức tế lễ cụ linh đình. Nay, thời thế khác rồi, nho học đã tàn, còn tổ chức được

ngày giỗ thầy như thế này đã là tươm tất lắm. Các học trò cụ lục tục kéo đến. Cũng chả còn đông lắm. Chỉ chừng chục người, trong đó có cụ tú Cao, tiên chỉ Nhậm, cụ tú làng Già, chánh Thi, đồ Tiết và mấy người nữa mà Huy chẳng biết tên. Huy chú ý đến cuộc họp mặt này, bởi vì ở đây, anh mới có dịp làm quen với những người nắm đời sống tinh thần của Cổ Đình. Từ bao đời nay, nho sĩ tuy không có tổ chức chặt chẽ, nhưng nó là một cộng đồng chỉ đạo linh hồn của làng xã. Nho học tàn, tổ chức nho sĩ rệu rã sắp biến mất, cần phải có một thứ tổ chức khác thay thế để làm chỗ dựa cho làng quê. Nếu chưa có tổ chức mới ấy thì chí ít anh cũng phải gây được cảm tình với những người đứng đầu cũ. Hình như cụ tú Cao cũng mang máng cảm nhận được ý tưởng ấy của Huy. Cụ đã hoạt động trong phong trào Duy Tân nên phần nào cũng hiểu được công việc vận động tổ chức quần chúng. Cụ lại rất có cảm tình với người cháu nên cụ lặng lẽ không nói gì, tuy nhiên thực ra cụ đang giúp anh.

Huy, trên danh nghĩa cháu ruột, là người nhà cụ tú Cao, do đó việc anh đi lại như con thoi từ dưới bếp lên nhà thờ để hầu hạ cho các cụ là hợp lý quá. Vả lại, việc luôn được xuống bếp anh cũng thích.

Thích vì được ngắm Hoa, được nói chuyện với Hoa. Bây giờ Hoa đã là học trò của anh rồi. Lớp học ở nhà Trịnh Huyền cho người lớn đã có thêm người học trò thứ tư, đó là Hoa. Huy nhìn Hoa làm món chả chìa, khen nức nở:

- Cô Hoa có bàn tay khéo quá. Chỉ trông cô làm đã thấy ngon.

Hoa đỏ mặt lên rồi trả thù bằng cách sai vặt anh:

- Cậu Huy, lấy cho cháu hạt tiêu...

- Sao cô lại xưng cháu?

- Thì ở làng này, đến nhà ai tôi cũng đều phải xưng cháu.

- Cậu Huy, bưng mâm xôi lên nhà thờ.

Về phần các cụ, thấy được một ông tú tài Tây bưng mâm như vậy, các cụ cũng khoái chí.

Ba gian nhà thờ, đèn nến sáng trưng, khói hương nghi ngút. Hai cái chiếu hoa trải trên nền gạch hai gian bên. Cụ tú Cao thắp hương khấn vái rồi lấy ở mâm bồng dưới chân ngai ra cuốn giấy. Cụ trịnh trọng mở cuốn giấy. Hóa ra đó là bức tranh chữ Đạo mà cụ đã cuộn lại để lên ban thờ lúc nào Huy không biết. Cụ Tú treo bức tranh chữ ở trước hương án, rồi nói với mọi người.

- Trông thấy chữ của thầy cũng như gặp mặt thầy. Mời các cụ lần lượt vào thắp hương lạy thầy.

Đợi cho mọi người lễ xong và an tọa cụ mới nói:

- Đáng lẽ ra, bác trưởng môn Đinh Công Lễ phải về làm chủ lễ để chúng ta được tưởng nhớ tới công ơn và khí tiết của hai thầy. Nhưng bác Lễ nay quá già yếu, lại ở xa không về được nên giao phó công việc cho tôi. Thầy chúng ta lúc nào cũng đinh ninh chữ Đạo trong tâm nên đã để lại chữ này, không phải cho riêng tôi đâu, mà cho tất cả chúng ta. Các cụ đều là người lịch lãm, tôi chẳng dám nói nhiều, chỉ xin nhắc lại lời thầy chúng ta: "Sau này, khi ta quy tiên, ngày giỗ ta, các con chỉ xem lại chữ này. Thế là đã thỏa vong linh ta lắm rồi".

Khi các cụ đã ngồi vào mâm, cụ Tú kéo Huy ra, nói với mọi người:

- Đây là thằng cháu Huy, con chú ký Nhàn.

- A, cậu tú Huy! Chúng tôi biết, chúng tôi biết.

- Vâng, cháu về làng để chờ thi tú tài phần thứ hai. Cháu tuy bận học, nhưng cũng để ra chút thì giờ lúc rỗi rãi để dạy học cho các cháu nhỏ.

- Thật quý hóa! Quý hóa!

- Bây giờ không học chữ nho nên việc biết chữ quốc ngữ là việc cần thiết. Chúng ta là người học đạo thánh hiền, chúng ta biết cái sự học là cần thiết cho dân đến thế nào.

Ông tiên chỉ Nhậm:

- Ấy cái việc học này chính phủ bảo hộ cũng rất khuyến khích. Nhưng ta phải xin phép. Phải giữ cho kín kẽ chứ các cụ.

- Xin phép thì cứ xin. Nhưng chờ được phép rồi mới dạy thì đến bao giờ trẻ con mới biết chữ. Chi bằng ta cứ coi như lớp học của các thầy đồ xưa. Chỉ cần cụ Chánh, cụ Tiên chỉ, ông Lý biết và gật đầu thế là được chứ gì. Ấy... hiện nay gia đình ông lý Cỏn cũng đã cho các cháu trong nhà học chữ. Chẳng lẽ chính phủ Tây cũng cấm cả việc chú dạy cháu, anh dạy em ư?

- Ồ, lớp học trong nhà như thế thì chắc được.

Các cụ vừa ăn uống vừa bàn tán khá sôi nổi. Đúng lúc đó, Tuấn xuất hiện. Anh thưa với các cụ:

- Lúc cháu ở Bắc Ninh, thầy cháu dặn rằng đến ngày giỗ cụ phó bảng, cháu phải trình bức thư này lên các cụ.

Cụ tú Cao cầm thư đọc cho mọi người cùng nghe:

Kính lạy hương hồn thầy

Kính thưa các huynh đệ đồng môn

Ngày giỗ thầy, vì sức yếu, con không về được, trong lòng thật buồn rầu áy náy vô cùng.

Kể từ khi con được cắp sách đến trường, nghe lời thầy giáo huấn, con vẫn nhớ đến câu của người xưa: "Dĩ đồng vi giám, khả chính y quan. Dĩ cổ vi giám, khả trị hưng phế. Dĩ nhân vi giám, khả tri đắc thất".

(Lấy đồng làm gương soi, có thể sửa y phục chỉnh tề. Lấy đời xưa làm gương soi, có thể biết lẽ hưng vong. Lấy người làm gương, có thể biết phải trái được mất).

Do vậy, con luôn chăm chắm sự tu thân. Từ khi ra làm quan, chưa bao giờ hổ thẹn với lời thầy dạy.

Tuy nhiên, việc ở đời thiên hình vạn trạng, con cũng phải lúc cứng lúc mềm, tuy nhiên phải cố giữ điều bất biến ứng cùng vạn biến.

Nhưng than ôi! Đời người thì có hạn, mà sự vật thì vô biên. Có khi việc định làm thì chưa xong, mà thời thì đã qua. Để cho kẻ hành nhân phải ngậm ngùi dang dở mà chịu tiếng oan khiên.

Con xin trình tấm lòng son. Và một lạy này mong thầy ở dưới tuyền đài chứng giám.

Trưởng môn

Đinh Công Lễ

Người ta ngơ ngác nhìn nhau:

- Ông phủ Lễ nói gì đấy nhỉ?

- Ông ấy kêu oan cùng thầy.

- Oan gì?

- Thì chuyện giữa ông ấy và ông đồ Tiết.

- Làm sao?

- Em đi tù, còn anh làm quan Phủ. Cụ đồ Tiết chẳng muốn nhìn mặt anh, trong khi đó...

- Làm sao?

- Trong khi đó người Tây lại nghi ngờ phủ Lễ.

- Nghi ngờ gì?

- Nghi rằng phủ Lễ một mặt theo Tây, một mặt lại giúp ông Đề Thám. Vì vậy, phủ Lễ mới mất chức...

Người ta xì xào thôi chứ không nói rõ ra. Lá thư không rõ ràng. Những người ngồi đây cũng không rõ ràng. Đến cả lời nói của cụ tú Cao về chữ Đạo cũng chẳng biết định nói với những ai.

Ông đồ Tiết, lòng buồn rười rượi, lặng lẽ ngồi yên. Từ lúc đến, ông chẳng nói một câu.

5

René de Fromentin thường được họ hàng coi là anh chàng gàn dở, điên khùng. Người ta sang Đông Dương vì một lý tưởng truyền giáo, vì đi tìm vinh quang, vì làm giầu, còn ông ta sang Đông Dương hoàn toàn vì sự hiếu kỳ, vì những cuốn sách mà nhìn vào ta chỉ thấy những nét vẽ ngoằn ngoèo như vẽ bùa, vì những gì tốt đẹp trong

quá khứ cũng như trong tương lai mà không ai hiểu nổi. Ông ta đã tiêu phí một phần gia tài vào chuyện rồ dại đó. Được quen Pierre, được biết Cổ Đình, ông ta hay về chơi nơi đó.

Có ba người ở đây ông thích giao du. Thứ nhất là Pierre. Ở người họa sĩ này ông thích sự vô tư, thích cái tình yêu mãnh liệt của anh với sự phồn thực nhiệt đới. Anh ta say mê cỏ cây hoa lá ê hề ở đây, còn say mê cả cái ánh nắng chói chang ở đây.

Người thứ hai là cha xứ Colombert. Ông kính phục vị cha xứ này ở sự vô tư và lòng tin cơ đốc vô bờ bến của ông. Như vậy là đã hơn 50 năm ông già tận tụy thờ phụng Chúa ở cái xứ xa xôi này rồi còn gì. Tuổi chịu đựng trung bình của một cha đạo làm việc ở Đông Dương là bảy năm. Có người chỉ mới được hội thừa sai Paris chuyển sang đây làm việc vài ba năm, đã ngã gục vì không chịu đựng nổi. Họ đã chết vì bệnh tật, vì khí hậu, vì lòng thù hận vô lý của con người. Ấy thế mà cha Colombert đã vượt qua hết thảy mọi thử thách bản xứ, ông đã sống thọ; lúc này cha đã ngoại bảy mươi mà còn tráng kiện. Không những thế, cha Colombert còn tích lũy cho mình được một khối kiến thức đồ sộ và một cái vốn ngoại ngữ uyên thâm, kể cả chữ Hán.

Người thứ ba René vẫn hay nói chuyện ở đây là ông Lềnh, người đầu bếp già Trung Hoa. Ở con người này, ông khâm phục sự khiêm nhường giản dị, sự minh triết lặng lẽ. Ông cũng không thể ngờ, khi Pierre nói cho biết rằng, ông Lềnh xưa kia đã là vị tú tài, đã chống nhà Thanh, rồi sang đất Bắc Kỳ làm kẻ cướp, thầy bói thầy

lang, rồi cuối cùng mới chịu yên vị làm chân đầu bếp kiêm thầy dạy chữ Hán ở đồn điền.

Lần này về Cổ Đình, René tìm đến ngay ông già Tầu. Ông ta trú trong một căn nhà lá nhỏ tình tươm ở tận cùng xóm phu đồn điền. Vì là khách tây quý nên ông Lềnh thường tiếp René bằng thứ chè lạ lùng. Chè không phải búp lá mà là những đoạn gỗ nhỏ chẻ mỏng. Ông Lềnh bảo đó là trà Hồng Mai. Ở Cổ Đình, vào trong rừng hay gặp những thung mơ. Người dân vẫn hái quả đem bán. Có những cây mơ già cỗi ít quả, nhân dân chặt hạ xuống, cưa thân cây ra thành những đoạn nhỏ, chẻ thành dăm rồi đem phơi khô gọi là trà Hồng Mai. Nước mai già màu hồng nhạt. Uống nó phải ngẫm nghĩ gọi là thiền trà. Nhấp một ngụm, lặng lẽ ngồi sẽ thấy vị thơm, vị chan chát, thoáng ngọt trong cổ họng, có thể quên mọi ưu phiền. Ông Lềnh bảo:

- Người châu Âu các ông ưa sự mạnh mẽ, tốc độ, bạo liệt, khó cảm nhận được cái thứ thanh tịnh của loại trà này. Riêng thứ Hồng Mai tôi đang mời ông là gỗ từ một cây mai cổ thụ mà người dân bảo đã trăm tuổi. Mai khó sống lâu. Kiếm được cây mai trăm năm đốn gỗ làm trà, hiếm vô cùng.

Hai người nói với nhau rất nhiều chuyện. René đang nghiên cứu Hán học, thành thử gặp ông Lềnh, nói chuyện không biết chán. Cuối cùng René gật gù:

- Tôi vẫn chưa hiểu hết người An Nam. Chẳng lẽ cũng như những người bạn của tôi ở Hà Nội. Họ bảo dân An Nam thông minh nhưng lười biếng, không có khí chất của một dân tộc hùng mạnh. Lúc nào gặp họ tôi cũng chỉ

thấy sự sợ sệt, khúm núm và những ánh mắt nhìn nghiêng len lén.

Ông Lềnh cười:

- Chúng tôi cai trị họ đã ngàn năm. Kể về việc xưng vương trùm thiên hạ, nước chúng tôi đã làm từ mấy ngàn năm trước. Còn các ngài làm chủ ở xứ Đông Dương này mới được vài chục năm. Các ngài hiểu họ đâu bằng chúng tôi. Hãy coi chừng sự sợ sệt khúm núm. Đừng tin vào sự lười biếng yếu đuối. Đừng coi thường sự lam lũ gần như cùng kiệt của họ...

Câu chuyện của họ đang thú vị, bỗng bị cắt ngang vì Pierre đến giục René về để chuẩn bị đến dự bữa ăn tối tại nhà xứ Cổ Đình. Cha Colombert được tin René về chơi, ông làm cơm mời những người bạn cùng quê hương. Ông mời René và cả hai anh em nhà Messmer. Julien có việc, phải lên tỉnh gặp ngài công sứ, hẹn nhất định sẽ dự nhưng về muộn.

René và Pierre đến trước. Họ cưỡi ngựa sóng đôi đi đến nhà thờ Cổ Đình. Hai người xuống ngựa nhưng còn đứng trước ngôi nhà thờ nhỏ rất đáng yêu để ngắm nghía.

Cha Colombert thật khéo. Ông đã thiết kế ngôi nhà thờ giống hệt cái nhà thờ nhỏ ở quê ông. Ông muốn mang một chút hình ảnh nơi quê nhà, từ nước Pháp xa xôi sang, cắm tại quả đồi nơi quê hương thứ hai của ông. Ông đã nghĩ tới những ngày cuối cùng của đời mình; chắc nó cũng không còn xa xôi lắm. Người dân xóm Vườn sẽ chôn ông ở cái nghĩa địa nhỏ bé đằng sau nhà thờ. Ở đấy, ông vẫn nhìn thấy ngôi nhà thờ thân yêu, hình ảnh

của quê cũ, và dĩ nhiên cả hình ảnh của quê hương thứ hai, tức Cổ Đình, tức hồ Huyền, tức con sông Son và những núi đồi bao la của vùng đất mà ông yêu mến chẳng kém gì nước Pháp.

Chỉ có phần thánh đường xây bằng gạch. Còn phần mặt tiền và tháp cao của nhà thờ toàn xây bằng đá xẻ. Những viên đá vuông vức xây trần, hở mạch, làm cho ngôi nhà thờ giống hệt ngôi nhà thờ quê ông. Lúc tả ngôi nhà thờ ở quê bên Pháp được xây bằng đá, ông đâu có ý định bắt dân đạo ở đây cũng phải xây bằng đá. Ông nghĩ xây nhà của Chúa bằng gạch cũng khang trang lắm rồi. Nhưng ông trương Cam và quản Liến lại nói:

- Thực ra đá ở bên kia sông có sẵn. Chỉ mất công xẻ thôi. Ta chỉ cần xẻ đá đủ để xây tháp và mặt tiền. Còn những chỗ không lộ ra xây bằng đá rối cũng được.

Khi xây tháp và mặt tiền xong, thấy ngôi nhà thờ đã có dáng dấp rất giống ngôi nhà thờ quê mộng tưởng của mình, cha Colombert chảy nước mắt cảm ơn những người đồng đạo.

Còn Pierre, khi nhìn thấy ngôi nhà thờ đá thì hân hoan reo lên: "Ôi! Đẹp quá!". Chính lúc xây tháp và xây mặt tiền nhà thờ, Pierre lăn lóc ở đây cả tháng trời, vậy anh còn lạ gì nữa mà phải reo lên như vậy - Sở dĩ Pierre hân hoan reo mừng vì trước kia mới xây xong, đá còn sáng màu quá. Còn bây giờ, đá đã cũ xỉn. Đã thấy rêu xanh mọc trên tường đá. Thời gian đã làm cho ngôi nhà thờ cũ đi. Pierre bảo:

- Không gì đẹp bằng màu thời gian. Không một thứ vôi nào, sơn nào có thể làm áo khoác cho những công trình

tôn giáo đẹp bằng thời gian đã đem thứ rêu đen, rêu xanh phủ lên những bức tường đá xám.

Cha Colombert nghe tin khách quý đến, chạy ra cầm tay René de Fromentin dắt vào ngôi nhà xinh xắn của ông ở bên cạnh nhà thờ. Sự nồng nhiệt của cha xứ làm ông René cảm động:

- Ôi cố nhân! Cố nhân! Đã lâu lắm không thấy. Tôi vẫn luôn luôn mong đợi gặp mặt. Thật vui mừng, ông vẫn không quên ông già ở cái chốn hẻo lánh này.

René hỏi:

- Tôi nghe nói tòa giám mục có ý định cho cha về Pháp, về cố hương an dưỡng tuổi già?

- Phải! Bề trên có nói với tôi như vậy, song tôi đã xin ở lại. Tôi yêu quý người dân ở đây. Tôi yêu xứ sở này. Tôi muốn được chôn nắm xương tàn của mình tại mảnh đất quê hương thứ hai.

Cha giới thiệu ông khách đến trước. Đó là bác sĩ Alexandre, con rể ông tú Cao trong làng. Hai vợ chồng bác sĩ về thăm ông nhạc. Cha xứ mời cả hai người, nhưng bà Nguyệt vì bận phải đến nhà họ hàng nên chỉ có một mình bác sĩ đến dự.

Trong lúc chờ đợi ông Julien lên tỉnh về, bốn người bàn chuyện phiếm. Bàn tiệc bày ngoài sân, dưới một giàn nho trĩu quả. Ông cha xứ nói:

- Giống nho này tôi mang từ Pháp sang, nhưng không hợp thổ ngơi, quả chua lắm. Tuy nhiên, tôi vẫn thích, bởi vì nó gợi nhớ lại hương vị cố hương.

Pierre lên tiếng:

- Cả chúng ta nữa, chúng ta có khác gì cây nho. Thú thật, tôi rất yêu cái xứ xở này, nhưng không hiểu sao lúc nào cũng vẫn cảm thấy một sự ly cách. Tôi có một người bạn họa sĩ, người bản xứ. Anh ta người làng Cổ Đình. Lúc nói chuyện anh ta có nhắc đến một từ. Các ông có biết người dân An Nam gọi người Trung Quốc đến nơi này là gì không?

Cha xứ gật gù:

- Họ gọi người Trung Quốc sang đây là "chú khách" tức là người khách lạ. Khắc đến rồi khắc đi thôi.

Nói đến người Trung Hoa, nhà dân tộc học René lại chợt nhớ ngay đến ông Lềnh, người đầu bếp già vừa mới tiếp chuyện ông cách đây chừng một tiếng. René gật đầu:

- Thật đáng tiếc! Rất đáng tiếc. Có nhiều sự khác biệt quá giữa Đông và Tây. Thực ra, người Đông phương cũng đã thấy cái yếu của họ, họ đang cố gắng Tây phương hóa cuộc sống của họ. Dáng lẽ ra chúng ta cũng phải Đông phương hóa, tức là xích gần lại.

Một tiếng nói từ bóng tối chui ra:

- Vị nào vừa nói chúng ta phải tự Đông phương hóa đấy. Tôi xin mạn phép không tán thành...

Mọi người quay đầu và nhận ra Julien Messmer đã đứng gần đó. Cha xứ vui mừng:

- Ông Julien thật đúng hẹn. Vui quá! Vui quá!

- Tôi phải phi ngựa nước đại. May mắn được con ngựa hay, cứ sợ về muộn quá làm mất vui cho cả mọi người. Mấy khi có cuộc gặp mặt đông đủ như thế này.

Julien tháo găng tay, ngồi vào bàn và tiếp tục lời nói dở chừng:

- Sở dĩ tôi bảo chúng ta không cần Đông phương hóa, bởi vì tất cả những lời nói mỹ tự chỉ là những ngôn từ che đậy. Về thực chất, lịch sử chỉ là những cuộc vật lộn khốc liệt giữa các dân tộc mạnh và yếu. Có những dân tộc sinh ra chỉ để chịu sự nô lệ. Có những dân tộc sinh ra để mà thống trị. Chúng ta ăn nói khéo léo, thực ra, chỉ để cho những người bị trị cảm thấy dễ nghe, dễ chịu hơn khi ở dưới quyền người khác.

Ông René nhẹ nhàng:

- Có lẽ ông Julien tự tin quá, cũng như nhiều người Pháp chúng ta đã tin như vậy. Liệu chúng ta có nên quá ư tự mãn như vậy không? Đành rằng người phương Đông lúc này quá ư hèn yếu dưới con mắt chúng ta. Nhưng liệu có mãi như thế không? Lịch sử luôn đầy biến động và có những diễn biến ta không bao giờ ngờ tới được. Người đầu bếp Trung Hoa, ông Lênh của ông có những câu nói bắt buộc tôi phải suy ngẫm. Ông ta bảo: Mọi vật luôn phản phục. (Mọi vật luôn quay trở lại). Vì vậy ông ta nói chúng ta đi trong lịch sử, phải luôn run sợ như đi trên băng mỏng.

Cha Colombert cố làm cho dịu tình hình:

- Ông Julien nói cũng phải. Và ông René nói cũng đúng. Dân tộc Pháp chúng ta là một dân tộc vĩ đại. Nó đã tỏa sáng trên hoàn cầu. Còn tinh thần của người Đông phương cũng rất đáng trọng...

Nhà dân tộc học vội bám ngay lấy ý kiến của cha xứ:

- Phải dấy! Phải đấy! Riêng về mặt tôn giáo, có thể nói người phương Tây không có tôn giáo. Đạo Cơ Đốc đến châu Âu từ phương Đông. Chúng ta đã được Đông phương hóa từ mấy nghìn năm về trước.

Julien cãi lại:

- Không phải người châu Âu bị Đông phương hóa; nói cho đúng, đạo Cơ Đốc sau khi vào châu Âu đã bị Tây phương hóa. Chúng ta đem tinh thần của người Tây phương vào đạo đó. Ngày nay, đạo Cơ Đốc đã hoàn toàn mang tinh thần Tây phương, nó là của người Tây phương. Có tinh thần Tây phương, đạo Cơ Đốc mới vĩ đại, và bây giờ ta đem cái tinh thần ấy truyền bá ra toàn thế giới.

Không ngờ cuộc tranh luận lại trở nên sôi nổi và có phần gay cấn như thế, cha Colombert ngắt cuộc tranh luận, cố làm cho nó dịu đi bằng cách gọi ông bõ già mang món ăn mới lên. Ông làm nguội bớt sự hăng hái của các vị khách bằng cách giới thiệu món ăn.

- Cá này tên gọi cá Lăng, một thứ cá chỉ có ở gần cửa sông Son. Nó là đặc sản vùng này. Con cá giống con cá trê nhưng to bằng bắp đùi. Khoảng độ hai, ba cân thì rất tuyệt. Cá nạc, không có xương dăm. Cá Lăng hấp lên rất ngon. Thịt thơm và bổ. Có thể nướng chả ăn càng đặc biệt.

Khách nếm cá, khen tấm tắc, ông bác sĩ Alexandre quay lại câu chuyện bằng cách phân tích theo tinh thần khoa học:

- Thực ra, mọi vật ở thế gian này đều tương tác lẫn nhau. Không bao giờ chỉ có tác động một chiều. Vật A tác

động lên vật B. Đó là sự tương tác hai chiều. Chả thế mà ở thuộc địa của người Anh ở châu Phi, người Anh quá thiểu số, người ta đã nhận thấy người da trắng đã bị châu Phi hóa, người ta gọi là hiện tượng "going black" (trở thành đen).

René mỉm cười:

- Còn tôi, tôi cho rằng ở Đông phương, không thiếu gì người da trắng chúng ta "going yellow" (trở nên vàng). Đó là trường hợp những ông quan Tây đi đâu cũng trống dong cờ mở, rồi tàn lọng đằng trước đằng sau... Đó là trường hợp những ông Tây bị "en congaié" (mê gái Việt) đi đến đâu cũng tìm của lạ...

Mọi người đều mỉm cười. Và nhờ những mẩu chuyện vui như vậy, không khí bàn tiệc cũng giãn ra, hết căng. Ông bác sĩ hỏi nhà dân tộc học:

- Tôi nghe nói người dân xứ Bắc Kỳ tin vào thuyết luân hồi. Họ cho rằng những linh hồn người chết, hết thế hệ này đến thế hệ kia, đều lang thang chung quanh ta để chờ dịp đầu thai trở lại cõi trần.

- Đúng thế. Họ tin vào sự đầu thai từ tiền kiếp sang kiếp hiện tại. Vì thế nếu có một người châu Âu nào sinh ra trên mảnh đất này, lập tức có một linh hồn bản xứ sẽ nhập vào cái sinh linh bé bỏng mới ra đời đó. Họ bảo trẻ con sinh ở thuộc địa, sẽ có màu da trắng, nhưng linh hồn là linh hồn An Nam.

Thực ra, hiện tượng "going black" là có thật. Đó là sự trả thù của đất mẹ. Đó là số phận những người đi xâm chiếm chúng ta. Chúng ta định đồng hóa người, nhưng chúng ta cũng không thoát khỏi bị đồng hóa trở lại.

Cha Colombert gật đầu:

- Đó là sự công bình của Chúa. Chúa không phân biệt da trắng, da đen, da vàng. Với ai Chúa cũng ban tình yêu thương. Có lẽ, nhiều khi, chúng ta cay nghiệt quá, nên chúng ta đào sâu hố ngăn cách giữa những màu da. Tôi chỉ là một tu sĩ bình thường. Tôi không có và không muốn những tham vọng chính trị. Tôi chỉ là người đi gieo hạt tình thương của Chúa. Tôi đã tận mắt thấy nhiều cảnh đau thương của xứ này. Do vậy, tôi nhiều lúc thấy nhớ cố hương, nhưng phần nhiều là cảm thấy như mình đã được sinh ra ở xứ này. Có lẽ các ông nói đúng đấy. Chúng ta đi đồng hóa xứ sở này và tôi cũng đã bị xứ sở này đồng hóa trở lại. Vì vậy, nên cùng sống với người bản xứ, tôi chẳng thấy ngăn cách gì cả. Phải chăng tôi đã trở thành một ông già An Nam?

Julien lên tiếng:

- Chung quy lại, vấn đề mà ta đang bàn cãi là vấn đề đồng hóa. Thực chất, ta đến Đông Dương để khai hóa văn minh cho dân bản xứ, chẳng qua chúng ta cũng chỉ muốn chứng minh nền văn hóa của chúng ta là ưu việt nhất. Chúng ta muốn biến xứ sở này thành một nước Pháp nhỏ bé, và người dân ở đây thành những thần dân, những bóng hình của người dân Chính quốc.

René quay sang cha Colombert:

- Thưa đức cha, nếu tôi nhớ không lầm thì, chính đức giám mục Puginier, nhà chiến lược tài năng đã mách nước cho các nhà thuộc địa rằng: "Muốn bình định xứ sở này, trước hết phải tiêu diệt đảng Văn Thân, tức là những trí thức lãnh đạo tinh thần của Việt Nam. Mà

muốn làm việc đó thì phải xóa bỏ đi chữ Hán. Sau đó thay thế dạy chữ Hán bằng cách dạy chữ quốc ngữ, rồi dần dần dạy cho người dân biết chữ Pháp". Thưa cha điều ấy có đúng không?

- Tôi cũng đã được nghe đức giám mục nói đến chuyện đó. - Cha Colombert trả lời giọng rầu rầu. Không biết có phải cha buồn vì chợt nhớ tới đức giám mục quá cố rất thánh hay vì một cớ nào khác. Pierre cũng góp vào câu chuyện:

- Thật là giỏi! Tôi nghe ông Lềnh, người đầu bếp Trung Hoa nói, ngày xưa, người Trung Hoa cũng đã làm việc đó rồi. Người Trung Hoa đồng hóa các dân tộc khác không chỉ bằng quân sự mà chủ yếu bằng thứ chữ kỳ lạ của họ. Biết chữ Hán, thấm nhuần văn hóa Hán. Đó là cách đồng hóa gốc rễ nhất. Chúng ta đã và đang thực hiện công trình ấy. Hán học đã bị bỏ và đang tàn lụi. Chữ quốc ngữ và chữ Pháp đang thay thế chữ nho.

Nhà dân tộc học ngẫm nghĩ rồi đưa ra nhận xét:

- Thực ra, đây cũng là một cuộc tranh đấu kịch liệt: một bên là quyết tâm đồng hóa, một bên là phản đồng hóa. Đừng tưởng những người cầm đầu tinh thần của xứ này họ chịu đâu. Vừa qua phong trào Duy Tân là điều chứng tỏ.

Julien cười khẩy:

- Tôi không tin những con người sợ sệt khúm núm ở cái xứ sở tối tăm này làm được gì.

Thấy mọi người chợt im lặng khi anh nói, Julien cũng ngừng phát biểu, nhìn mọi người một lát như để thăm dò, rồi mới tiếp tục một cách quyết liệt:

- Có lẽ chúng ta thương cảm quá. Cũng đúng thôi vì chúng ta là những người cơ đốc giáo... Tuy nhiên, lịch sử luôn lạnh lùng và thản nhiên. Nó không có khái niệm xót thương. Ở mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... các dân tộc luôn vật lộn với nhau khốc liệt. Mạnh được yếu thua là quy luật. Dân tộc nào chỉ mong chờ sự nới tay của số phận sẽ phải chấp nhận thiệt thòi. Tôi chỉ muốn làm đúng quy luật lịch sử.

René nhìn Julien rồi gật gù:

- Lão Tử cũng có nói tới ý ấy: "Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu". Trời đất không có lòng nhân, coi vạn vật là loài chó rơm... Tôi có điều kiện gặp gỡ những người trí thức bản xứ, Hán học có, Tây học có. Họ cũng suy nghĩ nhiều về đất nước họ. Họ cũng biết đất nước họ đang mê ngủ. Họ cũng biết sự đối đầu với chúng ta là một quy luật lịch sử tàn khốc. Tuy nhiên có những người cũng có ý nghĩ: Cuộc đối đầu này là một cơ hội làm cho đất nước họ thức dậy. Như anh đã nói đấy, cuộc đối đầu này là lạnh lùng và khốc liệt. Vậy, chỉ có hai khả năng, một là họ bị thành thần dân của nước Pháp, hai là họ thức dậy và tái sinh.

Julien cười:

- Tôi cũng mong gặp một đối thủ xứng đáng như ông nói. À... những người bạn trí thức bản xứ của ông cho rằng phải làm thế nào để thực hiện ước vọng tái sinh?

- Họ cho rằng nước họ cần phải qua bốn cuộc cách mạng.

Thứ nhất: Tách ra khỏi Hán học, tách ra khỏi ảnh hưởng Trung Hoa, một ảnh hưởng đã có lúc rất lợi cho dân tộc họ nhưng nay kìm hãm họ.

Thứ hai: Làm một cuộc cách mạng gay go nhất, tức là chống lại chúng ta, tách ra khỏi sự thống trị của người Pháp.

Thứ ba: Đó là cuộc cách mạng kỹ nghệ, làm cho đất nước họ thoát ra khỏi tối tăm nghèo đói.

Thứ tư: Cuối cùng là cuộc cách mạng dân chủ. Con người tự ý thức rất cao về mình. Đứng ở điểm cao mà tiếp nhận, tổng hợp cái hay của cả Đông và Tây.

Không ngờ cuộc tranh luận lại nổ ra gay gắt thế, cha Colombert cố tìm cách chấm dứt mà không được.

Julien cười to:

- Thì cuộc cách mạng thứ nhất, chúng ta đã làm hộ họ rồi đó. Chúng ta đã xóa bỏ Hán học. Chúng ta đã dứt họ ra khỏi cái vòng phụ thuộc ngàn đời của họ với nước Trung Hoa. Thật may cho họ. Đáng lẽ ra họ phải biết ơn chúng ta chứ. Cuộc cách mạng thứ ba thứ tư, đối với họ chỉ là ảo tưởng nếu như không có bàn tay chúng ta chỉ dẫn. Còn cuộc cách mạng thứ hai, họ nghĩ tới tức là có tư tưởng phiến loạn. Những kẻ ấy, chúng ta phải tìm diệt từ khi nó còn trứng nước.

René cũng không kém cạnh. Mắt ông cũng nảy lửa khi nói với Julien:

- Dù anh ý định thế nào thì những cuộc cách mạng ấy cũng đã và đang xảy ra. Bỏ Hán học ư? Tốt! Họ chẳng cảm ơn chúng ta, vì đó chẳng phải lòng tốt của ta mà hoàn toàn chỉ vì lợi ích của chúng ta. Còn dạy chữ quốc ngữ để cuối cùng thành ra toàn xứ sở này biết tiếng Pháp ư? Đó mới là ảo tưởng. Cái đích của họ không phải tiếng Pháp mà là chữ quốc ngữ. Điều thú vị ở chỗ, cái mà

ta định dùng để thống trị họ, thì họ lại dùng để chống lại chúng ta. Gậy ông đập lưng ông mà.

Julien trở nên tức giận. Sự tức giận làm ông ta quên cả dè dặt, quên cả cẩn trọng, đã nói ra những điều mà đáng lẽ trong một bữa rượu người ta không nên nói:

- Tôi biết chứ. Tôi đâu có mù lòa. Tôi biết rằng ngay trên đất Cổ Đình này, người ta đang tổ chức những lớp dạy chữ quốc ngữ. Nhưng đằng sau những lớp học này là cái gì. Đó mới là vấn đề.

XI

BÀ BA VÁY KỂ CHUYỆN

1

Tôi là con ông Thần Rừng. Gọi Thần Rừng vì ông cụ tôi quanh năm suốt tháng sống trong rừng, sống nhờ rừng. Ông cụ thông thuộc rừng núi quê tôi như thuộc lòng bàn tay. Ông cụ săn bắn, bẫy chim, đào củ, hái măng, hái nấm... làm kế sinh nhai. Cụ biết bắt chước tiếng kêu của loài vật và cả mọi tiếng chim. Thường hiếm khi bắt chim chơi. Chỉ có ai đặt cọc tiền trước, thuê bắt loại chim nào, lúc ấy cụ mới bắt. Mà đã định bắt là bắt được ngay. Cứ như thể khu rừng là cái lồng chim riêng nhà cụ, và khi nào muốn thì thò tay vào lồng mà bắt ngay ra con chim mình cần. Cả rắn cũng vậy. Rắn cũng bắt theo sự đặt hàng của khách. Ngoài ra, cụ còn biết chỗ nấm mọc gọi là mỏ nấm, nhất là loại nấm hương. Cụ bảo mỗi loại nấm chỉ có thể mọc trên gỗ của một số loài cây. Không phải gỗ nào cũng có nấm hương. Có những loài cây quý mọc ra những loại nấm đặc biệt quý, loại nấm ấy có thể dùng chữa bệnh tật. Thầy tôi nói đó là nghề bí truyền của cụ. Ngoài việc hái nấm tự nhiên, ông cụ còn biết trồng nấm. Nghề trồng nấm hương và thu hái nấm hương sau này ông cụ sẽ chỉ truyền cho con gái và con rể thôi. Anh Phác (Trịnh Huyền) ngày xưa vẫn theo bố tôi đi săn bắn. Ông cụ rất quý anh Phác, nhưng

chỉ truyền nghề bẫy chim, còn nghề nấm hương thì chưa. Cụ bảo: "Bao giờ cậu và cái Váy nên vợ nên chồng, tôi khắc bảo. Mà lỡ ra tôi chưa bảo kịp, thì cái Váy nó đã học rồi, nó sẽ truyền nghề cho chồng con nó...".

Thật là một câu nói gở! Bởi vì ông cụ chưa kịp truyền cho anh Phác thì đã qua đời. Ông cụ bị rắn cạp nia cắn. Thứ rắn khoang trắng khoang đen ấy lợi hại vô cùng. Một ông bạn thợ săn cõng cụ từ trong rừng về nhà cứu chữa. Mới đi được nửa đường, ông cụ đã chết trên lưng người bạn, không kịp trối trăng với vợ con nửa lời.

Đến hội mùa xuân năm ấy, tình của tôi và anh Phác đã khăng khít lắm. Đã tính chuyện lấy nhau, nhưng rồi anh Phác đi theo cụ Đề và không trở về làng nữa, để cho duyên tình tôi dở dang...

Cả nhà tôi, đàn bà đều tên là Váy cả. Mẹ tôi là bà Đĩ Váy. Tôi là Váy chị, em tôi là Váy em. Tôi đi làm lẽ người ta. Vợ thứ ba nên dân làng gọi là bà ba Váy. Khi tôi đẻ đứa con gái, chồng tôi, ông lý Cỏn, đặt tên là Đào. Nhưng cả nhà vẫn gọi nó là Đĩ Váy Con.

Sau khi cha tôi mất, anh Phác bỏ làng ra đi, mẹ ốm, gia đình tôi rơi vào cảnh túng quẫn cùng cực. Mẹ tôi nợ nhà ông lý Cỏn hai mươi thùng thóc song không có cách nào trả nợ được. Chẳng lẽ ba mẹ con ôm nhau chờ chết đói hay sao. Chỉ có mỗi một lối thoát. Bà mối bảo mẹ tôi: "Để cho con Váy chị đi làm lẽ cho ông Lý. Nhà người ta hiếm, quý người. Làm bà lý Ba, một bước nhảy lên nhất nhì trong xã, chẳng sướng hay sao. Cuối năm sinh được một thằng cu, người ta sẽ coi cô ấy như hòn vàng". Thế là tôi đành nhắm mắt đưa chân về nhà ông lý Cỏn. Lúc

đó tôi mới mười bảy tuổi. Ông lý Cỏn đã ngoại ba mươi và đã có hai bà vợ. Cả hai bà đều chưa có con.

Bà Cả đã cứng tuổi nên hay ghen. Bà Hai nguyên là đào hát, ăn nói ngọt ngào lắm. Bà muốn kéo tôi về phe, nên thường đến chơi với tôi và kể cho nghe nhiều chuyện trong gia đình, kể cả những chuyện chăn gối phòng the. Bà Hai rất kình địch với bà Cả nên có bao nhiêu chuyện về bà Cả đều thổ lộ với tôi hết.

Bà Cả tên là Lụa, hơn ông lý Cỏn những bốn tuổi. "Nhan sắc có thể gọi là xấu, nhất là cái môi trên cứ cong tớn lên. Đã xấu thế, mà đàn bà chẳng ra đàn bà" - Bà Hai chê bai. Tôi hỏi: "Sao đàn bà lại chẳng ra đàn bà?". Bà Hai cười: "Thì lúc vợ chồng ân ái với nhau ấy. Thật là buồn cho người đàn ông, khi người đàn bà lúc ấy lại chỉ biết nằm thượt ra như cây gỗ. Rồi cái miệng lúc ấy lại chỉ biết kêu lên ú ú ớ ớ nữa chứ. Thật chán mớ đời! Thật nẫu cả ruột". - Bà Hai nói xong cứ ôm bụng cười. Tôi lại hỏi: "Chuyện ấy làm sao chị biết được". Bà trả lời: "Thì lão ấy kể lại với chị". Bà Hai ngồi im một lúc, mường tượng lại chuyện ngày xưa rồi kể:

- Cái hồi lão ấy mới cưới chị, bà Cả ghen lồng lộn. Nhất là dạo ấy lão không hề vào buồng mụ ta. Một hôm mụ đe: "Mình mà không động đến tôi nữa, tôi sẽ mách thầy cho". Ông Lý nhà chúng mình cũng sợ ông chánh Thi, tức ông bố vợ. Chị cũng dọa lão: "Ông mà cứ sang với mụ ấy luôn - liệu hồn! Tôi sẽ không cho ông vào buồng tôi nữa đâu". Lão ấy cuối cùng phải năn nỉ với mình, rồi chia lịch ra, ngày chẵn ở với chị, ngày lẻ ở với mụ ấy. Chị cũng làm cao mãi mới bằng lòng cho như vậy.

Tôi thật tan nát cả cõi lòng khi nghe bà Hai kể câu chuyện tranh chồng ấy.

Ở gia đình họ Vũ được ít lâu, chắp nhặt những điều nghe thấy, dần dần tôi mới rõ được mọi chuyện.

Thực ra, cụ chánh Thi gả con gái cho ông lý Cỏn cũng phải suy nghĩ đắn đo. Bởi vì đám cưới ấy chưa thực môn đăng hộ đối. Ông cụ Cảo, bố ông Cỏn, tuy giàu, nhưng chưa có chức tước trong làng. Cô Lụa, tức bà cả Cỏn sau này, lúc ấy đã ngoại hai mươi. Trai làng không ngó tới, vừa vì cô xấu, vừa vì không ai dám trèo cao. Cụ chánh Thi rất sốt ruột, lo con gái ế chồng. Ông Cỏn lúc ấy mới mười sáu tuổi, khá lanh lợi. Lại là con nhà giàu. Cụ chánh Thi ngắm nghía mãi, cuối cùng chấm Cỏn cho con gái mình. Cụ Chánh sai bà mối đến đánh tiếng cho họ Vũ Xuân. Bà mối nói rõ lợi hại:

- Cô Lụa nết na, lại là con nhà gia thế. Tuy không được chim sa cá lặn, nhưng cũng không thể gọi là xấu. Nếu cậu Cỏn sánh duyên với cô Lụa, thì gia đình ta sẽ có lợi nhiều. Thứ nhất là có vây có cánh. Giàu có mà thiếu vây cánh, thì mối lo lắng nguy hiểm luôn rình rập. Thứ nhì, khi cậu Cỏn đã làm rể cụ Chánh, thì lẽ đương nhiên cụ Chánh phải gây dựng cho con rể. Thứ ba, cô Lụa về làm dâu cũng có dấn có vốn chứ không phải về tay không. Cụ Chánh hứa sẽ cho cô Lụa một mẫu ruộng làm của hồi môn.

Ông cụ Cảo là người thực tế. Ông suy đi tính lại kỹ càng, rồi ép con trai phải lấy Lụa. Đêm đầu tiên động phòng, Cỏn không thích Lụa, nhưng vì tính tò mò của chàng trai mới lớn, cũng đã làm tròn nhiệm vụ của người

chồng. Lụa, lần đầu tiên, va chạm với đàn ông, sợ dúm dó, nên cảm thấy đau. Cô ta dọa:

- Làm người ta đau thế. Ông về ông mách thầy cho.

Đến đêm thứ tư, thứ năm, Lụa bỗng lên cơn giật, miệng ú a ú ớ, Cỏn sợ quá vội thắp đèn lên xem sao thì bị Lụa kéo lại, thổi tắt phụt đèn, rồi cấu vào lưng Cỏn:

- Khỉ ơi là khỉ.

- Có làm sao không?

- Chẳng sao cả! Thôi nào, nữa đi.

Ấy, cái người đàn bà động một tí lại dọa mách thầy, thực ra là người đàn bà chí thú xây dựng cơ nghiệp nhà chồng. Chỉ phải cái tính hay ghen, hay cậy thế cha, nhưng thực ra là người đôn hậu, lại giỏi công việc nhà nông. Một tay bà chỉ huy sắp xếp công việc cho vài chục người làm, tất cả đều đâu ra đấy. Lại biết thưởng phạt công minh. Rõ là tay nội tướng tài giỏi. Rõ là người đàn bà quý báu trời đã ban cho nhà họ Vũ Xuân, để cho gia đình ấy ngày càng thêm giàu có thịnh vượng. Lý Cỏn, nhờ có bà, không phải lo việc nhà, mà chuyên tâm vào việc to tát, vào việc làm cho họ Vũ Xuân thêm sang thêm danh giá.

Ông chánh Thi là người quyền thế nhất trong vùng. Ông lại thân thiết với quan phủ, quan huyện. Thấy Cỏn thông minh, lanh lẹn, ông liền khuyên con rể bán ruộng để chạy chọt chân lý trưởng. Rồi từ đó, ông truyền nghề hào lý chăn dân cho Cỏn.

Lý Cỏn vẫn thường khoe mình có hai sư phụ: Một là cụ chánh Thi, hai là cụ tú Cao. Cụ chánh Thi dạy Cỏn cách phi ngựa nước đại, còn cụ tú Cao luôn như bộ hàm

thiếc để ghìm chân ngựa lại. Cụ Chánh dạy rằng làm quan phải biết lập uy. Cụ tú Cao lại dạy làm quan luôn phải biết run sợ, phải biết giữ lại chút ân đức dành cho con cháu. Nghe như có vẻ trái ngược nhau, song Cỏn khôn ngoan nên biết nghe lời cả hai người.

Lúc lý Cỏn mê mẩn cô đào Huệ, Lụa bảo thế nào ông cũng không nghe, cứ cưới về làm bà Hai. Lụa sang mách bố:

- Anh ấy không biết điều, cứ đòi vợ nọ con kia. Anh Lý được như ngày hôm nay, tất cả đều nhờ thầy. Thầy phải răn dạy anh ấy cho con.

Ông cụ Chánh ậm ừ nhưng không động tĩnh gì cả.

Lúc ông lý Cỏn cưới tôi về làm vợ Ba, thấy tôi trẻ quá, người lại phây phây mỡ màng, bà Cả càng ghen lồng ghen lộn. Tôi tưởng bà sẽ hành hung tôi, nhưng chuyện đó không xảy ra. Không hành hung, nhưng việc giữ chồng thì bà quản rất chặt. Không một đêm nào ông Lý được ngủ ở nhà tôi. Ông chỉ lén lút đến lúc chập tối, kéo tôi vào buồng, rồi nhập nhụa vội vội vàng vàng trong chốc lát sau đó lại ra đi. Có lẽ ông chê tôi lôi thôi, nghèo khổ, nhưng tuổi trẻ hơn hớn của tôi vẫn làm ông mê đắm. Vả lại, ông phải thú nhận, tôi là người đàn bà đằm thắm. Dù ông ở với tôi vội vàng, ngắn ngủi, không hiểu sao tôi vẫn đem lại cho ông những điều ngọt ngào mà hai người đàn bà kia không có. Tôi chẳng yêu thương mà lấy ông, nhưng sự hiền dịu, sự cam chịu của tôi dần đã cuốn hút ông, đến mức ông luôn hờn ghen (điều mà ông không có với hai người đàn bà kia). Sự ghen tuông ấy, đôi lúc, trở nên quái quỷ, khó hiểu. Những lúc ấy, ông hành hạ tôi bằng cách lấy tay véo vào bầu vú cho đến lúc chúng tím bầm lại mới

thôi. Ông ta đâu có biết rằng sự ghen tuông hành hạ tôi như thế chỉ làm cho tôi càng ngày càng xa cách ông. Và càng xa cách, tôi càng luyến tiếc mối tình xưa, thời trẻ. Nhiều đêm, tôi vẫn chảy nước mắt và nhủ thầm:

- Anh Phác ơi! Bây giờ anh ở nơi chân trời góc biển nào? Người ơi! Sao mãi chẳng về?

Người đàn bà ghen tuông ấy giữ chồng có hiệu quả. Thời gian của bà ở với chồng là nhiều nhất, so với hai chúng tôi. Bà hai Huệ nói cứng thế thôi, chứ thực ra bà vẫn phải chịu lép vế so với bà Cả. Còn tôi thì chẳng cần phải nói làm gì. Tôi như một thứ của ăn vụng. Chồng tôi ăn vụng vào những giờ hiếm hoi mà ông bớt xén được của bà Cả. Nhưng điều kỳ diệu lại xảy ra với tôi trước tiên. Tám tháng sau tôi đã có đứa con đầu lòng: thằng Cò. Rồi liền tù tì năm một, tôi sinh thằng Tũn, thằng Tĩn, thằng Bòi, cái đĩ Váy Con. Tôi sinh con dễ dàng đến nỗi mọi người phải phát ghen. Mà đứa trẻ nào ra đời cũng xinh đẹp, cũng khỏe mạnh.

Và, điều lạ lùng cũng xảy ra với hai người đàn bà kia. Khi tôi sinh đứa thứ nhất thì cả hai bà đều mang bầu. Ỷ thế bà Cả có mang, lý Cỏn lấy cớ vợ cần yên tĩnh nên chểnh mảng việc gối chăn. Đã thế, lại có bận dám bỏ bà Cả ở đêm một mình, chui sang nhà tôi ăn vụng cả đêm. Bà cả Cỏn tru tréo lên và lại về mách ông chánh Thi. Cô Lụa kiên quyết bắt cha lần này phải xử tội lý Cỏn cho đến nơi đến chốn.

Cụ Chánh gọi lý Cỏn đến. Cỏn cứ lần khân mãi, cuối cùng cũng phải sang nhà bố vợ. Thấy dáng vẻ con rể có phần lúng túng, ông cụ cười, sai gia nhân dọn rượu ra, rồi vuốt râu, cười khà khà:

- Anh Lý, thầy khen anh đấy. Chén rượu này thầy mừng anh.

Tưởng ông nhạc nói mát trước khi nổi giận sấm sét, lý Cỏn cứ tăn tiu, xoay xoay chén rượu trên tay. Cụ Chánh vỗ vai con rể:

- Làm trai phải nhiều vợ mới đáng tài trai. Như thầy đây, mới chỉ có ba bà, thầy vẫn chưa thỏa chí. Còn anh, mới ngoại ba mươi, trong nhà đã có ba bà. Mà cùng một lúc ba bà đều mang thai. Thật đáng mặt đàn ông. Con gái thầy, có lúc mè nheo một tí cũng chả sao. Cũng là chuyện thường tình. Chỉ có điều thầy dặn, phải khu xử cho khéo, phải chia đều công bằng... Hơi mệt đấy... nhưng sẽ trong ấm ngoài êm.

Đấy, cái cảnh lấy chồng chung là như vậy đó. Thật buồn phiền, thật thảm hại. Ba người đàn bà tranh nhau ân sủng của một người đàn ông. Đáng lẽ ra, số phận của tôi đâu có đáng chịu như vậy. Tôi đã có con, và có nhiều con với ông Lý, nhưng trong tôi vẫn luôn có một khao khát, trong tôi vẫn luôn có một tình cảm không thỏa mãn, mối tình xa xưa từ thời con gái vẫn để lại trong tôi một dư vị ngọt ngào khôn nguôi... Đừng tưởng thời gian đã xóa nhòa nó hẳn... Không, nó vẫn còn đấy... Nó vẫn như ở trước mắt tôi... Điều sâu kín mà tôi không thể thốt nên lời... Đừng tưởng một người đàn bà nghèo khổ, dốt nát, quê mùa như tôi chẳng có tình cảm gì... Tôi như cánh đồng hạn lâu ngày.... Nó chỉ chờ một cơn mưa. Nó chờ đợi một trận mưa dầm dề, mà nó đã tuyệt vọng, tưởng chừng như sẽ chẳng bao giờ thấy. Tâm trạng của tôi lúc gặp anh Phác trở về là như vậy đó. Tôi thẳng thốt ở bên mỏ nấm, ở bên bờ con suối. Tôi chẳng hề e thẹn

trong hang đá khi đứng trước mặt anh, thổ lộ với anh những lời trách móc, nhưng thực chất là những khát khao mà năm tháng đã dồn nén, tích tụ trong tôi. Tôi run lên trong đôi cánh tay rắn chắc của anh. Người đàn bà thuần thục trong tôi như đã quên mất cái run rẩy khi ôm lấy người đàn ông, thì lạ chưa, cái run rẩy nóng bỏng ấy lại xuất hiện trở lại, bởi vì tôi cảm thấy đây mới là người đàn ông thực của riêng mình. Lạ chưa, tôi đã khóc trong cuộc ân ái ấy. Và tôi như kẻ điên rồ lao vào mối tình xưa, lao vào cuộc ngoại tình không lối thoát. Những cuộc ái ân vụng trộm bên con suối, bên cái mỏ nấm mà tôi nghĩ chỉ có cha tôi ngày xưa biết, và ngày nay chỉ có tôi và Trịnh Huyền biết đã diễn ra liên tục. Tôi như chẳng biết sợ là gì, tìm mọi cách nói dối để đến với Trịnh Huyền. Cuộc tình vụng trộm đầy hiểm nguy. Có thể nó sẽ gây tai họa cho tôi. Và nó càng nguy hiểm hơn, vì Trịnh Huyền là người giả mạo, người trốn chạy trên quê hương mình. Anh có thể mất mạng như chơi vì lý Cỏn là người cầm quyền, vì anh và ông ta là hai kẻ tình địch.

Chẳng có điều gì ở đời giữ được kín mãi. Có thể có những con mắt đã để ý đến chuyện tôi hay vào khu rừng ấy. Trịnh Huyền đã linh cảm thấy điều đó. Tôi cũng vậy, nhưng tôi không thể cưỡng lại nỗi đam mê đi tìm người đàn ông thực sự của riêng mình. Mối tình đầu đời, nay biến thành mối tình muộn, mối tình ấy càng trở nên cuốn hút hơn khi tôi có thể so sánh hai sự va chạm ân ái giữa tôi với Trịnh Huyền và với chồng tôi. Đối với ông lý Cỏn, tôi càng lúc càng thờ ơ, còn ông càng lúc càng thô bạo. Hình như, trong lúc ái ân ông muốn đánh dấu, muốn chứng tỏ tôi là mảnh đất của riêng ông. Và còn

điều này nữa, hình như trong lúc giao hòa đã có sự nghi ngờ. Ông như con cáo đã đánh hơi thấy điều lạ khi đứng trước hang ổ của mình.

Cũng may, sự nguy hiểm qua đi, khi đại họa xảy ra với làng Đình. Sở dĩ tôi phải kể lể nhiều về chị Lụa, tức bà cả Cỏn, bởi vì chị gặp nhiều bất hạnh. Cũng là phận gái với nhau cả, nên tôi thương xót cho số phận chị. Chị hay ghen, thậm chí có lúc quá quắt, nhưng đó là cảnh chồng chung, trách chị làm sao được. Nỗi bất hạnh của chị cũng là khởi đầu cho sự bất hạnh to lớn của Cổ Đình. Có thể nói đó là một đại nạn.

Lại nói khi tôi về nhà ông lý Cỏn. Được gần một năm, tôi sinh cháu đầu lòng, đó là Xuân mà tôi vẫn gọi là thằng Cò. Mấy tháng sau khi tôi sinh con, thì chị cả Cỏn sinh cháu Long, chị hai Cỏn sinh cháu Tùng. Khi tôi mới về nhà họ Vũ, người ta nhìn tôi bằng con mắt rẻ rúng lắm. Bởi vì tôi nghèo, tôi chỉ là một nàng hầu, tôi chỉ là đứa con gái bị gán nợ, giá trị của tôi chỉ bằng hai mươi thúng thóc. Họ cho rằng tôi may mắn lắm nên một bước đã nghiễm nhiên thành bà Lý. Tuy nhiên, sau khi tôi sinh được con trai, rồi tiếp theo đó, chị Cả và chị Hai cũng sinh được luôn hai cháu trai, thì mọi người lại nhìn tôi bằng con mắt khác hẳn đi. Ông thầy tướng số bảo họ Vũ Xuân có quý nhân đến nhà phù trợ nên chỉ có một năm đã sinh được ba quý tử. Ông thầy bảo tôi đã đem lại sự hanh thông cho ông Lý. Tôi như một ngôi sao lành đến để khai thông cho một dòng sông bị tắc nghẽn. Nếu nói về đường con cái thì quả có sự khai thông thật. Mấy năm sau đó, tôi đẻ liền cho ông Lý thêm ba đứa con trai. Mà lại đẻ bằng những cuộc ân ái vội vàng cứ như vụng trộm, kể

ra cũng tài thật. Đúng tôi là người đàn bà mắn con và nhờ những đứa con trai ấy, số phận tôi cũng bớt bị khinh rẻ.

Riêng chị cả Cỏn, nghe ông thầy tướng nói như vậy, chị bớt cay nghiệt hơn, tức là chị nới lỏng dây trói với ông lý Cỏn. Tuy chị không thả lỏng cho ông Lý ở thâu đêm với tôi, nhưng ít ra chị cũng không đay nghiến lắm, khi ông Lý chập tối đến nhà tôi có về muộn hơn một chút. Tôi biết ao ước thầm kín của chị cả Cỏn. Chị muốn có một bầy con trai, càng đông càng tốt, ít ra chị muốn có đủ bộ bốn con Long, Ly, Quy, Phụng. Người đàn bà giàu có lại đông con trai, là đại phúc, vừa giàu của lại giàu con. Do vậy, chị phải giữ rịt ông Lý ở với chị. Chị hai Cỏn, sau khi sinh thằng Tùng, liền bị bệnh. Ông lang bảo chị không sinh nở được nữa. Như vậy, đã bớt một đối thủ. Bây giờ đối thủ là tôi. Chị cả Cỏn muốn chạy đua với tôi. Sau lần sinh thứ nhất của tôi, chị Cả đã tìm mọi cách không cho chồng sang với tôi dù là chập tối một lát. Chị bảo bao giờ chị có mang lần thứ hai, chị mới thả cho ông đi. Ông lý Cỏn liền giở thủ đoạn lén lút. Ông biết sáng nào bà Cả cũng đi thăm đồng. Khoảng thời gian này hơn một tiếng. Đúng lúc ấy ông lẻn sang chỗ tôi, kéo tôi vào buồng, tốc váy lên, và loáng một cái ông đã làm xong bổn phận con đực một cách thòm thèm. Đấy là cái đận tôi có mang thằng Tũn. Sau khi cái bụng tôi đã mây mẩy lùm lùm, bà cả Cỏn về tra hỏi chồng.

- Tại sao bụng cô Ba lại to lên như thế?

- Tôi chẳng biết.

- Hay là nó chơi ngang.

Lúc này lý Cỏn mới cười xòa với vợ:

- Đừng nói thế mà phải tội. Con tôi đấy. Một hôm bà

đi đồng vắng, tôi sang nó, chỉ chạm vào thôi. Ai ngờ cô Ba mắn thế. Bà nó đừng xị mặt ra thế. Cũng là điều mừng, là cái phúc nhà ta chứ sao.

Đận ấy, tôi lại đẻ con trai, và ít tháng sau bà Cả cũng mang thai, nhưng lại sinh con gái: đó là cái Thắm. Sau khi đẻ Thắm, bà Cả tự dưng ngừng sinh nở. Trời chẳng chiều lòng bà. Mấy năm liền bà cứ trơ ra. Bà lên đền Mẫu, dâng lễ vật rất hậu, xin con cầu tự. Bà Tổ cô đứng ra làm lễ. Bà Tổ cô là người rất sùng bái. Tuy nhiên, chẳng bao giờ người ta thấy bà hầu bóng. Người họ Vũ Xuân đồn với nhau rằng bà Tổ cô hầu bóng rất oai phong lẫm liệt, song từ khi ông phủ Khiêm mất, bà không hầu nữa mà chỉ làm chủ điện ở đền Mẫu thôi.

Lúc ấy bà Tổ cô đã già rồi. Khi bà cả Cỏn thưa với cụ về việc cầu tự, cụ bảo sẽ phá lệ vì con cháu để ăn mày cửa thánh, cụ sẽ đích thân bắc ghế hầu thánh. Có lẽ đây là lần đặc biệt, lần cuối cùng cụ đặt tấm lụa hồng phủ diện lên đầu. Cụ bảo cụ vẫn hầu những giá xưa. Thoạt đầu pháp sư (cung văn) dâng văn thỉnh Mẫu:

Bóng trăng loa
Mẫu đơn nhất đóa
Gió lay mành
Nhang xạ thoảng hương đưa...

Cuộc hầu bóng ấy không đông người - ý cụ muốn vậy. Chỉ có con cháu trong nhà và một số con nhang đệ tử thân thiết. Không đông nhưng mà thành kính, trang nghiêm. Câu hát tiếng đàn của pháp sư dắt tâm hồn con người dần vượt thoát khỏi miền cõi tục, để nhập vào cõi thiên hương. Giá Mẫu diễn ra nhanh, nhưng cũng đủ để

con người dọn mình nghiêm trang bước vào cõi tâm linh hư ảo.

Xe loan thánh Mẫu đã trở về cung trời rồi, người cung văn chuẩn bị chuyển giọng sang bài văn cô Chín đền Sòng, cô Mùi đã dặn ông như vậy. Cũng phải thôi, bởi vì cô Chín thiêng lắm, cô lại rất hào phóng ban tài phát lộc, cô sẵn sàng ban cả những niềm vui trần thế to lớn, ví dụ như ban cho một đứa trẻ. Mà cuộc hầu bóng này chẳng là cuộc hầu bóng cầu tự cho bà cả Cỏn hay sao.

Tuy nhiên, ông cung văn hoàn toàn ngạc nhiên khi chiếc khăn phủ diện được tung ra. Những ngón tay của cụ Tổ cô giơ lên lại ra hiệu cho pháp sư hát văn giá quan Hoàng Mười. Cũng được thôi! Hôm nay hầu chẳng nhiều. Giọng người cung văn còn khỏe, tràn trề khí lực. Ông này hát điệu dọc lại rất hay. Giọng ông sang sảng làm cụ Tổ cô hài lòng, mặt tươi hơn hớn.

Đức Hoàng Mười trấn thủ Nghệ An
Ở huyện Thiên Bản, làm quan đất Phủ Giày.

Ông pháp sư đâu có biết cuộc lên đồng này là cuộc bắc ghế hầu thánh cuối cùng của cụ Tổ cô. Nó vừa là cuộc cầu tự cho con cháu, lại vừa là sự hồi tưởng. Cụ Tổ cô muốn nhớ lại những chuyện xưa về người chồng về một vị quan trung hiếu tiết liệt. Đã gần năm mươi năm rồi, người đàn ông tri kỷ đã ra đi. Cũng chính vì ông mà bà Tổ cô đã hi sinh, đã chịu lỡ làng cả một kiếp người.

Lưỡi gươm thiêng cứu nước phù đời
Đánh đông, dẹp bắc việc ngoài chốn binh nhung.

Ông phủ Khiêm, người chồng thứ nhất của cụ Tổ cô chẳng là người như thế hay sao? Để tỏ lòng trung liệt,

ông đã tự rạch bụng phơi tấm lòng son ra giữa thanh thiên bạch nhật, làm tấm gương cho người đời soi chung.

Cụ Tổ cô cũng tri ân vô cùng với tấm lòng trọng nghĩa của người chồng thứ hai. Cụ Trưởng lấy cụ bà, chủ yếu vì muốn cứu bà, cứu lấy giọt máu cuối cùng của dòng họ Phùng xứ Nam. Ông lão là người theo đạo Gia tô kể đã mấy đời. Con người đạo gốc ấy dám vi phạm cả lệ đạo vì cái ơn cứu tử ngày xưa. Bà cụ vẫn còn nhớ, có những năm về quê nội, ông cụ đã lén làm ngơ cho bà về Phủ Giầy, để cho bà lễ bái theo tục lệ đạo Mẫu mà bà, dù đã cải đạo, vẫn còn sùng tín.

Cuộc hành lễ này có nhiều ý nghĩa như thế đấy, tuy nhiên cụ không hề quên công việc cho con cho cháu. Lúc phát lộc, cụ rút trong người ra một chiếc khăn thêu, rồi dùng nó bọc một quả cam trao cho chị cả Cỏn:

- Quả cam con ăn, cái khăn con luôn để trong người. Mẫu sẽ thương con, con sẽ cầu được ước thấy.

Chị cả Cỏn cầm lấy gói lộc, cung kính giơ thật cao trên đầu, rồi cúi rạp xuống để trán sát mặt đất, chị cảm thấy như lòng mình rúng động.

2

Bà Cả rước chân nhang ở đền Mẫu về thờ vào đầu năm, cuối năm linh nghiệm liền. Bà sinh con trai thứ hai đặt tên là Ly. Cậu ấm quý như hòn vàng, nhưng là con cầu tự nên khó nuôi lắm. Quặt quẹo luôn. Bà Cả lại mất

sữa nên cậu Ly còm nhom. Cũng may lúc đó tôi sinh cái đĩ thứ năm, đĩ Váy Con, hai bầu sữa của tôi buộc phải chia ra cho hai anh em nó bú. Ở nhà ông lý Cỏn, không biết ai đặt ra lệ, mà lũ trẻ con gọi ba người đàn bà chúng tôi theo cách gọi khác nhau rất lạ. Con tôi và cả con bà Hai đều phải gọi chị cả Cỏn là Đẻ, mặc dù bà ấy không hề đẻ ra thằng Cò, thằng Tũn, thằng Tĩn, thằng Bòi và con đĩ Váy Con. Bà hai Cỏn, thì tất cả bọn trẻ đều phải gọi bằng Mợ (ý chừng theo cách gọi tân thời kiểu thành phố). Còn tôi, bà ba Váy, thì chúng nhất loạt đều gọi bằng U (ý chừng vì tôi là người nhà quê, đặc sệt nhà quê). Cách gọi ấy cũng có cái hay, vì nó phân biệt rất rõ ràng, không gây ra nhầm lẫn. Vả lại cách gọi ấy cũng còn hay, vì trẻ con làng tôi đều gọi mẹ bằng U, nên gọi U rất thân mật, gần gũi. Hơn nữa, ở nhà tôi đông trẻ rất vui, rất xuề xòa, tôi lại là người yêu trẻ nên thằng Long, thằng Ly con bà Cả, thằng Tùng con bà Hai cũng thích đến nhà tôi. Nhất là thằng Ly, nó bám tôi lắm. Mỗi lần tôi cho bú, thằng Ly bám một vú, cái đĩ Váy Con bám vú bên kia. Thằng Ly bú rất nhanh. Loáng một cái nó đã mút cạn bầu sữa. Khi ấy, nó lại bú tranh nốt bầu bên kia, mà lần nào đĩ Váy Con cũng phải nhường. Khốn thay, thằng bé bú nhiều nhưng lại mắc bệnh đi tướt. Thành thử, đĩ Váy Con tuy bú ít nhưng da dẻ hồng hào, chân tay bụ bẫm; còn cu Ly tuy bú nhiều mà da dẻ lại nhăn nheo, người vẫn còm nhom. Bà cả Cỏn bảo sữa tôi không hợp với Ly. Bà thuê vú em cho cậu bé bú, song thằng bé vẫn đi tướt và suốt ngày đòi: "Bú u cơ", nên cuối cùng lại phải trao nó cho tôi chăm sóc. Tôi chăm bẵm thằng Ly hết lòng như con đẻ rứt ruột, nên cuối cùng thằng bé cũng khỏi bệnh và lớn thành người.

Năm thằng Ly lên sáu, cụ Tổ cô gần chín mươi, cụ già quá nên thân thể rệu rã, sắp sửa đến cõi. Cụ dặn đừng làm ma chay linh đình, bởi vì cụ nửa đi đời nửa đi đạo, nếu mang thi thể cụ về nhà ông lý Cỏn làm ma to kèn trống phúng điếu như kiểu bên đời, thì cánh bên đạo nhà ông Liến, Láu sẽ phản đối. Còn nếu làm tang lễ ở nhà thờ, thì cánh họ Vũ Xuân sẽ chẳng bằng lòng. Chi bằng cứ theo di chúc của cụ, đem chôn cụ ở rừng báng đằng sau đền. Rồi dăm năm nữa, con cháu hãy ra Hà Nội, tìm hài cốt cụ cử Phùng chôn ở cánh đồng Bông gần chùa Hà, Cầu Giấy, đem về chôn cạnh cụ - Có như thế mới làm dịu nỗi ân hận của cụ. Cụ thề sẽ không đi bước nữa sau khi ông phủ Khiêm chết. Dù chỉ là sự chấp kinh phải tòng quyền, nhưng cụ đã tái giá tức là đã thất hứa, không phải đạo với người chồng mà cụ kính yêu. Sống không sửa được lỗi lầm, thì khi chết phải sửa lỗi lầm ấy.

Ngày hôm trước khi cụ qua đời, con cháu họ Vũ Xuân lần lượt đến chào cụ. Bà cả Cỏn mang thằng Ly đến từ biệt cụ lần cuối. Chẳng hiểu sao khi trông thấy thằng bé, cụ lại chảy nước mắt và bảo:

- Cụ thương chắt lắm.

Cụ Tổ cô chết được ba tháng, thằng Ly đang khỏe mạnh, đột nhiên ngã bệnh. Ban ngày nó vẫn chơi đùa, ban tối bỗng nổi cơn sốt cao. Sờ trán nóng như hòn than. Gần sáng bụng chướng lên đau quằn quại. Hết đau bụng, sang đi lỏng. Hết đi lỏng, sang sài giật. Bà cả Cỏn cuống cuồng sang cụ tú Cao xin thuốc. Cụ Tú sang thăm bệnh cho cháu nhưng bệnh quá nặng. Thằng bé gầy gò có khuôn mặt tuấn tú đến tối hôm sau mê sảng cứ luôn

mồm gọi "cụ ơi!". Chẳng ai biết là cụ nào. Gọi luôn mồm cho đến sáng thì thằng bé đi.

Bà cả Cỏn mất đứa con trai thông minh mà bà rất yêu, đâm suy nghĩ héo hon, rồi sinh bệnh. Cụ tú Cao mang hết sở trường ra chữa cho cháu dâu. Rất lạ! Toàn thuốc tốt thuốc quý mà bệnh của bà lý Cỏn cứ trơ ra không chịu lui. Cụ chánh Thi xót con gái, đón ông lang làng Gồ, ở xa cách kẻ Đình hai chục cây số về chữa cho con gái. Diệu vợi lắm. Phải mang võng đi đón rồi lại đưa về. Tốn công tốn của lắm mà bệnh vẫn chẳng chịu lui.

Bệnh bà cả Cỏn càng ngày càng nặng. Ông lý Cỏn nhà tôi lúc này mới điểm lại tất cả tình hình. Bà cụ Tổ cô chết tháng hai. Thằng cu Ly chết tháng năm. Khi chết thằng bé cứ gọi "Cụ ơi". Vậy nó gọi cụ nào. Rồi sang tháng sáu, bà Lý lại liên tiếp bị bệnh. Như vậy có nghĩa gì? Tại sao họ Vũ Xuân lại bị lắm tai ương như vậy. Chữa thuốc mãi không khỏi... hay là bị ma ám. Cả nhà bàn nhau đến chùa hỏi ông hộ Hiếu. Cụ chánh Thi nói:

- Lão điên ấy hỏi làm gì? Toàn trò bịp bợm để dọa nạt người ta.

Riêng tôi, tôi vẫn nhớ tới chuyện năm xưa họ Vũ Xuân vứt ông Thần Cẩu (con chó đá) xuống hồ Huyền, sau lại phải vớt lên; rồi chuyện ông Tây Pierre mắt mèo bị ma ám, sau được ông Hiếu chữa khỏi. Cho nên tôi vẫn tin ông Hiếu. Một buổi tối tôi lén ra chùa lễ ông Hộ Pháp và xin ông Hiếu cho biết tình hình cõi âm thế nào, tình hình gia đình tôi rồi sẽ ra sao? Ông hộ Hiếu lại lấy bát nước trong vắt bí hiểm của mình ra, đặt trên đó một nén hương nằm ngang, rồi xuýt xoa khấn vái. Cuối cùng ông nói với tôi:

- Đi đi thì hơn... Chị không hiểu à... Tôi bảo chị nên cho các cháu lánh đi ít lâu thì hơn... Thiên cơ bất khả lậu... Nhưng cứ lánh đi... đợi khi yên ổn sẽ trở về. Đây, tôi cho chị mấy lá bùa. Đeo cho mỗi đứa trẻ một cái ở cổ... Bùa trừ tà đấy.

Năm ấy tôi lại sinh đứa con thứ sáu nên ông Hộ cho sáu cái bùa.

Tôi nghe lời ông Hộ, đang đêm mang con về nhà mẹ đẻ bên làng Già. Ông lý Cỏn thấy vắng lũ trẻ hỏi tôi, nhưng nghe tôi nói, ông cũng bằng lòng. Đến khi một cậu em bà cả Cỏn cũng quay ra ốm thì cả chồng tôi và cả cụ chánh Thi đều nao núng lắm. Ông cụ chánh Thi rước ông thầy phù thủy làng Gồ về xem số, làm lễ. Ông ta phán rằng:

- Động đến ngài "đại thụ linh thần" ở gốc cây đa rồi. Thần cây đa bắt bà Cỏn về làm quân hầu đầy tớ. Không sửa lễ làm ngài hạ cơn giận dữ, thì ngài sẽ còn giáng tai họa cho cả bên nội lẫn bên ngoại.

Người dân làng Đình đổ đến xem đám cúng lễ thần Cây đa đông như hội. Ngài chỉ định bắt một mạng bà Cỏn về làm lính hầu, song gia đình ông Lý nhà tôi giàu có, nên sắm sửa đồ tế lễ khá hậu hĩnh. Đáng lẽ chỉ phải sắm một cô hình nhân thế mạng, nhưng nhà tôi đã sắm hai cô. Đó là hai cô tố nữ bằng giấy. Hai cô đều mặc váy tím khăn nhung đen; chỉ có khác một cô áo đỏ, một cô áo xanh, một cô tay cầm quạt, một cô tay bưng cơi trầu. Hai cô hình nhân thế mạng đều xinh đẹp, mặt trắng, lông mày ngài đen nhánh, mắt phượng, môi son. Đồ bằng nan giấy mà tinh xảo đáo để. Hai cô tựa lưng ở hai bên cột đằng trước cái ngai "đại thụ linh thần". Cạnh ông thần cẩu còn dựng con ngựa bạch và chiếc lọng đều bằng giấy.

Còn vàng mã tiền giấy thì một mâm tú ụ. Hôm ấy, gốc cây đa đầu làng bỗng sinh động, tưng bừng hẳn lên vì màu sắc xanh đỏ tím vàng. Lũ quạ ngoài đồng thấy người đông đúc, cũng bay cả đàn về đậu trên ngọn đa nhòm xuống, góp thêm vào sự náo nhiệt bằng những tiếng kêu quạ quạ ồn ĩ.

Việc cúng thần là chính, nhưng ông Lý nhân tiện, làm cả cúng cháo lá đa. Nghĩa là cúng luôn cho cả những cô hồn, những ma đói ma khát, để cho các vong linh phiêu bạt ấy không thể thừa gió bẻ măng gây thêm tai họa. Những chiếc lá đa khoanh hình bồ đài xâu tăm, được rót đầy cháo thí vào, được bày la liệt bên những chiếc rễ đa nổi trên mặt đất, hoặc trong những bụi cây, gốc cỏ chung quanh.

Ông lý Cỏn thân làm chủ lễ. Ông thầy phù thủy mặc áo đỏ đánh trống. Một chú bé phụ lễ đánh cái chập cheng. Ông thầy ê a đọc bài văn cúng. Chồng tôi lễ bốn lạy rồi tiến đến ngai thờ rót rượu. Sau đó ông nhắm mắt lẩm nhẩm van xin:

- Con xin ngài thương chúng con lũ người trần mắt thịt, trót mạo phạm đến oai linh. Con xin ngài có phạt thì cũng giơ cao đánh khẽ. Xin đức ngài mở lượng hải hà tha thứ, xá tội cho vợ con là Nguyễn Thị Lụa, con cụ Nguyễn Văn Thi. Nay gia đình chúng con xin dâng lễ vật ngựa, lọng, mũ mão, hia hốt đầy đủ. Lại xin dâng tố nữ một đôi, hai kẻ hình nhân thế mạng, để thay thế Nguyễn Thị Lụa ngày đêm hầu hạ linh thần...

Sau khi ông Lý khấn, một trận gió to nổi lên cùng với tiếng trống, tiếng chũm chọe hình như cũng rộn ràng hơn trước. Những chiếc lá đa, những chiếc bồ đài bị lật

sấp rồi bị gió cuốn theo... Hai cây nến đỏ trên ngai tắt phụt. Dân làng thì thầm với nhau: "Ngài thiêng, ngài nhận đấy". Ông lý Cỏn nhà tôi tay run run châm lại nến. Rồi ông quỳ xuống xì xụp lạy như tế sao. Thầy phù thủy khua trống rộn rã để kết thúc cuộc lễ. Dân chúng còn chờ xem đến lúc đốt vàng mã. Ngọn lửa lem lém trên những vạt áo xanh đỏ của hai cô tố nữ. Lửa biến những mảnh giấy màu thành những tàn đen kéo chúng bay vút lên trời...

Cuộc tế lễ linh đình đến như vậy mà cũng không làm sao cứu nổi mạng con người. Bà cả Cỏn nhà tôi cũng chỉ trụ được hai ngày nữa thôi, rồi cuối cùng cũng tắt thở.

Đám ma của chị Cả là cả một câu chuyện rắc rối. Ông Lý nhà tôi cẩn thận nhờ mấy người bấm quẻ để xem giờ nhập quan, giờ phát tang... ngày giờ chôn cất. Cả mấy người đều nói cùng một câu làm ông Lý lo sợ, chạy ngay sang nhà cụ tú Cao:

- Ông ơi! Con biết làm thế nào bây giờ đây?

Trông thấy bộ mặt hoảng hốt của người cháu, cụ Tú ôn tồn:

- Có chuyện gì, anh Lý cứ bình tĩnh nói cho chú xem sao.

- Trùng tang! Tất cả đều nói trùng tang ông ạ.

- Trùng tang ư?

Ông già nhắc lại lời người cháu. Đến lượt bộ mặt ông cụ cũng biến sắc, tái nhợt đi.

- Ông ơi! Cháu Ly ẩn tuổi mẹ nó, hai mẹ con sinh cùng giờ, chết cùng giờ. Hai mẹ con lại chết chỉ cách nhau một tháng. Đúng là trùng tang rồi ông ạ. Đấy là chưa kể cụ tổ nhà mình cũng mới chết. Rồi cậu út bên nhà ngoại con đang bị ốm.

Còn vàng mã tiền giấy thì một mâm tú ụ. Hôm ấy, gốc cây đa đầu làng bỗng sinh động, tưng bừng hẳn lên vì màu sắc xanh đỏ tím vàng. Lũ quạ ngoài đồng thấy người đông đúc, cũng bay cả đàn về đậu trên ngọn đa nhòm xuống, góp thêm vào sự náo nhiệt bằng những tiếng kêu quạ quạ ồn ĩ.

Việc cúng thần là chính, nhưng ông Lý nhân tiện, làm cả cúng cháo lá đa. Nghĩa là cúng luôn cho cả những cô hồn, những ma đói ma khát, để cho các vong linh phiêu bạt ấy không thể thừa gió bẻ măng gây thêm tai họa. Những chiếc lá đa khoanh hình bồ đài xâu tăm, được rót đầy cháo thí vào, được bày la liệt bên những chiếc rễ đa nổi trên mặt đất, hoặc trong những bụi cây, gốc cỏ chung quanh.

Ông lý Cỏn thân làm chủ lễ. Ông thầy phù thủy mặc áo đỏ đánh trống. Một chú bé phụ lễ đánh cái chập cheng. Ông thầy ê a đọc bài văn cúng. Chồng tôi lễ bốn lạy rồi tiến đến ngai thờ rót rượu. Sau đó ông nhắm mắt lẩm nhẩm van xin:

- Con xin ngài thương chúng con lũ người trần mắt thịt, trót mạo phạm đến oai linh. Con xin ngài có phạt thì cũng giơ cao đánh khẽ. Xin đức ngài mở lượng hải hà tha thứ, xá tội cho vợ con là Nguyễn Thị Lụa, con cụ Nguyễn Văn Thi. Nay gia đình chúng con xin dâng lễ vật ngựa, lọng, mũ mão, hia hốt đầy đủ. Lại xin dâng tố nữ một đôi, hai kẻ hình nhân thế mạng, để thay thế Nguyễn Thị Lụa ngày đêm hầu hạ linh thần...

Sau khi ông Lý khấn, một trận gió to nổi lên cùng với tiếng trống, tiếng chũm chọe hình như cũng rộn ràng hơn trước. Những chiếc lá đa, những chiếc bồ đài bị lật

Cụ Tú cố lấy giọng cứng cỏi để an ủi:

- Anh Lý đừng nên tin vào những chuyện mê tín. Tôi đọc sách thánh hiền từ lúc để chỏm, có bao giờ thấy sách nói đến chuyện trùng tang. Đừng nên nghe các ông thầy phủ thủy. Đừng nên làm những chuyện rắc rối. Đạo nghĩa vợ chồng cứ thực bụng xót thương, rồi lễ nghi chẳng sơ sài, đào sâu chôn chặt, thế là trọn vẹn.

Ông lý Cỏn nhà tôi sang hỏi bố vợ. Ông chánh Thi gật gù:

- Kể ra lời cụ Tú là đúng với sách. Nhưng suy cho kỹ, thánh hiền vốn ở nơi đâu? Chẳng phải là ở tận bên Tầu hay sao?... Còn ở đây là quê hương chúng ta, vậy, anh Lý cứ nên theo phong tục mà làm. Ngày xưa, các cụ chôn người chết trùng ra sao. Ngày nay, ta cũng làm theo đúng như thế. Thầy cũng đi hỏi rồi. Người ta bảo nhà mình bị trùng nặng chứ không phải trùng nhẹ. Nghĩa là bên nội bị ảnh hưởng, mà cả bên ngoại cũng phải chịu theo. Chuyện này chẳng phải chuyện chơi. Anh phải có bổn phận với bên nội, nhưng cũng phải lo lắng cả cho bên ngoại. Chị Lụa là phận đàn bà. Người ta bảo nữ nhân ngoại tộc. Nhưng không hẳn như thế đâu. Cái sự trùng tang này ghê gớm lắm.

Đã nói đến tục lệ, ai còn dám cãi. Người ta sống ở làng, sống với họ tộc, anh em, cô dì chú bác; ai có thể dám bất cần, dám làm điều gì trái với tình cảm của mọi người. Ngay cả cụ tú Cao, một người đức cao vọng trọng, cụ cũng không dám đi ngược với tục lệ. Nhỡ ra có chuyện gì, cụ làm sao gánh nổi trách nhiệm.

Người hoảng hốt nhất là ông Lý nhà tôi. Từ lúc nghe hai tiếng trùng tang, người ông tựa như mê mẩn đi. Ông

Lý, từ lúc làm người, chỉ thấy mọi sự ở đời đều xuôi thuận với ông. Đây là lần đầu tiên ông gặp điều không như ý, điều gay go. Cũng là lần đầu tiên, một người thân thiết, gắn bó với ông nhất đã ra đi. Con người lanh lợi, mưu mẹo ấy đột nhiên như ngã gục.

Chị Cả nằm thẳng dẵng trên giường. Ông Lý chẳng nhờ ai. Chính tay ông đã vuốt mắt cho bà. Cũng chính tay ông đã lấy chiếc đũa ngáng miệng cho bà. Người đàn bà ấy có lúc hay làm nũng. Chị Cả có lúc hay dọa mách tội ông Lý với cụ chánh Thi. Nghĩ cho cùng, người đàn bà ấy, tiếng là con nhà quyền thế, tiếng là lấy chồng giàu có, song thử hỏi đời chị ấy có sung sướng hay không. Người đàn bà ấy cũng đầu tắt mặt tối quanh năm, chẳng khác gì những kẻ lam lũ. Cũng cơm hẩm, dưa khú như người tá điền. Chị ấy cũng dậy sớm theo tiếng gà gáy sáng, cũng xay lúa giã gạo cho đến lúc trăng gác đầu ngọn tre. Giờ đây, con chị chết mới tròn một tháng, chị đã vội theo con. Chết vào giờ xấu! Chết trùng tang! Chết ai oán gây nên nỗi nơm nớp cho mọi người. Theo đồn đại, sẽ còn những người khác đi tiếp. Sau bà, sẽ là ai đây? Lão thần trùng sẽ còn bắt những ai? Thật lạ lùng. Biết lão thần trùng là mối nguy chính nhưng chẳng ai dám nhắc đến chữ "Thần trùng". Ai cũng tránh, cũng kiêng gọi tên ấy. Cứ như thể nhắc đến chữ ấy là lão ta sẽ hiện ra ở ngay sau lưng, cả gia tộc nhà chồng tôi cứ như mê đi. Mọi người lặng lẽ, kẻ nào việc nấy. Ít nói là tốt nhất. Gia đình chúng tôi đang làm một việc rất lạ. Chúng tôi biết mười mươi đây là một đám trùng tang, nhưng mọi người cứ phải thản nhiên coi đây như một đám tang thường. Chúng tôi đang cố tình đánh lừa thứ ma ác, đánh lừa lão thần trùng quỷ quyệt.

Cái Thắm rất thương mẹ. Con bé mới chừng mười ba, mười bốn mà đã đảm đang chẳng khác gì chị Cả. Nó chẳng nhờ dì Hai, chẳng khiến dì Ba. Nó tự tay đun nước ngũ vị hương, rồi quây màn làm lễ mộc dục lau rửa cho mẹ sạch sẽ, rồi thay quần áo mới cho bà tươm tất.

Thầy phủ thủy làm lễ phạt mộc, yểm bùa. Ông cầm nắm hương đọc phù chú, lấy con dao dựa chém nhẹ vào những tấm ván của chiếc áo quan bằng gỗ vàng tâm để đuổi lũ tà ma còn ẩn náu trong đó. Sau đó yểm bùa. Yểm cả trong áo quan, yểm cả những xó xỉnh tối tăm trong nhà.

Lễ phạm hàm mới thật thảm thương. Ở trường hợp chết bình thường người ta dùng ba đồng chinh đã mài sáng loáng và một bát gạo. Người hộ tang hô ba lần: sơ hàm, tái hàm, tam hàm. Mỗi lần hô, người ta bỏ vào miệng người chết một đồng chinh và một thìa gạo. Riêng ở trường hợp này, vì chị cả Cỏn chết trùng tang người ta không dùng đồng chinh và gạo. Vật bỏ vào miệng người chết lúc này là một nắm kim nhọn hoắt. Tiếp đó là việc làm khủng khiếp. Ông thầy phù thủy lại múa hương, lại thét, lại đọc phù chú. Sau đó, ông lấy kim khâu, chỉ chắc, khâu kín hai môi người chết lại. Cái kim đâm vào môi sừn sựt, không hề có máu chảy ra. Tôi nhìn mà sởn tóc gáy, mắt nhắm nghiền lại. Cái Thắm thương mẹ quá, khóc rãy lên, rồi nằm ngất thẳng cẳng.

Tiếp đến làm lễ khâm liệm cho chị Cả. Người ta dùng những tệp giấy bản kê đầu, chèn đầu, rồi bó người chết bằng những tấm vải liệm dài. Người chị Cả cuối cùng được gói lại gọn ghẽ, vuông vức trông như chiếc bánh chưng dài...

Trong cuộc lễ khâm liệm ấy, mấy người đàn bà yếu

bóng vía trong nhà bị ngất. Cái Thắm bị ngất lâu nhất. Đến như chị hai Cỏn vốn kình địch với chị cả Cỏn mà cũng phải lả người đi, khóc không thành tiếng. Ông lý Cỏn chồng tôi có lẽ là người thương xót chị Cả nhất. Cứ tưởng ông ít đằm thắm với chị Cả là vì ông ít yêu thương chị. Hóa ra không phải. Cứ nhìn ông mà xem. Ông ngơ ngơ ngác ngác, nước mắt chảy ròng ròng, sụt sịt như một đứa trẻ. Người ta gọi ông cũng chẳng thưa, cứ như kẻ mất hồn...

Tại sao, lúc khâm liệm chị Cả lại phải làm những chuyện khác thường như bỏ kim vào miệng và khâu môi như vậy? Trong đám tang tôi không dám hỏi, mãi về sau mới biết.

Người ta bảo rằng chết trùng tang rất độc. Không làm theo đúng tục lệ, sẽ làm chết nhiều người khác trong họ tộc. Có gia đình bị trùng tang chết liền nhau tới chục người. Cái kẻ ác độc gây ra tang tóc ấy chính là thần Trùng. Đó là một ác thần. Nó thường biến thành một con rắn đến mộ người chết trùng, rồi nằm cạnh xác chết. Nó đe dọa vong linh người chết, hành hạ, tra khảo xác chết. Nó buộc người chết phải khai ra tên họ, ngày sinh tháng đẻ của những người thân còn sống, để rồi sẽ về bắt tiếp những người đó. Trường hợp này phải bỏ kim vào mồm và khâu miệng lại. Khâu như vậy cốt đề phòng. Nhỡ ra, người chết bị thần trùng tra khảo đau quá, cũng không có thể há miệng ra mà khai với vị ác thần những điều mình biết.

Người hộ lễ là cụ tú Cao. Cụ là người từng trải, lịch lãm, nắm vững mọi thủ tục, công việc tang lễ. Cụ cắt đặt công việc cho từng người trong nhà rất khéo. Người nào

đúng việc nấy. Đáng lẽ ra ông lý Cỏn nhà tôi phải làm tang chủ, nhưng từ lúc chị cả Cỏn mất ông như người mất hồn. Tôi phải đưa ông về nhà, bắt ăn, rồi bắt ngủ một lúc, ông mới đỡ, tuy nhiên vẫn còn ngơ ngác không điều khiển được mọi việc. Thằng cháu Long con chị cả Cỏn phải đứng ra làm tang chủ. Thằng Long kém thằng Cò con tôi một tuổi, nhưng về thế thứ nó là anh thằng Cò, lại là con đẻ chị Cả nên làm tang chủ là phải. Thằng bé mười sáu tuổi, khá lanh lợi và xót thương mẹ. Lúc chị Lụa tắt thở, nó cầm chiếc áo cánh của mẹ leo lên nóc nhà để hú hồn hú vía:

- Ba hồn chín vía bà Nguyễn Thị Lụa ở đâu có nghe thấy tiếng con trai là Vũ Xuân Long, thì hãy về với con với cháu.

Nó hô ba lần, vừa hô vừa khóc. Thằng bé suýt ngất xỉu trên mái nhà. Ông thầy phù thủy bảo:

- Xin gia đình cứ làm lễ đúng như lệ thường, như mọi đám ma khác. Nếu không làm khéo đánh động tới người (ý nói thần Trùng), sẽ rất bất lợi.

Ý ông phù thủy, như tôi đã nói, là phải thật khéo để đánh lừa thần Trùng. Cứ làm như thể gia đình không biết chị Lụa đã bị chết trùng tang.

Cụ tú Cao phải thay mặt gia đình sang có lời với cụ đồ Tiết nhờ họ Đinh giúp đỡ một số việc. Nghĩa tử là nghĩa tận, cụ đồ sai Trịnh Huyền đến thổi kèn giúp cho việc hiếu được nghiêm trang, long trọng.

Tiếng kèn lâm khốc lúc phát tang của ông Huyền làm cho cả làng Đình phải nôn nao, kéo nhau đến đám tang. Ông Cỏn làm việc quan, lại giàu có, nên khách khứa đông nườm nượp. Cái sự trùng tang là việc riêng trong

nhà, cụ Tú giấu biệt, lại cấm tiệt con cháu không được hở ra. Hơn nữa, họ Vũ Xuân gia pháp rất nghiêm, nên lúc ấy trong làng không ai hay biết; người làng rủ nhau đến thăm hỏi như đám ma thường. Ngoài các vị chức dịch trong vùng đến viếng, còn thấy mặt cả hai ông chủ đồn điền: ông Pierre và ông Julien. Từ khi ông Philippe chết, bà vợ đầm của ông không bén mảng sang đồn điền nữa. Người ta bảo bà ấy sợ cái xứ sở này. Người ta còn nói bà thề rằng sẽ không bao giờ đặt chân lần thứ hai tới đất Cổ Đình. Tiếng là đồn điền thuộc về cả hai ông chủ Tây, nhưng ông Pierre chỉ ham mê vẽ vời không thích bận bịu công việc, nên tất cả công việc đều ở trong tay ông Julien. Dân Cổ Đình bảo hai ông Tây này rất khôn. Một ông là võ một ông là văn. Ông Julien thì nhanh nhẹn tháo vát nhưng tính tình nóng nảy. Ông Pierre, ngược lại với ông em, là người văn vẻ nho nhã. Ông ta được dân trong xóm mến. Nhờ ai đứng làm mẫu cho vẽ thì trả tiền tử tế. Có những bà chỉ gánh đôi quang gánh nhẹ, đi đi lại lại trước mặt ông chừng một lúc, thế mà cũng được ông trả công cho một hào, bằng tiền công làm việc vất vả cả ngày. Thỉnh thoảng ông còn chia kẹo cho trẻ con. Cái nhà ngang nhà thím ba Pháo bỏ không, đem cho ông Pierre thuê để đồ vẽ cũng được đồng bạc mỗi tháng. Ông ta lại chẳng hề khinh rẻ cái phận nghèo hèn làm mõ của thím Pháo - vì vậy, dân bảo chắc kiếp trước ông Tây này là người Nam và tu đạo Phật nên mới thế.

Ông Pierre ở xứ ta đã lâu, am hiểu lệ tục xứ mình, lại biết nói tiếng ta. Tuy giọng còn lơ lớ chút ít, nhưng đứng trước linh cữu bà Lý, ông ăn nói thật nghiêm trang, văn vẻ chẳng khác gì người ta:

- Đồn điền chúng tôi biết tin bà Lý quy tiên. Chúng

tôi đến phúng viếng, mang hoa đến chia buồn cùng tang quyến.

Quản Láu mặc đồ đen bưng mâm trên có chai rượu, nắm hương, bó hoa đặt lên hương án trước linh tọa. Nhạc kèn lâm khốc của Trịnh Huyền cất lên ai oán. Trai gái trong nhà, nam tả nữ hữu ngồi xệp hai bên rập đầu xuống đất khóc ô hô, khi hai ông Tây cúi đầu vái lễ. Thằng Long, thằng Xuân, thằng Cò, thằng Tũn, Thằng Tĩn chống gậy vông, mặc áo xô đáp lễ. Hai ông Tây vái bốn vái. Lũ con trai sụp xuống đất đáp trả lễ ba lần.

Sau đó cụ tú Cao và ông Lý phải ra tiếp khách. Ông Lý ngơ ngác, đi loạng choạng. Tôi phải dìu chồng tôi ra đứng bên bàn nước. Ông Tây Julien đưa con mắt sắc sảo ra nhìn chung quanh. Rồi ông chăm chú nhìn ra đám kèn trống, nhìn chằm chằm vào ông Trịnh Huyền với bộ mặt sứt sẹo quái gở. Tôi cứ nghĩ rằng bộ mặt nửa thực nửa hư, nửa hiền nửa ác, nửa đẹp nửa đáng ghê sợ của ông dễ làm người ta chú ý. Mà cũng đáng chú ý thật, vì khi ông Huyền thổi kèn những vết sẹo bên nửa mặt trái của ông đỏ lựng lên, giữa đống thịt đỏ lựng ấy lại có những vết tím bầm. Ông Huyền cũng có ý tứ, ông ngồi khuất sau người đánh trống cơm và cố nghiêng phần mặt xấu xí đi chỗ khác. Song, ông đã như thứ người bị trời đánh dấu, chúi vào đâu được để che đậy nổi con người mình. Càng cố che giấu càng dễ bị nhận ra. Tôi chợt thấy thương và lo cho ông khi con mắt soi mói của ông Tây Julien chợt ngẩng lên và hỏi chồng tôi:

- Cái người... thổi kèn kia... là ai?... Có phải... Trịnh Huyền... đó không?

Chồng tôi như cái máy đáp lại:

- Dạ dạ...

Người Tây lại hỏi:

- Có phải... cái người này... mở lớp... dạy học không?

Chồng tôi ngơ ngác rồi đáp bằng những câu như vô hồn:

- Dạ không.

- Ông Lý biết không... Phải cẩn thận... Phải rất cẩn thận...

Ông Tây họa sĩ Pierre, vì am hiểu phong tục, thấy hỏi những chuyện như vậy có lẽ không hợp trong lúc gia chủ đang có tang nên đưa mắt ra hiệu cho ông Tây em.

Lúc đó, ông Julien mới như giật mình nhìn sang ông cụ có chòm râu lơ thơ vào đôi mắt rất sáng đang nâng chén nước trà bốc khói cho ông. Cụ Tú hiền lành nhìn vào mắt hai người Tây và nói:

- Xin mời các quan lớn.

Ông Tây anh đỏ mặt đỡ lấy chén nước:

- Xin cụ đừng gọi tôi như vậy. À quên, xin giới thiệu với em đây là cụ tú Cao. Còn đây là ông Julien em tôi. Con rể cụ Tú chính là bác sĩ Alexandre mà anh em ta có dịp tiếp kiến ở nhà cha xứ.

Julien giơ cả hai tay niềm nở nắm lấy bàn tay dài và gầy guộc của ông già. Người Tây sôi nổi ấy không chú ý đến ông già, nhưng cụ Tú tỏ ra rất quan tâm tới anh ta. Ông cụ đã quan sát không bỏ sót một cử chỉ nào của Julien, từ lúc anh bước chân vào nhà mình.

Đêm xuống, khách viếng đã hết. Cả làng đến nghe ông thợ kèn thổi kèn giải. Đêm trước hôm đưa đám ma, ở làng tôi, người ta thường thi khóc: cháu khóc cô, con khóc mẹ, chị khóc em, chồng khóc vợ... Người khóc thường là

đàn bà, tóc xõa rũ rượi, ngồi bẻ quặt chân trên đất nức nở khóc... Tiếng khóc là những lời kể lể về tính nết hiền thục, hay làm hay làm, rồi những kỷ niệm với người đã khuất... Nay người ra đi, âm dương cách trở, chẳng còn nhìn thấy mặt nhau để thương để nhớ để sầu cho người còn sống... Tiếng kể lể, tiếng khóc ơ hờ, tiếng nấc, tiếng gọi... thỉnh thoảng tiếng kèn lại dấy lên lâm li thống thiết làm mọi người ngồi dưới cây rơm, ngồi trên sân gạch bặt lặng cúi đầu.

Ai không biết khóc thì thuê thợ kèn khóc giúp. Người nhà quê chúng tôi vẫn như vậy, đã đành là phải sống bằng miếng cơm ăn, nhưng cũng không thể sống mà thiếu hội hè. Vui có hội vui, mà buồn cũng phải có hội buồn. Thổi kèn giải là một đêm hội buồn. Trong khi cánh đàn ông đốt đèn sáng trưng trong nhà, xúm xít nhau quanh đám tổ tôm hoặc đám chắn, thì những người đàn bà, trẻ con chúng tôi ngồi dưới ánh trăng và nghe kèn giải. Đám kèn giải còn kéo dài tới lúc nửa đêm, tức là giờ các cụ làm lễ chuyển cữu. Tôi không biết các cụ cắt nghĩa lễ chuyển cữu ra sao, chứ đám đàn bà chúng tôi cho rằng chuyển cữu tức là giở mình cho người chết. Ôi chao! Nằm dài mãi trong áo quan cũng mỏi lắm chứ, người dưới cõi âm chắc cũng phải giở mình như người cõi dương.

Song còn lâu mới tới nửa đêm, lúc này chỉ có đèn nến sáng trưng ở bàn thờ linh tọa, còn tất cả mọi người đều ngồi chìm trong bóng đêm trăng. Nó sáng mờ mờ đủ che khuất khuôn mặt kỳ dị của Trịnh Huyền. Hàng tháng nay, tôi bận bịu với công việc trong nhà nên không có thì giờ mà nghĩ tới ông ta nữa. Nghĩ cho cùng, ông Lý nhà tôi, dù có bị mất bà vợ cả thì cũng vẫn còn bà Hai và tôi

tức bà Ba. Còn Trịnh Huyền thì sao? Ông ta sống cũng phải sống trong nỗi nơm nớp lo sợ. Và điều buồn nhất là ông ta chẳng có người đàn bà nào sống bên cạnh để chăm lo cho, để nâng giấc an ủi những khi ốm đau, hoạn nạn...

Tôi ngồi ở chân cây rơm thở dài nghĩ như vậy. Tôi cúi đầu xuống, lắng nghe tiếng kèn ai oán của ông lẩn quất trong lùm tre, mái rạ. Nó làm cho tôi rưng rưng muốn khóc. Nó làm cho tấm lòng mộc mạc của tôi thổn thức, xốn xang. Hai bố con ông Trịnh Huyền thổi kèn và ngâm khóc khéo lắm. Ngày trước, đám hội hiếu bên làng Già sang giúp thường kết thúc đêm kèn giải bằng một điệu múa sinh tiền. Người ta bảo sống gửi thác về. Chết tức là về ngôi nhà chính của mình. Vậy nên chết cũng nên tiễn bằng điệu múa vui.

Hai bố con ông Trịnh Huyền không làm như vậy. Họ lại kết thúc đêm kèn giải bằng một khúc hát. Ông Huyền lúc này không thổi kèn. Ông đánh cây đàn trong tiếng bập bung nhè nhẹ của chiếc trống cơm. Cháu Nhụ ngồi dưới chân ông. Hai bố con hát một bài hát rất lạ. Bài hát sầu thảm, chẳng hề giống một làn điệu nào, nhưng lại phảng phất tất cả nghe vừa quen vừa lạ. Nó nức nở cái hơi làn thảm, nó lâm li như kèn lâm khốc. Tôi gục đầu xuống đầu gối, cứ thấy rờn rợn gai gai. Về sau, tôi mới biết đó là bài khóc của ông năm xưa khi người vợ ra đi, lúc ông xa quê, lúc con bé Nhụ còn bé tí. Ngày xa xưa ấy, cháu Nhụ chưa biết hát; còn bây giờ, chính cháu Nhụ đang cất tiếng bằng cái giọng ai oán giữa đêm khuya. Nó hát rằng:

Con thương mẹ, con trèo lên núi
Chẳng thấy mẹ đâu

Chỉ thấy vượn mẹ bồng con
Ạ ời... vượn khóc nỉ non.

Con thương mẹ, con lội xuống khe
Chẳng thấy mẹ đâu
Chỉ thấy ếch nhái kêu sầu
Sầu suốt đêm thâu.

Con thương mẹ, con lên hỏi trời
Trời chẳng trả lời
Chỉ thấy mây mờ giăng mùng
Sương rơi như khóc.

Con thương mẹ, con xuống hỏi đất
Đất chẳng trả lời
Đất rì rầm khẽ hát lời ru
Ru rằng:
Âm dương cách trở đôi đường
Mẹ đi để nhớ, để thương, để sầu.
Mẹ đi để héo giàn trầu
Để thui giàn bí, để đau hàng cà.

Thì ra đây là câu khóc mẹ của cháu Thắm. Con bé thưởng cho phường kèn những ba xu, bảo ông Huyền hát dâng cho mẹ nó một câu hát nào hay nhất mà cũng sầu thảm nhất.

Trong câu hát này, cái Nhụ cũng cảm thấy như chính nó đang khóc mẹ, người mẹ mà nó hầu như không còn

nhớ mặt. Vì vậy giọng nó rưng rưng đầy nước mắt. Còn ông Trịnh Huyền, nghe giọng đứa con hát, nghe tiếng khóc thê thảm của cháu Thắm, mà ông lại đang diễn cái bài hát do tự tay ông đặt ra, mượn miệng đứa con để nói lời chia biệt, cho nên tiếng đàn của ông khác hẳn lúc thường. Nó làm cho mọi người trong đám tang im phăng phắc. Đám tổ tôm trong nhà cũng bỏ chơi, kéo ra thềm, kẻ đứng người ngồi, chau mày nghe lời tiễn biệt.

Vì là đám ma trùng tang, nên ông chánh Thi, người đứng đằng sau chỉ đạo đám ma con gái, bắt mọi nghi thức tang lễ đều phải hoàn hảo. Ông Chánh muốn hồn ma và thần Trùng buộc phải bị quyến rũ, buộc phải mê mẩn đi, để bị hút theo tiếng kèn, tiếng đàn, tiếng trống. Chính vì vậy, ông Trịnh Huyền phải trổ hết tài nghệ, làm sao tiếng kèn của ông phải làm người ta bật khóc. Tiếng kèn đầy ma lực quyến rũ ấy quả thật đã làm đám tang như trở thành một cuộc lên đồng. Ở đây, cả làng đã bị cuốn hút, tất cả mọi người đều đã biến thành những con đồng. Như thế, đám ma mới ra đám ma. Trịnh Huyền cũng thực chẳng ngờ rằng tiếng kèn của mình lại có thể làm mê hoặc, đánh lừa được cả thần Trùng, ma quỷ.

Ngày hôm sau, đưa đám lúc mặt trời lên. Đây là cuộc đánh lừa thần Trùng có tính toán rất kỹ lưỡng, tính trước cả đường đi lối về. Đường đi của linh cữu, đặc biệt khác lệ thường. Con đường phải ngoắt ngoéo, rắc rối, bất ngờ. Bảo rằng để cho hồn ma khó nhận ra đường, sẽ quên mất lối, kẻo lại dẫn thần Trùng quay trở về nhà. Người ta không đi theo cửa chính. Gia đình xé rào, mở một lối đi ở bên lũy tre giáp đồng. Khi đám ma qua trổ tre ra đồng, lập tức con đường ấy bị lấp lại ngay. Người ta lấy

rong gai lấp đầy, bịt kín lại. Rồi đóng cọc buộc chặt, thậm chí sai đầy tớ trồng ngay những gốc tre mới. Chỉ vài tháng nữa, chỗ này sẽ xanh um, sẽ chẳng ai có thể nhận ra nơi đây đã có một lối đi chỉ dành riêng cho đám ma ấy nữa.

Khi ra ngoài đồng, bốn chàng trai lực lưỡng cầm bốn hình nộm gọi là bốn ông phương tướng dẫn đầu. Bốn hình nhân mặt mày dữ tợn ấy là bốn tướng trừ tà ở bốn hướng đông, tây, nam, bắc. Bốn bộ mặt đen, trắng, đỏ, xanh. Bốn ông thần dữ tợn cầm bốn thứ binh khí, chùy, dao, giáo, kiếm. Bọn trẻ trong làng đông nghịt chạy theo bốn hình nhân do bốn trai đinh lực lưỡng vác, họ hò hét và nhảy nhót.

Đáng lẽ đám tang qua đồi, rồi vượt sông sang khu rừng bên kia bờ, nhưng bốn ông phương tướng lại dẫn ra hồ Huyền. Vẫn là mưu mẹo để đánh lạc đường. Người ta cho linh cữu lên thuyền bơi ra vùng nước bao la sau đó chui vào đám sương mù dày đặc buổi sớm. Tiếng kèn ai oán của ông Trịnh Huyền vang xa trên mặt nước mênh mông sương trắng. Ra đến giữa hồ thì sương mù dày đặc kết thành những hạt nước nhỏ.

Đoàn người đưa tang ướt sũng, khi thuyền cập bờ bên kia. Đám ma vượt mấy quả đồi sim, qua khu rừng trám, thì đến quả đồi hoang nơi đào huyệt. Huyệt đào theo bậc tam cấp. Thầy phù thủy đội mũ đầu hổ theo bậc đất xuống đáy huyệt. Đó là thần hổ trị huyệt. Bốn ông phương tướng bằng giấy được cắm ở bốn góc. Thần hổ tức thầy phù thủy cầm hương, đọc chú, khử tà, yểm bùa. Có lúc ông đọc lầm rầm, có lúc ông quát, ông thét để đuổi lũ ma quỷ tránh xa khỏi nơi đây.

Thầy phù thủy bảo trường hợp này trùng nặng nên không chôn quan tài xuống dưới đất. Phải chôn bán âm bán dương, đợi cho đủ ngày mới chôn hẳn. Người ta đặt ngang trên huyệt hai tấm ván dày rồi đặt quan tài lên đó. Phía trên, ông Chánh sai dựng một túp lều lợp tranh để che nắng che mưa.

Tôi thắp ba nén nhang cắm trước ngôi nhà mồ của chị cả Cỏn mà khấn rằng:

Chị Cả ơi!

Em về nhà ta, làm phận nàng hầu. Em cam phận lẽ mọn nàng hầu, chẳng bao giờ dám ăn ở quá với cái số kiếp hèn mọn của mình. Em chẳng bao giờ dám tự ỉ vào chuyện có nhiều con mà làm điều gì trái với phận của mình. Em vẫn luôn một lòng cung kính, và hầu hạ chị. Lũ con của em, tiếng rằng em sinh ra, nhưng thực chúng là con của chị. Chị sống khôn chết thiêng hãy thương lấy chúng nó, để giữ gìn cho dòng dõi ông Lý, chồng chúng ta, càng ngày càng đông cành xanh ngọn... Em cắn cỏ lạy van chị. Xin hãy thương lấy đàn con của chị. Xin hãy thương lấy dòng giống của nhà ta. Em cắn cỏ em lạy van chị...

Tôi cứ rối rít van xin như thế. Tôi đầm đìa, ròng ròng nước mắt. Tôi thực sự tin rằng những lời cầu khẩn thành thật của tôi sẽ làm cho người đàn bà nhiều uy quyền đã ra đi ấy sẽ động lòng, sẽ không bao giờ quay trở về cõi dương để làm xáo trộn cuộc sống của chúng tôi, những người còn sống.

XII

TAI HỌA LỚN

1

Ở bên kia sông Son, quạ bay lượn đen ngòm trời. Thường dễ có tới ngàn con. Có thể tất cả quạ trong vùng đều tập trung ở đấy. Đó là vào khoảng hơn một tháng sau khi quàn xác bà lý Cỏn tại quả đồi sau khu rừng trám. Mùi hôi thối của xác rữa đã dẫn dụ lũ quạ kéo đến. Chúng đậu trên ngọn những cây gần đấy. Chúng bu kín trên nóc nhà mồ. Thậm chí, có con xông cả vào trong lều lá, đậu ngay trên nóc áo quan. Tuy nhiên, chúng thèm khát mà chẳng làm gì được. Chiếc quan tài đóng bằng gỗ vàng tâm rất dày, rất chắc chắn. Song vì áo quan được đóng kín, thợ mộc lại cẩn thận chít sơn trộn đất sét quá kỹ lưỡng, thành thử hơi xác chết phân hủy bị giam giữ trở nên cực mạnh. Hơi tìm những lỗ hổng để xì ra nhưng không có, cuối cùng nó cũng đẩy được một góc ván thiên mộng yếu bật ra. Tử khí bốc lên trời làm nồng nặc hôi hám cả một góc rừng. Có chỗ hở để đột nhập, lũ ruồi nhặng rủ nhau kéo đến, chui vào đẻ trứng trên những bãi nước vàng, hóa thành dòi. Lũ dòi lại chui lách qua vải liệm vào tận bên trong để đục khoét xác chết. Dòi nhiều quá bò ra trắng xóa cả nắp áo quan...

Người dân Kẻ Đình sợ quá, không ai dám bén mảng đến đấy nữa. Chỉ có bà ba Váy táo tợn đến tận nơi. Lũ

quạ không chịu rời nơi tử địa. Chúng tưởng bà Ba tranh chấp gì với chúng nên chúng cứ lượn quanh trên đầu bà và kêu ồn ĩ. Bà ba Váy tưởng như chúng sắp đánh mình nên ba chân bốn cẳng chạy vội về nhà. Bà nói với ông lý Cỏn:

- Ông Lý ơi! Tôi đã ra tận nơi... tận mộ chị Cả... Thảm thương lắm ông ơi! Ông làm gì đi chứ.

Từ khi vợ cả chết, ông Cỏn như bị ai bắt mất hồn. Ông ngồi cả ngày trên tấm ghế ngựa chẳng nói một câu. Bà ba Cỏn sợ lắm, cứ nghĩ đến chuyện thần Trùng nên bỏ hết mọi công việc, theo sát chăm sóc cho ông. Mọi suy nghĩ riêng tư, bà cũng bỏ tất. Bởi vì ít ra bà cũng có một đàn con với ông. Nghe bà Ba nói về tình trạng ngôi mộ bà Cả, hình như ông Cỏn cũng chẳng hiểu gì. Ông chỉ ngước mắt lên và "Hả? Hả?". Đến nước ấy, bà Ba chỉ còn biết kêu trời.

Ông cụ chánh Thi nói với cụ tú Cao:

- Đây là việc hệ trọng đến cả hai nhà nội ngoại. Ông thầy dặn rằng phải quàn thượng đủ 49 ngày. Ta cũng nên gắng chờ ít bữa nữa. Cụ xem anh Lý nhà ta như kẻ mất hồn. Tôi lo lắm chứ. Vả lại, ông thầy còn nói: Chính lũ quạ đen bu lấy ngôi mộ là tốt. Chúng kêu lên ầm ĩ chính là chúng đang đuổi lão thần Trùng phải bạt đi...

Lời của ông thầy phù thủy cũng chẳng làm tiêu tan được nỗi khiếp hãi của dân Cổ Đình. Việc ấy đến tai quan trên. Trong khi đó, ở một vài làng trong vùng, có người mắc bệnh đau bụng mà chết. Người ta đi chợ nói vào tai nhau:

- Quan ôn đó! Quan ôn về bắt người đó.

- Chỉ tại làng Đình. Họ chôn người bán âm bán dương, gây ra bệnh thời khí.

Phủ huyện liền sức giấy về cho lý Cỏn bắt buộc phải nhanh chóng chôn xác bà Lý.

Việc hệ trọng này khuấy động cả sự yên tĩnh của đồn điền Messmer. Từ khi nghe tin lũ quạ xuất hiện ở khu rừng trám với mùi hôi thối bốc lên nồng nặc, Julien rất lo lắng và sợ hãi. Rồi tiếp theo, có tin lác đác người chết dịch tả trong vùng, Julien thấy không thể ngồi yên được nữa. Hắn nghĩ bệnh dịch sắp bùng lên mạnh, có thể lan sang cả đồn điền. Trong cuộc chiến với Đề Thám ở Bắc Giang, hắn đã đi qua những ngôi làng bị dịch hoành hành. Bọn lính của hắn, trong lúc hành quân, ăn uống bừa bãi bị lây bệnh. Hắn đã mục kích cảnh đại đội của hắn bị chết quá nửa vì mắc dịch. Ôi! Cái mùi dịch tả hắn quá rõ. Nó tanh tưởi, nồng nặc, khắm khú. Hắn sợ dịch tả còn hơn là phải ra trận đối mặt với súng đạn. Pierre bảo em:

- Dịch tả là bệnh nhiệt đới. Người bản xứ chống chọi với nó còn khó. Người da trắng chúng ta quen xứ lạnh, đã mắc bệnh coi như hết đường cứu chữa. Ôi! Số phận những người đi chinh phục chúng ta là như thế sao!

- Thôi đi! Anh đừng nên thốt ra những lời bi quan như thế. Khoa học của người văn minh chúng ta giải quyết được. Điều em quan tâm là trước mắt ta nên làm gì.

- Làm gì ư? Bây giờ bắt đầu tháng tư. Sẽ có những trận mưa đầu mùa. Nước mưa rơi xuống sẽ kéo những vật chất thối rữa ô nhiễm từ xác chết chảy ra suối. Rồi suối chảy ra sông. Dịch sẽ lây lan khắp vùng. Nếu chú thấy không ổn, anh khuyên chú nên ra Hà Nội nghỉ vài tháng

- Bác sĩ Alexandre đã bảo anh rồi. Trong mùa dịch tả, ngoài việc ăn uống vệ sinh, nên uống một cốc rượu Rhum trước bữa ăn. Nhớ lấy, rượu Rhum có thể phòng bệnh...

Julien nghe những lời nói nửa như diễu cợt nửa như bi quan của Pierre, chỉ cười và nhún vai. Hắn quyết định hành động. Hắn đi ngựa đến gặp quan huyện sở tại. Quan huyện lập tức lệnh cho các vị hương lý của những làng trong vùng phải thực hiện ngay những biện pháp khẩn cấp. Hương lý chức dịch buộc mỗi nhà dân phải mang nộp một bó củi và ngay sáng hôm sau phải cử người có mặt ở nơi quy định.

Pierre, Julien chân đi bốt, trên người mặc đồ lính, đầu đội mũ cát két, nai nịt gọn gàng như đi đánh trận. Hai người dẫn đám phu đồn điền, chức dịch và dân Cổ Đình, đem củi đến khu rừng trám. Thấy đông người tiến tới, lũ quạ bay túa lên đen ngòm cả vùng trời. Tuy nhiên, chúng không bay đi xa mà cứ lượn vòng quanh và kêu váng trời như vỡ tổ.

Julien chỉ huy mọi người chất hết củi khô vào khu mộ bà cả Cỏn. Đàn bà, con gái nem nép, hốt hoảng đứng xa xa. Chỉ có đám con trai bắt buộc phải đến gần căn lều bốc mùi khủng khiếp ấy. Lúc này, đến lượt ngàn vạn con ruồi, nhặng bay lên vo vo như đàn ong khổng lồ đang bị xua đuổi. Họ phải lấy khăn bịt kín mặt, nhanh chóng vứt củi vào khu mộ, rồi vội vàng chạy ra cho nhanh. Củi được chất cao to lù lù như cái nhà năm gian.

Julien đúng là một tướng chỉ huy. Hắn cũng bịt mặt và đứng gần khu mộ. Nói cho công bằng, hắn phải tiếp xúc gần cái lều lâu nhất. Bắt buộc hắn phải làm như vậy, vì nếu không có hắn sắp xếp, củi sẽ không ở đúng nơi quy

định cần thiết. Tuy nhiên, hắn mắc một cái tật không tài nào sửa chữa được. Ông anh Pierre vẫn chê hắn vì điều đấy. Đó là tật mê gái. Vừa ở chỗ căn lều ma quái ấy bước ra, hắn đã hau háu nhìn vào đám đàn bà con gái. Có một cô bé nho nhỏ xinh xinh làm hắn cứ dán mắt vào. Cô gái ấy phải cau mặt lại và lẩn đi mất.

Trong khi đó, Pierre đi tìm gặp ông lý Cỏn. Thấy ông Lý bần thần đứng cùng bà Ba, Pierre lễ phép tới trước mặt:

- Thưa ông, mong ông Lý hiểu cho, chúng tôi phải làm việc này thật vạn bất đắc dĩ.

- Dạ... Dạ... - Ông Lý ngây ngô nói như cái máy.

Lý Cỏn đang sống như kẻ mộng du. Kể từ lúc người ta làm phép trừ tà, đổ kim vào mồm bà Cả, rồi khâu mồm bà lại, ông Lý đột nhiên biến thành một con người khác. Bỗng dưng, có một ai đó luôn thầm thì nói trong đầu óc ông. Có lẽ đó là tiếng bà Lý. Cái tiếng nói riết róng mọi khi đã biến thành một tiếng van lơn mếu máo thảm thương.

- Ông Lý ơi! Tôi lạy ông! Hãy cứu tôi với!

- Làm thế nào để cứu được bà?

- Ông ơi! Tôi đau đớn lắm!

- Tôi biết chứ. Bà ơi! Tôi cũng thấy đau.

- Ông Lý ơi! Sao cái thân tôi cực thế này?

- Tôi cũng cực chứ.

Tiếng nói thầm thì trong sọ não đột nhiên như đánh thức một điều gì đó trong ông mà ông chẳng hiểu. Chỉ biết rằng từ lúc ấy, ông chợt mê chợt tỉnh. Nếu không có cụ tú Cao thay ông đôn đốc mọi việc, thì cái nhà này đã lộn tùng phèo lên hết. Nếu không có bà Ba, đến lúc này,

đột nhiên bỗng ở sát cạnh ông chăm lo cho ông từng li từng tí, không biết rồi ông sẽ ra sao.

Khi người ta vác củi sang sông, vào rừng, ông Lý tỉnh tỉnh mê mê chẳng hiểu cái gì nhưng cứ nằng nặc đòi đi theo. Bởi vì cái tiếng nói trong đầu ông bảo rằng:

- Mau lên! Theo người ta đi. Tôi đang ở bên ấy. Tôi đang chờ ông ở đấy.

Bà ba Cỏn và cả nhà đều không muốn cho ông đi. Thế là ông gào to:

- Đứa nào cấm ông? Ông cứ đi nào.

Ông Lý xăm xăm một mình chạy ra ngõ. Bà Ba cực chẳng đã vội đuổi theo, và từ lúc đó phải luôn sát bên ông.

Pierre đứng trước mặt lý Cỏn, vẫn lịch sự nói tiếp:

- Thưa ông, đáng lý ra chúng tôi phải báo cho gia đình biết trước. Nhưng sự thể cấp bách lắm rồi. Như thế này rất mất vệ sinh. Mà... hiện nay dịch bệnh đã xảy ra rồi. Chúng tôi biết, theo tục lệ ở đây,... không làm như thế này... song bắt buộc chúng tôi phải làm. Bởi vì, chỉ cần một trận mưa rào, nước ngấm độc sẽ chảy ra sông, ra suối. Quan tỉnh đã sức giấy về, ra lệnh như thế.

- Như thế là gì? - Có người hỏi.

Chính lúc ấy, Julien ra lệnh cho một người phu đổn điền tưới một thùng xăng vào chung quanh đống củi. Ông ta ra lệnh:

- Alê! Alê! Tất cả lùi ra xa! Xa nữa!

Julien châm lửa vào bó đuốc đang cầm trên tay, rồi ném bó đuốc vào đống củi. Có gió thêm vào, cả đống củi cao phút chốc bén lửa cháy đùng đùng. Nó tạo ra một cột khói đen, như con rắn khổng lồ múa lượn trên bầu trời.

Hơi nóng tỏa ra làm lũ quạ không lượn vòng nữa chúng hoảng hốt bay tán loạn vào rừng.

Lý Cỏn đứng đấy trợn trừng đôi con mắt nhìn đống lửa. Cháy một lúc, bỗng từ trong đống lửa phát ra một tiếng nổ rất to. Tiếng nổ làm lửa bắn tung tóe.

Người ta nói với nhau:

- Cái hòm áo quan nổ đấy. Xác bà Lý cháy rồi. Có ngửi thấy mùi gì không? Chao ơi! Khét lèn lẹt!

Ông lý Cỏn đang đứng ngơ ngác bỗng chuyển sang hốt hoảng. Chợt ông ôm chặt lấy đầu và hét to:

- Nóng quá! Trời ơi nóng quá!

- Cứu tôi với! Trời ơi nóng quá!

Ông Lý ôm đầu chạy thẳng vào rừng, vừa chạy vừa kêu. Bà ba Cỏn tất tưởi chạy theo sau.

2

Lời tiên đoán của ông hộ Hiếu đã thành sự thực. Loạn âm đã biến thành loạn dương. Bệnh dịch tả đã bắt đầu hoành hành. Tiến diễn rất nhanh. Ngày nào làng Đình cũng có đám ma, cho nên lễ nghi cứ giản tiện dần dần. Khi biết đích xác là bệnh thời khí, có bày cỗ bàn ra cũng chẳng ai dám đến ăn, nên chẳng ai bảo ai cả làng đều bỏ ăn uống. Rồi kèn trống người ta cũng bỏ nốt. Riêng tiếng hờ ơ khóc than người thân là vẫn còn. Chỉ có khác: Bây giờ hết những tiếng khóc giao đãi nghi lễ, chỉ còn lại

tiếng khóc than chân thực. Ban đêm, trong làng, nghe tiếng khóc ấy lúc tỉ tê ấm ức, lúc vang dội nức nở, người ta thấy gai gai rờn rợn.

Làng Cổ Đình đột nhiên vắng tanh vắng ngắt. Đường làng bây giờ vắng cả lũ chó chạy rông. Nhà nào cũng đóng cổng gài ngõ ở tịt trong nhà. Chắc lũ chó cũng cảm thấy cái không khí lạ lùng ghê rợn nên cũng bắt chước chủ, chẳng ló mặt ra đường. Tất cả đều rút lui vào nơi ẩn nấp cuối cùng, đó là ngôi nhà thân thương. Nhà khá giả thì xin bùa về trấn yểm chung quanh ngôi nhà của mình. Người ta đi đào cây ráy, thứ cây rất ngứa và dớt, về treo ở ngõ, ở đầu hồi, ở cánh đại trước gian giữa. Người ta bảo nhau rằng quan ôn dịch tả đi bắt người, là vị hung thần chẳng biết sợ cái gì nhưng lại rất sợ củ ráy. Thần dịch tả còn sợ cả vôi nữa, nên nhiều nhà quét vôi trắng xóa khắp nơi. Ở tường, ở ngõ, ở bể nước; thậm chí ở cả những gốc cây. Chung quanh hàng rào tre, hay cúc tần cũng được vẩy vôi trắng xóa mặt đất dưới gốc. Đó là cách đánh dấu ngăn cách ngôi nhà thành lũy trú ẩn tách ra khỏi đường làng. Người ta bảo rằng đêm đêm trên đường làng, lũ quan ôn vẫn hàng đàn hàng lũ chạy rình rịch đi bắt người.

Cũng không hiểu vì lẽ gì, vào mùa dịch tả, người ta lại hay chôn người vào ban đêm. Chôn quáng quàng thật nhanh. Cả tiếng khóc cũng không thấy khóc to. Chỉ thấy những tiếng khóc rấm rứt nghẹn ngào. Nhiều người chết quá nên thiếu áo quan. Hay là chết nhiều quá đóng áo quan không kịp. Nhà khá giả thì lấy những tấm gỗ phản, chẳng kịp bào đóng ghép cho nhanh rồi vội vã đưa ra đồng. Còn phần đông bó chiếu đem chôn. Người ta lấy chiếu, lấy lạt bó người chết cho kín đáo, rồi quàng dây

thừng vào hai đầu, xỏ đòn dài hai người khiêng. Dẫn đường có một bó đuốc, theo sau cũng một bó đuốc.

Lại thêm vài người vác thuổng, vác mai, cầm cả dao quắm và giáo mác đi theo. Có nhà cẩn thận, những người đi chôn đều lấy nhọ nồi bôi lên mặt. Bảo rằng để khi gặp quan ôn giữa đường, lũ hung thần ấy cũng không nhận được mặt, người ta muốn tránh bị ghi vào sổ tử của quan ôn. Ban đêm, những đám tang âm thầm với những bóng người ẩn hiện trong ánh duốc lập lòe giữa cánh đồng bao la, trông thật ma quái.

Làng Cổ Đình đột nhiên bị tai họa giáng xuống như sấm như sét. Người dân khiếp hãi rồi như tê dại, cũng có thể nói, như mê man đi vì những cái chết của người thân đến quá đột ngột và quá nhanh. Có người buổi sáng còn đi lại được, đến tối đã lăn đùng ra chết. Nhiều gia đình có tới hai, ba người chết liên tiếp. Có những đứa trẻ, chỉ trong vòng vài hôm, đã mồ côi cả cha lẫn mẹ... Đau đớn quá, họ đổ hết tội vạ lên đầu họ Vũ Xuân. Họ cho rằng tất cả đều bắt đầu từ đám ma bà lý Cỏn. Nào là quàn bán âm bán dương ư. Nào là ăn uống linh đình ư. Nào là dòi bọ ruồi nhặng ư. Nào là tử khí ngất trời ư... Cái họa bệnh thời khí sinh ra từ đấy chứ còn ở đâu. Thực ra, nạn dịch tả đã xảy ra từ trước. Khi bà cả Cỏn còn ốm, thì ở quanh vùng đã lác đác có người mắc dịch. Chỉ có điều khi ấy làng Cổ Đình chưa phát bệnh mà thôi. Nhưng, khi làm ma cho bà Lý, họ Vũ Xuân đã vật ba con trâu bò, làm cỗ linh đình, mời cả làng ăn. Ruồi ở ngoài đồng, chắc chắn có con đã từ làng khác kéo đến; chúng ùn ùn bay tới chỗ giết trâu. Số ruồi tới hàng triệu con. Người Cổ Đình còn nhớ, ở bãi giết trâu, tiết chảy lênh láng mặt

đất, ruồi bu kín đen cả một khoảng bãi rộng như sân đình. Chỉ cần huơ tay một cái, đám ruồi nhặng lập tức vo vo bay lên như đám mây. Kẻ nào không cẩn thận, há miệng ra nói lúc ấy, lập tức ruồi bay cả vào mồm. Chắc chắn bữa cỗ mời cả làng ngày ấy đã góp phần làm lây lan bệnh dịch. Và Cổ Đình là làng bị chết nhiều người nhất trong trận đại dịch đó.

Trận đại dịch xảy ra làm cho làng Cổ Đình hầu như tê liệt, tan rã. Lý Cỏn bị ốm nặng. Các chức dịch trong làng đều cố thủ tại gia, người nào cũng chỉ lo lắng cho sự an toàn riêng của gia đình mình. Vì thế làng Đình như rắn mất đầu. Người dân lành thì khiếp hãi ngơ ngác. Có thể nói, tất cả mọi người đều hai tay buông xuôi, phó thác cho số phận.

Tuấn tuy là họa sĩ, nhưng có chút kiến thức nhờ sống ở thành thị và chăm đọc sách. Anh bảo cụ đồ Tiết:

- Bệnh này chủ yếu do ăn uống mà ra. Phải hoàn toàn uống nước sôi, ăn đồ chín mới tránh được.

Tuấn liền giảng giải cho từng người trong nhà, và bắt buộc mọi người phải tuân theo nề nếp vệ sinh nghiêm ngặt. Huy đi khỏi Cổ Đình biệt tăm mấy tháng. Một tuần lễ sau khi làng phát bệnh, Huy bỗng lại về làng. Anh đến gặp Tuấn:

- Cậu này gan thật. Còn ở lại vẽ nữa sao.

- Dạo này dịch bùng phát. Tớ không ra ngoài. Chỉ giam mình ở nhà vẽ lại những thứ đã ký họa trước đây. Tuy nhiên, có vẽ được đâu. Cậu tính, cả làng đang trong cơn nước sôi lửa bỏng. Bụng dạ nào mà vẽ nổi.

- Không vẽ nổi. Sao không quay về Hà Nội? Cậu không sợ ư?

- Thật bụng, mình rất sợ dịch tả. Sợ đến khiếp hãi. Song mình ở đây từ trước khi có dịch, có thể trong người mình đã ủ mầm bệnh rồi. Chẳng lẽ lúc này mình lại quay về gia đình. Nhỡ làm lây lan bệnh cho những người thân đang lành thì sao. Cậu biết đấy, mình đâu có là kẻ ích kỷ...

Huy nhìn người bạn thân bằng cái nhìn trìu mến. Anh hiểu sự trong trắng lương thiện của bạn mình. Chính vì vậy nên trước đây anh đã cố tuyên truyền cho bạn và kéo bạn cùng đi với mình trong chuyến lên Lạng Sơn. Chuyến ấy, Tuấn quay trở lại. Không có gì xảy ra, nhưng Huy cũng bị trên phê bình là vẫn mang tính tình cảm tiểu tư sản, đối tượng chưa chín muồi đã quá tin cậy. Sau chuyến ấy, Tuấn bảo Huy:

- Mình không có tư chất làm người cách mạng. Song, cậu cứ tin mình là người luôn ủng hộ việc cậu làm.

- Vì sao?

- Vì có bận cậu nói với mình: "Mục đích cuối cùng là tổ quốc độc lập, còn tất cả chỉ là phương tiện". Nếu mục đích cuối cùng là như thế, thì dù thế nào mình cũng ủng hộ cậu.

Thấy Huy cứ nhìn mình chằm chằm và mỉm cười Tuấn hỏi lại:

- Thế còn cậu? Tại sao cậu đang ở nơi yên lành lại đột ngột quay trở về làng là nơi có dịch.

- Thì cũng giống cậu thôi. Mấy tháng vừa rồi, mình vẫn đi đi về về trong làng. Chắc mình cũng bị ủ mầm bệnh như cậu. Mà mình thì cũng không ích kỷ chẳng khác gì cậu nên mới quay trở về.

Hai người bạn bắt tay nhau và cười to. Cười xong, Tuấn nói nhỏ với Huy:

- Cậu tưởng mình ngốc lắm sao. Cậu coi thường mình quá. Mình hiểu cậu muốn làm gì lúc này... - Huy cười ranh mãnh - Cậu là con người hành động. Vậy thì, trong lúc xóm làng gặp hoạn nạn, cậu sẽ phải hành động giúp mọi người... Như thế người dân mới tin cậu.

- Cậu tinh quái thật.

Huy đặt tay lên vai Tuấn. Tuấn bảo:

- Mình là kẻ tự do... không chịu bó buộc. Mình không thể giống như cậu được. Duy có một điều chắc chắn, dù thế nào chăng nữa, mình vẫn là bạn cậu, luôn ở bên cậu.

Hai người không nói gì thêm. Và Huy đã lặng lẽ vạch ra một chương trình. Lúc trước, Huy đã thành lập tổ tương tế, nhưng hoạt động vẫn chưa có gì, chủ yếu vẫn chỉ là giúp nhau học đọc học viết. Thực ra, khi trước, mới chỉ là những ý đồ phác ra sơ sài chứ chưa có tổ chức. Lúc này Huy muốn nhân cơ hội tạo ra một tổ chức thực sự để đưa dân làng hành động dần dần từ thấp lên cao.

Huy đem việc này ra bàn với cụ tú Cao. Ông bác bảo:

- Tổ viên tương tế thì có rồi. Đám học chữ quốc ngữ phần lớn là cánh thanh niên, họ chắc chắn sẽ hăng hái tham gia. Chỉ có thiếu người đứng đầu. Anh lý Cỏn lại đang ốm. Đúng là làng ta trong lúc khó khăn lại như rắn không đầu. Tôi nghĩ đến bác Trịnh Huyền nhà cụ đồ Tiết, anh tính sao?

Hai bác cháu bàn bạc với nhau một hồi rồi, quyết định đến nhà cụ đồ Tiết gặp Trịnh Huyền.

Cụ đồ và Trịnh Huyền ra tiếp khách, cụ tú Cao nói:

- Trên có cụ đồ, dưới có bác Huyền, tôi muốn thưa chuyện với cụ và bác như sau. Hiện nay, làng Đình ta

đang gặp tai nạn. Mà lại như rắn không đầu. Anh Lý nhà tôi thì ốm. Ông hương Ất thì chúi vào cái bàn đèn. Ông tiên chỉ Nhậm thì nghe nói đã chạy ra Hà Nội với con cháu từ nửa tháng nay. Ông chánh Thi thì chức tước to quá không phải là người quen làm những việc nhỏ nhặt... Chẳng mong gì ở cánh chức dịch... Tôi nghĩ dân phải tự cứu lấy nhau thôi...

Câu chuyện của cụ tú làm cụ đồ và Trịnh Huyền chú ý. Khi ấy, Huy mới lên tiếng:

- Dân tự cứu mình bằng cách nào? Thực ra, khi trước, ta đã lập tổ tương tế. Tổ tương tế khi thường giúp nhau học chữ, nhưng những lúc như bây giờ, có thể giúp nhau làm những việc thiết thân hơn. Ví dụ chỉ bảo cho nhau giữ vệ sinh phòng tránh bệnh, chôn cất người chết, giúp nhà nghèo khó. (Chúng ta biết, nhà nghèo lúc này càng đói hơn, vì có ai thuê làm mướn mà làm. Và đói quá đâm ăn bừa bãi. Càng ăn bừa bãi càng dễ chết). Vậy tổ tương tế chúng ta lúc này cần phải ra tay. Hiềm một nỗi, tổ tương tế đến bây giờ vẫn chưa có người đứng đầu.

Cụ đồ Tiết đến đây mới hiểu ý định của cụ tú Cao và Huy. Ông già vuốt râu, nhìn Trịnh Huyền rồi hỏi:

- Có phải cụ và anh Huy có ý bảo gia đình tôi...

- Thưa cụ, đúng vậy...

Ông đồ khẳng khái:

- Tổ tương tế... Ai ốm thì giúp thuốc... Ai đói thì cho gạo... Ai chết thì chôn cất... Lá lành đùm lá rách... Việc nghĩa ấy ai lại từ nan... Tôi muốn cùng gánh vai với cụ với anh lắm... Khốn nỗi... từ một tháng nay... hai chân tôi hầu như không bước nổi nữa...

Cụ tú lúc bấy giờ mới đỡ lời:

- Cụ ốm thế mà tôi không hay. Tôi là kẻ vô tâm... Thực ra, cháu Huy muốn mời bác Huyền ra gánh vác tổ tương tế. Bác Huyền là người chín chắn, từng trải. Cháu Huy bảo với tôi rằng có bác Huyền đứng ra thì nó yên tâm vô cùng.

Ông cụ đồ nhìn Trịnh Huyền. Từ đầu đến giờ, ông Trịnh ngồi im lặng không nói một lời. Khuôn mặt nửa quái gở nửa hiền từ của ông không để lộ ra một chút tình cảm nào.

Trong khi đó, Huy cố hết sức giải thích, thuyết phục Trịnh Huyền.

- Vả lại, chúng tôi đã cân nhắc kỹ, bác Huyền đừng lo.

Huy lại hé ra một lời rất lạ:

- Hơn nữa, chúng tôi rất hiểu bác hơn là bác tưởng. Bác cứ nhận đi. Đây không phải chuyện chính trị. Đây chỉ là tương tế. Nghĩa là người dân giúp người dân.

Đến bây giờ, Trịnh Huyền mới lên tiếng:

- Chắc anh cũng rõ tôi chỉ là cháu đằng ngoại của cụ tôi. Người đến từ xứ Nam. Đối với dân làng, chẳng qua tôi vẫn chỉ là kẻ ngụ cư. Nếu tôi đứng ra, cũng không được danh chính ngôn thuận. Nói thực, đây là việc nghĩa, tôi không muốn từ nan. Anh Huy nghĩ kỹ lại đi. Tôi làm việc này không có lợi...

Huy chán nản vì sự từ chối của Trịnh. Trịnh Huyền nhìn thấy sự thất vọng của Huy, trầm ngâm một lúc lâu mới đưa ra ý kiến:

- Tôi xin thưa trình với cụ và cậu một cách khác có lẽ tốt hơn... Theo tôi, chính cụ tú đứng ra đảm nhận việc này là hay nhất.

Huy phản ứng:

- Sao lại hay? Bác tú tôi nay đã già rồi. Tôi nghĩ làng đang cần là cần người trung niên. Vừa còn sức khỏe, lại vừa đứng đắn từng trải.

Đến lượt ông Trịnh Huyền lại tìm mọi cách thuyết phục Huy:

- Cậu chớ ngại. Cậu biết rằng trong làng xã, người già và có danh vị mới dễ được dân làng nghe theo. Cụ tú là người đạo cao đức trọng, có uy tín trong xóm làng, cả quan Tây cũng phải vì nể. Được người như cụ đứng ra, chẳng ai bắt bẻ nổi mình... Vả lại, tôi xin làm quân xe quân pháo cho cụ. Anh đi vắng, tôi sẽ luôn ở bên cụ. Cụ sai bảo việc gì, tôi lập tức làm ngay. Như thế, thuận lợi đủ đường.

Huy dần dần đi đến chỗ ngạc nhiên. Lý lẽ của Trịnh Huyền thật sắc sảo, đúng đắn. Anh không thể ngờ rằng mình là người đi vận động, cuối cùng đã bị vận động trở lại. Mà sự vận động ngược chiều ấy lại vô cùng hợp lý không thể bắt bẻ nổi. Và thế là tổ "Nông phu tương tế" của làng Cổ Đình đã ra đời. Nó ra đời trong trận dịch tả ở làng Cổ Đình vào năm 1929.

3

Lời bà ba Váy

Sau đám hỏa thiêu, chồng tôi, ông lý Cỏn kêu nóng ầm ĩ, rồi cắm cổ chạy vào rừng. Cả gia tộc họ Vũ Xuân phải chia nhau đi tìm. Tôi thạo rừng hơn họ, tìm ngay

đến con suối nhỏ, sau đó đi dọc bờ suối. Sở dĩ tôi tìm đến suối, vì tôi nhớ ông kêu trong lòng nóng như lửa đốt trước khi chạy vào rừng - Tôi thầm nghĩ có thể ông Lý đang đầm mình ở một vũng nước sâu nào đó trên dòng suối. Tôi đoán không sai, tôi đã tìm thấy ông ở một vạt cỏ cạnh dòng nước. Quần áo ướt đầm. Sờ đầu vẫn nóng như hòn than, và đã mê man bất tỉnh. Tôi vội vàng ghé vai cõng ông về nhà, lấy gừng rượu đánh gió. Cụ tú Cao sang ngay bốc thuốc cho uống. Mấy hôm sau, cơn sốt lui nhưng bệnh quay sang đi tả. Đó cũng là lúc bệnh thổ tả ở Cổ Đình đang lan tràn. Cụ tú Cao thở dài:

- Có lẽ lúc sốt nóng mê man chạy vào rừng, anh Lý đã uống nước suối bừa bãi.

Những người mắc bệnh dịch tả nặng trong làng thường chỉ đi ngoài vài bận toang ra như nước vo gạo là liệt giường liệt chiếu rồi ra đi luôn. Chắc ông Lý nhà tôi mắc bệnh nhẹ nên đã ba hôm rồi mà vẫn không sao. Cũng có thể do cụ tú Cao tận tình chữa chạy nên mới kéo dài được mạng sống cho ông.

Chồng cô Nguyệt, ông đốc tờ Tây từ Hà Nội đánh xe về làng Đình. Ông muốn đón bố mẹ vợ ra Hà Nội lánh nạn. Cụ tú không chịu đi vì còn những người bệnh cụ đang chữa trị, vì còn tổ tương tế mà cụ nhận gánh vác. Cụ là người khí tiết, vả lại cũng đã già rồi. Cụ ông không đi thì cụ bà cũng chẳng chịu đi.

Ông đốc tờ cũng sang thăm bệnh cho ông Lý nhà tôi và bảo cách chữa trị.

Chồng tôi vẫn cứ thiêm thiếp nằm dài trên phản lim. Cứ như người đã chết. Nhưng cái chăn chiên đắp trên

người vẫn phập phồng nơi ngực. Cụ tú Cao bảo: "Anh trưởng đã chỉ tả rồi, đến hôm nay vẫn cầm cự được, chắc không việc gì đâu". Cụ bảo chồng tôi một lúc mắc liền hai bệnh. Lúc đốt nhà mồ, sốt cao ông lăn ra suối uống nước. Nóng gặp lạnh nên ông phải cảm. Tiếp đó, ông dính luôn bệnh tả. Kể ra, không chết cũng là sự lạ hiếm thấy.

Nhà chồng tôi đông người, lại lắm đầy tớ, song người hầu hạ chẳng có nhiều. Ngoảnh đi ngoảnh lại cũng chỉ có tôi và cái Thắm. Con bé thế mà có hiếu. Mẹ nó chết, nó dám tắm táp cho, làm lễ mộc dục chẳng hề sợ sệt. Nay bố ốm, nó cũng hầu hạ đêm ngày. Tôi thương con bé còn đầu xanh tuổi trẻ, chăm sóc người mắc bệnh dịch, lỡ ra thì khốn, nên đuổi nó tránh xa để một mình tôi lo liệu. Ngôi nhà trên bây giờ vắng tanh. Đám đầy tớ tuy không nói ra nhưng đứa nào cũng tỏ ra ngại ngần khi có việc phải lên nhà trên. Bà Hai là con nhà đào hát, cả đời ăn trắng mặc trơn, ngoài việc bếp núc ra, làm việc gì khác đều lóng ngóng. Tôi bàn với chị Hai: "Tất cả trẻ con trong nhà, cho về bên ngoại tất. Đầy tớ, người nào không cần lắm cũng cho tạm nghỉ. Chị lo việc khác trong nhà. Chỉ để một mình em hầu hạ ông Lý".

Giá như khi ông Lý đang khỏe mạnh, chia việc như vậy, chả chắc chị Hai đã bằng lòng. Còn như lúc này, chị Hai cũng thấy chia việc như vậy là phải.

Suy cho cùng, tôi lấy ông Lý là do cái sự bắt buộc. Thế nhưng ông trời lại đền đáp cho cái phận hẩm hiu của tôi nhiều quá. Tôi đã có sáu mặt con cùng ông, trong đó bốn đứa con trai. Đối với làng nước, thế là số tôi sướng. Tôi hầu hạ chồng tôi cũng vì lũ con tôi. Thử hỏi nếu mà ông ấy ra đi, thì lũ con tôi rồi sẽ ra sao. Con bà Cả đã có cụ

chánh Thi che chở. Còn bà Hai, nhà bà không có thế lực, nhưng bà ấy chẳng cần, bởi vì chỗ nào trong huyện trong tỉnh chả là chỗ thân quen của bà. Riêng lũ con của tôi, biết lấy ai che chở cho chúng, khi bố tôi là cụ Thần Rừng nghèo khó chết rồi có khi nắm xương đã mục, còn mẹ tôi thì phải bán con gái đi lấy hai mươi thúng thóc...

Nghĩ cho cùng, tôi hầu hạ chồng tôi là phải. Cái nhẽ đời bắt tôi phải thế. Lũ con tôi buộc tôi phải thế. Chồng tôi phải sống. Tôi lăn lóc bên ông để níu kéo ông sống lại. Tôi không sợ bệnh dịch hay sao. Sợ chứ. Nếu cái số tôi chưa chết thì bệnh dịch cũng chẳng làm gì nổi. Vả lại, người lam lũ như tôi dễ gì bệnh tật đã quật ngã được. Tôi rất tin ở số. Ở làng tôi, nhiều người giàu có lắm, sạch sẽ lắm, khỏe mạnh lắm, lại chẳng hề gần gũi ai mắc bệnh thế mà bỗng nhiên lăn đùng ra chết dịch. Còn có người, như thím Pháo, nào liệm người mắc dịch, nào chôn người mắc dịch, ngày nọ qua ngày kia lăn lộn cùng bệnh dịch mà có hề gì đâu.

Tôi còn tận tụy với chồng tôi vì cái nghĩa buộc tôi phải thế. Tôi là con gái nhà nghèo, cơm chẳng đủ đút miệng, áo chẳng đủ che thân, nay cuộc sống được như thế này, tôi cũng phải biết ơn ông Lý chứ...

Ngày xưa, quanh năm tôi chỉ mặc váy, lúc bé quanh năm tôi cởi truồng không bao giờ biết quần áo là gì. Năm tôi mặc chiếc váy đầu tiên là năm lên sáu tuổi. Tết năm ấy được mặc váy tôi sướng lắm. Hai bảy tết, thầy tôi săn được con hươu, nên nhà có thịt ăn, lại có nồi bánh chưng. Đêm ba mươi ngồi canh bánh chưng, tôi ngủ gật đến nỗi cái váy nóng quá đã bén lửa. Tôi khóc sưng cả mắt vì tiếc cái váy bị cháy. Cả ba ngày Tết, lúc ngủ tôi vẫn nói mơ

"U ơi! Váy! Váy!". Thế là cái váy ám vào suốt đời tôi. Tên tôi là Váy và cả đời tôi chỉ thích mặc váy. Cái váy lòe xòe nhưng cũng thuận tiện. Mặc váy thấy thơ thới đôi chân. Như chẳng vướng bận, như chẳng mặc gì, song lại rất kín đáo. U tôi mua những vuông vải mộc đem nhuộm nâu căng ra phơi ở ngoài đồi. Tiếp đó đem phết bùn lên vải. Màu nâu biến thành màu đen. Những vuông vải được củ nâu và bùn làm cho dày như mo nang, cứng tựa gỗ. Mặc váy vào trông như mặc chiếc váy gỗ, bước chân đi váy chẳng hề thướt tha mềm mại. Lại còn mùi hôi nữa chứ. Mùi bùn ám vào cái váy rất lâu. Váy đã cũ rồi mà thi thoảng vẫn lởn vởn mùi bùn thum thủm. Ông lý Cỏn thấy tôi về nhà chồng vẫn mặc những chiếc váy mo nang ấy, bảo rằng tôi bêu xấu nhà họ Vũ Xuân. Ông liền may cho tôi mấy chiếc váy sồi, rồi đốt béng cả đống váy mo nang đi.

Tôi nghèo nhưng ai cũng khen có duyên. Mặt tròn vành vạnh như trăng rằm. Lúc nào cũng mỡ màng hồng hào. Da thì trắng nõn. Tôi được ăn mặc vào trông càng thêm duyên. Tôi nghèo, lại ở phận lẽ mọn, nên rất hẩm hiu. Sợ bà Cả như sợ cọp. Còn bà Hai ngoài miệng ngọt ngào đấy nhưng bà đã ra tay là chết như chơi. Do vậy, tôi phải nịnh nọt bà. Ông Lý thì luôn luôn phải tỏ vẻ khinh bỉ tôi là phận nghèo hèn, là phận vợ lẽ nàng hầu, khi có mặt bà Cả, bà Hai. Nhưng tôi biết rất rõ ông thích tôi lắm. Bởi vì hễ có thời gian hở ra, là ông lập tức vụng trộm mò đến nhà tôi ngay. Tôi là đàn bà nên tôi biết ông mê mẩn tôi thế nào, khoái tôi như thế nào. Ông bảo: "Tôi khoái bà ở cái mặt xinh xinh đôn hậu, khoái ở cái làn da trắng bóc, trắng nhễ nhại, trắng hồng hào". Ông khoái

nhất khi quẳng cái áo, cái yếm, cái váy của tôi vào một góc giường. Ông bảo: "Ôi chao! Sao da thịt bà vừa ấm áp vừa mát rượi, mà lại thơm tho!". Lão mê mẩn khi nhìn thấy đôi bầu vú rất to, lúc nào cũng căng mượt, bởi vì từ khi lấy ông Lý có lúc nào tôi ngừng chửa đẻ đâu. Liền tù tì. Con trước còn đang bú sữa, thì con sau đã đâm mầm nảy nụ trong bụng. Lão vẫn thường áp mặt vào đôi bầu vú ấy, hít hà cái hương thơm tho ngầy ngậy của chúng, thường khi chợp mồm vào cái núm vú để mút lấy mút để như một đứa trẻ con...

Từ khi ông lý Cỏn ốm, tôi gửi hết lũ con về cho bà ngoại. Cả cái đĩ Váy út, đứa con thứ sáu mới vài tháng tuổi cũng cho cai sữa luôn và ở với bà. Khi ông đốc tờ bảo rằng ông Lý uống nước cháo được, tôi bèn tự tay nấu cháo bón cho ông. Lúc đặt cái thìa vào miệng, tôi thấy ông chép chép đôi môi. Tôi yên lòng nghĩ bụng chép chép thế này thì may ra sống được. Và tôi quyết tâm đưa ông từ cõi âm về với cõi dương. Nhưng lần đầu ông Lý cũng chỉ nuốt được ba thìa nước cháo rồi mím miệng lại. Lấy tay cậy mồm ra nhưng đôi hàm cứng ngắc không tài nào cạy được. Tôi dỗ dành thế nào đôi môi ông vẫn cứ mím chặt. Tôi thẫn người ra suy nghĩ. Tôi cho rằng con người như cái xác ve thế kia, dù cho bệnh đã lui, nhưng nếu không có chất gạo chất cơm vào, rồi thì cũng hỏng thôi. Nghĩ mãi, óc bỗng lóe sáng. Tôi chợt nghĩ tại sao không cho ông uống sữa nhỉ. Người ta bảo sữa còn tốt hơn là cháo. Mà sữa thì lúc nào tôi chả có. Đôi vú không được cái Váy út mút còn đang căng cứng đây này. Nghĩ vậy, tôi liền vắt sữa ra bát, lấy thìa bón cho ông. Thìa đầu sữa đổ lên môi lập tức chảy xuống hai bên mép vì môi lão vẫn mím

chặt. Tôi đặt cái bát xuống, thất vọng. Tưởng thế là hết đường, là uổng công. Đột nhiên chợt thấy đôi môi động đậy, rồi chép chép. A! Mùi sữa của tôi lão ấy đã nhận được ra rồi. Tôi liền múc thìa thứ hai, thìa thứ ba. Tất cả ba thìa, lão uống ngon ơ. Lại thấy lão thè lưỡi ra liếm mép. Tôi cười trong bụng. Tôi đã nhiều lần trông thấy cái mồm thòm thèm của lão nên tôi biết lão đang muốn gì. Ừ! Lão ấy thòm thèm thì đây cho. Tôi liền leo lên giường, tốc yếm lên để lộ ra đôi bầu vú. Tôi ngồi xếp bằng, nâng đầu lão ghếch lên lòng mình, sau đó áp bầu vú vào mặt lão. Cái vú mềm mại và bóng mượt của tôi hình như có cách gọi riêng của nó. Trong cơn hôn mê tối tăm mù mịt, hình như đầu óc chồng tôi chợt lóe lên, nhớ ra điều gì đó. Mà điều ấy rất quen thuộc với lão. Cái của tôi nó mềm mại, nó âm ấm, nó ngọt ngào. Tôi nhìn cái trán lão nhíu lại, rồi giãn ra, tôi hiểu lão đã nhớ ra rồi. Mà làm sao lại quên được cơ chứ. Ngày xửa ngày xưa, lão vẫn quen với nó, vẫn chơi với nó, vẫn ôm ấp nó. Nó mềm lắm mà, nó hiền lắm mà, nó dễ chịu lắm mà...

Và tôi mỉm cười, khi cái đầu vú của tôi dứ dứ trên đôi môi, đã làm cho đôi môi ấy chợt hé ra. Tôi nhanh nhẩu, vội nhét cái vú nạ dòng của tôi vào miệng lão. Cái núm vú tuy đã sáu con ấy nhưng vẫn còn xinh xinh. Chồng tôi chụt chụt bú như một đứa trẻ. Ngày xửa ngày xưa lão cũng vẫn thường bú vợ như thế. Đó là cái tật của lão, nhưng thú thật tôi cũng thích cái tật ấy. Lão ta háu vợ lắm. Mới đẻ con xong chừng hai mươi ngày lão đã đòi bờm xơm. Thì đã nói cái tật của lão mà. Lão chỉ thích vừa bú tí vợ vừa ân ái. Vì vậy, những tháng tôi cho con bú là những tháng lão ham tôi nhất, đằm thắm với tôi

nhất. Cái mồm lão thật tham lam. Không những chỉ mút cái đầu tí, lão có lúc còn ngoạm đầy miệng rồi lấy tay ấn mạnh vào, để cho làn sữa phụt ra ồ ồ tia thẳng vào cổ họng lão. Lão rất mê mẩn làm chuyện đó. Mà cái chuyện ấy thực ra cũng rất lạ. Những lúc như vậy, tôi vừa thấy sờ sợ, vừa thấy mê man đi. Cứ tưởng như mình đang tan ra thành dòng nước sữa.

Đó là chuyện khi trước. Còn bây giờ, khi lão đã bám môi vào đầu vú của tôi, thế là tôi an tâm. Tôi biết chắc chắn lão sẽ sống. Tôi biết khi lão đã bám vào đôi vú của tôi, thì tôi nhất quyết sẽ lôi lão ra được khỏi cõi chết. Chẳng hiểu vì lẽ gì tôi tin như vậy. Nhưng mà đúng như thế. Bú sữa mới được hai ngày, chồng tôi đã khá hẳn lên. Đến ngày thứ ba, ông mở được mắt ra. Tôi reo lên:

- Thế là ông tỉnh lại rồi.

4

Từ khi vùng Cổ Đình có dịch tả, Julien lo phòng thủ cho đồn điền của mình rất cẩn thận. Ông ra Hà Nội, gặp bác sĩ Alexandre hỏi về cách thức chống lại căn bệnh nguy hiểm. Bác sĩ nói:

- Bệnh dịch tả là căn bệnh của sự đói nghèo, bẩn thỉu. Có thể phòng ngừa được...

Julien trở về, biến ngôi nhà của mình thành một pháo đài chống bệnh, mà vũ khí của nó là sự sạch sẽ, vệ sinh.

Ông ra lệnh ngôi nhà của ông sẽ nội bất xuất, ngoại bất nhập. Đầy tớ gia nhân phải ở ngay tại chỗ, không được liên hệ với dân làng Cổ Đình. Ai thấy không thể thực hiện được thì cho phép trở về nhà nghỉ việc. Phải tuyệt đối uống nước sôi, ăn chín, nóng. Để ngăn ruồi, thứ sinh vật đem mầm bệnh lan truyền, ông ra lệnh phải đóng cửa kính ngôi nhà lớn; còn nhà của đày tớ, ông sai mua mành mành treo. Ngay cả những nông phu trong đồn điền của ông cũng không được phép ra vào ngôi nhà lớn.

Ngoài ra, Julien và Pierre còn tập hợp các gia đình cu li đồn điền dạy cho cách chống bệnh. Ngay cả những người dân này cũng không được phép đi lại với dân làng Cổ Đình. Việc đồng áng thì chỉ chăm sóc những vườn cà phê và việc gia đình, các công việc khác tạm ngừng. Lại sai quản Láu và các gia đình công giáo đôn đốc dân thi hành nghiêm cẩn. Ai không chịu thi hành, đồn điền biết, sẽ bị đuổi thẳng thừng.

Julien áp dụng kỷ luật quân sự. Có lính đồn điền canh gác các ngả đường, người dân trong làng Cổ Đình ai bén mảng đến gần đồn điền lập tức bị đuổi đi ngay. Nhờ những biện pháp quyết liệt như thế nên đã nửa tháng dịch hoành hành trong làng mà đồn điền Messmer vẫn không hề gì.

Julien rất hãnh diện về những điều đạt được. Riêng đối với cá nhân, đề phòng dịch, dạo trước Julien chăm uống rượu Rhum. Sau khi ra Hà Nội về, ông thay rượu Rhum bằng rượu áp xanh, thứ rượu có chất ngải đắng. Thứ rượu này rất khó uống do vị đắng ngắt của nó. Người ta còn bảo uống áp xanh có hại cho bộ não, tuy

nhiên nó lại có khả năng chữa bệnh, phòng bệnh rất kỳ diệu. Julien còn khuyến khích ông anh Pierre cùng uống, nhưng Pierre không chịu được. Pierre vẫn uống thứ rượu Rhum thơm tho.

Đang lúc đồn điền sống một cách khắc khổ kiểu thời chiến như vậy, thì xuất hiện René de Fromentin. Ông ta từ Hà Nội đến. Julien vốn không có cảm tình với René vì những tư tưởng tự do của ông, nhưng cũng thấy cảm kích vì sự nhiệt tình của một vị khách dám đến nơi nguy hiểm, dám đến cái ốc đảo đang bị dịch bệnh chết người bao vây. Pierre đến ôm hôn bạn. Còn Julien thì giơ tay lên trời hoan hỉ:

- Ngọn gió lành nào đưa ông tới đây! Rất hoan nghênh sự có mặt của ông trong ngôi nhà chúng tôi. Vả lại, tôi xin đảm bảo với ông dù dịch bệnh quanh đây có hoành hành đến thế nào, thì ngôi nhà của chúng tôi cũng vẫn đứng vững an toàn.

Vào phòng khách, Julien mời René uống rượu áp xanh pha nước lọc:

- Thứ rượu này rất gắt nhưng rất giải khát và nhất là có tác dụng phòng bệnh.

René cám ơn, ông vẫn chỉ quen uống Rhum. Ông bảo với Pierre:

- Nhờ có sự luôn đi lại nghiên cứu làng Cổ Đình và nhờ cả những bức thư của Pierre mô tả tỉ mỉ đám tang bà lý Cỏn nên vừa qua tôi viết được bài "Tang lễ của người An Nam". Trong bài đó phần Táng thức của người chết trùng tang tôi hoàn toàn dùng tư liệu của Pierre. Tôi rất cám ơn Pierre. Rất cám ơn và xin mang về biếu một bản tạp chí có bài ấy.

Pierre đỡ lấy tờ tạp chí; Julien thở khói xì gà đặc quánh lên trần nhà rồi hỏi:

- Còn lần này ông về đây chắc cũng có dự kiến về một bài viết nào đó chứ?

- Quả có như vậy. Tôi định quan sát tại thực địa những sinh hoạt tập tục của người Nam trong một trận dịch tả. Dịch bệnh chết người hàng loạt hiếm xảy ra. Nhất là nó đang xảy ra ở một địa điểm mà tôi đã từng đi lại. Hơn nữa, ở đây tôi lại có nhiều người thân quen. Tôi rất cám ơn sự hiếu khách của ngài Julien, của ông bạn lâu ngày Pierre của tôi. Tôi cũng không thể quên cha xứ Colombert, người rất thông thạo tâm hồn người bản xứ. Rồi còn nhiều người khác nữa như ông quản Láu, ông Lềnh... Vậy nên, tôi nghĩ mình đến Cổ Đình vào mùa dịch bệnh này là phải quá...

Julien phá lên cười ngất:

- Tôi chưa hiểu nổi sự nghiên cứu của ngài có lợi ích gì cho công cuộc thuộc địa của nước Pháp, song tôi phải thán phục sự cần mẫn không nề hiểm nguy của ngài.

Ngay chiều tối hôm ấy, Pierre dẫn René đến thăm ông Lềnh. Từ khi có dịch, ông Lềnh không được phép ở bên ngoài trong xóm đồn điền. Julien bắt ông phải chuyển vào phía trong tường bao quanh khu ngôi nhà lớn. Bởi vì lúc này vai trò ông đầu bếp là rất quan trọng. Ăn uống mà sơ sẩy thì hậu họa không biết đâu mà lường. Đích thân Julien phải thuyết giảng một buổi cho ông Lềnh về thế nào là vi trùng, thế nào là bàn tay sạch. Được cái người Trung Hoa quen ăn dồ nóng sốt nên Julien rất yên tâm về ông đầu bếp của mình.

Nhà ông Lềnh nằm ở phía sau ngôi nhà lớn, trong khu vườn trồng toàn bưởi. Tháng tư mùa hoa, vườn thơm nức. Ông già Tầu này thật lạ, chỉ ưa những nơi tận cùng và hoang vắng. Ngay cả khi vào ở trong khu nhà tây tiện nghi, cũng không chịu ở nhà gạch, chỉ xin ông chủ cho ở tại ngôi nhà tre nhỏ cuối vườn. Gọi là cái lều thì đúng hơn. Ngôi nhà chỉ rộng chừng tám mét vuông, xinh xắn và gọn ghẽ. Tất cả toàn bằng tre. Ở một góc nhà kê một tấm phản gỗ với ngọn đèn leo lét. Thấy khách vào, ông già đốt ngọn đèn ba dây treo giữa nhà lên. Cái tù mù bị xua tan. Lúc này, René mới nhìn rõ trên tấm phản không phải là một ngọn đèn dầu lạc. Đó là cái khay đựng một cây đèn đặc biệt với cái thông phong rất lạ hình nón trụ; cùng với hai cái tẩu, một cái bằng tre, một cái bằng sừng đen bóng... Hóa ra ông già Tầu là dân nghiện. Ở Hà Nội, René cũng có một ông bạn người Pháp nghiện thuốc phiện. Ông ta rất chăm chút trang trí cho cái góc nhà nơi ông hàng ngày phiêu diêu cùng với nàng tiên nâu. Ông có cái tẩu bằng ngà rất quý. Cái gối nằm hút bằng sứ Tầu. Ở đầu giường còn có một pho tượng phật nhỏ bằng gỗ sơn son thếp vàng. Cũng như ông già Tầu, ông bạn nghiện người Pháp kia cũng không thích ánh đèn sáng quắc; ông thích cái tù mù của ngọn đèn dầu lạc. Người bạn ấy bảo René: "Bạn chưa hiểu hết đấy, có cả một nền văn hóa thuốc phiện. Bạn đã bao giờ thấy một đám đánh nhau trong một tiệm thuốc phiện chưa. Đó là cái hơn hẳn của người si mê nàng tiên nâu so với kẻ nghiện rượu...".

Nghĩ đến cái lý lẽ biện hộ cho mình của người bạn kia, René chợt mỉm cười. Ông mở đầu cuộc viếng thăm ông đầu bếp Tầu bằng câu nói:

- Chào cụ Lềnh. Chúng tôi lại đến quấy quả, mong lại được hưởng chén trà hồng mai, thứ thiền trà của cụ đây.

Cả ba người cùng ngồi trên giường của ông Lềnh vì nhà không có bàn ghế tiếp khách. Ông Lềnh giải thích cho René về cái đèn bàn:

- Tôi nhớ lần trước ông đến chơi, nhà ở trong xóm đồn điền. Lần ấy không có cái bàn đèn này, đúng không... Khi trước, tôi không đặt bàn đèn tại nhà, tôi thường đến bàn đèn nhà ông hương Ất hút dăm ba điếu. Tôi hút vào những giờ khác nhau. Không đều đặn thường xuyên... Tôi không dám rước bàn đèn về, vì sợ mình sẽ là đầy tớ cho thuốc phiện... Ông hiểu tôi chứ...

- Tôi hiểu... Nhưng tại sao bây giờ cụ lại mang bàn đèn về...

- Dễ hiểu thôi... Vì...

- Vì ông sợ bệnh dịch?

- Đúng thế!... Tôi đã ở trong quân Cờ Vàng. Có lần chúng tôi kéo quân về Bắc Giang. Toán quân của chúng tôi bị dịch tả. Toán quân ấy chết gần hết. Điều lạ lùng là riêng những người nghiện thuốc phiện lại không việc gì. Trong số người sống sót ấy có tôi.

Pierre gật đầu:

- Chuyện ấy có thật... Những người Pháp nghiện ở Hà Nội cũng xác nhận điều đó. Ông em tôi Julien cũng biết.

- Thế sao ông ta không phòng bệnh dịch bằng nha phiến mà lại dùng rượu áp xanh? - René vừa hỏi vừa cười.

- Ông cũng rõ. Em tôi chỉ mê đàn bà. Ngoài ra không một thứ gì khác có thể hấp dẫn được Julien. Bởi vì Julien không muốn làm nô lệ cho một thứ gì. Ngay cả đàn bà,

thứ cậu ta không thể thiếu, nếu cần, cậu ta cũng có thể quăng bỏ.

Ông già Lềnh giới thiệu từng thứ trên bàn đèn:

- Đây là cái cóng đựng thuốc bằng sừng tiện. Đây là cái chụp đèn pha lê... cái này là kim tiêm, cái này là tẩu lục lăng...

Nhiều người bảo quanh bàn đèn thuốc phiện, con người trở nên cởi mở hơn, dễ giao lưu hòa hợp, dễ thổ lộ với người khác.

Câu chuyện bên khay bàn đèn nở như pháo rang. Đúng là thuốc phiện làm cho con người dễ cởi mở. Có lẽ ông già Lềnh, trước khi hai người đến, đã hút một vài điếu thuốc rồi. René chợt nhớ tới một đề tài mà ông muốn trao đổi từ lâu nhưng chưa tiện dịp. Ông hỏi:

- Người Trung Hoa đã đến nước này và cai trị đến một ngàn năm. Người Pháp chúng tôi mới đến đây được vài chục năm. Riêng cụ, có nhận xét gì?

- Ý ông muốn hỏi thế nào?

- Nghĩa là ta thử so sánh. Có cái gì giống nhau...

Ông già Tầu đang nói thao thao bỗng trở nên trầm ngâm, dắn đo. Tưởng ông không trả lời, nhưng ông ngẫm nghĩ một lúc rồi cuối cùng nói:

- Ngày xưa, tổ tiên tôi chắc lúc đầu đến nơi đây cũng chưa biết cách, nhưng mãi sau mới nghĩ ra. Sự bình định không gì bằng chữ nghĩa. Gươm giáo rồi sẽ qua đi, song hận thù còn lại mãi. Nhưng chữ nghĩa đem ra giảng dạy thì chẳng bao giờ qua đi. Nó còn lại mãi. Khi người Việt, khoảng thế kỷ thứ mười dành lại được độc lập, người Trung Hoa ra đi, người Việt không dùng những nho sĩ do chúng tôi đào tạo, vì nho sĩ có nhiều liên hệ với thiên triều.

Người Việt dựa vào giới tăng ni phật tử... Tuy nhiên, một trăm năm sau, họ lại quay trở lại sử dụng rồi tôn vinh nho học. Như vậy đấy, chúng tôi ra đi, nhưng chữ nghĩa vẫn ở lại. Ảnh hưởng của chúng tôi còn mãi. Người Pháp các ông mới đến đây hơn năm mươi năm đã nhìn ra điều ấy. Chúng tôi biết các ông muốn cho mảnh đất này quên chữ nho đi và tôn vinh chữ Pháp. Nhưng để làm cho toàn dân Việt biết tiếng Pháp, tức là biến nước An Nam này thành một tiểu Pháp quốc, các ông lại dùng qua một bước trung gian, tức là qua thứ chữ quốc ngữ. Đó là điều các ông vừa giống chúng tôi vừa khác chúng tôi.

- Ông thử nói thêm về cái khác xem sao. - René gặng hỏi.

Ông già Lềnh lim dim con mắt:

- Mấu chốt là thứ chữ quốc ngữ này. Các ông muốn thứ chữ này là phương tiện trung gian. Cái đích cuối cùng là phổ biến tiếng Pháp. Các ông quên mất rằng ở xứ sở này vẫn có những con người ưu thời mẫn thế. Họ sẽ bám lấy thứ chữ trung gian này, biến nó thành thứ chữ cuối cùng của họ. Thứ chữ ấy đôi bên cùng lợi dụng. Hoặc họ sẽ thắng... hoặc các ông sẽ thắng... Cuộc vật lộn gay go ấy ai mà biết được sẽ ra sao.

- Thế ý ông thế nào...

- Tôi làm sao biết được. Chỉ có điều... chúng tôi hiểu họ hơn các ông. Chúng tôi cũng đã vật lộn với họ hơn hai ngàn năm rồi...

Trong đêm khuya mùa đại dịch, đứng trong hàng rào khu Nhà lớn nhìn ra ngoài đồng vẫn thấy những bó đuốc lập lòe của những người dân Cổ Đình đi chôn đêm. Thế mà, bên khay bàn đèn thuốc phiện vẫn có những con người ngồi bàn tán chuyện thế sự.

*

* *

Sáng hôm sau, Julien nhận được công văn mật của viên công sứ đầu tỉnh báo có một nhóm phiến loạn, lợi dụng tình hình dịch bệnh, đang ráo riết hoạt động, kích động dân chúng vùng Cổ Đình. Từ khi mới lập đồn điền, Philippe đã tuyên bố: "Nơi tôi có mặt phải luôn sạch sẽ. Một kẻ phiến loạn nào xuất hiện, tôi sẽ bắn nát sọ nó ngay". Quan niệm quyết liệt ấy, khi Julien làm chủ đồn điền, càng được tuân thủ nghiêm ngặt.

Vậy nên khi nhận được tin, mặc dù đang mùa dịch và rất sợ bệnh tả, Julien cùng với mấy tay chân thân tín vội vàng chuẩn bị vào làng ngay. Ông René cũng xin đi theo. Họ nai nịt cứ như ra trận. Kín mít từ đầu đến chân. Đi bốt, đội mũ, vác súng. Julien còn đeo găng tay và bịt miệng. Julien ra lệnh: "Vào bất cứ nhà nào cũng không uống nước, không ngồi ghế, không sờ mó vào bất cứ vật gì".

Họ đến nhà chánh Thi, ông Chánh đi vắng. Đến nhà tiên chỉ, ông Nhậm ở ngoài Hà Nội. Vào nhà hương Ất, nhà vắng teo, ông Hương kheo khư đang nằm ôm cái bàn đèn. Cuối cùng đến nhà lý Cỏn. Một quang cảnh làm Julien hãi hùng. Căn nhà tanh lộn mửa. Người ta vẩy vôi lên tường. Còn rắc cả vôi bột dưới gậm giường người bệnh. Lão lý Cỏn như một bộ xương. Biết rằng lão còn sống bởi vì đôi mắt vẫn mở. Đôi mắt sao mà to màu trắng dã. Hỏi thì lão ta ngơ ngác và ú ớ. Julien rùng mình. Đã thế, mụ ba Váy vợ hắn còn bê nước ra mời. Mụ tiến một bước Julien lùi một bước, không muốn mụ đến gần... Cuối cùng hắn xua tay rồi quay lưng chuồn thẳng.

Cũng may Julien gặp được lão trương tuần và quản Boong...

5

Bệnh dịch tả, mặc dù Tuấn đã hướng dẫn ăn chín, uống sôi cho cả nhà, vẫn cứ đổ ập xuống gia đình cụ đồ Tiết.

Mới đầu là con chim cu mồi, con chim quý của cụ đồ chết. Buổi sáng hôm ấy, nó còn gáy rất rộn ràng, thế mà đến tối bỗng lăn quay ra chết. Cái chết của nó như một điềm báo. Hình như cụ Tiết cảm nhận được điều bất thường.

Một sáng, bỗng dưng cụ tắm táp rất sạch sẽ. Rồi đến trưa, cụ đau bụng đi ngoài, ngay sau đó liệt giường luôn. Cụ chỉ còn kịp dặn dò Trịnh Huyền phải dìu dắt thằng Điều cho nên người, vì đó là giọt máu cuối cùng của cụ. Ông già cũng không quên dặn lại, phải đem biếu cụ tú Cao con chim sáo đá. Chẳng là lúc cụ Cao còn nhỏ, cụ đồ hứa sẽ tặng cậu em đồng môn một con sáo biết nói. Thời trẻ không làm được; lúc già định dạy con sáo cho hoàn chỉnh mới đưa tặng; chưa kịp làm xong thì... đã ra đi.

Cụ Tiết chết được một tuần, thì đến lượt cu Điều dính bệnh.

Trận dịch đang hồi hoành hành dữ dội. Người Cổ Đình chết nhiều quá. Đêm nào cũng đốt đuốc rình rịch đi chôn. Ông Trịnh Huyền trong tổ tương tế giúp dân

làng việc chôn cất. Tổ thiếu người làm việc, nên cu Điều cũng phải tham gia.

Một đêm, Điều lử thử, kêu mệt. Ông Huyền chột dạ, bắt cháu về nghỉ. Điều kêu bụng anh ách, rồi nhâm nhẩm đau. Nhụ cuống quít lấy dầu xoa cho chồng, rồi chạy đi báo với người thân. Ông hộ Hiếu, bà Mùi, ông Huyền hốt hoảng kéo về nhà. Điều đã đi ngoài mấy bận. Bà Mùi hái lá rừng làm thuốc, ông Hiếu lấy bùa, rồi cúng lễ, van vái... Ba người lớn tìm hết cách để cứu đứa cháu, để hoàn thành lời dặn của cụ đồ Tiết lúc lâm chung, song xem chừng không hiệu quả. Điều mỗi lúc mỗi thỉu đi. Dần dần Điều đã hôn mê.

Làng Cổ Đình, chỉ trong vòng mười ngày đã chết hơn bốn chục mạng. Các cụ già đã trải qua vài lần đại dịch nói rằng mỗi lần có dịch lớn như vậy phải chết khoảng trăm người dịch mới yên. Có gia đình cả cha lẫn mẹ đều chết để lại mấy đứa con thơ, đứa lớn mới lên mười, đứa bé mới lững chững biết đi. Nhà ông nhiêu Vạn có năm người chết cả năm, chỉ còn con chó vàng gầy nhom đi lang thang khắp làng.

Cả làng ai cũng tin dịch tả là thời loạn âm, các quan ôn đêm ngày rình rập đi bắt phu. Chỉ có Điều không tin. Cậu ta nghe anh Tuấn giảng giải, biết bệnh tả do một giống vật nhỏ li ti mắt không nhìn thấy gây ra. Do vậy, cậu thường cười sự mê tín của vợ. Còn Nhụ, cô tin lắm. Cô thường mắng chồng đừng báng bổ mà gặp họa. Nhụ bắt chồng phải theo đúng những lời cô dặn dò. Thứ nhất, ban ngày dừng vào trú nắng ở nơi bóng râm cây cối. Các quan ôn thuộc về cõi âm không chịu được ánh sáng mặt trời. Ban ngày các quan ôn thường tụ tập dưới các gốc

cây, người dương vào trú nắng gặp họ, chạm vía họ là chết như chơi. Thứ nhì, ban đêm có phải đi đâu thì đốt đuốc cho thật sáng, cầm giáo mác, bôi mặt cho đen để đám quan ôn hết đường nhận ra... Thế mà chồng cô nào có nghe đâu để đến nỗi cơ sự xảy ra thế này.

Trong khi ông hộ Hiếu lập đàn tràng đang quay cuồng múa may ngoài sân để xua đuổi đám ma quỷ hung thần vô hình, thì ở trong buồng nhà ngang, Nhụ ngồi lặng im buồn thảm bên cạnh người chồng đang mấp mé bên bờ vực chết. Cô ngồi dưới đất, bên đống trấu. Cô đã đốt hai mớ chổi xể, lại đốt cả một nắm quả bồ kết. Người ta bảo mùi chổi xể, bồ kết khử hết khí tà độc. Cái mùi hăng hắc thơm thơm tràn ngập căn buồng. Ông hộ Hiếu đã làm lễ xong. Đêm làng có dịch sao vắng lặng đến thế. Cái tĩnh lặng đến ghê người. Ở ngoài đường, có người đi chôn đêm. Nhụ nghe tiếng chân thậm thịch. Có cả tiếng người hú gọi nhau. Cái lệ mùa dịch là như vậy. Có gọi nhau chỉ hú một tiếng. Không được gọi tên. Bởi vì gọi tên lên, quan ôn đang thiếu phu nghe được tên ghi bừa vào sổ bắt phu thì khổ. Tiếng chân người đã đi xa. Xóm làng lại rơi vào tịch mịch. Có tiếng động khe khẽ, rồi tiếng chó tru lên. Chắc là con chó vàng lang thang của nhà ông nhiêu Vạn. Người ta bảo con chó vô chủ ấy đã quen bọn quan ôn. Đêm đêm, nó thường dẫn bọn quan ôn đến từng nhà trong làng. Nghe cũng biết được con chó lang thang ấy đang đến chỗ nào. Bởi vì lũ chó trong các gia đình đều ghét con chó hoang ấy. Nó đến cửa nhà ai, là lũ chó nhà ấy sủa rộ lên để xua đuổi con tà cẩu. Nghe tiếng đủ các loại chó mà rợn cả tóc gáy...

Nhụ cứ ngồi im lìm như thế rất lâu. Nghe tiếng đêm.

Nghĩ miên man xa gần. Nghĩ vẩn vơ không đầu không cuối. Cô bồng bềnh lạc vào thế giới riêng tư của mình. Không hiểu sao, Nhụ lại cảm thấy rất ân hận. Phải rồi! Đúng là ân hận. Cô ân hận điều gì? Có đáng để ân hận không nhỉ? Ân hận vì hôm vừa rồi, chỉ có một chuyện cỏn con, cô nhắc chồng ban ngày trời nắng không được trú chân ở dưới bóng cây để tránh gặp vía bọn quan ôn, thế mà hai vợ chồng đã vùng vằng rồi cãi vã nhau chăng? Ân hận vì tháng trước Điều đã ham chơi cùng bè bạn, bỏ cả việc đi tát nước, và Nhụ đã dằn dỗi, đã quá lời với chồng chăng? Bận ấy, Điều và Nhụ đã giận nhau, đã không thèm nói với nhau nửa lời suốt một tuần lễ. Đêm đến, hai đứa quay lưng lại với nhau mà ngủ. Càng tốt thôi! - Nhụ tự nhủ. Bởi vì như thế Nhụ được thoát khỏi đôi bàn tay sấn sổ phũ phàng của anh chàng. Chúng luôn thèm khát quấy rầy đôi nhũ hoa xinh xinh của cô... Mà cũng chẳng phải ân hận vì chuyện đó... Bởi vì có chúng thì cảm thấy bị quấy rầy... mà thiếu chúng thì lại thấy nhớ... Hay là... hay là... tại vì cái con người đang hấp hối kia đã... từng mấy lần ngỏ lời năn nỉ xin nàng mà nàng vẫn chưa... chịu cho... Vậy là, chồng nàng, cái anh chàng mười lăm tuổi kia, một chàng trai nghịch ngợm, khỏe mạnh... cũng dễ thương thế kia, có chết đi vẫn chẳng biết cái nỗi trăng hoa là gì... có chết đi, thì vẫn mãi mãi là một trai tơ...

Có tiếng cựa quậy trên giường. Nhụ đứng dậy, lại gần chỗ Điều nằm. Nhụ nhìn thấy lồng ngực Điều phập phồng rất mạnh. Cứ như thể anh ta đang nức nở. Bỗng nhiên, Nhụ không ngăn được hai dòng nước mắt nóng hổi của mình cứ ứa ra bò lăn trên đôi gò má mà không tài nào ngăn cản được.

Lồng ngực Điều bỗng co thắt rất mạnh. Miệng anh bỗng há ra như đau đớn, như muốn kêu lên song không thành tiếng. Lồng ngực chợt nhô lên rất cao, rồi thở bật ra rất mạnh. Có vài lần lặp lại như thế. Lồng ngực hình như muốn cưỡng lại sự co bóp, nhưng cuối cùng nó đành cam chịu, nó dành nằm phẳng lì, lặng im. Nhụ sợ hãi quá, cô kêu to gọi ông Huyền. Ông Trịnh Huyền và ông hộ Hiếu từ nhà trên chạy bổ xuống nhà ngang. Ông Huyền nhìn khuôn mặt đã bất động của Điều, rồi sờ mũi, rồi vành mắt ra xem. Cuối cùng, ông châm một nén nhang để làn khói trắng bay lơ lửng trước mũi chàng trai. Làn khói trắng rất vô tình, cứ thản nhiên bốc lên cao thẳng tắp chẳng hề lay động ngả nghiêng. Ông Trịnh Huyền buông thõng tay xuống và rưng rưng nói:

- Nó đi mất rồi!

Thế là Nhụ bỗng òa lên nức nở:

- Ối anh Điều ơi! Ối anh Điều ơi! Sao anh nỡ bỏ em mà ra đi vội vàng...!

Ông hộ Hiếu như còn không tin:

- Nó đi thật rồi sao? Không được! Không thể thế được!

Rồi ông hú thật to:

- Ba hồn bẩy vía thằng Điều ở đâu hãy về với ông...

Ba hồn bảy vía...

Gọi xong, ông đến bên Điều giật tóc mai, rồi tát mạnh vào hai má chàng trai. Cái đầu Điều lắc qua lắc lại. Sau đó, ông dùng hai bàn tay xoa lồng ngực, cố hết sức kéo hồn vía cậu cháu trở về cùng thân xác.

Đôi bàn tay của ông hộ Hiếu được cả làng khen là đôi tay kỳ diệu. Khi đến với người bệnh, ông hộ Hiếu vẫn

dùng phép bùa chú trừ tà, tuy nhiên nhiều bệnh khỏi được còn nhờ đôi bàn tay như có phép lạ đó nữa. Có người đang sốt nóng rừng rực, ông chỉ dùng đôi bàn tay xoa nhẹ vào trán, tức thì cơn sốt lui ngay. Người đau bụng quằn quại lăn từ trên giường xuống đất, đôi bàn tay ấy cũng dễ dàng cắt được cơn đau. Trẻ con đái dầm, ông hoa tay trên lá bùa, đem bùa về đốt cho trẻ uống, bệnh đái dầm cũng hết.

Lần này càng đặc biệt hơn, vì Điều là đứa cháu trai duy nhất của gia đình, nên ông phải cố gắng cứu chữa bằng hết sức mình. Ông xoa rất lâu lên vùng mặt, ông còn xoa khắp thân thể của Điều. Có bao nhiêu năng lượng, ông đem hết ra cho đứa cháu thân yêu. Giá như cái mạng ông mà đổi được, chắc ông cũng đem đổi cho Điều sống lại. Nhưng than ôi! Tất cả cố gắng của ông hoàn toàn vô hiệu. Anh chàng Đinh Công Điều cứ trơ ra như cục đá. Anh ta vẫn nằm im lìm, không một chút phản ứng.

Thế là ông hộ Hiếu đành chịu thua. Ông ngồi phệt xuống đất, bên đống trấu, thở hồng hộc. Ông lão đã dùng quá nhiều sức lực đến nỗi ông rũ hẳn đi. Bà Mùi, Trịnh Huyền và Nhụ đều đặt chút hy vọng cuối cùng vào ông, nhưng chút hy vọng mong manh ấy nay cũng tan biến hoàn toàn. Thế là những lời gửi gắm của cụ đồ Tiết trước lúc lâm chung, dặn dò mọi người phải chăm sóc cho giọt máu cuối cùng của cụ, nay bỗng trở thành mây thành khói.

Đêm hôm ấy không trăng, trời tối đen như mực. Ông Trịnh Huyền nhìn đứa cháu, thấy lòng dạ rã rời. Nỗi đau xót tưởng như đứt từng khúc ruột. Ông hỏi ý mọi người:

- Chưa đến nửa đêm. Để xác cháu nằm tơ hơ thế này

trông thảm lắm. Hay là... ta đốt đuốc đem nó ra đồng chôn ngay đêm nay.

Nghe thế, Nhụ giãy nảy rồi khóc thét lên:

- Bố ơi! Con cắn cỏ con lạy bố. Bố đừng chôn anh ấy.

Ông hộ Hiếu giảng giải an ủi:

- Cháu ơi! Đừng thế. Nín đi. Bệnh thời khí mà. Còn phải nghĩ đến cả nhà nữa chứ. Để lâu chẳng có lợi. Mà càng để nó ở lâu trong nhà, mắt nhìn thấy càng thêm đau xót.

Nhụ không biết nói thế nào. Cô chỉ còn cách phản đối là xông lại ôm chặt lấy Điều không chịu rời ra. Ông Trịnh Huyền thấy con gái như vậy vừa thương vừa lo lắng. Ai cấm được vợ khóc chồng. Ai cấm được nó ôm lấy người đàn ông yêu quý của nó. Nhưng khốn thay, cứ để thế này rất dễ lây bệnh. Số phận con gái ông rồi sẽ ra sao. Ông không muốn nó, vì quá xót thương, chẳng biết sợ cái chết là gì. Nghĩ vậy, ông Huyền vội vàng chạy sang nhà thím Pháo. Ông thầm tự nhủ phải nhờ thím ấy giúp cho ngay thôi. Bà ba Pháo, từ lúc có dịch tả, vẫn chuyên phải làm công việc rửa ráy, thay quần áo, khâm liệm cho người chết. Không phải từ khi có dịch, trước đây thím vẫn làm công việc khâm liệm ấy. Phải nói thím là người rất tợn. Tiếp xúc với người chết, thím chẳng hề biết sợ. Nhà giàu chẳng nói làm gì, vì nhà giàu nghi lễ phiền phức, vả lại ai đời một nhà gia thế lại đi nhờ một mụ mõ làm cái việc quan trọng ấy. Song người nghèo lại khác, hầu hết người nghèo trong nhà có tang đều nhờ đến tay thím giúp đỡ, bởi vì thím quen việc, lại chẳng đòi tiền công bao giờ. Lúc làm cỗ đám ma, chỉ gói cho thím một gói phần hậu hĩ, thế là xong. Đến khi dịch xảy ra,

lúc này chẳng cứ nhà nghèo, nhà giàu có người chết cũng phải nhờ đến thím, bởi vì cả làng Cổ Đình ai ai cũng sợ phải chạm tay vào người chết tả. Riêng thím Pháo là người gan lì, thím vẫn đi khâm liệm cho mọi người như thường. Chỉ có điều, lúc này người ta biết điều hơn; nhà khá giả, mỗi khi thím làm xong việc, thường trả cho thím ba xu. Người làng bảo sở dĩ thím bạo tợn như thế, do bởi ngày xưa cả chồng và hai con của thím đều đã chết vì tả. Còn thím đã dính bệnh nhưng không chết, đó là vì lão quan ôn đã định bắt thím rồi nhưng số thím chưa hết, nên lão dành cạch mặt thím ra. Cũng có thể, sở dĩ thím phải lăn lóc với công việc chẳng ai muốn này vì thím là mõ. Mõ là người hèn hạ nhất trong xã hội bấy giờ. Người trong làng chẳng nói ra miệng, nhưng người ta đều âm thầm đồng lòng đùn đẩy công việc bẩn thỉu nhất và nguy hiểm nhất này cho thím. Vả lại, cũng còn có thể vì thím là con người có một tấm lòng giản dị rộng mở và thương xót đối với mọi người.

Thím ba Pháo vốn chẳng bao giờ nề hà khi có người đến nhờ làm công việc khâm liệm ấy, song hôm nay khi ông Trịnh Huyền đến nhà thì lại khác. Từ tối đến giờ, thím đã phải đi giúp làm công việc nguy hiểm ấy cho ba người chết. Thím cảm thấy mệt lử mệt lừ, chân tay bải hoải. Thím ra cầu ao rửa chân tay rồi lên giường nằm ngủ ngay. Vừa mới chợp mắt được một tí, cô Hoa đã dựng thím dậy:

- U ơi! Bác Huyền nhờ u đấy. Khổ! Con nghe thằng Điều chồng cái Nhụ chết rồi u ạ.

Có bao giờ thím cáu kỉnh khi có việc đâu. Thế mà hôm nay thím gắt to. Rồi lại văng tục nữa chứ:

- Nhụ với Nhị cái gì... Chết đ... gì mà chết lắm thế. Từ tối đến giờ đã ba người rồi. Tôi lạy các ông các bà. Tôi kiệt sức rồi. Cho tôi nghỉ một lúc. Đến sáng mai chẳng được ư? Đi đâu mà vội.

Ông Trịnh Huyền thấy thím Pháo quá mệt mỏi như vậy, lấy làm thương. Ông thầm nghĩ: "Ừ! Đúng phải để đến mai. Vả lại con gái ta cũng muốn như vậy".

Mọi người bàn luận cũng thấy không thể vội. Mấy người lớn đều lên nhà trên, chỉ để một mình Nhụ ở lại nhà ngang. Ông hộ Hiếu dặn cô: "Không được ngủ. Phải thức trông nó đấy. Coi chừng hễ thấy có con mèo nào lai vãng là phải đuổi đi ngay...".

Nhụ ngồi im trong đêm bên xác chồng, thầm nghĩ: "Ôi chao! Tôi chỉ mới mười lăm tuổi đầu. Sao trời nỡ đọa đầy tôi đến thế. Tí tuổi đầu đã hóa ra kẻ góa chồng. Mà nào tôi đâu đã được nếm trải những ngọt bùi của đời sống vợ chồng... Thầy tôi ngồi ở thềm nhà trên đang ho. Thầy tôi vẫn thức. Có lẽ thầy sẽ thức thâu đêm... Tôi biết thầy thương tôi lắm. Anh Điều ơi! Sao anh đành lòng bỏ em mà đi, để lại mình em thui thủi...".

Đêm sao tịch mịch đến thế. Nhụ ngồi nghe tiếng cót két của những cây tre ngoài vườn cọ xát vào nhau. Nghe tiếng lá tre xào xạc buồn buồn. Thậm chí nghe thấy cả tiếng lá mít rơi trên sân. Cái lá mít khô gặp gió chạy trên sân gạch phát ra một tiếng động mơ hồ nhè nhẹ. Rồi nghe thấy cả con mối trên mái nhà tặc lưỡi, con muỗi vo ve. Đôi tắc kè trên cây bưởi ngoài vườn ở chỗ chòi ong thỉnh thoảng lại buông tiếng tắc kè đều đều buồn tênh, tiếng kêu như tiếng giữ nhịp cầm canh cho cái đêm dài vô tận ấy.

Mơ hồ vẳng nghe như có tiếng chân người đi thậm thịch trên đường làng. Tiếng chó sủa rộ lên. Nhụ thấy rợn tóc gáy, khi nhận thấy tiếng chó chạy ngược chiều lúc trước. Cô thầm nghĩ có lẽ con chó vàng nhà ông nhiêu Vạn thực sự đã thành chó ma. Lúc nãy nó ra đầu làng. Bây giờ nó đang quay trở về dẫn đoàn âm binh theo sau. Nó đi đến đâu chó sủa ran đến đó. Cô càng hồi hộp hơn khi hai con chó ở đầu hè gầm gừ rồi đồng thanh sủa lên cùng một lúc. Không như thường lệ có người đến hai con chó phi ngay ra ngõ và sủa rất hăng. Tiếng sủa tấn công. Đêm nay, hình như hai con chó cảm thấy điều lạ nên chúng lại đứng nép bên nhau ở một đầu hè và sủa lên bằng tiếng kêu sợ hãi như muốn chống cự. Đó là tiếng sủa tự vệ. Cô nín thở lắng nghe vì cảm thấy như có người đang đứng ở trước ngõ nhà mình. Cô len lén đứng lên khép cửa buồng, cứ làm như cánh cửa bằng tre kia có thể bảo vệ được mình tránh khỏi lũ quan ôn. Một con chim lợn bay ngang qua vườn ra phía cây đa đầu làng. Con chim vừa bay vừa kêu làm Nhụ càng thêm sởn gai ốc. Dạo trước, Điều bắt được một con chim trắng toát, mắt mở tròn xoe, mỏ khoằm khoằm. Con chim trông đẹp sao tiếng kêu của nó lại ghê rợn đến thế. Con chim ma quỷ! Nó thường tìm đến những nơi đang vất vưởng những hồn người chết. Cũng may, tiếng kêu của nó chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, rồi mất hút trong đêm thâu...

... Nhụ khóc nhiều lắm, nhưng không khóc to thành tiếng. Cô không biết hờ ơ thảm thiết như các bà nạ dòng khóc chồng. Tiếng khóc của họ thê thảm vì họ đã trải qua biết bao ngọt bùi mà người chồng đã đem cho họ. Họ luyến tiếc. Họ đã bị cướp mất thứ của cải vô vàn quý giá

mà dấu vết còn sót lại là những đứa con thơ tội nghiệp. Nhưng dù sao họ cũng vẫn còn những dấu vết ngọt bùi ấy. Còn Nhụ, cô là kẻ trắng tay. Cô đã bị ăn cướp thứ báu vật mà cô chưa hề được hưởng. Ít nhất thì những người đàn bà nạ dòng kia còn giữ lại được những kỷ niệm, đó là những đứa con. Đằng này, cô bị cướp sạch, bị cướp cả những kỷ niệm chưa kịp ra đời. Ôi chao! Sao mà cô dại khờ đến thế. Chẳng biết ma xui quỷ khiến thế nào mà lại dại khờ đến thế... Tiếng khóc của Nhụ chẳng là tiếng hờ ơ thảm thiết. Nó chỉ là tiếng tấm tức, tiếng xót xa đứt ruột nhưng không biến thành được những giọt nước mắt ròng ròng. Tiếng nức nở cuồn cuộn dâng trong lồng ngực, rồi xông lên phía trên, chẹn ngang cổ họng. Cơ hồ cô muốn ngất lịm. Mà ai dám bảo rằng Điều với Nhụ không có những kỷ niệm ngọt bùi. Nhiều lắm chứ! Anh là chồng, còn là người bạn của cô. Anh ra đi, ai là người sẽ uống cái thứ nước mưa ướp hoa nhài mà anh vẫn khen rằng chỉ có tay cô làm mới thơm tho đến thế. Rồi những con cá rô thơm lừng, biết lấy ai là người sẽ nướng cho cô. Ai là người sẽ cõng cô qua suối mỗi khi nước lũ. Ai là người hằng đêm ôm ấp rồi úp cái bàn tay ram ráp nóng rực lên đôi vú chúm chím của cô...

Nhụ lật giở tờ giấy bản phủ trên mặt Điều. Trong đêm vắng, khi mọi người đi hết, chỉ còn cô đối diện với người chết, mới thấm thía nhận ra sự mất mát to lớn đến nhường nào. Nhụ nhìn khuôn mặt quá ư thân quen mà hằng đêm vẫn áp sát vào mặt cô. Khuôn mặt ấy sẽ bị chôn vùi vĩnh viễn, sẽ tan biến đi khỏi cõi đời này hay sao? Ông Huyền ở thềm nhà trên vẫn không ngủ được. Nhụ trông thấy, qua cánh cửa sổ để mở, cái mồi rơm

bỗng lóe lên từng đợt từng đợt. Ông đang thổi lửa. Rồi cái nùi rơm bùng lên thành ngọn lửa. Ông Huyền đang hút thuốc lào. Nhụ chạy lên nhà trên, quỳ xuống trước mặt ông và van xin:

- Con lạy thầy! Con lạy thầy!...

- Gì thế hả con? Sao lại nấc lên như thế kia?

- Thầy ơi! Con không... khóc được thầy ạ.

- Cố mà khóc to lên con ạ.

- Hay là... con xin thầy thổi cho nhà con một bài kèn.

- Gì?

- Thầy đã thổi kèn tiễn ông con... Đêm nay, xin thầy lại thổi cho chồng con... và cả cho con nữa...

- Sao... con ăn nói gở như vậy?

- Con không nói gở. Vâng, xin thầy thổi cho cả con nữa. Xin thầy thổi bài lâm khốc... Mà cũng là thổi cho cả những người trong làng đã chết. Có tiếng kèn thì người chết mới được siêu sinh. Có tiếng lâm khốc, thì những cái kết hòn, kết cục trong lồng ngực con mới tan đi được. Thầy ơi, có tiếng kèn thì cái đau trong lòng trong dạ con mới tan được ra thành nước mắt.

Ông Trịnh Huyền lúc ấy mới hiểu hết ý của Nhụ. Ông gật đầu:

- Con nói cũng phải.

Và thế là trong cái đêm đen ngòm mịt mù ấy, ông Huyền đã thổi những điệu kèn ai oán chưa từng thấy. Ông rứt từng khúc ruột của mình thổ lộ vào tiếng kèn. Trong đời ông đã chứng kiến bao nhiêu người thân rời bỏ ra đi. Những chiến hữu của ông bỏ xác nơi chiến địa, rồi

mẹ vợ ông, vợ ông, bố vợ ông, anh trai ông, cha ông... Hôm nay, đến lượt cháu ông, con rể ông, một chiếc lá còn xanh rờn, người nối dõi cuối cùng của cha mẹ ông. Đêm nay, ông thổi khúc tang ca cho Điều, nhưng thực ra là cho tất cả. Còn có thể nói, cho tất cả xóm làng. Ôi chao! Sao đêm nay trời tối đen làm vậy. Tiếng kèn của ông như muốn giang tay vạch cái màn tối kịt mà ra, nó như muốn làm loãng tan cái màu đen thê thảm. Trong đáy sâu tâm khảm, ông mong đó là khúc cầu siêu cho những người thân đang phiêu du ở chốn xa lắc, nơi đồng chiêm trắng mênh mông sóng nước mà có lần tiếng kèn của ông đã tiễn đưa. Cũng là khúc siêu thoát cho những người bạn xưa đã một thời cùng ông đi theo người anh hùng đánh giặc để rồi nằm xuống ở góc rừng, ven suối. Tiếng kèn của ông khóc than cho cả số kiếp những người cùng làng đã thiệt phận hẩm hiu đến nỗi không cả chiếc áo quan đành bó thân trong manh chiếu rách. Tiếng lâm khốc như tiếng nức nở, tiếng sầu thảm như lời kể lể cam chịu, tiếng êm ái như lời ru êm số phận, như lời cầu mong tìm đến một thế giới ảo mộng mà ta chưa bao giờ nhìn thấy.

Chỉ mới nghe được phần mở đầu của khúc tang ca, mà những hòn cục đau đớn trong lòng Nhụ đã lập tức chảy ra, tan ra thành tiếng khóc òa. Tiếng kèn như biết an ủi, xoa dịu, làm vơi nhẹ. Nhụ chẳng biết sợ, ôm lấy Điều để cho dòng nước mắt tự nhiên buông xả. Tóc Nhụ xõa xượi ôm trùm lấy Điều. Nhụ nắm chặt lấy bàn tay bất động, lạnh lẽo của chồng, như thể muốn truyền hơi ấm của mình cho Điều. Đầu cô áp vào ngực chồng. Và dù cô chưa hề học thói kể lể khóc than bao giờ, nhưng Nhụ

cũng bắt chước được đúng hệt như những người đàn bà chân quê... Cô hờ ơ, cô nỉ non kể lể... Rằng em đã ăn ở chẳng phải với mình... Bao nhiêu lầm lỗi gây ra thất vọng, giận hờn, cô nhận phần sai về mình hết... Rằng anh ra đi vội vàng như thế, thiệt phận cho anh đã đành, nhưng còn để thương, để nhớ, để sầu biết bao nhiêu cho người ở lại... Rằng ông trời xanh độc địa làm cho âm dương cách trở, biết đến bao giờ chồng vợ mới lại gặp nhau... Rằng đèn chong nhớ bóng, thui thủi một mình, giọt lệ chứa chan...

Không biết ai đã đặt ra những câu than khóc như vậy tự bao giờ. Người quê nghe mãi thành nhập tâm khi nào chẳng hay, và khi gặp hoàn cảnh tương tự là người ta thốt ra như vậy, cứ như thể những câu than ấy là thứ gia tài cha truyền con nối. Song tác dụng của chúng không phải nhỏ. Người ta hờ ơ... người ta tỉ tê kể lể, và đi cùng lời than van ấy, nỗi đau trong lòng người dân quê cũng được trôi theo. Tức là đôi mắt Nhụ không còn trơ trơ ra nữa, cô đã khóc được thành nước mắt. Nỗi lòng của cô đã được thốt ra thành lời.

Đêm lặng lẽ trôi đi. Tiếng kèn ai oán của ông Huyền cũng đã bặt. Nhụ cũng đã quá mệt. Cô ngủ thiếp đi bên người chết lúc nào không hay. Hai bàn tay cô vẫn nắm chặt tay Điều. Và cô đã nằm mơ.

... Cô thấy mình đang đi trên đường làng. Cô bị giải đi thì đúng hơn. Đi kèm hai bên cô là hai người lính cắp giáo, đội nón dấu, áo nẹp đỏ, thắt lưng bao vàng. Đi dẫn đường là con chó vàng nhà ông nhiêu Vạn. Đúng là nó đã trở thành thứ chó ma, tay sai của các quan ôn. Con chó thành tinh ấy còm nhom lông lởm chởm xơ xác, lưỡi thè

lè, mắt đỏ sáng quắc. Nó đủng đỉnh dẫn Nhụ ra cây đa đầu làng. Đến nơi, con chó vàng vươn cổ ra tru lên mấy tiếng như để báo hiệu. Lúc này Nhụ mới chú ý thấy một ông mặt đen mặc áo thụng đỏ, đội mũ cánh chuồn đang ngồi chễm chệ trên cái ngai thờ "đại thụ linh thần". Hai bên ngai là hai hàng lính gươm giáo tuốt trần. Một vị áo thụng xanh đang cầm tờ giấy đọc tên người.

- Nguyễn Văn Mỗ, xóm Thượng, xã Cổ Đình...

- Nguyễn Thị Kèo, xóm Hạ...

Các quan ôn đang làm việc điểm danh. Một đám người mặt mũi hốc hác đứng lố nhố nghe. Toàn người trong làng đã chết. Con chó vàng yêu tinh đang quấn quýt với lũ con nhà ông nhiêu Vạn. Con chó chồm lên bíu vào vai thằng cu Còm nhưng không bíu được, vì cu Còm là hồn ma người nó loãng như khí trời, có gì mà bíu. Con vàng bị hẫng hụt ngã lăn quay ra đất, kêu lên ăng ẳng. Còn cái hồn ma loãng của cu Còm thì cười lên khinh khích. Nhụ đưa mắt nhìn tìm ông cụ dồ nhưng không thấy. Chắc cụ dồ Tiết đã điểm tên xong và bị dẫn đi rồi. Lại đưa mắt nhìn tiếp tìm Điều nhưng không thấy bóng dáng anh đâu. Nhụ lo lắng tưởng anh cũng đã bị dẫn đi rồi. Nhụ vẫn cố đảo mắt tìm chồng. Chợt thấy ở một bụi cây cỏ xước gần lũy tre có cái gì cựa quậy giống như bàn tay vẫy. Cô còn nghe thấy mơ hồ tiếng thì thầm vào tai: "Nhụ... Nhụ". Cô thừa dịp lúc người ta còn xúm đông xúm đỏ quanh ông quan ôn áo thụng xanh nghe một điều gì đó liền len lén đến bụi cỏ xước. Mừng vô hạn vì Điều đang nấp ở đó. Điều thấy cô liền đưa ngón tay lên miệng ra hiệu cho cô im lặng. Rồi Điều nắm lấy tay vợ. Hai đứa lủi sau những bờ ruộng cao chạy ra đồng. Lúc

này, Nhụ mới chú ý, bàn tay của Điều lạnh quá. Và trong óc Nhụ bỗng nảy ra một điều nghi hoặc: chồng mình chết rồi cơ mà. Tay Điều lạnh, thế là phải. Nhưng đã là ma thì làm gì có hình hài. Nó phải loãng như con chó vàng yêu tinh ôm lấy vai thằng cu Còm lại hóa ra ôm vào không khí. Đằng này, Nhụ cảm thấy bàn tay Điều lạnh nhưng đúng là bàn tay thật...

Vừa thoáng nghĩ đến con vàng, thì con chó bỗng hiện ra ngay. Thật quỷ quái! Đúng là giống yêu tinh. Con chó lông xơ xác của ông nhiêu Vạn dẫn hai thằng lính áo nẹp đỏ đang phi như bay đuổi theo Nhụ - Điều. Nó vừa chạy vừa sủa ầm ĩ đánh thức cả làng thức dậy. Nhụ quyết không chịu. Cô chạy nhanh lắm, nhanh hơn cả Điều. Cô nắm lấy bàn tay lạnh như băng ấy mà chạy phăng phăng. Cô quyết không chịu bị bắt. Nhưng khốn thay! Đang chạy thì bị vấp vào bờ, ngã lăn đùng ra ruộng...

Thế là Nhụ bừng mở mắt. Hóa ra một giấc mơ, tim cô vẫn đập thình thình. Phải mất một lúc trái tim thổn thức ấy mới trở lại bình tĩnh. Và đến lúc ấy cô mới cảm nhận được thực tại đang sống. Cái gì thế này? Giữa mơ và thực như không có ranh giới. Bàn tay cô vẫn đang nắm chặt bàn tay lạnh lẽo của chồng. Cô nhìn bàn tay ấy. Nhìn chăm chú và chợt giật mình. Cô định thần suy nghĩ. Đúng là có chuyện gì rất lạ vừa mới xảy ra nhưng không biết đó là chuyện gì. Nhụ chợt giật mình khi sực nhớ tới lời ông hộ Hiếu dặn khi ông lên nhà trên. Hay là... hay là... khi mình ngủ quên và mơ màng, đã có một con mèo nào từ trên nóc nhà nhảy xuống đây. Ý nghĩ ấy làm cô khiếp hãi. Nhụ hoảng hốt nhìn khắp chung quanh song không thấy gì hết. Căn nhà vẫn lạnh tanh. Đĩa đèn dầu

tù mù nhưng cũng đủ sáng để Nhụ nhìn thấy chiếc cối xay ngồi tùm hụp như bà già mặc váy ngồi ở gian ngoài nhà ngang. Bếp trấu vẫn tỏa lên vài sợi khói nửa trắng nửa xanh. Làn khói thẳng tắp, im phắc. Tịnh không thấy bóng một con vật nào cả. Lúc ấy, Nhụ mới thấy yên tâm. Nhưng đầu óc cô vẫn lởn vởn ý nghĩ: rõ ràng mà, mình biết là có chuyện gì mới xảy ra. Cô nhắm mặt lại để nhớ cho kỹ, sợ rằng mình còn để sót một điều gì. Chính lúc nhắm mắt lắng nghe ấy, cô chợt cảm thấy một cái gì đó ngọ nguậy thật khẽ khàng. Khẽ khàng đến độ mơ hồ tưởng chừng như đó chỉ là ảo tưởng. Nhắm mắt, mở mắt đến ba lần cô mới xác định được sự chuyển động ấy từ đâu mà ra. Cái đó đây rồi. Cô nhìn xuống bàn tay mình, ở đó vẫn có bàn tay lạnh lẽo của Điều. Ý nghĩ ấy làm cô hồi hộp. Chẳng lẽ... Chiếc bấc đèn trên đĩa dầu lạc chỉ liu riu xanh xanh như hạt đỗ, nhưng cũng đủ sáng để Nhụ chăm chú hy vọng theo dõi những ngón tay của Điều đang nằm trên bàn tay cô. Ơ kìa! Những ngón tay ấy cử động thật rồi. Nó từ từ, rất từ từ co cụp lại rồi lại duỗi ra. Đúng! Nó động đậy thật rồi. Cái ngón tay hãy còn rất yếu ớt, nhưng đã đủ sức để báo hiệu để vẫy gọi vợ mình. Điều sống lại thật rồi... Không còn nghi ngờ gì nữa rồi. Cái ngón tay ấy đã biết gãi nhẹ lên tay Nhụ. Cô con gái vội ghé sát miệng vào tai chồng:

- Anh Điều ơi! Có nghe thấy em gọi không? - Anh còn sống... còn sống! Hãy cố mở mắt ra... mà nhìn em... Anh Điều ơi!

Đôi mi mắt của người chết hình như cố gắng hết sức... song sao đôi mi mắt bé tí mà nặng đến thế...

- Mình ơi!.. Hãy cố lên!... Cố lên mà về với em...

Đôi mi mắt... đã gắng gượng... đã dùng hết sức bình sinh. Cuối cùng, nó cũng hé ra được... lim dim nhìn vào khuôn mặt đầm đìa nước mắt của Nhụ... Cô gái reo to:

- Sống lại thật rồi... anh sống lại rồi !

Cô chạy ùa ra sân, lên nhà trên, líu lưỡi nói:

- Thầy ơi, xuống mà xem! Nhà con sống lại rồi!

Ông Trịnh Huyền vội lật đật xuống nhà ngang. Ông đã tận mắt nhìn thấy đôi mắt hé lờ đờ của chàng rể. Ông bảo con gái:

- Con phải luôn ở bên nó, gọi tên nó, có thể hồn nó mới quay trở lại. Lúc này cái hồn còn yếu ớt lắm. Đừng để cho nó lại bay đi mất.

Lúc đó, ông hộ Hiếu đã về chùa đổ. Ông Huyền phải đốt đuốc chạy ra tìm. Hai chú cháu chạy vội ngay về nhà. Trong khi ấy, Nhụ hết sức âu yếm để giữ cái vong linh lay lắt chỉ chực vụt bay đi mất. Cô thơm vào má Điều. Cô dùng hai bàn tay mềm mại của mình để xoa ấm lồng ngực cho chồng. Thậm chí, cô kéo cả tay anh vào ngực mình. Cô muốn dùng cả đôi vú xinh xinh ấm áp của cô, thứ báu vật mà anh rất thích, để giữ lại mạng sống cho Điều. Khi bàn tay anh chạm vào chiếc vú căng mẩy ấm áp đó, thì Nhụ thấy đôi mắt anh như rực sáng lên. Cô thầm nhủ: "Của anh đấy. Em cho anh. Cho anh tất cả".

Cụ hộ Hiếu dùng hai bàn tay thần kỳ của mình xoa lên trán Điều, bụng Điều, ngực Điều. Cụ lấy thanh nhục quế rất quý giá, ít khi được đem dùng, mài vào cái bát có chút nước ấm, tạo thành thứ nước trắng đục, cậy mồm người bệnh ra đổ vào. Một hồi sau, bỗng Điều thở dài một cái. Hai con mắt đã biết đưa đi đưa lại... Cuối cùng, chân tay cựa quậy... Cụ Hiếu xoa tay:

- Sống hẳn lại rồi!

Cụ sai Nhụ đi nấu cháo. Nghĩ thế nào, ông cụ lại bảo:

- Tôi nghe nói ông lý Cỏn bên họ Vũ bệnh nặng hơn. Sau nhờ bú sữa bà ba Váy mà sống lại. Hay là ta sang nhờ bà ấy cho thằng Điều bú chực vài bận xem sao...

Nhụ đang đi vào bếp, nghe câu nói ấy quay đầu lại lườm ông già một cái rõ dài. Cô lẩm bẩm:

- Quỷ sứ! Cái ông già này toàn nghĩ ra những chuyện quái gở!

6

Thím ba Pháo tối hôm trước mệt, không chịu sang khâm liệm cho cu Điều, sáng hôm nay trở dậy cứ thấy áy náy trong lòng. Thím ra chum nước dưới gốc cau, lấy gáo dừa múc nước rửa mặt, rồi tất tả ra ngõ. Hoa hỏi:

- U đi đâu sớm thế?

- U sang nhà cụ Đồ xem sao. Đêm qua mệt quá không sang được. Thế là chẳng phải với người ta.

Hoa cười:

- Đêm qua u chẳng sang lại hóa ra may cho cu Điều.

- Sao lại may?

- Nó sống lại rồi. Thật phúc to bằng cái đình.

- Ừ, may thật! Phúc thật! Nhưng dù sao cũng phải sang bên ấy một chút.

Thím Pháo chưa kịp đi đã nghe thấy tiếng chó sủa và tiếng người oang oang ngoài ngõ:

- Mụ Pháo có nhà không?

Nghe giọng oai vệ ấy, thím Pháo hỏi con:

- Tiếng ai như tiếng ông hương Ất?

Bóng người cao lênh khênh của hương Ất đã vào đến sân. Quái! Cái lão bẹp tai suốt ngày nằm bên bàn đèn thuốc phiện sao hôm nay lại tới đây. Thường thường, khi rỗi lão chỉ hay ra điếm. Lão chỉ thích nhất trong làng có đám đánh nhau, ăn vạ để kiếm chác.

Trong lúc ấy, ở đồn điền Messmer, liên tiếp mấy hôm liền Julien nhận được những tin tức, những chỉ thị của tỉnh nói về hoạt động của những phần tử phiến loạn trong vùng. Ông ta rất sốt ruột, lo lắng.

Hôm trước, Julien vào xóm thấy đám hương lý kẻ thì ốm, kẻ thì trốn tránh, kẻ thì đần thối ra, kẻ thì nghiện oặt đã có ý định nói với trên thay thế. Quản Láu bảo:

- Không thể rũ bỏ các ông hào lý này đâu. Ông định trọng dụng ông quản Boong thôi ư? Ai người ta nghe. Làng quê là một mớ bòng bong. Phải dùng cả kẻ chỉ có hư danh, cả kẻ được việc... Trước mắt lý Cỏn ốm, ta nên dùng lão hương Ất. Lão này nghiện oặt, lại nghèo, chỉ thích quyền thế, thích chấm mút,... song, hương Ất lắm mưu mẹo, rất được việc. Dân làng Cổ Đình sợ lão như cọp. Dưới tay lão có trương Tài và lũ tuần đinh. Trước kia, lão nịnh bợ và tận tụy với lý Cỏn, bởi vì lý Cỏn giàu và tinh ma có kém gì lão. Tuy nhiên, lúc nào lão cũng chỉ thèm cầm cái triện lý trưởng. Bây giờ, lý Cỏn ốm, quan Tây trực tiếp dùng lão, chắc chắn lão phải chứa chan hy vọng mà cúc cung tận tụy.

- Ông nói cũng phải, ông già Lềnh ở đồn điền cũng quen hương Ất, cũng biết rõ ông ta - Julien gật gù rồi bỗng cười to và nói - Đối với con nghiện, cho hắn vài đồng bạc, sai gì mà hắn chả làm. Nếu cho nó vài chục đồng bạc, bảo nó giết cha nó, chắc nó cũng dám làm. Quản Láu không cười to, chỉ nhếch mép cười theo rồi gợi ý thêm:

- Còn ông quản Boong nữa chứ. Ông ta đi đạo nhưng không phải đạo gốc. Quan trên không sử dụng ông ta vì ở đây dân bên lương là chủ yếu. Tuy nhiên, tôi biết ông ta rất muốn cái chức tiên chỉ. Lúc này, nhân khi tiên chỉ Nhậm chạy ra thành phố, sao ông lại chẳng mời ông ta ra giúp việc. Chân tiên chỉ kiêm chánh hương hội chắc ông ta không làm nổi. Song còn chân phó hương hội, sao không vận động cho ông ta được cái chức ấy. Ông quản Boong giỏi công việc nhà binh.

Nghe quản Láu mách nước, ông chủ đồn điền mới thực sự yên tâm. Những lời nói của Láu rất phù hợp với suy nghĩ của Julien: ông ta tin rằng ở xứ sở này còn nhiều người trung thành với nước Pháp. Julien cho gọi hương Ất đến, cho mấy đồng bạc và sai làm hai việc: Thứ nhất, từ nay cấm dân chúng không được đốt đuốc chôn người ban đêm. Thứ nhì, từ nay cũng cấm dân làng tụ họp từ ba người trở lên. Lớp học từ khi có dịch đã nghỉ cả rồi. Nghe nói dân lập tổ tương tế. Cái tổ tương tế này chưa biết ra sao nhưng cũng cấm.

Chính vì vậy, hôm nay, hương Ất mới phải thân chinh đi đến nhà mõ. Julien bảo rằng việc cấm này vô cùng quan trọng. Chính ngài công sứ muốn các địa phương phải hết sức chu đáo cẩn trọng. Bởi vì, trong lúc dịch bệnh hoành hành, bọn phiến loạn sẽ lợi dụng hoạt động.

Thực ra, ông hương Ất dâu phải như sự đánh giá quá cao của Julien, tức là người bạn trung thành với nước Pháp. Ông ta thèm muốn cái triện lý trưởng, điều đó đã hẳn. Tuy nhiên, ông là con người kém phần hoạt động, chỉ giỏi mưu mẹo làng xã. Vả lại ông ta rất thực tế. Ông hiểu ở chốn làng quê cái thực lực là giàu có và vây cánh. Hai điều kiện ấy ông không có, và đến tuổi năm mươi của ông cũng khó bề tạo dựng từ đầu. Hơn nữa, ông còn hiểu ở thôn quê dòng tộc là điều hệ trọng. Chống lại lý Cỏn tức là chống lại dòng họ Vũ Xuân, dòng họ của chính ông, điều đó ông không muốn. Còn dòng họ Đinh Công, tuy họ kém thế đấy, tuy họ đối với ông có vẻ bằng mặt mà chẳng bằng lòng, song ông làm chức dịch lâu năm, lại là người được tiếng là Gia Cát bàn đèn, ông hiểu đối với những họ tộc danh tiếng ấy, không thể cư xử mất mặn mất nhạt được. Còn chuyện tổ tương tế ư? Cụ tú Cao là ai? Cậu Xuân Huy con ông ký Nhàn là ai? Điều ấy ông không thể không biết. Cho nên, khi Julien biếu tiền thì ông nhận. Còn khi làm việc, ông chỉ làm phải chăng mà thôi.

Ông hương Ất không vào nhà, chỉ đứng ở giữa sân dặn dò mụ ba Pháo, nói rành rẽ những điều Julien yêu cầu, nhắc đi nhắc lại chỉ có hai điều: không được chôn đêm, cấm tụ họp đông người. Hương Ất ngẫm mụ và nghĩ thầm: "Mụ này nhanh nhẹn đáo để... Nhưng ai đời lại để đàn bà làm mõ. Chắc việc này chỉ có ở Cổ Đình... Nhưng, nếu lý Cỏn ốm quá nặng... mà ra đi thì sao?... Nếu lão thực sự gặp may lên cầm cái triện lý trưởng thì sao?... - Hương Ất tự cười mỉm một mình - Chắc cái việc đầu tiên lão sẽ làm là thay quách mụ đàn bà này, mặc dù các cụ trong làng bảo rằng mụ ta mẫn cán, nhanh nhẹn và làm cỗ còn khéo léo hơn cả các anh mõ đực...".

Thực ra, lão mõ Điếc có ba người con: cả Tốt, hai Xe và ba Pháo. Trước khi lão đến Cổ Đình, cả Tốt mắc bệnh chết. Lúc ấy, Xe và Pháo còn là hai chú nhóc. Mấy năm sau, thằng Xe thằng Pháo lớn tộc ngộc, song gái làng Đình không đứa nào chịu lấy. Lão Điếc liền về quê Thái Bình lấy vợ cho hai con. Lo cưới vợ cho con xong, ông lão bắt thằng Xe là con lớn ở lại quê để giữ hương hỏa, mồ mả tổ tiên. Chỉ có hai vợ chồng Pháo theo bố quay trở lại Cổ Đình làm mõ. Cụ mõ Điếc qua đời, mõ Pháo thế chân cha. Rồi đến lượt mõ Pháo và hai con qua đời. Làng lại đem chuyện mõ ra bàn, nhưng chẳng có dân chính cư nào chịu nhận. Cuối cùng, cụ tiên chỉ hỏi mụ Pháo:

- Mụ có đảm đương nổi cái chân mõ được không?

Mụ Pháo biết cả làng chẳng ai chịu nhận. Giá như mụ bắt bí đòi làng cấp thêm ruộng mới chịu làm, chắc chắn làng cũng cho. Mặc dù đã có tiếng xấu "tham như mõ", song mụ Pháo không tham. Mụ chỉ nói:

- Nếu các cụ tin cháu mà giao cho, thì cháu xin nhận.

Khi Hoa ra đời rồi lớn lên, dân làng cứ xuýt xoa tiếc rẻ:

- Người nõn nà thế kia mà lại sinh vào cửa nhà mõ. Mẹ đã là mõ thì chớ, bố lại là thầy phù thủy điên điên rồ rồ. Chao ôi! Sao mà trớ trêu!

Cái bận độc nhất hai người ăn ở với nhau, sau cái phút bồng bềnh kỳ diệu, ông hộ Hiếu còn nằm trên bụng bà, bỗng sụt sịt khóc. Bà Pháo vỗ nhẹ vào lưng ông, dỗ dành:

- Nín đi! Cớ sao ông khóc? Hay là tủi thân? Ông tưởng... chỉ thế này thôi sao... ông biết không? Tôi thực lòng mà... Hay là... tôi về ở hẳn với mình...

Ông nằm ngửa, hai tay chắp sau gáy, nghĩ ngợi rất

lâu, nghe con bìm bịp buồn buồn kêu ngoài hồ nước. Ông thở dài rồi ngậm ngùi trả lời rất thành thực:

- Ôi chao! Được thế thì còn sướng gì bằng! Tôi muốn lắm chứ. Nhưng thử nghĩ xem, tôi nuôi sao nổi mình. Làm nghề phù thủy như tôi khác nào làm kẻ ăn mày. Bữa no bữa đói. Người nào biếu tí gì hay tí nấy. Tôi lại chẳng có ruộng nương... Mình làm mõ dù sao cũng được làng cấp cho dăm sào ruộng.

- Thế... hay là mình về ở với tôi?

Ông hộ Hiếu thở dài.

- Tôi về ở với mình ư?... Thế cũng chẳng được... Bởi vì... tức là tôi làm mõ... Mình hãy thử nghĩ xem... Các anh tôi sẽ nghĩ ra sao... Rồi cháu chắt, họ hàng, làng xóm họ sẽ nghĩ thế nào... Chắc chắn người ta sẽ từ bỏ tôi... Lúc ấy, sống khác nào như chết...

- Thế thì biết làm thế nào?

Ông hộ Hiếu lại thở dài:

- Tôi van bà. Xin bà hiểu cho tôi. Từ thuở làm sơn tràng, bị sét đánh, tôi thành kẻ nửa rồ nửa dại. Lúc nào cũng có tiếng nói văng vẳng trong đầu bảo rằng cái số tôi là như thế. Người ta bảo tiếng nói của thần phật. Các Ngài sai tôi đi giúp mọi người, chữa bệnh cho dân làng. Các Ngài hành tôi như vậy, sai khiến tôi như vậy, tức là cái số kiếp tôi phải như vậy. Tôi muốn như mọi người lắm chứ... Có lúc tôi đã trở về với cụ đồ, với anh tôi, nhưng trong lòng khi ấy cứ nóng như lửa đốt, tôi lại phải quay về chùa đổ mới được thanh thản. Tôi biết ơn bà lắm chứ, nhưng tôi biết làm thế nào bây giờ... Thôi thì đành vậy, mình ơi...

Thế là hai sinh linh côi cút ấy đành chịu thua số phận.

Mà lạ thật! Sao họ lại chỉ ăn ở với nhau có độc một lần ấy thôi. Mà cái lần ân ái hiếm hoi ấy sao lại nặng tình nặng nghĩa đến như vậy. Nó đã đơm hoa kết trái... Bà ba Pháo đã sinh ra cô bé Hoa xinh đẹp lạ thường. Cô bé là nguồn hạnh phúc muộn mằn cho cả bà lẫn cả ông. Cũng có lời dèm pha nọ kia trong làng, nhưng những lời vo ve ấy làm sao có thể át nổi cái hạnh phúc to lớn mà trời phật đã ban tặng những con người khốn khổ ấy. Ông hộ Hiếu luôn luôn tin rằng Hoa là con của thánh của Phật - Bà Pháo không dám tin như vậy, nhưng khi trông thấy Hoa càng lớn lên càng xinh đẹp, càng thông minh thì bà lại càng vô cùng lo lắng. Ông hộ Hiếu bảo bà đừng lo, ông đã có cách. Bà bảo cách gì, ông chỉ mỉm cười. Từ khi ấy, ông lo tích cóp tiền bạc. Đó là điều trái ngược tính cách của ông. Ông Hộ thường bảo: "Trời Phật ban cho tôi có thể chữa bệnh cứu người. Tôi không cứu mà chính trời Phật đã cứu giúp mọi người. Vì vậy tôi không lấy công. Nếu mà tôi vì tiền, hoặc là phép bùa của tôi sẽ mất linh nghiệm, hoặc là tôi sẽ bị trừng phạt, bị giảm thọ, bị bất đắc kỳ tử". Nhưng, bây giờ thì khác, ông đã làm lễ trước pho hộ pháp, xin đức Phật từ bi cho phép ông lấy một chút tiền, một chút thôi gọi là, để có thể giúp đỡ cho con gái... Dù có bị trừng phạt thế nào ông cũng xin chịu, miễn là con gái ông được giải thoát.

Đó là câu chuyện gần hai chục năm về trước. Bây giờ cô Hoa đã lớn và thím Pháo đã già.

Ông hương Ất nhìn thím Pháo, bảo:

- Việc này quan trên sức về rất quan trọng. Phải rao ngay cho cả làng đều rõ. Bắt đầu từ ngày hôm nay, lệnh đã cấm rồi đấy. Ai phạm phải quan trên quyết chẳng

dung tha... Nhưng này... mụ làm sao thế? Ta trông mụ có vẻ uể oải.

- Dạ thưa ông Hương. Tôi có hơi mệt nhưng không sao đâu ạ. Tôi xin đi rao ngay.

Thím ba Pháo đi từ xóm Giếng đến xóm Đình giữa làng, tới xóm cây Gạo rồi quay lại rẽ ra xóm Vườn tức xóm đạo. Đến xóm nào thím cũng gõ ba hồi mõ cho mọi người chú ý, rồi cất giọng lanh lảnh:

... Cấm làng đốt đuốc chôn đêm

Cấm dân tụ họp quá trên hai người...

Thím Pháo rất khéo miệng. Người ta bảo thím có tài xuất khẩu thành thơ. Nghe vậy, thím chỉ cười. Thực ra, có phải thơ thẩn gì đâu. Thím chỉ thích biến báo cái lệnh truyền thành hai câu có vần cho người ta dễ nhớ.

Đi gần hết buổi sáng mới đến xóm Vườn là xóm cuối cùng. Đứng ở đầu xóm, chưa kịp đánh ba hồi mõ, thím chợt thấy bụng đau quặn không tài nào chịu nổi. May mà xóm Vườn cách làng chính một quãng đồng. Thím vội vàng ôm bụng chạy ngay vào đám ruộng ngô tốt um gần đấy. Thím vén váy ngồi thụp ở giữa ruộng. Ngô xanh rờn che kín. Ngay lập tức thím bị miệng nôn trôn tháo. Nôn ra toàn là nước. Tháo ra toàn một thứ nước trắng nhợt. Vừa đi xong, thím đã cảm thấy chân tay lạnh ngắt, run lẩy bẩy, đứng lên không vững nữa. Thím cố sức theo rãnh ngô bò ra bờ ruộng. Mặt mày xây xẩm. Bầu trời quay cuồng. Thím gượng đứng lên song chỉ được vài bước đã ngã lăn quay ra đất. Cái mõ và chiếc dùi bóng loáng cũng văng vào ruộng cà.

Hoa được tin, chạy vội đến cõng mẹ về nhà. Thím Pháo thì thào bảo con:

- Gọi ông ấy đến cho u. Nhanh lên!

Hoa ra chùa, thấy ông hộ Hiếu đang như con hổ bị nhốt, đi đi lại lại trong sân. Sớm hôm nay, ông Hiếu bỗng lên một cơn bứt rứt. Ông Hộ rất ngạc nhiên vì ông vừa mới hết một cơn thánh ốp khoảng vài hôm. Thường thường, khoảng cách giữa hai cơn ốp đồng là ba, bốn tháng. Sao lại có thể có hai cơn thánh ốp gần nhau đến như vậy. Trước mỗi cơn, ông thường cảm thấy bứt rứt, ăn uống lạt mồm lạt miệng, rồi máy mắt sau đó mắt sáng lên, đầu óc lâng lâng ngây ngất. Những lúc như vậy, ông thường ngồi im dưới chân pho hộ pháp, thắp ba nén nhang, khấn vái và nhìn vào bát nước trắng. Dần dà đầu óc ông đi vào cõi lơ lơ lửng lửng. Một tiếng nói siêu thường ở đâu chẳng rõ lúc ấy bỗng nổi lên thì thầm nhắn nhủ, chỉ dẫn cho ông. Những khi ấy, bát nước chè rừng đặc quánh, đắng ngắt bỗng trở nên vô cùng ngọt ngào đối với ông. Tuy nhiên, hôm nay hoàn toàn khác. Uống nước chè đặc vào sao lại thấy đắng lạ lùng. Đốt đã hai tuần nhang vẫn chẳng nghe thấy tiếng thì thầm nổi lên trong óc. Bát cơm lùa vào miệng vẫn thấy ngon chứ không lạt lẽo và khô như rơm như mọi bận. Riêng chỉ có trong bụng, ông cảm thấy nóng bỏng như có ai đốt lửa. Vậy không phải sắp lên cơn thánh ốp. Vậy có điều gì đã xảy ra đây? Ông băn khoăn tự hỏi. Chính lúc ấy, Hoa hớt hải đến gọi:

- Thầy ơi! Thầy ơi!

Nhìn mặt đứa con gái, ông biết chuyện gì đã xảy ra. Ông giật giọng hỏi:

- U mày làm sao rồi có phải không?

Hoa khóc:

- Thầy ơi! U con... ngã ngoài ruộng. Con mới cõng về.

Mọi thứ thuốc lúc nào cũng sẵn sàng trong một cái bọc. Không nói thêm nửa lời, ông hộ Hiếu cầm bọc thuốc, nắm tay con gái, chạy vội về ngôi nhà mõ. Con chó Vện nằm ở thềm nhà nghển cổ như cũng đang nóng lòng chờ đợi. Thấy hai cha con vào sân, nó đứng dậy ve vẩy đuôi, rồi bước theo ông đến tận giường thím Pháo.

Nghe thấy tiếng chân người, bà Ba choàng mở mắt. Ông Hộ cho bà uống một chút sái thuốc phiện, sau đó mài nhục quế đổ vào miệng bà. Thím Pháo để cho ông săn sóc, rồi nắm lấy tay ông:

- Thôi... Chả cần nữa đâu ông ạ. Tôi nghe ngóng trong người mình, tôi biết mà...

- Sao bà nói lạ! Bà không nhớ sao... hai chục năm về trước, cũng như thế này, thế mà bà có việc gì đâu. Bà phải tin ở tôi chứ.

- Lần trước khác, lần này khác.

- Chẳng có gì khác.

- Khác chứ. Lần này tôi phải nặng lắm. Ông xem tay tôi có lạnh không? Chân tôi có lạnh không? Tôi không nhấc lên nổi nữa.

Ông Hộ nói cứng nhưng trong lòng rối bời. Ông dùng hai bàn tay nổi tiếng thần kỳ của mình xoa bóp cho bà:

- Bà yên trí, tôi sẽ làm cho chân tay bà nóng lên.

Thím Pháo nở một nụ cười trên đôi môi trắng bệch của mình:

- Ông ạ, tôi biết chứ. Tôi biết ông thương tôi lắm chứ. Nhưng ông hãy nghe tôi nói đây này...

Ông hộ Hiếu ghé sát đầu lại gần đầu thím Pháo để nghe cho rõ những tiếng thều thào của bà.

- Tôi đi... thì cũng được rồi... chỉ còn lo cho cái Hoa... Ông cố lo cho con... Chúng ta đã tính rồi đấy... Phải... ở làng... thì không ngóc đầu... lên được đâu.

- Tôi biết... Tôi biết - Ông già cay đắng gật đầu.

- Phải thoát kiếp mõ.

- Tôi hiểu... tôi hiểu - Ông già rưng rưng đôi mắt.

- Phải bỏ làng mà đi... lấy chồng... thiên hạ...

Thím Pháo đã mệt lắm. Hình như đã dặn dò xong. Cũng chẳng muốn nói thêm gì nữa. Bà se sẽ nắm tay ông đặt lên ngực bà. Bà định nói gì? Có lẽ bà muốn nói rằng cái lạnh đã từ chân bò lên tới ngực. Cũng có thể đó là cử chỉ đằm thắm cuối cùng mà bà chỉ dành riêng cho ông. Đôi mắt bà ngước nhìn Hoa, nhìn ông. Đôi mắt trừng trừng đột nhiên ngây dại, trở nên thất thần, nhưng chúng cũng còn kịp để ứa ra hai giọt nước long lanh cuối cùng. Hai cha con nức nở. Ông hộ Hiếu bảo con gái:

- Hãy quỳ xuống lạy mẹ con lần cuối đi.

Cô gái làm theo lời cha. Cô khóc thật to:

- U ơi!... U ơi!

7

Những nguồn tin ở đồn điền báo cho cụ tú Cao và Trịnh Huyền biết Julien rất chú ý tới Huy và Tuấn. Người ta đã viết giấy hỏi tỉnh và cả sở mật thám Hà Nội.

Huy bảo Tuấn: "Bọn Tây có thể đặt câu hỏi: Tại sao

trong mùa dịch tả, lại có hai người thành thị về chốn thôn quê vừa hẻo lánh vừa nguy hiểm này? Họ về để làm gì? Người ta ngờ vực là lẽ tất nhiên. Chẳng chóng thì chầy, rồi chúng sẽ biết bọn mình là ai. Ở chốn hẻo lánh này, bị bọn chúng bắt thì rất phiền. Ở đây, Tây đồn điền chẳng khác gì ông vua. Họ có giết chết ta cũng chẳng hề ai biết. Chi bằng ta tạm lánh khỏi làng ít lâu".

Huy đưa Tuấn đến lánh tại trang trại của một người bạn tên là Quế. Sau đó, anh đến những cơ sở khác, hôm nay mới quay lại. Quế bạn Huy, cũng bị đuổi học trong vụ để tang cụ Phan Chu Trinh, cho nên cái trang trại nhỏ của anh cũng là cơ sở đi lại của Huy. Mảnh đất ấy còn hoang vu, nhiều cây cối um tùm rậm rạp, gần đường số 6. Quế thuê trồng cây ăn quả cam, bưởi... và chừng vài hec ta cà phê. Lại nhân có sẵn một cái vũng, anh cho sửa sang, đào sâu thêm, tạo thành một cái ao thả cá, lấy nước từ một con suối nhỏ. Thực ra, lời lãi từ trang trại này chẳng có gì, nhưng gia đình Quế buôn bán giàu có, nên nơi đây là chốn nghỉ ngơi nhiều hơn một cơ sở kinh doanh. Quế, cũng như nhiều thanh niên khá giả lúc đó, thường không có đầu óc thực tế, không có đầu óc kinh doanh. Họ sống mơ mộng là chính. Chỉ nhìn cái nhà của anh, đã biết ngay tâm tính ông chủ. Đó là ngôi nhà sàn của người Mường. Không hiểu sao, từ thời đó các cậu công tử Hà Nội đã rất thích chiếc nhà sàn của người miền ngược. Sở dĩ Quế nằng nặc bắt cha mẹ mua quả đồi trang trại này cũng vì ngôi nhà sàn ấy. Ngôi nhà toàn gỗ tốt, không to lắm, khá xinh xắn, quay hướng Nam, trên một thửa đất bằng phẳng gần chân đồi. Quế sửa chữa lại cho tiện nghi hơn. Quế sai xẻ gỗ, thay sàn nứa bằng ván,

và bưng vách chung quanh cũng bằng ván. Lại ngăn ngôi nhà thành hai buồng. Buồng trong để ngủ. Buồng khách, ván bào nhẵn nhụi, trông sáng trưng. Giữa phòng khách có một bếp lửa kiểu miền núi, khách có thể ngồi bệt xuống sàn quanh bếp lửa để hàn huyên. Quế cũng tập vẽ, nên có Tuấn đến ở cùng, anh thích lắm.

Công việc của Tuấn hàng ngày là vẽ. Quế cũng vậy.

Hôm nay mưa phùn. Hiếm khi mới có dịp để ba người bạn cùng ngồi quanh bếp lửa. Họ nướng ngô, nướng thịt, uống rượu. Những miếng thịt nai sấy khô, nướng lên thơm phức. Thịt có chỗ dai, có chỗ giòn, phải nhai rất lâu, càng nhai lâu càng thấy ngọt. Tuấn chưa được ăn thịt nai khô bao giờ cứ tấm tắc khen ngon hơn mực nướng. Huy nói cho Tuấn biết tình hình làng Cổ Đình nửa tháng từ lúc anh rời làng:

- Có vẻ lắng yên. Không thấy bọn Tây đồn diễn động tĩnh gì. Tình hình bệnh dịch cũng lắng xuống. Cậu cháu Điều nhà anh, may không đem đi chôn, nên đã sống lại. Cụ Tú bảo trận dịch tả đợt trước, cách đây hai mươi năm, làng mình chết vợi gần một nửa. Trận dịch này mới chết bảy lăm người. Như thế là chết ít hơn. - Huy nói có vẻ phấn khởi - Một phần cũng nhờ tổ tương tế. Tổ đã phổ biến cho dân phải uống nước sôi và tránh ruồi.

Tuấn tóp tép nhai miếng thịt khô nướng ngẫm nghĩ một lúc lâu. Hình như anh có điều tâm sự. Mãi Tuấn mới bảo Huy:

- Cậu còn nhớ lúc chúng mình lên Lạng Sơn không. Bận ấy trong những ngày ốm ở nhà ông già thổ mình đã suy nghĩ rất nhiều về bản thân và về cậu. Về làng Đình,

mình càng lúc càng hiểu mình hơn. Rồi có lúc mình lại thấy mình chẳng hiểu gì mình cả. Nói thực mình thấy phục cậu, yêu quý cậu, trọng nể cậu. Cậu gan dạ. Cậu kiên quyết. Cậu tin tưởng. Có lẽ ở mình thiếu những đức tính ấy nên mình càng yêu cậu chăng. Nhưng xét cho cùng, mình vẫn chỉ là một kẻ ưa lông bông, một lãng tử. Cậu đang làm việc lớn, thay sông đổi núi. Cậu dám vứt bỏ tất cả... dám làm những việc mà người bình thường không dám làm...

- Chao ôi! Sao hôm nay ông bạn tôi dài dòng thế. Cậu thử nói ngắn gọn thôi xem sao.

Tuấn vẫn như xúc động nhưng cuối cùng cũng trả lời:

- Thực ra, mình không có tư chất như cậu. Mình bao giờ cũng là người tán thành ủng hộ cậu. Nhưng mình phụng sự cái đẹp thì hơn. Có lẽ đó là điều mình đam mê...

Quế hồn nhiên nói to, phá vỡ sự nghiêm trang của hai người, giúp cho Tuấn thoát ra khỏi lúng túng:

- Đúng đấy! Hoan hô cái đẹp. Cái đẹp muôn năm. Thôi, gác những chuyện to tát ấy lại. Có lẽ lúc này chúng ta nên uống rượu là đúng hơn cả. Rượu ngon đấy. Rượu nếp hương do ông già trong bản đặc biệt cất riêng cho mình đấy. Quế rót rượu cho mọi người rồi nghêu ngao ngâm mấy câu thơ của Lý Bạch:

... Thềm cao, gương soi, sầu tóc bạc
Sớm như tơ xanh, chiều như tuyết
Đời người đắc ý, uống say tràn.

Huy cười:

- Hóa ra cậu là kẻ sợ tóc bạc.

- Mình chẳng sợ, nhưng bạn ơi, tóc bạc nhanh lắm. Mà mình là kẻ ham vui. - Quế trả lời.

- Cả mình nữa. Mình là kẻ lông bông tìm vui. - Tuấn đế vào.

Quế nói:

- Mày đi với tao sẽ tìm được rượu ngọt. Còn đi với thằng Huy, khéo chẳng lại uống rượu đắng.

Huy vốn nghiêm trang. Tuấn thấy trán Huy hơi cau lại, vội nói:

- Rượu ngọt làm ta mềm môi. Rượu đắng làm ta hiểu đời.

Quế chợt cười phá lên:

- Thôi! Thôi nào! Nghiêm trang quá làm gì thêm khổ thân.

Nói xong, Quế đứng lên lấy thêm mấy miếng thịt khô để lên bếp than. Ở ngoài rừng, con chim gọi vịt kêu trong màn mưa thật buồn. Họ thôi chuyện gẫu, nhai những miếng thịt già lửa nóng giãy, giòn tan, thơm phức.

Bên bếp lửa nhà sàn, Tuấn trang trọng lấy một tờ giấy trắng to trải ra làm nền, rồi lần lượt đặt những bức ký họa mà anh vẽ từ ít lâu nay lên cho hai người bạn xem.

Đầu tiên là những bức "gái quê", những bức chân dung về cô gái có khuôn mặt tròn vành vạnh như trăng rằm, mà Huy đã nhiều lần xuýt xoa rằng cô là một mỹ nhân.

Quế sáng mắt gật gù khen ngợi. Và chính cậu ta cũng cho rằng đúng cô ta là một mỹ nhân. Nghĩ đến hai chữ

ấy, Tuấn lại nhớ đến lời cầu xin của thím Pháo khi Tuấn vẽ cô Hoa.

- Người đẹp trong tranh thế kia phải là con gái nhà quan. Còn phận hèn mọn như chúng tôi, đẹp như tranh thế kia chỉ thêm khổ vào thân. Cậu Tuấn ơi! Tôi van xin cậu. Đừng vẽ hình em nó nữa. Nói thật với cậu, tôi chỉ mong cái Hoa lấy được chồng hơn là mong nó đẹp.

Sau khi nghe câu nói ấy, Tuấn buồn hẳn đi. Và anh về Hà Nội nửa tháng, để mặc cho Huy với lớp học. Khi trở lại làng, Tuấn bảo Huy:

- Mỹ nhân dạo này ra sao?... Thực ra, nó là em họ tôi đấy... Tao nói như vậy mày có hiểu không? Và cái chuyện tao về Hà Nội mày có hiểu không? Hay là...

Huy không để cho Tuấn nói tiếp, anh lặng lẽ nói:

- Mày phải hiểu... Không được nghĩ bậy... Mày không biết tao trân trọng cô ấy như thế nào đâu. Nhưng mày cũng phải hiểu những người như tao... lúc này... có làm được gì... cho cô ấy không.

Và trong lúc xem tranh này, Tuấn liếc mắt, chợt bắt gặp một nét buồn thăm thẳm trong mắt Huy. Đó là điều Tuấn chưa bao giờ thấy ở bạn.

Tiếp theo là bức tranh đám ma, một bức tranh vừa mới vẽ.

Những bó duốc chập chờn. Một đứa trẻ và một người đàn bà xõa tóc. Cả hai xốc xếch tơi tả. Mảnh khăn xô trắng được ánh lửa đuốc nhuộm đỏ trông như nhuộm máu loang lổ. Thấy rõ cả những giọt nước mắt nhuộm lửa long lanh. Màu đen và đỏ chủ đạo đan xen nhiều sắc độ. Có chỗ đen óng ánh than đá; có chỗ mờ xỉn như tro bếp;

có mảng đen kịt, mù lòa, hũ nút địa ngục. Ở phía xa, trong bầu trời mù mịt, lại lóe lên ánh đuốc của một đám ma khác. Nó như từ âm ti hiện ra ở phía sâu thẳm của bức tranh. Cái ánh lửa ở chỗ tận cùng ấy lóng lánh, run rẩy và bí hiểm. Nó làm ta liên tưởng tới một tiếng khóc vô thanh mà ta không thể nghe thấy nhưng cảm thấy.

Quế hỏi:

- Đám ma thời thổ tả. Buồn và rờn rợn.

- Mình đi chôn đêm cùng tổ tương tế một bận. Bây giờ nhớ lại mà vẽ. Vẽ rồi xóa. Xóa rồi lại vẽ. Chẳng biết thế này đã được chưa? Mệt quá nên dừng ở đây.

Huy nói với Tuấn:

- Bây giờ thì mình hiểu cậu. Có lẽ, cậu chuyên tâm vào nghề vẽ cũng là phải...

Tuấn thú thật với hai người bạn:

- Các cậu ạ, không hiểu sao mấy năm nay lúc nào tớ cũng thấy bồn chồn. Lúc mình lên Lạng Sơn với Huy, chẳng qua tưởng có thể giải được nỗi bồn chồn ấy... nhưng không được. Rồi về quê, đi dạy học cho dân làng, đi chôn đêm cho những con người khốn khổ... Tưởng rằng sự tĩnh lặng chất phác của chốn thôn dã có thể giúp được mình chăng... Nhưng mình hiểu ra mình lại nhầm một lần nữa. Các cậu sướng hơn mình thật... Các cậu có một mục đích... Có lẽ lần này, mình thử đi xa một chuyến xem sao... ừ, không đi với ai cả... Đi một mình thôi... Vào Sài Gòn chẳng hạn... Các cậu nghĩ thế nào?...

Huy nhìn Quế. Hai người nhún vai. Họ chẳng nói gì cả. Còn Tuấn lại tiếp tục dòng suy nghĩ của mình:

- Có lẽ như thế là phải... Có lẽ còn lâu mình mới trở lại Cổ Đình. Về gần rồi lại đi xa... Có lẽ phải xa quê hương một chút, mình mới hiểu hết về nó chăng... Không hiểu sao mình cứ nghĩ rằng nỗi bồn chồn của mình bắt nguồn từ đấy.

Hôm sau, một chiếc xe ngựa chở Tuấn và Huy đi trên đường cái. Đến chỗ rẽ về Cổ Đình hai người bạn chia tay nhau. Huy bảo: "Rồi chúng mình sẽ lại gặp nhau. Chóng thôi". Tuấn cười: "Cậu tin thế à?". Huy: "Mình tin chắc. Những người trong sáng như cậu chắc chắn sẽ đi với chúng mình".

Thế là hai chàng thanh niên về làng: một về rồi lại đi xa, xa để hiểu quê hương mình hơn, người kia về với ý nghĩ tốt đẹp, hào hùng muốn làm thay đổi cái làng quê nhỏ bé, tăm tối của mình.

Huy xuống xe ngựa, chờ tối mới mò về làng.

Huy nhằm thẳng bóng cây đa định bước theo lối mòn dẫn về chỗ miếu "đại thụ linh thần". Song anh vốn cảnh giác nên thầm nghĩ: "Ta không nên đi theo cổng chính. Đi theo cổng phụ vẫn hơn". Nghĩ rồi, anh tạt ngang theo bờ ruộng tìm đến cái trổ tre, chỗ người ta mở lối ra đồng khi đưa đám ma bà cả Cỏn. Anh phải tháo lạt, dỡ những đống giong gai chi chít, sau đó phải rấp lại cẩn thận mới vào được khu vườn rộng nhà lý Cỏn, rồi lại từ đó đi tắt sang vườn cụ tú Cao. Thấy Huy, cụ Tú giơ tay lên mồm ra hiệu không được nói. Cụ thì thầm:

- Chết chửa! Sao anh lại về. Động to rồi. Có tin báo bọn Tây bảo anh tham gia "hội kín". Chúng vào hỏi tôi. Tôi chối phắt nói rằng anh chỉ dạy học và cùng dân làng giúp nhau chôn người mắc bệnh dịch. Chắc chúng còn nể

tôi nên không hoạnh họe gì thêm. Riêng anh, có lẽ chúng đã biết hết và định bắt. Đêm hôm qua, chó cắn rộ ở ngoài ngõ gần suốt đêm. Đêm nay, chập tối chó cũng cắn rộ một hai đợt rồi. Chắc chúng đang rình rập tìm anh...

Huy tính toán rất nhanh: Mình sẽ luồn theo vườn các nhà đến nhà ông Huyền. Ở đó cây cối rậm rạp, lại gần hồ. Vượt qua đồi sang sông cũng tiện, hoặc lẩn xuống hồ cũng tiện... Lẩn qua chục cái vườn mới đến ngõ Nhãn. Ngõ này nhiều cây nhãn rậm rịt quanh năm. Cái ngõ sâu tối om, Huy phải căng mắt ra để nhìn vào đêm tối tìm lối đi. Điều Huy chưa tính hết là dù tối đến thế nào cũng không thể che mắt được lũ chó. Bọn chó nhận biết bằng tai và mũi rất tinh. Khi lẩn trong các vườn còn đỡ. Nhưng khi Huy chuyển từ vườn sang các ngõ tối thì khác hẳn, bởi vì các nhà đều quay ra ngõ, mà chó cũng hướng sự chú ý của chúng vào các ngõ. Huy nhón chân bước khẽ, cố tránh gây ra tiếng động. Tuy nhiên, dù cố thế nào cũng không thể tránh được vấp váp, Huy đã đá phải một hòn gạch. Thế là một con chó gần đấy phát hiện ra, cắn rộ lên. Toàn bộ lũ chó xóm Nhãn bị đánh động đều cảnh giác hết. Huy đi tới đâu, lũ chó sủa theo đến đấy.

Julien đã nhận được lời cảnh báo của sở mật thám Hà Nội. Huy là ai và đã làm những việc gì Julien đều biết hết. Hắn đã bày binh bố trận định bắt gọn Huy. Trong cuộc vây bắt này, có mặt cả hương Ất, quản Boong, tuần đinh...

Mấy hôm trước, quản Boong đến nhà cụ tú Cao. Cụ Tú đang cho con sáo đá, kỷ niệm của cụ đồ Tiết ăn chuối. Cụ không muốn tiếp nhưng không biết làm cách nào đuổi quản Boong đi. Boong thì vẫn bỗ bã. Hắn muốn ép

cụ Tú phải làm quen với mình, cái lối ép trơ tráo bài bây mà khi xưa hắn đã làm với cụ đồ Tiết. Hắn bảo:

- Cụ Đồ quy tiên, thế là tôi bơ vơ. Chẳng có bạn chơi cờ. Mấy hôm nay ngứa ngáy chân tay quá. Vì thế tôi mới mò sang đây.

- Sao lại sang đây?

- Vì cụ là nhà nho. Nhà nho nào chẳng biết chơi cờ.

Nghe quản Boong nói, cụ Tú đã rất bực mình. Trông thấy thái độ làm quen trâng tráo của quản Boong, cụ Tú mới thấy thương người bạn đã quá cố. Cụ đồ Tiết, vì đã bị đày đi Côn Đảo, nên dù sao cũng phải nhẫn nhục mềm dẻo. Còn cụ, cụ cần gì, cụ sợ gì ai có thể bắt nạt. Tuy nhiên cụ có chủ ý nên bảo:

- Hồi cụ Tiết còn sống, tôi có nghe nói về tài đánh cờ của ông?

- Cụ Tiết có nói với cụ về tài đánh cờ của tôi ư? Hà hà...

- Có nói. Cụ ấy bảo... À mà tôi sẽ hầu ông mấy ván cờ... Mà... chỉ ba ván thôi nhá.

Hồi còn đi học, cụ tú Cao đã học chơi cờ. Bé nhất trường nhưng cụ vô địch. Lăn lóc trên đường đời, đã lâu cụ không động đến bàn cờ. Tuy nhiên, quản Boong đâu có thể là đối thủ của cụ. Cụ ít tiếp xúc với ông quản này, đây là lần cọ xát đầu tiên. Qua những trận cờ, tâm tính con người này lồ lộ hiện ra. Ván đầu tiên hai người cầm hòa. Thực ra, cụ cầm hòa là để tìm hiểu đối phương. Ván thứ hai, cụ Tú thắng sau nửa tiếng. Đến ván thứ ba, cụ Tú thắng rất chóng vánh, chỉ mất hai mươi phút. Nhìn ông Quản mặt đỏ phừng phừng, bàn tay còn run run, cụ Tú điềm nhiên nói:

- Người ta có thể đánh cờ để tìm người tri âm tri kỷ. Người ta có thể đánh cờ mà biết được tính nết người chơi. Ai ra sao, tâm tính người ấy hiện rõ ngay trên bàn cờ. Có cờ quân tử, có cờ tiểu nhân... Riêng tôi, tôi làm nghề thầy lang nên tôi có thể đánh cờ biết bệnh...

- Sao? Lại có chuyện đó ư? Tôi chưa được nghe thấy bao giờ... Tiện đây, cụ có thể cho biết...

- Vâng vâng... chính thế... Tôi đã bỏ cờ từ lâu... Nhưng nhìn sắc mặt ông... tôi bằng lòng đánh ba ván... sở dĩ thế vì muốn biết xem bệnh ông ra sao.

- Xin cụ... chỉ giáo cho tôi... được biết...

- Quả là tôi đoán không sai... ông là con nhà võ... Thích chém tướng cướp cờ... Thích táo tợn, sát phạt... Sát khí trong phép đánh cờ của ông bốc lên ngột ngạt quá. Nóng nảy... Muốn đè bẹp người ta ngay... Cái hỏa luôn luôn bốc lên đầu. Ông hay nhức đầu có đúng không? Có lúc tức giận thấy hai thái dương giần giật... Ông đưa tay tôi bắt mạch xem sao... Đúng rồi. Tay ông còn run lên đây này... Mặt ông đỏ bừng... Hỏa quá vượng... ông đốc tờ Alexandre, ông con rể tôi, bảo bệnh này là bệnh huyết áp cao... Rất dễ đột tử. Ông không biết giữ mình cho cẩn thận... để cho tính nóng nảy... nhẹ dạ hoành hành thì nguy... Có người chỉ vì một cơn tức giận... hiếu thắng mà sinh ra đứt mạch máu, bất đắc kỳ tử...

Cụ Tú vừa đoán bệnh thực sự, vừa dọa nạt xua đuổi, làm cho quản Boong vừa sợ, vừa bán tín bán nghi, lại cả vừa thẹn nữa. Hắn nghe lời Julien đến nhà cụ Tú dò xét, lân la... song sau cái lần ấy, hắn cứ thấy ngài ngại.

Hắn nghe lời Julien còn mò đến gặp ông hộ Hiếu. Julien bảo những nơi hẻo lánh, nơi cư ngụ của những

con người nghèo khổ, kỳ quái như ông Hộ, là nơi những kẻ phiến loạn thường hay bắt mối dựa vào. Một hôm, hắn đến ngôi chùa đổ. Quản Boong nửa nạc nửa mỡ:

- Cụ Hiếu, đáng lẽ nơi này thuộc của tôi chứ không phải của cụ.

- Cũng phải! - Hộ Hiếu trầm ngâm gật đầu. - Ngày xưa thầy tiểu Đơm, bố ông, được sư cụ chùa này nuôi từ lúc lọt lòng. Đáng lẽ thầy Đơm phải nối pháp trụ trì ở đây. Tiếc một nỗi, thầy Đơm lại không dứt được hồng trần, chỉ một lòng thích đi gánh nước để ngắm những bụng chân trắng của các cô gái làng ở giếng thơi...

- Cụ nói lăng nhăng gì thế?

- Nào tôi có đơm đặt. Thầy tiểu Đơm lớn hơn tôi nhưng lúc bé tôi cũng còn nhớ, trẻ con trong làng còn đi theo chú tiểu hàng đàn để đọc vè...

- Thôi thôi! Cụ chớ dài dòng...

- Còn một điều tiếc nữa, là sau lúc sư cụ chết, thầy tiểu Đơm lại bỏ bên đời, đi bên đạo... Thành thử... tôi là người đến chùa này sau, khi chùa đã đổ, lại phải gánh vác việc trời hành...

- Trời hành! Cụ có nói dùa không đấy... Bao nhiêu người xin bùa, bao nhiêu người cúng lễ... Người ta bảo rằng cụ sống tươm tất lắm... Ăn không hết... Đêm đêm còn bố thí cơm ăn cho... những người sa cơ lỡ bước... Có phải không?

Ý quản Boong nói bóng gió đến tin đồn rằng hộ Hiếu còn cưu mang nuôi giấu những người hội kín. Còn cụ hộ Hiếu thì điềm nhiên không để ý đến lời bóng gió kia. Cụ già mơ mơ tỉnh tỉnh cứ đi theo những suy nghĩ đau buồn riêng của mình:

- Tươm tất ư?... Ai có muốn tranh cái chức ông hộ trời hành này tôi nhường cho dấy. Ông tưởng quý hóa lắm hả?... Ông nhìn ra sân chùa mà xem, bao nhiêu oan hồn quỷ đói đương chầu hẫu ra kia kìa... Ông tưởng nghề phù thủy sướng lắm phải không? Bạc bẽo... bạc bẽo! Chúng chỉ chờ thời dấy thôi... Kìa con quỷ đầu trọc ngồi sau lưng ông đấy. Nó đang sẵn sàng... Mình không cao tay là lũ âm binh chúng phản mình luôn. Chúng không nương tay đâu... Cả vợ con mình... được dịp là chúng bắt đi luôn...

Cụ hộ Hiếu đến lúc ấy mới nhận ra mình đang nói chuyện một mình, vì quản Boong nghe những lời điên khùng, quái gở của cụ đã chuồn ra khỏi chùa từ lúc nào không hay. Đấy là chuyện chập tối. Ông cụ hộ Hiếu đang đau buồn sầu não vì thím Pháo chết thì quản Boong đến quấy nhiễu. Cụ hộ Hiếu cứ âm thầm tự trách mình. Cụ cho rằng nghề phù thủy rất tổn âm đức. Vì thế thím Pháo mới chết. Bây giờ pháp thuật của cụ kém rồi, âm binh nó làm phản. Khi thấy không có mặt quản Boong nữa, cụ đứng dậy đi sang nhà thím Pháo, vừa đi vừa chửi thề.

- Mẹ cha nó! Nó tưởng ông sướng lắm phải không. - ông sụt sịt. - Bà ơi, tôi làm khổ bà rồi. Mẹ cha nó. Trời hành! Tưởng béo bở lắm phải không? Chúng mày thích thì ông nhường cho dấy.

Trong lúc ấy, quản Boong đã nhập vào toán đi tuần. Đi đầu là hương Ất rồi Julien. Đi sau là mấy anh tuần đinh. Quản Boong nghe cụ hộ Hiếu lảm nhảm cứ thấy ghê ghê. Hắn đi giữa đám người song vẫn tưởng tượng ra những bóng hình lũ âm binh mà hộ Hiếu nói vẫn lởn vởn trong bóng tối của những lùm tre, cây nhãn.

Chợt nghe thấy tiếng chó sủa rộ lên ở phía ngõ Nhãn. Dù chẳng trông thấy ai, hương Ất vẫn hét toáng lên: "Bắt lấy nó! Bắt lấy nó!".

Huy nghe thấy tiếng chân rầm rập và tiếng thét ở xa, Huy nghĩ: "Đi theo ngõ Nhãn tối om này thể nào cũng gặp chúng. Tiếng chân xa còn kịp. Chi bằng ta rẽ vào nhà thím Pháo ở ngay gần đây. Thím Pháo và Hoa là những người sẵn sàng giúp ta".

Con chó Vện nghe tiếng chân người định sủa. Huy cất tiếng nói rất khẽ nhưng đủ để cho con vật nhận ra người quen: "Tao đây mà". Vì Huy hay đến gặp Hoa nên con Vện đã thuộc hơi thuộc tiếng. Con chó đứng ve vẩy cái đuôi, sau đó lẳng lặng đến nằm ghếch mõm lên bậu cửa, trên thềm hè.

Huy bước vào trong nhà. Trên đĩa dầu lạc, ngọn bấc nhỏ xíu liu riu cháy, tỏa bóng lờ mờ xuống cái không khí thê thảm. Trên chiếc phản kê ở gian bên, một chiếc chiếu lù lù đắp lên một xác người. Chiếc chiếu ngắn để thò ra hai chân. Ở đằng đầu chiếu là miếng giấy bản phủ lên mặt người nằm đó. Ở góc nhà, Hoa ngồi khóc, tóc xõa rũ rượi. Trên chiếc chõng, ông hộ Hiếu ngồi bó gối, tóc tai dựng ngược. Đến lúc này, nhìn quang cảnh, Huy mới biết bà ba Pháo đã mắc dịch chết. Cũng đến lúc này, anh mới hiểu tại sao hôm nay mình lại nóng ruột đến vậy. Không đợi Huy hỏi, Hoa nói: "Mẹ em mới chết hôm nay".

Ông già điên khùng đang ngồi bó gối chợt ngẩng đầu lên khi nghe tiếng chó sủa ở đầu ngõ. Rồi lại nhìn thấy thái độ nhớn nhác của Huy. Rồi lại nghe tiếng quát tháo của quản Boong, hương Ất. Ông già phù thủy chợt hiểu ngay tình hình. Huy thì thầm:

- Bọn chúng nó đang đuổi bắt cháu. Bác ơi, trốn vào đâu bây giờ?

Hoa đưa mắt nhìn bố, nhìn Huy, nhìn chung quanh.

Tuần đinh đã ồn ào ngoài ngõ. Con Vện từ hè phi ra sủa inh ỏi. Con chó cắn rất dữ. Nó vừa cắn vừa lùi nhưng cũng đủ làm chậm bước đoàn người tiến vào.

Ông hộ Hiếu vẫn đang nhìn quanh. Riêng Hoa chỉ nghĩ một thoáng mắt cô đã sáng lên. Cô cầm tay Huy đến bên giường mẹ. Cô ra hiệu cho anh ngồi xuống, rồi đẩy anh chui vào gầm giường người chết. Huy chẳng kịp ngần ngừ. Thoắt một cái, anh đã nằm trong bóng tối, dưới cái gầm giường tanh tưởi, thối tha... Đến lúc ấy, anh mới nhận ra tay mình vừa chạm phải cái gì đó nhờn nhờn, ươn ướt trên mặt đất. Anh rùng mình, chợt hiểu đó là chất thải từ xác người chết dịch đã từ trên giường nhỏ xuống dưới. Cũng đến lúc này mũi anh cũng mới hồi tỉnh lại. Nó ngửi thấy một mùi hôi thối tanh lộn mửa xông lên nồng nặc. Cơ hồ anh muốn nôn oẹ nhưng anh cố hết sức kìm nén lại.

Ở ngoài sân, tiếng hương Ất hách dịch vang lên bắt nọn:

- Mụ mõ đâu? Mụ Pháo đâu? Chúng bay lục soát cho thật kỹ. Ta vừa thấy bóng một thằng chạy vào đây.

Hoa ngồi bên giường mẹ, khóc nấc lên:

- Ối mẹ ơi là mẹ ơi! Mẹ chết thảm thương thế... mà người ta còn đến hành hạ thế này đây... Ối trời cao đất dày ơi!...

- Sao? Sao? Mụ Pháo đâu?

- Bà ấy đây này! - Ông hộ Hiếu chạy đến, lật chiếc chiếu và miếng giấy bản ra.

- Chết dịch hả? - Julien xì xồ hỏi.

- Bẩm quan lớn, chết thổ tả ạ. - Ông già nói to.

- Chết thổ tả ư? - Hương Ất đứng sững ở giữa nhà vừa nhìn người chết, vừa hỏi.

- Xin mời quan lớn đến khám xét.

Hương Ất liếc nhìn quanh rồi nói rất nhân nghĩa:

- Mới chết hả? Hừ, bây giờ ta mới biết. Nhớ là chôn ban ngày. Quan lớn cấm chôn đêm, vì ban đêm quan lớn đi tuần. Nhà mày ngày mai ra đình, các cụ sẽ cấp cho tiền mai táng.

Julien cũng bỗng trở nên rất lịch sự:

- Quan lớn cũng xin có lời chia buồn...

Hoa không trả lời. Cô chỉ khóc nấc lên:

- Ối mẹ ơi... là mẹ ơi!

XIII

ÔNG ĐỪNG, BÀ ĐÀ

1

Trận thổ tả giáng xuống làng Cổ Đình nhanh như chớp. Bất thình lình, nó ập đến cướp đi vài chục sinh mạng, nó đến để tạo ra những đám ma đêm với những bó đuốc bập bùng ai oán. Nó đến thản nhiên lạnh lùng, chẳng thương xót riêng ai, chẳng nể nang chừa bỏ riêng ai. Giàu có, quyền uy ư? Nó đâu có sợ. Nghèo khó, cô quả ư? Nó cũng chẳng tha. Vậy, nó đến để làm gì? Để răn đe? Trừng phạt? Hay thử thách? Cứ như thể nó là một điềm báo. Nó nói trước cho cái làng nhỏ bé, hiền hòa này rằng: "Hãy cắn răng lại mà chịu, hãy ngẩng đầu lên mà chịu, đây mới chỉ là thử thách đầu tiên". Kẻ nào yếu đuối, kẻ nào chỉ ngồi mà ôm mặt than vãn, kẻ nào ngu tối, thiếu một bộ óc mềm dẻo, thông minh, kẻ nào vênh vang, thiếu một trái tim, kẻ nào không bám sâu vào lòng đất mẹ, những kẻ ấy hãy coi chừng. Hãy còn bao nhiêu thử thách ở phía đằng trước họ. Đừng như cái loại cây kia, chỉ biết hùng hùng hổ hổ, khoe cứng khoe to. Chỉ cần một trận gió cuồng nó sẽ đổ ềnh, rễ chổng lên trời. Vừa qua, có một cơn giông lớn tạt qua Kẻ Đình. Mưa trút nước từ trên trời xuống. Mưa lăm nước hồ Huyền dâng cao đến tận cửa đình. Mưa làm ngập tủm cả một xứ đồng. Mưa

đi cùng với gió. Gió đã nhổ rễ cây gạo cuối làng, làm nó nằm kềnh cang chắn cả lối ra đồng.

Cái nóng nung người tan biến. Và điều kỳ diệu xảy ra. Hình như cơn mưa còn làm trôi đi cả những xú khí, tà khí của trận dịch. Những mái nhà, những cống rãnh, những vườn tược, những ao chuôm tù đọng, nay tất cả được gội mưa, được chùi cọ, được thay nước mới, bỗng trở nên tinh khôi, sạch như li như lau. Và bỗng như có phép thần, dịch thổ tả khi đến bất thình lình bao nhiêu, thì nay ra đi cũng đột ngột bấy nhiêu. Những người bệnh bỗng trở nên nhẹ nhàng dễ chịu, họ chẳng uống thuốc gì nhưng đột nhiên bệnh thoái lui.

Cụ tú Cao đi dạo quanh làng. Cụ đến miếu "đại thụ linh thần" dưới gốc đa đầu làng. Sau trận giông bão, cây đa bị rụng lá nhiều, nhưng cái gốc khổng lồ, và những rễ phụ của nó vẫn vững chãi cắm sâu xuống đất. Đêm về, cụ tú mơ gặp ông thần cây đa. Cụ đem những ý nghĩ trên ra nói với ông già có chòm râu dài và trắng. Ông thần đa hiền từ chỉ vuốt râu không trả lời. Ông chỉ nói độc một câu: "Thiên cơ bất khả lậu". Nhưng cụ tú nhìn gương mặt tươi tỉnh của ông già, nhất là đôi mắt thấy có những tia sáng long lanh như cười, cụ tú hiểu cái ý nghĩa thầm kín của ánh mắt ấy.

Sáng hôm nay, cụ tú Cao đang ngồi bên lồng con sáo đá mà cụ đồ Tiết hôm xưa đã tặng. Anh Sắn, người đầy tớ, mỗi hôm đi làm đồng về, vẫn bắt lưng một chai châu chấu làm thức ăn cho sáo. Con sáo tinh khôn lắm, thấy bóng cụ tú Cao, đã nói vẽo vọt: "Con chào cụ ạ". Cụ tú biết là sáo nịnh nọt mình, nhưng vẫn thích. Cụ đập khẽ vào chiếc lồng để chào con chim, rồi khen ngợi:

- Con giỏi lắm!

Sau đó, cụ đổ châu chấu ra khỏi chai, bắt từng con một, nhét qua nan lồng cho nó. Ăn lưng lửng, con sáo lấy mỏ ngậm vào nan lồng rồi kêu lên rối rít. Cụ tú Cao vẫn có lệ, mỗi sáng ăn xong, lại thả sáo ra sân. Con sáo được sổ lồng, nó nhún chân vỗ cánh bay lên cành na. Cụ tú giơ tay ra trước mặt. Con sáo chỉ chờ có vậy, nó từ cành na bay chuyền tới đậu trên cánh tay cụ, sau đó men theo cánh tay lên vai, rồi lấy cái mỏ xinh xắn của nó gãi gãi vào má ông cụ, kiểu như đứa trẻ con âu yếm cha mẹ. Cụ tú tươi nét mặt, gỡ con sáo, thả xuống đất, miệng mắng mỏ, như mắng một đứa cháu:

- Đừng quấy phá, để cho ông ra xem cây lựu.

Cây lựu của cụ tú Cao trồng ở đầu hiên nhà, cành lá xum xuê, cao đã quá đầu người. Cụ tú ngắm nghía những nụ hoa đỏ chót. Cụ nhẩm đếm bằng mắt. Cụ ước tính có tới gần trăm nụ. Cụ đã mường tượng ra trong óc, chỉ chừng nửa tháng nữa thôi, cây lựu của cụ sẽ nở hoa. Cây lựu sẽ đỏ ối cả góc sân nhà.

Cụ tú Cao đang vuốt râu khoan khoái, chợt có tiếng chào từ ngoài ngõ: "Cháu chào cụ tú ạ!". Nhìn lên, thấy cô Nhụ một tay cầm cái que tre đuổi chó, một tay xách cái giỏ bước vào sân. Nhụ đến trước mặt ông cụ tú:

- Thầy cháu bảo mang sang biếu ông ít cá.

- Rõ vẽ! Thế tối qua bố con đi kéo vó suốt đêm hay sao? Kéo ở đâu?

- Dạ thưa, bố cháu kéo ở cửa ngòi. Nước ngoài đồng vẫn theo ngòi chảy ra hồ. Ở cửa ngòi cá ngược dòng nhiều lắm. Đêm qua, bố cháu kéo được đầy hai giỏ.

- Thế thằng Điều chồng mày đã khá hơn chưa?

- Dạ, nhà con, sau khi uống mấy thang thuốc của cụ, đã nhóc nhách ngồi dậy làm việc nhà được rồi.

Cụ tú Cao cũng góp một phần vào cứu chữa cho Điều hồi sinh. Cụ bắt mạch, rồi bốc thuốc cho uống. Nhờ vậy sức khỏe của chàng trai phục hồi khá nhanh. Anh Sắn lấy cái rổ sồng đổ cá ra. Hai con chép tai trâu, năm con diếc choai và một mớ rô ron. Cụ tú Cao vuốt râu thích thú:

- Bố cu Huyền vẫn nhớ rằng ông thích nhất hạng thứ cá rô ron. Anh Sắn đem cá diếc và chép kho lên với riềng. Còn rô ron thì rán giòn cho ta nhắm rượu.

Rồi cụ quay sang nói với Nhụ:

- Cái giống cá diếc này nấu cháo cho người mới ốm dậy ăn rất chóng hồi sức. Đối với nhà nghèo nó là thức ăn đại bổ mà rẻ tiền. Song nhớ không được ăn nhiều; mỗi ngày chỉ một con thôi. Nếu đêm qua bố cháu kéo được nhiều cá diếc, thì chọn những con khỏe đem thả vào vại để dành, sau đó nấu cháo bồi bổ dần cho người ốm.

Nhụ mỗi lần nhớ đến cái đêm đầu tiên sau lễ cưới lại phì cười một mình. Không cười sao được khi nghĩ đến cái cảnh cô vội vàng chui tọt vào buồng nhà ngang rồi cài then cửa lại, mặc cho cu Điều van nài bên ngoài. Điều chắc tức ghê lắm nhưng không dám nói to, sợ ông nội và bố vợ ở nhà trên nghe tiếng. Hai đứa lại không xưng anh em, mà chỉ xưng đây với đấy với nhau mới buồn cười chứ.

- Đấy mà không mở cửa, đây sẽ phá ra đấy.

- Phá đi! Có thách kẹo cũng chẳng dám.

Nhụ còn nghe rõ cả tiếng chân Điều đêm hôm ấy đi đến chỗ cái cối xay, một lát sau lại đi ra chuồng bò. Nghe thấy cả tiếng đập muỗi đen đét. Chắc muỗi đốt nhiều quá... Chắc là lạnh nữa nên cu cậu ra chuồng bò... Đến lúc ấy, Nhụ cảm thấy mình hơi quá. Nó chợt thấy thương Điều. Nhụ nhớ rõ lúc ấy cô vội tụt xuống giường, rồi rón rén ra mở then cài cửa. Phải dùng cả hai tay; một tay nâng then, một tay kéo từng tí một, thật chậm, thật khẽ khàng, sao cho không phát ra tiếng động. Sau đó cô gọi thì thầm: "Điều, Điều ơi!" nhưng Điều không nghe thấy vì đã ngủ mất rồi. Từ lúc ấy, Nhụ cứ chong mắt ra không tài nào ngủ được...

Một lúc sau, nghe tiếng chân cụ Tiết đi kiểm tra nhà cửa. Nhụ nghe thấy cả tiếng Điều mách ông rằng: "Nó cài then cửa không cho con vào ông ạ". Cậu ta nói có vẻ đắc ý lắm. Rất đĩnh đạc, rất to; cứ như thể muốn báo cả cho Nhụ biết rằng đây đã mách ông rồi, thử xem đấy sẽ xử sự ra sao. Ai dè cái then cửa đã rút tự bao giờ, làm cho cu cậu chưng hửng. Thế là ông chẳng mắng mình, mà lại mắng cu cậu. Nhụ cứ tưởng khi lên giường thể nào Điều cũng trả thù. Nhụ không hiểu hắn sẽ làm trò thô bạo gì. Ai ngờ hắn chẳng thô bạo, mà lại tỏ ra hết sức rụt rè. Hắn lân la khẽ chạm tay vào người Nhụ, xê xích dần để áp sát vào người Nhụ. Nhụ thấy thương, hỏi: "Sao lại run thế?". Hắn trả lời: "Chẳng biết". Còn Nhụ, cô không run, cô chỉ thấy nóng bừng lên. Cái giống đàn ông là thế. Được đằng chân nó lân đằng đầu. Từ run rẩy, hắn đã dám ôm chầm lấy Nhụ, rồi thám hiểm đôi nhũ hoa, rồi tiến tới phần thâm nghiêm nhất. Đến lúc này Nhụ mới run bắn lên. Phải rồi! Đúng là Nhụ sợ. Sợ lắm.

Chẳng biết cái gì đã làm Nhụ sợ đến thế. Chỉ nhớ rằng Nhụ đã khép chặt dùi lại rồi lẩy bẩy trả lời câu hỏi: "Bao giờ mới được phép?" của hắn. Câu trả lời thật ngô nghê, đến bây giờ nhớ lại, Nhụ vẫn buồn cười: "Bao giờ cái trên to bằng chiếc bánh dầy, thì cái ấy mới chín, lúc bấy giờ mới được phép". Thế nào là chín nhỉ. Không hiểu sao cô lại nghĩ ra được cái chữ "chín" ngộ nghĩnh làm vậy. Ấy thế mà hắn lại chịu nghe lời cô mới lạ chứ.

Khổ một nỗi, kể từ hôm ấy, đêm nào hắn cũng vuốt ve, mân mê đôi nhũ hoa của Nhụ. Không cho, hắn không chịu. Cô hỏi: "Nghiện rồi à?". Điều trả lời: "Nhưng không có nó, đây không ngủ được". Cái chuyện lạ lùng xảy ra, là kể từ hôm ấy, đôi nhũ hoa của Nhụ lớn lên như thổi, từng ngày, cứ như có phép tiên làm nó lớn nhanh đến vậy.

Cái đêm đi đánh cá trên hồ Huyền, lại một lần nữa, Điều làm Nhụ sợ. Gia đình ông Trịnh Huyền, ngoài việc cầy cấy, những lúc nông nhàn còn làm nghề cá: kéo vó, kéo te, đặt ống lươn, đặt đó v.v... Thường thì sau những cơn mưa mới kéo vó ở cửa ngòi chảy ra hồ. Còn ngày thường, thì đi đặt đó trên hồ. Xẩm tối, đem đó đi đặt. Nửa đêm, chèo thuyền đi đổ cá. Đêm ấy sáng trăng. Sáng vằng vặc. Ánh sáng huyền ảo, nhễ nhại làm cho mọi vật trở nên lung linh hơn, đẹp đẽ hơn. Nhất là các cô con gái dậy thì. Gặp ánh trăng, có thể nói các cô đẹp thêm lên gấp mấy lần. Ánh trăng tưới vào, tóc sẽ đen hơn mượt mà hơn, đôi mắt sẽ lúng liếng hơn. Hợp với ánh trăng nhất hạng là làn da. Cứ tưởng như nó được tắm bằng sữa. Nó óng ả trắng nõn như ngó cần, nó hồng hào mũm mĩm như da em bé...

Đêm hôm ấy, Nhụ cứ thấy ngờ ngợ khi Điều chằm chằm nhìn vào đôi mắt cô. Nhụ thầm nhủ: "Đêm trăng đã làm hắn rồ lên rồi đây". Cũng may, có một đám mây bay qua, làm khuất bóng trăng, đã làm cơn rồ dại của Điều lắng xuống. Ra đến giữa hồ, có một chiếc đó bị mắc gai, Điều phải nhảy xuống nước, lặn xuống sâu để gỡ. Cứ tưởng đám mây kia, làn nước mát mẻ kia sẽ làm cho hắn quên đi những ham muốn mà ánh trăng khêu gợi. Ai ngờ, hắn có quên đâu. Thậm chí, hắn nhảy xuống nước chỉ là mưu mẹo, bởi vì hắn lặn xuống không phải để mò đó, mà để kéo Nhụ xuống theo, để hai đứa quấn quýt lấy nhau như hai con cá bạc đang thỏa thuê vẫy vùng trong làn nước trong veo.

Đùa nghịch chán, hai đứa trèo lên thuyền. Phải lau tóc, phải vung tóc vòng tròn cho nước văng đi. Phải cởi áo, để vắt khô xong rồi mới mặc lại, bởi vì nước đẫm trên áo dễ sinh bệnh. Nhụ quay lưng lại, cởi áo. Điều mới chỉ nhìn thấy tấm lưng trần trắng muốt, hãy còn những giọt nước dư đọng sáng long lanh trong ánh trăng, thì đã chẳng thể cầm lòng. Hắn ôm lấy cô, và bế cô lên mặc cho cô vùng vẫy. Rồi hắn đặt cô nằm trên thuyền, lật chiếc yếm hồng để cho ánh trăng tràn rụa trên khắp người cô. Và lần này thì hắn cuồng dại hơn. Hắn sấn sổ hôn vào đôi nhũ hoa. Và hắn nhắc lại cái câu nói ngô nghê mà cô đã nói hôm xưa.

- Nó chín rồi đấy. Đừng cấm đây nữa nhé.

Cô thấy như bồng bềnh. Chừng như cô cảm thấy mình sắp buông xuôi, nhưng chẳng hiểu có cái gì đó bỗng ngăn cô lại. Cô chẳng biết tại sao lại thế, nhưng cô cứ thấy như vẫn có điều gì cân cấn trong lòng.

Con ngựa bất kham ấy đang rúc mặt vào ngực Nhụ làm cô bật cười khinh khích. Chẳng có lý do gì nữa để chối từ, nhưng không hiểu sao cô cứ thấy mình phải chối từ. Tại sao vậy? Lúc hai đứa đã lấy nhau, cụ đồ và ông Huyền mới ngồi nhẩm tính kỹ lưỡng. Lúc ấy mới biết rõ Nhụ hơn Điều một tuổi. Nhụ mười lăm và Điều mười bốn. Vậy phải chăng phản ứng của cô là một phản ứng tự vệ của một sinh vật còn non trẻ, hồn nhiên. Phải chăng đó là phản ứng của một sinh vật thực sự chưa chín đến độ. Nó còn run rẩy, sợ hãi khi đưa chân vào cái vũ điệu mê đắm quay cuồng, chóng mặt nhất của cõi nhân gian.

Cô gái run rẩy nhưng vẫn rất âu yếm. Cô vuốt ve cái bờm tóc bù xù trên đầu con ngựa hoang. Hắn hỏi:

- Sao đấy lại run thế?... Sợ à?

- Ừ, sợ lắm! - Cô thú thật - Đấy có sợ không?

- Ừ, đây... Hắn trả lời nghe không rõ.

- Thôi nào, van mình đấy... khoan khoan đã... Em còn sợ tức là còn chưa chín... Thôi,... hãy để dành...

- Để dành?

- Ừ, em xin mình mà... Hứa với mình đấy... Bao giờ đến hội mùa xuân...

Để dành ư? Cô gái nói hoang đường đến thế mà hắn cũng nghe được. Chẳng qua hắn còn tồ. Gà tồ trên đời có một. Anh chàng ngựa hoang của chúng ta, sau khi nghe lời ngọt ngào của Nhụ, đã đồng ý với vợ sẽ để dành... cho đến hội mùa xuân. Và anh chàng tin rằng lúc đó là mùa trái chín. Thực ra Điều chẳng "gà tồ" đâu. Cậu ta có một lý do cho sự để dành. Một lý do tục lệ. Chuyện ấy, Nhụ làm sao biết được.

2

Từ khi thím Pháo mất, Hoa phải ở một mình trong ngôi nhà mõ. Hoa ra ngôi chùa đổ bảo ông Hiếu:

- Hay là thầy về ở với con.

Ông hộ Hiếu lắc đầu:

- Sao được hở con. Dù có chết thầy cũng không làm thế. Huống chi thầy còn công việc ở đây. Phật thánh đã giao việc cho thầy. Thầy ở đây cho đến lúc chết.

Thương cha, lòng Hoa như mớ bòng bong. Ông Trịnh Huyền cũng thương ông chú, nhưng từ hồi cụ đồ Tiết còn sống, cụ đã khuyên nhủ mãi mà vẫn chẳng lay chuyển được ý muốn của ông em rồ dại ấy. Không hiểu sao ông Hộ cứ đinh ninh rằng số kiếp của ông phải gắn chặt với ngôi chùa đổ nát. Ông bảo rằng hằng đêm, ông nằm mơ vẫn thấy pho tượng hộ pháp đi về chuyện trò với ông. Ông còn nói, nếu ông bỏ chùa mà đi, hoặc pho hộ pháp đổ thì lắm chuyện sẽ xảy ra. Trận mưa to sau khi dịch làm ông hộ Hiếu lo lắng vô cùng. Gian chùa đổ đã quá dột nát. Trời mưa, nước chảy tong tong khắp nơi. Bận ấy, ông Hiếu phải sử dụng hết nong, nia, chiếu, liếp để chống dột. Có độc nhất chiếc áo tơi lá, ông cũng phải đắp lên đầu pho tượng. Còn ông, sau cơn mưa, áo quần ướt đẫm. Ông già bảo: "Pho tượng hộ pháp đắp bằng đất, mặc dù bên ngoài sơn son thếp vàng nhưng bên trong

không phải bằng gỗ. Nếu gặp mưa to, dột nhiều, tượng sẽ đổ. Mà tượng đổ, thì cái mạng tôi cũng chẳng còn".

Thương ông bố rồ dại đến nẫu ruột nẫu gan, hôm ấy, Hoa rủ Nhụ đi cắt cỏ tranh để lợp lại gian chùa đổ. Từ ít lâu nay, Nhụ vẫn phải ngủ cùng với Hoa, vì dẫu sao Hoa cũng vẫn là máu mủ họ Đinh, ông Huyền không thể để mặc Hoa được.

Hoa bảo Nhụ:

- Hôm nay chúng mình cũng cắt cỏ tranh ở núi ông Đùng. Hôm nọ đi qua thấy nhiều vạt cỏ tranh tốt lắm.

Nhụ đã đến Kẻ Đình một năm, đã nhiều lần nghe tên núi ông Đùng. Cái tên rất lạ, rất khêu gợi. Nhụ muốn biết sự tích, nhưng khi cô hỏi đến thì hầu như dân ở đây ai cũng mỉm cười và ai cũng lảng tránh không nói. Hình như dân Kẻ Đình ngài ngại khi nhắc đến núi ông Đùng. Thậm chí, người ta còn ngại lên đấy. Khi vào rừng, trèo qua núi ông Đùng gần được nửa đường, người ta vẫn ít khi qua. Cứ như thể đó là vùng đất bị ma ám. Hoa cười bảo Nhụ:

- Chỉ có ngày hội, nơi này mới đông.

- Sao thế?

- Vì dân làng bảo núi này rất thiêng. Ai mà báng bổ ông Đùng vật cho, không chết cũng ốm đau quặt quẹo. Người ta bảo ông Đùng vẫn hiện hồn trên núi. Cả bà Đà nữa. Hai người khổng lồ. Nhưng thông thường ông bà không hiện nguyên hình. Có lúc chỉ hóa thành đôi thỏ trắng rất xinh làm người ta mê đi chạy theo vào rừng rồi bị lạc. Có lúc lại hóa ra con hổ trắng. Có người gặp bảo

con hổ gầm rất to. Anh ta chạy bán sống bán chết về nhà, sau đó ốm liệt giường hàng tháng.

Nói tới đây, Hoa cười giòn tan:

- Riêng ta, ta chẳng sợ gì hết. - (Từ khi gặp Tuấn và Huy, rồi được học chữ, Hoa bỏ hẳn lối xưng con với mọi người, và xưng tôi hoặc ta với những người ít tuổi. Hoa chỉ xưng cháu với những người lớn tuổi. Điều này gây ngạc nhiên cho nhiều người) - Chẳng qua họ bị thần hồn nát thần tính. Sợ bóng sợ gió cả thôi. Ta vẫn lên núi Đùng. Tháng nào chả tới, có thấy gì đâu. Dân làng càng sợ, đến càng ít, ta càng dễ kiếm mọi thứ. Mùa xuân đi hái măng trúc. Búp măng chỉ bằng ngón tay, ngón chân thôi, nhưng luộc lên ăn ngọt lừ. Mùa hè vào đấy hái mít. Năm ngoái, ta vào rừng mít trên núi ông Đùng, kiếm được mấy quả mít to như cái thúng tụt nõ rơi xuống gốc. Ta lấy chân đạp cho trồi hết hột ra. Lấy được gần gánh hột. Đem về độn cơm. Hạt mít bở tơi, bùi ngậy. Không thứ gì độn cơm ngon bằng nó. Hôm nay, chúng ta lên cắt cỏ tranh cũng vậy. Tranh ở đây ít người cắt, cao lút đầu người.

Hai người vui chuyện, chẳng mấy chốc đã lên tới lưng chừng núi. Nhụ bỗng hỏi:

- Cô Hoa ơi! Tại sao cả làng đều sợ mà cô không sợ?

Câu hỏi làm Hoa ngừng chân. Cô ngẫm nghĩ hồi lâu mới trả lời.

- Ừ nhỉ! Sao ta lại không thấy sợ? Hay là tại cha ta là ông hộ Hiếu có tài trừ ma trừ quỷ... Chắc không phải. Vì cha có bùa phép, chứ còn ta, ta có gì đâu. - Rồi giọng Hoa

chợt buồn buồn. - Hay là... vì mẹ ta và chính ta cũng là mõ. Ừ! Làm mõ thì ai thèm chấp... Làm mõ thì ai dám dây... Phải đấy! Đến cả ma quỷ thần linh cũng chẳng muốn dây với mõ... Đến cả ma quỷ cũng chẳng muốn chòng ghẹo mõ... dù là mõ xinh đẹp... Mà... Ơ hay! Cô không là mõ, sao ta lại dám dẫn cô lên núi Đùng? Nhỡ ra, ma quỷ thấy cô xinh đẹp, và không phải là mõ... chúng nó dây vào, tìm cách chòng ghẹo thì tính làm sao...

Giọng Hoa vừa như tinh quái đáo để, vừa như bi phẫn làm Nhụ vừa thương vừa tức. Nó thụi nhẹ vào lưng cô gái:

- Cháu không bằng lòng cô Hoa dùa thế đâu nhé. - Nhụ nghiêm giọng bảo - Cô là cô của cháu. Cháu chỉ biết có thế thôi. Cô trị được ma. Đã có cô rồi thì hỏi ma nào dám trêu cháu.

Hoa thấy vậy cười xòa như để xin lỗi. Câu chuyện dừng lại cho đến lúc lên tới đỉnh núi.

Ở đây có hai chiếc ngai thờ xây bằng gạch kề nhau. Chúng giống chiếc ngai "đại thụ linh thần" ở gốc đa. Trên mỗi ngai có một bát hương. Còn thấy cả mấy chiếc chân hương màu đỏ liêu xiêu trên đó. Đôi ngai nhìn về hướng nam. Sau lưng ngai là khu rừng mít trứ danh mà Hoa đã kể cho Nhụ nghe. Phía trước ngai, không có rừng, chỉ thấy bạt ngàn cỏ tranh. Thỉnh thoảng, thấy nhô lên những bụi lau vẫn còn sót lại những cờ trắng phất phơ trong gió. Hoa ngửa mặt nhìn tán năm cây thị trứ danh trông như những chiếc lọng che. Cô bảo vào khoảng tháng bảy, tháng tám, mùa thị chín, năm cây thị trĩu trịt quả vàng ươm tỏa hương thơm nức. Chẳng ai dám hái

quả, quả nào chín mõm thì rụng xuống gốc. Hương thơm của thị mời gọi lũ sáo, chào mào, chim xanh, chim phường chèo kéo tới hàng đàn hàng lũ để tranh nhau ăn, để giao duyên, làm rộn ràng tưng bừng cả khu rừng tĩnh lặng. Đôi khi một con cắt, hoặc diều hâu lảng vảng lại gần. Lập tức có con chim báo động. Và lũ chim dù mải mê ăn cũng ngừng lại ngay; chúng vút bay đi, chập chờn trên đầu rừng cỏ tranh trông như những đám mây trôi.

Hoa tuy nói cứng với Nhụ thế thôi, chứ thực ra trong bụng cô rất sợ núi ông Đùng. Trước khi đi, lúc ở nhà, cô đã chuẩn bị sẵn mấy nén nhang. Cô thắp hương, cắm ở hai ngai rồi lầm bầm khấn vái. Cô bắt Nhụ làm theo mình:

- Lễ đi! Động tới một ngọn cỏ, một lá cây của ông Đùng bà Đà cũng phải xin phép. Phải có lòng thành và phân minh cháu ạ. Đất có thổ công... Nơi đây là đất của Ông Bà...

Lễ xong, hai cô gái bắt đầu cắt tranh. Cỏ tốt nên chỉ một lát họ đã cắt được đầy hai gánh nặng. Cắt xong họ đến ngồi nơi gốc thị cách xa ngai để uống nước. Hoa tâm sự:

- U ta bảo rằng ta phải dứt bỏ cái làng Đình này mà đi mới có thể mở mày mở mặt. Năm nay ta mười tám rồi. Có dứt bỏ cái kiếp làm mõ này thì mới nên người. Cháu cứ thử nhìn lũ trai làng mà xem. Đứa nào nhìn ta cũng mắt la mày lét, đứa nào cũng nhấm nháy, song có đứa nào thực bụng đâu.

- Thế còn ông, ý ông ra sao?

- Thế đấy! Ngày trước u ta, rồi bây giờ đến ta. Sở dĩ dùng dằng mãi vì thương ông cụ. Nhìn ông cụ lúc tỉnh thì không sao, chứ lúc mê thì như người rồ người dại. Ông cụ bảo cụ là quân hầu đầy tớ của Phật của thánh. Cụ sẽ chẳng bao giờ chịu rời khỏi ngôi chùa đổ... Có lần hai cha con nói chuyện với nhau, ông cụ khóc nức khóc nở. Ôi chao! Đứt cả lòng cả dạ! Ông cụ thương ta lắm chứ. Quanh năm bóp mồm bóp miệng, chẳng bao giờ dám tiêu một xu. Ai cho đồng nào đều góp lại để dành, đưa hết cho u ta. Thế mà cũng được hơn hai chục bạc rồi đấy. Ông cụ bảo cho hai mẹ con để dắt díu nhau trở về quê ngoại... Có hết kiếp mõ thì mới thành người. Cụ cứ giục mẹ con ta đi. Bảo nếu chậm chễ ta sẽ ế chồng... U trả lời bao giờ đủ ba chục bạc mẹ con tôi sẽ ra đi... U ta thương ông cụ nên nói thế thôi. Chứ thực ra đã đủ ba chục rồi. Mẹ ta giấu tiền ở dưới bát hương. Có lần mẹ đi vắng, ta lấy ra đếm thấy đã thừa... Ôi chao! Ta hiểu lòng u ta...

- Thế đã bao giờ cô về quê ngoại chưa?

- Rồi chứ! Cách đây mấy năm thì phải. Năm ấy ta mười bốn tuổi...

Hoa im lặng, chợt thầm nhớ lại những ngày về thăm quê ngoại bốn năm về trước.

...

Thực ra, chẳng riêng cụ hộ Hiếu, thím Pháo cũng rất lo lắng cho tương lai của con gái. Chính vì vậy, thím bàn với ông Hộ và đưa Hoa về quê cũ tận dưới tỉnh Nam. Thứ nhất để thăm quê; thứ hai để thăm dò xem có cách gì có thể quay trở về nơi chôn nhau cắt rốn được không; thứ ba

là để nhăm nhe xem có đám nào có thể xe vào cho con bé, bởi vì theo cách suy nghĩ của thím thì Hoa đã đến tuổi lấy chồng.

Ở làng cũ, gia đình bên ngoại chỉ còn một ông cậu. Gia đình người em trai thím Pháo cũng nghèo lắm. Cậu lại đông con. Sống nheo nhóc bữa no bữa đói. Thím Pháo thở dài, biết chẳng trông cậy được gì ở người em. Có chục bạc dành dụm, thím đành cởi hầu bao cho em và không dám hé răng nói ý định của mình.

Thím Pháo dẫn Hoa sang thăm gia đình chồng cũ. Ở làng, chỉ còn lại ông hai Xe. Nhà ông hai Xe vào bậc trung, nhưng xem chừng cũng chẳng được dư dật cho lắm. Ông hai Xe nhìn cô em dâu cũ ăn mặc cũng tươm tất và cô bé Hoa trông khá lanh lợi, ông liền nói năng rất nhân nghĩa:

- Chú ba Pháo nhà tôi và các cháu con chú ấy chẳng may mất sớm, nhưng tôi trước sau vẫn thế, vẫn coi thím như người trong nhà. Tôi mừng là thím đã đi bước nữa. Còn cái Hoa nhà thím xem ra là đứa nhanh nhẹn. Mai sau, thím sẽ được nhờ nó đấy. Ừ, mà thế nào cũng có lúc tôi sẽ lên Kẻ Đình, lên thăm nhà thím.

Thím Ba nói lời khách sáo:

- Thế thì hân hạnh cho nhà em quá.

Nhà ông hai Xe có thằng con trai tên là Trình cũng trạc tuổi Hoa. Ông hai Xe bảo nó lanh lợi lắm. Nó bảo Hoa:

- Tớ cùng tuổi với cậu, nhưng cậu phải gọi tớ bằng anh. Tại sao có biết không? Vì ông ba Pháo là em ông hai

Xe. Và bố cậu lấy mẹ cậu sau ông ba Pháo, tức là em ông ba Pháo. Ông ba Pháo đã là em ông hai Xe thì bố cậu cũng phải là em ông hai Xe...

Trình cùng tuổi với Hoa nhưng gầy gò nhỏ bé. Còn Hoa lúc đó đã lớn phổng lên rồi. Bé người lại thích làm anh. Hoa cứ cười thầm nhưng chẳng hơi đâu mà cãi lại. Thím Pháo không hiểu nghĩ sao lại nhận xét: "Cậu Trình con bác Xe khôn ngoan lắm. Mắt sáng ngời. Sau này lớn lên ghê gớm lắm đây". Hoa cứ thấy sờ sợ ông hai Xe nhưng cô chẳng biết vì lẽ gì. Có lẽ tại ông ta cứ chằm chằm nhìn cô như xét nét, như muốn đánh giá Hoa từ đầu đến chân, giống như người đi tậu trâu ngoài chợ. Mấy hôm sau, khi mẹ con Hoa sắp quay lại Cổ Đình, ông Xe đến nhà cậu của Hoa và lại nói rất ngọt ngào:

- Thế nào sau này tôi cũng lên Kẻ Đình thăm thím và cháu.

Hoa hỏi bà Pháo:

- Đã có khi nào ông ấy lên thăm nhà ta chưa?

- Chưa! - Thím Pháo trả lời.

- Vậy tại sao đến bây giờ bác ấy lại muốn lên thăm? Đáng lẽ ra bác hai Xe phải lên lúc u gặp hoạn nạn mới phải chứ.

Cuộc về thăm quê của thím Pháo và Hoa mong tìm đường thoát ra khỏi kiếp mõ thế là không có kết quả. Họ đành phải quay về Kẻ Đình. Trong khi đó, Hoa nhớn bổng hẳn lên và trở thành cô con gái xinh đẹp. Trai làng nhìn cô hau háu như muốn ăn sống nuốt tươi. Khối đứa giở trò chim chuột. Thím Pháo dặn dò con gái:

- Khôn ngoan thì giữ lấy thân. Trai làng này chẳng đứa nào thực bụng định lấy con nhà mõ đâu.

Thím Pháo nhìn con như bông hoa mơn mởn mỗi ngày mỗi thắm, cứ lo hoa kia thắm mãi sẽ có lúc tàn...

...

Ngồi dưới gốc cây thị, nhớ đến chuyện đã qua, Hoa chợt thở dài, bùi ngùi nói với Nhụ:

- Nhiều đêm, nhớ u quá, ta cứ khóc thầm. U ta thường dễ chả bao giờ nghĩ đến thân mình. Lúc nào cũng chỉ lo cho ta và thầy ta thôi. Ấy thế mà, chưa lo được gì đã vội nằm xuống... Còn người ở lại thì sao? Thầy ta dạo này đã yếu lắm rồi. Cái lần thánh ốp vừa qua, ông cụ uống nước chè đặc nhiều quá. Nhìn vào bộ mặt xương xẩu, chỉ còn thấy hai con mắt long lanh, thao láo. Ta khóc, ta lạy van:

- Bố ơi! Con xin bố. Bố đừng làm ông hộ nữa. Đừng lên cơn thánh ốp nữa...

Ông cụ cười:

- Muốn cũng chẳng được. Không muốn cũng chẳng được. Tao là kẻ giời hành. Cái số kiếp tao nó thế rồi. Thầy biết mệnh của thầy... Thầy thương con lắm. Lúc mẹ con ra đi, thầy thương hai mẹ con mày đến đứt ruột... Phận bà ấy như vậy đã yên một bề. Còn con thì sao? Thầy chỉ còn mỗi một diều canh cánh trong lòng... là làm sao... lo được cho con... để vong linh bà ấy... được thỏa...

Nhụ ngậm ngùi nắm chặt bàn tay cô Hoa. Nó ngắm nhìn Hoa. Cô có khuôn mặt tròn vành vạnh như trăng rằm. Môi chẳng tô son mà sao đỏ thế. Đôi lông mày

không to không nhỏ, mịn màng, đen láy, hơi cong cong... Hôm ấy, Nhụ mới nhận ra cô Hoa xinh đẹp lạ thường. Trông thấy cô, đã thấy ngay nụ cười trên môi. Có những con người hễ có mặt ở đâu là nơi ấy trầm hẳn xuống. Trái lại, Hoa là người hễ có mặt ở đâu là nơi ấy tươi tắn hẳn lên. Hình như cái giọng dịu dàng của cô, cái dáng thảnh thơi của cô cũng có sức lây truyền, lan tỏa. Nhìn bề ngoài cứ tưởng Hoa vô tư lự. Hôm nay, Nhụ mới biết mình gần gụi Hoa nhất, nhưng chưa hiểu hết cô. Hôm nay, Nhụ mới bắt gặp và chợt thoáng nhận ra cái kiếp người thật mong manh, bấp bênh, gập ghềnh...

Câu chuyện của Hoa làm cho bầu không khí như lắng hẳn xuống. Lũ chim ríu rít trên những cây thị khi ấy cũng biến đi đâu hết cả. Chỉ còn nghe thấy tiếng con chim gọi vịt ở tít xa xa. Hai người đều mang nét mặt nặng trĩu trầm ngâm. Tuy nhiên, cô gái mặt trăng rằm ấy chẳng buồn được lâu. Người ta bảo những người mặt tròn vành vạnh, tính nết vẫn như thế cả.

Hoa vốn thích sự trong trẻo, nhẹ nhàng. Mà rừng xanh hình như cũng biết chiều người. Trong không khí tĩnh lặng ấy, chợt một con sơn ca, từ một vạt cỏ thưa bay vút lên cao. Nó vừa bốc lên không trung, vừa cất cao tiếng hót. Chim càng lên cao, tiếng hót càng rộn rã. Ở dưới chân núi, một con chim khác hình như muốn tranh hơn. Nó cũng tung mình lên mây xanh để ganh đua, khoe giọng cùng con chim thứ nhất. Tiếp đến là con thứ ba, con thứ tư... Lúc này, tiếng hót vang rộn cả một góc rừng. Cuộc đua tranh mới đầu lộn xộn, dần dần bỗng biến thành một dàn đồng ca. Mỗi con một giọng. Con cao, con

thấp. Con giọng kim, con giọng thổ, con rung nhẹ như tiếng của một chiếc còi tí hon xinh xinh, con ngân nga uốn lượn... Khác nhau đến thế! Nhiều sắc màu đến thế! Rộn ràng tươi tắn đến thế! Chẳng tiếng nào giống tiếng nào. Thế mà nghe vẫn thấy hòa hợp, dễ chịu, ấm cả lòng. Tiếng sơn ca cùng ngọn gió nồm nam thức dậy hiu hiu bỗng làm dịu mát lòng hai cô gái. Nó dần xua tan hết những bực dọc, ưu phiền.

Gương mặt Hoa dần tươi tỉnh lại. Đã thấy một ánh cười thoáng hiện trong mắt cô gái. Nhân thấy không khí vui vẻ trở lại, Nhụ lại đưa ra câu hỏi cũ, câu hỏi đã nhiều lần cô đưa ra nhưng chưa được ai trả lời cặn kẽ.

- Cô Hoa ơi! Cháu van cô đấy. Kể cho cháu nghe đi. Cô ở đây từ bé chắc biết, tại sao người ta lại gọi núi này là núi ông Đùng?

Người lớn trong làng Cổ Đình ai cũng có thể trả lời được cho Nhụ, nhưng hình như ai cũng lảng tránh không muốn nói. Có lẽ ở đây có một lời nguyền. Cũng có thể có một sự ngại ngùng giống như ân hận xấu hổ. Vả lại, họ chưa nói, tức là họ vẫn coi Nhụ như người ngoài. Còn Nhụ, cô cảm thấy như câu hỏi ấy quan thiết với mình. Có một linh cảm rằng câu trả lời ấy dính dáng tới số phận của cô. Cô thấy mình cần phải biết. Vậy nên Nhụ khăng khăng tìm hiểu. Lúc cụ đồ Tiết còn sống, ông cụ nghiêm nghị quá làm cô cháu không dám hỏi. Hơn nữa, Nhụ còn cảm thấy ở đấy có cái gì như suồng sã nói ra không tiện. Nhụ liền hỏi bố. Ông Trịnh Huyền chỉ trả lời cụt lủn: "Rồi sau này, con khắc biết!". Hỏi Điều, chồng cô lại chỉ cười. Tất cả đều gây cho cô thêm tò mò.

3

Hoa kể lại câu chuyện bằng cái giọng lấp lửng, ấp úng. Như muốn kể, như muốn không. Có lúc cô lại cười khúc khích. Có lúc, mặt cô lại đỏ bừng. Cứ như thể cô vừa uống xong chén rượu. Giọng cô bắt đầu ấp úng, mãi một lúc sau mới trở nên mạch lạc:

...

Chính thật ra, phải gọi ngọn núi này là núi ông Đùng bà Đà mới đúng, song vì muốn tiện gọn nên người ta chỉ gọi là núi ông Đùng.

Xưa kia, đã lâu lắm rồi, có hai vợ chồng già sinh được hai người con một trai, một gái. Đặt tên cho người anh là Đùng, cô em gái là Đà. Đặc biệt hai anh em Đùng, Đà rất chóng lớn. Họ ăn rất khỏe. Ăn gấp đôi, gấp ba người thường. Và to lớn cũng khác thường. Hai ông bà dần dần quá già lão, ốm nặng. Bà mẹ chết trước. Người cha biết rằng mình cũng sắp lìa bỏ cõi dời, bèn gọi hai đứa con khổng lồ ấy đến và dặn:

- Các con to lớn khác thường. Khác thường nên rồi sẽ khổ. Cha chỉ nhắc điều này: "Sau này, lỡ có chuyện gì xảy ra, thì hãy dắt nhau đi thật xa khỏi làng. Phải vào tít trong rừng sâu mà ở".

Ông già là người nhìn xa trông rộng. Chắc ông đã trông thấy tương lai trên gương mặt của hai đứa con nên

mới dặn thế. Ông biết số phận kiếp người, nhưng làm sao thay đổi được số phận, cho nên ông già chỉ biết thở dài trước khi nhắm mắt.

Chôn cất cho cha mẹ xong, hai anh em lại cần cù làm ruộng. Tháng ngày qua, hai anh em Đùng, Đà lớn lên thành hai con người to lớn gấp rưỡi người thường. Dân làng ai cũng yêu quý họ, bởi vì tính nết Đùng và Đà rất hiền lành, chất phác. Hơn nữa, họ làm việc cũng rất khỏe, một người làm bằng ba người thường.

Vì họ chăm chỉ, khỏe mạnh như vậy, nên nhà nào cần người làm thuê thường mướn Đùng và Đà. Thời thượng cổ ấy, quan hệ giữa con người chất phác và không khắt khe như ngày nay. Và còn một tục lệ rất quý: các bậc cha mẹ rất yêu và chiều chuộng con cái. Thường thì họ hay làm theo ý thích của các con. Mà ý thích của các cô các cậu lại thật tinh quái. Nhà có con trai lớn thường thích thuê cô Đà. Nhà có con gái lớn lại thích thuê anh Đùng. Các bậc cha mẹ cũng chiều theo con, vì nghĩ rằng có trai có gái cùng làm với nhau chắc chắn công việc bao giờ cũng nhanh hơn. Họ kéo nhau vào rừng phát nương làm rẫy. Công việc xong, trai gái rủ nhau đi hái nấm, lấy măng, tắm suối... Một khi đã ở trong rừng, thì cỏ cây, hoa lá, chim muông, suối nước... tất cả đều như vào hùa với họ, họ tha hồ làm cái điều mà họ đều ưa thích. Hình như cả cây rừng con suối cũng thích chuyện ấy. Bởi vì rừng thì rì rào thì thầm khuyến khích, còn suối thì róc rách đánh khúc đàn yêu đương.

Con trai, con gái nào đi với cô Đà, anh Đùng, lúc trở về, đều có đôi mắt sáng rực hơn lúc mới vào rừng. Tuy

nhiên, cả trai lẫn gái, khi gặp Đùng, Đà xong, đều như những kẻ mất hồn, kẻ ở trên mây. Phải mất mươi ngày sau mới hoàn hồn trở lại. Hỏi họ làm sao thế? Con gái thì cười thẹn thùng; con trai thì gật gù, tủm tỉm. Hỏi gặng mãi, họ mới tiết lộ cho biết rằng cái ấy của anh em họ thật là ghê gớm... Hỏi ghê gớm thế nào thì không ai chịu hé lộ thêm.

Câu chuyện có một đồn mười, rồi từ mười đồn trăm. Việc này đến tai các cụ trong làng. Các cụ đều sững người và thấy không thể để chuyện này tiếp diễn. Họ họp và quyết định, cách giải quyết khôn ngoan nhất là mau chóng dựng vợ, gả chồng cho anh Đùng, cô Đà. Vị già làng phải trai giới một tuần trăng rồi lên đền Mẫu cầu mộng. Sáng hôm sau, cụ xuống núi bảo với dân làng rằng: "Mẫu bằng lòng dựng vợ gả chồng cho anh em Đùng - Đà. Lại còn chỉ cách cho nên làm như thế nào. Hai anh em nhà đó phải đến trước cửa đền Mẫu, ở chân núi, quay lưng lại nhau. Sau đó, họ theo con đường vòng quanh chân núi Mẫu mà đi. Đường ấy khá dài. Nửa buổi mới đi hết. Anh Đùng, trên đường đi, hễ gặp người đàn bà đầu tiên nào, thì phải lấy người đó làm vợ. Cô Đà cũng thế, hễ gặp người đàn ông đầu tiên nào, thì phải lấy người đó làm chồng.

Người ta biết có nhiều trai gái làng, tuy sợ nhưng vẫn thích gá duyên với Đùng hoặc Đà. Người ta còn biết có cô, cậu rủ nhau đến canh ba sẽ đi trước vào rừng Báng trên núi Mẫu để đón đường tìm may. Những nhà nề nếp răn đe con cái: "Cấm chúng mày không được lai vãng trên con đường quanh núi Mẫu. Người ta nói có đứa mới chỉ ngủ một đêm với anh em nhà nó, đã lử thử lừ thừ, mười

ngày sau mới lấy lại được hồn được vía. Đằng này lại là chuyện thành vợ thành chồng hẳn hoi, chuyện ăn đời ở kiếp với chúng nó. Nghĩ xem, liệu có chịu nổi không? Anh em nó chỉ vần cho vài hôm, là sẽ xanh xao vàng vọt, hồn vía lên mây, về chầu tiên tổ".

Dọa thì cứ dọa, song chẳng ai sợ. Canh hai đêm ấy, đã có nhiều cô cậu lén rủ nhau bơi thuyền đến núi Mẫu. Hãy còn tối. Cũng chưa biết được Đùng sẽ đi đường nào, Đà sẽ đi hướng nào. Đến sáng, các cụ gieo tiền mới quyết định hướng của mỗi người. Thôi thì cầu may vậy. Họ họp thành từng tốp lẫn cả trai cả gái rồi chia nhau đi về hai ngả.

Mặt trời chưa ló dạng, nhưng đã nhìn tỏ mặt người. Các cụ bô lão đã tề tựu đủ mặt dưới chân đền Mẫu. Gieo tiền. Đùng đi hướng tay trái. Đà đi hướng tay phải.

Hai anh em quay lưng lại nhau bước về hai phía. Bỗng nhiên, trời mờ nhòa hẳn lại. Sương mù đột nhiên từ dãy núi xa tràn tới. Mù dày đặc trùm kín núi Mẫu và những vạt rừng quanh đó. Một chuyện lạ đã xảy ra. Đám trai gái đi đón đường đều bị lạc hết. Họ là người địa phương mà bị lạc đường mới lạ. Đến trưa, hai anh em đều đã đi được một vòng, song không hề gặp một ai là người lạ.

Trên con đường mòn, chỉ có người anh đứng trước mặt người em. Thế ra người gặp đầu tiên của Đùng là Đà, và của Đà là Đùng.

Thật trớ trêu. Các cụ không hài lòng, nhưng số phận đã định. Sao có thể trái lời thề nguyền giao ước trước các thần linh.

Các già làng phải đồng ý cho họ lấy nhau. Nhưng vì chuyện này trái lẽ thường, nên các cụ đuổi họ đi không cho ở trong làng nữa.

Hóa ra, người cha của Đùng, Đà trước lúc ra đi, đã rất hiểu sự đời. Ông đã biết rõ số phận của hai người con, và đã cẩn thận dặn dò họ khi từ bỏ cõi đời. Đáng lẽ, theo lời cha, thì Đùng và Đà phải dắt díu nhau đi thật xa khỏi làng. Đáng lẽ ra, họ phải vào tít trong rừng sâu mà ở. Nhưng khốn thay! Họ đã sinh ra ở chính ngôi làng này, họ đã lớn lên cùng bao kỷ niệm cũng ở chính ngôi làng này, cho nên dù sao họ cũng có nhiều phần quyến luyến. Không được ở trong làng, họ phải ở tại nơi rìa làng. Nói đúng ra, chốn rìa làng ấy chính là ngọn núi (mà sau này người ta gọi là núi Đùng) ở bên kia sông. Sao họ lại ngốc thế không biết được. Sao họ lại khác người làng? Sao họ lại ở rìa làng? Họ không biết số phận của những kẻ ở rìa làng rồi sẽ ra sao ư? Nghĩ cũng thương cho họ! Vì nghĩ cho cùng, dù là người khổng lồ, họ vẫn là người của làng, như vậy họ làm sao tách hẳn khỏi làng, tách hẳn khỏi hòn núi Mẫu thiêng liêng...

Chính vì thế nên tai họa mới đổ xuống đầu họ. Một buổi tối, vào lúc nửa đêm, dân làng đang yên ngủ, bỗng thấy cái giường nằm đột nhiên chao đảo tựa như đưa võng. Đất rung lên từng đợt, từng đợt. Mới đầu nhẹ nhàng, sau rung mạnh, thỉnh thoảng xen vào một tiếng cười khúc khích. Chắc là cơn động đất và núi cũng biết rên. Thỉnh thoảng, đất trời lại rung rinh như vậy.

Có người đi rừng về muộn, khảo với đám trai trẻ rằng cơn động đất ấy phát ra từ ngọn núi Đùng. Các cậu lém lỉnh lại tán rằng: "Thì ra ông Đùng, bà Đà ân ái với nhau

làm cho núi cũng phải rung lên, và rừng cũng phải rên lên khoan khoái".

Chẳng biết lời đồn đại ấy đúng đến tận đâu, nhưng đám trai gái và những đôi vợ chồng trẻ cứ lấy chuyện ấy ra mà cười khúc khích.

Các cụ già trong làng, một lần nữa lại nổi giận lôi đình. Các cụ lắc đầu. Không thể kéo dài tình trạng này lâu được. Phải đuổi đôi trai gái khổng lồ dâm loạn này đi thật xa.

Một đêm, bất ngờ cả làng đốt đuốc kéo nhau đến chân núi Đùng. Họ khua chiêng, gõ trống, bắn tên ào ào lên ngọn núi Đùng. Sau đó họ bắn cả bùi nhùi có lửa lên nữa. Cỏ tranh khô bùng lên. Cái lều tranh của hai người khổng lồ cũng bùng lên. Trong ánh lửa rực trời, người ta thấy ông Đùng bị tên găm khắp người. Ông gào to. Lần này, dân làng chứng kiến thực sự tận mắt. Ngọn núi cũng rung lên cùng tiếng gào của ông. Ông vừa gào vừa thét "Các ngươi ác lắm". Tiếng kêu tiếng rú của ông làm mọi người sững sờ im lặng. Mọi người như đờ ra. Người ta còn nhìn thấy bà Đà cõng chồng chạy trốn vào rừng sâu.

Chẳng ai thấy xác của họ. Có thể họ đã bị hùm beo ăn thịt. Cũng có thể đã chết rục xác trong một hang đá nào đó. Họ chết nhưng oan hồn vẫn không tan. Về sau, thỉnh thoảng dân làng vẫn thấy đất rung chuyển. Và trong rung động, vẫn nghe thoảng tiếng cười khúc khích.

Từ đó, không ai muốn nhắc tới chuyện ông Đùng bà Đà nữa. Người ta ân hận chăng? Hối hận chăng? Họ sống thì chẳng ai muốn nhìn. Khi họ chết, lại được xây

hai bệ thờ. Trồng cả năm cây thị xum xuê làm lọng che cho nơi thờ tự. Có lẽ người ta ăn năn, muốn xoa dịu nỗi căm tức của hai cô hồn.

Kể xong câu chuyện, Hoa nín lặng như câm. Nhụ bảo:

- Câu chuyện sao buồn thế nhỉ.

- Người ta nói ông Đùng bà Đà vẫn không thể nguôi oán giận. Để trả thù, thỉnh thoảng họ gây ra những trận dịch.

- Cháu chả tin như vậy.

4

Ông lý Cỏn quản lý cả một gia đình lớn: ba bà vợ, gần chục đứa con, mấy chục mẫu ruộng, hàng chục đầy tớ, tuy vậy nhưng rất bài bản. Mọi việc chạy răm rắp chẳng khi nào chuệch choạc. Ba bà vợ vốn là sự khó cai quản nhất, không khéo sẽ sinh chuyện. Mà chuyện xảy ra ở trong nhà, ắt sẽ gây xáo trộn cho nề nếp gia đình. Tuy nhiên, chẳng bao giờ có chuyện gì xảy ra. Đến cụ chánh Thi, ông bố vợ cũng phải khen lý Cỏn tài, khéo thu xếp. "Có gì đâu mà tài với khéo - Lý Cỏn bảo. - Chẳng qua con chỉ dùng cách tách các bà ấy riêng ra". Mỗi bà ở một nhà, mỗi bà riêng một bếp. Ngôi nhà thờ, tức là ngôi nhà chính ở trên mảnh đất to hai mẫu đủ ao, vườn cảnh, vườn cây ăn quả, khu trồng tre xoan, khu chất đống rơm đống rạ. Nó là khu chính, khu trung tâm. Còn ba bà ở ba

mảnh đất con, bên ngoài lũy tre khu đất chính. Về mặt kinh tế cũng rất rạch ròi. Có ba chục mẫu ruộng, thì phần lớn cho cấy thuê, chỉ để lại gần chục mẫu nhà làm. Bà Cả phải quản lý hơn sáu mẫu ruộng. Bà Hai khoảng mẫu rưỡi (vì bà ít con). Bà ba khoảng hơn hai mẫu (vì đông con). Ruộng của bà nào, bà ấy tự làm, tự thu hoạch, tự chi tiêu. Ông lý Cỏn không phải động chân động tay vào phần ruộng ấy. Việc của ông chỉ là để mắt tới phần những ruộng cho cấy thuê. Nhưng ông bận trăm công nghìn việc, những việc không tên của một ông lý, cho nên ông có một người con nuôi tên là Tân, khoảng hai mươi lăm tuổi, giúp đỡ ông trong mọi việc nhà. Bà cả Cỏn là người rất đảm đang trong việc gia đình và việc ngoài đồng. Bà là bà Cả, nên bao nhiêu công to việc lớn, giỗ tết, hiếu hỉ bà đều phải gánh vác tất. Khi bà cả Cỏn qua đời, bà hai Cỏn lên thay bà Cả gánh vác việc chính trong gia đình. Yếu đuối, không hay lam hay làm như bà Cả, nhưng việc chỉ tay năm ngón của bà cũng đâu ra đấy. Lại được cái Thắm con bà Cả giúp đỡ dì. Con bé này mới lớn lên mà đã giống mẹ, nó đảm đang chẳng kém gì bà Cả ngày trước.

Riêng bà Ba vốn con nhà nghèo, lại có sức khỏe. Nhà không có một tấc đất, bà phải đi cấy thuê cuốc mướn từ lúc bé, nên khá thạo việc đồng áng. Nay trong tay bà có hơn hai mẫu ruộng, bà như con cá gặp nước thỏa thuê tung tăng bơi lội, bà lăn lưng ra làm. Việc cày bừa đã có người của nhà chính giúp đỡ. Bà chỉ phải lo chăn nuôi, bón phân, làm cỏ, tát nước, cấy gặt v.v... Lũ con bà cũng vậy, tiếng là con nhà giàu nhưng chúng giống mẹ hơn giống bố. Chúng cũng suốt ngày trài trại ngoài đồng, nào

chăn bò, nào cắt cỏ, nào lấy rau lợn, nào làm cỏ lúa, nào đập đất, có khi cả đi cấy đi gặt... Chúng làm việc hùng hục. Vì vậy nên gia đình riêng của bà ba Váy cũng khá dễ chịu.

Từ ngày cậu cả của bà Ba, tức anh Cò, tức cậu Vũ Xuân đi học trên Hà Nội, bà ba Váy rất hãnh diện nhưng hình như có điều gì đó tư lự mà không nói ra được. (Đáng lẽ ra phải gọi là Vũ Xuân Xuân mới chỉnh, chữ Xuân thứ nhất là đệm, chữ Xuân thứ hai là mùa xuân, là chính tên, nhưng hai chữ trùng nhau nên bỏ bớt một. Ông lý Cỏn khi khoe anh con trai học giỏi thường giải thích cho người trong làng như vậy).

Tính bà Ba xởi lởi nên các bà trong Kẻ Đình rất quý. Những lúc rỗi rãi, bà thường đến chơi các nhà trong xóm, nói chuyện hàn huyên. Đáng lẽ, người có địa vị như bà phải đến nhà các bà chánh, bà phó mới đúng. Tuy nhiên, không hiểu tại sao, bà rất khó làm quen với họ, và ngược lại họ cũng không muốn bắt thân với bà. Riêng đối với các bà nhiêu, bà xã, thì bà lại thấy dễ dàng thoải mái. Đặc biệt bà rất thân với thím ba Pháo. Thím hơn bà dễ tới gần hai chục tuổi. Năm ấy, thím Pháo đã ngoại năm mươi, còn bà Váy mới chỉ ba sáu, ba bảy. Gần như mẹ với con, song chẳng hiểu tại sao hai người thân nhau đến vậy. Một bận, ông lý Cỏn bắt gặp vợ đến nhà thím Pháo. Tối, ông đến với bà, ông nghiêm mặt hỏi vợ:

- Bà có biết thím Pháo là gì không?

- Là gì?

- Là mõ. Bà ngu thế sao? Đường đường là vợ một ông

lý mà hàng ngày thậm thụt vào nhà mõ. Liệu bà có biết thể diện của tôi là gì nữa không?

- Vâng, tôi biết.

- Biết mà còn ngu.

- Vâng, tôi ngu. - Bà thở dài - Nhưng ông có biết trước khi lấy ông, tôi có khác gì con mõ. Thậm chí chẳng bằng mõ. Vì miếng cơm chẳng có mà ăn. Ông có biết tại sao tôi quý bà ấy không?... Vì... Có ai biết thương tôi đâu... Họ hàng thân thích chẳng có ai. Chỉ có bà ấy biết thương tôi.

- Thương?

- Vâng. Năm kia, ông đi lên tỉnh... Tôi ra làm đồng bị cảm... Bà ấy đã cõng tôi về... đã đánh gió cho tôi... đã cháo lão cho tôi...

- Sao lại dại thế... Sao không gọi bà Cả, bà Hai?... Sao không đến nhà cụ Tú?

- Hừ... gần chết mà sĩ diện được ư... Chờ gọi được người nhà ông... thì... thì... tôi đã xanh cỏ.

- Vậy, chịu ơn người ta... thì trả ơn người ta vài thúng thóc, thế là xong chứ gì...

Bà ba Váy nghe chồng nói, chỉ buồn rầu im lặng. Từ đó bà ý tứ hơn. Lâu lâu mới sang. Và chỉ sang buổi tối. Những tối như vậy, hai người rủ rỉ với nhau cho đến tận khuya. Họ nói chuyện gì với nhau mà lắm vậy. Cả đến Hoa cũng phải ngạc nhiên.

Khi thím Pháo qua đời, lúc đó lý Cỏn cũng đang thập tử nhất sinh, vả lại người ta phải nhanh chóng chôn người chết dịch, thành thử bà ba Váy không tiễn đưa được thím. Khi trận dịch qua đi, điều lạ là vợ ba lý Cỏn

vẫn tiếp tục sang nhà mõ. Cái thâm tình với người mẹ đã chuyển sang người con chăng? Hay còn những nguyên nhân khác? Bà Ba kín đáo chăm sóc Hoa, như thể Hoa là một đứa em, một đứa con. Bà Ba kém tuổi thím Pháo nhiều, nhưng con bà, thằng Cò cũng suýt soát tuổi Hoa. Cái tuổi ba lăm, ba sáu của bà là thế. Già chẳng ra già, trẻ chẳng ra trẻ. Thực ra, trông bà còn mặn mà lắm. Chẳng ai nghĩ được bà đã sáu con và con đã lớn tướng. Có lẽ bà không có con gái lớn nên thích thân với Hoa chăng? Có người còn hồ đồ cho rằng bà ba Váy định chấm Hoa cho thằng Cò. Nghe câu nói ấy, người làng cười rộ. Thằng Cò Xuân học giỏi như thế, giàu có như thế, gia đình danh giá như thế mà chấm con nhà mõ thì họa có là điên, mặc dù ai trông thấy Hoa cũng phải tấm tắc khen thầm là đẹp.

Ông hộ Hiếu đã già, lại thêm nhiều lúc nhịn ăn chỉ uống nước trà, nên thân thể suy nhược ốm đau quặt quẹo luôn. Hoa thương cha định lấy số tiền để dành ra thuốc thang. Ông già không cho và dọa nếu Hoa cố tình làm thế, ông sẽ cắn lưỡi tự tử. Bà ba Cỏn thấy tình cảnh ông già, đã giúp đỡ Hoa bằng cách mượn Hoa lúc thì nhổ cỏ tát nước, lúc thì đánh luống vun cây. Rồi trả công cho hậu hĩ. Không những ông Hiếu ốm, mà cả khi ông Trịnh Huyền ốm, bà Váy cũng nhờ Hoa đem đến cho ông cân đậu xanh. Hoa càng lúc càng ngạc nhiên và hiểu ra rằng bà Ba không những chỉ quan tâm đến cô mà còn cả đến gia đình họ Đinh Công nữa. Có chuyện gì ở đây nhỉ? Cô gái cố nghĩ nhưng cũng chịu không hiểu tại sao.

Có một tối, bà Váy đến nói với Hoa: "Cô đến chơi nhà

cái Nhụ, nhắc ông Huyền rằng tổ tương tế phải cẩn thận. Tây đồn điền chú ý đấy. Ông tây hôm nay đến nói chuyện với ông Lý, tôi đun nước cho họ, lúc lên nhà nghe thấy".

Nhờ thân thiết với bà ba Váy, Hoa biết rất nhiều chuyện trong thôn xóm. Hầu như ở trong làng có chuyện gì, cô là người biết đầu tiên. Ví dụ làng định sắp mở hội. Bà Ba nói:

- Không phải hội hàng năm ngoài đình đâu. Đấy là hội nhỏ. Đằng này mở hội to. Đại hội trên mười năm mới mở một lần.

Hoa tròn mắt ngạc nhiên khi bà Ba nói:

- Cô chưa biết hội này. Khi mở hội lần trước, cô chỉ mới lên ba, lên bốn. Làm sao biết được. Gọi là hội Kẻ Đình, nhưng người ta vẫn quen gọi là hội "Ông Đùng, bà Đà". To lắm. Không riêng chỉ làng Đình, cả vùng đến dự. Hội hàng năm chỉ làm ở đình Làng. Còn hội lớn này làm ở ba nơi: đình làng, đền Mẫu và cả trên núi Đùng.

Cô Hoa lại hỏi:

- Bảo phải được mùa mấy năm liền mới mở đại hội. Năm ngoái, làng mình bị trận dịch thiệt hại to như thế...

- Bị dịch nhưng lúa vẫn tốt. - Bà ba Váy trả lời. - Ấy lúc họp cụ tú Cao cũng nói như cô ấy, bảo rằng vừa chết dịch xong, chẳng nên làm. Cụ chánh Thi đáp lại rằng vì có dịch nên cần phải làm. Dịch là tại dân làng chểnh mảng, sơ sài hương khói. Ông Đùng nổi giận gieo tai giáng họa. Nay phải làm hội to để cho Ông và Bà bớt nổi cơn giận lôi đình...

Bà Lý nói cứ như thể bà cũng dự cuộc họp kỳ mục ngoài đình. Thực ra, đó là câu chuyện thủ thỉ ban đêm mà ông Lý đã thổ lộ với bà.

Những câu chuyện ngồi lê đôi mách như vậy, giữa bà ba Cỏn và Hoa, thực ra cũng là một niềm vui, có khi là niềm an ủi của người đàn bà nông thôn. Bà Lý có thể tìm thấy ở Hoa bóng dáng của mình thời son trẻ. Còn Hoa, cô có thể tìm thấy ở bà hơi hướng của người mẹ quá cố. Tại sao bà Ba trước đây rất thân với thím Pháo? Gặp bà nhiều lần, Hoa mới biết tính nết bà Ba rất giống mẹ mình. Hai người đàn bà có địa vị rất khác nhau, song thời con gái họ đều có hoàn cảnh như nhau. Đến như hôm nay, đã là bà Lý rồi, mà bà Ba hình như vẫn chưa hết tủi. Còn cô nữa, cô Hoa, liệu cô có tủi phận không? Liệu cô có cam chịu không? Những đêm khuya, Hoa vẫn thường hỏi mình như vậy.

Lại một bận khác, một tối, bà ba Váy đến chỗ Hoa. Bà mới vào đến nhà đã hỏi ngay:

- Mày đã biết chuyện chưa?

- Chuyện gì thế bà?

- Chuyện quan trọng về cháu...

Đúng là chuyện quan trọng thật. Ông hai Xe, anh ông ba Pháo, từ dưới Nam lên. Bà ba Váy nghe lỏm được câu chuyện rất can hệ tới số phận của Hoa nên phải gặp cô ngay.

Ông Xe lên Cổ Đình vào lúc xế chiều. Ông không đến chỗ Hoa, mà hỏi thăm vào ngôi chùa để gặp ông hộ Hiếu. Hai ông già chẳng biết nói chuyện gì với nhau. Chập tối,

ông Xe xin phép ông hộ Hiếu. Tưởng ông đi gặp Hoa nhưng không phải. Ông tìm đường đến nhà ông lý Cỏn. Không biết ông chuẩn bị từ lúc nào mà đã có sẵn một gói chè và một đồng bạc. Ông xoa hai tay rối rít và ăn nói rất rụt rè:

- Chúng con xin có lời chào cụ Lý ạ.

- Ấy chết! Ông đừng gọi tôi là cụ. Gọi thế nó tổn thọ đi... À này, ông đến có việc gì? Ông không phải người làng, vậy từ đâu đến.

- Cụ quên chúng con rồi ư? Bố con là ông cụ Điếc. Con là Xe, em con là...

- À... Thế thì tôi nhớ ra rồi. Ông cụ Điếc ngày xưa bắt ông về quê giữ hương hỏa chứ gì... Ông cụ nghĩ thế là phải lắm. Thế gia đình... ở dưới ấy làm ăn ra sao?...

- Dạ bẩm ông Lý... nhà cháu dưới ấy vẫn yên ổn cả... Chỉ có mỗi một điều là đông người quá... Bẩm, hai đứa con gái lớn đều đã gả chồng. Hai thằng con trai lớn đều đã lấy vợ... Chỉ còn mỗi thằng út năm nay đã tròn mười tám...

- Lớn tổng ngồng rồi nhỉ? Tên nó là gì?

- Dạ bẩm, tên nó là Trình.

Chẳng biết có chuyện gì thoải mái mà trong cuộc tiếp khách ngắn ngủi hôm nay, ông Lý hay cười. Sự xởi lởi của ông Lý làm cho ông Xe bớt đi cái rụt rè ban đầu. Ông tận dụng sự vui vẻ của lý Cỏn mở cái bị lấy ra cái đĩa con mà ông mượn trên bệ thờ dưới chân pho hộ pháp, trịnh trọng đặt bao chè, đồng bạc lên rồi run run dâng ra trước mặt.

- Chỉ là chúng cháu muốn đến xin ông Lý một điều.

- Ngày xưa cụ Điếc sinh ra ông rất hiền. Tôi rất mến. Ông chớ ngại. Muốn điều gì cứ nói thẳng ra.

Ông Xe bấy giờ mới xoa tay và nói:

- Bẩm cụ Lý, nhà con nghe tin làng mình đang khuyết chân mõ...

Lý Cỏn nhìn thẳng vào mặt ông già, mới đầu có vẻ ngạc nhiên, sau một lúc ngẫm nghĩ mới hỏi:

- Ý ông định quay trở về Cổ Đình, nhận cái chức việc của ông cụ Điếc ngày xưa chăng?

Ông Xe xua tay rối rít:

- Dạ bẩm, không phải thế. Con đã già rồi. Kham sao nổi. Ý của chúng con là định xin cái chân ấy cho thằng út, cái thằng tên là Trình mà con đã bẩm từ lúc đầu... Dạ, cụ Lý đừng ngại. Thằng bé nhà con mặt mũi sáng sủa, lại nhanh nhẹn lắm. Con lù đù thế này, chứ thằng út nhà chúng con thì tay nem tay chạo, việc gì cũng thạo... Dạ bẩm, con không dám khoác lác, chứ ngay cả việc mổ trâu nó cũng làm được. Chả là nhà nghèo nên cháu nó phải lăn lưng ra làm thuê làm mướn đủ việc, đủ nghề...

Ông Lý ngồi im vê bộ ria mép một lát mới nói:

- Hóa ra là thế... ừ, tôi nghe ông khoe về thằng Trình, thật bụng tôi thấy thích... Nhưng ông biết đấy... thím ba Pháo vừa mới mất. Mà cái Hoa, con thím Pháo cũng là đứa nhanh nhẹn chẳng kém gì thằng con ông. Kể ra mõ đàn bà cũng có khi bất tiện, song cũng chẳng sao. Thím Pháo đã làm mõ trên hai chục năm từ khi chồng chết. Tôi không nỡ cắt miếng cơm của đứa mồ côi. Tôi định thế này: Thừa con Hoa thì sẽ đến phần con nhà ông. Nếu con

Hoa không muốn làm mõ nữa, vì nó là con gái đã đến tuổi lấy chồng, thì sẽ đến lượt thằng Trình nhà ông.

Mặt ông Xe bỗng tươi tỉnh hẳn lên. Ông lại xoa tay rối rít:

- Dạ bẩm, cụ Lý nói thật chí tình chí lý. Cụ truyền bảo vậy... nhưng không sao dâu ạ. Thật nhất cứ lưỡng tiện. Bởi vì...

- Vì sao?

- Vì thằng út nhà con sắp cưới cháu Hoa.

- Thằng Trình lấy con Hoa? Thế mà tôi không biết nhỉ! Hay thật đấy! Khéo thật đấy! Hơ hơ...

Ông Lý cười. Còn Hoa, khi nghe tin ấy, cô giãy nảy lên:

- Làm gì có chuyện ấy. Sao cháu không biết?

- Thì chính tai tôi nghe thấy mồm ông Xe nói ra như vậy. Ông Lý cứ cười khúc khích mãi. Ông Xe thì nói ông ấy đã bàn với thầy cô, ông hộ Hiếu rồi.

Sau khi bà ba Cỏn về, lúc ấy đã khuya, nhưng Hoa thấy không thể nán chờ đến hôm sau, cô đến ngôi chùa đổ. Ông hộ Hiếu đang ngồi lim dim trước pho tượng hộ pháp. Con gái ông, giọng bực bội, hỏi bố:

- Ông Xe đâu rồi? Con muốn nói chuyện với ông ấy.

- Ông Xe hả? Ông ấy đi rồi. Vội vã lên rồi lại vội vã về ngay. Ông ấy chưa kịp gặp con. Sáng hôm nay, ông ấy chỉ kịp ra mộ mẹ con thắp ba nén nhang, và bảo rằng sẽ làm theo tâm nguyện của bà ấy.

- Tâm nguyện của u con? Tâm nguyện gì hở bố?

- Thì cái chuyện bà ấy hứa gả con cho thằng Trình.

Cái đận u con về quê mấy năm trước. U mày nói với tao rồi, nhưng bảo để chúng mày lớn lên chút nữa sẽ hay. Khổ thân bà ấy! Lúc nhắm mắt cũng không thấy được chúng mày nên vợ nên chồng. Ông Xe lên dận này là để nhắc tao cái lời hứa của u mày...

Đầu óc Hoa bỗng ù lên. Lúc này, Hoa mới nhớ lại, sau khi về thăm quê, bà Pháo cứ nức nở khen Trình là sáng sủa, bé tí mà đã khôn ngoan. Cái khôn nó dồn lên mặt. Cô bực tức gắt cả với bố. Điều ấy, chưa bao giờ cô dám thế. Cô sầm mặt, chủng chẳng:

- Con chẳng thèm lấy cái thằng vừa còi rí còi rị, lại vừa khoèo.

- Ơ kìa! Con này hay nhỉ. Tao nghe mẹ mày nói mặt mũi nó sáng sủa lắm cơ mà. Còn khoèo thì tao không nghe mẹ mày nói.

Thực ra Trình có tật ở chân, đi hơi tập tễnh chút xíu, ai không quá để ý thì chẳng nhận ra. Vì không thích, vì cáu kỉnh nên Hoa nói tướng lên là khoèo cho bõ tức. Nói xong, cô ngồi sụp xuống, ngồi dựa lưng vào tường, nhìn ông hộ pháp mà ngán ngẩm cho cái thân mình. Ông hộ Hiếu lên cơn ho, ho sặc sụa mãi mới dứt. Ông đến gần con gái:

- Mẹ mày chết chưa kịp nói cái tâm nguyện của bà cho con biết. Thì nay thầy nói. Cả thầy cả u đều chỉ muốn cho con thoát cái kiếp mõ. Cái kiếp hèn hạ, người chẳng ra người, ngợm chẳng ra ngợm. Ai ai cũng có quyền khinh rẻ được. Vì thế nên u mày mới dẫn mày về quê. Vì thế nên u mày mới nhận lời ông hai Xe cho thằng Trình. Nó có bé người một tí. Nó có nghèo một tí song chả sao.

Chỉ cốt thoát cái kiếp tôi đòi hèn mạt. Người ta chỉ tôi đòi cho một ông chủ. Đằng này mõ là tôi đòi cho cả làng cả tổng...

Nghe ông cụ nói, Hoa dần ngẩng đầu lên. Lúc này cô mới chợt hiểu hoàn toàn vấn đề. Bây giờ cô đã bình tĩnh. Cô biết mình phải làm gì. Hoa hỏi bố:

- Thế thầy đã biết ông hai Xe đến nhà ông lý Cỏn chưa?

- Ông Xe đến nhà ông Lý? Tao chưa biết. Ông Xe không nói. Mà ông ấy đến đó làm gì nhỉ?

- Thầy ơi! Thầy bị mắc lừa ông ta rồi.

- Lừa ư?

- Vâng. Thầy có biết ông hai Xe đến nhà ông Lý làm gì không?

- Chịu.

- Đến nhà ông Cỏn để xin cái chân mõ. Quý chưa! Xin chân làm mõ cho thằng Trình.

- Hả?

- Xin cho thằng Trình làm mõ thay con... Thầy thấy chưa? Thầy u muốn con thoát kiếp mõ. Còn ông hai Xe thì muốn con lấy thằng Trình, để tranh phần làm mõ, để hai vợ chồng cùng làm mõ, để đẻ ra một lũ con lại tiếp nghề làm mõ...

Hoa nói với hai con mắt long lanh, cô nói dồn dập làm ông hộ Hiếu ngồi ngẩn ra ngơ ngác. Ông như không tin ở tai mình nữa. Ông tần ngần:

- Chẳng có lẽ lại thế... Hay là con nghe lời đơm đặt.

- Đơm đặt ư? Chính bà ba Cỏn nghe được chuyện và

vừa mới kể cho con xong... À... Thế thầy đã nhận lời ông hai Xe chưa?

Ông hộ Hiếu nghĩ một lúc rồi gật gù:

- Ai ngờ ông ta lại thế. Giấu biệt cái chuyện lên xin làm mõ cho con trai... Lại muốn thắt con vào kiếp mõ cả đời... Thôi! Con cũng đừng xịu mặt nữa. Cả u mày trước kia, cả thầy đều nghĩ mày lấy thằng Trình là được về quê ngoại là thoát khỏi kiếp mõ. Ai ngờ... cơ sự lại thế... Nhưng chả sao đâu... Thầy còn nói nước đôi... Thầy bảo ông hai Xe rằng, hãy thư thư, còn hỏi con một lời kẻo mang tiếng ép duyên... Thôi... cũng may...

Ông hộ Hiếu nói xong thở phào nhẹ nhõm.

Làng Kẻ Đình, từ khi có Huy và Tuấn về thành lập tổ tương tế, đã thay đổi chút ít. Người ta học chữ. Người ta nghĩ đến chuyện tương hỗ nhau lúc khó khăn... Nhưng khi Huy, Tuấn ra đi, rồi tây đồn điền bàn với nhau không cho tổ tương tế hoạt động, cái làng quê hiền hòa ấy lại quay trở về với những nề nếp khi xưa. Đàn ông lại lo rượu chè, cỗ bàn, lo lên ông nhiêu, ông xã. Đàn bà lại tức khí nhau chỉ vì con gà bới đống rơm, con chó bị hàng xóm đánh đuổi, lũ trẻ con vào vườn ăn trộm ổi... Và những chuyện ngồi lê đôi mách thì vô tận không bao giờ dứt, vì đó là nguồn vui của các bà...

Cái làng quê nhỏ bé ấy như một kẻ buồn ngủ. Quanh năm suốt tháng lim dim con mắt. Chỉ thỉnh thoảng mới giật mình tỉnh giấc. Thường giấc ngủ dài hay tỉnh lại vào mùa xuân. Tết, đã đành, vì tết là lúc muôn loài cùng thức dậy. Nhưng sau tết lại ngủ. Rồi lại thức vào

đầu tháng ba. Kẻ Đình thích nhất tháng ba. Vào ngày mồng mười bắt đầu mở hội. Mở đến quá rằm mới rã đám. Bắt đầu từ cuối tháng hai, Kẻ Đình đã mang không khí nhộn nhịp chuẩn bị. Năm nay đại hội. Hội to, hơn mười năm mới có một lần. Có người cả đời chỉ dự được ba lần đại hội là nhiều nhất. Đám trai gái đương tơ háo hức cũng dễ hiểu. Bởi vì hội Kẻ Đình rất đặc biệt. Bởi vì hội ông Đùng bà Đà nổi tiếng về sự giao duyên kỳ lạ... Nhiều bà nạ dòng cũng náo nức không kém. Các bà mong lên đền Mẫu. Tháng ba giỗ mẹ mà. Con nào chả thương nhớ mẹ. Còn các ông thì sao? Việc tế lễ ở đình là việc hệ trọng. Làng này có tục rất nghiêm. Đàn ông trong làng phải chay tịnh mười ngày, phải xa lánh các bà bắt đầu từ ngày 1 tháng ba. Các hội khác, chỉ có ông cai đầu dám phải chay tịnh thôi. Đằng này ở hội Kẻ Đình, cả làng cùng chay tịnh. Sự kiêng khem ấy kể cũng kỳ lạ. Có người khen tục lệ ấy là mỹ tục cung kính với thần linh. Có người bảo chẳng qua là họ tiết kiệm, dồn sức lại...

Tối hôm ấy, bà ba Cỏn lại đến nhà Hoa. Cô mõ cứ tưởng mình lại được nghe những lời ong tiếng ve của dân làng đang bàn tán về chuyện ông hai Xe lên Cổ Đình xin cho con làm mõ, và nhân thể hỏi vợ cho con trai. Cũng có thể bà Ba nghe được ông Lý nói gì về ngày hội nên đến để khảo chuyện cùng cô. Nhưng bà Ba lại bảo:

- Hoa ơi, hôm qua thằng Cò nhà ta về chơi. Về sáng, chiều lại đi ngay.

Hoa ngạc nhiên vì câu chuyện con bà Ba đi học ở Hà Nội này về chơi thì có liên quan gì tới mình. Rồi Hoa

ngẫm nghĩ: "Bà này trống mồm thật. Có chuyện gì trong nhà cũng đem ra kể hết". Bà Ba lại kể tiếp bằng cái giọng đột nhiên nhỏ hẳn xuống:

- Này, cứ tưởng chú Huy đi đâu. Ai ngờ ở Hà Nội. Thằng bé nhà tôi nó gặp đấy.

Câu chuyện đột nhiên xoay hướng khác. Hóa ra câu chuyện về Huy. Lập tức, Hoa chú ý ngay.

Hoa cũng nhớ tới lớp học ở nhà cụ Đồ. Lúc đó Huy làm thầy giáo. Huy vẫn thường khen: "Cô Hoa sáng dạ lắm. Cô học nhanh thế này chẳng mấy chốc mà tôi hết chữ". Rồi anh còn nói: "Cô Hoa đừng cam chịu. Hãy mạnh dạn lên. Phải rũ bỏ... tất cả. Người như Hoa sao lại làm mõ...", rồi: "Cố lên! Phải tự mình... có dịp tôi sẽ giúp...".

Buổi tối nào học xong, hai người cũng về cùng đường. Huy rất nghiêm chỉnh, cái nghiêm chỉnh mà Hoa ít thấy ở đám con trai trong làng, cái nghiêm chỉnh làm nhiều lúc Hoa thấy e sợ. Thường thường Huy hay tư lự. Quãng đường cùng đi khá dài nhưng họ chỉ trao đổi với nhau những câu chẳng đâu vào đâu. Huy không cho Hoa gọi bằng cậu, nhưng lần nào trước khi chia tay Hoa cũng lễ phép:

- Em chào cậu giáo ạ!

Xưng bằng em thế là đã quá lắm rồi. Còn chữ "cậu" thì không bao giờ Hoa dám bỏ. Hoa hiểu thân phận của mình, không bao giờ dám vượt quá giới hạn. Tuy nhiên, Hoa vẫn cảm thấy trong thái độ nghiêm chỉnh của Huy có điều gì khác lạ. Điều khác lạ ấy rất mong manh. Chỉ thoáng manh nha trong óc, Hoa đã thấy ngay đó là chuyện điên rồ. Cái đêm hôm Huy chui xuống gầm phản

lúc bà Pháo chết, sau đó, Hoa đưa Huy vào buồng của mình, bởi vì Huy không thể đi ngay được. Huy còn nán lại trong buồng của Hoa thêm một ngày nữa, cho đến lúc tây đồn điền và dám tay chân của quản Boong hoàn toàn tin rằng Huy không có mặt trong làng, lúc ấy Hoa mới cho Huy trốn khỏi nhà. Buổi tối lúc ra đi, Huy nắm lấy tay Hoa mà bảo:

- Em cứ chờ. Nhất định anh sẽ thu xếp...

Thu xếp cái gì Huy chẳng nói rõ. Chỉ biết rằng lúc ấy, Hoa cảm thấy tay Huy run lên. Từ khi ấy, Hoa vẫn chờ đợi. Chờ cái gì? Chờ một cái tin rất mong manh, chờ một tương lai rất mờ mịt, bởi vì Huy đã dám hứa gì đâu, bởi vì nói cho cùng Huy đang bị săn đuổi. Và còn điều này nữa... dù sao, Huy cũng vẫn là một cậu ấm...

Chuyện ấy Hoa chẳng nói với ai, kể cả Nhụ, kể cả ông hộ Hiếu. Nhưng trong lòng cô gái vẫn lởn vởn một chút gì đó, có thể gọi tên nó là hy vọng. Trong lúc này, đó là cái phao mờ mịt, thoáng thấy trong mênh mông của cô con gái đang trăm bề bối rối muốn tìm đường thoát khỏi một hoàn cảnh mà cô nhất định không cam chịu...

Do vậy, khi nghe nói Cò gặp Huy ở Hà Nội, Hoa hỏi ngay:

- Cậu Cò gặp cậu Huy ư?... Thế cậu ấy có gửi gì cho cháu không?

Đến lượt bà ba Váy lại ngạc nhiên. Tại sao chú Huy... Hoa hiểu ngay mình đã lỡ lời. Cô đỏ bừng má (cũng may trời tối bà Ba không nhìn rõ) và chống chế bằng một câu nói dối:

- Ấy, hôm qua bác Huyền nói với cháu rằng đang rất mong tin của cậu Huy.

Bà Ba thì thào:

- Thư cho ông Huyền thì có. Mà lạ thật! Thằng Cò nhà tôi lại dặn dò rất cẩn thận, nói tôi không được mang đến, mà phải nhờ cô chuyển giúp.

Khi Hoa mang thư đến, ông Trịnh Huyền cầm lấy, lẳng lặng đem thư vào trong buồng đóng cửa lại đọc. Hoa biết là thư cho tổ tương tế, cô xuống bếp đun nước cùng với Nhụ. Cô cứ nấn ná chưa muốn về. Lúc cô mang ấm nước lên nhà thì ông Huyền đã ra ngồi ở bàn. Lá thư chẳng thấy đâu. Cô muốn hỏi ông Huyền một câu gì đó song chẳng biết hỏi thế nào. Đến lúc cô pha nước xong, ông Huyền mới nói:

- Chú Huy có lời hỏi thăm cô Hoa đấy.

Chỉ một câu ngắn ngủi thế thôi cũng đủ làm cho lòng Hoa ấm áp. Tuy nhiên đêm hôm ấy lòng Hoa cứ rối bời. Thế là cô vẫn phải chờ đợi. Cô liệu còn chờ đợi được đến bao giờ.

XIV

HỘI KẺ ĐÌNH

1

Ngôi đình là niềm kiêu hãnh của dân Kẻ Đình, thậm chí là niềm kiêu hãnh cho cả một vùng đất chung quanh hồ Huyền. Ngôi đình thật đẹp. Nó nằm ở thôn Trung, chỗ ngã ba giữa những con đường dẫn đến thôn Thượng, thôn Hạ và thôn Viên (xóm Vườn). Nếu đi thuyền trên hồ, đưa mắt nhìn lên đã thấy ngôi đình lớn rêu phong cổ kính. Vào mùa xuân ta bị sững sờ lập tức khi trông thấy hàng cây gạo cổ thụ mọc ở bến nước trước cửa đình. Những cây gạo lớn đầy hoa đỏ chói như những cây đuốc khổng lồ đang mời mọc ta. Đối với chim chóc, côn trùng, hàng cây gạo ấy lại là những mâm xôi gấc, mâm xôi mật đầy quyến rũ. Chúng kéo nhau đến từng đàn. Tiếng vo vo, tiếng ríu rít không khi nào dứt. Nếu đi bộ từ cây đa đầu làng tới, ta thấy ngay ở ngã ba cái dáng xum xuê sừng sững của cây đề tuổi vài trăm năm mà vẫn xanh tươi, vẫn hớn hở. Lá múa lên chào ta mỗi khi gặp gió.

Chính vì ngôi đình đẹp đẽ này nên làng mới có tên là Kẻ Đình.

Ngày xưa, có một bà họ Vũ được tiến vua. Bà được phong quý phi. Trước kia đình là ngôi nhà lá. Bà quý phi lúc già về làng, đem tiền của xây dựng ngôi đình làng

cho thật bề thế. Bà cả đời sống trong cung, thường xuyên ở nơi lầu son gác tía nên có con mắt biết thưởng thức vẻ đẹp. Do vậy, bà thuê hai tốp thợ giỏi đã từng làm việc ở Thăng Long về dựng đình làng. Bà bảo: "Đình to vừa vừa thôi, nhưng cốt yếu là phải đẹp. Phải chạm trổ cho thật khéo". Chả thế mà ngôi đình phải dựng ròng rã hơn năm năm mới xong. Người ta bảo xây đình tốn không biết cơ man nào là tiền bạc. Riêng việc chạm trổ và sơn son thếp vàng tốn kém cũng ngang bằng tiền làm đình. Như vậy một đình tốn bằng hai đình.

Qua những cây trụ cửa đình, ta gặp cái sân gạch mênh mông trước tòa đại bái. Đứng ở sân, ta bị choáng ngợp ngay trước cái mái ngói thâm nâu dồ sộ kéo từ cao xuống thấp. Bờ nóc cong cong vểnh lên hai đầu trông như hai mũi con thuyền. Các đầu đao cũng uốn cong trang trí hình rồng. Tòa đại đình bảy gian hai chái được đỡ bằng mười hàng cột lim to. Người ta bảo những cột cái to chưa từng thấy. Chả thế mà người ta vẫn ví: "To như cột cái Kẻ Đình". Trừ gian giữa để nền thấp, còn tám gian chia đôi ở hai bên đều có sàn gỗ cao gần ngang thắt lưng.

Vào gian chính giữa không sàn, tức gian lòng giếng, ta lập tức bị bàng hoàng vì ánh vàng rực rỡ. Cái cửa võng treo từ nóc đình xuống đến khoảng quá đầu người hoàn toàn thếp vàng lộng lẫy. Cái cửa võng chạm khắc rất công phu mà người ta bảo tiền của để làm nên nó phải mất bằng nửa cái đình là thế. Mái thấp và to nên bên trong đình hơi tối song nhờ cái cửa võng trứ danh đó đã bắt sáng, hắt ánh sáng, nên gian lòng giếng hầu như không tối nữa. Cái thâm u, cái lộng lẫy ánh vàng, cái to

lớn đồ sộ làm cho chốn thờ phụng của làng càng thêm uy nghi, tôn nghiêm. Sự đồ sộ trước tiên đập ngay vào mắt mọi người là những cây cột cái. Hai hàng cột cái như hai hàng lực sĩ khổng lồ đang ghé vai đỡ lấy dàn mái rất dài và rất rộng. Hai người ôm một cột. Thượng thu hạ thách. Riêng bốn cây cột lim gian giữa nhẵn bóng tựa sừng như nhắc lại chuyện những người khổng lồ ông Đùng, bà Đà. Bốn cây cột từng đôi hơi ngả đầu vào nhau. Chỉ cần đứng ở gian lòng giếng này thôi, hãy ngẩng đầu lên ngắm những hình chạm trổ trên những cốn, những kẻ, những bẩy, những rường, những đấu..., ta cũng đủ thấy hết cái tài hoa tinh vi, cái hóm hỉnh hài hước, cái ước ao thầm kín của người dân quê. Con trâu kéo cày ư? Con voi kéo gỗ ư? Con nghê chống hai chân trước xuống đất, chổng hai chân sau lên trời toét miệng ra cười hóm hỉnh ư? Rồi những đôi trai gái tự tình. Những cô gái quê khỏa thân, tóc dài với những nét mềm mại; những chàng trai lực điền vạm vỡ giao duyên. Gái thì vuốt tóc e thẹn, trai thì say sưa hái quả đào tiên. Bên cạnh gần đấy, chàng thư sinh đánh đàn lim dim đôi mắt, miệng cười mủm mỉm. Ở một miếng ván nong, cảnh ông Đùng bà Đà đi quanh núi. Bà đeo đôi hoa tai dài chấm đến ngang vai. Đôi vú khổng lồ thỗn thện. Ông thì lực lưỡng nhìn Bà đắm đuối. Đi hết một vòng, tay lại cầm tay. Người ta bảo ở những gian bên còn có những tấm ván nong khắc chạm cảnh Ông và Bà ngồi trên núi ngắm trăng. Ông và Bà đều ngẩng đầu lên trời song Ông vẫn không quên những quả đào vĩ đại của Bà. Còn có cảnh lửa cháy ngút trời và Bà cõng Ông vào rừng sâu... Nhiều cảnh ông Đùng, bà Đà

như thế, nên có một số người lạ ở xa không biết cứ đồn rằng Kẻ Đình thờ Ông Bà làm thành hoàng làng. Là lời đồn thế thôi, chứ thực ra người Kẻ Đình còn giữ được gần chục lá sắc phong của những triều vua xác định rõ ràng Đinh tướng quân mới là thần của làng.

Chính tại ngôi đình trứ danh này, đó là nơi bắt đầu ngày hội Kẻ Đình. Đầu tháng ba mới mở hội, nhưng tháng hai cả làng đã nhộn nhịp.

Cả làng bận rộn là việc dễ hiểu. Riêng anh chàng Điều bận rộn đến mức vắng nhà suốt ngày đêm, quên cả vợ là việc Nhụ khó hiểu. Cô đâu biết Điều say mê hội là vì một điều thầm kín mà anh chưa hé lộ cùng cô. Bởi vì mùa hội tức là mùa trái chín.

Cụ chánh Thi, cụ tiên chỉ Nhậm, ông lý Cỏn, ông hương Ất từ sáng đến tối mịt bận đi xem xét, đôn đốc công việc. Cánh con trai giáp Nhất được các cụ giao cho việc lau chùi toàn bộ đình làng. Lau hạc thờ, đỉnh đồng, bát bửu, rồi lau chùi cả hai pho tượng ông phỗng đội đèn. Hai pho tượng chân quỳ chân chống, hai tay đỡ cái giá cắm nến to trông rất ngộ. Các cụ rất quý hai tượng này, bảo rằng Đinh tướng công ngày xưa đi mở đất phương nam nên đình thờ mới được phép bày hai pho tượng ấy. Đừng tưởng việc lau chùi là nhẹ đâu. Chỉ riêng lau cái cửa võng thếp vàng đã phải dùng hai người trong một ngày. Ấy là chưa kể đến việc lau những chạm trổ trên kẻ, bẩy, rường, xà... Hàng trăm hình chạm trổ lồi lõm... rồi đúng 60 chiếc cột to... rồi hàng trăm chiếc xà... Mà yêu cầu tất cả đều phải bóng lộn, sạch như li như lau. Cụ tiên

chỉ Nhậm cầm cái khăn trắng đi kiểm tra. Quệt vào chỗ nào thấy khăn có vết đen thì cả giáp phải quở mắng, phải phạt... Lúc mới chia việc, giáp Nhất được lau đình tưởng được việc nhẹ, nhưng sau mới biết việc này chẳng nhẹ chút nào.

Còn giáp Nhị được giao việc cắm cờ. Việc này cũng khá vất vả. Ông hương Ất dẫn đám trai tráng ra bãi tre làng, chui rúc vào những bụi tre gai, tìm những cây tre bằng cổ chân, không được cong chặt đem về. Vì tre thẳng thường ở giữa bụi nên phải rút rất vất vả.

Ông trương tuần dẫn Điều đến bụi bương nhà ông phó Cối. Ông Trương đã đi ngắm khắp làng, hàng tuần mới tìm được cây bánh tẻ, to như bắp đùi, cao gấp rưỡi cây tre thường và thẳng tắp. Đó là cây bương dựng trước cửa đình để treo lá cờ đại lên đó. Đám tuần đinh đã chôn hai cột xoan to cao đến ngang ngực, đục những lỗ con xỏ sẵn sàng, để tạo ra cái giá đỡ vững vàng cho cây bương. Trên cột bương người ta sẽ treo lá cờ đại bằng bốn chiếc chiếu. Lá cờ ngũ hành hình vuông, giữa màu vàng, chung quanh viền bốn dải xanh, đỏ, đen, trắng. Trên nền vàng giữa cờ dán chữ Đinh. Đó là biểu tượng của làng báo cho nhân dân quanh vùng biết Cổ Đình mở hội lớn.

Ngoài việc cùng hàng giáp sang sửa đình làng, Điều còn tham gia đội bơi chải. Trước kia, hội Kẻ Đình không có thi bơi chải. Một năm, có lũ to nước ở trên nguồn theo sông Son đổ về, kéo theo ba cây gỗ lớn. Run rủi thế nào, ba cây gỗ lại giạt vào cửa hồ, chỗ thông với sông. Các cụ bảo đó là trời xui khiến và ra lệnh truyền. Các cụ bèn sai

đục ba cây gỗ lớn đó, tạo thành ba con thuyền độc mộc. Giao ba con thuyền ấy cho ba làng. Một giao cho Cổ Đình, còn hai chiếc kia giao cho hai làng kết chạ. Và cứ đến ngày hội, ba làng mới hạ thủy ba con thuyền và tổ chức bơi thi. Điều khỏe mạnh nên được tuyển vào đội thuyền. Đội bơi chải phải tập tành hàng tháng trước khi vào hội.

Ban ngày tập bơi, đến tối Điều lại cùng đám con trai đến nhà ông phó Cối. Ông phó Cối làm nghề đóng cối nhưng còn biết nghề mộc. Ông vừa giỏi mộc, vừa giỏi đan lát nên được các cụ giao cho việc làm hai hình nhân ông Đùng và bà Đà. Công việc này thật hấp dẫn. Hai người khổng lồ này có sức cuốn hút đám con trai. Bị cuốn hút vì cái sự tích lạ lùng, còn bị cuốn hút vì bao nhiêu giai thoại đã xảy ra trong quá khứ. Việc chế tạo hai người hình nhân khổng lồ này cũng công phu và tinh xảo. Ông phó Cối nay cũng đã già, chưa biết còn sống được bao lâu, vả lại hội cũng không luôn mở hàng năm, nên ông già muốn dụ đám con trai đến giúp mình. Một là để cho vui, hai là để truyền nghề. Hai người hình nhân làm bằng nan tre cao to như hai pho hộ pháp. Ông phó Cối đã phất giấy xong. Mỗi hình nhân phải dùng hai chàng trai lực lưỡng chui bên trong. Họ vừa khiêng, vừa điều khiển máy gỗ. Cần hai người vì hình nhân cao to ngật ngưỡng. Khiêng không khéo sẽ đổ kềnh. Ngoài hai người chính, còn phải dự trữ hai người phụ. Điều khiển hình nhân cũng khó khăn và tinh vi vô cùng. Đám con trai tham gia mấy hôm nay phải tập đến khuya, tập đến vã mồ hôi mà ông phó Cối vẫn chưa hài lòng. Đám trẻ con trong làng,

mấy hôm đầu, tập trung vào xem đám khiêng kiệu ngoài đình, nay nghe nói tập khiêng ông Đùng bà Đà có lắm điều thú vị dễ bật cười, nên chúng đổ xô đến cả bãi tập gần nhà ông phó Cối. Trẻ con đông nghìn nghịt, cãi nhau chí chóe; ông lý Cỏn bèn sai tuần đinh đến đuổi, cấm không cho phép đứa nào được bén mảng.

Điều cũng được xếp vào vai khiêng phụ. Đêm nào anh về cũng đã khuya. Đói quá, anh chàng mò tìm cơm nguội mà Nhụ đã để phần trong chạn. Điều rưới tương ăn một loáng hết bay bát cơm nguội, anh uống bát nước vối ngọt lịm, rồi nằm xuống ngủ ngay. Đến khi Nhụ đi xem tập khiêng kiệu về, thì chồng đã ngủ say.

Ông Trịnh Huyền cũng đến tận nửa đêm mới về. Ông được các cụ giao cho việc tập tành của phường nhạc. Trận dịch năm ngoái làm khuyết mất ba người. Thiếu anh thợ kèn và hai anh đánh trống. Riêng thợ kèn, ông Huyền đã tuyển được một anh học trò biết thổi tập tọe, ông luyện cho thổi từ năm ngoái, nay đã kha khá. Phường nhạc đã vào nề nếp. Anh thợ kèn mới thổi nghe đã nhuyễn. Cả phường cử lên hai bài lưu thủy và hành vân đã thấy ăn khớp cùng nhau. Dàn trống hội gồm hai trống cơm, bốn trống bản, một trống cái đã diễn thử, đi dọc một đoạn đường làng, thấy đã xôm trò. Tiếng dinh tùng dinh vang lên làm cho lòng ai nấy đều náo nức rộn ràng. Lũ trẻ chạy theo dàn trống reo lên à à, như đàn ong vỡ tổ. Cụ tiên chỉ Nhậm vuốt râu khen ông trùm phường nhạc:

- Cảm ơn bác Huyền. Từ khi có bác về đây, phường nhạc làng ta thấy khá hẳn lên.

Trong nhà, chỉ có Nhụ chẳng phải sắm vai gì trong việc chuẩn bị hội hè. Cô thích được chọn vào chân khiêng kiệu. Nhụ, còn sắc nước hơn tất cả các cô khiêng kiệu. Có cụ đã để mắt chấm cô với lý do có một cô trong đội kiệu răng vổ. Mà đội kiệu luôn hầu cận bên thánh. Phải là những cô tố nữ mặt hoa da phấn mới xứng. Cụ khác phản đối, nói: "Cái Nhụ, thứ nhất mới đến, hãy còn là dân ngụ cư; thứ nhì cô ta là gái đã có chồng, mà chân khiêng kiệu phải là đồng nữ hãy còn trinh trắng". Nhụ nghe nói, hơi buồn. Ông Huyền phải an ủi con gái: "Lo gì con ơi! Tế lễ ở đình vào ngày mười một, mười hai. Ngày mười ba hầu thánh trên đền Mẫu. Hôm ấy, con phải giúp thầy. Mà việc ấy thì chẳng ai có thể thay con được".

2

Cả làng tưng bừng. Chỉ riêng ở ngôi chùa đổ, không khí lại lạnh tanh, u uất. Lần này, không phải ông hộ Hiếu lên cơn thánh ốp, ông ốm, suốt ngày lử khử lừ khừ ngồi ngơ ngác ở thềm chùa, hoặc co ro trong ổ rơm.

Những năm trước, khi ông còn khỏe, luôn luôn có người tìm đến chùa nhờ ông cứu giúp. Lúc ấy, thấy ông phát đạt, trừ tà có tín nhiệm, chữa được nhiều người khỏi bệnh, người ta tưởng nghề phù thủy dễ làm giàu, lập tức có hai ông phù thủy khác xuất hiện ở làng Đình. Ông thống Quý đi học phép bắt ma tận Ba Vì về. Ông này khi

lập đàn trừ tà, cắm cờ ngũ hành sau lưng, đánh trống gõ mõ tưng bừng ồn ĩ, rồi lại ngậm dầu phun lửa, rất oai phong lẫm liệt. Tiếp sau đấy, lại xuất hiện ở làng Già, một ông thầy mo người Mường. Ông này ngọng líu ngọng lô, đọc chú ê a ề à. Nhưng cả hai đều không trụ lại nổi, cuối cùng đều phải bán xới mà đi. Một phần vì họ đòi tiền công quá cao, trong khi ông hộ Hiếu lấy của biếu tùy tâm gia chủ, có khi còn chẳng lấy đồng nào. Một phần nữa vì khi ông Hiếu bị ốp đồng, đôi mắt ông lồi ra như ngây như dại, rồi ông còn cắt lưỡi vẽ bùa... Cảnh tượng ấy thật quá khủng khiếp, dân làng bảo ông Hiếu như thế mới thực sự bị thánh ốp. Có người mời hai ông thầy kia thử trổ phép tài ba, song hai ông đều chịu, không tài nào bắt chước được. Mà bắt chước làm sao nổi ông già vừa rồ dại vừa vô tư ấy. Bắt chước làm sao nổi đôi bàn tay vàng có quyền năng trời cho ấy. Bàn tay xoa vào nỗi đau, cơn đau dịu; xoa vào cái nóng, biến ngọn lửa tâm can thành sự mát lành; xoa vào kẻ điên rồ, cứu vớt người đang sa hỏa ngục trở về với trần gian. Nhưng cứ mỗi lần cứu người như vậy, cơ thể, tinh thần của ông già lại héo hắt đi một chút. Nó như đĩa đèn dầu lạc cứ hao dần, hao dần. Nó chỉ biết cho, nên cuối cùng cũng cạn kiệt.

Những cơn thánh ốp ngày xưa thưa thớt, sau này mỗi năm mỗi tăng nhiều. Xưa, mỗi năm chỉ một hai lần. Nay, mỗi năm ba lần, rồi tăng thành năm. Đến nỗi, bây giờ ông chỉ như một xác ve. Ông thở dài. Đó là điềm báo cái khả năng kỳ lạ đang đi đến ngày tàn.

Ông lão già rồi. Cái kết thúc ấy, ông lão biết nó đang

đến gần. Ông lão không sợ. Chỉ có chút băn khoăn thương đứa con gái. Thương vì chẳng lo toan chu tất được cho Hoa. Thương vì cái tâm nguyện của ông và thím Pháo vẫn chưa làm xong. Hôm ấy, trong lúc làng xóm đang rộn ràng tiếng trống hội, ông hộ Hiếu không buồn ra sân nữa, ông nằm lì trong ổ rơm. Ông lão nắm tay con gái, rơm rớm nước mắt, nói:

- Con ơi! Người ta bảo nghề phù thủy bạc bẽo lắm, nguy hiểm lắm. Luôn luôn đương đầu với lũ ma quỷ nên chúng sinh lòng thù hận. Thầy thấy trong người mình yếu lắm rồi. Lúc này chỉ nghĩ thương con. Thầy có lỗi với con, Hoa ạ. Đừng giận thầy. Đúng là thầy chưa nhận lời với lão Xe đâu. Con nghĩ phải. Mà cả thầy cả u cũng nghĩ như vậy. Làm thân kẻ mõ là hèn hạ nhất hạng trên đời. Đằng này nó lại tranh phần làm mõ.

Ông lão dừng lại như để thở. Còn Hoa, cô chỉ biết khóc. Nghỉ một lúc, ông lão mới tiếp:

- ... Con gái thầy như ngọc như ngà thế kia... Đúng là chỉ còn một cách nữa thôi... Hoa ạ! Thầy biết chỉ vì con thương thầy nên còn... nấn ná... chưa nỡ bỏ làng mà đi... Lần này thì con phải ra đi... Cứ bỏ làng mà đi mới được. Phải thoát kiếp... mạt hạng.

Chợt bỗng dưng ông già từ từ nhỏm dậy. Hoa bảo ông cứ nằm yên, có gì sai bảo cô sẽ làm. Ông hộ Hiếu không nghe, cố lê ra trước pho tượng hộ pháp.

Ông lão rồ dại ngồi lắc lư trước pho tượng khổng lồ. Sau trận mưa rào vừa rồi, pho hộ pháp bị nước dột, nên hư hại, long lở nhiều. Trên đầu pho tượng, mặc dù được che áo tơi lá, nhưng vẫn bị nước làm rã ra một mảng

bằng bàn tay. Cây thanh long đao bị nước trời cưa cụt ngọn. Ông già vẫn bảo con gái bao giờ pho tượng này tàn, thì ông cũng tàn theo. Ông hộ Hiếu mắt nhắm ngồi im dưới chân pho tượng. Trước mặt ông lão vẫn là bát nước trong lấy từ giữa hồ Huyền về. Ông Hộ lầm rầm khấn, rồi cầm que hương hoa lên vẽ trên bát nước. Khi nét lửa ngoằn ngoèo dừng lại, ông lão giương to đôi mắt nhìn sâu vào đáy bát nước. Chẳng biết ông đã nhìn thấy gì trong đó. Chỉ thấy đột nhiên đôi môi ông lắp bắp, tỏ vẻ kinh sợ. Người ông lão gầy như xác ve. Khuôn mặt chẳng còn tí thịt nào, da nhăn nheo dính sát tận xương, thành thử đầu ông như chiếc sọ trên đỉnh còn dính dăm sợi tóc bạc lơ thơ. Đôi mắt sáng quắc, lúc ấy như lồi ra hết cỡ, gây cho Hoa một cảm giác ma quái, vừa thấy sợ, vừa thấy thương. Không cầm lòng nổi nữa, cô gái quỳ xuống, nức nở:

- Thầy ơi! Con van thầy. Thầy tỉnh lại đi.

Ông già không trả lời, chỉ nhìn đăm đăm vào bát nước.

- Kìa thầy! Sao tay thầy lại run bần bật thế kia?

Ông lão run rẩy, lắp bắp nói với con gái:

- Con hãy nhớ kỹ... Đừng đi!... Đừng đi xem hội.

Ông lão mê sảng mất rồi. Ông hộ Hiếu hầu như không ngồi vững được nữa. Vết thương khía lưỡi trong cơn ốp đồng mới gần đây chưa kịp hàn miệng, hình như lại hoác ra, bởi vì ông già đã nói nhiều quá. Hoa như kẻ mất hồn vội đỡ cha đặt nằm xuống ổ rơm.

Ông lão còn chút tỉnh táo cuối cùng, cố nói với con gái những lời lộn xộn.

- Đi... khỏi... làng... Đừng... đi xem...

Rồi ông già chìm vào cơn hôn mê. Hoa chẳng nghe rõ những lời tiếp theo lầm bầm trong miệng của cha mình. Tuy nhiên, Hoa cứ gật đầu, mắt cô nhòa đi. Cô khóc nức nở. Hoa chẳng hiểu cha mình nói gì ư? Không! Ít ra cô cũng hiểu lời nói cuối cùng của ông là nỗi ao ước cháy bỏng của cả cha và mẹ. Có lẽ ước ao mà ông suy ngẫm bao lâu nay vẫn chỉ là chuyện mong sao cô trốn được khỏi cái làng nghèo của ông, để trốn khỏi kiếp mõ. Điều này làm dấy lên trong lòng Hoa niềm ân hận. Phải chăng ông già nghĩ rằng, vì ông còn sống, nên cô đã vướng víu, không nỡ bước chân ra đi. Phải chăng ông lão đã cố tình tự làm kiệt sức bằng cách tự kích thích để gây ra những cơn "thánh ốp". Gần đây, chúng hay xảy ra liên tục có phải do nguyên cớ ấy chăng. Cô gái nghĩ đến đấy, chợt rùng mình. Như vậy, chính là vì cô, mà cha cô đã làm như thế; mục đích mong sao chóng thoát khỏi cõi nhân gian... Hoa cứ tự vò xé tâm can mình. Ông hộ Hiếu lúc này đã chìm vào hôn mê. Chỉ thấy còn chút hơi thở thoi thóp.

Trong khi Hoa đang trong cơn sụt sùi bối rối, bỗng nghe thấy tiếng chân người ngoài sân chùa. Cô ngẩng đầu, ngó ra xem ai. Hoa giật mình khi thấy ông hai Xe đang lừng lững bước vào. Theo sau là một chàng trai. Chẳng cần nghĩ cũng biết ngay đó là Trình. Cô chau mày nghĩ bụng, mình đang rối lên thế này, mà sao họ đã dẫn xác lên thế nhỉ. Vả lại, cha mình đã nhận lời đâu, tại sao ông Xe đã vội vã mang Trình lên. Tuy bực bội, nhưng Hoa cũng nén lòng lễ phép chào. Ông Xe nói:

- Bác mới lên. Ở đình làng, người ta đánh trống thì thùng, song cũng chẳng muốn dừng chân. Thấy nóng lòng sốt ruột. Hỏi thăm mới biết ông đang ốm nặng. Ai ngờ cơ sự lại thế này. Mau quá đi thôi. Nửa tháng trước, ta với ông ấy còn uống rượu; khi ấy, ông còn tinh nhanh, tỉnh táo. Còn uống được ba chén cơ mà. Ta thường nghĩ người nào còn uống được ba chén, ắt là còn trụ được lâu...

Hoa tuy ghét cay ghét đắng ông Xe, nhưng vốn hiền hậu, nên cô nghĩ ngay đến chuyện sắp xếp nơi ăn chốn ở cho hai người. Lần trước, ông Xe không đến nhà cô, mà ở lại chùa cùng ông hộ Hiếu. Còn lần này, nên thế nào cho tiện. Trong lúc Hoa nhìn gian chùa với người cha đang hấp hối, rồi lại nhìn hai cha con ông ta như để tính toán chỗ ở, thì ông Xe đã hiểu ý, ông nói rất to:

- Ơ hay! Cô bé này lạ chưa! Nhà cháu đang ở là nhà cụ mõ Điếc gây dựng. Ta và ông Pháo đều là con cụ Điếc. Nhà của bố ta, nay ta đến ở là phải. Cháu còn phải nghĩ ngợi gì nữa.

Câu nói đột ngột làm Hoa đỏ mặt, thầm nghĩ. Ra là thế! Ngoài việc định hỏi mình cho con trai, ông lão lên đây còn vì muốn xác định hương hỏa. Cô gái cay đắng: "Hương hỏa ư? Ông lão muốn tranh với ta cái lều rách nhà mõ? Đất là đất của làng đâu có phải tổ tiên để lại". Cô thoáng nghĩ, nỗi buồn phiền hiện ra gương mặt. Trình có lẽ nhận ra, vội cắt ngang lời ông bố:

- Sao thầy cứ phải nói thế? Sao thầy cứ phải rạch ròi? - Rồi quay sang Hoa, anh nói ân cần. - Cô đừng nghĩ ngợi làm gì. Cha tôi già rồi...

Hoa mỉm cười. Lúc này cô mới chú ý đến chàng trai mà cô đã gọi là thằng khoèo. Chàng trai, vì tai nạn thuở

nhỏ nên hơi tập tễnh chút xíu, thực ra cũng chẳng đến nỗi nào. Đó là một anh chàng sáng sủa khác hẳn cậu bé còi mấy năm về trước. Trình có đôi mắt thông minh, gương mặt trầm tĩnh, ăn nói đĩnh đạc dẫn đo sau trước. Hoa chỉ lấy làm lạ rằng tại sao người như anh ta lại lên đây để cầu cạnh làm một công việc mà cô đang muốn trốn bỏ. Mặc dầu bị câu nói của ông hai Xe làm cho ngượng, song Hoa vẫn rất ôn tồn nói:

- Thì cháu có dám nói gì đâu. Bác và anh Trình đến nhà cháu cũng được. Vả lại, cháu còn phải ở đây với thầy cháu...

Trình ngẫm nghĩ rồi nói:

- Tôi có thể ở lại, giúp cô chăm sóc cho bác.

- Tôi không dám phiền - Hoa trả lời.

- Sao lại phiền? - Ông hai Xe thấy hài lòng với con trai, ông cười xòa ý nhị - Cứ để anh nó giúp... Không sao đâu cháu ạ..

- Lát nữa, cháu Nhụ sẽ ra. Hai cô cháu thay nhau thức sẽ tiện hơn bác ạ.

3

Hội Kẻ Đình bắt đầu từ ngày mười một tháng ba. Cũng như ở khắp mọi nơi, có lễ rước nước, lễ mộc dục tức là tắm tượng của tướng công họ Đinh. Ngày mười một, trống đánh thì thùng suốt ngày đêm; phường nhạc réo

rất đàn sáo làm cho cuộc tế lễ càng thêm phần trịnh trọng, tôn nghiêm. Và hội thì cũng vui nổ trời dậy đất chẳng thua gì các làng quê nơi khác. Cũng chọi gà. Cũng đấu vật. Cũng đua thuyền. Cũng thi bắt chạch trong chum v.v... Hai ngày đầu, chủ yếu người tham dự là dân làng sở tại, cùng những làng giao hiếu như làng Già, làng Gồ... Những làng này còn cử cả nam thanh nữ tú đến làm quân kiệu, quân cờ... hoặc đến thi đấu vật, đua thuyền, thổi cơm...

Bắt đầu từ ngày mười hai, hội không còn bó hẹp với những làng quanh hồ nữa, nó đã mở rộng sang cả vùng, cả tỉnh. Người ta đến để lễ Mẫu và xem hội ông Đùng.

Dòng người đổ về Cổ Đình càng lúc càng đông. Đủ các loại người: Cả sang lẫn hèn, cả già lẫn trẻ. Đủ màu đủ sắc. Chỗ thì quần nâu áo vải, chỗ thì váy lĩnh váy sồi. Kẻ thì mớ ba mớ bảy, kẻ thì mộc mạc nâu non. Thấp thoáng nổi lên cả áo xanh áo đỏ của những ông đồng bà bóng. Có người thuần túy đi xem hội, đến hội để tìm vui. Cũng có kẻ đến hội để bắt mối giao duyên. Không thiếu người trẩy hội cốt tìm về với Mẫu, xin Mẫu chữa bệnh; có người chỉ đơn giản xin một lá bùa, nhưng cũng có người xin cả một niềm vui lớn, cầu Mẫu ban cho một đứa con. Những ông cung văn lưng đeo đàn đến hát hầu Mẫu, theo sau lốc nhốc đám học trò mang trống phách, cùng với đám con nhang đệ tử lễ mễ xách những bu gà, hoặc đội trên đầu những mâm ngũ quả, bánh trái. Có người đi cả gia đình, mang cả bầu đoàn thê tử vào trọ trong làng, chờ sáng mai qua đò sang sông, hoặc đi đò dọc lên thẳng núi Mẫu.

Bến nước trước cửa Đình, đã tối, mà vẫn đông nghìn nghịt. Người ta chở đò qua hồ ra sông suốt đêm. Dưới bến, khách gọi đò, khách xuống thuyền, người đi lại chen vai thích cánh. Tiếng mời mọc, tiếng chèo kéo ríu rít ồn ã. Trong ánh đuốc, chỉ thấy những gương mặt nghiêm trang tươi tỉnh, chỉ thấy người chắp tay vái chào thân thiện. Thấy vắng hẳn những nét nhăn nhó hoặc tức giận thường ngày. Chẳng ai cãi lộn. Chẳng ai nói lời thù hận. Bởi vì ai đi trẩy hội cũng là con người đang trở về nhà với Mẫu. Đứa con nào trở về với mẹ lại chẳng tươi vui.

Cả dãy con đò với những ánh đuốc bập bùng kéo hàng dài, nối đuôi nhau bơi trên hồ Huyền. Đò bơi đến cửa Hồ, rẽ ra sông, rồi ngược dòng đến chân núi Mẫu.

Đò khuya, trăng sớm. Mảnh trăng còn khuyết đã treo ở góc trời. Ánh trăng tạo nên một bầu trời nhờ nhờ, đùng đục. Không có thuyền xuôi, chỉ thấy thuyền ngược. Trên mặt sông, khách trẩy hội thả đèn nổi lềnh bềnh như sao sa. Tục lệ đi lễ đền Mẫu vẫn thế. Người nào khi đến bến dưới chân núi Mẫu cũng đã chuẩn bị sẵn vài ba khúc cây chuối nhỏ, kết lại thành chiếc bè xinh xinh, rồi đặt trên đó những cây nến đỏ, hoặc vài trăm vàng hoa hoặc vài nén nhang, rồi đem thả trôi trên sông nước. Bảo rằng thả như thế để xua đuổi lũ tà ma, ác quỷ, không cho chúng đến phá rối ngày hội. Chẳng biết niềm tin ấy có đúng hay không, nhưng khi nhìn những chiếc bè chuối tí hon dập dềnh, lập lòe trên sông, người trẩy hội bỗng thấy khúc sông đêm đẹp lạ lùng, có không khí trang nghiêm và náo nức. Mưa xuân rắc bụi, tạo sương mù. Trăng chẳng biết nằm ở chỗ nào. Chỉ còn ánh sáng của nó biến bầu trời

sương thành màu trắng sữa phơn phớt tím, ôm trùm lấy con sông hoa đăng huyền ảo.

Đò bơi len vào những bè hoa đăng. Vài con thuyền thúng bán đồ lễ bơi ra mời chào khách mua vàng hương, hoa quả, oản nải. Thấy bán cả áo trẻ nhỏ để khách lên đền đóng dấu... Tiếng mời chào chèo kéo, tiếng gọi nhau í ới làm nhộn nhịp cả một khúc sông.

Từ bến lên đến cổng đền chân núi, còn phải đi một quãng xa chừng vài trăm mét. Hai bên lối đi, lác đác vài chiếc lều cũng bán đồ lễ. Những chiếc quang treo đèn dầu lạc lắc lư. Ánh đèn lập lòe mờ tỏ, thế mà những ông già đeo kính cũng còn đủ tinh mắt để viết sớ.

Từ khi bà Mùi cắt bỏ tục lụy trần gian, ở hẳn tại đây làm thủ đền hầu thánh, thì ngôi đền Cổ Đình cũng trở nên đông vui, phồn thịnh. Khách thập phương đến lễ càng ngày càng đông. Câu chuyện tây đồn điền lên đền báng bổ, bị rắn thần đuổi phải chạy bán sống bán chết, được người dân thích thú truyền miệng kể cho nhau nghe. Từ đấy tiếng đồn đền Mẫu Cổ Đình linh thiêng lan cả sang những tỉnh khác.

Người ta còn đồn ở đây có nước suối thiêng. Đó là một nguồn nước ở chân núi, phía bên trái đền. Nước chảy ra từ một khe đá, chảy ra từ trong lòng núi chứ không phải từ một con suối hở. Người ta bảo đó là nước của con suối ngầm từ linh điểm của núi Mẹ trào ra. Nước lúc nào cũng trong, cũng ngọt, cũng mát lạnh. Khách hành hương, trước khi lên đền, dù trời tối mịt mù, cũng vẫn cố mò ra khe lấy nước rửa mặt, rồi uống vài ngụm. Ai cũng

bảo rửa mặt và uống nước xong, đều thấy tỉnh táo, khỏe mạnh bội phần so với lúc từ đò bước lên bờ. Nhiều người còn mang chai lấy nước đem về cho những người ở nhà không có duyên dược lên với Mẫu.

Bà Mùi thủ đền cốt cách khác thường. Đời bà trải bao chìm nổi, thế mà gương mặt bà lúc nào cũng hồng hào tươi tỉnh. Áo quần lúc nào cũng gọn ghẽ tươi xinh. Ai gặp bà, nếu không biết quá khứ mà bà đã trải, thì cứ tưởng bà sinh ra từ một gia thế quyền quý, từ bé chỉ sống trong nhung lụa. Bà Mùi đã lớn tuổi. Đáng lẽ phải gọi là bà, nhưng mọi người đều gọi bà là Cô. Cô Mùi ăn nói rất mềm mỏng, được lòng mọi khách thập phương. Kẻ giàu, người nghèo, dù ai mang đến lễ hậu hay lễ bạc, đều được đối xử dẹp đẽ. Cô thủ đền lại có tài nói chuyện. Ai gặp cô cũng đều cởi hết lòng dạ. Ai cũng muốn nói chuyện thật lâu, có khi hàng giờ, dứt mãi không ra.

Đặc biệt, cô Mùi còn có tài chữa bệnh. Chẳng biết cô học từ ai và từ bao giờ. Nhưng khi rỗi rãi cô lại vào rừng hái lá, chặt cành, đào củ đem về làm thuốc. Suốt ngày cô bận bịu nào sao, nào thái, nào giã... Cô chữa bệnh nhiều khi chẳng lấy tiền, hoặc có lấy cũng chẳng đáng là bao. Người ta bảo cô Mùi rất mát tay. Nhiều người nghèo không có tiền bạc, chỉ uống những thứ lá lẩu trong rừng của cô, thế mà khỏi được những bệnh trầm trọng. Họ biết ơn cô lắm. Có củ khoai, con cá, mớ tép cũng mang lên biếu. Dân làng bảo họ Đinh Công nhà cô có biệt tài cứu người. Cô Mùi cũng được trời ban cho cái tài giống như ông chú tức là ông hộ Hiếu. Chỉ có điều khác: ông chú chữa bệnh bằng bùa phép, còn cô Mùi bằng những thứ lá. Nghe vậy, cô Mùi chỉ cười.

Thói thường những nhà nho rất ghét ngồi đồng. Họ cho là đồng bóng quàng xiên, mượn sự tín ngưỡng để bịp thiên hạ, bịp những người dân ngu dốt. Có điều lạ, ông cụ đồ Tiết, cha của cô Mùi lại không thế, mặc dù ông là một nhà nho khá uyên thâm. Thuở còn đi học, có một người học trò nói những lời bỉ báng đối với đạo Mẫu. Cụ phó bảng Vũ Huy Tân nghe thấy đã nghiêm sắc mặt lại mà rằng:

- Anh chẳng nên nói những lời nặng nề, khinh bạc như vậy. Ngồi đồng là gì? Là làm cho lòng ta đạt tới chỗ tâm hư, để hòa đồng cùng với thế gian. Thần thánh cũng ở trong ta. Phàm tục cũng ở trong ta. Tất cả thế gian đều là một. Điều ấy Lão Trang gọi là đắc nhất... Vả lại, khắp nước ta, nơi nào chả có người ngồi đồng thờ Mẫu. Mẫu sinh thành ra thế gian này... Đâu có phải sự quàng xiên. Hơn nữa, trong khi bọn tả đạo tây dương đang hoành hành khắp chốn, người dân ta thờ Mẫu tốt hơn hay là theo tả đạo tốt hơn?

Những lời nói của ông thầy khoa bảng suốt đời chủ trương "bình tây sát tả" ấy đã gây ấn tượng cho cụ đồ Tiết khá mạnh. Ông còn được chiêm nghiệm những lời nói ấy qua thực tế khi ông đi theo cụ Đốc Ngữ. Đận ấy, nghĩa quân bị giặc Pháp đuổi, phải lưu vong lúc thì ở Bắc Giang, lúc thì lên Phú Thọ, lúc lại xuống Vĩnh Yên. Một bận, ông và huynh đệ nhịn đói ba ngày khi qua vùng Tam Đảo. Một bà đồng già ở một điện thờ hẻo lánh trong rừng đã cứu họ. Không phải ngôi điện thờ lộng lẫy. Một cái nhà lá sơ sài, bên trong treo hai chiếc nón thờ có quai thao. Độc nhất một bức tượng nhỏ trùm khăn đỏ ngồi ở trên bàn tre cao giữa gian lều, dưới chân thêm

một bình hoa. Bà đồng ấy ăn mặc rách rưới cũng trùm khăn đỏ, đứng trước gian lều, trông thấy đoàn nghĩa binh ốm yếu thì reo lên:

- Già này ngồi đồng vo, nghe thấy Mẫu phán rằng phải ra đây chờ đón chư vị tôn ông. Chư vị là những người làm nghĩa cả...

Nhờ có bà đồng già săn sóc cho ăn uống, chữa bệnh nên đoàn quân không bị chết...

Khi thấy cô Mùi số phận long đong, ông đồ Tiết thương xót vô cùng, và không ngăn cản khi con gái xin ông lên đền Mẫu ở với bà Tổ cô để thờ thánh. Ông hiểu những người có cuộc đời vất vả như bà Tổ cô và Mùi thì nên lên đó. Bởi vì, chỉ có Mẫu mới an ủi được họ, mới giải tỏa được cho họ khỏi những cay cực, những ẩn ức của chốn thế gian. Bà Tổ cô chỉ nhìn mặt, cũng nhận thấy ngay Mùi là người có căn mạng để bắc ghế hầu Mẫu. Bà cụ già biết mình sắp rời khỏi cõi đời nên có bao nhiêu điều sở đắc trong lòng đều truyền hết cho cô:

- Đạo nào cũng thế cả thôi. Đạo Giê su cũng như đạo Mẫu. Tất cả đều chỉ là khuyến thiện. Người theo đạo Gia tô chăm chú sửa mình sao cho ngày càng gần Chúa hơn. Còn chúng ta thì làm sao cho mình hòa vào với Mẫu. Trong cốt, ngoài đồng. Con nhớ lấy: cốt là cái linh thiêng của Mẫu, còn đồng là cái bên ngoài, là ta, là cái ghế để cho thánh ngự. Ta càng sạch sẽ bao nhiêu, ta càng thánh thiện bao nhiêu, ta càng rũ bỏ tục lụy bao nhiêu, thì Mẫu càng gần ta bấy nhiêu và các đệ tử cũng càng nhích gần lại bấy nhiêu.

Bà đồng già còn nói với Mùi, người nối dòng của mình:

- Ta chúa ghét kẻ "đồng đua", đó là kẻ buôn thần bán thánh, dùng chốn tôn nghiêm làm nơi kiếm lợi. Nhìn thoáng chúng là biết ngay. Kẻ "đồng đua" ở đâu là nơi đó xám xịt lại ngay. Nói cười bả lả. Èo uột, dậm dật.

Bà Tổ cô nói đến đây, nhìn cô Mùi rất trìu mến:

- Còn con thì khác... Ta nhận ra ngay căn cốt của con. Con có mặt ở đâu là chỗ đó tươi tỉnh hẳn lên. Ai buồn gặp con, tức khắc thấy lòng nhẹ nhõm. Ai ốm đau gặp con, tức khắc dường như chỉ nhìn thấy căn bệnh đã lui. Hình như Mẫu luôn ngự nơi con để ban tài phát lộc cho con nhang, đệ tử. Người chân tu càng ở bên Mẫu, căn cốt càng dày. Kẻ bạc tu mỗi ngày một thêm xa Mẫu, căn cốt càng lúc càng mỏng. Không khéo kẻ "đồng thuộc" sẽ hoá kẻ "đồng đua". Mà khi đã là kẻ buôn thần bán thánh rồi, nếu không cải tà quy chính, sẽ chồng chất tội lỗi, cái hại cho người và cho mình không biết đâu mà lường hết.

Cô Mùi nghe những lời ấy, không thể tưởng được bà cụ, ngày trước, đã một thời là con chiên của Chúa. Và cô cũng không thể ngờ nổi niềm tin quê mùa của mình lại thâm thúy đến vậy.

Đêm hôm mười hai tháng ba, cô đồng Mùi đứng ở hiên tòa điện Mẫu, đón khách thập phương. Cái Nhụ phải lên đền từ sáng để cho cô sai bảo. Cô Mùi đã ra lệnh cho cháu từ lâu là phải dọn mình thật tinh khiết để đón chờ ngày hội. Không những chỉ hôm nay, từ mấy hôm trước, bà Mùi đã sai Nhụ và những bà hầu dâng dọn dẹp quét tước quanh đền, rồi chuẩn bị trong điện. Họ trồng thêm hoa, đốt lá khô, lau đồ thờ cúng, lau cả án thư, cột kèo, lau đi lau lại cho đến lúc tòa điện bóng lộn soi gương

được. Cha con Nhụ lại còn phải tập đàn hát cho thật khớp. Cô đồng Mùi muốn mọi sự phải thật hoàn hảo để sáng mười ba, cô sẽ đích thân mở cửa đền, ngồi đồng hầu thánh.

Nhụ đứng ở sau lưng bà Mùi, quan sát toàn bộ quang cảnh đền. Tuy sáng mai mới mở cửa đền nhưng lúc đó người đến đông lắm. Các ông đồng bà bóng đã tụ họp thành từng nhóm trên sân. Có nhóm đem theo cả cung văn riêng. Có nhóm đang thử đàn, thử trống. Nhụ đã chuẩn bị, trải chiếu sẵn ở căn nhà bỏ không sau đền. Đó là nơi làm chỗ trú cho khách thập phương nếu trời mưa. Cũng may trời không mưa nên mọi người tụ tập hết ở sân.

Ở đầu hồi bên trái đền, có cây ngọc lan cổ thụ, ở đó xây một cây hương. Đó là nơi thờ cô Bé, người thị tì của Mẫu. Cô Bé thơm tho thanh tịnh; người thích hoa lan trắng ngát hương nên vẫn về ngự tại đây. Dân Kẻ Đình bảo nhiều đêm thanh vắng vẫn nghe thấy tiếng đưa võng kẽo kẹt của cô trên cây lan. Tiếng võng vẳng về làng, nhiều đêm định thần nghe tiếng võng kêu cũng thơm ngát. Cô được Mẫu yêu chiều, tính nết có phần hơi đỏng đảnh, vui buồn thất thường. Người thanh sạch thích ở một mình, tuy nhiên cô Bé thiêng lắm và có tấm lòng thương người. Khách thập phương biết tính cô, chỉ cần nén hương, đĩa hoa đến van vái dưới gốc cây, kiên nhẫn một chút là xin gì được nấy ngay. Cô là người gác đền cho Mẫu, vì vậy chưa mở cửa đền mà dưới gốc cây lan đã cắm đầy hương, và người trước chưa lễ xong người sau đã xuýt xoa cầu khấn. Mặc ai lễ bái, một ông cung văn ôm chiếc chiếu con đến trải ngồi dưới gốc lan. Ông lim dim con mắt, ngồi

đĩnh đạc gẩy cây đàn nguyệt. Tiếng đàn của ông chưa bằng tiếng đàn của ông Trịnh Huyền nhưng cũng khá nỉ non thánh thót. Ông không hát nhưng tiếng đàn của ông đã như một lời dâng mời mọc để cô Bé từ trên trời cao đánh xe loan ngự giá xuống cõi hồng trần.

Lúc chưa có đàn thì chẳng sao. Lúc tiếng đàn thánh thót khi vui khi buồn vừa cất lên, thì một bà nạ dòng bỗng xõa tóc rũ rượi, đầu đảo vòng tròn và khóc nức nở. Người ta bảo đó là một cô "đồng lú". Người thì bảo cô ta cực lắm, một nách năm con, chồng mới chết. Bà Mùi vừa thấy thế vội ra dìu cô vào thềm điện và vỗ về an ủi cô như dỗ trẻ nít. Mãi cô mới chịu vào nghỉ trong nhà sau điện.

Tiếng đàn ấy còn giãi bày được nỗi lòng của một bà cụ già đã ngoại bảy mươi. Răng cụ đã móm khuôn mặt đầy những nếp nhăn hằn sâu. Cụ quỳ mọp giữa sân, hướng vào tòa điện thờ. Bà cụ sì sụp lễ bái, mỗi lần cúi xuống, đầu chạm sát đất. Cụ vừa khấn vừa khóc:

- Con lạy Mẫu! Con lạy mẹ linh thiêng ngàn lạy! Con của mẹ đã về rồi. Con đã về đây với Mẫu. Con biết Mẫu thương con, nên đã đưa đường chỉ lối. Con đã đón được ông lão nhà con lưu lạc nơi rừng thiêng nước độc trở về. Đáng lẽ, con phải đến với mẹ từ mấy tháng trước, nhưng vì còn phải lo toan, gánh vác việc nhà, nên hôm nay mới về với mẹ.

Bà lão òa lên khóc, khóc nức nở như một đứa trẻ thơ đang quỳ gối bên mẹ già. Cô đồng Mùi đã nhận ra người đàn bà già nghèo khó, nửa năm về trước đã lên đây lễ Mẫu. Cô khoan thai đến gần bà. Cô Mùi ngồi sụp xuống,

hai tay cầm hai bàn tay nhăn nheo da mồi của bà cụ, rồi hỏi:

- Ông cụ con dạo này ra sao rồi?

Mấy tháng trước, tình cảnh bà lão thật bi thảm. Hai vợ chồng già chỉ có độc một cô con gái, anh con rể làm việc vất vả quá sinh lao lực chẳng làm được việc nặng, cô con gái lại sòn sòn năm một, lũ cháu lít nhít chưa làm được việc. Ông cụ già thương vợ, thương con gái, con rể, thương đàn cháu. Ông nghĩ mình hơn bảy mươi nhưng còn sức khỏe. Chẳng lẽ lại ngồi nhà nhìn nhau chịu đói hay sao. Ông lão theo dân làng lên Tuyên làm thợ sơn tràng. Chẳng may không chịu được lam sơn chướng khí, cụ mắc bệnh nặng, bụng cứ mỗi ngày một to ra. Mà tiền đón về cũng không có. Cô Mùi dúi cho bà đồng bạc, sau đó nắm lấy hai tay bà và bảo:

- Bà cụ lên đón ông cụ về nhà. Tôi sẽ cắt thuốc cho. Mẫu bao giờ cũng thương người hiền lành, sẽ giúp đỡ gia đình nhà cụ.

Bà già nghe lời và cô Mùi đã đi hái thứ lá rừng đặc biệt về làm thuốc cho ông già bụng báng. Bẵng đi mấy tháng, hôm nay lại thấy bà cụ xuất hiện. Bà bảo:

- Nhờ Mẫu phù hộ, nhờ thuốc của cô, ông lão nhà tôi đã khỏi được tám, chín phần...

Cô Mùi vẫn nắm chặt hai bàn tay bà cụ. Chẳng biết ai đã dạy cô làm như vậy; với bất cứ con người nào tìm đến đây xin giúp đỡ, cô Mùi vẫn thường nắm lấy hai bàn tay. Cô chưa thổ lộ với ai chuyện ấy, bởi vì chuyện thật kỳ lạ. Trong một giấc ngủ ở tòa điện, cô Mùi đã mơ thấy Mẫu hiện về dạy cô làm thế. Mẫu nhủ rằng: "Con hãy thật tin

vào hai bàn tay con. Mẹ cho con để làm dịu cái đau của người ta. Khi hai bàn tay nắm lấy hai bàn tay, tức là lòng đã nói với lòng. Nếu con muốn xin cho người bệnh khỏi đau ốm, thì ý muốn của con truyền qua tay, sẽ đến với người bệnh. Cái chính là lòng dạ con phải biết thương xót thực sự...". Chẳng biết phép lạ ấy kỳ diệu thế nào, nhưng từ đó cô làm theo lời Mẫu dạy. Và cô nhận thấy làm như thế người bệnh rất quý cô, tin cô. Khi họ uống thuốc lá nhiều người qua khỏi bệnh tật. Cũng chẳng biết khỏi vì lá hay khỏi vì bàn tay cô nắm.

Còn nghề làm thuốc, nghề hái lá rừng, ai đã dạy cô? Một năm đã lâu rồi, dạo ấy cô sốt rét, cô Mùi đã đến nhà sàn của một bà già Mường ở tít rừng sâu. Bà cụ chữa cho cô khỏi. Sau đó cụ bảo: "Con tươi tắn lắm. Cái tướng của con làm bà lang được đấy". Cô hỏi: "Tại sao phải tươi tỉnh mới làm bà lang được ạ?". Bà cụ cười: "Ta không hiểu. Nhưng, thầy dạy ta ngày xưa cũng nhìn ta và nói như vậy. Còn ta khi gặp con, ta thấy con sẽ là bà lang, song ta cũng chịu không biết tại sao". Cô Mùi đã ở với bà cụ nửa năm trong rừng để học nhận mặt lá và các bài thuốc. Đi đã lâu, nhớ bà Tổ cô, cô Mùi trở về núi Mẫu thăm sư phụ. Khi cô quay lại ngôi nhà sàn nhỏ xiêu vẹo, thì không thấy bà già Mường đâu. Một người đốn củi nói: "Bà lang đã quay về Mường trời rồi". Thế nghĩa là gì? Bà cụ đã chết hay bà cụ là người trời, hay bà cụ đã già nên quay trở về xứ Mường với con cháu sau khi đã truyền nghệ được cho học trò.

Hai câu chuyện: Mẫu dạy cầm tay rồi bà già Mường dạy làm thuốc lá rừng, nghe cứ như chuyện trong mơ. Có lẽ vì vậy nên cô Mùi chẳng kể với ai.

Bà cụ già quỳ khóc ở giữa sân đền hỏi Mùi:

- Cô đồng ơi! Ông lão nhà tôi nói rằng cô giỏi lắm. Chữa được bệnh nan y. Vợ chồng tôi đội ơn cô biết khi nào mới trả được.

Cô Mùi cười:

- Cháu không giỏi đâu. Nếu biết ơn, cụ phải ơn Mẫu. Mẫu chữa khỏi cho ông cụ. Mà cụ ông phải cám ơn cụ bà nữa chứ. Cụ đã lên rừng, đi ròng rã gần một tháng trời, mới đưa được cụ ông về đến nhà. Rồi lại lặn lội lên đây cầu Mẫu. Mẫu truyền phép lạ qua tay tôi sang tay cụ, rồi cụ đem bàn tay có phép Mẫu về săn sóc cho chồng.

- Trăm lạy Mẫu. Ngàn lạy Mẫu. Hóa ra là thế. Cô có dạy, tôi mới biết. Hóa ra trăm sự, ngàn sự đều do tay Mẫu cả.

Bà cụ già chợt buồn rầu:

- Mẫu thương xót chúng con đến thế, mà hôm nay lên tạ Mẫu, con chẳng mang được gì... Hôm qua, con ra vườn, nhìn lên cây na, chưa đến mùa na; nhìn lên cây ổi, mới chỉ thấy mùa hoa. Chỉ có cây chuối ra buồng, chỉ có cây sung trĩu trịt quả non. Con ra chuồng gà, bắt con gà giò, đem cùng mấy thức quả xanh này dâng lên Mẫu. Cô đồng ơi! Như vậy có bạc bẽo lắm không?

- Con giàu một bó, con khó một nén. Sao gọi là bạc. Cháu tin Mẫu sẽ rất vui vì tấm lòng của cụ.

Câu chuyện vừa mới dứt, thì người ta dẫn đến một người đàn bà trạc ba mươi tuổi, hai tay cứ bó chặt vào nhau không gỡ ra được, và khóc tức tưởi ai dỗ cũng không nín. Người ta bảo không phải cô là loại "đồng lú". Thực ra cô bảo mình bị thánh phạt. Cô đi làm đồng bỏ đứa con

ở nhà, đứa trẻ được bà mẹ mù trông nom, thằng bé bò ra sân rồi ngã sấp mặt xuống vũng nước. Vũng nước sâu có gang tay mà thằng bé chết đuối. Rồi tiếp theo là người đàn bà có chồng đi lính chào mào sang tây. Hai năm nay không gửi thư về, người đàn bà nghĩ quá mắc bệnh đau đầu, suốt ngày đêm như búa bổ vào óc...

Cô Mùi phải chăm sóc từng người. Đêm hôm ấy, sân đền như nơi nhà thương chữa bệnh.

Buổi sáng, ngày mười ba tháng ba, cửa đền Mẫu mở toang. Các cánh cửa đều tháo ra hết cho rộng. Khoảng lúc mặt trời lên được cây sào, tất cả mọi người đã tề tựu đầy đủ. Người ta chuẩn bị xong những việc cuối cùng để vào tham dự cuộc mở phủ hầu thánh của bà Mùi.

Đèn, nến, nhang, khói, ánh vàng son làm tòa điện vừa lung linh vừa huyền ảo. Trên điện thờ, ở chỗ cao nhất là ba bức tượng tam tòa thánh Mẫu. Ở giữa là Mẫu Thượng Thiên, hai bên là Mẫu Thoải và Mẫu Thượng Ngàn. Ở những đền phủ to còn cả tượng của Tứ phủ chầu bà, có nơi còn có cả Ngũ vị tôn ông. Nhưng đền Mẫu Kẻ Đình là đền không to lắm nên không có. Ba pho tượng, trước đây chỉ sơn son giản dị, khi bà cụ Tổ cô lên làm thủ đầu, đã cho thếp vàng. Ba pho tượng vàng rực rỡ ấy hắt ánh sáng đều khắp. Ba Mẫu như rưới tỏa những luồng từ lực xuống khắp tòa điện, tạo nên một bầu không khí tươi vui, an lành. Ba pho tượng còn phản chiếu, trao đổi ánh sáng lẫn cho nhau, làm cho khách thập phương ở dưới nhìn lên, có cảm giác như những pho tượng ấy đang khoác lên người những vầng hào quang rực rỡ. Bức hoành phi nền đỏ với bốn chữ vàng "Mẫu nghi thiên hạ"

thật chói lọi. Tất cả bầu không khí uy nghiêm ấy làm cho những kẻ, dù ngỗ nghịch nhất, vào đây cũng phải trở thành những con người hoàn toàn khác.

Nhóm cung văn đã sẵn sàng. Ông Trịnh Huyền đã so dây xong. Nhụ đã đặt hai chiếc dùi lên phách tre, bên cạnh cha. Hai cung văn phụ cũng sắp xếp trống cơm, trống bản, và chuẩn bị sẵn cả ống tiêu, nhị phòng đến đoạn có lúc phải dùng.

Bà Mùi và bốn cô hầu dâng sửa soạn chiếc hòm sơn son, sắp đặt, kiểm tra lại áo quần theo thứ tự các giá đồng mà bà sẽ hầu sáng nay. Bà Mùi rất hãnh diện với bộ khăn chầu áo ngự của mình. Các bà đồng nghèo thường chỉ có đến ba chiếc áo dài: một xanh, một đỏ, một vàng. Đằng này bà Mùi có tới chục chiếc, đủ mầu ngũ sắc và cả các mầu trung gian. Đặc biệt nhất là bộ khăn áo của Mẫu thượng ngàn. Áo và xiêm đều màu xanh lam thêu kim tuyến lóng lánh. Bộ này còn cả khăn đội đầu cùng mầu, thêu hoa văn sặc sỡ, chung quanh thả tua, để khi đội vào tua sẽ rủ sang hai bên. Áo của các chầu bà hay các cô được may bằng lụa Hà Đông. Còn áo của ngũ vị tôn ông và các ông hoàng thường may bằng đoạn hay gấm. Cả đời bà Mùi, trải ba đời chồng, bà cứ tích cóp may mỗi lúc một thứ, hơn hai chục năm mới được hòm khăn chầu áo ngự trứ danh đến như vậy.

Bà Mùi ngồi trên bệ hành lễ, nhìn những chiếc nón trắng treo trên cao, nhìn hai "ngựa ngài" (hai bạch xà) thân trắng toát, mào đỏ rực, nằm ép mình ở bên cạnh phía trong hai thanh xà vượt mà lòng thật lâng lâng khó tả. Bà đã nhiều lần bắc ghế hầu thánh, nhưng trước mỗi lần sắp ngồi hầu, bà vẫn thường có cảm giác như vậy.

Phải chăng đó là ảnh hưởng của hương khói, của đèn nến, của đàn sáo, của không khí tôn nghiêm đã tác động lên tâm trí bà. Mà chẳng riêng gì bà, những con nhang đệ tử ai đã vào đây đều như vậy. Họ đã mang sẵn căn địa, tâm thế của lòng sùng tín. Họ sẵn sàng đến để nhập cuộc, mê đắm, sẵn sàng rũ bỏ tục lụy thường nhật để dấn thân vào những cõi trời siêu nghiệm xa lạ, ở đó ta trở về với ta tức là ta trở về với mẹ, ở đó là sự yên bình, niềm an ủi, cái diệu kỳ thánh thiện...

Một bà cụ già cầm dùi thỉnh ba hồi chuông ngân nga. Chiếc đàn nguyệt của ông Huyền tấu một khúc nhạc lưu không. Các tín chủ, các đệ tử hành hương, những người đến cầu xin lễ bái, những kẻ ốm đến chữa bệnh, tất cả bắt đầu lẩm nhẩm xuýt xoa khấn vái. Bà già đi đón chồng từ Tuyên Quang về, bỗng òa lên nức nở:

- Mẫu ơi! Mẹ ơi! Con đã về đây với mẹ!

Trên chiếc chiếu hoa trước điện, bà Mùi đã trùm khăn phủ diện, chiếc khăn bằng lụa đỏ thêu rồng. Chiếc khăn tạo ra một không gian hẹp, cách ly bà xa khỏi thế gian. Ánh sáng lọc qua tấm lụa làm không gian trước mặt đỏ rực. Bà nhắm mắt lại rồi mà luồng ánh sáng đỏ còn thấm qua mi mắt, lúc này nó bớt rực rỡ, trở thành màu hồng. Thực ra, bà Mùi chỉ lim dim con mắt, thở nhẹ nhàng, đuổi mọi suy nghĩ trần tục khỏi đầu óc. Lòng sùng tín của bà chỉ tập trung vào một cảm giác rất linh thiêng đang dần dâng cao. Tiếng đàn nguyệt của ông Huyền như dồn dập thúc đẩy tâm hồn bà đạt đến chỗ thuần khiết. Tiếng hát của Nhụ thật trong trẻo thật thơ ngây, làm cho lòng bà lúc này muốn bay lên, vươn tới miền tột cùng thánh thiện.

Bóng trăng loa, mẫu đơn nhất đóa
Gió lay mành, nhang xạ thoảng đưa...

Bà Mùi chợt nhìn thấy trong tâm tưởng mình một điểm hồng. Chẳng biết cái điểm sáng nhỏ bé ấy từ đâu hiện ra. Nó sinh từ cái màu hồng của tấm khăn phủ diện, hay từ một linh điểm trong tâm thức bà mà sự sùng tín, sự khao khát thánh thiện đã nuôi dưỡng nó. Điểm sáng trong tâm từ một chấm nhỏ, dần dần triển nở, rồi chiếm lĩnh toàn bộ tâm hồn bà, con người bà. Người ta bảo đó là cơ vi máy động. Bà Mùi lập tức bám lấy. Cửa huyền vi đã mở. Bà tung khăn phủ diện. Lúc này, bà ở trạng thái hoàn toàn ngất ngây, hoàn toàn siêu thoát. Thánh đã nhập đồng.

Giá đầu tiên của bà Mùi bao giờ cũng là giá Mẫu. Cung văn thỉnh Mẫu về ngự. Sau những khổ nhạc nghiêm trang, cao thượng, tưng bừng, hai cha con ông Trịnh Huyền một thổ một kim đồng thanh cất tiếng.

... Kiếp giáng sinh vào nhà Lê Thị
Cải họ Trần vận khí thiên hương
Vốn sinh vẻ cốt phi thường
Giá danh đòi một, hoa vương khôn bì...

Một cảm giác đẹp đẽ khác thường, chưa từng có, theo lời ca chợt dâng lên trong lòng tất cả mọi người trong tòa điện. Ở giá Mẫu, ai ai cũng biểu hiện sự nghiêm trang, hân hoan đến tột độ. Ai cũng biết ông Huyền đương dâng vàn Mẫu Liễu. Ban đầu, ở đạo Mẫu thời xưa chỉ có Mẫu Thiên, Mẫu Thoải và Mẫu Thượng Ngàn. Đến thời Lê Trung hưng, dân ta thêm Mẫu Liễu. Mẫu là người hiển thánh, có quê hương rõ ràng, có phủ thờ chính tại phủ Giày, Vụ Bản.

Đạo Mẫu có khoảng 60 vị thánh gồm các Mẫu, các chầu bà, các vị tôn ông, các ông Hoàng, các cô, các cậu, các vị anh hùng có thực, và các anh hùng văn hóa. Tiếng rằng có nhiều giá đồng khác nhau, song cốt của lên đồng là bản thể Mẫu. Dù bà đồng ngồi hầu giá cô hay giá cậu... nhưng cái bản thể của lên đồng vẫn là cái nguyên lý Mẫu. Mẫu chia cái bản thể của mình cho các chầu bà, tôn ông, cô, cậu... Các vị ấy chỉ là phương tiện, tạo thuận lợi cho các đệ tử, tùy tâm, tùy hoàn cảnh, tùy tính cách, tùy căn cốt mà sắm vai. Tuy nhiên, dù thế nào chăng nữa, cốt của các giá đồng vẫn là bản thể Mẫu.

Giá Mẫu bao giờ cũng có không khí trang nghiêm huyền diệu. Mọi người đều như lặng lẽ suy ngẫm bâng khuâng. Mẫu hiền từ nhưng là bậc chí thánh, bà đồng bắc ghế hầu Mẫu bao giờ cũng có cử chỉ khoan thai, đĩnh đạc. Mẫu luôn nói nhẹ nhàng, nhỏ nhẹ. Không có những tiếng hú dồn dập phấn khích. Không có những cử động mạnh mẽ, phóng túng. Mẫu là bậc sinh thành ra muôn sự thế gian, nên một lời Mẫu nói cũng được cân nhắc. Ông Trịnh Huyền rất rõ điều đó, tiếng đàn của ông cũng cẩn trọng, khi nó phát ra là phải sang trọng, mang hơi hướng của thứ âm thanh vua chúa. Ông bố vợ Huyền ở xứ Sơn Nam, khi xưa dạy ông bài đàn thỉnh Mẫu, phải uốn nắn tỉ mỉ từ cái nhấn, cái láy. Rồi khi dạy hát bài văn, phải chữa cho ông từ cách lấy hơi, rồi phải nhả ra từng chữ sao cho giọng thật sang mà không kiêu, ngân nga luyến láy ngọt ngào mà không lơi lả, buông tuồng. Chỉ riêng một bài thỉnh Mẫu, ông bố vợ bắt ông Huyền phải tập ròng rã một tháng trời mới cho là tạm được.

Giá Mẫu không kéo dài lâu. Mẫu ngự đồng uy nghi,

trang trọng, không nói lời nhiều. Mẫu chỉ hiền từ nhìn khắp chung quanh, nhìn khắp mặt những người dự. Con nhang đệ tử cũng giữ một thái độ tuy gần gũi song kính cẩn. Họ chỉ ngồi nghiêm ngưỡng mộ ngắm Mẫu, và chẳng thốt lên lời cầu xin. Bởi vì họ biết rõ, dù họ chẳng nói lên, thì Mẫu cũng đã biết hết họ muốn gì. Bởi vì Mẫu chẳng ban phát, nhưng thực ra Mẫu đã ban phát cho tất cả mọi người.

Rất ít cô đồng ngồi giá Mẫu. Phải là những người có đức độ, có căn cốt, đã lâu ngày hầu cận bên Mẫu, mới dám ngồi hầu giá Mẫu. Còn kẻ đức mỏng bóng yếu, làm sao dám ngồi giá của ngài. Có kẻ cậy của, cậy sang, cứ liều lĩnh hầu bóng Mẫu, rồi khi bắc ghế lại vênh vang tự đắc, kết quả trở thành kẻ ốm lửng ốm lơ. Không phải ngài phạt, ngài hành đâu. Chẳng qua vì hồn vía yếu quá, cái hồn phách nhỏ tí xíu, cái thân xác chẳng thanh sạch, nhơ bẩn làm sao chứa đựng nổi đức tôn nghiêm oai linh của Mẫu.

Bảo rằng Mẫu lặng lẽ ban phát ân huệ cho tất cả mọi người, tuy Mẫu chẳng hé răng nói một lời; điều ấy có nghĩa là khi ta ngồi trong tòa điện bên cạnh Mẫu, ta khắc tự nhiên nhận được một ân sủng tốt lành, ấm áp, tỏa ra từ ánh mắt, từ con người từ bi hiền hậu của Mẫu. Luồng sinh khí hỉ xả ấy tỏa ra mạnh lắm. Nó làm cho nỗi lòng của kẻ đang gặp khổ sở được xoa dịu, giúp cho kẻ bệnh tật tăng thêm sức kháng cự, biến kẻ ác đang có dã tâm trở nên hiền hòa, ngay cả những người bình thường lương thiện cũng được hưởng phúc, đã tốt lành lại càng tốt lành hơn.

Giá Mẫu chỉ diễn ra chừng mươi phút. Sau khi Mẫu

xuống trần, người nhìn khắp mọi người, đám đệ tử ai ai cũng được hưởng phúc lành tỏa ra, thì cũng là lúc tiếng đàn của ông Trịnh Huyền trở nên ríu rít dồn dập, cứ như những bước chân hối hả hấp tấp của đám các cô ba, cô bốn... cô bảy, cô chín... theo hầu đang lục tục bước sao cho kịp xe loan của Mẫu. Đó là khúc đàn tiễn biệt chiếc xe của Người đang bay bổng về chốn tiên thiên. Ông Trịnh Huyền hát lên câu: "Xe loan thánh giá hồi cung".

Giá đồng thứ hai của bà Mùi là giá "Quan lớn tuần Chanh". Trong ngũ vị tôn ông, ngài là quan đệ ngũ. Đó là một vị anh hùng không có trong đời thực. Ông được hư cấu nên mà người ta gọi là anh hùng văn hóa. Dân gian vẫn phụng thờ ngài ở bên con sông Chanh, Ninh Giang, Hải Dương.

Quan lớn mặc áo kép, trong là áo dài lụa trắng ngoài là áo đoạn xanh lam hoa chìm. Trên đầu ngài đội chiếc khăn màu đỏ. Ngang lưng, thắt chiếc thắt lưng cũng là lụa đỏ. Bà Mùi vẫn thường hay hầu giá đồng này. Bốn cô hầu dâng cầm bốn chiếc quạt cái tím, cái xanh, cái đỏ, cái trắng, ngồi ở bốn góc phe phẩy cho quan lớn. Cả bốn người, chẳng ai bảo ai, nói đồng thanh:

- Tấu lạy ngài! Quan lớn ngài oai phong lẫm liệt quá ạ.

Bà Mùi tỏ ra đắc ý trong giá quan lớn. Mắt bà long lanh khác thường. Người đàn bà truân chuyên đã biến đâu mất. Hình như con người ẩn giấu trong bà đột ngột xuất hiện làm kẻ bàng quan phải ngỡ ngàng, còn người trong cuộc thì ngây ngất. Bao nhiêu sự tủi nhục, yếu đuối, cam chịu lúc này chợt bay đâu mất để nhường chỗ

cho cái lẫm liệt, cái kiên cường, cái mạnh mẽ tràn vào thay thế. Hai cha con ông Trịnh Huyền giọng dâng văn cũng rất hào sảng:

Hỡi ai qua bến sông Chanh
Nhớ người tráng sĩ uy danh tuyệt vời
...
Tiếng loa đồng gọi nước sông Chanh
Lưỡi gươm cứu nước tung hoành là ai.

Lúc thường, bà Mùi là người dịu dàng nhu mì, ăn nói khẽ khàng, cử chỉ mềm mại. Còn phút này, mắt bà sáng quắc, động tác trở nên nhanh nhẹn. Hình như có một thế lực siêu nhiên nào đó đã truyền sức mạnh cho bà. Cây thanh long đao bằng gỗ trong tay bà múa tít vun vút, loang loáng, cứ như thể bà là vị tướng thực sự, trong tay có bát vạn hùng binh. Tiếng đàn nguyệt sảng khoái dồn dập, còn lời ca là một bản hùng văn:

Sông Chanh, sông Chanh, ơi sông Chanh!
Non nước còn ghi trận tung hoành.
Lẫm liệt oai phong gương tráng sĩ
Ngàn thu còn để dấu anh linh...

Quan lớn Tuần Chanh hắng giọng uy nghiêm. Cái oai phong của ngài bàng bạc khắp gian điện thờ. Các đệ tử, những người đàn bà thôn dã, ngồi quanh im lặng, ngất ngây chiêm ngưỡng một vị anh hùng đột nhiên giáng thế. Trong giây lát, bao nỗi tủi cực của đời những người đàn bà thôn quê bỗng được thăng hoa, vơi nhẹ.

Hết cao trào, tiếng nhạc chùng xuống, nhường chỗ cho những âm điệu khoan thai êm đềm. Ngài trao đao cho cô

hầu dâng, bắt đầu uống trà sen, nghe lời văn luận bàn về một chữ Tâm, tay tựa lên chồng gối xếp bọc gấm để bên cạnh... Phong thái của ngài chuyển hẳn sang ung dung tự tại.

Giá thứ ba là giá Bà Chúa Thác Bờ.

Năm xưa, khi nghe người ta nói bà mế Mường dạy bà làm thuốc đã về xứ Mường Trời, bà Mùi vẫn không tin. Bà nghe đồn ở bên kia sông Đà có một bà mế chữa bệnh giỏi lắm. Bà Mùi lặn lội đến thác Bờ tìm bà mế sư phụ nhưng không thấy. Đêm hôm ấy bà vào lễ ở ngôi đền linh thiêng. Bà Chúa Thác Bờ đã báo mộng bảo bà không cần đi tìm nữa. Cứ kính cẩn thờ Mẫu, và chữa bệnh cho mọi người, thế là đã báo đáp đủ đối với ơn nghĩa của người thầy.

Từ dạo ấy, lần nào bắc ghế hầu thánh, bà Mùi cũng ngồi giá Bà Chúa Thác Bờ.

Vì Chúa Thác là người Mường nên ông Huyền hát điệu Xá thượng, một điệu hát rộn ràng tưng bừng:

Vầng nhật nguyệt đêm ngày soi tỏ
Cảnh Thác Bờ rực rỡ càn khôn.
Lô xô đá mọc đầu nguồn
Khen ai khéo tạc bên luồng chơi vơi

Chúa Thác cũng là người từ bi thường giáng trần chữa bệnh cứu người nên có câu:

Dầu ai bệnh hoạn không qua
Lòng thành kêu tới Chúa Bờ cứu cho.
Chúa Bờ cứu, tai qua nạn khỏi
Lại cứu người qua khỏi trầm luân

Nước tiên tẩy sạch bụi trần
Thanh cao rồi lại mười phần thanh cao.

Trong lúc này, tất cả mọi người trong điện thờ đều nhập đồng. Ở chốn thiêng, tất cả đều đắc nhất. Tất cả đều hòa đồng làm một. Đời người vốn nhiều bất hạnh, ưu phiền, ẩn ức. Ở một cuộc đồng bước ra, con người đã được giải tỏa, gột rửa. Con người tốt đẹp hơn, thánh thiện hơn. Con người như được nạp năng lượng mới để tiếp tục sống.

Cuộc lên đồng mở cửa đền làm cho cô Mùi lâng lâng siêu thoát, các cô hầu dâng thì đắm say, những con nhang đệ tử ngất ngây. Cả ông Huyền và Nhụ cũng thế, họ đã đàn và hát trong sự xuất thần. Tất cả đều trở nên tinh khiết. Cái linh thiêng đã cứu giúp những con người bé nhỏ.

4

Ông René de Fromentin vừa cho in một loạt những bài viết về Đông Dương được người đọc chú ý. Ví dụ: "Việc xây dựng ngôi nhà thờ lớn tại Hà Nội", hay "Người Chiêm Thành và chế độ mẫu hệ", rồi "Nghiên cứu về tang lễ của người Việt ở xứ Bắc Kỳ". Tuy vậy, ông René vẫn bị những người như Julien coi là kẻ vô tích sự đáng yêu. Sở dĩ Julien cho thêm tính từ đáng yêu vào vì mới đây cuốn sách "Tản mạn Bắc Kỳ" của ông được báo chí Paris rất khen ngợi. Thực ra, những người như ông vẫn

được các ngài toàn quyền, công sứ coi trọng, vì họ được coi là đại diện cho nền văn hóa Pháp. Họ được coi là những bình hoa đẹp trang trí cho công trình thuộc địa của nước Pháp ở xứ sở này.

Khi nhận được thư của họa sĩ Pierre Messmer báo cáo cho biết làng Cổ Đình sắp mở hội, ông René lập tức thu xếp về đồn điền ngay. Đến nơi, Pierre rủ René đi thăm đình làng. Hai người Pháp đã đi từ ngạc nhiên này đến sửng sốt khác. René bảo:

- Lạ thật! Chúng ta ở làng này đã lâu. Sao lại không biết cái công trình đáng yêu này nhỉ. Thế mới biết chúng ta đầy chất quan liêu.

- Vì quan liêu hay vì chúng ta là ông chủ. - Pierre nói.

- Cũng có thể. Vì ông chủ thì bao giờ chả thấy ngôi nhà của mình là đẹp nhất thế gian. Còn ngôi nhà của đày tớ...

Pierre chú ý đến mặt mĩ thuật. Ông rất ngạc nhiên sao con người lại công phu và tinh vi chạm khắc đến từng mẩu gỗ nhỏ trong một công trình kiến trúc lớn thế này. Mà lại chỉ là công trình của một làng quê. Pierre rất thích thú đặt tên cho cái đình này là "Cái nhà hoa". Còn René lại để ý đến mặt sinh hoạt của những bức khắc. Ông ta cứ ngẩn ngơ đứng trước bức cửa võng hoành tráng thếp vàng với bốn con rồng chầu mặt trời, với những nghệ sĩ đánh đàn, với những cô tố nữ đang múa. Và óc ông đã lóe ra một đề tài nghiên cứu mới.

Hôm mười ba, René và Pierre lên đền Mẫu đúng lúc bà đồng Mùi đang bắc ghế hầu thánh. Hai người dự cho đến hết ba giá đồng. Khi bà Mùi hầu xong, lập tức một

bà đồng khác thay chân hầu tiếp. René càng ngạc nhiên hơn khi ra ngoài điện thờ - Lúc này ở núi Mẫu không phải chỉ có một, mà có nhiều đám hầu bóng. Đám ở dưới gốc cây ngọc lan có cây hương đã đành. Lại còn một đám ở dưới gốc cây si khổng lồ. Tại đây, người ta lấy năm tàu lá cọ chồng lên nhau xòe ra làm một bán mái. Từ đỉnh bán mái treo một chuỗi ba cái nón nối đuôi nhau từ trên cao rủ xuống, cái trên cùng tua đỏ, cái thứ hai tua xanh, cái thứ ba tua trắng. Dưới chùm nón là một hòn đá phía trên bằng phẳng đặt một bát hương. Và thế là đủ một điện thờ. Cung văn, chỉ một ông đánh đàn và một bà gõ trống phách. Cô đồng là một cô gái rất trẻ mặc áo xanh. Trước mặt cô có một đoạn thân cây chuối dài chừng gang tay trên cắm một thanh tre dán giấy mà người ta gọi cái cốt. Pierre nhìn những con người mê đắm và những màu sắc rực rỡ giữa một thiên nhiên êm đềm màu xanh, chợt thấy bản thân mình cũng như bị mê hoặc, bị ám ảnh. Ông vội lấy bút giấy ra vẽ nhanh ít nét. Ông còn lẫn vào đám con nhang đệ tử ngồi ở đó khá lâu. René phải kéo mãi Pierre mới chịu rời chỗ đó. Ông bảo sở dĩ phải ngồi lâu thế vì muốn thu vào tâm khảm những màu sắc, cái không khí hồn nhiên bí ẩn mà trong đời ông khó có dịp gặp lại. Buổi chiều hôm ấy, Pierre tự nhốt mình trong buồng để tưởng tượng lại, ghi lại cái quang cảnh mà ông đã dự, lần này ghi lại bằng màu sắc thuốc nước.

Buổi tối rỗi rãi René và Pierre rủ cả Julien xuống nhà ông đầu bếp Lênh ở khu trồng bưởi cuối vườn. Ông già người Tầu thấy ba ông chủ Tây đến, định thu dọn cái bàn đèn cất đi, song Julien hiền từ nói:

- Ông cứ để đấy, đừng dọn dẹp. Có cái bàn đèn của ông nói chuyện mới thú.

Ông Lễnh mời mọi người hút:

- Các ông chủ chớ ngại. Thỉnh thoảng hút chơi một điếu không có hại. Chỉ có lợi vì tinh thần sảng khoái.

Julien cười:

- Châu Phi có lên đồng. Đông Nam Á có lên đồng. Tôi nghĩ lên đồng của người An Nam là một thứ dị đoan, phù thủy, một thứ khoa học rừng rú.

René điềm đạm nói:

- Tôi nghĩ bất cứ tôn giáo nào cũng đều có trạng thái lên đồng. Cơ đốc giáo có sự thiên khải. Phật giáo có trạng thái Ngộ đạo. Khi đã lý thuyết hóa, ta mới coi đó là tôn giáo. Còn những sự thiên khải vô ngôn thì sao? Còn những người bình thường bằng trực giác bỗng nhiên thấy được những điều đẹp đẽ bí ẩn thì sao?

- Như vậy là những người An Nam cũng có tình cảm tôn giáo sao? Tôi đã gặp những cha đạo rất thánh của chúng ta. Tôi nghĩ chỉ đến khi các vị ấy trải qua bao gian khổ tới đây, lúc đó người bản xứ mới có một đức tin chân chính. Hãy đến ngôi chùa cổ mà xem. Người giữ đạo ở đấy là ông già điên khùng. Còn ngôi điện thờ trên núi ư? Tôi không tin những người đàn bà mê muội ấy lại có thể mang giữ được những điều thiêng liêng cao đẹp mà chúng ta gọi tên là tôn giáo.

- Nếu chúng ta kiêu ngạo như vậy, làm sao chúng ta có thể hiểu được họ. Làm sao chúng ta có thể làm được một sự tổng hợp sáng tạo. Nghĩa là sự hòa trộn nhuần nhị giữa hai nền văn hóa, để tạo ra một đất nước đẹp đẽ

theo mô hình văn minh của người Pháp, để tạo ra một bó hoa rực rỡ kiểu Pháp giữa vùng châu Á.

Julien cười khẩy bảo René:

- Ông là người bênh vực và am hiểu người bản xứ. Vậy ông có nhận thấy họ là những người thích làm quan và háo danh không? Hầu hết người An Nam đều muốn làm quan. Và khi đã leo lên được một địa vị, lập tức họ trở thành một ông quan tham tàn. Thậm chí làm quan không có quyền, họ cũng mua quan. Họ như những đứa trẻ ngây ngô. Khi có tiền trong tay, họ phung phí nào khao nào cỗ bàn linh đình. Họ cứ tưởng như tiền ở trên trời rơi xuống. Họ đâu biết người Tây phương chúng ta được như hôm nay đã phải mất bao nhiêu trí não, máu và mồ hôi, và cả sự cần kiệm. Có giao quyền cho họ họ cũng không biết sử dụng. Trên thế gian này, chỉ có kẻ mạnh văn minh và kẻ yếu tối tăm. Quy luật đào thải vô tư và tàn nhẫn. Nó không bao giờ nương tay với kẻ yếu. Người Pháp chúng ta đang làm đúng quy luật. Không bao giờ có sự tổng hợp, hòa trộn.

René còn đang lúng túng tìm câu trả lời thì có tiếng nói:

- Có chứ! Có sự hòa trộn chứ!

Cả hai người đang tranh cãi hăng hái chợt ngừng lại và quay mặt ra khi nghe thấy câu nói của Pierre. Người anh trai vô tích sự của Julien không biết đã lên nhà trên từ lúc nào và đã quay trở lại, đem theo một bức tranh. Bức tranh tên là "Đội lửa". Một người đàn bà miền sơn cước váy đen, áo xanh lam có hàng khuy bạc là lũ bướm đậu trước ngực. Cô ta đang múa. Trên đầu cô đội cái mâm cắm đầy nến cháy rừng rực. Cô gái múa mâm lửa

trong giá đồng cô Bé sơn trang. Những cây nến lung linh đang cuộn theo vòng xoáy của điệu múa. Bức vẽ khá sinh động. Pierre giải thích:

- Chất liệu vẽ là sơn dầu, do một họa sĩ An Nam vẽ, lại vẽ cảnh lên đồng. Như vậy chẳng là sự hòa trộn cả Tây lẫn Đông đó sao? Tiếc thay người họa sĩ đó đã vào Sài Gòn rồi.

Nhờ có bức họa của Pierre đem tới, cuộc tranh luận dịu hẳn đi. Julien cũng phải cười và công nhận bức vẽ đẹp. Còn René suy nghĩ rồi nói muốn mượn bức tranh này làm minh họa cho một bài nghiên cứu dài mà ông sẽ viết. Không khí căn nhà lá của ông Lễnh chợt lắng xuống chốc lát. Pierre phá không khí ấy:

- Cuộc tranh luận của hai ông bỗng làm tôi nhớ lại cuộc tranh luận của hai người bạn bản xứ của tôi. Họ là những người có học mà tôi tạm giấu tên. Để cho tiện, xin gọi họ là anh A và anh B. Hai người rất thân nhau. Chợt một hôm, giữa họ nổ ra cuộc tranh cãi kịch liệt. Chủ đề là tương lai của xứ sở An Nam.

Nghe đến chủ đề chính trị ấy mọi người đều chú ý, nhất là Julien. Julien chăm chăm nhìn người anh.

- Cả hai người đều thống nhất một điểm là phải nhanh chóng Tây phương hóa xứ sở này. Điểm khác nhau là chỗ anh A chú trọng đến khía cạnh văn hóa. Anh A cho rằng khoa học là của chung của toàn thế giới, còn văn hóa mang đậm tính chất địa phương. Một dân tộc mất văn hóa sẽ không còn diện mạo dân tộc. Anh B cho rằng chuyện đó là phụ, điều quan trọng số một lúc này là phải Tây phương hóa để đuổi người Pháp chúng

ta ra khỏi xứ này. Họ tranh luận với nhau càng lúc càng hăng. A bảo: gia đình là nơi quan trọng. B bảo: Không cần gia đình. A bảo: dân tộc là quan trọng. B bảo: Thế giới là quan trọng. Cứ tưởng cuộc cãi vã ấy hai người không nhìn mặt nhau nữa. A chia tay với B rồi bỏ đi.

Ông Lềnh là người thông minh. Ở với người Tây, ông đã học tiếng Pháp. Nhưng dù sao ông vẫn chưa thạo nên nghe nói ông chỉ nhớ đến A và B. Riêng Julien nghe xong ông gật gù:

- Tôi đã nhận ra A là ai và B là ai rồi.

- Sao?

- Sao ư? Có một điểm chắc chắn A đã vào Sài Gòn rồi, còn B chính là kẻ tôi đang truy tìm. Gặp hắn tôi sẽ bắn một phát súng vào giữa sọ hắn.

Ông Lềnh nghe chiều hướng câu chuyện lại muốn ngả sang phần tranh luận gay cấn, liền làm dịu ngay tình hình bằng những chuyện vui. Ông ta nói về chuyện đàn ông đàn bà. Nói về những chuyện rất tinh vi và rất lạ về quan hệ giữa hai giới của người phương Đông.

Thực ra, Julien không thích người da vàng. Trước kia, khi thấy ông anh Pierre và René hay đến uống trà và tán dóc với ông Lềnh, Julien tỏ vẻ không hài lòng.

Pierre cười và bảo em:

- Cậu tưởng người đầu bếp già ấy quá tầm thường sao. Ông ta là một nho sĩ, một vị tú tài, đã đọc hàng ngàn cuốn sách. Chỉ riêng việc ông ta tóm tắt cho chúng ta biết những cuốn sách của ông ta đã là quý lắm rồi.

- Chúng ta là những nhà chinh phục.

- Em là người đi chinh phục... Thiết tưởng càng cần hiểu về những thần dân của mình chứ.

Nghe lời Pierre, Julien đối xử với ông già Lềnh trân trọng hơn, song không khỏi có phần hạ cố. Dần dần Julien cũng thích ông ta. René và Pierre thích ông Lềnh ở chỗ muốn qua cái tinh thần phương Đông của ông để gián tiếp rồi sau đó trực tiếp hiểu cái xứ sở này. Còn Julien dần dà thích ông Lềnh ở chỗ những mưu mô thâm sâu của những câu chuyện cổ Trung Hoa. Còn thích ông ở những lời khuyên, những câu chuyện tình dục kỳ lạ, cũng có thể nói có lúc tinh tế và kỳ cục, chúng kích thích trí tưởng tượng và sự tò mò của một người đàn ông cường tráng Tây phương như ông rất mạnh.

Ông già Lềnh thực khéo. Tranh cãi đến mức gay cấn để làm gì. Ở cái chốn heo hút, khỉ ho cò gáy này, lại ở bên cạnh cái bàn đèn thuốc phiện, nơi con người chỉ biết vui vẻ, giải phiền, thì trách nhiệm của ông, người chủ bàn đèn, là phải làm sao cho khách khi ra khỏi đây người nào cũng thấy thư thái. Ông biết tâm lý của những người đàn ông. Nói chuyện về đàn bà, người nào cũng thích và có phần sành sỏi riêng của họ. Người nào cũng có những nhận xét chí lý. Julien là người đầu tiên lên tiếng:

- Theo tôi nghĩ, có lẽ điều hấp dẫn nhất ở xứ Đông Dương này là người đàn bà. Tôi đã đi khắp. Đã sang cả Cao Miên, Lào. Tôi ở Lào hơn một năm. Tôi thấy đàn bà Lào dịu dàng, dễ bảo, chịu vâng lời. Những người đàn ông nào muốn tìm sự êm đềm hiền hòa, xin hãy đến với đàn bà Lào.

- Còn đàn bà Việt? - René cười hỏi lại.

- Tôi không thích hai hàm răng đen của họ. Nhưng may thay, tiếp xúc với đàn bà lại là trong đêm tối. Đêm tối mò, tôi không nhìn thấy cái điều mà tôi không thích. Khi đã vượt qua được cản trở đó, và khi đã có nhiều kinh nghiệm, tôi mới biết được cái mĩ miều của người đàn bà bản xứ. Một thân hình nhỏ nhắn và hoàn mĩ, làn da mượt mà săn chắc chứ không bệu nhẽo. Dáng đi đứng mềm mại, uyển chuyển của loài báo gấm. Cái dáng vương giả thần tiên. Một khuôn mặt trái xoan nhiều hơn là tròn. Đôi mắt hơi xếch, hơi man dại. Con mắt ấy, dáng vẻ ấy tạo ra một sự hài hòa và gợi báo cho ta biết một sức sống mãnh liệt. Thú thật, khi phát hiện ra được những đặc điểm đó, tôi thấy mê những thân hình nhỏ nhắn, mềm mại, trơn nhẵn trong những giấc ngủ miền nhiệt đới. Tuy nhiên, vẫn có một cái gì đó kỳ lạ, bí hiểm mà tôi vẫn chẳng nghĩ ra khi ở trên giường với người đàn bà bản xứ. Cái đó kích thích tôi, thu hút tôi. Phải chăng vì da thịt họ thơm tho? Một mùi thơm thiên nhiên. Nó man mác như mùi hoa phong lan rừng ban đêm. Phải chăng còn vì cái thân hình be bé, xinh xinh như con búp bê của họ? Đó là thứ búp bê dai dẳng. Cảm giác lúc ấy là thứ cảm giác chặt chẽ, nó xiết lấy ta làm cho ta ngộp thở. Ta bỗng trở nên nhỏ bé lại, đúng, ta bỗng trở nên chú bé tí hon. Ta thăm thẳm chuồi vào ấu thơ. Có phải thế không nhỉ? Và tôi chợt thấy thán phục họ, người đàn bà bản xứ. Cái sinh vật nhỏ thó xinh xinh ấy lấy ở đâu ra mà tràn trề sinh lực thế nhỉ. Điều này tôi không thấy ở những người đàn bà của chúng ta.

Ông anh Pierre gật gù rồi phân tích quan hệ tình dục ở góc độ tâm lý:

- Có lẽ người Tây phương chúng ta đã quá lý trí, đem ý thức vào mọi vấn đề. Chúng ta đem ý thức vào cả những cuộc ái ân. Chúng ta có ý thức cá nhân cao. Ý thức cá nhân cao tức là ai cũng tranh phần hơn. Cả hai đối tác đều muốn phần hơn. Còn người bản xứ không đem ý thức vào đó. Ở họ, ái ân tức là thiên nhiên. Có phải chú Julien đã gọi điều đó là điều bí hiểm chăng? Có phải cảm giác kỳ lạ là hệ quả của sự gặp gỡ giữa cái mà chú gọi là mông muội với cái văn minh tận hưởng của chúng ta chăng?

Ông Lênh lại tham dự cuộc tranh cãi ấy một cách khiêm nhường:

- Chúng tôi là người da vàng, chúng tôi không bàn luận về sự so sánh đó. Tôi là người Trung Hoa, tôi chỉ biết những câu chuyện của nước chúng tôi. Tôi xin kể chuyện một ông già đã tám mươi tuổi lại mua hai cô hầu non. Hai cô này chỉ trạc mười sáu, mười bảy tuổi. Lúc ấy, tôi hỏi ông già: "Cụ còn sức lực đâu mà lại dùng tới những hai cô gái tơ?". Ông già trả lời: "Cậu còn trẻ, chưa hiểu được những bí thuật của cuộc đời. Các cụ xưa đã dạy ta điều này: Tất cả chỉ là chuyện của những làn da và sự điều hòa âm dương". Câu trả lời làm tôi cứ băn khoăn mãi. Về sau, khi đã lớn tuổi, tôi mới hiểu ra. Ông già tám mươi kia mua hai cô hầu non về không phải để làm công việc thông thường giữa đàn ông và đàn bà. Thậm chí ông già còn kiêng chuyện đó. Đêm đêm, khi cả ba người đều trần trụi, ông già chỉ cần ngắm hai cô gái, vuốt ve da thịt họ. Còn công việc chính của hai cô chỉ là việc suốt đêm ôm chặt lấy ông và ve vuốt. Sách vở

cổ của chúng tôi cho rằng ở những cô gái trẻ măng và trinh tiết như vậy, phần âm tính nơi họ rất mạnh. Cái âm tính hừng hực ấy sẽ phát tiết ra bề mặt những làn da và qua ôm ấp sẽ truyền lan sang ông già, để bồi bổ cho ông, bởi vì qua năm tháng thân thể người ta chỉ còn lại như thứ cây già cỗi chỉ còn cái phần dương tính leo lét. Phần âm tính mạnh mẽ kia sẽ kích thích cái phần dương tính kiệt quệ làm cho nó thức dậy rồi điều hòa nó. Giữa hai giới, chẳng qua chỉ là sự tiếp xúc của những làn da. Bên trong hay bên ngoài thì cũng như nhau mà thôi.

Tất cả nghe xong đều cười òa. Cái câu chuyện lạ ấy chẳng biết có phải do ông đầu bếp già bịa đặt ra cho vui không, nhưng phải công nhận rằng chỉ có những người ở xứ viễn đông này mới có thể nghĩ được ra.

Nhưng mà Julien phải thú thật sự hưởng thụ những làn da đẹp đẽ của con người đến như vậy thì thực tinh vi. Ông già Lênh lại nói tiếp:

- Ngày mai là ngày cuối cùng của hội Kẻ Đình. Người ta bảo có những tục lệ rất lạ.

- Thế ông đã được dự bao giờ chưa?

- Chưa, nhưng tôi đã được nghe kể. Câu chuyện ấy tôi đã được nghe bên bàn đèn nhà ông hương Ất.

Tiếp đó, ông Lênh say sưa kể cho họ nghe về sự tích ông Đùng bà Đà. Lại cũng vẫn là câu chuyện giữa nam và nữ. Chỉ có khác đây là chuyện tình cổ xưa về những người khổng lồ. Câu chuyện kích thích họ háo hức mong được dự ngày hội ông Đùng.

5

Người ta thường bảo nhau rằng: đi xem hội Kẻ Đình mà không dự ngày cuối, tức là không đi xem rước ông Đùng bà Đà, thì coi như chưa được đi xem hội. Do vậy nên tất cả những trò vui khác như chọi gà, đánh vật, đánh đu, bơi chải... đều phải tiến hành từ trước, đến hết sáng mười bốn là xong để đến chiều hôm ấy đi xem rước Ông - Bà. Ngay cả việc lên đồng ở đền Mẫu, người ta cũng thu xếp đến quá trưa là xong, bởi vì đám con nhang đệ tử còn trẻ đều không muốn bỏ lỡ dịp vui.

Nhụ cũng thế. Cô cũng háo hức chẳng kém mọi người. Bà Mùi còn bận trăm công nghìn việc... Ông Huyền cũng vậy... Cô gái đã nhân lúc mọi người còn đang tíu tít, nhanh nhẹn lẩn ra khỏi điện thờ, phăng phăng xuống núi để hòa vào đám đông người tụ tập ở chân núi, trước cửa đền.

Bà Mùi lúc ngơi việc, chợt giật mình nhớ ra một điều. Bà tìm Nhụ không thấy, hỏi ông anh trai:

- Bác Huyền! Cái Nhụ đâu rồi?

- Cô hỏi gì cháu? Chắc nó đã lẩn đi xem hội.

- Chết! Tôi quên khuấy mất - Bà tần ngần - Định dặn cháu một điều.

Điều gì bà Mùi chẳng nói ra? Mà nghĩ cũng lạ. Nói ra điều ấy thật vô lý. Đêm qua, bà nằm mơ thấy cụ Tổ cô

về. Bà hay gặp cụ trong giấc mộng, điều này chẳng có gì lạ với bà. Chỉ có điều lạ là gặp bà, cụ Tổ cô cứ mấp máy đôi môi chẳng ra tiếng. Hỏi đi hỏi lại mãi mà đôi môi cụ tổ chỉ mấp máy không lời. Cuối cùng bà ghé sát tai vào môi mới nghe được mấy tiếng thều thào như gió thoảng: "Đừng... đừng... xem hội..." thốt ra mấy tiếng xong, cụ Tổ cô đã như đám mây nổi trôi, tan loãng rồi biến mất. Bà đồng Mùi tỉnh dậy, nhớ nhớ quên quên, chẳng biết cụ Tổ cô có thực bảo: "đừng đi xem hội" hay không. Tuy nhiên, bà cứ thấy phấp phỏng trong lòng, nên quyết định đem câu nói ấy ra dặn cô cháu. Đáng tiếc thay, cô cháu lại lẩn đi mất rồi. Cuối cùng, bà Mùi tặc lưỡi nghĩ bụng mình có bảo nó điều lạ lùng ấy chắc gì nó đã nghe.

Đúng vậy! Làm sao Nhụ có thể không dự ngày vui này khi dòng người trẩy hội náo nức thế kia. Hội là ngày vui hiếm có của người dân quê quanh năm đầu tắt mặt tối. Rước ông Đùng bà Đà lại càng hi hữu hơn, có thể nói trăm năm mới có một ngày. Hơn nữa, hội này có những điều phạm vào cấm kỵ. Vậy nên nó hấp dẫn lạ lùng. Người thiên hạ đến xem đông vô kể.

Đám trai thanh, gái lịch, đối với cuộc rước ông Đùng bà Đà, lại càng háo hức hơn tất cả. Háo hức và phấp phỏng. Nghe nói đến, ai ai cũng tủm tỉm cười, có người còn đỏ ửng đôi gò má. Đó là một ngày hội cho phép con người được tự do nhất. Tự do ở những tục lệ sau hội, sau đám rước.

Đám rước đối với các bà sồn sồn nạ dòng thì sao? Có anh con trai ngổ ngáo hỏi một bà bạo miệng. Bà này trả lời:

- Lòng vả cũng như lòng sung. Trẻ có cái vui của trẻ. Già có cái vui của già.

Còn các cụ già sáu, bảy mươi thì sao? Các cụ nghe hỏi đều sáng mắt lên bảo rằng lộc trời ai cũng muốn hưởng, song chẳng ai hưởng hết được. Hội ngày xưa, các cụ đã hưởng nhiều. Hội hôm nay, dành phần cho con cháu. Rồi các cụ cười nụ, chẳng nói gì thêm. Ý chừng nhớ lại những kỷ niệm xưa.

Riêng cụ phó Cối, tuổi ngót nghét sáu mươi, chân tay vẫn còn săn chắc. Cụ bảo đám thanh niên:

- Các con cứ yên lòng. Tuy ta không đi rước, nhưng sẽ đan hai hình nhân thật to, thật đẹp, làm sao cho ông Dùng bà Đã sẽ là hai người khổng lồ mà ai ai cũng phải thích. Ta sẽ chế những cái máy gỗ bên trong thật thần tình để cho ông và bà biết cử động chân tay, biết vui buồn y như người thật...

Đối với Nhụ, cô hồi hộp đón chờ đám rước chiều nay. Đó là niềm vui rất riêng tư của cô. Đó là điều bí mật của riêng vợ chồng cô. Gần đến ngày hội, Điều mới thổ lộ cho cô bí mật này. Điều thì thầm với Nhụ rằng anh đã "trải ổ" xong. Nhụ ngạc nhiên: "Trải ổ là gì?". Đến tận lúc ấy, Điều mới giảng giải cho cô nghe cái tục "trải ổ" của dân Kẻ Đình. Tục lệ cho phép trai gái yêu nhau, dù chưa cưới xin, được phép tạo một chiếc giường tình, được phép tạo một chiếc ổ thơm tho, êm ái cho cuộc yêu đương của mình, trong một hang đá hoặc dưới một vòm cây nào đó ở trong rừng, cạnh núi Đùng... Điều ấy được dân làng cho phép trong tháng ba, tháng tư. Cô gái nào có mang lúc trải ổ trong thời kỳ ấy, được coi là rất may mắn. Cô ta sẽ sinh quý tử. Nhụ cười một mình: Hóa ra là thế. Mình nói để dành, anh ấy nghe theo; mình lại nói cái ấy chưa chín, anh ấy cũng nghe theo; cứ tưởng Điều là anh

chàng ngốc; té ra anh ấy để dành thực sự, để dành đến ngày hội, để dành đến mùa thiêng. Bởi vì nhìn vào mắt chồng, Nhụ mới biết Điều rất tin vào tục lệ cổ này. Anh tin rằng, đến hội, ông Đùng bà Đà sẽ phù hộ, sẽ ban phúc cho vợ chồng anh. Và nhất định vợ chồng anh tới đây sẽ sinh quý tử.

Xế chiều, người đi rước đã tụ tập ở chân núi Mẫu hàng ngàn, đông như kiến cỏ. Nhụ lẫn trong đám người, đưa mắt tìm chồng. Hai đứa đã hẹn nhau từ trước. Quái lạ! Vẫn chưa thấy bóng dáng Điều. Nhụ liền tách khỏi đám đông, đứng ở một mô đất cao, dưới gốc cây trám. Đứng tách ra thế để Điều đi tìm dễ nhận ra. Đứng một mình Nhụ lại cười thầm và tiếp tục dòng suy nghĩ bị đứt quãng.

... Năm nay cả hai đứa đều tròn mười lăm tuổi. Nhụ biết mình là đã chín rồi. Nhiều đêm Điều vầy vò đôi nhũ hoa đã thây lẩy của Nhụ, cô thấy lòng mình xốn xang rạo rực. Còn Điều, chắc anh chàng chưa "chín" lắm. Có như thế cu cậu mới chịu để dành chứ. Nhưng đến bây giờ thì sao? Chắc anh chàng cũng đã sẵn sàng. Chính vì vậy, Điều mới sáng mắt lên và thổ lộ hứng thú với Nhụ về cái giường ổ rất êm, rất thơm tho mà anh đã mất công một mình tạo dựng. Điều bảo đã tìm thấy một hang đá gần quả núi Đùng rất kín đáo, lại khô ráo. Cái hang nằm ở lưng chừng núi chưa người biết. Bên trong có một chỗ cao tương đối bằng phẳng, Điều chọn chỗ đó, dọn đá quây như cái giường có thành, rồi đánh tranh trải làm chiếu, sau đó cắt cỏ mật phơi khô tạo thành cái ổ thơm phưng phức. Ở đấy, Điều còn để sẵn nồi đất và gạo, phòng khi muốn ăn... Việc làm này của Điều vẫn mang chất mục đồng; chẳng là khi hai đứa đi chăn bò, Nhụ vẫn thích

nấu nướng... Cái anh chồng của Nhụ thật ngộ. Ý chừng anh chàng muốn tạo nên một cái gì thật vui, thật đặc biệt, để chẳng bao giờ có thể quên được chuyện này... Ừ có bao giờ lại quên được, nếu như trong những ngày này, Nhụ được đơm hoa kết trái. Nếu Nhụ được trời phật thương mà có con, các cụ bảo những đứa con như thế sẽ rất thông minh sáng láng. Lại nhiều phúc, nhiều lộc. Ngày xưa, nếu thai nhi được sinh ra từ ngày hội, mẹ nó sẽ được thưởng ba quan tiền kẽm; còn ngày nay, các cụ sẽ thưởng cho miếng vải hồng để mẹ may áo cho con...

Cô gái chợt giật mình vì có tiếng người gọi. Cái Lan, cái Huệ, cái Năm, cái Thắm trông thấy Nhụ, vội chạy tới. Lan bảo:

- Chờ chồng phải không? Đừng chờ nữa! Mình mới gặp Điều. Thi bơi chải sáng nay, đội làng mình giải nhất. Cả đội chải đang ngồi trong làng uống rượu mừng. Hắn bảo cậu cứ đi xem hội với bọn mình. Còn hắn sẽ ra sau.

Có tiếng trống cái thì thùng. Người ta đã dùng thuyền rước ông Đùng, bà Đà từ đình làng xuống bến, theo sông lên trước cửa đền.

Lúc này, tất cả mọi người đều đổ dồn nhìn vào hai người hình nhân. Bảo là hai người hình nhân khổng lồ cũng được, mà bảo là hai con rối khổng lồ cũng được. Ông Đùng cao to gấp ba, bốn người thường, cao to tới mức có đủ chỗ cho hai người lớn chui vào bên trong để khiêng và điều khiển những máy gỗ kiểu như ta điều khiển con rối. Họ có thể làm cho cái đầu lắc lư và đôi mắt đảo đi đảo lại để biểu lộ sự hoan hỉ tinh quái. Họ cũng có thể làm cho đôi tay người khổng lồ giơ lên, hạ xuống, ôm

choàng thân mật. Bà Đà là một hình nhân bé hơn ông Đùng chút ít. Cũng như ông Đùng, bà cũng có thể lắc lắc đầu và giơ tay lên xuống. Chỉ có một điều khác: người ta có thể điều khiển làm cho bà Đà há miệng tròn to, kiểu há miệng thơ ngây khi con người vui thích.

Ông Đùng mặc áo đỏ, quần đỏ. Mặt hồng, có râu, có ria. Thực ra, người ta không làm máy điều khiển râu, ria, nhưng cụ phó Cối là người hóm hỉnh, cho nên cụ để cho hai chòm ria có thể tự chuyển động. Khi cái đầu ngoẹo sang một bên, lập tức bộ ria cũng biết cử động theo. Nhờ đôi mắt biết đảo đi đảo lại, đôi ria biết ngọ nguậy, nên trông bộ mặt ông Đùng thật ngộ nghĩnh và sinh động.

Bà Đà mặc áo xanh, quần xanh. Mặt trắng, lông mày đen nhánh. Trông bà thật đẹp và đa tình. Ông cụ phó Cối này đã già rồi mà vẫn còn tếu. Ông làm cho bà Đà một đôi vú hẳn hoi, mà lại là loại vú ấm giỏ mới nghịch chứ. Đan đôi vú bằng nan tre, phất giấy hồng. Bà Đà mặc yếm trắng. Đôi vú lại cũng biết cử động. Khi rước, đôi lúc gió núi đánh tốc cái yếm lên, để lộ ra đôi vú hồng thây lẩy, núng nính. Đám con gái lại được dịp ồ lên ngắm nghía đôi vú to đúng bằng hai quả mít đại.

Đám rước mới đầu là một, đến chỗ đường rẽ, tách làm hai; nam đi theo ông Đùng ở con đường bên trái; nữ đi theo bà Đà ở con đường bên phải. Lộ trình đám rước như sau: cả hai con đường đều xuất phát từ chân núi Mẫu, đi qua thung lũng và đều dẫn đến núi Đùng. Ông đi một đường, bà theo một nẻo, như thế để tượng trưng cho việc hai ông bà đi vòng quanh núi, nhưng cuối cùng họ vẫn gặp nhau ở bãi rộng dưới chân núi Đùng. Hai đám rước đầy đủ cờ, quạt, lọng che, trống to, trống nhỏ. Trống hội

tùng rinh vang động khắp thung lũng. Người ta vừa đi vừa reo hò:

Ông Đùng mà lấy bà Đà
Đẻ con, cái vú bằng ba quả dừa.

Quãng đường rước hình nhân khá xa. Đi dềnh dang nên gần hai tiếng mới đến nơi. Nhập nhoạng tối mọi người mới đủ mặt trên bãi. Người đi trẩy hội đều đã chuẩn bị sẵn. Người mang bó đuốc, kẻ xách nùn rơm. Nùn rơm không cháy đùng đùng như đuốc nhưng mỗi khi vung vẩy mạnh, nó lại hồng lên vẽ thành những vệt sáng trong bóng tối...

Ở giữa bãi rộng, người ta đã đốt nhiều đuốc. Giữa núi rừng, đuốc bập bùng, trống đánh thì thùng, người reo hò vui sướng. Hai hình nhân từ đầu hai con đường, theo tiếng trống và tiếng hò la cũng vẫy tay rối rít, rồi đi vào giữa bãi. Họ càng đến gần, tiếng trống càng rộn rã. Người tham dự tự động tản ra, tạo thành một khoảng trống, một sân khấu tự nhiên, nơi ông bà gặp mặt nhau. Hai hình nhân khổng lồ một đỏ, một xanh, cố bước cho nhanh. Trông họ vụng dại và ngây thơ đến tức cười. Ông cụ phó Cối làm máy điều khiển thật thần tình. Hai con nộm khổng lồ đã đứng trước mặt nhau. Ông Đùng giang rộng đôi tay. Bà Đà cũng vậy. Hai hình nhân ôm chầm lấy nhau, đầu con nọ ngả vào vai con kia. Cả bốn con mắt đều cụp xuống. Quang cảnh vừa ngồ ngộ vừa cảm động. Đám con gái bỗng cất giọng thanh thanh đặt ra câu hỏi:

Cái nạo thế sừ là cái sự thế nào?

Đám con trai đồng thanh hô to trả lời:

Cái nạy thế sừ là cái sự thế này!

Ông hình nhân áo đỏ đã tách xa khỏi bà hình nhân áo xanh. Bất thình lình, khắp bãi rộng bỗng dâng lên một tiếng ồ dài kinh ngạc. Ở trong ông hình nhân áo đỏ, người ta giật máy, để cuối cùng một khúc tre sơn đỏ từ bụng ông Đùng khổng lồ đột ngột chui ra. Tiếng trống, khi ông bà gặp nhau, đã dịu đi ý chừng để hai ông bà dễ biểu lộ sự mừng mừng tủi tủi, lúc này lại rộ lên rung trời, và tiếng hò la cũng như sấm rền dậy đất. Hai hình nhân sáp lại ôm chầm lấy nhau. Đặc biệt là hình nhân áo xanh, cái mồm há hốc. Tiếng cười vang. Tiếng hét vang. Những cô nàng kín đáo, ý tứ nhất cũng phải đỏ mặt, bịt miệng cười khúc khích. Vui thật là vui! Vui đến nổ trời sập đất.

Nhưng kìa, chú ý mà xem! Ta bỗng thấy hai đống củi lù lù mọc lên giữa vòng tròn từ lúc nào chẳng hay. Một ông già quấn khăn nhiễu, quần chùng áo dài, đang đổ dầu vào củi. Đám thanh niên khiêng ông Đùng bà Đà đặt lên. Ông và bà lặng lẽ nhìn nhau. Lúc này, người trong bụng hai hình nhân không còn nữa. Không có điều khiển, tay hình nhân thõng xuống, cái đầu cũng hết lắc lư, bốn con mắt, khi cái đầu đứng nguyên, bỗng cụp xuống cả. Ôi chao! Hai gương mặt hình nhân lúc ấy sao mà buồn thế! Hay là Ông và Bà đều biết rõ số phận của mình. Cuộc vui đã tàn, người ta đem thiêu họ. Ông già quần chùng áo dài vái lạy rồi vứt bó đuốc vào đống củi. Hai hình nhân bằng nan tre và giấy bắt lửa rất nhanh. Lửa cháy đùng đùng trên thân hình hai người khổng lồ. Hai hình nhân thản nhiên một cách lạ lùng. Sao họ chẳng thét lên? Tay họ thõng thượt. Chỉ còn hai cái đầu thỉnh thoảng gặp gió lại lắc lư nghiêng bên trái bên phải, để cho những con mắt đôi lúc choàng mở, đôi con mắt ngạc nhiên ngơ ngác. Lửa lem lém từ chân leo lên bụng,

ngực, rồi từ ngực lan sang tay và cuối cùng bò lên tận mặt. Chẳng biết ông phó Cối bố trí máy móc thế nào, hay lửa đã tác động đến máy móc bên trong ra sao, mà bỗng nhiên mồm bà Đà chợt há rất to. Khi trước, lúc vui, miệng bà cũng há nhưng nhỏ thôi, còn lúc này mồm bà há hoác hết cỡ. Một ngọn lửa chợt từ mồm bà chui ra. Lúc đầu là một lưỡi lửa, sau đó là một luồng lửa phụt ra rất mạnh. Bà Đà đã hét ra lửa để sau đó khuôn mặt bà tan ra. Ông phó Cối làm được việc này thật thần tình, hay đó chỉ là một kết quả ngẫu nhiên.

Khi gương mặt hai người khổng lồ biến mất, tiếng cười reo của người đi xem hội cũng tắt ngấm lúc nào chẳng hay. Trống cũng bặt lặng. Người ta đứng im ngắm nhìn hai cột lửa ngất trời. Lửa tạo ra gió bốc lên trời, nó mang theo cả những tro tàn, mang theo cả những mảnh giấy hãy còn bắt lửa. Chúng lốm đốm như sao sa bay vào rừng sâu. Gió cuốn bay đi cả những thương xót, những tội lỗi, cả niềm ân hận của con người. Hầu như mọi người đều im lặng. Chỉ có vài người nghiệt ngã nói rằng:

- Chết thiêu là còn nhẹ đấy. Ngày xưa, người ta còn khoét mắt, cắt lưỡi, chặt đầu, băm vằm ra nhiều mảnh rồi mới đem thiêu.

Riêng đám thanh niên, họ câm như hến. Đối với họ hình như, xót thương nhiều hơn căm giận, vả lại họ cũng chưa đủ từng trải để đưa ra những lời phán xét. Hơn nữa, sự sống quan trọng hơn, họ còn bận sống. Những đôi trai gái đã rủ nhau từ trước. Từng đôi, họ tản vào rừng, leo lên núi vào khu rừng mít, hoặc rẽ cỏ gianh xuống thung lũng. Những tiếng hú gọi nhau ở mọi phía. Những chiếc mồi rơm vung mạnh vẽ nên những vòng

tròn lửa sáng quắc trong đêm. Mưa lây rây. Sương mù từ núi cao trườn xuống hay từ rừng sâu tuôn ra tràn đầy thung lũng. Xa xa những bó đuốc chiếu qua sương tạo thành những mầu sắc cầu vồng đẹp lạ lùng.

6

Đám rước phồn thực ấy không biết có ảnh hưởng gì tới thiên nhiên hay không, hay chỉ tại mùa xuân đã đến...

Mưa xuân, gió xuân. Cỏ cây, hoa lá mọc ngút ngát. Những quả đồi trọc đã xanh mướt. Hoa mọc khắp nơi. Những dòng suối trắng xóa hoa bướm, hay đỏ rực hoa trạng nguyên. Trên đồi hoang rực rỡ hoa vông vang, vàng ươm, hoa loa kèn trắng, đỏ, hoa mẫu đơn trắng ngan ngát... Trong rừng thì ê hề các loài hoa biết tên và không tên, từ những giò phong lan đủ màu sắc rực rỡ, đến những vạt rừng giẻ hoa vàng suộm, đến những cây mai với nghìn vạn bông hoa làm vàng rực một góc rừng, đến những bãi bưởi hoang trắng xóa thơm ngát ngút trời... Tất cả cây cỏ đều phun hương rắc phấn. Phấn hoa, hương hoa trộn vào không khí được gió đưa đi. Không khí như ngầy ngậy, như ngan ngát, như quanh quánh. Thứ không khí được vật chất hóa ấy làm cho con người say say. Nó kích thích khứu giác, khêu gợi não trạng, thức tỉnh các bản năng sinh sôi của muôn vật. Kìa con công đương xòe đuôi múa một vũ điệu tình ái. Kìa đôi sóc say tình đương đuổi nhau vun vút trên cành cao. Kìa đôi hổ

vàng đương vờn nhau, chúng là những kẻ điên tình, giai điệu, vũ điệu là những tiếng gầm rú, là những bước nhảy quần quại, cuộc ái ân làm náo động cả khu rừng già, làm tan hoang cả vạt cỏ tranh rộng vài mẫu ruộng. Cuộc vờn tình của đôi dã thú thật kinh hoàng. Con đực gào thét để bộc lộ sức mạnh đã đành. Còn con cái gầm rú lên để làm gì. Cứ tưởng như chúng đang cắn xé nhau. Răng vuốt đều trưng ra hết cỡ. Chúng ngoạm vào da thịt nhau, chúng cấu xé vào da thịt nhau, để rồi ôm trùm lên nhau đi tìm cái hòa điệu tột đỉnh.

Bà ba Váy là người đến hội muộn hơn cả làng. Bà còn phải bận bịu với ông chồng. Từ một năm nay sau trận dịch, sức khỏe lý Cỏn kém hẳn đi. Tạng của ông Lý vốn gầy gò, trận ốm thập tử nhất sinh lại làm ông gầy gò thêm. Ông cứ như ốm lửng ốm lơ. Đã thế, bà vợ ba lại càng ngày càng phây phây ra. Da thịt hồng hào nõn nà. Người đàn bà ba sáu tuổi ấy đã sáu con, không hiểu sao lại nhiều sức sống đến thế. Những lần sinh nở hình như chẳng làm suy kiệt, mà chỉ làm cho bà được vỡ da vỡ thịt, da thịt được triển nở sung mãn. Lý Cỏn nhìn bà thầm nghĩ: mụ ấy có khi còn đẹp hơn thời con gái. Và thế là lão lao đầu vào say sưa với bà vợ lẽ. Bây giờ chẳng còn bà cả Cỏn để kiềm chế ông, để dọa mách cụ chánh Thi nữa; do vậy lão lao vào ái ân như con thiêu thân. Bà Hai, chẳng hiểu vì ghen tức hay vì thương chồng, đã nói với lão:

- Ông vừa vừa phải phải thôi. Trông gương thằng em ông đấy. Con mẹ Mùi nó chẳng hiếp cho chết rồi sao? Ăn dè thì sống lâu. Ăn tham thì chóng chết.

Lão trả lời rất bài bây:

- Chết thế nào được! Tao khác, thằng em tao khác.

Nói cứng vậy thôi, chứ thực ra trong bụng ông lý Cỏn đã thấy chột dạ. Bà hai Cỏn đem chuyện mách với cụ tú Cao. Cụ Tú gọi cháu sang, bắt mạch rất lâu rồi bảo:

- Anh muốn chết hay muốn sống? Muốn sống thì hãy nghe tôi. Đã suy kiệt rồi đấy, tuy nhiên vẫn còn gỡ được...

Từ khi khỏi dịch, lý Cỏn ở lì tại nhà bà Ba. Sau hôm bắt mạch, ông chú bắt ông cháu phải trở lại nhà chính. Ông cụ còn cắt thuốc bổ cho uống, và kiên quyết dặn ông cháu phải hoàn toàn chay tịnh. Đến lúc ấy, lý Cỏn mới thấy ông chú mình bắt mạch thánh thật. Ông cụ bảo: "Vừa qua, anh lầm tưởng là anh mạnh lắm. Sở dĩ anh đi lại háo hức được với vợ anh, chẳng qua chỉ là ngọn đèn tàn, chợt bùng lên chốc lát. Sau cơn bệnh nặng, con người dễ ngộ nhận về cái sức của mình. Khi ta sống lại, cái tinh lực trong ta cũng bừng nhen nhóm. Khi ấy, nếu biết tàng tinh, con người sẽ hồi phục. Còn như nếu ảo tưởng về mình... thì vô phương cứu chữa". Lý Cỏn toát mồ hôi khi nghe lời cụ Tú. Quả nhiên, đúng như lời ông chú, sau khi tách khỏi nhà bà vợ Ba, lý Cỏn chợt nhận ra là mình đã suy yếu rất nhiều. Đúng là ngọn đèn dầu lạc sắp tàn bỗng bừng lên thật. Cái mạnh mẽ cương cường của ông bỗng nhiên biến đâu mất. Lý Cỏn lúc ấy mới mừng thầm, may mà đã dừng lại kịp. Và từ lúc ấy, ông mới chịu tuân theo lời ông chú...

Sau bốn, năm tháng cách ly bà Ba, trở về nhà chính, sức khỏe lý Cỏn khá lên. Lão không được suốt đêm ở nhà người vợ lẽ phây phây kia nữa, thì lão lại quay trở về thói quen xưa cũ, nghĩa là lão lại chớp nhoáng đè ngửa bà Ba

ra, rồi nhanh nhẹn tốc cái váy lên... Hậu quả là lão lại ho húng hắng và đêm đêm, trán cứ toát mồ hôi trộm. Cụ Tú bắt mạch biết ngay sự tình. Cụ nghiêm nghị bảo:

- Thực sự, anh muốn sống hay muốn chết? Sao tôi bảo mà anh chẳng nghe lời?

- Dạ, thưa chú... - Lý Cỏn cố tìm lời biện bạch, song cụ tú Cao gạt phắt đi:

- Một là anh nghe lời tôi. Hai là nếu không, tôi bỏ mặc anh, không chữa cho anh nữa...

Đến nước ấy, lý Cỏn mới chịu tuyệt đối nghe lời ông chú. Bà Ba cũng chẳng thích thú gì chuyện ân ái với chồng. Bởi vì, cái cách của lý Cỏn chỉ làm bà thêm khao khát. Cái khao khát của một người đàn bà luôn cảm thấy mình bị tước đoạt. Cái cảm giác ấy bà không ý thức rõ ràng, nhưng nó đã tạo ra một bức bối mơ hồ mà bà chẳng thể nói nên lời. Lý Cỏn cứ ốm lơ lửng như vậy cho đến ngày hội. Dạo ấy, cụ tú ngừng cho Cỏn uống thuốc. Cụ cho Cỏn ăn những thức rất dân dã như đậu đen, cá diếc, hạt sen, chim bồ câu ra ràng... Cụ bảo: "Chẳng cần sâm quy gì hết. Những thứ phẩm vật thiên nhiên quê mùa ấy mới là những thứ đại bổ. Chớ nên coi thường". Quả vậy, dạo này lý Cỏn nghe chừng lại tí tởn. Bà Ba làm thức ăn chẳng ngon bằng bà Hai. Tuy nhiên, ông Lý vẫn bắt bà hàng ngày sang nhà chính hầu hạ ông, đến tối mới thả cho về.

Sang đến ngày mười bốn, ngày tan hội, bà Ba bảo rằng: "Hội mấy hôm rồi mà tôi chưa đi lễ được. Hôm nay là ngày cuối, tối nay tôi phải lên đền Mẫu. Ông bảo bà

Hai tối nay nấu cháo đêm cho ông". Lý Cỏn kéo bà lại gần, rồi thò bàn tay gầy guộc của mình chui vào cái yếm trắng, xoa xoa, véo véo đôi vú sáu con mà vẫn mây mẩy của bà. Chán chê mới chịu cho đi. Bà Ba nguýt chồng: "Rõ nỡm!".

Người đàn bà về nhà, ăn cơm qua quýt, rồi bưng cái thúng lễ vật xinh xinh, trong đó có đủ trầu cau, oản nải, vàng hương, ra bến Đình bơi đò ngược dòng sông Son đến đền Mẫu. Bà Ba ba chân bốn cẳng lên đền. Lúc này khách thập phương đã vãn. Tuy nhiên tòa đại điện vẫn hương khói nghi ngút, đèn nến sáng trưng. Không còn người hầu thánh nữa. Bà Mùi hỏi:

- Sao bà Ba lên lễ muộn thế?

- Lạy thánh mớ bái! Em đâu phải vô tâm. Nhưng bận quá, bây giờ mới lên lễ Mẫu được.

- Tâm động, quỷ thần tri! Còn lễ đến nửa đêm mới đóng cửa đền. Bà đến bây giờ vẫn kịp.

Ông Trịnh Huyền cũng vừa đánh đàn cho đám cô đồng xóm Mít làng Già hầu thánh xong. Đó là đám hầu bóng cuối cùng. Ông định thu xếp trở về. Ông Huyền và bà Ba cúi đầu chào nhau. Đến một năm rồi, bốn con mắt ấy mới lại thấy nhau. Chạm vào ánh mắt của ông, bà Ba chợt thấy toàn thân mình rung lên. Tâm thần chợt xốn xang, bất định. Bà đặt lễ lên bàn thờ, ngồi trước điện lầm bầm khấn vái. Nhân thể tay còn cầm đàn, ông Trịnh Huyền khẽ khàng nảy lên khúc đàn thỉnh Mẫu. Thế là, bà Ba không ngồi đồng, nhưng bà ngồi trước điện thờ rất lâu. Không có lời hát, không có trống phách, chỉ có tiếng đàn rỉ rả rót nhẹ vào tâm hồn bà. Tiếng đàn nói với bà

những gì? Điều đó ai mà biết được. Chỉ có lòng bà cảm nhận. Chỉ có ông Huyền biết mà thôi. Đó là một cuộc lên đồng. Một cuộc lên đồng lặng lẽ. Bởi vì hồn bà thực sự đã lạc vào một thế giới ngoài trần thế. Bởi vì bà đã như mê đắm. Đến nỗi tiếng đàn đã bặt lặng tự lúc nào mà bà chẳng hay. Sau khi bà lễ tạ và ngẩng đầu nhìn sang bên, thì ông Trịnh Huyền đã đi khỏi tòa đại điện từ lâu.

Bà Ba cầm thẻ nhang ra cây hương tại gốc lan cổ thụ. Năm nào cũng vậy, sau khi lễ ở đại điện xong, bà vẫn đến cây lan. Bà đồng Mùi bảo căn của bà Ba là cô Bé thơm tho, thanh tịnh. Cây lan tháng ba ra hoa ngút trời. Hương ngọc lan bao trùm khắp ngôi đền Mẫu. Trên cây hương, có chiếc mâm bồng to, sơn son, đổ đầy hoa lan trắng muốt. Mỗi người lễ cô Bé xong, đều được phép nhặt một bông hoa lan cho vào túi, hoặc cài lên mái tóc. Lộc đặc biệt của cô Bé quý vô ngần. Lễ ở gốc cây lan xong, ai cũng thấy lòng mình nhẹ nhõm, hồn mình thơm ngất ngây.

Không biết có phải hương lan ngào ngạt ở đền Mẫu, hay ánh mắt tiếng đàn của Trịnh Huyền đã làm cho bà ba Váy ngất ngây cho tới lúc ra khỏi đền; thậm chí khi xuống đến chân núi Mẫu, tâm hồn bà vẫn như lạc tận đâu đâu, như nằm trong một cơn mơ đầy những mây bông lãng đãng.

Trời đã tối. Đám rước khởi hành nhằm núi Đùng đi đã lâu. Chả còn thấy bóng người. Chẳng biết ma đưa lối quỷ đưa đường thế nào mà bà lại không quay về bến, trở về nhà. Tiếng trống nghe đã xa lắm. Có lẽ mọi người đã đến núi Đùng. Hay là tiếng trống hội đã xui khiến đôi chân

của bà đi theo con đường đám rước. Nhưng làm sao tiếng trống hội từ chân núi Đùng lại vọng tới đây được; hai quả núi cách nhau xa lắm. Có lẽ là tiếng trống rước từ tận ngày xửa ngày xưa, đã qua thời gian, vọng về trong tâm tưởng của bà. Đám rước từ thời con gái. Cái năm loạn lạc ngày xưa ấy, làng Đình không làm hội ông Đùng bà Đà to như hôm nay. Hai hình nhân nhỏ thôi, chỉ vừa một người chui lọt vào trong. Các cụ già vẫn theo tục xưa, bảo rằng có làm như thế, có đốt xác ông Đùng bà Đà thì dân lành mới tránh được tai họa. Đám rước thời con gái ấy để lại cho bà ba Váy ngày nay biết bao kỷ niệm không thể nào xóa nhòa đi được. Bởi vì, chính ở đám rước ấy, bà đã gặp người con trai của đời mình. Bởi vì, chính ở đám rước ấy, bà đã biết sự ngọt ngào của tình yêu. Và cũng chính ở đám rước ấy còn có một điều bí mật mà bà đã chôn chặt trong lòng, chưa bao giờ thổ lộ cùng ai.

Tiếng trống hội trong tâm tưởng vẫn vang vang. Bà đi theo con đường bà Đà, tức là con đường xa hơn cả trong hai con đường dẫn đến núi Đùng. Đường ông Đùng đi ngắn hơn. Đường đi trong nhân gian của người đàn bà bao giờ chả thế. Nó xa ngái hơn con đường của người đàn ông. Lúc ấy cũng là lúc mây mù tràn đầy thung lũng. Chả thấy bóng trăng đâu. Bà chui trong sương đêm trắng xốp. Chả nhìn rõ cảnh vật, song không sao, con đường mòn này bà đã đi qua nhiều lần. Bà như kẻ bị ma ám, như kẻ lên cơn rồ dại. Bà là kẻ đi tìm tiếng trống hội ngày xưa, đi tìm đám rước của ngày xưa. Bà là kẻ bị quá khứ mê hoặc hay chính bị cái ngày hôm nay mê hoặc. Trước trận đại dịch, bà đã tình cờ phát hiện Trịnh Huyền

chính là anh Phác, người con trai thời son trẻ của bà. Bà Ba đã lao vào mối tình xưa cũ, mối tình muộn mằn nhưng ngọt ngào đến thế. Người thiếu phụ như chợt được sống trở lại. Bà hối hả tìm lại những ngày son trẻ đã bị đánh cắp. Những cuộc gặp gỡ lén lút, rất nguy hiểm cho cả hai người, nhưng họ không tài nào cưỡng được. Giá như không có trận đại dịch, không khéo họ đã bị bại lộ, bởi vì ở đâu đó đã có tiếng xầm xì.

Bà ba Váy là con người hồn nhiên. Thuở con gái, bà hồn nhiên dâng hiến cho người mình yêu. Khi bị bán làm nàng hầu cho ông Lý, bà hồn nhiên dẻ một bầy con cho chồng. Lúc gặp lại người xưa, bà hồn nhiên quay trở lại tìm những rung động thật sự mà trong cuộc sống vợ chồng bà không thấy. Đến khi ông Lý mắc bệnh, bà lại hồn nhiên quay trở về bổn phận làm vợ, chẳng nghĩ đến sự sống chết, tận tụy chăm sóc cho chồng, thậm chí dùng cả bầu sữa của mình để gọi chồng trở về cõi nhân gian. Một năm trời hầu hạ lý Cỏn như thế, bà đã quên mất bản thân. Còn hôm nay, có lẽ cuộc gặp gỡ với đôi mắt của Trịnh Huyền, với tiếng đàn của Trịnh Huyền đã làm cái con người hồn nhiên ngủ lịm trong bà chợt thức dậy. Trịnh Huyền nào có nói gì đâu. Có lẽ đôi mắt đã nói. Tiếng đàn đã nói. Mỗi cặp yêu đương chắc đều có tiếng nói riêng cho nhau.

Bà cứ chui trong mây, rẽ mây mà đi như thế rồi cuối cùng cũng đến bãi thiêu ở chân núi Đùng. Đám hội đã tan từ lâu. Chẳng còn bóng người. Trai gái đã rủ nhau vào rừng tìm đến những nơi "trải ổ", hoặc đã trở về nhà. Sở dĩ đi đường bà không gặp họ vì họ đều theo con đường

ngắn, con đường ông Đùng mà đi. Ai lại dại đi con đường dài, con đường bà Đà. Con đường xa ngái ấy chỉ để dành cho những kẻ đang mê đắm. Bà ba Váy còn đứng giữa hai đống lửa thiêu xác ông Đùng bà Đà hồi lâu. Bà tần ngần bốc hai nhúm tro từ hai đống lửa đặt lên lòng bàn tay. Tro còn nóng, bà trộn chúng với nhau, rồi lặng lẽ leo lên đỉnh núi. Ngày xửa ngày xưa, Phác và Váy cũng đứng bên hai đống tro tàn như hôm nay. Phác đã trộn tro như vậy. Váy hỏi để làm gì. Phác bảo chắc hai ông bà thích như thế, và anh đã đem nắm tro trộn đó lên đỉnh núi đổ vào hai bát hương trên ngai thờ của ông Đùng bà Đà. Hôm nay, bà ba Váy lại lặp lại cái hành động xưa của Phác. Như thể một nghi lễ, như thể một tiếc nuối, ao ước.

Lúc bà Váy lên tới đỉnh, cũng là lúc chẳng còn một ánh lửa nào trong thung lũng, trong rừng sâu. Cũng là lúc bầu trời được vén mây và hai con mãnh thú xuất hiện trên đồi cỏ tranh. Hai con hổ say trăng, điên tình, gào lên giai điệu ái ân dữ dội. Chúng muốn đánh thức muôn vật thức dậy để cùng chúng quay cuồng vào vũ điệu ái ân. Bà ba Váy, người đi rừng lão luyện, đã nhanh thoăn thoắt leo lên ngồi ở chạc ba cây thị. Hiếm có ai được chứng kiến cảnh loài dã thú ái ân trong rừng dãi trăng. Hiếm có ai được chứng kiến cảnh những vạt cỏ tranh, cỏ lau đổ rạp để tạo thành một tấm nệm, một vòng tròn tình ái cho loài chúa tể sơn lâm. Khi nệm cỏ rạp đã đủ rộng, đôi dã thú chỉ đuổi nhau trong phạm vi vòng tròn ấy. Cứ như thể đó là một sân khấu tình. Loài dã thú muốn phô bày hạnh phúc của mình cho trời đất cùng biết hay sao? Cái gì đã làm chúng say tình đến vậy? Các bậc đế vương phải trợ

sức bằng thứ rượu tình, nhưng ở chốn sơn lâm này thì chẳng cần. Khí núi, hương rừng cũng quá đủ men say. Hương rừng mùa xuân đặc quánh vật chất, thơm nức những thứ phấn hoa muôn loài trộn lẫn, dù là gỗ đá ngửi thấy cũng phải nổi tình. Con cái, khi đã tự gào thét đến khan giọng, tự khích thích đến mức thành kẻ say đồng, nó nằm lịm rạp xuống nệm cỏ để con đực ôm trùm lấy nó. Nó biến mất, hòa tan vào vũ điệu tình yêu, lúc đó không gian mới lặng đi, không gian cũng tận hưởng sự giao hòa.

Khi đôi đã thú liếm láp cho nhau rồi lặng lẽ bỏ vào rừng, bà ba Váy cũng từ trên cây thị tụt xuống đất. Người đàn bà đã biến thành kẻ mộng du. Lúc này, tiếng trống hội trong tâm tưởng bà đã bặt lặng từ lâu, nhưng thay vào đó lại vang lên những tiếng thì thầm, đó là những tiếng gọi từ xửa từ xưa, chúng khiến cho đôi chân bà bước đi theo chúng không tài nào cưỡng lại được. Như đã có sự dun dủi sắp xếp sẵn sàng, một chiếc mồi rơm đã bị ai đó vứt chỏng chơ bên ngai thờ vẫn còn liu riu ngọn khói. Bà Váy cúi xuống nhặt, rồi quăng đi quăng lại cho ngọn lửa bùng lên. Tiếp đó, bà xăm xăm bước vào rừng. Tiếng gọi trong tâm tưởng dẫn lối cho bà, hay thói quen của đôi chân chỉ nẻo. Đường trong rừng rất mập mờ, thế mà dôi chân không hề vấp váp, tiếng thì thầm trong óc bảo rằng hãy đến bên bờ suối. Hay là tiếng của người cha, của ông thần rừng nhỉ? Tiếng nói bảo rằng hãy đến nơi mỏ nấm. Hay là tiếng nói của chính bà nhỉ? Có thể ao ước đã biến thành giọng thì thầm. Không phải ao ước mà chính là sự thật. Đôi mắt của người đánh đàn và chính tiếng đàn cũng bảo bà như thế. Nó nói rằng

đang có đợi chờ. Chính ở chỗ ấy ngày xưa đang có mong mỏi đợi chờ. Những ý nghĩ làm cho bà nóng bừng. Trái tim đập thình thình. Bước chân run rẩy. Sắp đến rồi. Qua khu rừng sấu này thì đến. Mùi hoa sấu tháng ba. Ngọt ngọt chua chua. Những bông hoa sấu li ti rơi trên đá tảng. Chân bà dẫm lên; thấy như ngọt cả đôi chân. Một bầy con rồi mà vẫn thấy hồi hộp. Cái phấp phỏng của con người đi đến hẹn làm bà khô cả họng...

Bà Ba chẳng còn chút nào khôn ngoan cảnh giác nữa. Một năm trước đây, đã có những đôi mắt soi mói nhìn bà, bới tìm sâu vào đời bà. Người đàn bà đa tình vẫn xăm xăm rảo bước, chẳng chú ý tới một bóng đen đã lầm lũi đi theo cái chấm lửa của chiếc nùn rơm đang ve vẩy trên tay bà. Cái bóng đen ấy đã chú ý tới bà từ lúc bà leo lên đỉnh núi, rồi trèo lên cây thị. Cái bóng đen lẫn vào đêm tối, bám chặt sau bà. Mà có lẽ con đường rừng cũng không lạ lẫm gì với hắn, bước chân hắn chẳng hề vấp váp. Nhưng rồi có lúc bước chân ấy cũng đạp lên cành cây khô, tạo ra một tiếng động làm người đàn bà đứng sững quay đầu lại. Người theo sau đã kịp ngồi thụp xuống để bóng của hắn hòa tan vào bụi rậm ven lối mòn. Bây giờ thì bóng đen đã biết rõ người đàn bà định đi tới đâu. Hắn không theo sát bà mà lặng lẽ ngồi im nơi bụi rậm, hắn chờ cho đến lúc không nhìn thấy cái mồi lửa lập lòe đằng trước mới đứng lên đi tiếp. Chắc chắn hắn đoán không sai, người đàn bà đang đi tới bờ suối, chỗ có mỏ nấm. Bóng đen bước chậm và thận trọng. Hắn bước đi rất tự tin, cứ như thể con dã thú đã đánh hơi đúng hướng đi của con mồi, mùi của con vật bị săn đuổi còn nồng nặc quanh đây. Con đường mòn dẫn qua một khoảng rừng

trống. Lúc ấy, bóng trăng cũng hiện ra làm ta trông thấy rõ trên vai bóng đen choàng một cây nỏ và một ống tên. Nhờ ánh trăng, bóng đen bỏ cây nỏ từ vai xuống, cầm nơi tay. Hắn có ý kiểm tra cánh cung và dây cung. Sau khi xem xét kỹ càng, hắn không đeo lên vai nữa và lăm lăm cầm trong tay rồi lẩn vào rừng theo một trong nhiều lối mòn dẫn đến cái đoạn suối mà hắn biết chắc.

Như vậy là hắn quá tự tin. Hắn không biết rằng trong rừng luôn có thể xảy ra rất nhiều tình huống mà con người không bao giờ ngờ tới. Vả lại, rừng có ngàn vạn cây, rồi vô số bụi rậm, hang núi, hốc núi để cho phép con người nương náu, trú ẩn, để thoát khỏi những con mắt rình mò. Bởi vậy, khi bóng đen nấp sau một tảng đá, nhìn xuống quãng suối dãi ánh trăng thì hắn đã hoàn toàn không thấy bóng bà Ba đâu nữa. Lúc ấy bóng đen tỏ vẻ bực mình. Hắn đưa con mắt láo liên nhìn khắp mọi chốn. Trăng dãi bạc lên các bụi rậm ven suối. Ánh trăng nhảy nhót trên dòng suối quanh co. Có một bụi rậm lay động làm bóng đen chú ý. Hắn chĩa cây nỏ vào đó. Từ đêm đen bỗng chui ra hai con vật xinh xinh dễ thương: hai con hoẵng rủ nhau xuống suối uống nước. Giá như hắn là nhà đi săn thì đôi hoẵng kia đã là miếng mồi ngon khó lòng thoát. Thực ra, hắn cũng là kẻ đi săn, nhưng không phải kẻ săn thú. Con mồi của hắn là con người. Con người tinh hơn con thú, săn rất khó. Để nó hiện nguyên hình còn khó gấp bội. Linh tính bảo hắn cần kiên nhẫn chờ đợi. Con mồi của hắn thể nào cũng xuất hiện. Chỉ là vấn đề thời gian. Hắn thầm nghĩ: "Lưới trời lồng lộng... Con mồi kia làm sao thoát được".

Hắn chờ đợi rất lâu. Có lẽ đã nửa tiếng hay một tiếng,

hắn cũng chả biết nữa. Chỉ biết rằng hắn thấy thời gian đằng đẵng. Hắn vô cùng nóng ruột. Lại thêm lũ muỗi rừng quấy nhiễu, đốt đau nhoi nhói. Đôi hoẵng uống nước no nê đã dắt nhau đi từ lâu. Hắn nghĩ rằng mình đã sai lầm vì không theo sát bà ba Váy. Như vậy tức là hắn đã tính sai. Bóng đen đã định đứng dậy rồi đi lùng sục quanh vùng. Thời gian lâu quá rồi. Từng ấy thời gian, người đàn ông và người đàn bà đã có thể làm bao nhiêu chuyện. Không chừng, âu yếm nhau xong, họ đã bỏ đi rồi cũng nên. Nghĩ đến thế, lòng hắn chợt sôi lên sùng sục.

Hắn đã đứng hẳn lên rồi, đột nhiên lại ghìm bước và ngồi xuống. Một bóng người đang từ chân hòn núi đá đằng trước mặt bỗng hiện ra, đang đi xuống suối. Hắn nhận ra ngay bà ba Váy. Người đàn bà với dáng đi nhanh thoăn thoắt, ý chừng vui vẻ. Vai bà đeo cái ống bương. Bà ta đi lấy nước. Ánh trăng soi tỏ bộ mặt tươi cười của bà. Thấy bộ mặt tươi rói ấy, hắn càng sôi lên sùng sục. Hắn không thể ngờ người đàn bà lại có thể hai lòng như vậy được. Tuy nhiên, tay giương chiếc nỏ, hắn cũng không nhằm vào người đàn bà. Người hắn muốn nhằm vào là kẻ giấu mặt lén lút đằng sau bà ta, kẻ còn đang ở trong một hang đá nào đó để chờ người đàn bà trở về. Kẻ ấy mới là kẻ đáng tội.

Bây giờ thì hắn không thể bỏ mất dấu vết người đàn bà nữa rồi. Bằng một lối tắt, hắn đã nhanh nhẹn qua được bên kia bờ suối, bám sát theo bà ta. Cơn mưa lây rây đã tạnh. Mù đã tan. Ánh trăng lu nhưng cũng đủ để hắn nhìn rõ người đàn bà rẽ đám dây leo chui vào một cái hang ở lưng chừng núi. Thì ra ở đây có một cái hang

rất kín đáo. Đám dây leo như bức mành màu xanh che giấu mối tình vụng trộm của họ. Cái bóng đen phừng phừng cơn giận, chờ một lát rồi cũng rẽ đám dây leo chui vào.

Cái hang hình chữ chi. Khúc bên ngoài nhỏ hẹp. Khúc bên trong ngoặt sang phải và phình to. Trong và ngoài chẳng nhìn thấy nhau. Cái bóng đen rón rén đi vào khúc thứ nhất thấy ánh sáng ở trong hắt ra, chắc là họ đốt lửa. Cái bóng nghe rõ tiếng của người đàn ông bảo người đàn bà:

- Thôi! Bà về đi, kẻo lũ trẻ đi xem hội về không thấy mẹ lại mong.

Tiếng người đàn bà trả lời âu yếm:

- Để tôi đặt nồi cháo cho ông đã. Mùa này lắm nấm. Cháo nấm thêm vài hột muối ngon như cháo gà.

Cái bóng nghe mà lộn ruột. Hắn bước thêm vài bước đã nhìn thấy khúc phình to trong hang. Bên đống củi bập bùng giữa hang, người đàn ông đang ngồi hơ tay để xua đi cái rét muộn tháng ba. Ánh lửa hắt lên làm rõ mồn một khuôn mặt quái đản nửa sần sùi như quỷ dữ, nửa khôi ngô sáng sủa của Trịnh Huyền. "Đây rồi! Con mồi ta tìm kiếm bấy lâu nay đây rồi". Lửa giận ngùn ngụt làm tay hắn run lên khi kéo dây nỏ vào lẫy. Hắn lắp tên vào rồi tìm chỗ đứng thích hợp. Hắn đạp phải một hòn đá lổng chổng để phát ra tiếng động. Bà ba Váy đang lúi húi ở góc hang sửa soạn nồi cháo, nghe tiếng động vội quay đầu ra phía cửa hang và hỏi "ai đấy?". Khi nhìn thấy cái bóng đen đương giương nỏ bà bỗng hét lên:

- Kìa! Thằng Cò! Không được! Không được đâu!

Một tiếng phựt khẽ. Không kịp nữa rồi. Mũi tên đã bay đi. Bà quay nhìn về đống lửa. Ông Huyền tay đang ôm vai. Cũng may, tiếng hét của bà không ngăn được mũi tên nhưng cũng đủ làm cho thằng con trai lớn của bà, thằng Cò động tâm làm mũi tên trệch không trúng tim, mà chỉ trúng tay. Bà ba Váy giậm chân kêu khổ rồi đầm đìa nước mắt xô tới ôm lấy Trịnh Huyền. Thằng Cò, một chàng trai đôn hậu ngay thẳng đã được nghe lời xì xầm của dân làng về mẹ, nay lại được tận mắt mục kích cảnh này. Nó như bị sỉ nhục. Nó tê tái đến tận đáy linh hồn. Nó lắp thêm một mũi tên và sắp sửa giương lên, thì mẹ nó rền rĩ bảo:

- Con ơi là con! Cha mày đấy! Mày định giết cha đẻ mày sao?

- Cha ư? Ai là cha tôi?

- Ông Trịnh là cha đẻ của con. Mẹ đã có mang con trước khi bị bán cho ông lý Cỏn. Lại đây! Lại đây mà nhận cha đi con.

Người mẹ tiến lên định nắm lấy tay người con đặt vào bàn tay người cha đẻ của nó, nhưng người mẹ tiến một bước, người con trai lại lùi một bước. Anh ta không thể nào tin một sự thực lạ lùng đến vậy. Đang từ một kẻ thù không thể đội trời chung, nay lại trở thành người cha đẻ thân thiết của anh hay sao? Sao người mẹ, đã mười tám năm trời ròng rã, lại chẳng nói một lời với anh về chuyện ấy? Liệu là thật hay giả? Liệu có tin được không? Liệu có hiểu được không?

Cò giằng khỏi tay mẹ, chạy ra cửa hang... Anh đi trong rừng suốt cả đêm hôm ấy.

7

Cả làng đều đi xem hội. Riêng Hoa thì không. Suốt mấy hôm liền, trống ngoài đình đánh liên tục. Trống rước nhịp nhàng; trống tế bài bản đĩnh đạc và trang trọng; trống vật, trống thi bơi chải hòa cùng tiếng hò la ùa vào các mái rạ làm con người phải nóng lòng sốt ruột, muốn quăng bỏ tất cả để ra đình. Ngay cả khi chẳng có tiết mục gì, chỉ là lúc các cụ ngồi tán gẫu, cũng vang lên những hồi trống rất lạ. Chẳng phải tiếng trống nhát gừng nghiêm trang kiểu trống lễ. Cũng chẳng phải tiếng trống thúc giục của những trò tranh đua. Đó là tiếng trống vui giữ nhịp. Nó vang lên để báo hiệu cho trời đất là lễ hội vẫn đang tiếp diễn. Tiếng trống có lúc thì thùng cấp tập, có khi đủng đỉnh khoan thai. Tiếng trầm và to lúc đánh vào giữa mặt trống, tiếng đục và chẳng có độ vang khi đánh vào rìa trống, tiếng lắc cắc như vó ngựa đều đặn khi đánh vào tang trống. Có lúc lại đem phối hợp những thứ tiếng đó lại tạo nên những nhịp điệu rất bất ngờ rất kỳ lạ. Nói chung đó là tiếng trống vui, hồn hậu mà ở làng Đình chưa hề được nghe. Trước đấy, ông Trương Lạc đánh trống cũng giỏi, trong trận đại dịch, ông Lạc mắc bệnh qua đời. Anh chàng phụ trống lên thay, song tiếng trống chả ra gì. Ngày mới mở hội, tiếng trống của anh ta chán mớ đời, khô khốc rời rạc như cơm nguội. Dân làng nghe chỉ lắc đầu và bảo: "Hội thì to, lại

rầm rộ, mà trống chẳng ra sao. Chẳng có hồn có phách gì cả".

*

* *

Ông hai Xe đến làng Đình đang mở cuộc vận động xin chân mõ cho cậu Trình. Không những ông dẫn Trình đến nhà lý Cỏn, ông còn dẫn cả Trình đến nhà tiên chỉ Nhậm. Nhân nhà cụ tiên chỉ có giỗ, Trình liền vén tay áo xin vào làm giúp ngay. Bởi vì ngoài việc đi rao, việc chia phần ngoài đình là công việc tối hệ trọng của nghề mõ. Nếu không giỏi tay dao tay thớt, thì làm sao các cụ duyệt cho được. Nhà cụ Nhậm thịt con ngỗng. Trình liền trổ tài, rút xương con vật. Thịt đem luộc lên lấy dao sắc thái đúng hai trăm miếng. Cổ ngỗng dài. Trình lấy da cổ nhồi tiết và đậu xanh làm dồi ngỗng. Toàn bộ xương băm ra trộn bột lấy mỡ ngỗng rán giòn để các cụ nhắm rượu. Cụ Tiên chỉ thưởng thức món chả xương ngỗng vừa giòn, vừa lật xật, lại thơm phức, gật gù khen:

- Thế là cả con ngỗng ăn được tuốt tuột. Chẳng bỏ đi tẹo nào. Thằng này thế mà giỏi.

Trình gãi đầu, nói khiêm tốn:

- Cụ quá khen! Con tự chế ra món này. Chẳng là nhà chúng con nghèo. Bao giờ thịt gà, thịt vịt đều gom hết cả xương lại rồi đem băm thật nhỏ. Sau đó, đem trộn muối rang cháy cạnh, dùng để làm muối vừng ăn dần hàng tháng... Dạ, ... xương lợn cũng làm như thế. Chả bỏ phí tẹo nào. Song, các cụ là nhà giàu có, sang trọng không thể ăn như thế. Con mới nghĩ ra cách trộn bột đem rán... Dạ... cái món này làm đồ nhắm uống rượu là nhất ạ.

Thấy cụ Nhậm khen như vậy, ông hai Xe khấp khởi mừng thầm. Ngày mười ba, cụ Tiên chỉ dẫn hai cha con Trình ra đình. Cụ Tiên chỉ trình bày tường tận sự việc. Nào là cụ mõ Điếc đẻ ra ông hai Xe. Nào là ông hai Xe lại đẻ ra cu Trình. Như vậy, Trình là cháu nội cụ mõ Điếc. Trình vừa giỏi giang, vừa muốn nối nghiệp ông nội. Như vậy là Trình có duyên với làng Đình. Giải quyết cho cậu ta là có tình có lý. Lý Cỏn không nói, để cho cụ tú Cao nói. Cụ Tú bảo:

- Việc này nên để thư thả bàn cho kỹ, chẳng rồi làng ta lại mang tiếng cạn tàu ráo máng với cả kẻ đầy tớ trong làng. Chị ba Pháo là người hiền lành, cần mẫn. Ở với làng mình chẳng hề có điều tiếng. Chị ta mới nằm xuống được một năm. Chẳng lẽ ta lại hất cái bát cơm của con chị ta sao? Nay là ngày hội không nên bàn những chuyện như vậy.

Ông hai Xe định bẩm thêm mấy câu, song các cụ không cho. Trình nói rằng cô Hoa hiện đang bận trông nom ông hộ Hiếu sắp chết, cậu ta xin được thay cô hầu hạ các cụ trong ngày hội. Các cụ cũng gạt đi, bảo đã cắt một trai đinh giáp Nhất làm thay việc của Hoa rồi. Trình là người kiên nhẫn. Chưa xin được việc, cậu ta vẫn cứ lân la ở lại đình. Thấy anh chàng đánh trống đánh quá kém, Trình liền xin đánh hộ. Ở quê Trình, có phường chèo. Tối tối rỗi việc, Trình vẫn đến học đánh trống. Trời phú cho chàng trai nhanh nhẹn ấy có đôi tay rất khéo. Dần dần, Trình đánh trống chèo nổi tiếng. Đánh trống chèo là khó, thế mà nhiều tay trống cự phách trong nghề vẫn phải khen Trình. Cho nên, việc

đánh trống hội với Trình nào có khó khăn gì. Cậu ta đem cả cái hồn của Trống chèo vào trống hội. Đến nỗi các cụ ngồi trên sạp đình cũng phải nghển cổ dỏng tai nghe. Các cụ lúc nãy phản đối việc lấy Trình làm mõ, lúc này nghe Trình đánh trống cứ thấy tiếng tiếc trong lòng.

Hoa ở ngôi chùa đổ nghe tiếng trống, nghe những câu chuyện ấy chả chút động lòng, mà chỉ thêm nẫu ruột nẫu gan. Cô ngồi trước pho tượng hộ pháp, dựa lưng vào tường, nhìn người cha li bì trong cơn bệnh. Ông hộ Hiếu bị hôn mê kể từ hôm làng mở hội. Khi cu Trình đánh trống ngoài đình, ông đột nhiên mở mắt thức dậy, Hoa vui mừng khôn xiết. Cô còn bón cho ông cụ uống được nửa bát nước cháo. Ông cụ bảo mát ruột lắm. Rồi ông còn khen: "Ai đánh trống hội mà hay thế nhỉ?". Ông lắng nghe tiếng trống, tỏ vẻ mãn nguyện lắm. Khi tiếng trống dứt, ông gọi Hoa lại gần và nói một câu làm cô gái rủn cả người:

- Ngày mai rằm phải không... Ngày mai thì thầy đi đấy.

- Con xin thầy. Thầy đừng nói gở làm con sợ.

Không hiểu sao ông cụ lại nhắc lại cái câu nói mơ hồ khó hiểu mà ông đã nói từ mấy hôm trước:

- Nhớ lời thầy nhé... Hôm nay... mười tư... Đừng đi... xem hội...

Chỉ nói được có thế, ông cụ lại chìm vào giấc ngủ. Ngực ông vẫn thoi thóp phập phồng. Khi ấy có mấy bà trong làng đến thăm. Thấy Hoa khóc lã chã, có bà bảo:

- Chắc ông cụ nói đúng đấy. Cụ bảo ngày mai cụ đi. Tôi dặn điều này phải nhớ. Khi ông cụ đi hẳn rồi, cô mà

ôm lấy bố rồi khóc như mưa như gió thế kia là không ổn đâu. Ngồi xa ra, tha hồ mà khóc. Ngồi gần, nước mắt rơi vào mặt người chết, sẽ làm vong linh người sắp đi cứ dùng dằng mãi, không siêu thoát được.

Các bà trong làng đến hỏi thăm rất đông, nay đã về vãn hết. Người ta còn bận lên đền Mẫu, vì hôm nay là ngày cuối cùng mở cửa đền. Chỉ còn lại một mình Hoa với người cha già trong phút lâm chung. Hoa cứ ngồi dựa cột, hết nghĩ gần lại nghĩ xa. Cô thấy nóng ruột, trong lòng cứ khắc khoải phập phồng. Hình như cô đang chờ đợi một điều gì mà cô chẳng rõ. Chắc là vì người cha bạc mệnh sắp qua đời. Cũng không phải. Bởi vì điều ấy ai chẳng rõ. Người ông hộ Hiếu còn gì nữa đâu. Từ trước, người ông vốn gầy còm, nay lâm bệnh, lại chẳng ăn uống gì, nên thịt đã tiêu gần hết. Sức kháng cự của ông cụ rất mãnh liệt, nên mới còn sống nổi đến hôm nay. Vậy còn điều gì sắp xảy ra nữa đây? Hoa đang chờ đợi cái gì? Ừ! Có lẽ cô đang chờ đợi thật. Bây giờ cô mới chợt nghĩ ra là cô đang chờ đợi bà ba Váy. Lần trước, bà Ba đem thư của anh Huy gửi cho ông Trịnh Huyền. Bà bảo con trai bà, anh cu Cò ở Hà Nội, chắc chắn thể nào cũng gặp lại anh Huy. Thì ra sự mong chờ thầm kín của Hoa là như vậy. Một sự chờ đợi mong manh. Nửa mong, nửa lại không mong... Tại sao lúc ra đi, Huy hẹn rằng thế nào cũng sẽ viết thư cho cô? Quái lạ thật! Tại sao mấy hôm nay bà ba Váy bỗng không thấy mặt? Bà bận việc nhà hay bận lên đền? Hay là ông lý Cỏn lại ốm trở lại. Ông chồng bà Ba cứ khặc khừ luôn. Chẳng phải! Người ta bảo mấy sáng nay vẫn thấy ông Lý ở ngoài đình. Cứ nghĩ vơ vẩn

lung tung mãi, Hoa dần dần thiu thiu ngủ. Trong giấc ngủ, cô mơ thấy gặp Huy. Chẳng biết sao Huy lại chạy trốn có vẻ sợ hãi. Hoa đuổi theo và gọi. Lạ thật! Đuổi mãi mà không kịp. Chợt vấp chân ngã soài ra đất. Hoa tỉnh dậy, thấy Nhụ đang ra sức lay gọi đánh thức cô dậy. Nhụ bảo:

- Gớm! Sao cô ngủ say thế? Chắc cô thức đêm trông ông mệt quá.

- Có chuyện gì không? - Hoa hỏi:

- Thầy cháu và cháu phải lên đền hát dâng hầu Mẫu. Sáng mai mới xong việc. Thầy cháu bảo phải đem ngay đến cho cô cái này.

- Gì thế?

- Thư! Thư của chú Huy. - Nhụ thì thầm với Hoa. - Cô ạ, chú Huy bị bắt rồi.

- Sao? - Hoa giật mình hỏi.

- Chú Huy bị bắt ở Hà Nội, nhưng chắc không việc gì đâu. - Nhụ vẫn thì thầm vẻ quan trọng - Người ta bảo chẳng có chứng cứ gì. Rồi cũng phải thả ra thôi - Giọng Nhụ lúc này lại có vẻ thú vị - Thư này chú Huy viết ở trong tù gửi ra cho cô đấy.

Hoa rất bất ngờ. Cô chờ đợi bà ba Cỏn, nhưng lại chính Nhụ mới là người làm thỏa lòng mong đợi của cô. Lá thư là một mẩu giấy báo nhàu nát. Huy đã viết bằng bút chì ở những chỗ trống, bên lề trang báo:

Hoa ơi!

Tôi cứ ân hận tại sao không viết cho Hoa biết tấm lòng của mình với Hoa khi chưa bị bắt. Muốn nói nhiều lắm

song hoàn cảnh không cho phép. Chỉ muốn dặn Hoa điều này: Hoa ơi! Em nên nhớ rằng em là người rất tốt đẹp. Những bất công rồi sẽ hết. Em sẽ là người chủ xứng đáng trên đất nước ta. Em sẽ không mãi mãi chìm trong kiếp mõ. Em là con Người. Hãy đạp tan gông xiềng và bất công ở thế gian này mà ngẩng cao đầu...

Hoa run run đọc đi đọc lại những dòng chữ mà cô không hiểu hết. Có phải đây là một lá thư tình không nhỉ? Mình là con nhà mõ. Cậu ta là một cậu ấm. Thực hay là mơ nhỉ? Mình muốn chờ đợi một lá thư như thế này, hay một lá thư kiểu khác? Cha mình mẹ mình đều muốn mình thoát khỏi kiếp mõ, Huy với những lời lẽ khó hiểu nhưng chắc cũng mong muốn như vậy. Nhưng điều quan trọng là phải thoát ra như thế nào thì chẳng ai nói cho mình rõ ràng...

Hoa nhìn người cha già đang thoi thóp thở; lòng cô chẳng khác mở bòng bong. Lòng cô vừa vui lại vừa buồn. Bỏ làng mà đi ư? Đi đâu? Về đâu? Hay là về quê mẹ với ông cậu nuôi gia đình với lũ con lít nhít còn không đủ cơm ăn? Hay là một liều nhắm mắt đưa chân? Liệu có thoát khỏi cái cảnh chết đói nơi đầu đường xó chợ. Kiếp mõ tuy là nhục nhã song dù sao vẫn có miếng cơm ăn. Trời ơi! Tôi muốn thoát khỏi kiếp tủi hổ nhục nhã lắm chứ, nhưng cha mẹ ơi, anh Huy ơi, sao các người chẳng chỉ ra cho tôi lối thoát.

Nhụ đi rồi, Hoa mới chợt nhớ ra ngày trước bà ba Pháo đã may cho ông hộ Hiếu một bộ quần áo nâu mới nhưng ông không chịu mặc. Bộ quần áo ấy vẫn vắt trên cây sào trong buồng. Trông người cha ăn mặc rách rưới

như một kẻ ăn mày, Hoa thấy xót xa. Cô đứng lên lặng lẽ nhanh nhẹn tìm về nhà mình.

Về tới ngõ, Hoa ngạc nhiên thấy nhà mình sáng đèn. Mới đầu cô sửng sốt, sau mới nghĩ ra rằng bố con ông hai Xe đã ở trong đó. Con Vàng thấy chủ sủa một tiếng gâu, vẫy đuôi. Hoa ngồi thụp xuống ôm lấy con vật, một tay bịt miệng nó lại ra hiệu im lặng. Con chó liếm má cô chủ; Hoa thì thầm nói vào tai con vật như nói với người:

- Đừng sủa! Để tao xem họ đang làm gì trong ấy.

Con chó như hiểu lời, nó lặng im và chỉ liếm lấy liếm để lên khắp mặt cô chủ, ý chừng xa cô liền mấy ngày rồi, nó nhớ Hoa quá. Hoa rón rén đi luồn đằng sau nhà ngang, rồi ra đầu hồi nhà chính ở đó vách rơm trát bị bong mấy mảng tạo ra những lỗ hổng. Cô ghé mắt nhìn. Trong nhà cái đèn đĩa leo lét nhưng cũng đủ sáng để Hoa thấy hết quang cảnh bên trong.

Ông mõ Xe ngồi trên chõng, một chân chống lên, một chân thả xuống đất. Tay lão luôn khư khư cầm chiếc điếu cày. Ông già này có thói quen rất ngang ngạnh, đi đâu cũng kè kè cái điếu riêng của mình, ông không chịu hút điếu của người khác. Ông cụ nghiện nặng. Hút sòng sọc luôn miệng, nhất là khi có chuyện phải ngẫm nghĩ. Những khi ấy, lão mõ Xe cứ lăm lăm trong tay cái điếu, rồi nói dề dà, tay trái vung vẩy cái điếu. Nói nhát gừng mấy câu chưa xong, lão đã ngắt quãng bằng cách rít một điếu thuốc lào giòn tan.

Lúc này chắc là ông mõ Xe đang có điều gì gay cấn trong lòng. Ông ngồi thừ, chẳng nói một lời, liên tục rít

điếu cày. Trình thọt dựa cột, đầu gật gà gật gù. Bỗng hắn lên tiếng:

- Bây giờ chắc người ta đang rước ông Đùng bà Đà đây. Nghe nói vui lắm. Hàng chục năm mới rước một lần. Thế mà... Tiếc thật!

Ông mõ Xe trừng mắt với con, cáu kỉnh bảo:

- Hội với hè cái gì. Việc khác còn hệ trọng hơn. Tao đang tính nát nước ra đây này.

Thấy thái độ bực dọc của cha, Trình lặng im ngay, không cãi lại. Còn ông già chừng như muốn nói một điều gì lắm, song vẫn còn ngần ngừ, nên chỉ ngồi thừ. Hoa nghĩ bụng chắc ông già muốn thốt ra một câu rất quan trọng, song vì một lý do nào đó, có thể vì lão nghĩ thằng con của lão còn ham vui, còn trẻ người non dạ, cho nên lão vẫn cứ dùng dằng. Lão bứt rứt đứng lên rồi lại ngồi xuống. Hoa cũng thấy sốt ruột muốn nghe trộm. Hoa không sợ Trình, còn ông mõ Xe cô sợ, bởi vì ông già này có vẻ thâm, ông già luôn ăn nói ngọt xớt, khó mà biết được trong bụng ông nghĩ thế nào. Vả lại, Hoa còn biết ông lão đã dắt Trình đến nhà lý Cỏn, sau đó lại đến nhà tiên chỉ Nhậm...

Cuối cùng, chắc đã suy tính kỹ càng, ông lão cũng thổ lộ những điều ruột gan với con trai. Ông mõ Xe tay trái chống cái điếu cày xuống đất như các ông lý dịch chống ba toong, tay phải ông vẫy vẫy gọi anh con trai lại gần. Ý chừng ông muốn nói nhỏ thôi. Nhưng Trình vẫn đứng nguyên dựa cột. Trình vốn ít nói. Có lẽ anh ta cũng chẳng thấy điều ông bố mình sắp nói là quan trọng, nên anh ta vẫn không nhúc nhích. Còn ông hai Xe, ông thấy

chung quanh yên tĩnh vắng lặng, thấy cũng chẳng cần thiết phải thì thầm, thằng con ngang bướng không lại gần thì lão cũng cứ nói.

- Trình, mày nghe đây. Lão hộ Hiếu rồ dại đã nói thẳng với ta rồi: con cái Hoa không chịu lấy mày. Đến gặp ông Lý là người quan trọng nhất, chuyện ra sao mày biết rồi đấy. Ông ấy nói bỗng dưng truất chân mõ của con Hoa để trao cho mày là không được. Lão ấy bảo con mẹ ba Pháo ăn ở tốt với dân làng, nên lão không nỡ đối xử tệ với con Hoa. Nhưng còn một lối thoát, nếu mày cưới được con Hoa, thì lão Lý cũng bằng lòng cho mày chân làm mõ.

Trình cười:

- Như thế còn nói chuyện làm gì. Đã cưới được cái Hoa thì còn cần gì đến ông Lý nữa.

- Vẫn cần chứ! Mày ngu lắm, con ơi! Nhà ta đã mấy đời làm mõ. Mà đã là mõ, thì anh nào chả cần đến ông lý, ông chánh.

Trình hừ trong miệng, có ý phản đối, song không nói. Ông hai Xe, đến chỗ này, đứng phắt dậy. Ông lại gần anh con trai, tay vẫn cầm chiếc điếu cày. Ông bỗng gằn giọng lại; và cũng trầm tiếng lại. Trước khi cất lời, ông nhìn trước, nhìn sau:

- Mày ngu lắm, con ơi! Nghe cho rõ đây này... Câu nói của lão lý Cỏn cứ làm tao ngẫm nghĩ mãi. Nghĩ mãi rồi cũng sáng ra. Tao đã nghĩ ra một kế. Hừ, lão ta đã nói thế, thì tao cũng sẽ tương tựu kế mà làm đúng như thế.

Nghe đến đây, Hoa bủn rủn hồi hộp, cô nhìn rất rõ

khuôn mặt hớn hở của ông hai Xe. Trình cũng tò mò hỏi cha:

- Làm đúng như thế nghĩa là thế nào hở thầy?

Ông hai Xe quá đắc ý đến nỗi cười lên hơ hớ:

- Nghe đây này... Lão Lý muốn mày phải cưới con Hoa mới cho chứ gì? Thì mày sẽ cưới con Hoa chứ sao. Con dỏng tai lên mà nghe cho kỹ. Cái nhà này là của mày. Mày có quyền...

- Có quyền?

- Chứ sao? Nghĩa là hễ ai đi vào cái nhà này... tức thị người ấy là người của mày.

- Người của con?

- Chứ sao? Cái buồng kia là của mày. Tại sao con Hoa lại vào trong buồng của mày? Đã vậy, hễ lúc nào nó về và đi vào cái buồng của mày, lập tức mày phải theo vào ngay. Bởi vì, đó là buồng của mày. Một khi đã vào bên trong rồi, hãy đóng cửa lại, rồi cài then thật chặt. Và như thế, con Hoa sẽ là vợ của mày. Bắt buộc nó phải làm vợ... Ơ hơ! Thế nào hở thằng ngốc? Mưu của bố mày đã cao chưa?

Trình im lặng, chẳng nói nửa lời. Anh ta vẫn đựa cột với bộ mặt thản nhiên. Trình bằng lòng, hay không bằng lòng với bố? Chả biết được. Khi ấy, Hoa đứng ở hồi nhà, run lên vì âm mưu của ông hai Xe. Cô không còn nghĩ tới việc lấy lại bộ quần áo mới cho ông hộ Hiếu mặc lúc chết nữa. Cô rên lên trong lòng: Ôi chao! Đến như làm mõ mà người ta cũng phải tìm mưu sâu kế hiểm để tranh giành hay sao? - Cô rên rỉ như con thú bị mũi tên độc - Ta sẽ

nhường, nhường cho các người hết cả...". Hoa rất nhẹ chân, khẽ khàng lủi ra vườn, vạch hàng rào chui ra ngõ. Cô như bị ma đuổi vội vàng bước xa khỏi ngôi nhà mà cô đã sống từ tấm bé. Cô thấy sợ hãi và ghê tởm. Để giành được chân làm mõ mà người ta có thể tàn nhẫn được thế hay sao? Qua những việc mà tận mắt cô mục kích, hình như Hoa đã hiểu ra được phần nào lá thư của Huy. Một quyết định dứt khoát đã nảy nở trong đầu óc cô.

Hoa về ngôi chùa đổ, ngồi cạnh người cha hấp hối, khóc như mưa như gió. Cô khóc cho đến lúc không còn nước mắt mà khóc nữa. Cũng có thể nói cô nuốt nước mắt để cho những giọt lệ chảy vào thẳm sâu của lòng mình. Và cũng từ lúc ấy lòng cô bỗng cứng rắn lên như đá, bởi vì cô hiểu lúc này mình chẳng còn trông cậy được vào ai, hơn là vào chính mình. Có thể tới đây, cuộc sống khắc nghiệt sẽ vùi dập cô xuống tận đất đen. Tuy nhiên cô phải biết tự đứng dậy, bởi vì nếu không cô sẽ chết.

Ông cụ hộ Hiếu trước khi đi vào cõi vô tận vẫn còn nói mơ được mấy câu. Vẫn là những câu mà ông đã dặn dò con gái: "Đừng đi xem hội"... "Đừng làm mõ nữa". Ông đã dặn Hoa đến ngày mười lăm mới chết. Lời nói của ông già linh thiêng thật. Đến gần nửa đêm ông đã hoàn toàn hôn mê, nhưng ông già vẫn ngáp ngáp, cố hút tí dưỡng khí cho qua được ngày mười bốn. Cụ hộ Hiếu ngáp ngáp hơn một canh giờ. Hết canh một, sang canh hai cụ mới thôi ngáp, mới chịu ra đi.

Về sau, có người am hiểu nói rằng cụ hộ Hiếu không phải phù thủy mà là một vị bồ tát. Ở thời mạt pháp, cụ phải đóng vai phù thủy để cứu giúp mọi người, để giữ

gìn Phật pháp, để lòng từ bi chẳng bao giờ cạn ở cõi nhân gian.

Hoa đã biến đổi khác hẳn. Lúc chiều, các bà trong làng sợ cô quá yếu đuối khóc than để nước mắt rơi vào mặt người chết làm cho vong linh ông hộ Hiếu khó siêu thoát. Nhưng đến lúc ấy, lúc khâm liệm cho ông cụ, cô gái đã không còn một giọt nước mắt nào nữa. Trông cô tiều tụy hẳn đi. Tưởng như cô đã già thêm mười, mười lăm tuổi. Lúc ấy các bà lại giục cô: "Khóc đi! Khóc to lên cho nó nhẹ người!". Quả như vậy, nỗi đau lặn vào trong đã làm cho Hoa ngất đi hàng giờ lúc hạ huyệt ông hộ Hiếu. Người ta tưởng sau đám tang, Hoa sẽ ốm hàng tháng là ít. Nhưng cả làng Đình đã nhầm. Ngay tối hôm chôn cất, cô Hoa đã khoác tay nải lên đường không nói cho ai biết. Cô đã tự nguyện dấn thân vào con đường bất định, con đường mà cô chẳng hề biết đằng trước mặt sẽ có bao nhiêu điều bất trắc. Nhưng cô tự nhủ với lòng mình: "Sẽ không bao giờ tôi làm mõ nữa".

8

Nhụ đứng ngây người giữa đám đông trên bãi trống xem diễn trò thiêu xác đôi trai gái khổng lồ. Xem từ đầu đến cuối. Mới đầu như một trò hề dung tục, với ước vọng hừng hực về sự sinh sôi. Nó hồn nhiên và ngây thơ, làm cô gái vừa thẹn thùng vừa vui thích đến nỗi phải cười ra

nước mắt. Trước mặt cô, hiện ra hình ảnh người đàn bà khổng lồ áo xanh. Người đàn bà vui thích đến mức chấn động. Toàn thân rung rinh; mồm há to và con mắt đảo đi đảo lại. Nhưng sau đó thì sao? Người đàn bà khổng lồ kia bỗng chìm trong khói lửa. Đến lúc ấy, đôi con mắt trợn tròn, cái mồm bà há hốc, há ở mức to nhất, để một luồng khí từ đó phun ra, gây nên một trận cười ác độc. Rồi toàn thân bà ngùn ngụt lửa, một bó đuốc cao đến tận trời xanh; chỉ đến lúc ấy, cái đám đông cuồng nhiệt vây quanh mới đột nhiên bặt lặng. Cái im lặng bất ngờ ấy làm cho người quản trò, tức là người chỉ đạo cuộc thiêu, là ông chánh Thi bố vợ lý Cỏn, không được hài lòng. Cụ Chánh là người cầm cân nảy mực đạo lý làng xã. Phải có đám rước ông Đùng bà Đà, nhưng cũng phải có đám thiêu đôi trai gái khổng lồ ấy thì lễ hội mới thực trọn vẹn. Lúc này, Nhụ chỉ còn trông thấy độc một mình ông Chánh, ông già quần chùng áo dài, ông già đã đổ dầu vào củi và châm lửa, là vẫn hò la kích thích. Mọi người im hết chỉ để riêng mình ông nguyền rủa đôi trai gái khổng lồ hay sao? Ông quắc mắt, vẫy tay, ra hiệu cho mọi người tiếp tục chơi nốt cái đoạn kết đau thương của ông Đùng bà Đà. Mọi người như ngơ ngác, người nọ nhìn người kia, nhưng rồi người ta lại tiếp tục hò la. Tiếng hò la ấy, lúc mới trở lại, có chút ngập ngừng, để rồi cuối cùng lại say cuồng như muốn làm nổ tung cả rừng cả núi...

Nhụ lặng lẽ lủi ra phía sau đám đốt hình nhân. Tự dưng trong lòng cô bỗng dâng lên một nỗi buồn khó tả. Khi nãy, Nhụ trông thấy Điều đứng với bọn con trai sau

lưng ông Đùng khổng lồ. Điều vẫy tay với vợ, một lát sau, anh lẻn đến nói thầm vào tai Nhụ. Rằng cô hãy đến chỗ cây hai thân, cái cây trứ danh ở chân núi chỗ khu rừng mít. Nếu lấy đỉnh núi Đùng với năm cây thị làm trung tâm thì hướng bắc có đền Mẫu, phía nam là rừng già với nhiều núi đá vôi, phía tây có rừng cỏ tranh, phía đông có khu rừng mít. Gần rìa khu rừng mít có một bãi thoáng, nơi đấy mọc lên một cây khổng lồ rất đặc biệt. Thân cây chừng chục người ôm. Tán rộng che kín mẫu ruộng. Gọi là cây hai thân vì nó vừa là cây đa vừa là cây si. Ngày xưa, mới đầu chỉ có cây đa. Trên cây đa có một hốc lớn đầy mùn rác. Một con chim nào đấy tha quả si về ăn. Hột si trong hốc nảy mầm. Có lẽ cái hốc ở cây đa quá sâu nên rễ si cứ theo đó mà luồn đi, cuối cùng luồn đến tận mặt đất, sau đó ăn sâu vào lòng đất. Đất rừng phì nhiêu, cả hai cây đa, si đều ôm lấy nhau mà vùn vụt ngoi lên trời xanh. Sức mạnh hai cây bằng nhau, chẳng cây nào hiếp chết được cây nào. Cuối cùng sự sống cân bằng. Cây si và cây đa ôm ấp nhau, hòa vào nhau mà sống. Chúng lại mọc dưới chân núi Đùng nên dân làng bảo rằng đó là ông Đùng bà Đà hóa thân vào loài cây dại.

Nhụ đi xa dần khỏi đám thiêu hình nhân. Nỗi buồn của cô gái cứ tăng lên mãi. Có phải đây là nỗi buồn sau những cuộc vui? Có phải là nỗi buồn khi ta rời khỏi đám đông, để một mình bước chân vào nẻo đường hoang vắng? Hay nỗi buồn ấy sinh ra từ một đám thiêu, dù là thiêu xác hình nhân? Nhìn đôi vợ chồng khổng lồ ấy ngồi trên hai đống củi, Nhụ cảm thấy sao họ vụng dại đến thế, ngây ngô đến vậy. Những người có tình yêu hồn

nhiên thường như vậy. Người ta sắp thiêu đốt họ, người ta đang cuồng dại reo hò, người ta đang vung những ngọn đuốc rực sáng diễu quanh họ với khí thế dọa nạt, cớ sao họ vẫn chỉ cười? Cái miệng của ông Đùng chỉ là một nét mực đen cố định, hai bên mép vếch lên, nó diễn tả một nụ cười vĩnh hằng. Cái nụ cười không thể thay đổi, chuyện ấy đã đành. Còn như cái miệng bà Đà, đó là thứ miệng có thể chuyển động, lúc mím chặt, lúc há ra. Vậy thì sao bà không mím lại tỏ vẻ đau buồn hay phẫn nộ? Can cớ gì bà Đà lại há ra trong hoàn cảnh sắp lên giàn lửa? Bà Đà ơi! Sắp bị thiêu sao bà còn cười? Nhụ cứ nghĩ miên man, nghĩ một cách ngây ngô như vậy, để cho nỗi buồn cứ tấm tức trong lòng. Người ơi! Sao người nỡ đang tâm như vậy? Hà cớ gì phải giết họ, phải đem họ đi thiêu? Thì người anh phải lấy người em, chẳng qua cũng do số kiếp bất thế, cũng là cái sự bất đắc dĩ mà thôi. Bởi vì trên cõi đời này làm gì có người khổng lồ thứ ba, thứ tư để cho họ được ghép đôi. Hay là số phận cứ phải trớ trêu, cứ phải bày đặt ra như vậy, để cho con người vốn ác độc, u mê bắt buộc phải vắt tay lên trán mà suy ngẫm.

Hội đã tan. Ở đám cháy, lửa đã tàn. Đêm rừng lại trở về với bóng đêm, với ánh trăng chảy như sữa loãng trên đầu cỏ cây. Người xem hội số đông quay trở lại con đường cũ, tức là con đường ngắn ông Đùng đã đi. Còn lũ trai gái, vốn đã hò hẹn nhau từ trước, họ dắt tay nhau từng đôi tản vào những lối mòn trăm ngả dẫn vào rừng vào núi. Ông Đùng khi gặp bà Đà tức là gặp người con gái đầu tiên, nên ông có quyền cầm tay người đàn bà ấy và lấy làm vợ. Đó là nhời nguyền của hội. Đó là tục lệ của hội. Còn bây giờ, người con trai nào gặp người con gái

đầu tiên của mình, thì đôi lứa ấy hợp với nhời nguyền cũng được phép tính cuộc ái ân. Người con gái đầu tiên ấy, dĩ nhiên, có thể là người thực sự mới gặp trong ngày hội, tuy nhiên cũng có thể là người mà anh con trai đã quen từ trước. Họ đã hẹn hò nhau. Gặp nhau trong hội chỉ là cái cớ, chỉ là cái dịp lấy may. Tục lệ ấy về sau được biến thể đi. Nó có nghĩa rằng nếu trai gái yêu nhau, thì trong mấy ngày hội họ có quyền tự do ân ái. Trong tháng hội, lệ làng cho phép, không ngặt nghèo cấm đoán. Thậm chí, người đàn bà nào dù đi ngang về tắt mà có mang trong ngày hội, thì đứa hài nhi sinh ra lại được mọi người hân hoan đón mừng, vì đứa trẻ ấy là đứa trẻ có phúc.

Nhìn ở góc độ phóng khoáng phồn thực, ngày hội ông Đùng bà Đà có thể gọi là ngày hội ái ân, mang tính nhân đạo. Trước đây, ở làng Đình, có một cô gái lỡ thì, mặt lại rỗ nhằng rỗ nhịt. Cô ta là con một. Trai làng chẳng cậu nào chịu lấy cô. Thế mà trong ngày hội, cô một mình đi vào trong rừng... Và sau ngày hội, cô mang thai. Chín tháng sau, cô sinh một bé trai. Bố mẹ cô quý đứa cháu trời cho đó như hòn vàng. Ông bà sắm sanh lễ vật hậu hĩ mang lên đền Mẫu lễ tạ. Rồi còn làm lễ cả trên đỉnh núi Đùng. Nghe đâu cậu bé rất thông minh sáng láng, học một biết mười, lớn lên thi đậu cử nhân làm rạng danh cho cả gia tộc.

Đứng ở dưới gốc những cây thị, Nhụ nhìn được khắp bốn phía. Người từ núi Đùng tỏa đi khắp ngả đường, nẻo rừng. Nhụ nhìn những ngọn đuốc trong đêm lập lòe như sao sa. Những chiếc nùi rơm vung vẩy vẽ thành những đường tròn và nửa đường tròn lửa đỏ. Quang cảnh núi rừng, nhờ những đốm lửa chập chờn, trông đẹp lạ lùng.

Những đốm lửa cứ xa dần, xa dần, để lại dằng sau những quả núi, những vạt rừng lúc đen sẫm khi trăng khuất, lúc như dát bạc khi trăng ló hiện. Khi các đốm lửa biến hết, khi những con chim thấy vắng bóng người, lại bắt đầu kêu đêm, gọi cái bí ẩn rừng khuya trở về, thì Nhụ cũng lặng lẽ băng qua rừng mít, tìm đến cây đa - si kỳ lạ, nơi hẹn hò của hai đứa. Nhụ ngồi bệt xuống thảm cỏ dưới cây đa hai thân, đưa chiếc nùi rơm lên gần miệng, thổi phù phù. Cái nùi rơm im lìm cứ tưởng như đã tắt lịm từ lâu, được hơi thổi vào bỗng sáng dần lên, cuối cùng tạo thành một ngọn lửa nhỏ. Nhụ nhặt những cành củi khô, vơ một nắm cỏ chết rạc, chất lại nhóm thành một đống lửa. Ngọn lửa bắt đầu tỏa sáng, xua đi cái lạnh tháng ba, xua nốt cả những dư âm buồn bã của những suy nghĩ vẩn vơ khi nãy, chúng đã luồn lách vào tận đáy sâu tâm hồn cô gái. Có lửa cứ như có bếp mùa đông, những ý nghĩ ấm áp cũng dần quay trở lại.

Sao Điều đến nơi hẹn chậm chạp thế nhỉ? Bọn con trai đến là dềnh dàng. Họ còn vòng đi vòng lại chán. Chắc lúc này họ còn mải xúm vào trêu chòng anh cu Điều. Không biết họ có biết chuyện hai đứa bàn nhau "để dành" đến hội không nhỉ? Bọn con trai chúa ba hoa. Không khéo cả những chuyện như vậy Điều cũng dám vui miệng đem kể với lũ bạn. Nhụ đỏ mặt khi nghĩ đến đấy. Cô tủm tỉm một mình khi nghĩ đến sự hẹn hò của hai người. Vợ chồng rồi mà còn phải hẹn hò nhau ư? Mà lại hẹn hò vào rừng, tìm đến một hang đá, tìm đến một cái ổ ấm êm trải bằng thứ cỏ mật thơm phưng phức. Đó là nhời nguyền từ xửa từ xưa. Đó là niềm tin tưởng sắt đá rằng nếu gặp nhau được như ông Đùng bà Đà, rằng nếu có kết quả trong tiết hội

xuân thì đó là điều đại phúc. Phải chăng đúng như vậy, hay chỉ là sự thêu dệt của người đời. Bởi vì họ luôn có nỗi nhớ thăm thẳm về những ngày đẹp đẽ từ thuở hồng hoang. Thuở ấy, con người chẳng bị ràng buộc. Yêu đương khi ấy chỉ là hồn nhiên hạnh phúc. Bên đống lửa bập bùng chờ đợi, Nhụ ngả lưng vào gốc cây, lạc dần vào giấc mơ đẹp. Cô thiếp ngủ quên khi nào chẳng hay.

Đó là cuộc hẹn hò thiêng liêng, cuộc hẹn hò đã được chờ đợi từ bao nhiêu ngày tháng. Đó là một sự dành dụm ái ân, từ ngày quả còn xanh chờ cho đến ngày quả chín. Đó là sự lớn lên của hai sinh linh thơ ngây, từ tình bạn trong trắng pha lê chuyển dần sang tình yêu trai gái. Đó là sự run rẩy đáng yêu của những con người đang dò dẫm như những kẻ mù lòa để bước chân vào thánh đường của cuộc tái sinh nòi giống.

Nhụ ngồi bên đống lửa, dựa lưng vào gốc cây thần kỳ lạ, cây đa - si, mơ màng nghe tiếng rừng xào xạc, nghe tiếng chim cầm canh rừng khuya, khắc khoải chờ đợi Điều. Ô hay! Lấy nhau đã mấy năm rồi, đã quen hơi bén tiếng, thế mà chờ đợi nhau vẫn còn khắc khoải đến thế này sao? Điều ơi! Hãy đến với em mau lên! Em rất nóng lòng muốn được thấy cái ổ cỏ mật thơm phưng phức của chúng mình. Cái gì Điều cũng có thể biến thành một trò nghịch ngợm bất ngờ. Cả đến chuyện... như hôm nay mà Điều cũng tinh quái đến thế ư? Cứ như muốn giận. Cứ như muốn thương. Nhụ mơ màng... Cô đã gặp mặt Điều trong giấc mơ bảng lảng. Người chồng tinh nghịch đứng trước mặt Nhụ và bảo:

- Chúng mình phải làm giống như ngày xưa... giống như ông Đùng bà Đà.

- Nghĩa là thế nào?

- Nghĩa là em phải đi vòng quanh quả núi. Và gặp người nào đầu tiên, thì em phải lấy làm chồng.

- Đi quanh núi ư? Có đến hết đêm chưa chắc đã gặp được nhau.

- Cần gì đi quanh núi. Cứ ví dụ cây đa-si này là quả núi. Cái cây thần kỳ này to cao lừng lững, khác gì quả núi. Hai vợ chồng mình sẽ đi vòng quanh. Nhưng, phải bịt mắt lại như trò chơi ú tim.

Thế là hai đứa quay lưng lại nhau, bịt mắt, đi vòng quanh cây đa - si cổ thụ. Hai đứa phải bịt mắt vì đó là số phận, mà đã là số phận thì sự hú họa và sự mù lòa là chủ.

Nhụ bịt mắt, chân bước dò dẫm, hai tay quờ quạng trước mặt, đi tìm Điều. Quờ quạng mãi vẫn chỉ khua vào không khí. Cuối cùng, hai tay Nhụ đã gặp được hai cánh tay khác. Ô hay! Anh Điều! Sao lại nắm chặt tay em như thế? Đừng chơi nhả! Đau tay em đấy! Buông ra nào! Nói đến thế mà hai bàn tay kia chẳng chịu buông lơi. Chúng càng lúc càng nắm chặt, càng xiết chặt... Có cái gì khác lạ thế. Hai bàn tay kia như hai gọng kìm bằng sắt không chịu nhả ra. Chúng làm Nhụ đau quá... cô hét to... Thế là cô gái chợt bừng tỉnh khỏi giấc mơ kỳ lạ...

Nhưng, đó không phải mộng, đó là thực. Nhụ lúc này mới nhận ra hai bàn tay kia không phải tay Điều. Đó là hai bàn tay to lớn, có lông lá, đương nắm chặt lấy hai tay cô. Nhụ cố sức nhổm dậy. Hai bàn tay lạ kia cũng dùng hết sức ghìm chặt cô xuống đất. Hắn là một người khổng lồ đương nằm sấp trùm lên người cô. Người khổng lồ ư? Cô sợ hãi hết hồn, kêu toáng lên:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Ô hay! Người khổng lồ biết nói! Hắn cười và nói với cô bằng một giọng ngọt ngào khác thường:

- Cô em đừng sợ! Xin đừng sợ!

Bóng trăng mười tư, từ nãy vẫn trốn trong một đám mây, nên trước mặt Nhụ, tất cả chỉ là những hình dáng mù mờ. Mãi trăng mới chịu ló khỏi đám mây để cảnh vật hiện ra vằng vặc. Nhụ bây giờ mới nhìn rõ gã khổng lồ đương đè sấp trên mình. Đó là Julien Messmer. Đó là ông tây đồn điền, với bộ mặt lúc nào cũng đỏ gay như mặt con gà chọi.

Julien cũng thích đi xem hội của người bản xứ, nhất là hội ông Đùng, bà Đà. Quản Láu đã kể cho ông ta nghe huyền thoại về hai người khổng lồ đi vòng quanh quả núi. Hắn thích nhất cái tục lệ suồng sã, phóng túng của người dân địa phương sau hội. Quản Láu nói:

- Nếu ông may mắn gặp được người con gái đầu tiên trong hội, lại được giao hoan với cô ta, thì tục lệ cho rằng đó là điều đại phúc.

Julien, hơn một năm về trước, đã gặp cô bé chăn bò trên đồi sim. Hôm ấy Láu có nói một câu ca dao rất tình tứ của người bản xứ: "Ngày nào chum chúm núm cau..." và hắn đã cười phá lên vui vẻ. Sau đó, đã nhiều lần Julien thấy cô bé. Hắn thích cái gương mặt thanh tú của cô gái xinh xinh đó. Khi người ta thiêu đốt hình nhân, Julien sai Láu theo dõi cô gái. Khi Nhụ đốt lửa ở gốc cây đa - si, Julien nấp sau bụi rậm trông thấy hết cả. Lúc Nhụ ngồi tựa gốc cây mơ màng, Julien bèn đuổi Láu đi và rón rén bước tới.

Và chàng conquistador Julien, hôm nay, đã tóm được cô gái xinh đẹp mà bao lâu nay hắn từng để ý và ao ước. Hắn lập tức xé toạc cái áo trắng của Nhụ ra để hưởng thụ cái làn da trinh bạch của cô. Nhụ điên cuồng chống cự kịch liệt. Cô đẩy, cô đạp, cô cào, cô cấu, cô xé, cô cắn... Song cô càng chống cự mãnh liệt bao nhiêu, thì Julien lại càng thèm muốn cô bấy nhiêu. Bởi vì hắn đã mang danh là một conquistador rồi. Đã là kẻ đi chinh phục, họ đều muốn chiến thắng không dễ dàng, có như thế mới là một conquistador. Khi con mồi càng chống đối mãnh liệt bao nhiêu, khi đối phương càng hung hãn phản ứng bao nhiêu, thì cái chiến lợi phẩm ấy càng có giá bấy nhiêu. Khi ấy, nó mới xứng đáng với việc chinh phục.

Julien hành động rất hệ thống. Hắn lần lượt xé dần mọi thứ. Mới đầu là cái áo, tiếp theo là cái yếm, cuối cùng là cái váy... Hắn không vội vàng, không hùng hục thỏa mãn như tên lính tầm thường... Bởi vì hắn là một conquistador. Hắn chậm chạp để thân hình Nhụ lộ ra dần dần... Váy ư, áo ư, yếm ư? Tất cả lần lượt biến thành những mảnh vụn tơi tả. Cuối cùng cô chẳng còn một mảnh vải che thân. Cô chửi hắn, hắn cắn vào môi cô. Cô cắn trả hắn vào tay, hắn cắn liền hai miếng vào hai cái vú bánh dày xinh đẹp, đồng trinh của cô. Rồi hắn cắn vào bụng cô, vào nách cô, vào cổ cô. Cô hét lên. Cô càng hét to hắn càng cắn nhiều. Hắn rồ dại cắn vào bẹn, vào đùi. Hắn cắn khắp người cô, nhưng không để rớm máu. Hắn như con thú muốn đánh dấu lãnh địa của mình. Hắn chỉ đóng dấu của riêng hắn lên toàn thân thể người con gái. Có lẽ hắn muốn sau này người đàn bà có chạm tay vào chỗ nào, thì cũng thấy đau đớn vì đã có sự hiện diện của

hắn ở đấy rồi. Nghĩa là hắn muốn là ông chủ tuyệt đối trên tổng thể địa dư của người đàn bà. Mới đầu cô chống cự, sau đó cô sợ hãi. Nhụ cố gượng đứng lên, dù trần truồng, cũng đem chút lực tàn chạy trốn dưới ánh trăng. Cái thân xác trắng nõn nà của cô được tắm ánh trăng càng làm cho hắn thêm thèm khát, thích thú.

Cô chạy cho đến kiệt sức cũng không tài nào thoát được. Cuối cùng cô ngã xuống, nằm úp sấp trên cỏ. Hắn vật ngửa cô lên rồi cắn đôi vú của cô. Cô đau đớn đến nỗi gào thét lên như con thú bị chọc tiết. Chỉ đến khi ấy, hắn mới đi vào trong cô, chiếm đoạt thân thể cô. Nhụ đau đớn đến tận đáy thẳm linh hồn. Cô ngất lịm, không còn biết gì nữa.

Khi con thú trong hắn đã thỏa mãn, thì Julien cũng rã rời. Hắn thấy thích thú, vì chưa một cuộc hành lạc nào trong đời hắn lại dữ dội đến thế. Hắn vui sướng nhấm nháp cái mệt mỏi đầy thi vị, cái mệt mỏi làm cho hắn không muốn nhấc chân nhấc tay lên nữa. Hắn thấy cơ bắp rã rượi nhưng mà no nê. Giá có giường, hắn sẽ nằm xuống ngủ ngay lập tức. Tuy nhiên không có giường, thì hắn ngồi xuống nệm cỏ, dựa vào gốc cây cũng tốt.

Chính lúc ấy, Điều xuất hiện. Đáng lẽ Điều phải là người đầu tiên gặp Nhụ. Song, anh lại là người đến chậm. Anh muộn màng, chỉ đến vào lúc Julien từ thân xác Nhụ đứng lên, rồi từ từ vào ngồi tựa gốc cây. Nhìn Nhụ bất tỉnh trên vạt cỏ, Điều chợt hiểu ra tất cả.

Người làng Cổ Đình nào đi vào rừng cũng giắt theo con dao quắm bên người. Trong khi sự hung hăng trong Julien đang xẹp xuống như quả bóng xì hơi, thì cùng lúc ấy, nỗi căm giận trong lòng Điều lại bỗng vụt tăng đột

ngột. Nó phừng phừng như lửa nung. Nỗi căm thù ấy có thể xé trời, xẻ núi. Từ một chàng trai hồn nhiên vô tư lự, trong nháy mắt anh trở thành một người đàn ông cương nghị. Anh hiểu ngay mình đã bị ăn cướp một cái gì vô hình, nhưng quý báu trong cuộc đời.

Và thế là chàng trai chẳng còn biết sợ là gì nữa. Nhờ bóng trăng khi tỏ khi mờ, Điều lẻn dần tới gốc cây, bất thình lình xả nhát dao quắm hết sức vào người anh chàng conquistador to ù như một con gấu. Bị đột kích bất ngờ. Julien gượng đứng dậy, chạy ra phía con ngựa đang gặm cỏ gần đấy. Hắn loạng choạng vấp, ngã sõng soài ra cỏ.

Cũng lúc ấy, trăng nhắm mắt chui vào một đám mây. Trời sầm tối nhưng còn đủ sáng cho Điều nhìn thấy kẻ thù. Anh chạy lại chém liền mấy nhát, rồi mặc hắn nằm đấy, chạy ra chỗ Nhụ.

Người con trai cõng vợ trên lưng, chạy vào rừng sâu. Ông trăng lại ló ra... Cỏ cây lại được dãi ánh vàng. Cây đa - si trông như hai người khổng lồ đang ôm lấy nhau. Nhờ có ánh trăng, ta thấy ông Đùng bà Đà cũng như đang đăm đắm nhìn theo bóng hai người. Tán lá gặp gió cất lên tiếng rì rào như tiếng thở dài của đôi trai gái thời nguyên thủy. Hai người khổng lồ đang dõi theo số phận của đôi bạn trẻ.

XV

CHƯƠNG KẾT

1

Sau cái đêm ở hang đá, gần mỏ nấm, anh Cò tức Xuân biến đổi hẳn. Sau khi giật tay khỏi tay bà ba Váy tức mẹ hấn, Cò đi lang thang trong rừng suốt đêm. Bà ba Váy, ngay sau đó, trở về nhà chờ Cò, định khuyên giải cho Cò nghe ra vấn đề. Chuyện sinh ra Cò là như thế, là tự nhiên, là số phận. Bà đâu có lỗi. Ông Huyền cũng đâu có lỗi. Cả hai người đều thương yêu nó lắm chứ. Song biết làm thế nào? Số phận đã định như thế. Chỉ mong con cắn răng lại, chấp nhận, đừng hở ra với ai. Con ơi! Bây giờ mẹ chỉ mong con nên người. Thế là lòng mẹ đã thỏa lắm rồi. Còn con muốn nghĩ về mẹ thế nào, mẹ cũng đành chịu vậy...

Bà Ba chờ Cò suốt đêm vẫn không thấy về. Bà như ngồi trên đống lửa, hết đứng lại ngồi, hết ra lại vào. Đến trưa, Cò vẫn bặt tăm dạng. Ông lý Cỏn muốn gặp Cò, nhờ con viết tờ giấy bẩm lên quan trên. Bà Ba bảo Cò đi xem hội vẫn chưa về. Lý Cỏn cười:

- Thằng này cũng biết đi "trải ổ" rồi hay sao?

Ông Lý không sốt ruột, coi chuyện đi xem hội làng biến mất một hai ngày là chuyện thường tình. Riêng bà Ba lại lo sốt vó. Bởi vì bà biết mình là nguyên nhân, bởi

vì bà là người trong cuộc. Bà còn biết suốt đêm hôm qua, ông Huyền cũng phải lặn lội trong rừng tìm Cò. Sao mãi đến bây giờ vẫn chưa có tin gì nhỉ? Bà Ba phải sai ba người làm tiếp tục vào rừng tìm Cò.

Mãi đến gần chiều ông Huyền mới thấy Cò ở bên bờ suối, cách núi Đùng đến vài cây số. Nơi đó hoang vắng lắm. Ở quanh núi Đùng, gần làng, ác thú không dám về, chứ ở con suối xa này nghe nói hổ, báo về luôn. Ông bực mình: "Cái thằng điên rồ đến thế là cùng! Là con của ta thì cũng tốt chứ sao? Can cớ gì phải kiếm chai rượu rồi ra nơi nguy hiểm thế này để một mình uống say bí tỉ. - Ông chợt thở dài, lòng trĩu nặng buồn rầu. - Hay thằng con của ta đã cảm thấy xấu hổ vì chính ta là cha đẻ của nó...".

Ông Huyền cõng Cò đến quá nửa đường mới gặp người nhà lý Cỏn. Từ hôm ấy, Cò thay đổi hẳn tính. Trước đây, Cò hay vui vẻ bông phèng với mọi người, nay cậu ta biến thành một con người trầm lặng ít nói, ít cười. Điều đặc biệt nữa, Cò bỗng nhiên lảng tránh, ít gặp mặt ông Lý, nhất là đối với bà Ba hầu như cậu không muốn giáp mặt. Ông lý Cỏn ngạc nhiên hỏi vợ:

- Bà có thấy thằng Cò dạo này khang khác không? Hay là... hay là... đã đến lúc phải lấy vợ cho nó.

Bà ba Váy hiểu chuyện nhưng không biết giải quyết bằng cách nào, liền bảo chồng:

- Tôi cũng thấy thế. Ông thử hỏi nó xem sao?

Ông Lý thực thà hỏi con trai. Cò trả lời:

- Sắp đến kỳ thi thành chung rồi. Chắc con mải học thi nên thế thôi. Không có chuyện gì đâu ạ.

Nghe con nói đến việc chuẩn bị thi thành chung, ông Lý tin ngay. Đối với riêng ông, việc ấy còn quan trọng hơn. Nhà ông chú, ông ký Nhàn, có Huy là cậu tú. Nhà họ Đinh có cụ cử Lê rồi anh Tuấn là họa sĩ Hà Nội danh tiếng. Nay nhà ông có thằng Cò, chưa đầy mười tám tuổi đã thi "đíp lôm", việc ấy thật quá danh giá cho gia đình, thậm chí cho cả gia tộc nữa. Cò nói:

- Chỉ vài tháng nữa con thi. Từ nay đến lúc ấy, con ra Hà Nội không về nhà giữa chừng được đâu.

Ông lý mừng rỡ:

- Con nghĩ vậy thầy mừng. Việc thi cử phải có công dùi mài kinh sử. Con cứ cố học là được. Bao giờ về làng mang cho thầy cái bằng là thầy vui nhất. Đây, thầy cho trăm bạc để tiêu pha.

Ông Lý không biết chứ bà ba Váy thì biết ý nghĩ của Cò. Bà thầm nhủ: "Nó muốn tránh mặt mẹ nó đây mà. Nó không thèm nhìn mặt mẹ nó nữa đây mà!". Hôm ra Hà Nội, thậm chí Cò không đến chào mẹ nữa. Bà ba Váy đau điếng từng khúc ruột. Bà nghĩ rằng mình đã đẻ ra một thằng con bội bạc. Đêm, bà khóc một mình, khóc ròng ròng khi lũ con bà ngủ hết. Bà khóc nhiều nỗi. Thằng con mà bà yêu quý nhất thì như vậy. Còn ông Huyền thì...

Cò là người có chí. Anh quyết tâm thi cho được bằng Thành chung. Ra Hà Nội, Cò học đêm học ngày và quyết giữ cho được lời hứa, chưa thi xong thì chưa về làng. Thực ra, Cò không chỉ giận riêng mẹ mình, anh thấy hận tất cả mọi người. Tại sao anh phải chịu cái cảnh trớ trêu thế này? Có cha mà không được nhận cha. Rồi tại sao mẹ

mình lại có hai người đàn ông? Tại sao tôi không được hưởng cái hạnh phúc rất đơn giản của một con người ở đời? Tại sao cứ phải lén lén lút lút sống một cách dối trá? Để trốn chạy những câu hỏi dằn vặt ấy, Cò đã lao đầu vào học.

Cho đến một hôm, Cò bỗng nhận được một bức điện không đề tên người gửi. Vẻn vẹn chỉ một dòng chữ: "Về làng ngay, có việc khẩn cấp". Thế là Cò bỗng dưng không học nổi nữa. Anh đoán già đoán non chuyện này chuyện khác. Tuy nhiên, lòng anh nóng như lửa đốt. Tuần lễ trước, có người ở làng ra, anh hỏi thăm và biết tin bà ba Váy bị ốm, không đi làm đồng được nữa. Từ khi Cò làm người, cậu chưa thấy bao giờ mẹ mình ốm. Người ta vẫn bảo người không ốm bao giờ, hễ bị ốm là bệnh nặng lắm. Vậy "việc khẩn cấp" ở đây phải chăng là bà Ba đang ốm to. Giận mẹ thế thôi, chứ thực ra trên đời này, người mà Cò yêu quý nhất chính là bà ba Váy. Cò hay đọc sách, lại là người tình cảm. Anh không bao giờ nói ra miệng nhưng trong thâm tâm, anh thương mẹ, xót xa mẹ đến đứt ruột, mỗi khi mẹ bị ngược đãi. Anh cũng hiểu mẹ anh, trong cái gia đình họ Vũ Xuân này, có địa vị thế nào?

Thế nào là một nàng hầu? Người đàn bà đi ở chỉ chịu khổ một bề. Còn nàng hầu, đó là người đàn bà vừa mang thân phận một con ở, vừa mang thân phận nô lệ về thể xác đối với ông chủ. Đã có lần ông lý Cỏn đóng cửa buồng, nhốt bà ba Váy lại vì ông ghen. Cò ghé mắt qua lỗ thủng nhìn vào, thấy ông Lý cứ dùng hai tay mà véo vú bà, rồi còn bắt bà tốc váy lên dùng roi mây quật vào đít, miệng rít kèn kẹt: "Từ rày ra đình, ông cấm không được cười toe toét với ai. Nghe chưa!".

Có lần, bà dẫn Cò vào mỏ nấm, dạy gây và hái nấm hương. Cò thủ thỉ hỏi mẹ:

- U ơi! Người ta bảo thầy con mua u về bằng hai mươi thùng thóc, có phải không?

- Đừng nghe người ta đồn con ơi!

- U ơi! Người ta bảo con giống ông ngoại và giống u có phải không?

- Ừ, mày giống u và ông ngoại vì mày thích rừng, thích chim chóc, thú vật.

- Lũ em con có giống ông ngoại không?

- Không! Chúng nó giống thầy mày.

- Thế sao con không giống thầy con?

Bà ba Váy chợt im lặng, không giải thích nổi cho Cò nữa. Nhưng đến hôm nay thì Cò hiểu tất cả. Cò cứ muốn tỏ ra giận mẹ, chứ thực ra, kể từ hôm ấy, đêm nào Cò chẳng vắt tay lên trán suy nghĩ. Càng nghĩ càng thấy thương. Chỉ đến lúc nhận được bức điện, nỗi thương mẹ mới bùng ra không ngăn nổi nữa. Anh đã phá bỏ lời hứa. Chưa đi thì anh đã trở về quê.

Về đến đầu làng, anh xuống xe, lòng hồi hộp lo lắng. Có mấy bà đi chợ về, đứng túm tụm ở tha ma đầu làng. Thấy anh, họ mừng quýnh:

- Anh Cò Xuân. Chờ chúng tôi. Cho chúng tôi đi cùng với.

Cò Xuân rất ngạc nhiên vì thấy vẻ mặt người nào cũng hốt hoảng, sợ hãi. Hỏi tại sao, họ chẳng nói, mà chỉ hất hàm về phía cây đa đầu làng và thì thầm:

- Ở gốc cây đa ấy.

Cò thấy dáng điệu khiếp hãi của họ cũng không muốn

hỏi thêm mà chỉ rảo bước đi cho nhanh. Anh dẫn đầu đoàn các bà đi tới gốc đa. Anh bước nhanh, làm các bà muốn đi theo kịp phải chạy ríu cả chân. Càng đến gần cây đa, thì các bà càng đi sát lại nhau. Có bà nhìn đi hướng khác, nhưng cũng có bà lấm lét nhìn vào cái ngai thờ "Đại thụ linh thần". Anh nhìn theo. Đến lúc này, Cò Xuân mới vỡ lẽ. Thì ra trước ngai, có treo lủng lẳng một chiếc đầu lâu. Đó là chiếc đầu người đã bị biến dạng. Da đã tím bầm chẳng còn có thể biết là ai. Tóc trên đỉnh đầu lâu kéo ngược lên trên, buộc vào cái rễ đa lủng lẳng. Sở dĩ ta không nhận dạng được, còn bởi lẽ ruồi nhặng bâu đen kín mặt người chết. Ở cái ngai "Đại thụ linh thần" có một tờ bố cáo. Cò tò mò dừng chân lại xem. Anh tiến lại gần vài bước. Đàn ruồi thấy động, bay ào ào như ong vỡ tổ. Tiếng ruồi bay như tiếng kêu oa oa từ mồm người chết. Các bà hoảng quá kêu trời, rồi ba chân bốn cẳng chạy vội vào cổng làng, để mặc Cò Xuân đứng một mình trước cái đầu lâu thê thảm. Và khi ruồi bay đi hết, Cò Xuân mới choáng váng nhận ra cái đầu lâu kia là ai. Dù đã bị biến dạng, cái đầu ấy vẫn không thể lẫn với bất cứ cái đầu nào khác. Bởi vì, khuôn mặt đó một nửa là thiên thần, một nửa là sần sùi ghê rợn. Bởi vì, khuôn mặt đó chính là khuôn mặt ông Trịnh Huyền, khuôn mặt của người cha mà anh mới biết. Thì ra, cái việc "khẩn cấp" gọi anh về làng chính là việc này đây. Chàng đứng lặng trước dòng chữ trên tờ bố cáo:

Trịnh Huyền tên thực là Đinh Công Phác. Xưa kia, hắn đã nổi loạn, bị chính phủ truy tìm. Hắn cải trang về quê cũ, không chịu cải tà quy chính, lại một lần nữa nổi loạn, đã bị nhà nước Pháp bắt và trừng trị.

Ngay đêm hội ngày mười bốn, khi Điều xông tới cầm dao quắm chém tới tấp Julien, rồi vội vàng cõng Nhụ vào rừng sâu, Điều cứ đinh ninh rằng Julien đã chết. Thực ra, người Tây chỉ bị thương nặng. Quản Láu đã tìm được chủ nằm bất tỉnh dưới cây đa - si. Con ngựa của Julien khôn lắm. Nó thấy Julien nằm sõng soài bất tỉnh, liền tới đánh hơi. Nó biết chủ gặp nạn, cứ đứng bên cạnh hí vang trời, gọi quản Láu ở xa đến cứu. Quản Láu ôm xác Julien lên ngựa chạy về đồn điền. Pierre đánh xe hơi đưa em lên tỉnh ngay đêm hôm đó. Nhờ kịp thời tiếp máu và chữa trị vết thương nên một tháng sau, Julien đã lành lặn trở về Kẻ Đình.

Cũng lúc đó chính quyền Pháp, qua sự việc Julien, lấy làm ngạc nhiên vì một thiếu niên chưa tròn mười tám tuổi đã dám cả gan cầm dao chém bị thương một người da trắng. Người ta mở cuộc điều tra, lục tung các hồ sơ cũ và tìm ra nhân dạng đích thực của Trịnh Huyền chính là kẻ phiến loạn Đinh Công Phác xưa kia đã một thời theo đảng Văn Thân chống lại người Pháp. Cả ông đồ Tiết, cha của Phác cũng như vậy. Hóa ra gia đình này là một gia đình nổi loạn có nòi có giống. Một quyết định được đưa ra. Phải bắt cho được Điều và Trịnh Huyền. Điều đã trốn mất tăm. Họ định bắt Trịnh Huyền, ông này cũng trốn nốt vào rừng.

Julien liền thành lập một đội lính đồn điền dưới quyền chỉ huy của quản Boong. Việc đầu tiên họ làm là triệt hạ nhà cụ đồ Tiết. Nhà cửa bị đốt cháy, san thành bình địa. Đất đai sung công, rồi đem bán cho tư nhân. Một cơ hội thuận lợi cho tiên chỉ Nhậm, ông này đã mất

bao tâm cơ mà không chiếm được khu đất ưa thích. Nay bỗng dưng ông chiếm được nó bằng cái giá rất hời.

Ông Trịnh Huyền chui lủi đến đất Mường, may mắn gặp lại anh Mường rồ, người thủ hạ thân tín của cụ đồ Tiết khi xưa. Anh Mường rồ lấy cô Ngơ vú ấm giỏ sinh được ba đứa con. Túng quẫn, nghèo khổ quá đã đẩy anh tập hợp đồng đảng thành một nhóm cướp. Họ thường bôi nhọ nồi vào mặt, thỉnh thoảng lại xuất hiện ăn cướp những nhà giàu có. Suốt một dải từ Ba Vì sang đến Hòa Bình là địa bàn hoạt động của toán cướp xuất quỷ nhập thần. Trịnh Huyền nhập đảng, đám cướp càng ghê gớm hơn. Họ dám ăn cướp cả đồn điền người Tây.

Người Pháp đem lính đi lùng sục. Mấy tháng trời, không xảy ra vụ cướp nào nữa. Người Pháp đắc chí, cho rằng đảng cướp sợ oai đã tự tan rã. Sự thực, trong mấy tháng ấy, Huyền chuẩn bị để đánh đồn điền Messmer.

Julien cáo già hơn quan lãnh binh trên tỉnh. Hắn không đắc chí, không lơ là. Hắn cũng chuẩn bị vì hắn luôn cảm thấy Trịnh Huyền không đời nào chịu buông tha hắn. Đồn điền của hắn hơn hẳn các đồn điền khác, vì hắn là một sĩ quan, vì hắn có một người cộng sự đắc lực là quản Boong, người đã tham gia chiến tranh đánh Đức. Quản Boong rèn luyện các tay súng của mình rất cẩn thận. Và không đêm nào họ lơ là canh gác.

Quả nhiên, như Julien dự đoán, một đêm tối trời, Trịnh Huyền dẫn quân đánh đồn điền Messmer. Trịnh Huyền đã thuộc lòng địa hình của đồn điền như lòng bàn tay. Ông quyết ăn chắc trận này. Nhưng vũ khí của ông chỉ có ba khẩu súng trường và mấy khẩu súng kíp. Trong

khi đó, mười lăm tên lính của quản Boong đều có súng tốt và nhiều đạn. Họ lại chờ sẵn, mong ông rơi vào bẫy. Do vậy, cuộc chiếm đánh đồn điền thất bại. Người chủ tướng xông xáo nhất là Trịnh Huyền tử trận. Toán quân phải rút cho nhanh không mang được xác ông Trịnh Huyền đi.

Bà ba Váy được mục kích cảnh gia đình nhà Trịnh Huyền tan tác, rồi ông bị truy nã, bà đâm suy sụp nằm xuống ngã bệnh. Cụ tú Cao bắt mạch bảo rằng:

- Chị Ba hầu hạ anh Lý thập tử nhất sinh hơn một năm trời. Nay chị mới ốm cũng là do chị ấy có sức vóc hơn người. Chứ nói thật nhé, nếu chị Ba yếu sức như người ta, chắc đã đổ gục từ lâu rồi.

Cụ tú bắt mạch biết bệnh của bà ba Váy là tâm bệnh nhưng không nỡ nói ra, vì ông cụ chẳng lạ gì tính nết của ông lý Cỏn, cháu mình. Nếu ông cụ bảo chị Ba mắc tâm bệnh chắc lý Cỏn sẽ tạo ra những hậu quả chẳng biết đâu mà lường được. Ông cụ chẳng biết chút gì về chuyện ngày xưa của cháu dâu, song ông cụ rất ngạc nhiên khi Julien cho cắt đầu Trịnh Huyền đem bêu ở gốc đa đầu làng, thì bệnh trạng của bà ba Váy bỗng tăng lên, trầm trọng một cách khác thường. Ông cụ nghĩ chẳng lẽ có mối liên quan gì giữa căn bệnh và cái đầu lâu ấy. Tuy nhiên, ông cụ là người nhân từ, kín đáo nên không hé môi nói ra một lời.

Còn ông lý Cỏn, thấy bệnh của vợ lúc tăng lúc giảm, nghe cụ tú Cao giải thích vợ mình vì quá tận tụy chăm sóc mình hơn một năm trời nên sinh bệnh, ông Lý chẳng nghi ngờ gì cả, lại có phần cảm kích thương xót. Ông bảo

cụ tú cứ tìm những dược thảo tốt nhất cắt cho bà uống, tiền nong ông lo.

Lúc Cò Xuân từ gốc đa đầu làng về nhà, anh xộc ngay vào buồng mẹ. Hai mẹ con nhìn thấy nhau chẳng nói một lời, cả hai chỉ ứa nước mắt. Cò Xuân nắm tay mẹ mãi mới thốt một câu: "U ơi! U cứ yên tâm cho khỏi bệnh!". Người mẹ gật đầu, xiết chặt tay con. Mà lạ thật! Sự có mặt của người con như một liều thuốc tiên. Hai hôm sau, bệnh của bà ba Váy đã qua cơn nguy kịch. Cụ tú Cao mừng rỡ cứ nghĩ cái "tâm bệnh" hóa ra chỉ vì người đàn bà quá thương nhớ con trai mà sinh ra. Ông lý Cỏn bảo Cò Xuân:

- Con về thế là tốt. Đã cứu được mẹ mày. Con ra Hà Nội đã có thể yên lòng. Mẹ mày khỏi bệnh, nếu con lại thi đỗ cái bằng "đíp lôm", bố sẽ ăn khao.

Cò Xuân có vẻ thản nhiên trở lại thành phố. Tuy nhiên, anh hiểu bức điện không người gửi gọi anh về làng thực ra chỉ để cho anh nhìn mặt người cha đẻ của anh, ông Trịnh Huyền, lần cuối cùng. Lúc trở ra, đi qua gốc đa làng, anh không nói một lời, mà chỉ nhìn trân trân vào cái đầu lâu ruồi bâu kín mít. Anh không dừng lại, sợ người ta nghi. Anh chỉ khấn thầm trong lòng: "Con lạy cha ngàn lạy. Con đã quyết tâm. Con sẽ làm bằng được những điều mà con định làm".

Cái đầu lâu Trịnh Huyền bị bêu dưới gốc đa hơn một tuần. Bà Mùi từ núi Mẫu về làng, bà vừa đi vừa khóc nức nở: "Anh ơi là anh ơi! Sao anh lại chết thê thảm thế này...". Bà chẳng sợ gì cả. Bà bày đèn nhang dưới gốc đa, xõa tóc làm lễ, khóc than cho số phận long đong của người anh. Lính bắt giải đến gặp Julien.

- Bà quan hệ thế nào với tên phiến loạn? - Hắn hỏi.

- Ông Huyền là anh ruột tôi.

Julien cũng là người đàng hoàng. Hắn bảo:

- Việc ai làm người ấy chịu tội. Việc bêu đầu như vậy cũng đã đủ. Nể bà có thời đã là chị dâu tôi, vả lại hắn ta, Trịnh Huyền cũng là người lính khí tiết và quả cảm, tôi cho bà được phép chôn cất cái đầu lâu phiến loạn.

Bà Mùi đặt chiếc đầu người anh vào chiếc quả sơn son, đem chôn ở khu rừng Báng nằm phía sau đền Mẫu.

Năm ấy, Cò Xuân ngày đêm miệt mài học nhưng vì suy nghĩ nhiều nên trượt kỳ thi đầu hè. Chàng trai hầu như quên ăn quên ngủ. Người gầy rộc hốc hác. Song mắt anh sáng quắc vì ý chí sắt đá. Quả nhiên, kỳ thi thứ hai cuối hè, anh đã đỗ.

Ông lý Cỏn mổ bò ăn khao con trai đỗ bằng Thành chung. Khách hàng tổng đến mừng nườm nượp, cả ông chủ đồn điền Julien cũng đến mừng. Julien gặp Cò Xuân lần đầu tiên. Ông ta không ngờ ở chốn thôn quê heo hút thế này lại có một chàng trai khôi ngô và có học thức như thế. Một ông lý nhà quê đại cổ hủ như lão lý Cỏn mà lại sinh được người con trai như thế ư? Mới đầu Julien còn rất khó khăn nói chuyện với Cò Xuân, bởi vì ông ta thiếu chữ khi nói tiếng An Nam, vả lại cái giọng lơ lớ của ông làm cho người ta khó nghe, bản thân Julien cũng thấy khó chịu khi phải nói tiếng bản xứ. Cò Xuân nhận biết được ngay tâm lý của Julien. Anh chuyển sang nói chuyện bằng một thứ tiếng Pháp vừa phát âm hoàn hảo, vừa chuẩn về ngữ pháp. Julien hài lòng ra mặt. Thực ra, Julien có một nguyên tắc rất chặt chẽ trong đồn điền của

mình. Những kẻ hầu người hạ nào nói tiếng Pháp giỏi, ông ta sẽ trả lương cao. Julien bảo tiếng Pháp là thứ tiếng có âm thanh tuyệt hảo. Nghe ai nói hay, ta có thể tưởng tượng như tiếng chim hót. Julien muốn loại bỏ tiếng An Nam, thứ tiếng bản xứ nguyên thủy, bán khai, thứ tiếng của rừng rú dã man ra khỏi tòa nhà sang trọng của mình. Tìm mãi vẫn không gặp. Hôm nay được nói chuyện với Cò Xuân, ông ta sung sướng như người tìm thấy vỉa vàng. Julien hỏi ngay:

- Anh bạn trẻ có muốn đến làm việc ở đồn điền với tôi không? Tôi thích cái giọng nói tiếng Pháp của anh lắm. Anh học trường Tây phải không?

- Thưa ngài, tôi học trường Nam.

- Học trường An Nam mà nói được như thế sao? Phải nói cậu là người có năng khiếu. Ôi chao! Tôi phát khiếp vì cái tiếng tây giả cầy của quản Láu. Tôi cũng tởm lợm cái tiếng tây bồi dã man của lão quản Boong. Còn ông anh tôi nữa, ông ta phát âm bằng cái giọng ồm ồm. Nghe ông ta như phải nghe cái tiếng kèn bát làm chấn động lồng ngực con người.

Thấy Cò Xuân còn lưỡng lự, Julien bảo:

- Anh chớ băn khoăn. Tôi sẽ trả lương anh gấp đôi người thường. Hai mươi đồng Đông dương một tháng. Thế nào? Ưng chứ? Anh sẽ làm thư ký cho tôi. Còn suy nghĩ gì nữa. Học "díp lôm" xong, đi làm cho hãng buôn, người ta chỉ giả anh mười hai đồng là cao nhất. Vả lại, nếu anh làm tốt, tôi sẽ trả công cao hơn. Rồi, có thể, tôi sẽ giới thiệu anh với ngài công sứ. Ông ấy là bạn thân của tôi.

Sau hôm ấy, Cò Xuân nghiễm nhiên trở thành cậu ký đồn điền. Ngày ngày, cậu mặc com-lê trắng, thắt cà vạt đến làm việc cho Julien. Thầy trò rất tâm đầu ý hợp. Cậu Cò Xuân cũng tháo vát nhanh nhẹn. Thỉnh thoảng, cậu thay mặt ông chủ, đi làm việc với phủ với huyện. Có lúc, còn sóng đôi cùng ông chủ lên gặp quan công sứ trên tỉnh. Ông phủ có cô con gái út xinh đẹp, ông bắn tin nếu cậu Cò Xuân ưng thuận, ông cũng bằng lòng cho.

Sự thăng tiến vùn vụt của người con trai làm ông lý Cỏn nở từng khúc ruột. Bao nhiêu cái ốm đau trong ông bỗng tiêu tan hết, ông Lý đang rắp ranh định cưới bà vợ thứ tư. Trong lúc chồng và con đang vượng lên như thế, thì sức khỏe bà ba Váy, ngược lại, càng ngày càng sút. Bà chỉ khá lên khi gặp lại con, sau đó lại ốm trở lại. Bà ba Váy hôm nay đã hoàn toàn khác bà ba Váy ngày xưa. Người đàn bà hồng hào, đầy sức sống, lúc nào cũng tươi tắn, lúc nào cũng chỉ thấy chửa với đẻ, nay bỗng nhiên héo hon, gầy còm. Cái sức sống hừng hực của bà đã bay đi mất tự khi nào.

Cò Xuân là người điềm đạm, trầm tư. Anh ta không phải là kẻ dương dương tự đắc khi gặp thời. Anh ta chẳng nói với mẹ những lời to tát, nhưng người mẹ, chỉ nhìn vào mắt anh, cũng biết anh xót xa cho mẹ vô cùng. Cò Xuân đón đốc tờ về khám bệnh cho bà Ba. Ngoài chuyện héo hon gầy mòn, bà ba Váy còn mắc chứng u trầm, có khi ngồi cả buổi chẳng nói một câu. Đốc tờ cũng chịu bó tay. Lúc bấy giờ người ta mới chợt nhớ tới ông hộ Hiếu. Ông già điên khùng ấy còn sống may ra chữa nổi được bệnh cho bà Ba. Cụ tú Cao bảo nếu dùng thứ nấm mọc trên con sâu mà người Tầu gọi là "đông trùng hạ

thảo" may ra thì khỏi. Thứ nấm ấy có khi còn bổ hơn nhân sâm. Nếu bà Ba hồi phục lại được thì bách bệnh tiêu tán. Cò Xuân ra phố Phúc Kiến mua, các hiệu khách nói, năm ấy tỉnh Tứ Xuyên là nơi sản xuất thứ nấm đó đột nhiên rất hiếm hàng. Có vàng cũng chẳng mua được. Cụ Tú bảo: "Còn nhớ ngày xưa, ông thần rừng, ông ngoại Cò Xuân nói thứ nấm ấy trong rừng Cổ Đình cũng có".

Thế là Cò Xuân, ngày nọ qua ngày kia, lăn vào rừng đào đào bới bới, tìm thuốc cho mẹ. Có bận, người ta thấy anh con trai thì thào nói chuyện với mẹ. Người ta bảo, trong cuộc chuyện ấy, Cò Xuân thì chảy nước mắt, còn bà ba Váy thì cười. Như vậy, chắc đã có chút hy vọng. Một bận khác, người ta thấy Cò Xuân ôm tay chảy bê bết máu trở về. Hỏi ra mới biết anh ta đào phải hang rắn, bị rắn đợp ngón tay. Cò Xuân thật gan. Lập tức hắn kê ngón tay lên đá rồi dùng dao quắm chặt phăng. Gặp nạn thế mà hắn không chịu thua, vẫn hì hục vào rừng đào bới. Ông Julien nghe được chuyện càng quý mến người thư ký của mình.

Một ngày chủ nhật, được ngày nghỉ, Cò Xuân lại vào rừng. Anh ta đang đào bới thì một giọng oang oang cất lên:

- Chào cậu Cò Xuân.

Xuân ngẩng lên, thấy một người hơi thấp, đậm, râu ria xồm xoàm. Xuân hỏi:

- Bác là ai?

- Tôi là bạn của ông Trịnh Huyền, là thủ hạ của cụ đồ Tiết. Tôi là Mường Rổ cậu đừng sợ. Tôi còn biết cha cậu là ai... Ông Trịnh Huyền đã nói với tôi tất cả... Tôi cũng

còn biết cậu đang tìm thuốc quý cứu mẹ... Cậu tốt lắm. Tôi sẽ giúp cậu...

Người tướng cướp đáng sợ đang cười rất hiền lành với Cò Xuân. Ông ta nói một hồi dài làm Cò Xuân chưa biết phản ứng ra sao. Ông Mường Rồ giơ bàn tay hộ pháp, dày dặn và đầy chai của mình ra nắm lấy tay Cò Xuân. Cái bàn tay thư sinh vừa mềm vừa mỏng nằm lọt thỏm trong bàn tay như tay gấu của Mường Rồ. Đôi mắt đen láy, hơi nhỏ, sắc như dao trên khuôn mặt người tướng cướp nhìn không chớp vào mắt Cò Xuân. Ông ta nói:

- Chắc cậu đang tìm rắn chứ gì? Đúng! Đó là thứ thuốc tốt. Chẳng cần thứ nấm mọc từ con sâu. Thịt rắn cũng tốt chẳng kém gì nhân sâm. Nhất là loại rắn hổ mang bành. Thịt nó nấu cháo. Mật nó nuốt chửng. Cái đầu có nọc độc đem ngâm rượu uống. Bệnh gì chả khỏi. Cậu đi với tôi. Tôi biết hang của một con hổ mang chúa. Loại này mới tốt. Tuy nhiên, cậu phải thề với tôi là sẽ không hé môi nói hở ra với ai một lời.

Vậy là từ hôm ấy ông Mường Rồ dẫn Cò Xuân đi bắt rắn. Hình như người Mường có những phương thuốc bí truyền trong đó có vị rắn rất hiệu nghiệm trong chữa bệnh. Hình như ông Mường Rồ thích những loài rắn cực độc. Phải chăng những loại ấy mới có hiệu lực mạnh trong trị bệnh? Ông tướng cướp này rất tài tử, rất rề rà. Ông đã dẫn Cò Xuân đến nhiều hang rắn trong rừng, song hình như ông vẫn chưa muốn ra tay bắt. Ông chỉ dẫn cho Cò, muốn bắt rắn thông thường phải đi tìm cứt rắn. Thứ cứt đen sì có chút vàng chút trắng, mùi lại khẳn lên thế này là rắn cặp nia. Loại này cực độc nhưng nhỏ con, dài một mét là cùng. Thường

thường không tự nhiên tấn công người. Trông thấy người, nó lủi ngay, tuy nhiên bị nó cắn, chết là chắc. Ông lại dẫn Cò ra dòng suối. Mường Rồ bảo có lần đã thấy ở đây một con cặp nong khoanh đen khoanh vàng rất lớn. Con cặp nong bơi theo dòng nước, sát bờ; nó vừa bơi vừa lấy đuôi dập lên bờ cỏ. Chú nhái nào thấy động nhảy xuống nước, sẽ bị nó bắt ngay. "Đây rồi!". Ông Mường Rồ chỉ cái hang bên bờ suối. Ông lấy chiếc thuổng nhỏ giắt sau lưng bắt đầu đào. Ông Mường vừa đào vừa quan sát đất. Đào sâu chừng gang tay, ông lấy ra miếng đất, đưa lên mũi ngửi rồi quan sát tỉ mỉ. Cuối cùng ông kết luận "Mất công toi! Nó bỏ đi rồi cậu ạ. Đây cậu xem, miếng đất này khô và đã có mốc trắng. Tức thị nó không còn ở đây. Nếu nó vẫn ở trong hang, đất phải ẩm, nhẫn và không có mốc".

*

* *

Julien Messmer được một viên đại úy đồn trú ở Ban Mê Thuột mời vào vùng cao nguyên Trung Kỳ chơi. Julien lấy làm thích thú. Hắn bảo Cò Xuân:

- Kỳ này tôi đi săn bò tót. Cao nguyên Trung phần là chốn lý tưởng cho những nhà săn bắn. Ở đó đủ voi, hổ, bò tót... Rất thú vị! Lần này ông đại úy bạn tôi mời cả một tay săn người Mỹ ở Sài Gòn. Tổ chức một cuộc săn thú lớn rất phức tạp. Rồi tôi cũng phải dần dần dạy cho cậu biết các thú chơi cao cấp này, để vài năm nữa cậu có thể làm tùy tòng cho tôi trong những chuyến đi như thế này.

Trong lúc Julien đi vắng, Cò Xuân được nghỉ ở nhà chăm sóc mẹ. Ông chủ vào cao nguyên chừng hai mươi ngày. Cò Xuân sốt ruột vô cùng vì đã quá nửa số ngày

nghỉ rồi mà vẫn chưa được việc gì. Vẫn chưa tìm ra thứ làm thuốc cần thiết. Trong khi đó, ông Mường Rồ vẫn dềnh dang, bình chân như vại bảo: "Cậu cứ yên trí, đâu sẽ có đó". Đến lúc gần hết ngày nghỉ, ông ta mới kéo Cò Xuân đến một dốc núi, chỉ cho Xuân xem dấu đi nhẫn thín trong những bụi rậm dẫn đến một cửa hang kín đáo.

- Cậu thấy chưa - ông nói - Đây mới là con cần bắt. Chắc chắn con rắn này ở trong hang chưa bỏ đi. Mình đã quan sát rồi. Nó là con hổ chúa. Dài chừng hai sải tay. Cậu nhìn đây, cứt của nó vàng và đen. Cứt mới. Giống này không ỉa ngay cửa hang, mà ỉa xa một quãng. Nó là giống ở sạch. Tìm mãi mới được con này ưng ý.

Ông cầm bàn tay bị cụt ngón của Cò Xuân bảo:

- Bắt rắn mà cụt ngón tay như cậu là quá xoàng. Bắt những con rắn cực độc, ghê gớm như con này, sơ sẩy một chút sẽ mất mạng như chơi. Tôi đã phải tính toán tỉ mỉ, làm sao bắt nó thật gọn, thật nhẹ nhàng. Vì thế mới phải chậm. Bắt rắn mà nóng vội như cậu nguy hiểm vô cùng.

Thì ra trong những ngày qua, ông Mường phải tính toán, đan một cái rọ tre cật có thể đựng vừa con rắn khổng lồ. Phải tỉ mỉ làm cái hom vừa thật mềm êm, vừa thật cứng cáp, để khi con rắn đã chui vào rọ, sẽ không thể phá ra được. Trước khi đơm rọ vào cửa hang chính, ông hun khói để tìm cửa hang phụ, phòng con mãng xà có thể tẩu thoát ở nơi mà họ không đề phòng. Bằng cách bịt hết các ngách và để ngỏ cửa chính, hai chú cháu cũng phải mất nửa ngày mới bắt được con hổ phì chúa nặng tới gần chục cân.

Julien Messmer rất phấn khởi khi ở cao nguyên Trung phần về. Phấn khởi vì ông như một chiến binh từ chiến trường về cùng với những chiến lợi phẩm. Thứ nhất là một chiếc đầu bò tót với đôi sừng nhọt hoắt. Con bò này chính tự tay ông giết, chứng tích là một vết đạn xuyên giữa trán con vật hãy còn ghi dấu rành rành trên xương đầu bò. Ông vui vẻ nói với ông anh Pierre và Cô Xuân:

- Đời tôi, còn một ao ước nữa đó là tấm da một con hổ do chính tay tôi bắn. Tôi đã bàn với ông công sứ. Chúng tôi, sang năm, sẽ tổ chức một cuộc săn lớn. Tỉnh Hòa Bình chẳng thiếu gì hổ...

Julien nói thao thao bất tuyệt về chuyện săn hổ. Giá như Pierre chịu nghe, chắc ông có thể nói hết buổi.

Julien còn đem về đồn điền một chiến lợi phẩm thứ hai. Gọi là chiến lợi phẩm cũng được vì nó gắn với một cuộc chinh phục. Đó là cô nàng Jacqueline Nguyệt, một cô gái lai có đủ cái ưu việt của đàn bà An Nam và đàn bà Pháp. Cô ta có đủ cái cuồng nhiệt, đằm thắm, dai dẳng của một con báo non tơ, đồng thời có thừa cái hừng hực phóng túng của một loài chiến mã. Julien đã quá no đủ với những cô gái bản xứ xinh xinh lẳn chắc. Ông ta muốn tìm thấy ở cô gái lai này cả cái nhuần nhị đông phương và cả cái thoáng đãng tây phương.

Từ khi cô gái lai về đồn điền, Pierre dọn xuống ở tại dãy nhà làm việc, dành toàn bộ ngôi nhà chính cho Julien. Lúc ấy đang mùa nóng. Ấy thế mà ngôi nhà chính lúc nào cũng buông rèm. Ở đó luôn vẳng ra một điệu nhạc du dương và những tiếng cười. Người ta bảo suốt

ngày Julien chỉ mặc độc một chiếc quần đùi. Còn Jacqueline cũng vậy, trên thân thể chỉ có những mảnh vải che nhỏ tí xíu.

Một đêm tối trời. Lúc ấy đã gần nửa đêm. Đồn điền đang im ắng bỗng vang lên tiếng kêu thất thanh. Rồi cửa ngôi nhà chính bật mở. Cô Jacqueline Nguyệt gần như trần trụi chạy ào ra sân, mặt cắt không còn hột máu, miệng lắp bắp:

- Cứu! Cứu chúng tôi với!

Người trong đồn điền xô đến ngôi nhà chính. Đuốc đốt sáng trưng. Cô Jacqueline vú vê thổn thện, song chẳng chút ngượng ngùng. Cô nói lắp bắp chẳng ra đầu ra cuối:

- Nó phì phì, phì phì... Ối trời! Ghê gớm quá!

- Cái gì phì phì?

- Con hổ phì... Đầu nó rất cao. Sặc sụa mùi rượu... Đúng rồi!... Ai cho nó uống rượu... Ai đó thả vào... Nó to lắm... To bằng cổ chân... Nó vươn cái cổ bạnh... cao đến ngang ngực người ta... Phải rồi... Sặc sụa mùi rượu - Jacqueline đến lúc ấy vẫn còn lắp bắp, vẫn còn nửa mê nửa tỉnh.

Và dần dần, người nghe mới vỡ lẽ. Thì ra có một con rắn hổ mang bành, không rõ từ đâu tới, đã đột nhập vào ngôi nhà chính. Mà điều lạ lùng là con rắn đã được ai đó cho uống rượu.

Đám gia nhân thận trọng mở cửa. Họ vừa đi, vừa soi, vừa gọi to: "Ông chủ! Ông chủ!". Tuy nhiên, chẳng có tiếng đáp lại. Khi vào phòng ngủ, họ mới tìm thấy Julien nằm sõng soài trên nền nhà. Vẫn còn thoang thoảng mùi

rượu thật. Họ ra sức tìm khắp mọi xó xỉnh song không thấy bóng dáng con hổ phì ghê gớm như Jacqueline kể.

Pierre cuống quýt cấp cứu người em. Julien vẫn còn sống. Ông ta há mồm ra, thở khò khè. Người ta bàn mang ngay lên tỉnh. Nhưng Pierre nhanh trí, biết như thế không kịp. Ông hiểu đối với người bị rắn cắn, thời gian chỉ tính bằng giây bằng phút. Ông chợt nghĩ đến ông hộ Hiếu... nhưng ông già này đã chết rồi. Cuối cùng, Pierre mang Julien đến đồn binh Kẻ Đình đóng ở gần. Ông cầu may hú họa vì nhớ rằng ở đấy có một y tá. May mắn thay người thầy thuốc quân đội có sẵn thuốc chống nọc rắn. Người ta tiêm cho Julien một liều sê-rum trước khi đưa về Hà Nội.

Julien thoát chết, song từ đó cái của quý của anh ta bị rũ như con gà rù. Đối với một người quá say mê trò ân ái như Julien, sự mất mát ấy quả thực vô cùng to lớn. Julien đột nhiên thay đổi hẳn tính nết. Anh ta trở nên trầm lặng, thậm chí như ngơ ngác. Không biết nguyên nhân có phải vì chuyện ấy không. Người đồn điền bảo anh ta như kẻ si dần.

Trên tỉnh, quan công sứ cử cảnh sát về điều tra. Mọi người trong đồn điền đều bị thẩm vấn. Anh thư ký Cò Xuân cũng bị xét hỏi. Tuy nhiên, anh có chứng cứ ngoại phạm. Tối hôm ấy, Cò Xuân đánh chắn với ông Lềnh, quản Láu và quản Boong.

Một người phu đồn điền khai rằng, hình như tối hôm ấy, anh có thấy một bóng người lẻn vào khu nhà chính, song anh ta tưởng là một đầy tớ nào đó nên không hô hoán. Người ta lại bảo chắc đồng đảng của ông Trịnh Huyền đã đến báo thù.

2

Một đêm mưa gió, một bóng người mặc áo tơi lá, đội nón sùm sụp nhằm bóng cây đa làng Đình đi tới. Đã khuya nên đường về làng vắng tanh. Những đêm mưa gió thế này, những ông bình vôi ở cây đa làng đưa võng, va vào nhau lốc cốc, rồi những chiếc lá đa gặp gió run lên phành phạch, rồi những tia chớp xé rách bầu trời trước khi những tiếng sét kinh hoàng cất lên. Tất cả tạo nên một bầu không khí hoang đường. Ai mà ra khỏi nhà, đứng dưới gốc cây đa lúc này có họa là điên. Thế mà người đàn bà mặc áo tơi lá từ lúc nãy vẫn thành kính đứng trước cái ngai thờ "đại thụ linh thần". Không có lễ vật gì cả. Người đàn bà lấy sấm chớp làm đèn nhang, lấy những giọt nước mắt nức nở hòa cùng những làn nước mưa tầm tã làm quả nải dâng lên đấng thần linh. Vì thần linh nào chả giàu lòng thương xót. Người đàn bà vừa khóc vừa lầm bầm khấn vái. Có thể nỗi đau của người đàn bà phải ghê gớm lắm, chị ta mới đến đây cầu xin lúc mưa to gió lớn thế này.

Hình như lúc mới tới, người đàn bà e ngại điều gì nên cứ nhìn trước nhìn sau. Nhưng rồi thấy đường làng mãi chẳng có một bóng người, và mưa bão thì càng lúc càng lồng lộn dữ tợn hơn, người đàn bà áo tơi có vẻ yên tâm. Chị ta quỳ hẳn xuống trước ngai thờ, tiếng khóc đã phát ra thành tiếng. Gió mưa che lấp tiếng khóc, nhưng

những nhà gần đấy, sáng hôm sau, thì thầm với nhau rằng: "Đêm hôm trước, trong cơn mưa to, có ma về khóc ở gốc cây đa. Nghe thảm lắm. Rợn cả tóc gáy".

Người đàn bà áo tơi khóc một hồi lâu, chị ta đang cúi gục trước cái bệ gạch, chợt cảm giác như có ai chạm nhẹ vào sau lưng, chị ngẩng đầu ngoái lại nhưng không thấy gì. Chị lại cúi xuống, và lần này cảm thấy như có ai đương nhìn mình. Chị ngẩng đầu lên lần nữa. Đúng lúc ấy có một ánh chớp. Bầu trời chợt sáng lên giây lát nhưng cũng đủ để cho người đàn bà áo tơi trông thấy một bóng người trắng toát phía trước mặt. Rõ ràng là một người đàn bà với mớ tóc dài để xõa và chiếc áo trắng thùng thình, tay áo thụng che kín bàn tay. Cả cái váy cũng màu trắng và che kín bàn chân. Cái bóng trắng ấy đứng lơ lửng chân không chạm đất. Thế rồi ánh chớp phụt tắt để tất cả lại chìm vào bóng tối đen kịt. Người đàn bà áo tơi đã hoàn toàn nín bặt. Cái bóng trắng lạ lùng ấy làm chị ta quên đi trong phút chốc những nỗi riêng tư. Chị ta căng mắt nhìn vào bóng tối để tìm cái ảo ảnh màu trắng kia. Ở gốc đa linh thiêng này, thì bóng trắng kia có thể là thật. Ví dù có một bóng khác hoặc xanh, hoặc đỏ, hoặc tím, hoặc vàng nữa xuất hiện thì chị ta cũng thấy tự nhiên thôi, vì người dân ở đây vẫn tin rằng có nhiều cô nàng trú ngụ ở gốc đa này. Phía đằng đông chớp nhay nháy làm toàn thể bầu trời cứ như dãn ra rồi co lại. Mỗi lúc bầu trời dãn ra, hình như ánh sáng ở tận đâu đâu lại lọt vào để vùng bóng tối quanh cây đa cũng như được pha loãng. Lúc ấy, trong cái nhờ nhờ, người đàn bà áo tơi lại nhìn thấy bóng trắng. Ơ kìa! Cái bóng trắng đang giơ cao cánh tay áo thụng như vẫy gọi.

Người đàn bà áo tơi ngây ra một lúc, rồi khi cái bóng trắng đi theo con đường mòn ra đồng, chị ta cũng đi theo.

Người đàn bà áo tơi như bị mê ngủ. Người đàn bà áo tơi như bị thôi miên. Cái bóng trắng như ẩn như hiện. Nó dẫn chị ta lội bì bõm trong những đám ruộng nước. Nó dẫn chị ta leo lên những ngọn đồi, rồi xuống bãi cát bên bờ con sông Son. Người đàn bà áo tơi sở dĩ như bị thôi miên, vì trong đầu chị đang thủ thỉ một tiếng nói: "Ta biết rằng con đang vô cùng thất vọng. Lúc nãy, con khóc như mưa như gió, sao lúc này con chẳng khóc nữa đi. Khóc cho vơi nhẹ. Con đang nghĩ gì vậy?... Ồ không! Không phải thế đâu! Đời nào ta lại khuyên con làm như vậy...".

Lạ thật! Cái bóng trắng lại biết cả những ý nghĩ thầm kín trong đầu óc chị ta. Lúc nãy, người đàn bà áo tơi chợt có ý nghĩ, hay là cái bóng trắng muốn dẫn chị ta tới bờ nước. Rồi cái bóng trắng rẽ nước đi xuống đáy sông. Người đàn bà áo tơi chẳng ngại đâu. Có như vậy, chị cũng đi theo. Ở đáy sông, nước chắc mát lắm. Lại sạch nữa. Nó sẽ tắm rửa sạch sẽ cho chị từ trong ra ngoài. Và chị ta lại tinh khôi mới mẻ. Nhưng cái bóng trắng lại mắng mỏ chị ta về chuyện ấy. Tiếng nói trong đầu mách bảo: "Sống mới khó, chứ chết thì dễ quá. Đã là người thì phải sống. Làm ma mới chịu chết. Mà làm ma đâu có quý hóa gì. Chỉ khi nào không thể... không đặng... thì lúc ấy mới phải chịu buông tay".

Một chiếc thuyền nan không người đang bập bềnh ở mé sông. Cái bóng trắng dẫn dụ chị ta đến đó. Rồi cái bóng trắng đi lơ lửng trên mặt nước, dắt con thuyền qua sông. Người đàn bà áo tơi vẫn như mê ngủ. Cũng chẳng hiểu sao chị còn biết cầm chiếc mái chèo mà bơi đi sang

bờ bên kia. Cũng chẳng biết chị đã lần mò thế nào mà cuối cùng cũng tới được núi Mẫu. Mưa gió như thế! Mê man như thế! Kiệt quệ như thế! Nhưng rồi cuối cùng chị cũng gõ được cửa nhà bà đồng đền trên núi.

Lúc ấy gần sáng, bà Mùi đang mơ mơ màng màng, chợt nghe có tiếng động ngoài cửa. Bà mang đèn ra, hỏi ai đấy, rồi mở then cửa. Cánh cửa vừa hé ra, thì người đàn bà áo tơi ngã lăn theo. Bà Mùi vội vã dìu kẻ khốn khổ kia vào nhà. Quần áo chị ta ướt đẫm. Cởi chiếc áo tơi lá, bỏ chiếc nón sùm sụp trên mặt chị ta ra, bà Mùi bỗng kêu to:

- Nhụ! Ôi! Cái Nhụ!

Thì ra người đàn bà áo tơi lá ấy là cô con gái xinh đẹp, sau tai họa ngày hội, đã bỏ làng đi lưu lạc, nay đã trở về.

Bà Mùi thay quần áo cho cháu, đốt lửa sưởi ấm, rồi pha bát nước gừng nóng cho cô uống. Sau khi dìu Nhụ lên giường, bà Mùi đắp lên người cô chiếc chăn chiên. Nhụ thiếp ngay vào giấc ngủ. Cô ngủ liền một mạch suốt một ngày một đêm.

Từ lúc tỉnh dậy, Nhụ cứ ngây ra như người mất hồn. Bà Mùi phải khéo léo lựa lời để kéo cô ra khỏi những nỗi khủng khiếp mà chắc chắn cô đã trải qua.

- Thế chồng con, thằng Điều bây giờ ở đâu?

- Chồng con trốn đi Sài Gòn... hay Cao Miên gì đó...

Bà Mùi thì thầm:

- Cũng phải thế thôi. Phải trốn đi biệt tăm biệt tích... chứ nó bắt được thì khốn. Người ta bảo lão tây Julien bị chém vào đầu, trở nên rồ rồ điên điên... Ừ! Mày trở về làng là phải... Mình là đàn bà... Còn nó phải trốn trốn lủi

lủi... Đi theo nó chỉ tổ vướng chân... Rồi bịn rịn nhau, có khi gây họa...

Cô con gái chợt khóc nức lên, bà Mùi cũng chảy nước mắt theo cháu:

- Thảm lắm con ơi... Thế cháu đã biết... thầy mày...

- Cháu biết rồi... Lúc về đầu làng... cháu đã khấn vong linh thầy cháu ở gốc đa... Thế rồi chẳng biết làm sao... có bóng trắng hiện lên dẫn con về đây với cô... chắc là bóng Mẫu. Không có bóng Mẫu... thì con đã trẫm mình xuống sông rồi.

Nhụ bỗng khóc òa. Bà Mùi vội ôm lấy cháu, vỗ nhè nhẹ vào lưng. Sự đụng chạm vào thân thể người con gái chợt nhắc bà một điều quan trọng mà bà cần hỏi.

- Thế... Thế...

Khi thay quần áo cho Nhụ, bà Mùi đã trông thấy cái bụng lùm lùm của Nhụ. Phải nói bà mừng lắm. Nhưng lúc nãy, tại sao nó lại bảo định đâm đầu xuống sông? Câu nói ấy thực sự đã làm cho bà lúng túng, bà hiểu có điều gì trắc trở đây mà bà chưa biết. Và bà cũng hiểu mình phải rất gượng nhẹ. Lòng dạ đứa cháu gái lúc này khác nào cái vỏ trứng mong manh. Bà Mùi đã là bà lang chữa bệnh cho bao nhiêu người đàn bà, nên bà hiểu sự gượng nhẹ là thế nào. Bà biết lời nói cũng là một phương thuốc nên bà tỉ tê:

- Con gái có mang lần đầu cần được nhẹ nhàng, thong thả. Thế mà cháu của cô chịu vất vả nhiều quá. Cháu không lo nữa... bây giờ có cô rồi...

Cô con gái vẫn khóc. Nhụ giấu đầu vào mái tóc bà để khóc. Bà Mùi vẫn vỗ về cô:

- Thế thằng chồng cháu... nó có nhẹ nhàng với cháu không? Hay là... cực nhục quá, nó sinh ra gắt gỏng.

- Cô ơi! Anh ấy tốt với cháu lắm... Nhưng cháu khổ lắm. Cháu chỉ muốn chết thôi cô ạ. Cháu có mang tủi nhục quá cô ơi.

Người cô chợt mang máng điều gì. Nghĩ một lát, bà chợt giật mình. Bà nắm lấy hai vai người cháu, đỡ Nhụ ngồi thẳng dậy, rồi nhìn vào mắt cô gái và hỏi:

- Cháu đừng nói dại. Cháu sắp làm mẹ. Mà làm mẹ thì phải vững vàng... cho đứa con nó nương dựa. Dù có thế nào chăng nữa... làm mẹ cũng là vui sướng. - Bà thở dài - Như cô đây, cô chẳng có con ... Bây giờ cháu là con của cô. Cô hiểu rồi. Con không cần phải nói gì nữa. Đứa bé là... con của ngày hội chứ gì?

Người con gái khóc òa. May mắn thay Nhụ đã trở về làng, trở về với người cô, trở về núi Mẫu.

Nếu như không có cái bóng trắng ở gốc đa đưa đường, chắc đêm hôm ấy Nhụ đã đâm đầu xuống sông rồi. Bởi vì, khi trở về làng, Nhụ đã có ý định ấy. Cô Mùi bảo: "Tâm động quỷ thần tri. Vì phận con long đong quá, vì con thống thiết quỳ lạy trước vong linh người cha bạc phận, nên đúng là Mẫu đã hiển hiện cứu con".

"... Mẫu đã thương xót đưa dắt con trở về đây, tức là Người sẽ che chở cho con. Sống với Mẫu, con sẽ thấy thảnh thơi, vơi nhẹ...".

Cô Mùi bảo thảnh thơi, vơi nhẹ, nhưng thực ra lòng dạ Nhụ lúc nào cũng thấp thỏm. Cô chỉ sợ... Cô rất sợ đứa con oan nghiệt, đứa con của sự cưỡng đoạt, đứa con của ngày hội, lúc ra đời lại khác thường. Sự khác thường ấy

sẽ là sự đánh dấu, sẽ là nỗi khốn khổ cho mẹ nó, và nhất là cho chính nó. Bởi vì ở làng quê, kẻ khác thường bao giờ cũng có một số phận nếu không phải tủi nhục, thì cũng long đong. Do vậy, sáng nào, tối nào, Nhụ cũng dâng hoa cúng Mẫu, ngày đêm cô cầu xin Mẫu để cho đứa con cô được giống mọi người. Cô đã là mục đồng nên cô mong con cô như một con bê non. Nếu đem thả nó vào đàn bò, con bê ấy xin đừng khác với mọi con bê, con bê ấy xin được các bò bố, bò mẹ chấp nhận là đứa con trong đàn.

Lời cầu xin ấy may mắn đã được thỏa nguyện. Tới ngày, Nhụ sinh được một bé gái. Con bé xinh xắn lạ thường. Mới ra đời tóc đã rậm rì và đen láy. Nhụ thở phào. Mẫu đã thương cô. Đứa con ấy chẳng lạ thường. Con bê non đã giống như muôn vàn con bê khác. Con bé đã đem lại cho Nhụ bao nhiêu niềm vui. Con mắt to. Đôi lông mày dài. Cái mũi xinh xinh thanh tú. Cái miệng lúc nào cũng cười. Lúc bà mụ đưa đứa bé cho Nhụ ẵm, người mẹ trẻ sung sướng mà không ngăn được những dòng nước mắt rơi lã chã. Bà Mùi ôm lấy đứa cháu đỏ hỏn, rồi mắng yêu:

- Cha bố cô! Hay chưa! Sao mà lắm nước mắt thế! Buồn thì khóc đã đành. Vui cũng khóc được ư.

Lại nói về đồn điền Messmer. Sau cái đêm con rắn khủng khiếp xuất hiện ở ngôi nhà chính, Julien phải đưa về nhà thương Đồn Thủy. Julien thoát chết nhưng khi trở về đồn điền, tính nết ông hoàn toàn đổi khác. Trước kia ông năng nổ hoạt động bao nhiêu thì bây giờ ông khép kín và lặng lẽ bấy nhiêu. Săn bắn, cưỡi ngựa là những thứ vui ông ham mê trước đây, bây giờ súng săn để gỉ, ngựa hồng cả tháng chẳng được lắp yên. Đến

chuyện đàn bà, đó là thứ vui lúc nào cũng làm sôi sục trái tim ông; ngày nay, trông thấy họ, ông dửng dưng. Suốt ngày, ông giam mình trong ngôi nhà chính để đọc sách. Ông René từ Hà Nội về chơi, thấy vậy mừng lắm. René bảo:

- Ông ta đọc sách, tức là đã trở thành con người chín chắn.

Còn Pierre lại lo ngại vì sự quá ư chăm chỉ đọc sách của người em. Cho tới một đêm, Julien đang ngủ chợt choàng thức dậy. Pierre cứ thấy buồng người em lục sục suốt đêm. Sáng ra, người anh hỏi nguyên nhân; người em trả lời tự dưng bỗng ngửi thấy một mùi rất khó chịu làm cho không tài nào ngủ được. Phải bật dậy tắm rửa mới thấy yên tâm. Cái mùi ấy mới đầu toát ra từ khắp thân thể, về sau đọng lại ở hai bàn tay. Julien luôn luôn đưa tay lên mũi ngửi, rồi luôn luôn phải rửa tay. Mới đầu, mỗi ngày rửa năm sáu bận; về sau mỗi ngày rửa tới vài chục bận. Pierre cầm tay Julien đưa lên mũi mình ngửi, song chỉ thấy thơm mùi xà phòng, tuyệt nhiên chẳng nhận thấy mùi gì khác lạ. Hỏi thì Julien trả lời cái mùi ấy kinh khủng lắm, nó làm cho ông ta buồn nôn. Mới rửa, mùi đỡ hẳn, nhưng chỉ mươi phút sau lại ngửi thấy ngay. Hình như mùi ấy từ lỗ chân lông toát ra.

Pierre biết em mình mắc bệnh. Người họa sĩ mời bác sĩ Alexandre về khám cho Julien. Bác sĩ khám xong, còn tự mình đánh xe đưa Julien về Hà Nội, nhờ một người bạn, một giáo sư trứ danh từ Paris sang khám cho. Cả hai người cùng khuyên Pierre nên đưa Julien về Pháp chữa bệnh. Họ bảo chứng này là hoang tưởng khứu giác. Julien buộc phải trở về Pháp.

Từ đó, họa sĩ Pierre trở thành ông chủ đồn điền bất đắc dĩ. Đó là triều đại thứ ba của dòng họ Messmer ở đất Kẻ Đình. Pierre bảo rằng ông không có tố chất một nhà kinh doanh. Ông chỉ quản lý tạm thời để chờ người cháu là André trưởng thành. André là con của người anh cả Philippe và bà Hélène. Người cháu đang học đại học, sau này tiếp nhận đồn điền, anh ta là người thứ tư kế nghiệp. Người sinh viên này chưa sang, nhưng đã viết thư cho ông chú Pierre và nói rằng: "Nếu để mất đồn điền thì đâu còn niềm vinh quang kiêu hãnh của dòng họ Messmer. Cháu đang học canh nông, ngoài ra còn học thêm cả Đông phương học. Cháu thích xứ Đông Dương mặc dầu chưa đặt chân qua đấy. Thuở nhỏ, cháu được mẹ dạy dỗ để sợ hãi cái xứ sở nguyên thủy hoang sơ, đầy bất trắc và phì nhiêu ấy. Nhưng mẹ cháu càng nhồi nhét vào đầu cháu những điều đó thì cháu lại càng âm thầm đi ngược lại những điều bà nói. Cháu thường lén đọc những bức thư mà ba cháu gửi về từ Đông Dương. Cháu yêu mẹ, nhưng cái tính khí can trường, đi mở rộng vinh quang, đi chiếu rọi ánh sáng của nền văn minh Pháp tới những vùng đất mới làm cho trí tưởng tượng bay bổng của cháu được thỏa mãn...".

Người chú đọc xong lá thư của người cháu, vừa thấy vui, vừa thấy buồn. Ông vui vì người con trai độc nhất của gia đình Messmer đã lớn thật rồi. Anh ta đã thành người đàn ông. Còn buồn vì sao ông cũng chẳng biết nữa. Không hiểu sao ông lại nhớ tới một câu nói của ông già Lềnh bên bàn đèn thuốc phiện. Ông ta bảo:

- Ông chủ Pierre có biết không. Người An Nam gọi người Tầu chúng tôi là "chú khách". Hay thật! Người

Tầu chúng tôi sang xứ này đã từ hơn hai nghìn năm trước, lại cai trị xứ này một nghìn năm. Thế mà chúng tôi vẫn là khách... Khi mới sang xứ An Nam này, nghe họ nói như thế, tôi rất tức. Tôi không chịu...

- Còn bây giờ thì sao?

- Bây giờ à? ... Bây giờ thì tôi chịu.

Nói xong, ông già Tầu cười phá lên, cười rất to. Ông nheo nheo con mắt nhìn Pierre. Người họa sĩ cứ nhớ mãi cái ánh mắt của ông già Tầu. Cái ánh mắt muốn nói nhiều mà không nói.

Một hôm, René về chơi, rủ Pierre lên thăm đền Mẫu. René, từ khi được Pierre cho xem mấy bức tranh "Lên đồng" của họa sĩ Tuấn, tỏ ra chú ý đến đạo Mẫu. Ông đã viết một bài về lên đồng trong cuốn "Tín ngưỡng và tôn giáo của người An Nam", tuy nhiên, ông chưa thỏa mãn và muốn tìm hiểu sâu hơn.

Hai người lên đến sân đền, bắt gặp bà Mùi đang chơi với một em bé gái chừng ba, bốn tuổi. Con bé bụ bẫm, tóc để cun cút. Cả đầu cạo trọc, chỉ còn mớ tóc đen đằng trước xõa xuống trán. Nó mặc chiếc quần lửng quá đầu gối. Áo may bằng vải đỏ, thứ vải lấy từ tấm trướng cũ phá ra may. Có lẽ đó là tấm trướng của một nhà giàu, con mắc bệnh nặng được bà Mùi chữa khỏi đã đem tặng, trên đó ca tụng công đức của bà đồng kiêm bà lang. Tấm trướng cũ đã phai màu, bà Mùi bóc chữ nho đi rồi lấy vải; may cho cháu để lấy khước. Đứa bé một tay chống nạnh, một tay cầm cái quạt, hát bi bô một câu gì đó. Chắc nó bắt chước mẹ nó.

Pierre trông thấy đứa bé mặt sáng ngời ngời đáng yêu

quá. Ông thích cái áo đỏ đặc biệt. Những chữ nho đã được bóc đi nhưng còn để dấu vết in trên nền vải. Thành thử cái áo như được trang trí bằng những chữ tượng hình lạ mắt. Từ hồi thuê nhà bà ba Pháo, Pierre đã biết cách khéo léo thu hút trẻ nhỏ. Lúc nào trong túi ông cũng có kẹo. Vì vậy ông làm quen ngay được với bé gái. Bà Mùi cũng rõ tính tình tử tế của Pierre từ khi bà còn ở với ông Philippe, nên niềm nở tiếp đón người họa sĩ ngoại quốc. Pierre nói bằng thứ tiếng Việt rất sõi:

- Em chào bà chị. Đứa trẻ nào vậy? Tên nó là gì?

- Cháu ngoại tôi đấy. Tên nó là Nhị.

- Em tưởng... Người họa sĩ tây tỏ vẻ ngạc nhiên nhưng không dám nói hết câu.

- Ừ... Nó là cháu ngoại vì mẹ nó là cái Nhụ.

- À à... Như vậy là em hiểu rồi... Ôi chao! Con bé đáng yêu quá... Chị giúp em một chút nhá... Chị ôm lấy cháu cho em vẽ cả hai bà cháu.

Và thế là khi ông René đi thăm thú ngôi điện, đứng xem bức tranh cô Chín đền Sòng trên tường, rồi ngắm nghía đôi bạch xà, những chiếc nón... thì Pierre cặm cụi ngồi vẽ bà Mùi và bé Nhị. Chẳng phải chỉ vì cái cun cút ngộ nghĩnh trên đầu con bé, cũng chẳng phải chỉ vì cái áo vải đỏ độc đáo mà Pierre vẽ bé Nhị. Khi nhìn thấy đứa bé, lòng người họa sĩ đột nhiên như rung lên. Có cái gì ở con bé thật gần gũi, thật thân thương mà Pierre không hiểu nổi. Khuôn mặt con bé thanh tú lạ thường, thông minh lạ thường. Ừ, mà sao con bé lại dễ làm quen với mình thế nhỉ?

Cuộc đi thăm đền Mẫu hôm ấy rất bình thường

nhưng không hiểu sao nó để lại cho Pierre một ấn tượng rất lạ lùng; cũng có thể nói, lòng ông đột nhiên xao xuyến. Tại sao lại xao xuyến? Khi ông đến, rõ ràng đứa bé hồn nhiên, tươi vui. Nhưng khi ông vẽ, khi đứa bé quàng tay vào cổ bà nó và tròn mắt nhìn ông, thì chao ơi! Sao đôi mắt con bé buồn đến thế. Đúng! Đôi mắt bé Nhị rất buồn. Rất hiếm khi ta gặp trẻ con buồn. Trẻ con có thể khóc nhưng không buồn. Và trẻ con đã buồn ra đôi mắt thì, chao ôi! Thật nao lòng. Ông không muốn nghĩ đến đôi mắt trẻ thơ ấy nữa. Vì nghĩ đến nhiều, chúng như một lời trách móc.

Tối hôm ấy, Pierre và René lại đến cuối khu vườn bưởi, đến bàn đèn của ông Lềnh. Người đầu bếp Tầu khi ấy đã già lắm rồi. Ông già không làm việc được nữa, nhưng Pierre vẫn để cho ông ta ở trong căn nhà nhỏ. Ông ta vốn tằn tiện, định dành dụm để mở một hiệu thuốc. Bây giờ thì chả cần cái cửa hiệu ấy nữa rồi, vì ông sống độc thân, chẳng vợ chẳng con. Do vậy, ông đem số tiền để dành đó ra mua thuốc hút dần dần. Cả đến việc này ông cũng có kế hoạch. Số tiền đủ cho ông hút hơn mười năm nữa. Khi ấy ông cũng đã gần chín mươi. Không biết có còn sống được đến ngày ấy không.

Ông Lềnh già, nhưng cái thói quen tán chuyện của ông lại không hề già chút nào. Cũng có thể nói ông càng già tán chuyện càng hay. Đêm nay, ông nói với hai người bạn Tây về những người đồng hương của ông:

- Người Trung Hoa chúng tôi sang nước An Nam này kéo dài suốt hai nghìn năm nay. Có người sang làm quan, có người sang buôn bán, nhưng phần đông sang để trốn tránh loạn lạc, hoặc vì nghèo khó phải đi tìm nơi đất

lành chim đậu. Ở nước tôi có lắm cuộc loạn lạc, thay đổi triều đại, nên mỗi lần lại có một đợt di cư. Đi bằng đường bộ thì núi cao sông dài, lam sơn chướng khí, khó mà đến nơi còn sống sót. Do vậy, phần đông chúng tôi sang bằng tầu thuyền. Nước An Nam dài dằng dặc, lại nằm sát biển, nên thuyền đến đâu cũng có thể lên bờ được. Vì chúng tôi di cư đến bằng tầu bằng thuyền, nên dân gian gọi chúng tôi là người Tầu...

- Chúng tôi chẳng đến xứ này bằng tầu hay sao? Sao họ chẳng gọi chúng tôi là người Tầu? - René hài hước nói.

- Vì các ông đến sau, lại mới đến, nên chữ Tầu đã dành cho chúng tôi mất rồi. Còn điều này nữa, người dân xứ này hiếu khách, nên họ đối đãi với chúng tôi như khách. Họ gọi chúng tôi là chú khách.

- Chúng tôi chẳng là khách hay sao? - René lại hỏi.

- Đúng! Các ông cũng là khách nhưng lại muốn làm chủ. Chúng tôi cũng đã có lúc như vậy. Nhưng điều ấy chỉ gây ra những nỗi buồn... Có một điều làm tôi suy ngẫm rất nhiều, đã từ lâu lắm rồi. Đó là: Nước chúng tôi là một nước văn hiến hơn xứ sở này; vậy tại sao rất nhiều người sang đây, lại không bao giờ quay trở về quê cũ, để cuối cùng trở thành người xứ này?

René nghe vậy đã định tranh cãi song lại ngồi yên. Ông Lềnh cũng đoán được ý nghĩ của nhà dân tộc học, liền cười và nói:

- Tôi cũng hiểu chả thiếu gì người xứ này muốn trở thành người chúng tôi hay người các ông, song tôi chỉ muốn bàn tới điểm tại sao người chúng tôi lại muốn trở thành người xứ này. Điều phải bàn là tại sao người ta có

thể muốn từ cao xuống thấp. Có thể nguyên nhân là người đàn bà chăng? Người đàn bà là Mẫu, là Mẹ - Người đàn bà là Đất xứ sở. Người đàn bà là văn hiến. Mà người đàn bà xứ này có hai điểm để cho nhiều người đàn ông muốn lập sự nghiệp yêu thích, đó là sự đằm thắm và sự gánh vác cam chịu... và những đứa con của họ mới tuyệt vời làm sao. Những người bạn của tôi lấy vợ An Nam đều nói: "Chúng tôi có thể hoàn toàn yên tâm nhắm mắt vì những đứa con họ đã sinh cho chúng tôi".

Pierre gật gù, anh nghĩ miên man tới nhiều chuyện nhưng anh không nói ra. Anh chỉ cười và bảo:

- Ông Lềnh là người hoan nghênh những đứa con lai.

René ngẫm nghĩ mãi mới cất lời:

- Tôi còn nhớ một câu nói của một nhà văn Đức: "Nul ne se promène impunément sous les palmes" (chẳng ai đi dưới bóng hàng cọ mà lại không hề hấn gì). Phải chăng, khi ra khỏi bóng hàng cọ, ta sẽ chẳng còn giống như xưa? Ở đời, trong cuộc chơi, cả hai bên đều phải đi qua dưới bóng hàng cọ.

*

* *

Một bận, Xuân lên đền Mẫu. Nhụ dẫn anh ra khu rừng Báng thăm mộ ông Huyền. Ngôi mộ bà Mùi chỉ chôn mỗi cái đầu của con người đánh đàn tài hoa. Bây giờ, Xuân và Nhụ đã nhận anh em. Xuân bảo: "Thầy đẻ ra anh. Còn cô được thầy nuôi nấng yêu thương từ tấm bé. Cô là em anh. Anh có bổn phận chăm sóc cho mẹ con cô".

Xuân thắp hương trước mộ. Nhụ đi đánh những bụi cúc dại trồng quanh mộ. Xuân ngồi trên cỏ, nhìn khói

hương ngẫm nghĩ. Từ cái buổi mới gặp ông Huyền lần đầu tiên anh cứ suy nghĩ mãi về khuôn mặt ấy. Tại sao gương mặt ông lại một nửa đẹp đẽ, còn nửa kia quái dị? Trải qua những biến động trong làng xóm, lúc này hình như anh đã hé nhìn thấy một điều gì đó. Điều ấy có lẽ là câu hỏi day dứt của những người như anh, như Tuấn, như Huy, như cụ tú Cao cụ đồ Tiết và rất nhiều người khác. Tuấn ra đi thật xa để nhìn về gần. Huy dấn vào con đường bão tố. Phải chăng cũng vì điều ấy. Còn Xuân, sinh ra từ ngôi làng, từ hoàn cảnh éo le, anh hiểu trong lòng anh có cả tiếng đàn ngọt ngào của người cha và cả nửa khuôn mặt xấu xí kia. Nhưng dù sao đó là khuôn mặt của người đã sinh thành ra anh...

Đứa con gái nhỏ xíu của Nhụ theo mẹ đi đánh hoa dại. Con bé nói chưa sõi, nhưng đã biết líu lo hát câu gì đó. Hai mẹ con bỗng cười giòn. Xuân hỏi:

- Nó hát thế nào, anh nghe không rõ.

- Chẳng là em vẫn ru con bé ngủ bằng câu hát ấy. Và con bé đã nhập tâm. Câu hát thế này:

Người đâu đẹp lạ đẹp lùng.

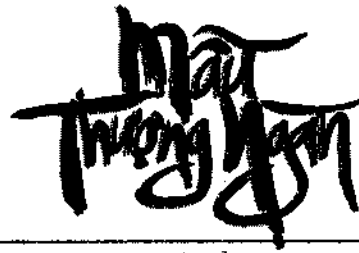
Rõ ràng cô Chín đền Sòng giáng lâm.

Rồi Nhụ nói thêm:

- Anh ạ, ngày xưa có lần mẹ em bảo: "Đã là người ta, con ơi, ai chẳng là con của Mẫu". Cho đến hôm nay em mới hiểu rõ câu nói ấy.

2001-2005

NGUYỄN XUÂN KHÁNH



Chịu trách nhiệm xuất bản: Mai Quỳnh Giao
Chịu trách nhiệm bản thảo: Nguyễn Thu Hà
Biên tập: Thanh Bình
Bìa & trình bày: Ngô Xuân Khôi
Sửa bản in: Thanh Vân

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ
39 Hàng Chuối - Hà Nội.
ĐT: 9.717979 - 9.717980 - 9.710717 - 9.716727 - 9.712832.
FAX: 9.712830
E-mail: nxbphunu@vnn.vn
Chi nhánh:
16 Alexandre De Rhodes - Q. I - TP Hồ Chí Minh. ĐT: 8.234806

In 2.000 cuốn, khổ 13,5x20,5 cm tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam, 167 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Giấy chấp nhận KHXB số: 51-2007/CXB/12-01/PN ký ngày 16/1/2007. In xong và nộp lưu chiểu quý I/2007.

Mẫu Thượng Ngàn

Mẫu Thượng Ngàn là cuốn tiểu thuyết về văn hóa phong tục Việt Nam được thể hiện qua cuộc sống và những người dân ở một làng quê bán sơn địa Bắc Bộ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Trong bối cảnh Pháp xâm lược Việt Nam, đạo Phật suy tàn, đạo Khổng bị gạt bỏ, đạo Thiên chúa đang lan rộng, người dân quê trở về với đạo Mẫu - một tôn giáo có từ ngàn đời.

Mẫu Thượng Ngàn cũng là cuốn tiểu thuyết lịch sử xã hội về Hà Nội cuối thế kỷ 19, gắn với việc người Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai, việc xây Nhà Thờ Lớn, cuộc chiến của người Pháp với quân Cờ Đen...

Mẫu Thượng Ngàn còn là câu chuyện tình yêu của những người đàn bà Việt trong khung cảnh một làng cổ. Đó là tình yêu vừa bao dung, vừa mãnh liệt của những người phụ nữ với bao nỗi đắng cay, đầy chất phồn thực, bi, hài hòa quyện với mộng mơ và cao thượng.

Tác giả của Hồ Quý Ly một lần nữa chứng tỏ bút lực mạnh mẽ, sâu sắc, trữ tình qua cuốn tiểu thuyết đầy ấn tượng Mẫu Thượng Ngàn.

Mẫu thượng ngàn
8 935069 900980
Giá: 94.000đ